

Surangama sutra



Śākyamuni Buddha

Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm



Śākyamuni Buddha

The Surangama Sutra

(Leng Yen Ching)
Chinese Rendering by
Master Paramiti of Central
North India at Chih Chih Monastery,
Canton, China, A.D. 705

Commentary
(abridged) by
Chan Master Han Shan (1546-1623)

Translated by
Upàsaka Lu Kuan Yu
(Charles Luk)

Kinh Thủ Lăng Nghiêm

Sa-môn Bát-thích Mật-đế người Trung
Thiên Trúc dịch vào đời Đường.

Thích Duy Lực
Dịch từ Hán sang Việt và lược giải

Foreword

Right view is the first path in the eight-fold path. This sutra provides the “right view” on things around us, to lay the solid foundation to build the knowledge to understand all the Buddha teachings.

At the time, this sutra was considered national treasure by India and was forbidden from bringing it outside. Master Paramiti, after many failed attempts to get a copy to China, had to put it into a silk cloth in fine prints and then surgically implant it into his arm to be able get it to China. That’s why Venerable Master Hsuan Hua emphasizes the importance of this sutra.

The Vietnamese translation of the Surangama Sutra from Venerable Thích Duy Lực is the most popular but there are many “Chinese rooted” Vietnamese words used and are difficult to understand. The English translation in this case would clarify the meaning. On the other hand, in the English translation, there are traditional spiritual terms that don’t have the equivalent in English due to fundamental differences in culture. In this case, the Vietnamese translation is better.

Moreover, in the English translation, there is a section about the Surangama Mantras that was not translated and is omitted due to the thought that at the time, Westerners were not interested and would think it was superstition. Now a day, more Westerners are practicing Buddhism and citing mantras. So the translation of this section was derived from the English translation of Venerable Master Hsuan Hua teaching on this sutra.

The word “surangama” in Sanskrit means, according to Master Hsuan Hua explanation, “the ultimate durability of all phenomena”.

The Vietnamese translation divides the Sutra into 10 volumes whereas English version organized the sutra into 8 volumes. So, the titles of volumes and chapters and are different between the two, the pages of the text are organized to closely match between the 2 translations.

Hope this provides a mean to help bridge the gap for younger Vietnamese generations overseas, who are interested in studying Buddhism,

Minh-Không

Lời mở đầu

Chánh kiến là con đường thứ nhất trong Bát-Chánh-Đạo, Kinh Thủ Lăng Nghiêm dạy cho ta thế nào là chánh kiến về vạn vật quanh ta. Kinh này cho ta những viên đá đầu tiên làm móng vững chắc để học hỏi những điều Phật dạy.

Thời bấy giờ, vua Ấn-Độ tuyên bố kinh này là quốc bảo trấn nước. Thành thử kinh không được chép đem ra ngoài Ấn-Độ. Bát-thích Mật-đế, sau nhiều lần thất bại đem bản chép kinh này về Trung-hoa, cuối cùng phải chép lên tấm lụa mỏng với chữ thật nhỏ rồi mổ giấu vào bắp thịt tay mới đem được kinh này về Trung-Hoa. Vì vậy, Hòa-Thượng Thích Tuyên Hóa nhấn mạnh tầm mức quan trọng của kinh này.

Bản dịch Kinh Thủ Lăng Nghiêm của Hòa Thượng Thích Duy Lực có lẽ là bản dịch tiếng Việt phổ thông nhất. Nhưng trong đây, nhiều từ Hán-Việt được dùng cho sát nghĩa của kinh thành ra hơi khó hiểu cho giới trẻ không quen tiếng Hán-Việt. Bản dịch tiếng Anh thì sang tỏ hơn trong những trường hợp này. Tuy nhiên, bản tiếng Anh lại có khiếm khuyết ở những chỗ về tâm hay duy thức vì từ tiếng Anh không đủ do cách biệt giữa văn hóa Đông-Tây. Ở những chỗ này, bản tiếng Việt lại rõ nghĩa hơn.

Hơn nữa bản tiếng Anh lại bỏ đoạn Kinh về nghi lễ thiết lập "Lăng Nghiêm Đàn," ngay cả Chú Lăng Nghiêm cũng bị loại bỏ. Vị dịch giả ấy nghĩ rằng người Tây phương chẳng ai tin Chú Lăng Nghiêm và cũng chẳng ai tụng chú này, bởi họ cho rằng chú là những gì mê tín và không tin ở công dụng của Chú. Ngày nay nhiều người Tây-Phương tụng kinh và cả chú nữa. Vì vậy, trong bản song ngữ này, phần về chú được trích trong bản dịch tiếng Anh từ bài giảng của Hòa Thượng Tuyên Hóa.

Chữ "Thủ-Lăng-Nghiêm" do tiếng Trung-Hoa dùng để phiên âm tiếng Phạn "Su" (thủ), "rangama" (lăng-nghiêm). Khi dịch ra tiếng Hán-Việt thì âm lại càng sai khác. "Thủ" ở đây không có nghĩa là "tay", cũng như "bát-nhã" dùng để phiên tiếng Phạn "prajna" chứ không phải "bát" là "tám" cái gì. "Thủ-Lăng-Nghiêm" trong tiếng Phạn có nghĩa là "đại định", Hòa-Thượng Tuyên-Hóa giải thích là "bền chắc nhất trong tất cả mọi thứ."

Bản tiếng Việt chia kinh này ra 10 quyển trong khi bản tiếng Anh chia ra 8 quyển. Thành thử, tựa đề những quyển hay những chương có hơi sai biệt. Nhưng các trang dịch Anh-Việt đã được cố gắng ghép lại cho phù hợp với nhau.

Mong bản song ngữ này giúp các giới trẻ tìm hiểu đạo Phật được dễ dàng hơn.

Minh-Không

Translator

Lu Kuan Yu's translation from the Chinese of this important sutra is based on Chan Master Han Shan's late sixteenth century commentary, portions of which are included in the footnotes.

Lu Kuan Yu was born in Canton in 1898. His first Master was the Hutuktu of Sikong, an enlightened Great Lama. His second Master was the Venerable Chan Master Hsu Yun, the Dharma-successor of all five Chan sects of China.

Lu Kuan Yu now lives in Hong Kong and devotes himself to presenting as many Chinese Buddhist texts as possible so that Buddhism can be preserved at least in the West, should it be fated to disappear in the East as it seems to be.

LỜI DỊCH GIẢ

Kinh Thủ Lăng Nghiêm này được dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán vào đời nhà Đường Trung Quốc, do Sa môn Ấn Độ BÁT LA MẬT ĐỀ dịch nghĩa, Sa môn DI GIÀ THÍCH CA người nước U Trường dịch lời, Quan Chánh Nhị Đại Phu nhà Đường PHÒNG DUNG chấp bút.

Tiếng Hán có văn ngôn và bạch thoại: văn ngôn đời xưa quá súc tích, thường hay có ý mà chẳng có lời. Người xưa nói: "đọc chỗ chẳng có chữ" là vậy. Chúng tôi gặp những trường hợp này thì thêm lời vào để sáng tỏ ý nghĩa ẩn trong văn. Những danh từ tiếng Hán mà tiếng Việt ít dùng, lại không thể dịch ra tiếng Việt thì chúng tôi ghi chú, ù còn những nghĩa lý thâm sâu khó hiểu thì chúng tôi lược giải thêm.

Chúng tôi muốn tránh chỗ tối nghĩa, để cho người đọc dễ hiểu, nên chẳng chú ý đến sự trau chuốt lời văn, xin độc giả từ bi hoan hỉ cho.

Thích Duy Lực

Comments by Tripitaka Master Hsuan Hua

Within Buddhism, there are very many important sutras. However, the most important Sutra is the Shurangama Sutra. If there are places which have the Shurangama Sutra, then the Proper Dharma dwells in the world. If there is no Shurangama Sutra, then the Dharma Ending Age appears. Therefore, we Buddhist disciples, each and every one, must bring our strength, must bring our blood, and must bring our sweat to protect the Shurangama Sutra. In the Sutra of the Ultimate Extinction of the Dharma, it says very, very clearly that in the Dharma Ending Age, the Shurangama Sutra is the first to disappear, and the rest of the sutras disappear after it. If the Shurangama Sutra does not disappear, then the Proper Dharma Age is present. Because of that, we Buddhist disciples must use our lives to protect the Shurangama Sutra, must use vows and resolution to protect the Shurangama Sutra, and cause the Shurangama Sutra to be known far and wide, reaching every nook and cranny, reaching into each and every dust-mote, reaching out to the exhaustion of empty space and of the Dharma Realm. If we can do that, then there will be a time of Proper Dharma radiating great light.

Why would the Shurangama Sutra be destroyed? It is because it is too true. The Shurangama Sutra is the Buddha's true body. The Shurangama Sutra is the Buddha's sharira. The Shurangama Sutra is the Buddha's true and actual stupa and shrine. Therefore, because the Shurangama Sutra is so true, all the demon kings use all kinds of methods to destroy the Shurangama Sutra. They begin by starting rumors, saying that the Shurangama Sutra is phony. Why do they say the Shurangama Sutra is phony? It is because the Shurangama Sutra speaks too truly, especially in the sections on The Four Decisive Deeds, the Twenty-five Sages Describing Perfect Penetration, and the States of the Fifty Skandha Demons. Those of off-center persuasions and externally-oriented ways, weird demons and strange freaks, are unable to stand it. Consequently there are a good many senseless people who claim that the Shurangama Sutra is a forgery.

Bài Tựa - PHÁP SƯ KIM SƠN SA-MÔN TAM TẠNG THÍCH TUYẾN HÓA

Trong Phật giáo có rất nhiều bản kinh quan trọng, nhưng quan trọng nhất là kinh Thủ-lăng-nghiêm. Nếu nơi nào có kinh Thủ-lăng-nghiêm đang được lưu hành, có nghĩa là chánh pháp đang còn ở thế gian. Nếu không còn kinh Thủ-lăng-nghiêm nữa, có nghĩa đã đến thời mạt pháp. Do vậy, người Phật tử chúng ta, mỗi người cũng như tất cả, phải đem hết sức lực, đem hết tâm huyết, đem hết mồ hôi nước mắt để giữ gìn kinh Thủ-lăng-nghiêm.

Trong kinh Pháp Diệt Tận có nói rất rõ ràng: “Vào thời mạt pháp kinh Thủ-lăng-nghiêm bị hoại diệt trước hết, sau đó, các kinh khác dần dần biến mất.” Nếu như kinh Thủ-lăng-nghiêm không bị biến mất thì thời kỳ chánh pháp vẫn còn tồn tại. Do đó hàng Phật tử chúng ta phải đem tất cả tính mạng để hộ trì kinh Thủ-lăng-nghiêm, phải đem hết tâm huyết để thọ trì kinh Thủ-lăng-nghiêm, phải đem hết hạnh nguyện để hộ trì kinh Thủ-lăng-nghiêm làm cho kinh Thủ-lăng-nghiêm mãi mãi tồn tại ở thế gian, xiển dương sâu rộng khắp nơi, lưu truyền đến mọi góc ngách ở trên thế gian, cho đến từng hạt vi trần, khắp tận hư không pháp giới. Nếu chúng ta làm được như vậy thì nay vẫn còn thời chánh pháp đang tỏa chiếu ánh sáng đại quang minh.

Tại sao lại nói kinh Thủ-lăng-nghiêm bị tiêu hủy trước tiên? Vì một điều quá chân thực, kinh Thủ-lăng-nghiêm là chân thân của đức Phật, kinh Thủ-lăng-nghiêm là xá-lợi của đức Phật, kinh Thủ-lăng-nghiêm là tháp miếu chân thực của đức Phật. Do vì đạo lý trong kinh Thủ-lăng-nghiêm quá chân thực, nên toàn thể ma vương đều dùng mọi cách để phá hủy kinh Thủ-lăng-nghiêm. Họ bắt đầu đưa ra những lời đồn đại, xuyên tạc, cho rằng kinh Thủ-lăng-nghiêm là giả mạo. Vì sao thiên ma ngoại đạo cho rằng kinh Thủ-lăng-nghiêm là ngụy tạo? Vì kinh Thủ-lăng-nghiêm nói quá chính xác, đặc biệt là phần nói về Bốn lời khai thị về bản tánh thanh tịnh sáng suốt (Tứ chủng thanh tịnh minh hối), phần Hai mươi lăm vị Thánh nói về pháp tu chứng viên thông, và phần Năm mươi tướng trạng ám ma. Ngoại đạo tà giáo, yêu ma quỷ quái không thể nào chịu nổi giáo lý này, nên họ kéo theo rất nhiều người thiếu hiểu biết tuyên bố rằng kinh Thủ-lăng-nghiêm là ngụy tạo.

Now, the principles set forth in the Shurangama Sutra are on the one hand proper, and on the other in accord with principle, and the weird demons and strange freaks, those in various cults and sects, all cannot hide away their forms. Most senseless people, in particular unwise scholars and garbage-collecting professors “Tread upon the holy writ.” With their extremely scant and partial understanding, they are confused and unclear, lacking real erudition and true and actual wisdom. That is why they falsely criticize. We who study the Buddhadharma should very deeply be aware of these circumstances. Therefore, wherever we go, we should bring up the Shurangama Sutra. Wherever we go, we should propagate the Shurangama Sutra. Wherever we go, we should introduce the Shurangama Sutra to people. Why is that? It is because we wish to cause the Proper Dharma long to dwell in the world.

If the Shurangama Sutra is regarded as true, then there is no problem. To verify its truth, let me say that if the Shurangama Sutra were phony, then I would willingly fall into the hells forever through all eternity - for being unable to recognize the Buddhadharma - for mistaking the false for true. If the Shurangama Sutra is true, then life after life in every time I make the vow to propagate the Great Dharma of the Shurangama, that I shall in every time and every place propagate the true principles of the Shurangama.

Everyone should pay attention to the following point. How could the Shurangama Sutra not have been spoken by the Buddha? No one else could have spoken the Shurangama Sutra. And so I hope that all those people who make senseless accusations will wake up fast and stop creating the causes for suffering in the Hell of Pulling Out Tongues. No matter who the scholar is, no matter what country students of the Buddhadharma are from, all should quickly mend their ways, admit their mistakes, and manage to change. There is no greater good than that. I can then say that all who look at the Shurangama Sutra, all who listen to the Shurangama Sutra, and all who investigate the Shurangama Sutra, will very quickly accomplish Buddhahood.

Những đạo lý được đề xuất trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, một mặt đúng là chánh pháp, mặt khác lại phù hợp với đạo lý, nên bọn tà ma, quỷ quái, bàng môn ngoại đạo không thể ẩn dấu tung tích được. Một số người thiếu ý thức, cụ thể là những học giả kém thông thái, những giáo sư chuyên thu thập kiến thức tạp nham[1] “chuyên đuổi mò bắt bóng”,[2] với sự hiểu biết cực kỳ hẹp hòi và hạn chế, họ hoàn toàn bị mê muội và nhầm lẫn, họ không có được sự uyên bác thực sự và không có trí tuệ chân thực, thế nên họ phê phán một cách hồ đồ.

Chúng ta là những người tu học Phật pháp, nên nhận thức sâu sắc về những trường hợp này, do đó bất kỳ đi đâu chúng ta cũng phải xiển dương kinh Thủ-lăng-nghiêm. Bất kỳ đi đâu chúng ta cũng nên truyền bá kinh Thủ-lăng-nghiêm. Bất kỳ đến đâu chúng ta cũng giới thiệu kinh Thủ-lăng-nghiêm cho mọi người. Sao vậy? Vì chúng ta muốn làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài ở thế gian. Nếu kinh Thủ-lăng-nghiêm là ngụy tạo, tôi xin có cam đoan này với quý vị:

Nếu kinh Thủ-lăng-nghiêm là chân thực thì dĩ nhiên chẳng có vấn đề gì, còn nếu kinh Thủ-lăng-nghiêm là ngụy tạo, thì tôi nguyện rằng tôi là kẻ trước tiên đọa vào Vô gián địa ngục, vì tôi không nhận thức được Phật pháp, nhận vọng làm chân. Còn nếu kinh Thủ-lăng-nghiêm là chân thực, thì tôi nguyện đời đời kiếp kiếp truyền bá đại pháp Thủ-lăng-nghiêm, nghĩa là mọi nơi mọi lúc tôi sẽ xiển dương đạo lý chân thật của kinh Thủ-lăng-nghiêm.

Mọi người nên chú tâm vào điểm này. Nếu kinh Thủ-lăng-nghiêm không do từ kim khẩu Đức Phật nói ra, thì chẳng còn một ai có thể giảng nói được, chẳng còn một người nào khác có thể nói được một giáo lý chính xác như kinh Thủ-lăng-nghiêm.

Vì thế tôi hy vọng rằng những người thiếu ý thức đã có các suy nghĩ sai lầm này, sớm thức tỉnh, dừng lại việc tạo ra cái nhân sai lạc, sẽ chiêu cảm quả báo ở địa ngục Bạt thiết[3] bất luận học giả đó là ai, bất luận những nhà nghiên cứu Phật pháp ở bất cứ quốc gia nào, tất cả nên nhanh chóng sửa đổi cách nhìn, nhận ra lỗi lầm của mình và tìm cách điều chỉnh. Chẳng có việc thiện nào lớn lao hơn thế nữa. Tôi chắc rằng khi tất cả mọi người đều đọc kinh Thủ-lăng-nghiêm, mọi người đều nghe giảng kinh Thủ-lăng-nghiêm, mọi người đều tham cứu kinh Thủ-lăng-nghiêm, thì tất cả đều sẽ chóng thành Phật đạo.

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Nhuận Châu

¹ *Nguyên văn*: garbage collecting professor

² *Nguyên văn*: tread upon the holy writ.

³ *Nguyên văn*: The hell of pulling out tongue: địa ngục rút lưỡi, địa ngục mà những kẻ tạo khẩu nghiệp bị đọa vào

The Noumenon in the Tathagata Store

Thus have I heard. Once the Buddha stayed in the Jetavana vihara near Sravasti with twelve hundred and fifty bhiksus, (most of whom) were great arhats who had crossed the stream of transmigration. They upheld His teaching firmly, could leap over all realms of existence and had achieved the respect-inspiring deportment which was held in great esteem throughout the country. They followed the Buddha to turn the Wheel of the Law and were qualified to hand down His Dharma. Being self-disciplined, they set a good example in the three worlds in which they appeared in countless transformation bodies to deliver living beings and to save future generations from defilement. They were led by Sariputra the Wise, Maha-Maudgalyayana, Maha-Kausthila, Purnamaitra-vaniputra, Subhuti and Upanisad. There were also countless pratyeka-buddhas who (since they had conquered their old habits) had nothing more to learn, (yet) came to the Buddha's vihara determined to seek (ultimate) Truth. Now the summer retreat had just finished when the bhiksus took stock of their errors and mistakes and when the Bodhisattvas from the ten directions, determined to wipe out their remaining doubts and suspicions, reverently awaited the Teaching in their search for its esoteric meaning. And so the Tathagata arranged His seat and sat with crossed legs to proclaim the profound (Doctrine). Such a Dharma feast to purify the assembly had never taken place before and His melodious voice was heard in the ten quarters. Led by Manjusri, a number of Bodhisattvas as countless as sand grains in the Ganges, had come to the holy place. Meanwhile, King Prasenajit who was keeping the anniversary of his father's death by offering vegetarian food to him, came personally to invite the Tathagata to the inner palace for a royal feast of best and rarest delicacies, to which he also invited the great Bodhisattvas in the assembly. In the city the elders and devotees also offered food to members of the Order and reverently waited for the Buddha's arrival.

Tôi nghe như vậy: Lúc bấy giờ tại tịnh xá Kỳ Hoàn thành Thất La Phiệt, Đức Phật và chúng Đại Tỷ Kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều là Đại A La Hán, đã ra khỏi luân hồi, đầy đủ oai nghi, giúp Phật hoằng pháp nơi các quốc độ, trì giới thanh tịnh, làm mô phạm cho tam giới, ứng hiện vô số thân, hóa độ chúng sanh đến cùng tột vị lai ra khỏi trần lao. Hàng đệ tử được phó chúc trụ trì Phật pháp gồm có: Đại Trí Xá lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Câu Si La, Phú Lâu Na Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, Ưu Ba Ni Sa Đà v.v... là bậc thượng thủ, và có vô số Bích Chi với môn đồ đồng đến nơi Phật cùng các Tỷ Kheo mãn hạ tự tứ. Khi ấy, mười phương Bồ Tát tuân theo lời Phật sẽ cầu Mật nghĩa, hỏi đạo để quyết nghị.

Bấy giờ, Như Lai trải tòa ngồi yên vì đại chúng trong Hội khai thị pháp chưa từng có, nghĩa lý thâm sâu, diệu âm thuyết pháp vang khắp mười phương thế giới, hằng sa Bồ Tát đều đến tụ họp, trong đó Văn Thù Sư Lợi là bậc Thượng thủ.

Khi ấy, vua Ba Tư Nặc nhân ngày giỗ của phụ vương làm lễ trai tăng, sắm đủ các món ăn quý báu, đích thân đến thỉnh Phật và chư Đại Bồ Tát vào cung thọ trai. Trong thành còn có nhiều trưởng giả, cư sĩ khác cũng cùng ngày thiết lễ trai tăng, thỉnh Phật đến thọ cúng dường. Phật sai Văn Thù dẫn đầu chư Bồ Tát và A La Hán, chia thành nhiều nhóm, ứng lời mời đến thọ trai nơi các trai chủ. Chỉ có A Nan được vị khác mời riêng, đi xa chưa về, không kịp cùng dự với tăng chúng.

Ananda's Weakness — The Reason for this Sermon

Commanded by the Buddha, Manjusri took the Bodhisattvas and arhats to the royal feast. Ananda, however, had not come back from a distant engagement, and so was not among the invited. He was returning to the vihara alone without his superior or teacher, and bowl in hand went begging from door to door in a nearby town. He intended to call first on a donor who had not given food to the monks that day, regardless of whether or not he was virtuous, a noble or an outcast. In his practice of universal compassion, he did not especially choose a poor man as his patron. He wanted to help all living beings earn countless merits, for he had seen the Buddha scold Subhuti and Mahakasyapa who, though being arhats, could not realize universal mind (when begging for food). He very much admired His teaching which had eliminated all his doubts and suspicions in this respect. So when he reached the town's gate, he walked slowly adjusting his mien to the rules of discipline. As he went begging for food, he came to a house of prostitution where Matangi, (a low caste woman) succeeded, by means of Kapila magic, in drawing him close to her sensual body on the mat, so that he was on the point of breaking the rules of pure living. But the Buddha was aware of all this and, after the royal feast, He returned to the vihara with the king, princes and elders who wished to hear about the essentials of the Dharma. He then sent out from the top of His head a bright and triumphant multicoloured light within which appeared a transformation Buddha seated, with crossed legs, on a thousand-petalled lotus. The Buddha then repeated the transcendental mantra and ordered Manjusri to use it to overcome the magic and to bring Ananda with Matangi to the vihara.²

² Ananda's weakness was the reason why, the Buddha gave this important sermon. For sensuality is the main cause of our transmigration in samsara and can be removed only by Wisdom. Hence Manjusri, the symbol of wisdom, was ordered to use the Dharani of the Great Samadhi to save both Ananda, and Matangi. The radiant light shining from the top of the Buddha's head revealed this bright samadhi which alone can ensure the attainment of Enlightenment and without which living beings cannot escape from the wheel of birth and death. And so Ananda asked for instruction on the practice of samatha, samapatti and dhyana for the realization of Great Samadhi.

Lúc ấy, trên đường trở về, một mình A Nan chẳng có thượng tọa và A Xà Lê cùng đi, ngày đó lại không ai mời đi cúng dường, trong tâm mong cầu gặp được vị trai chủ sau cùng. Trước kia, A Nan đã từng nghe Phật quở Tu Bồ Đề và Đại Ca Diếp, là bậc A La Hán, mà người chuyên chọn khát thực nhà giàu, người chuyên chọn khát thực nhà nghèo, tâm chẳng bình đẳng, quyết tuân theo pháp bình đẳng bất nhị của Như Lai, để tránh mọi sự chê bai và nghi hoặc, trong tâm cho rằng: Đối với trai chủ, chẳng kể quý tộc hay hèn hạ, thức ăn dơ sạch, phát tâm từ bi để thành tựu cho tất cả chúng sanh đều được gieo trồng vô lượng công đức. Vừa nghĩ như vậy, tay ôm bình bát, đi từng nhà dọc theo đường phố, oai nghi nghiêm chỉnh, đúng pháp khát thực.

Lúc A Nan đang khát thực đi ngang nhà dâm, bị nàng huyền thuật Ma Đăng Già dùng tà chú Phạm Thiên của ngoại đạo tóc vàng nhiếp vào nhà dâm, vuốt ve cám dỗ, sắp bị hoại giới thể.

Phật đã biết trước việc này, thọ trai xong, liền về, vua và đại thần, trưởng giả cư sĩ, đều đi theo Phật, xin nghe pháp yếu.

Bấy giờ, đánh đầu Thế Tôn phóng ra hào quang bách bửu vô úy, trong hào quang nở ra bửu liên hoa ngàn cánh, trên đó có hóa thân Phật ngồi kiết già thuyết thần chú, sai Văn Thù đem chú đến cứu hộ, tà chú tiêu diệt, dắt A Nan và Ma Đăng Già về nơi Phật ở.

Meditative Study of All as Void (Samatha)

When Ananda saw the Buddha, he prostrated himself at His feet, weeping bitterly and saying that, since the time without beginning, though he had heard much about the Dharma, he still could not acquire the transcendental power of the Tao.

Earnestly he asked the Buddha to teach the preliminary expedients in the practice of samatha, samapatti and dhyana³ which led to the enlightenment of all Buddhas in the ten directions. There was also present a great number of Bodhisattvas, as countless as sand grains in the Ganges, and great arhats and pratyeka-buddhas who had come wishing to hear about the Dharma. They all waited silently and reverently for the holy Teaching.

Wiping Out the Five Aggregates & Eight Consciousnesses to Expose the Unreality of Ego

Probing into the false mind to wipe out the first two aggregates and first five consciousnesses

The Buddha said to Ananda: You and I are close relatives. Tell me what you saw in the assembly when you made up your mind to give up all worldly feelings of affection and love (to follow me)?.

Ananda replied: I saw the thirty-two excellent characteristics and the shining crystal-like form of the Buddha's body. I thought that all this could not be the result of desire and love, for desire creates foul and fetid impurities like pus and blood which mingle and cannot produce the wondrous brightness of His golden-hued body, in admiration of which I shaved my head to follow Him.

The Buddha said: Ananda and all of you should know that living beings, since the time without beginning, have been subject continuously to birth and death because they do not know the permanent True Mind whose substance is, by nature, pure and bright. They have relied on false thinking which is not Reality so that the wheel of samsara turns.

³. Samatha is the meditative study of all as void or immaterial, samapatti is the meditative study of all as unreal, transitory or temporal and dhyana is the meditative study of the Mean as inclusive of both

A Nan gặp Phật, đành lễ rơi lệ, hỏi hận xưa nay chỉ ham học rộng nghe nhiều, chưa tròn đạo lực, nay ân cần thỉnh hỏi Như Lai về phương tiện đầu tiên của ba thứ thiền quán: Sa Ma Tha (1), Tam Ma (2) và Thiền Na (3), mà mười phương Như Lai đã tu được thành chánh giác. Khi đó có hằng sa Bồ Tát và các bậc Đại A La Hán, Bích Chi Phật nơi mười phương đều xin cùng nghe, im lặng ngồi yên để lãnh thọ pháp yếu của Phật.

Khi ấy, Thế Tôn giơ tay dịu dàng rờ đầu A Nan, nói với A Nan và đại chúng:

- Có pháp Tam Ma Đề, gọi là Đại Phật Đánh Thủ Lăng Nghiêm Vương, bao hàm vạn hạnh, là đường lối vi diệu trang nghiêm, cũng là pháp môn đưa đến giải thoát cuối cùng của mười phương Như Lai, nay người hãy chú ý nghe.

A Nan đành lễ, kính vâng lời Phật dạy.

Phật bảo A Nan:

- Người và ta là anh em, cùng một giống nòi, chẳng biết lúc mới phát tâm, ở nơi pháp ta, người thấy tướng thù thắng gì liền xả ân ái sâu nặng của thế gian?

A Nan bạch Phật:

- Con thấy ba mươi hai tướng thù thắng tuyệt diệu của Như Lai, hình thể trong sáng như lưu ly, thường tự nghĩ tướng này chẳng phải do dục ái sanh ra. Tại sao? Vì dục ái ô nhiễm xấu xí, cấu kết tinh huyết như bản chẳng thể sanh ra diệu tướng quang minh, thanh tịnh thù thắng như thế, do đó nên khâm mộ theo Phật xuất gia.

Phật nói:

- Lành thay! A Nan, các người nên biết, tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, sanh tử liên tục, chỉ vì chẳng biết chơn tâm thường trụ, thể tánh trong sạch sáng tỏ, lại nương theo vọng tưởng, vọng tưởng chẳng chơn nên có luân hồi. Mười phương chư Phật cùng một đạo lìa khỏi sanh tử đều do trực tâm, vì tâm hạnh và lời nói ngay thẳng, như thế từ đầu đến cuối, cho đến các ngôi bậc, ở khoảng giữa chẳng có các tướng quanh co.

Now if you wish to study the unsurpassed Supreme Bodhi to realize this bright nature, you should answer my questions straightforwardly. All Buddhas in the ten directions trod the same path to escape from birth and death because of their straightforward minds, with the same straightforwardness of mind and speech from start to finish without a trace of crookedness.

Ananda, when you developed that mind because of the Buddha's thirty-two excellent characteristics, tell me what you saw and loved them. Ananda replied: World Honoured One, my love came from the use of my mind, my eyes seeing and my mind admiring them, so that it was set on relinquishing birth and death.

The Buddha continued: As you just said, your love was caused by your mind and eyes but if you do not know where your mind and eyes really are, you will never be able to destroy delusion. For instance, when the country is invaded by bandits, the king, before sending his soldiers to destroy them, should first know where they are. That which causes you to transmigrate without interruption, comes from defects in your mind and eyes. Now tell me where your mind and eyes are.

Ananda replied: World Honoured One, all living beings born in the world through the ten types of birth hold that this knowing mind is in the body. As I look at the lotusblue eyes of the Buddha, I see that they are on His face. Hence my understanding that my eyes are on my face whereas my knowing mind is in my body.

The Buddha asked: Now as you sit in this hall, where do you see Jetavana park?

Ananda replied: World Honoured One, this great hall is in Jetavana park which is, therefore, outside the hall.

The Buddha asked: What do you see first in this hall ?

Ananda replied: World Honoured One, in this hall, I see first the Tathagata, then the assembly, and only when looking outside do I see the park.

The Buddha asked: When you see the park, what causes you to do so?

Ananda replied: It is because the doors and windows are open that I, though sitting in this hall, see the park outside.

- Nay người muốn tham cứu vô thượng Bồ Đề, phát minh chơn tánh, hãy trực tâm mà trả lời câu hỏi của ta. A Nan, nay ta hỏi người: lúc người phát tâm duyên theo ba mươi hai tướng của Như Lai, lấy gì để thấy? Ai biết sự ham thích?

- Bạch Thế Tôn, dùng tâm và mắt của con thấy tướng thù thắng của Như Lai, sanh lòng ham thích nên phát tâm, nguyện xả bỏ sanh tử.

Phật bảo:

- Như người vừa nói, sự ham thích do nơi tâm và mắt. Nếu chẳng biết tâm và mắt ở đâu thì chẳng thể hàng phục được trần lao; ví như đất nước có giặc, vua sai binh dẹp trừ, binh lính tất phải biết sào huyệt của giặc. Khiến người bị luân chuyển ấy là lỗi tại tâm và mắt. Ta hỏi người: Tâm và mắt của người hiện đang ở đâu?

BẢY CHỖ GẶP HỎI TÌM TÂM

Phá chấp tâm ở trong thân

- Bạch Thế Tôn! Tất cả mười loại chúng sanh trên thế gian đều cho tâm thức ở trong thân. Nay con nhận được mắt con ở trên mặt con và tâm thức ở trong thân, như mắt Thanh Liên Hoa của Như Lai ở trên mặt Như Lai vậy.

Phật bảo:

- A Nan! Nay người ngồi trong giảng đường của Như Lai, nhìn thấy rừng Kỳ Đà ở chỗ nào?

- Bạch Thế Tôn! Giảng đường rộng rãi thanh tịnh này trong vườn Cấp Cô Độc, còn rừng Kỳ Đà thì ở ngoài giảng đường.

The Buddha then extended His golden-hued arm and touched Ananda's head with His hand, saying: There is a samadhi called the all-embracing Supreme Surangama, a gateway through which all Buddhas in the ten directions attained to the wondrous Majestic Path. Ananda, listen now attentively.

Ananda prostrated himself at the Buddha's feet and knelt to receive the holy instruction.

The Buddha said: If you (are right) that, while sitting in this hall, you see the park outside through open doors and windows it would be possible for someone sitting here to see only things outside without seeing the Buddha (within).

Ananda replied: .One cannot see the grove and stream outside without seeing the Buddha (here).

(The Buddha said:) Ananda, it is the same with you; (if your mind is not deluded), it will be clear about all this. However, if your knowing mind was really in your body, you should first be clear about everything inside it. You should, therefore, see everything in your body before seeing things outside it; even if you cannot see your heart, liver, spleen, and stomach, at least you should be clear about your growing nails and hair, about that which moves along your nerves and the pulsing of your veins. Why are you not clear about all this? If you do not see things within, how can you see those outside? Therefore, your contention that your knowing mind is inside your body is groundless.

Ananda bowed and said: After hearing the Buddha's Dharma-voice, I now understand that my mind is really outside my body. For instance a lamp should light up everything in a room before the courtyard outside through the open door. If I do not see what is in my body but see things outside it, this is like a lamp placed outside a room which cannot light what is in it. This being so clear that there can be no doubt, am I still wrong about what the Buddha means?.

The Buddha said: All the bhiksus followed me to Sravasti to beg for food and have now returned to Jetavana park. I have taken my meal but as one bhiksu is still eating, is the whole community well-fed?.

Ananda replied: No, World Honoured One, though they are arhats, they have not the same body or life span then how can one by eating cause all the others to satisfy their hunger?.

- A Nan! Bây giờ người ở trong giảng đường trước tiên thấy gì?
- Bạch Thế Tôn! Con ở trong giảng đường trước thấy Như Lai, sau thấy đại chúng, rồi nhìn ra ngoài mới thấy rừng cây.
- A Nan! Người thấy rừng cây, do nhân nào được thấy?
- Bạch Thế Tôn! Vì cửa sổ giảng đường mở trống nên con ở trong thấy suốt bên ngoài.

Phật bảo A Nan:

- Như người vừa nói, thân ở trong giảng đường, nhờ cửa mở trống nên thấy rừng cây; mà có chúng sanh nào ở trong giảng đường chẳng thấy Như Lai, lại thấy rừng cây bên ngoài chẳng?
- Bạch Thế Tôn! Ở trong giảng đường chẳng thấy Như Lai, lại thấy rừng cây bên ngoài thì chẳng đúng.
- A Nan! Người cũng như vậy, linh tâm của người tất cả sáng tỏ, nếu tâm sáng tỏ hiện tiền của người thật ở trong thân thì trước tiên phải thấy rõ trong thân. Vậy có chúng sanh nào trước thấy trong thân rồi sau mới thấy vật bên ngoài chẳng? Dầu chẳng thấy được tim, gan, tỳ, vị, thì các chỗ: móng ra, tóc dài, gân chuyển cũng phải thấy chứ, sao lại chẳng thấy? Nếu trong thân còn chẳng thấy thì làm sao thấy vật bên ngoài? Cho nên người nói "Cái tâm giác tri trụ ở trong thân" là chẳng đúng. (Tự tánh bất nhị, vốn chẳng có nghĩa đúng và chẳng đúng, chỉ vì trị bệnh chấp thật nên nói chẳng đúng).

Phá chấp tâm ở ngoài thân

A Nan cúi đầu bạch Phật:

- Con nghe lời dạy của Như Lai, ngộ được tâm con thật ở ngoài thân. Tại sao? Ví như đèn thấp trong phòng thì trước phải chiếu sáng trong phòng, rồi sau mới từ cửa rọi ra ngoài sân. Tất cả chúng sanh chẳng thấy trong thân, chỉ thấy ngoài thân, cũng như ngọn đèn ở ngoài phòng chẳng thể chiếu sáng trong phòng, nghĩa này rõ ràng, chẳng còn nghi ngờ, vậy so với nghĩa lý rốt ráo của Phật chẳng sai ư?

Phật bảo A Nan:

- Các Tỳ Kheo vừa theo ta khát thực trong thành rồi trở về rừng Kỳ Đà. Ta đã thọ trai xong, người thử nghĩ, trong số Tỳ Kheo, chỉ một người ăn mà các vị khác được no chẳng?
- Bạch Thế Tôn! Không ạ! Tại sao? Dù các Tỳ Kheo đều là bậc A La Hán, nhưng cơ thể chẳng đồng, đâu thể một người ăn mà khiến cả chúng đều no.

The Buddha said: If your knowing mind is outside your body, the two are separate. Thus when your mind knows something, your body should not feel it and when your body feels something, your mind should not be aware of it. Now as I show you my hand, when your eyes see it, does your mind discern it?.

Ananda replied: Yes, World Honoured One, my mind discerns it:.

The Buddha said: If so, how can your mind be outside your body?

Therefore, your contention that your knowing and discerning mind is outside your body is groundless.

Ananda said: World Honoured One, as you have said, if my mind does not see what is in my body, it is not within it, and if my body and mind know each other, they are not separate and my mind is, therefore, not outside my body. Now after thinking about this, I know where my mind is.

The Buddha asked: Where is it?.

Ananda replied: 'since my knowing mind does not see what is in my body but can see things outside, I think it is hidden in my sense organ. For instance, if one covers one's eyes with a crystal bowl, the latter does not obstruct this sense organ which simply follows the (faculty of) seeing to distinguish all things seen. Thus if my knowing mind does not see what is in (my body), it is because it is in the sense organ, and if it sees clearly what is outside without being obstructed, it is because it is hidden in that organ.

The Buddha asked: As you just said, the mind is hidden in the same way that the eyes are covered by the crystal bowl: now when one so covers them and sees the mountain and river, does one also see the bowl?.

Ananda replied: Yes, World Honoured One, one also sees the bowl.

The Buddha said: If your mind is like the crystal bowl, when you see the mountain and river, why do you not see your own eyes? If you do they should be outside and should not follow your faculty of seeing. If they cannot be seen, how can you say that this knowing mind is hidden in the sense organ, like the (eyes) covered by the crystal bowl? Therefore, your contention that the knowing mind is hidden in the sense organ is groundless.

- A Nan! Nếu tâm giác tri của người thật ở ngoài thân thì trong ngoài khác nhau, chẳng có liên quan, hễ tâm biết thì thân chẳng biết, thân biết thì tâm chẳng biết. Nay ta đưa tay cho người xem, trong lúc mắt thấy, tâm người biết được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Vâng biết.

- A Nan! Nếu thân và tâm cùng biết một lượt thì sao lại nói tâm ở ngoài thân? Nên biết, người nói "tâm giác tri trụ ở ngoài thân" là chẳng đúng.

Phá chấp tâm ẩn núp sau con mắt

- Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy, chẳng thấy bên trong nên chẳng ở trong thân; thân tâm cùng biết một lượt chẳng thể rời nhau nên chẳng ở ngoài thân, nay con thiết nghĩ tâm ở một chỗ.

- Ở chỗ nào?

- Tâm giác tri này đã chẳng biết trong mà thấy bên ngoài, theo con nghĩ là nó ẩn núp sau con mắt. Ví như có người lấy chén lưu ly úp vào hai mắt (ngày nay có thể nói là đeo kính), tuy có vật úp ở ngoài mà chẳng ngại nhãn căn, tùy sự thấy liền phân biệt được. Tâm giác tri của con chẳng thấy bên trong vì ở nơi con mắt, thấy rõ ràng bên ngoài vì ẩn núp sau con mắt.

Phật bảo A Nan:

- Theo lời người nói, tâm núp sau con mắt như con mắt núp sau chén lưu ly, vậy thì lúc thấy núi sông, mắt thấy chén lưu ly chăng?

- Bạch Thế Tôn! Thật thấy chén lưu ly.

- A Nan, con mắt núp sau chén lưu ly thì thấy được chén lưu ly; còn tâm núp sau con mắt sao chẳng thấy mắt? Dù cho là thấy mắt, mắt tức là cảnh, cảnh làm sao thấy cảnh? Nếu chẳng thấy mắt thì người nói "Tâm giác tri ẩn núp sau con mắt" là chẳng đúng.

Ananda asked: World Honoured One, I now think of the bowels concealed in the body and of the apertures on its surface. Therefore, where there is concealment there is darkness and where there are openings there is light. As I am now before the Buddha, I open my eyes and see clearly and this is called outward seeing, and when I close them, I see (only) darkness and this is called inward seeing. What does the Buddha think of this?

The Buddha said: When you close your eyes and see darkness, is this darkness opposite to your eyes or not? If it is, it is in front of them, then how can this be inward seeing? Even if there is really such inward seeing, when you sit in a dark room without the light of the sun, moon or a lamp, this darkness should also be in your bowels. If it is not opposite to your eyes, how can there be any seeing? Now let us forget (your so-called) outward seeing and assume that there is inward seeing, then when you close your eyes and see only darkness, which you call seeing what is in your body, why when you open them and see clearly, do you not see your face? If you do not, there is no such inward seeing. Now assuming that you can see your face, your knowing mind and organ of sight should be in the air, and then how can there be inward seeing? If they were in the air, they should not belong to your body, and the Buddha who now sees your face, should be your body as well. Thus when your eyes see something, your body should have no feeling. If you insist that both body and mind have separate feelings, there should be two separate perceptions and then your body should (one day) become two Buddhas. Therefore, your contention that to see darkness is inward seeing is groundless.

Phá chấp nhắm mắt thấy tối là thấy trong thân

- Bạch Thế Tôn! Nay con lại thiết nghĩ rằng, thân thể của chúng sanh, tạng phủ ở trong, khiếu huyết (ngũ căn) ở ngoài, nơi tạng thì tối, nơi khiếu thì sáng. Nay con ở trước mặt Phật, mở mắt thấy sáng gọi là thấy bên ngoài, nhắm mắt thấy tối gọi là thấy trong thân, nghĩa này thế nào?

Phật bảo A Nan:

- Khi người nhắm mắt thấy tối, cái cảnh tối ấy là đối với mắt hay chẳng đối với mắt?

- Nếu đối với mắt thì tối ở trước mắt, tức ở ngoài thân, sao nói ở trong thân? Giả sử cho tối là trong thân thì lúc trong phòng tối chẳng có ánh sáng, những gì trong phòng tối đều là tạng phủ của người sao?

- Nếu chẳng đối với mắt thì làm sao được thấy? Nếu lìa sự thấy bên ngoài, thành lập sự thấy đối vào trong, khi nhắm mắt thấy tối gọi là thấy trong thân; vậy khi mở mắt thấy sáng sao chẳng thấy mặt?

- Lại, nếu chẳng thấy mặt thì cái nghĩa "con mắt đối vào trong" chẳng thể thành lập: nếu thấy mặt thì tâm giác tri và nhãn căn đều ở tại hư không, làm sao nói ở trong?

- Lại, nếu ở ngoài hư không thì chẳng phải thân người, tức hiện nay Như Lai thấy mặt người cũng là thân người sao? Vậy mắt người thấy biết thì thân người chẳng biết. Nếu người cho thân và mắt cùng biết một lượt, thì phải có hai cái biết, tức một thân người phải thành hai Phật! Nên biết người nói "thấy tối gọi là thấy trong thân" là chẳng đúng.

Ananda said: I have always heard the Buddha when teaching monks, nuns and male and female devotees say: When the mind stirs all sorts of things are created and then all kinds of mind appear. I now think that the substance of (my) thinking is the nature of mind which arises when it unites with externals and which is neither within nor without nor in between.

The Buddha said: You have just said that because phenomena are created, all kinds of mind appear when uniting with them. So this mind has no substance and cannot unite with anything. If that which has no substance can unite with externals, this is union of the nineteenth realm of sense with the seventh sense datum ⁴ This is sheer nonsense. If the mind has substance, when your hand grasps your body, does your mind feeling this (touch) come from within or without? If from within, you should see what is in your body and if from without, you should see your face.

Ananda said: It is the eyes that see and the mind that knows is not the eyes: to say that it sees is wrong.

The Buddha said; If the eyes can see, when you are in a room, do you see the door (outside)? ⁵ Those who are dead and still have eyes, should see things if they still see, how can they be dead?

Ananda, if your knowing mind has substance, is that substance single or manifold? As it is in your body, does it spread to every part of it or not? If it is one substance, when you grasp a limb, all four should feel that they are grasped; if so there would be no grasping (of any particular limb). If there is, the contention of a single substance does not hold good. If it is a manifold substance there should be many persons; then which substance is yours if it spreads to every part of your body, this is the same as in the previous case of grasping. If it does not spread, then when you touch your head and foot at the same time, while your head feels that it is touched; your foot should not, but this is not so. Therefore, your contention that the mind arises where there is union with externals is groundless.

4. No such union can occur because there are only eighteen realms of sense and six sense data.

5. A reference to Ananda's previous contention that the mind is in the body (i.e. the room) and the eyes are apertures on its surface (i.e. the outside doors).

Phá chấp sự suy nghĩ là tâm

- Con đã từng nghe Phật khai thị chúng rằng: Tâm sanh nên các pháp sanh, pháp sanh nên các tâm sanh. Nay con suy nghĩ, chính cái suy nghĩ ấy là tâm của con; tùy sự suy nghĩ tâm liền có, cũng chẳng ở trong, ngoài và chính giữa.

- A Nan, người nói pháp sanh nên các tâm sanh, tùy sự suy nghĩ tâm liền có. Tâm chẳng có tự thể thì chẳng thể suy nghĩ; nếu chẳng có tự thể mà suy nghĩ được thì vô căn phải thấy được vô trần, nghĩa này chẳng đúng. Nếu có tự thể thì người thử dùng tay tự búng thân mình xem, cái tâm biết của người là từ trong thân ra hay từ bên ngoài ra? Nếu từ bên trong ra thì phải thấy trong thân; nếu từ bên ngoài ra thì trước tiên phải thấy mặt.

- Mắt chủ sự thấy, tâm chủ sự biết, tâm không phải như mắt, nói tâm thấy là chẳng đúng nghĩa.

Phật bảo A Nan:

- Nếu thấy là con mắt thì người ở trong phòng, cửa biết thấy chẳng? (phòng dụ cho thân, cửa dụ cho mắt). Như kẻ đã chết con mắt vẫn còn, lẽ ra phải thấy được vật; nếu thấy được vật thì sao gọi là chết?

- Lại, tâm hay biết của người nếu thật có tự thể, là một thể hay nhiều thể? Nay nơi thân người, tâm cùng khắp cơ thể hay chẳng cùng khắp?

- Nếu nói một thể, khi tay người búng một chi, lẽ ra tứ chi đều biết, nếu đều biết thì chỗ búng chẳng có, nếu có chỗ búng thì chẳng phải một thể. Nếu như nhiều thể thì thành nhiều người, vậy thể nào là của người?

- Nếu nói khắp cả cơ thể thì đồng như sự búng kể trên, nếu chẳng khắp thì khi người rờ đầu và chân, đầu có biết chân phải không biết, nhưng hiện nay người lại chẳng phải như vậy. Nên biết người nói: "Tùy sự suy nghĩ tâm liền có" là chẳng đúng.

Ananda said: World Honoured One, I have heard the Buddha discuss Reality with other sons of the King of the Law (i.e. Bodhisattvas); He also said that the mind is neither within nor without. I now deduce that if the mind is in the body, it does not see anything within and if it is outside, they both cease to feel each other. To say that it is within is wrong for it does not know anything in the body. To say that it is without is also faulty since body and mind can perceive each other. As they do so and since nothing is seen in the body, the mind should be between the two (i.e. the inside and outside).

The Buddha said: If your conception of a mind In between . is correct, it implies a position for it. Now according to your inference, where is this intermediate position? Do you mean that it is (in or on) the body? If it is on the surface of the body, it cannot be in its center, and the conception of a mind in the center is no different from that of a mind in the body (which was refuted earlier). (Moreover) is its position manifest or not? If it is not, it does not exist. If it is, it is not fixed. Why? For instance, if a stake is driven into the ground to mark a center, when seen from the east it is in the west and when seen from the south it is in the north. As this stake can only lead to confusion, so is (your conception of) a mind in between completely chaotic.

Ananda said: The intermediate position that I mentioned is not these two. As the World Honoured One has said, the eyes and form are causes from which sight perception arises. While the eyes can distinguish, form does not follow anything and perception lies between them; hence the mind arises.

The Buddha said: If the mind lies between sense organs and sense data, does it include both or not? If it does, its substance and what is outside will be mixed up together, and since the mind perceives while its objects do not, two opposites will be set up; then how can there be an intermediate (position)? If it is not inclusive, (that is if it is independent of the sense organs and sense data), being neither the knower (subject) nor the known (object), it has no substance; then what is this intermediate? Therefore, your contention that it is in between is groundless.

- Bạch Thế Tôn! Khi Phật với Văn Thù và các Pháp Vương Tử luận về thật tướng, con cũng nghe Phật nói tâm chẳng ở trong cũng chẳng ở ngoài. Theo như con nghĩ, vì chẳng biết trong nên chẳng phải ở trong, thân tâm cùng biết một lượt nên chẳng phải ở ngoài, nay cùng biết một lượt mà chẳng thấy bên trong, tất phải ở giữa.

Phá chấp tâm ở chính giữa

- Người nói "ở giữa" thì cái chính giữa ấy phải rõ ràng, chẳng phải không chỗ. Theo người suy xét, giữa ở chỗ nào? Ở nơi xứ (12 xứ, gồm cả lục căn, lục trần) hay ở nơi thân?

- Nếu ở nơi thân, nơi ngoài da thì chẳng phải là giữa; ở giữa thì đồng như ở trong. Nếu ở nơi xứ, là có thể nêu ra hay chẳng thể nêu ra? Nếu chẳng thể nêu ra thì đồng như không có; nếu có thể nêu ra lại chẳng định được chỗ nào. Tại sao? Ví như có người cắm cây nêu làm chính giữa, nhìn từ phương Đông thì cho cây nêu ở phương Tây, nhìn từ phương Nam thì cho cây nêu ở phương Bắc, cái thể giữa được nêu ra đã lẫn lộn thì tâm cũng thành rối loạn, chẳng rõ ở đâu.

A Nan thưa:

- Con nói "chính giữa" chẳng phải hai thứ này. Như Thế Tôn nói: Nhãn căn và sắc trần duyên nhau sanh ra nhãn thức. Nhãn căn phân biệt, sắc trần vô tri, thức sanh nơi giữa, tức là tâm vậy.

Phật bảo:

- Nếu tâm người ở giữa căn trần, vậy tâm thể này gồm cả hai hay chẳng gồm? Nếu gồm cả hai thì vật và thể xen lộn, vật thì vô tri, thể thì có biết, thành hai thứ đối địch, lấy gì làm giữa? Nếu lìa biết (căn) và không biết (trần) thì chẳng có thể tánh, vậy lấy tướng nào làm chính giữa? Nên biết người nói "Tâm ở chính giữa" là chẳng đúng.

Ananda said: World Honoured One, previously when I saw the Buddha, with His four chief disciples, Maha-Maudgalyayana, Subhuti, Purnamaitrayaniputra and Sariputra, turn the Wheel of the Law, He always said that the nature of the knowing and discriminating mind is neither within nor without nor between the two, exists nowhere and clings to nothing, hence it is called mind. Is that which does not cling to things called mind?

The Buddha replied: You just said that the nature of the knowing and discriminating mind exists nowhere. Now in this world, all things in the air, in water and on the ground, including those that fly and walk, make the existing whole. By that which does not cling to anything, do you mean that it exists or not? If it is not, it is just the hair of a tortoise or the horn of a hare, then how can there be (this extra) non-clinging? If it is, it cannot be said not to exist. That which is not, is simply non-existent and that which is, should have a position; then how can there be no clinging? ⁶ Therefore, your contention that that which does not cling to anything is the knowing mind is groundless.⁷

Phá chấp "tất cả vô trước" là tâm

- Bạch Thế Tôn! Khi xưa con thấy Phật với bốn đại đệ tử (Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Phú Lô Na và Xá Lợi Phất) cùng chuyển pháp luân, thường nói "cái tâm giác tri chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, cũng chẳng ở giữa, chẳng ở chỗ nào cả, tất cả vô trước gọi là tâm". Vậy con vô trước, được gọi là tâm chẳng?

Phật bảo A Nan:

- Người nói cái tâm giác tri chẳng ở chỗ nào cả, vậy như các loài bay trên hư không, ở dưới nước và trên bờ, gọi là tất cả vật tượng nơi thế gian mà người vô trước đó, là có hay không? Không thì đồng như lông rùa sừng thỏ, nói gì vô trước? Nếu có sự vô trước thì chẳng thể gọi là không. Không tướng mới không, chẳng không thì có tướng, tâm đã chấp có tướng, thì còn nói gì vô trước? Nên biết, nói "Tất cả vô trước gọi là tâm giác tri" là chẳng đúng.

LỢC GIẢI

Ở đây nêu ra bảy chỗ gạn hỏi, ý Phật là muốn đưa A Nan thẳng đến chỗ tự ngộ, lời Phật chẳng phải chơn lý. Phật chỉ dùng thuốc giả để trị bệnh giả của A Nan. Tại sao nói là bệnh giả? Vì những kiến chấp của A Nan vốn chẳng thật. Tại sao nói thuốc giả? Vì lời phá chấp của Phật cũng chẳng thật.

Cũng như A Nan nói tâm ở trong thân, ở ngoài thân, cho đến nói vô trước là tâm, kỳ thật không phải có chỗ chẳng đúng hay chẳng sai, vì chấp nhất định ở một chỗ, nên Phật nói chẳng đúng. Nếu bệnh chấp chưa hết thì có thể nêu ra vô số chỗ, chứ đâu phải chỉ có bảy chỗ ư? Nếu bệnh chấp đã hết thì một chỗ cũng chẳng có, nói gì đến bảy chỗ!

Tự tánh vốn bất nhị, nếu chấp theo lời Phật, cho "thật chẳng ở trong" là nhị, cho "thật chẳng ở ngoài" cũng là nhị, cho đến bất cứ có ở một chỗ nào, hay chẳng ở một chỗ nào đều là nhị. Tại sao? Vì nếu có ở một chỗ này thì những chỗ kia không có, chỗ có chỗ không tức là nhị. Nên Phật nói: Phạm hữu ngôn thuyết, giai phi thật nghĩa (Phàm có lời nói đều chẳng phải nghĩa thật).

6. The very idea of existence implies a dwelling place, hence its lingering. Therefore, both Is. and Is not. are a dualism which has no room in the True Mind.

7. The absolute One Reality is the Eternal Mind which is beyond birth and death and is the common source of both Buddhas and living beings. Man, because of his basic ignorance caused, since the time without beginning, by the first thought which screened his True Mind, became subject to birth and death. Thus both the permanent and impermanent united to transform (that True Mind) into the store consciousness (alaya vijnana), the root of samsara. This alaya consciousness has three characteristics: a karmic one which is basic ignorance resulting from *self-evidencing*; a changing one which turns fundamental wisdom into false *perception*, the root of the first seven consciousnesses; and its expression in appearance, or *form*. Because of basic ignorance, the spiritual, bright, and nirvanic Absolute Voidness was changed into dull and deluded emptiness. Hence, Manjusri said (in his gatha later on): Thus in delusion there appeared one-sided emptiness. Within this dull

emptiness, ignorance gradually crystallized and turned into illusory Form made of four elements, resulting in a world created within the void. Hence Manjusri continued: In which an imaginary world arbitrarily was built. When false Perception confronted Form, a very small portion of this Form was gradually grasped as being self-possessed, and being supported by wrong perception, mind and form united and grasped at this dim (little) form as an Ego, thereby reating a living being made of five aggregates. Hence Manjusri continued: 'steadying itself the thinking process made the continents . While the (illusory) knower became a living being. This is the origin of a living being. Ever after, this living being grasped at his body and mind as his Ego. How then can he now recognize his (essential) boundless True Mind? So in delusion, he thinks that his mind is in his body. Since Ananda clung to a mind within his body, he mistook this (illusory) mind for True Mind; hence he saw only the Buddha's excellent characteristics which he admired but failed to realize that

neither body nor mind exist. As he relied on the five aggregates, he divided them wrongly into six sense organs with corresponding sense data. He further clung to the four elements that produced five sense data as his Ego's fields of activities, thereby (creating) six consciousnesses and indulging in discriminations, illusions and karmic acts. This was the origin of the cycle of births and deaths caused by attachment to body and mind as an Ego. This strong attachment hardened as aeons succeeded one another and can now be broken only by a powerful samadhi. For this reason, the Buddha before proclaiming this samadhi, asked Ananda where his mind and eyes actually were. The mind which Ananda thought to be in the body showed the place held by the bandits where the king should send his soldiers to destroy them. Since Ananda always treasured his Ego. he would suffer shock and alarm if it was suddenly crushed. In order to calm him, the Buddha put His hand on the disciple's head, reassuring him that there was a samadhi called the all-embracing Supreme Surangama, a gateway through which all Buddhas had reached the profound Majestic Path. From this point until He spoke later of two kinds of Basic Inversion, the Buddha aimed to wipe out the duality of Ego and things (dharma) thereby revealing the fundamentally enlightened True Mind with the aid of the transcendental power of that Great Samadhi. To break up the illusory Ego made of five aggregates which all living beings hold as existing, Ananda was pressed in turn to point out the seven different places in which he thought the mind could be found. Actually, the first two aggregates rupa (form and matter) and vedana (reception, sensation and feeling) were destroyed for previously the four elements had been grasped as having an Ego, with the idea of there being a mind in the body; this is body as an abode of mind. As Ananda failed to locate his mind in his body, he turned to a position outside it but could not find his mind there either. So after seeking vainly in seven different positions, the conclusion was that rupa was non-existent and that vedana was equally false. Careful reading of the text on the mind's so called seven positions shows the wiping out primarily of the illusion of rupa and incidentally of vedana. And, as dealt with later in the text, the other three aggregates sanjna (conception or discerning), samskara (discrimination) and vijnana (consciousness) were gradually liminated. Readers should attend to all this in order to understand this profound Teaching.



Refuting the false mind to eliminate the third aggregate and expose the unreality of the sixth consciousness

Thereupon Ananda rose from his seat, uncovered his right shoulder, knelt upon his right knee, reverently joined the palms of his hands and said to the Buddha: I am the Tatha-gata's youngest cousin and because of His great affection, I have been allowed to be His disciple, but I have presumed on His compassion. And so although I have heard much of His preaching, I have failed to avoid the worldly and have been unable to overcome the magic which has turned me round, causing me to visit a house of prostitution. All this is because I failed to reach the region of Reality. May the World Honoured One be compassionate enough to teach us the Path of Samatha for the benefit of those lacking faith and holding perverted views. After saying this, he prostrated himself with knees, elbows and head on the ground. Then he stood up in reverent silence, with the whole assembly keenly awaiting the Teaching.

Revealing the Bright Samadhi

By the Buddha's transcendental power, all sorts of rays of light, as brilliant as hundreds and thousands of suns, shone from His forehead, illuminating all the Buddha-lands which shook with six kinds of quake. Thus a number of worlds, uncountable as the dust, appeared simultaneously and (by the same power) united into a single world wherein each of the great Bodhisattvas, while staying in his own realm, brought his palms together to listen to the Dharma.⁸

Origin of Inversion

The Buddha said: 'since the time without beginning, all living beings have given rise to all sorts of inversion because of the karmic seed (of ignorance) which is like the aksa shrub.'⁹

Bấy giờ, A Nan ở trong đại chúng từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo tay phải, quỳ gối chân phải, chắp tay cung kính bạch Phật:

- Con là em út của Như Lai, được Phật thương mến, nay dù xuất gia nhưng còn ỷ lại nơi lòng thương của Phật, chỉ ham học rộng nghe nhiều, chưa được vô lậu, chẳng uốn dẹp được tà chú, bị nhiếp vào nhà dâm, chỉ vì chẳng biết chỗ đến của Chơn Thật, kính mong Thế Tôn từ bi thương xót, khai thị cho chúng con đường lối tu thiền quán Sa Ma Tha, khiến kẻ Xiển đề xóa bỏ ác kiến.

Nói xong đánh lễ, năm vóc gieo sát đất, cùng đại chúng khao khát kính nghe chỉ dạy.

Lúc ấy, Thế Tôn từ trên mặt phóng ra đủ thứ hào quang, sáng lạn như trăm ngàn mặt trời, chiếu khắp các thế giới Phật, khiến thành sáu thứ rung động, mười phương vô số quốc độ đồng thời hiện ra. Oai thần của Phật khiến các thế giới hợp thành một thế giới, tất cả chư Đại Bồ Tát trong thế giới đều an trụ nơi quốc độ của mình, chắp tay lắng nghe.

Phật bảo A Nan:

- Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, đủ thứ điên đảo tạo thành giống nghiệp, kết tụ nghiệp nhân thành quả luân hồi. Những người tu hành chẳng được chứng quả vô thượng Bồ Đề, trở thành Thanh Văn, Duyên Giác hoặc thành cõi trời ngoại đạo, ma vương và quyến thuộc ma, đều do chẳng biết hai thứ căn bản, tu tập sai lầm, cũng như nấu cát mà muốn thành cơm, dầu cho trải qua nhiều kiếp cũng chẳng đắc đạo.

8. This Light revealed the whole substance of the Great Samadhi. Since Ananda had failed to awaken to the unreality of mind and body, he again asked for the Teaching on the Path of Samatha (on the meditative study of the Void). He did not realize that the Buddha had first mentioned this Great Samadhi and then pressed Him hard about the mind's positions for the sole purpose of urging him instantly to awaken to the non-existence of the four elements and the falseness of the five aggregates, so that the substance of Samadhi appeared in full on the spot. Had Ananda been sharp rooted, he could have cast away all illusions, the meeting would have been dismissed and the Surangama assembly would have then come to an end. However, he was deluded and the Buddha was obliged to use expedients to awaken him. For his delusion was due to his grasping at illusory birth and death which he mistook for reality. Hence His teaching in the following text on the two basic inversions to root out the third aggregate sanjna. As the Buddha was about to explain these inversions, He sent out from His forehead rays of light to reveal what Lin Chi called The true man of no fixed position who, from his forehead, sends out the light that shakes the world. (See Chan and Zen Teaching, Second Series, p. 110. Rider.) However, because of self-deception, people do not recognize this man of no fixed position in spite of his daily activities and are separated from him by screens and obstructions put up by their wrong thinking which divides (their undivided whole) into six sense organs and sense data. Now the

Buddha-Light (which is inherent in all of us) shone on the realms of the sense organs, sense data and consciousness which are identical with Reality (the underlying principle from which they spring). This is why the text mentions the appearance of Buddhas in their lands suddenly revealed in this Light which destroyed the darkness of ignorance. Hence the six kinds of quake to overthrow the six sense organs and sense data and so remove their obstructions, so that all the worlds could become one. This is Reality shining on darkness and performing its *function* (see Chan and Zen Teaching, Second Series, p. 102) of dissipating it at once, thus enabling all serious practisers to climb without effort the Transcendental Path. Hence countless Bodhisattvas appeared in this Light seated in their own places, and bringing their palms together to listen to the Buddha's teaching on the Great Samadhi. By means of its Light, the Buddha revealed the whole substance of the Samadhi. In the following chapters, the Teaching merely reveals this state of Brightness, and if it is understood, there will be no need to study the Buddha Dharma. Because Ananda was not awakened to it, the Buddha was obliged to make further revelations one, after the other. In answer to Ananda's renewed request for instruction on Samatha, the Buddha began his (further) Teaching by showing this Brightness.

9. The aksa seed is threefold and so illustrates the simultaneous character of illusion, action and suffering



This is why seekers of the Truth fail to realize Supreme Enlightenment but achieve only (the states of) sravakas, pratyekabuddhas, heretics, devas and demons, solely because they do not know the two basic inversions, thereby practising wrongly like those who cannot get food by cooking sand in spite of the passing of aeons as countless as the dust. What are these two basic inversions? Ananda, the first is the basic root of birth and death caused, since the time without beginning, by the wrong use of a clinging mind which people mistake for their own nature, and the second is their attachment to causal conditions (which screen) the basically bright essence of consciousness which is the fundamentally pure and clean substance of Nirvanic Enlightenment. Thus they ignore this basic brightness and so transmigrate through (illusory) realms of existence without realizing the futility of their (wrong) practice.¹⁰

10. The Buddha, before teaching the Great Samadhi, revealed the root cause of birth and death by declaring that since the time without beginning all living beings had given rise to all sorts of inversion because of their karmic delusion about Basic and Fertilized Ignorance. This (twofold) ignorance causes all sorts of karmic seeds which produce the bitter fruits of delusion, action and suffering, and so are likened to the threefold akṣa seeds. This illusion can only be broken up by the Great Samadhi which was pointed out first. Seekers of the Truth cannot realize Supreme Enlightenment but are misled by delusion into other ways simply because they cannot distinguish two basic roots: first, the root cause of birth and death which is the discriminating mind which they mistake for their self-nature; and second, the fundamentally pure and clean substance of Nirvanic Enlightenment realized by all past Buddhas, that is the Essence of their Consciousness which is basically bright but can give rise to causal conditions. By clinging to these (illusory) conditions, they ignore the basic brightness and suffer aimlessly from birth and death. This Essence of Consciousness is the substance of the Eighth Consciousness which is basically bright and is the wonderful shining True Mind of Basic Enlightenment. Since all living beings fail to realize this wondrous Bright Mind, it is (screened by delusion and) transformed into the Essence of Consciousness which leads to wrong thinking. Therefore, the Buddha aimed first to root out this false thinking and then the Essence of Consciousness so that the basically enlightened True Mind could manifest through the Great Samadhi. Hence His revelation of Samadhi before wiping out false thinking. The following text deals with the elimination of falsehood to expose equality with His teaching on Samatha, the Path to Reality; that which was to be wiped out was precisely these two (basic) inversions.

- Thế nào là hai thứ căn bản?

- Một là căn bản của sanh tử từ vô thủy, tức là nay nhận tâm phan duyên làm tự tánh của người và chúng sanh;

- Hai là bản thể vốn thanh tịnh của Bồ Đề Niết Bàn từ vô thủy, tức là cái bản thức (4) vốn sáng tỏ, hay sanh các duyên mà bị các duyên che khuất thành lạc mất của người. Vì chúng sanh lạc mất bản thức sáng tỏ, dù hàng ngày sống trong bản thức mà chẳng tự biết, oan uổng vào lục đạo.

Actual Inversion

The Inverted Mind

Probe into the false mind

Ananda, as you have enquired about the Samatha Gateway through which to escape from birth and death, I must ask you a question. The Buddha then held up His golden hued arm and bent His fingers, saying: Ananda, do you see this?.

Ananda replied: Yes. The Buddha asked: What do you see?. Ananda replied: I see the Buddha raise His arm and bend His fingers, showing a shining fist that dazzles my mind and eyes. The Buddha asked: How do you see it?.

Ananda replied: I and all those here use the eyes to see it. The Buddha asked: You say that I bend my fingers to show a shining fist that dazzles your mind and eyes; now tell me, as you see my fist, what is that mind which perceives its brightness?

. Ananda replied: As the Tathagata asks about the mind and since I am using my own to search for it exhaustively, I conclude that that which searches is my mind.

Thinking is unreal

The Buddha said: Hey! Ananda, this is not your mind.

Ananda stared with astonishment, brought his two palms together, rose from his seat and asked: If this is not my mind, what is it?. The Buddha replied: Ananda, this is your false thinking which arises from external objects, deludes your true nature and deceives you into mistaking, since the time without beginning, a thief for your own son, thereby losing (sight of) that which is basically permanent; hence the round of birth and death.¹¹

- A Nan, nay người muốn biết đường tu thiền quán Sa Ma Tha, mong ra khỏi sanh tử, vậy ta hỏi người.
Liền đó, Như Lai giơ cánh tay sắc vàng co năm ngón tay, bảo A Nan:
- Người có thấy chăng?

A Nan đáp:
- Thấy.

Phật bảo:
- Người thấy cái gì?

A Nan đáp:
- Con thấy Như Lai giơ tay, co ngón tay thành nắm tay sáng ngời, chói tâm và mắt con.

Phật bảo:
- Người dùng cái gì để thấy?
- Con và đại chúng đều dùng mắt thấy.

Phật bảo A Nan:
- Theo lời người đáp, Như Lai co ngón tay thành nắm tay sáng ngời, chói tâm mắt của người, vậy lúc nắm tay ta chói rọi, mắt người thấy được, lấy gì làm tâm?

A Nan đáp:
- Nay Như Lai gạn hỏi tâm ở chỗ nào, con dùng tư tưởng suy tìm, thì cái hay suy tìm ấy, con cho là tâm.

Phật bảo:
- Sai rồi, A Nan! Cái ấy chẳng phải tâm người.

A Nan giật mình đứng dậy, chấp tay bạch Phật rằng:
- Cái ấy chẳng phải tâm con thì gọi là cái gì?

Phật bảo A Nan:
- Ấy là tướng vọng tưởng của tiền trần, mê hoặc chơn tánh của người. Do người xưa nay nhận giặc làm con, lạc mất bản thức chơn thường, nên bị luân chuyển.

11. This eliminated the false mind to expose the first inversion. Before wiping out this false mind, the Buddha spoke of the Path of Samatha because His aim was now to reveal the substance of the Great Samadhi. Samatha is meditative study of the void. As the pure and clean True Mind of the Tathagata store (or the Absolute in the midst of delusion caused by the passions and desires), is fundamentally devoid of a single (foreign) thing (dharma) it should be the object of this meditation on the void. Beside this meditation on substance, there is no other method, but due to the false mind and false thinking caused by defiling causes, the True Mind is hidden and does not appear. Now if (illusory) mind and seeing are eliminated, all causal conditions cease to exist and the True Mind will manifest. Cognizance of all causal creations as having no nature of their own are the state of True Mind. Hence the Buddha's answers, based on the substance of the Samadhi of the Absolute, to Ananda's questions arising from his false mind and false seeing that discriminated between causal conditions. And so He had to break the false mind before teaching the Path of Samatha. When the Buddha first asked Ananda why he left home, the disciple replied that it was because his eyes saw and his mind loved His excellent physical characteristics. The Buddha declared: That which causes you to transmigrate ceaselessly is the fault of that mind and those eyes. This shows their falseness. Then Ananda looked in vain for his mind in seven

different positions, and though the mind was searched for, the body was also found not to be its dwelling place, so that unreality of the body was shown. The Buddha, replying to Ananda's renewed inquiry about the Samadhi gateway, skillfully eliminated first the false mind and then the false seeing. Therefore, he held up His fist and asked Ananda: As your eyes see my fist, what is your mind?. to point out the non-existence of the false mind: As the disciple said that that which searched for his mind was the mind itself, without knowing that he wrongly mistook the mind that discriminates in samsara for the real one, the Buddha shouted: Hey! This is not your mind. This shout was like a previous vajra-sword that cut off (Ananda's) discriminating mind, but unfortunately he was not awakened. So he stared with astonishment and asked: If this is not my mind, what is it?. The Buddha replied that it was only false thinking arising from external objects, that is the discriminating Sixth Consciousness which derived from an accumulation of causal conditions, and which he mistook for his True Mind; this Sixth Consciousness actually screened his true nature and should not have been regarded as real.

Since he recognized that false mind and disregarded his permanent True Mind, he was caught on the turning wheel of birth and death.



The sixth consciousness is empty

Ananda said: I am the Buddha's beloved youngest cousin whose mind so admired Him that I left home to serve and make offerings to the Tathagata and to all Buddhas and enlightened teachers in lands as countless as sand grains in the Ganges. If I am determined to do all difficult Dharma duties, it is because I use this mind, and even if I now slander the Dharma, causing my excellent qualities to weaken for ever, it is also because of this mind. If it was not mind, I would have no mind and would be like the earth or a log for nothing exists beyond what I feel and know. Why does the Buddha now say that it is not mind? This frightens me and also this assembly and not one of us here can avoid being doubtful and suspicious about it. Will you be so compassionate as to enlighten us?. From His lion seat the Buddha in order to teach Ananda and the assembly so that they could all achieve the Patient Endurance of the Uncreate (Anutpattika-dharmak santi), held out His hand to touch Ananda's head, saying: The Tathagata has always said that all phenomena are manifestations of mind and that all causes and effects including (all things from) the world to its dust, take shape (solely) because of the mind. Ananda, if we look at all the worlds and all existing (things) including even grass and leaves, and investigate their roots, they are all made of matter and have qualities, and even the empty void has its name and appearance; then how can the pure and clean profound Bright Mind which is the (underlying) nature of every (discriminating) mind be without its own substance? If you grasp firmly the knowledge which comes from your discrimination between feeling and seeing as your true mind, it should have its own nature independent of all (sense data such as) form, smell, taste and touch. As you now listen to my sermon on the Dharma, you differentiate because you hear my voice.

- Bạch Thế Tôn! Con là em cưng của Phật, vì mến Phật nên xuất gia. Tâm con chẳng những cúng dường Như Lai, mà còn muốn trải khắp hằng sa quốc độ, phụng sự chư Phật và thiện tri thức, phát tâm dũng mãnh, làm những Phật sự khó làm, đều dùng tâm này; dầu cho báng pháp, bỏ hẳn thiện căn cũng vì tâm này. Nếu Thế Tôn phát minh cái ấy chẳng phải tâm, vậy con thành không có tâm, đồng như đất gỗ, lìa giác tri này chẳng còn gì cả, sao Như Lai nói cái ấy chẳng phải tâm? Con thật kính sợ, và cả đại chúng đều chẳng khỏi nghi hoặc, kính mong Thế Tôn rũ lòng từ bi, khai thị cho kẻ chưa ngộ.

Bây giờ, Thế Tôn muốn cho A Nan và đại chúng đều được chứng nhập vô sanh pháp nhẫn, nơi tòa sư tử, xoa đầu A Nan khai thị rằng:

- Như Lai thường nói: Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện. Tất cả nhân quả, thế giới vi trần đều do tâm này mới thành có thể tánh. A Nan, tất cả sự vật trên thế gian, cho đến cỏ, lá, chỉ mảnh, cứu xét cội gốc đều có thể tánh, dầu cho hư không cũng có danh hiệu, huống là cái tánh trong sạch sáng tỏ của tất cả tâm lại chẳng có tự thể ư? Nếu người chấp thật cái tánh giác tri phân biệt cho là tâm, thì tâm này lìa tất cả sự vật lục trần phải riêng có tự thể (chẳng theo cảnh trần sanh diệt). Như người hiện nay đang nghe thuyết pháp, là do âm thanh nên có phân biệt; dầu cho diệt hết tất cả kiến, văn, giác, tri, trong giữ u nhân, cũng còn là bóng phân biệt của pháp trần.

The seventh consciousness is unreal

Even if you (succeed in) putting an end to all seeing, hearing, feeling and knowing, and so preserve inner quiet, the shadow of (your) differentiation of things (dharma) still remains. I do not want you to hold that this is not mind, but you should examine it carefully and minutely: that which continues to possess discerning nature even in the absence of sense data is really your mind; (on the other hand) if this discerning nature ceases with sense data, this is merely the shadow of (your) differentiation of them, for they are not permanent and when they cease to exist, so does this (so-called) mind, like the hair of a tortoise and the horns of a hare. If your Dharmakaya can so easily cease to be, who will then practice and realize the patient endurance of the Uncreate?. After hearing this, Ananda and all those present were completely bewildered.¹²

12. Ananda used to rely on his Sixth Consciousness, that is his clinging mind which he mistook for his True Mind. As he was scolded by the Buddha (for self-conceit), he was completely bewildered and

thought that if he had no mind, he would be like earth or a log. The Buddha, out of compassion for the whole assembly, taught them how to develop non-creating mind; He extended His hand to touch Ananda's head to reassure him and to wipe out his perplexity, saying: Why do you think that you are without a mind and are like a lifeless thing? I have always said that all phenomena are manifestations

of the mind and that all worldly causes and effects, either direct or indirect, take shape because of the mind. This is True Mind; why do not you waken to it? All phenomena in the world, as well as the smallest things, are (made of) matter and have qualities, and even the empty void has its name and appearance; then how can the wondrous pure and clean Bright Mind which is the underlying nature of all mental states, have no substance? Instead of understanding the substance of True Mind, you grasp firmly at your false thinking that discriminates (aimlessly) about True Mind; is this not inversion?

If it was True Mind, it should have a nature of its own even after all sense data have ceased to exist. Since it is no more when there are no sense data, is it not false? As you listen to my sermon on the Dharma, you differentiate solely because of my voice, but when I stop speaking, this mind of yours will cease to exist. This is the differentiating mind which arises when you hear my causal voice;

this is your (discriminating) Sixth Consciousness which vanishes when sense data disappear. This wiped out the third aggregate, sanjna, to expose the unreality of the Sixth Consciousness. In the list paragraph of the text, the unreality of the Seventh Consciousness is exposed. It is not only the discriminating Sixth Consciousness which is false but If you put an end to all seeing, hearing, feeling and knowing to stop using all six senses and so preserve your inner quiet, there is still the shadow of (your) differentiation of things. This is the Seventh Consciousness which grasps at the innermost self as an ego and which is the organ of the Sixth Consciousness; it is precisely the root of birth and death, so How can you hold it as Reality?. The Buddha was about to expose the falseness of the fourth aggregate, samskara, and so wipe out the Seventh Consciousness, so He said: I do not want you to hold that it is not mind; what I want you to know is that false thinking is not True Mind; you should examine carefully and minutely this: that which has its independent substance when sense data cease to exist is your True Mind, but that which vanishes with sense data is (simply) non-existent, like the hair of a tortoise and the horns of a hare, in which case your Dharmakaya should also be subject to destruction, and if so, who will practise and realize the patient endurance of the Uncreate?.

- Ta chẳng bảo người chấp thật phi tâm, nhưng người hãy xét kỹ nơi tâm: nếu lìa tiền trần mà có tự thể của tánh phân biệt, tức là chơn tâm của người. Nếu tánh phân biệt lìa trần chẳng có tự thể, ấy là bóng phân biệt của tiền trần. Trần chẳng thường trụ, khi biến diệt thì tâm này đồng như lông rùa, sừng thỏ, vậy pháp thân của người thành ra đoạn diệt, còn ai tu chứng vô sanh pháp nhẫn? (Cảnh trần có hai loại: đối với ngũ căn gọi là tiền trần, đối với ý căn gọi là pháp trần).

Tức thời, A Nan cùng đại chúng im lặng ngơ ngác, chẳng còn lý lẽ gì để nói nữa.

Refuting all inversion

The Buddha said: .Practising students, even after they have realized the nine successive states of dhyana,¹³ still cannot step out of the stream of transmigration and so fail to become Arhats, because they cling to this samsaric false thinking which they mistake for Reality. This is why, though you have heard much (of my Dharma), you have failed to win the holy fruit.¹⁴

13. The states of dhyana in the four dhyana heavens, the four heavens beyond form and the heaven beyond sensation and thought.

14. The Buddha had now wiped out false thinking: in the following text he removed false seeing (perception) as well. that wondrous Bright Mind and so open my Tao eye.

The Inverted Perception

After hearing this, Ananda, in, bitter tears, prostrated himself with his head, knees and elbows on the ground, knelt and brought his two palms together, saying: After I left home to follow the Buddha, I merely relied on His transcendental power and always thought that I could dispense with practice since He would bestow samadhi upon me. I did not know that He could not be my substitute and so lost (sight of) my fundamental Mind. This is why, though I joined the Order, my mind was unable to enter the Tao. I was like a destitute son running away from his father. I only realize now that, in spite of much listening (to the Dharma), if I do not practise it, I shall come to nothing as if I had not heard it, like a man who cannot satisfy his hunger by merely speaking of food. World Honoured One, I am caught by the two hindrances because I do not know the (real) nature of the still and permanent Mind. May the Tathagata be ompassionate enough fully to reveal to me

Phật bảo A Nan:

- Tất cả người tu học trên thế gian, vì chưa dứt sạch tập khí phiền não, dù đã tu đến chín bậc thiền định, chẳng thành quả A La Hán, đều do chấp trước sanh tử vọng tưởng, cho là chơn thật, nên người dẫu được học rộng nghe nhiều, chẳng chứng thánh quả.

A Nan nghe rồi, lại đau xót rơi lệ, nắm vốc gieo sát đất, quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng:

- Từ khi con phát tâm xuất gia, ỷ cậy oai thần của Phật, thường nghĩ rằng chẳng nhọc tự tu, cho rằng Như Lai sẽ ban cho tam muội, không biết thân tâm vốn chẳng thể thay thế nhau được, nên lạc mất bản tâm; thân dù xuất gia, tâm chẳng nhập đạo, như đứa con nghèo bỏ cha chạy trốn. Đến nay mới biết, dẫu cho học rộng nghe nhiều, nếu chẳng tu hành (5) thì khác gì người chẳng nghe! Cũng như nói ăn mà không ăn thì làm sao được no!

- Thế Tôn, hiện nay chúng con bị hai chướng ràng buộc (phiền não chướng và sở tri chướng), vì chẳng biết tự tánh thường tịch, mong Như Lai thương xót kẻ khốn cùng, khai phát diệu tâm, sáng tỏ đạo nhãn cho chúng con.

A bright Light to reveal the One Reality

Thereupon the Tathagata, from the sauvastika on His chest, sent out a radiant multi-coloured precious Light which illuminated the Buddha lands in the ten directions as countless as the dust and which, after shining on the heads of all Buddhas everywhere, veered to Ananda and the assembly. The Buddha then said to Ananda: I now hoist the banner of Great Dharma so that you and all living beings in the ten directions can realize the pure and bright Mind of your profound and subtle Nature and so win the Eye that is pure and clear.¹⁵

*Returning perception to Mind*¹⁶

Ananda, a moment ago you said that you saw my shining fist; tell me, how did its brightness come about, what caused it to take the form of a fist and with what did you see it?

15. This eliminated the disciple's false seeing. Ananda had heard the Buddha's teaching and had believed that the discriminating mind vanished as soon as all causal sense data ceased to exist and so realized that it was not True Mind. Therefore, his previous seeing of the Buddha was false. Hence he asked Him to reveal the wondrous Bright Mind so as to open his Tao eye which alone could put an end to his false seeing. This inverted perception was due to his inner Sixth Consciousness clinging to his outer body as an Ego, and was precisely his attachment to the dual reality of Ego and dharma; this discriminative attachment to the duality of Ego and dharma is called *discriminative perception* (as opposed to inborn or natural perception). Now the organ of his Sixth Consciousness, that is his Seventh Consciousness, clung to the characteristic *Perception* of the inner Eighth Consciousness as an Ego and was his inborn grasping at the duality of Ego and dharma. It is called one's *Inborn Perception*. Since sense organ and consciousness depend on each other, this is the field of wrong thinking; hence the two hindrances that caught Ananda. Before teaching the elimination of falsehood, the Buddha sent out, from the sauvastika on His chest, a radiant multi-coloured Light to stress that wrong thinking was originally the great Wisdomlight of the True Mind in the Tathagata store which, under delusion, turned into false thinking, and so transformed this Wisdom-light into false seeing. This Light illuminated all the ten directions to show its manifestation. As this Brightness is self-possessed by both the saintly and the worldly, it first shone on the heads of the Buddhas and then reached Ananda and the whole assembly. He who seeks the True Mind and True Perception should only cognize this Brightness which, under delusion, turns into false thinking and seeing. Now to change the latter into the fundamental Brightness which is self-possessed, it is only necessary to change the false into the true. He who awakens to this True Light achieves instantly the wondrous pure Bright Mind and realizes the Eye that is pure and clean, so that his mind and perception become true. This was the Great Dharma banner set up by the Buddha.

16. This is the secret of Chan Transmission according to which *Function* should be returned to *Substance* for realization of mind and perception of self-nature. Readers are urged to pay particular attention to the profound meanings of these two idioms, *Substance* and *Function*, in their chan training.

Lúc ấy, Như Lai từ chữ vạn (卐) trước ngực phóng ra hào quang, rực rỡ trăm ngàn màu sắc, đồng thời chiếu khắp mười phương vô số quốc độ Phật, soi khắp đỉnh đầu tất cả Như Lai trong mười phương bửu sát, rồi xoay về soi cả đầu A Nan cùng đại chúng, bảo A Nan rằng:

- Nay ta vì người dựng đại pháp tràng, khiến mười phương chúng sanh đều được diệu tâm sáng tỏ, pháp nhãn thanh tịnh. A Nan, trước người trả lời thấy nắm tay chói sáng, vậy cái nắm tay này do đâu mà có? Làm sao thành nắm tay? Người lấy gì để thấy?

Ananda replied: The Buddha's golden hued body is like a precious hill and manifests (the state of) purity and cleanness, so that the fist shone. It was really my eyes that saw Him bend the fingers and form a fist which was shown to all of us.

The Buddha said: In truth wise people should be awakened by examples and analogies. Ananda, if I had no hand I would have no fist and if you had no eyes, you would have no (faculty of) seeing. Is there any connection between your organ of sight and my fist?.

Ananda replied: Yes, World Honoured One. If I had no eyes, I would have no (faculty of) seeing; so there is an analogy between my organ of sight and the Buddha's fist.

The Buddha said: Your reasoning is incorrect. For instance, a handless man has no fist, but a man without eyes still has his (faculty of) seeing. When you meet a blind man and ask him what he sees, he will tell you there is nothing but darkness in front of him. Therefore, though things may be screened from view the (faculty of) seeing continues.

Ananda said: If a blind man sees nothing but darkness before him, how can this be called seeing?.

The Buddha asked: Is there any difference between the darkness seen by a blind man in front of him and that seen by a man who is not blind when he is in a dark room?.

(Ananda replied): World Honoured One, there is no difference.

A Nan đáp:

- Do tánh thanh tịnh sáng ngời như núi báu của thân Phật sanh ra hào quang, ngón tay Phật co nắm lại thành nắm tay, chính mắt con thấy tướng nắm tay vậy.

Phật bảo A Nan:

- Hôm nay ta nói thật cho nghe: Những người có trí cũng phải nhờ thí dụ mới được khai ngộ. A Nan, ví như tay của ta, nếu chẳng có cánh tay thì chẳng thành nắm tay của ta, nếu chẳng có con mắt người thì chẳng thành sự thấy của người. Vậy lấy nhãn căn của người so với nắm tay của ta, hai nghĩa giống nhau chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Vâng giống. Nếu chẳng có con mắt thì chẳng thành sự thấy của con, vậy đem nhãn căn của con so với nắm tay của Như Lai, hai nghĩa giống nhau.

Phật bảo A Nan:

- Người nói giống nhau, nghĩa này chẳng đúng. Tại sao? Như người không có cánh tay thì tuyệt nhiên chẳng có nắm tay, nhưng người không có mắt thì chẳng phải không thấy. Vì sao? Người thử hỏi người mù có thấy gì chẳng? Người ấy ắt sẽ trả lời: "Nay trước mắt tôi chỉ thấy tối đen, chẳng còn thấy gì khác". Xét theo nghĩa này thì tiền trần tự tối, sự thấy đâu có giảm bớt!

A Nan nói:

- Những người mù trước mắt chỉ thấy tối đen, sao gọi là thấy?

Phật bảo A Nan:

- Người mù không có mắt, chỉ thấy tối đen, so với người có mắt ở trong phòng tối, cũng chỉ thấy tối đen, hai thứ tối đen ấy có khác hay chẳng khác?

- Bạch Thế Tôn! Thật chẳng có khác.

The Buddha said: Ananda, when a blind man who used to see only darkness suddenly recovers his sight and sees every thing clearly, if you say that it is his eyes which see, then when a man who saw darkness in a dark room suddenly lights a lamp which enables him to see what is there, you should say that it is the lamp that sees. If a lamp can see things, it should have (the faculty of) seeing and should not be called a lamp; if it really sees, it has no relation to you. Therefore, you should know that while the lamp can reveal form, seeing comes from the eyes but not from the lamp. Likewise, while your eyes can reveal form, the nature of seeing comes from the mind but not from the eyes.¹⁷

Inverted Men

Although Ananda and the assembly had heard these words, they remained speechless. As they did not awaken to the Teaching, they brought their palms together and waited for the Buddha's further instruction with their minds set on hearing it.¹⁸

17. The Buddha, before exposing the unreality of indiscriminate seeing, held up His fist to probe Ananda. The disciple, being still in the Hinayana stage, knew nothing of Alaya's three characteristics (self-evidencing, perception and form), for he knew only the six consciousnesses and used to hold on to sense organs and sense perceptions, so that he relied on the eyes that .can see. Without realizing that this seeing originated in the mind. As the Buddha was about to teach him how to return this seeing to the mind, He held up His fist, asking: What do you use to see this?. Ananda replied that he used his eyes to see the fist, for he still held that seeing derived from them. So the Buddha compared His fist with the disciple's eyes, asking: If I had no hands, there would be no fist, but if you had no eyes, would you have no (faculty of) seeing?. He then spoke of a blind man who saw only darkness, but had he really no (faculty of) seeing? Since the darkness seen by the blind man is the same as that seen by another who is not blind while sitting in a dark room, it follows that seeing does not come from the eyes. When the blind man recovers his sight and sees things, if this can be called the eyes. seeing, then when a man in a dark room suddenly lights a lamp, this should be called the lamp's seeing. This makes no sense for the lamp can only reveal objects but seeing belongs to the man. Therefore, the organ of sight can only reveal form but the nature of this seeing belongs to the mind and not to the eyes. This is returning perception to mind.

18. Ananda used to lean on the false mind for support. The Buddha, after showing the falseness of the first two aggregates, rupa and vedana, taught him to return the seeing to the mind. The disciple was thrown off balance and, not knowing what to say, was speechless. He was still uncertain and awaited His further preaching.

- A Nan, nếu người không có mắt, thấy toàn tối đen, bỗng được mắt sáng, liền thấy các sắc tướng trước mắt, gọi là "mắt thấy", người ở trong phòng tối cũng toàn thấy tối đen, bỗng được đèn sáng, cũng thấy các sắc tướng trước mắt, thì phải gọi là "đèn thấy". Nếu đèn có thấy thì chẳng được gọi là đèn, lại đèn thấy thì có dính dáng gì đến người? Vậy biết, đèn chỉ có tác dụng hiển hiện sắc tướng, sự thấy là mắt, chẳng phải đèn; mắt chỉ có tác dụng hiển hiện sắc tướng, sự thấy là tâm, chẳng phải mắt.

A Nan và đại chúng dù nghe lời Phật nói vậy, miệng tuy im lặng, nhưng tâm vẫn chưa ngộ, mong được giảng rõ thêm, nên thành tâm chấp tay, đờ Phật dạy bảo.

The worlding's inverted views

The Buddha then held up His shining hand, straightened His fingers to give (further) instruction to Ananda and the assembly and asked: After I attained Enlightenment (Bodhi), I went to Magadava park where I told Ajnata-kaundinya and his group of five bhiksus as well as you monks, nuns and devotees, that all living beings failed to realize Enlightenment and became Arhats because they were misled by foreign dust which created delusion and distress (by entering their minds). What at that time caused you to awaken so that you can now win the holy fruit?.

Ajnata-kaundinya then rose from his seat and replied to the Buddha: I am now a senior in the assembly in which I am the only one who has acquired the art of interpreting because I had awakened to (the meaning of) the expression .foreign dust,. so that I won the (holy) fruit. World Honoured One (foreign dust) is like a guest who stops at an inn where he passes the night or eats something and then packs and continues his journey because he cannot stay longer. As to the host of the inn, he has nowhere to go. My deduction is that one who does not stay is a guest and one who stays is a host. Consequently, a thing is .foreign. when it does not stay. Again, when the sun rises in a clear sky and its light enters (the house) through an opening, the dust is seen to dance in the ray of light whereas the empty space does not move. I deduce that that which is still is the void and that which moves is the dust. Consequently, a thing is .dust. when it moves.

The Buddha said: .Correct.

The Hinayanist's inverted views

The Buddha then bent, straightened and rebent his fingers and asked Ananda: What did you see?.

Ananda replied: I saw the Buddha open and close His fist.

The Buddha asked: You say that you saw my fist open and close; was it my fist or your seeing that opened and closed?.

Ananda replied: As the Buddha's fist opened and closed, I saw that it and not the nature of my seeing did so by itself.

Bấy giờ, Thế Tôn duỗi cánh tay sáng ngời, mở năm ngón tay, bảo A Nan và đại chúng:

- Lúc ta mới thành đạo nơi Lộc Viên, có nói với năm vị Tỳ Kheo và tứ chúng rằng: Tất cả chúng sanh chẳng thành Bồ-Đề và chứng quả A La Hán, đều tại làm theo phiền não khách trần. Lúc đó, các người do đâu được khai ngộ, nay chứng thánh quả?

Khi ấy, Kiều Trần Như đứng dậy bạch Phật:

- Con là bậc trưởng lão trong chúng được gọi là hiểu rộng biết nhiều, vì ngộ hai chữ Khách Trần nên được chứng quả. Thế Tôn, ví như người đi đường vào nghỉ ở khách sạn, ăn ngủ xong rồi lên đường đi tiếp, chẳng thể ở lại, còn người chủ thì cư trú tại đó, chẳng cần đi đâu. Vậy chẳng trụ là khách, trụ gọi là chủ, nên lấy sự "chẳng trụ" làm nghĩa chữ Khách.

- Cũng như mưa mới tạnh, ánh sáng mặt trời rọi qua kẽ hở, thấy rõ tướng bụi trần lắng xuống nơi hư không. Trần thì lay động. Hư không tịch nhiên. Vậy tịch lặng gọi là không, lay động gọi là trần, nên lấy sự "lay động" làm nghĩa chữ Trần.

Phật nói:

- Đúng thế!

Tức thời Như Lai ở trong đại chúng co năm ngón tay, nắm rồi lại mở, mở rồi lại nắm, hỏi A Nan:

- Nay người thấy gì?

A Nan đáp:

- Con thấy bàn tay của Như Lai lúc mở lúc nắm.

Phật bảo A Nan:

- Người thấy tay ta mở nắm, là tay ta có mở có nắm, hay cái thấy của người có mở có nắm?

A Nan đáp:

- Bàn tay của Như Lai tự mở nắm, chứ chẳng phải tánh thấy của con có mở nắm.

The Buddha asked: Which one moved and which was still?.

Ananda replied: The Buddha's hand was not still; as to the nature of my seeing which was already beyond the state of stillness, it could not move.

The Buddha said .Correct.

Thereupon the Buddha sent out from His palm a radiant ray of light to Ananda's right, and the disciple turned to look at it. Then He sent out another ray to Ananda 's left and the disciple turned to look at it.

The Buddha then asked: Why did your head move?.

Ananda replied: I saw the Buddha send out radiant rays of light to my right and left, I turned to look at them and so my head moved.

(The Buddha. said:) As you turn to the right and left to see the Buddha-light, is it your head or your seeing that moves?.

(Ananda replied:) World Honoured One, it is my head that turns; as to my seeing which is already beyond (the state of) stillness, how can it move?.

The Buddha said: .Correct. ¹⁹

19. The Buddha wiped out both the worldly view of permanence and the Hinayanist view of impermanence which have no room in the Absolute which is beyond both illusory states.

Phật hỏi:

- Cái nào động, cái nào tịnh?

A Nan đáp:

- Tay Phật chẳng trụ, tánh thấy của con tịnh còn chẳng có, làm sao có động! (Bản kiến bất nhị, động tịnh đều chẳng nhiễm).

Phật nói:

- Đúng thế!

Liền đó, Như Lai từ trong bàn tay phóng ra một tia hào quang rọi bên phải A Nan. A Nan liền quay đầu nhìn bên phải, Phật lại phóng một tia hào quang rọi bên trái A Nan, A Nan lại quay đầu nhìn bên trái, Phật bảo A Nan:

- Đầu ngươi vì sao lại lay động?

A Nan đáp:

- Con thấy Như Lai phóng hào quang đến hai bên cạnh con, nên theo đó nhìn qua nhìn lại, đầu tự lay động.

- A Nan, ngươi nhìn theo hào quang lay động là đầu ngươi động hay cái thấy động?

- Bạch Thế Tôn! Đầu con tự động, tánh thấy của con ngưng còn chẳng có, nói gì lay động! (Bản kiến không đối đãi, động và chẳng động đều chẳng dính dáng).

Phật nói:

- Đúng thế!

The Buddha then declared to the assembly: ‘so every worldly man knows that what moves is dust. and that he who does not stay is a guest. You have seen Ananda whose head moved of itself whereas his seeing was unmoved. You have also seen my fist which opened and closed of itself whereas his seeing neither expanded nor contracted. Why do you still regard the moving as your body and surroundings, and so, from beginning to end, allow your thoughts to rise and fall without interruption, thereby losing (sight of) your true nature and indulging in backward actions? By missing the (True) Mind of your nature and by mistaking (illusory) objects for your Selves, you allow yourselves to be caught in the wheel (of samsara) thereby forcing yourselves to pass through transmigrations.²⁰

20. The Buddha reprimanded both worldlings and Hinayanists for their inverted views to eliminate both the worldly and saintly states. If people in this world already know that the moving is .dust,. it is clear that samsara is impermanent, but why do they still regard it as (real and) lasting? If Hinayanists know that the head moves whereas the nature of seeing is unmoved, it is very clear that the latter is really lasting, but why do they still regard it as impermanent? The Buddha meant: ‘since you now know what is and is not permanent; why do you still hold that what moves are your bodies, and (external) objects?. These two rebuttals implied the Buddha’s idea of eliminating both the false and the real. He meant that if this body and all objects (outside) it were impermanent, why did worldly men regard them as permanent? Thus He reprimanded all worldly men. If this very body and all things external to it) were really permanent, for The non-existent body of illusion is Dharmakaya,. then why did the Hinayanists hold that they were impermanent? Thus He reprimanded the Hinayanists. These discriminations result in the continuous rise and fall of endless thoughts while the True Nature is overlooked. This is why people indulge in backward actions and lose (sight of) the self possessed Nature of Mind. .For you have recognized (external) objects as your Self and are caught in the midst of wrong actions so that you turn the wheel of birth and death. (In other words to root out the worldly man’s Is. and the Hinayanist’s Is not. to reveal the .Mean. which includes both existence and non-existence.)

The heretics’ inverted view of annihilation

After Ananda and the whole assembly had heard the Buddha’s words, their bodies and minds became calm and composed. They thought that, since the time without beginning, they had lost (sight of) their own minds by wrongly clinging to the shadows of their differentiated causal conditions and that they had only now awakened to all this, like a (hungry) baby who had not suckled for some time and suddenly saw its loving mother. They brought their palms together to thank the Buddha and wished to hear His teaching on the dual states of reality and unreality, existence and nonexistence and mortality and immortality of body and mind.

Do đó, Phật bảo đại chúng rằng:

- Nếu chúng sanh cho "lay động" là trần, "chẳng trụ" là khách, các người hãy xem, như A Nan đầu tự lay động mà tánh thấy chẳng động; lại tay ta tự mở nắm mà tánh thấy chẳng mở nắm. Vậy sao các người hiện nay lại cho động là thân, cho động là cảnh, từ đầu đến cuối niệm niệm sanh diệt, lạc mất chơn tánh, hành theo điên đảo. Vì tâm tánh chẳng chơn, nhận vật làm mình, tự trôi lăn theo dòng sanh tử, cam chịu luân hồi.

GHI CHÚ:

- (1) Sa Ma Tha: Thiền định cực tịnh đồng như không quán.
- (2) Tam Ma Đề: Thiền định phát dụng biến hóa, đồng như giả quán.
- (3) Thiền Na: Thiền định tịch diệt, lìa năng sở đối đãi, đồng như trung đạo quán.
- (4) Bản thức: Bản tâm, bản kiến, bản văn, bản giác, bản tri đều là biệt danh của tự tánh.
- (5) Theo đúng pháp môn thực hành, có tu có chứng, mới được gọi là tu hành.

Lúc bấy giờ, A Nan và đại chúng nghe lời Phật dạy, thân tâm thư thái, nghĩ mình từ vô thi đến nay, lạc mất bản tâm, làm nhận bóng phân biệt của nhân duyên căn trần, hôm nay khai ngộ, như đứa bé khát sữa bỗng được gặp mẹ, chấp tay lễ Phật, mong được nghe Như Lai hiển bày chỗ chơn vọng hư thật của thân tâm, phát minh hai tánh sanh diệt và chẳng sanh diệt ngay trước mắt.

King Prasenajit then rose and said to the Buddha: Before I received the Buddha's instruction, I met (Kakuda) Katyayana and (Sanjaya) Vairatiputra who both said that when the body died, its annihilation was called Nirvana. Although I have now met the Buddha, I am still not clear about this. All those here who are still in the stream of transmigration wish to know how to realize that mind and prove that it is beyond birth and death.²¹

The Buddha said to King Prasenajit: Great King, I now ask you about your body of flesh and blood: is it permanent and indestructible like a diamond, or does it change and decay?.

(The king replied:) My body will decay and finally be destroyed.

The Buddha asked: Great King, you have not yet died, how do you know that your body will be destroyed?.

The king replied: World Honoured One, though my impermanent, changing and decaying body is not yet dead, I observe that it changes and decays without a moment's pause and is bound to go out. like a fire that gradually burns out and will be reduced to naught.

The Buddha asked: Yes, Great King, you are old now but how do you look compared to when you were a child?.

The king replied: World Honoured One, when I was a child, my skin glowed and when I grew up, I was full of vigour, but now I age and weaken, I grow thin and my spirits are dull, my hair is white and my face wrinkled so that I know I shall not live much longer; there is no comparison between now and when I was full of vitality.

21. The Buddha had sent out a ray of light to teach Ananda that the unchanging was there with the moving body and objects. So we know that (the state of) birth and death also comprises that which is beyond both. Ananda now understood this and wanted the Buddha to teach him what was and was not real and true, and what were birth and death and what were not, so as to draw a clear line between reality and unreality in order to remove his remaining doubts. But he had not yet put his wish into words. In the past King Prasenajit had followed heretical teachers. Kakuda Katyayana taught the doctrine of (simultaneous) existence and non-existence, and Sanjaya Vairatiputra, that of naturalism. Though there were many heretical sects in India, their doctrines did not go beyond the two wrong views of permanence and annihilation which the king had studied, so that he clung to the idea of annihilation even after he had met the Buddha. As he had now heard Him teach that the Mind is beyond birth and death, he was not clear about it and asked for elucidation.

Khi ấy, vua Ba Tư Nặc đứng dậy bạch Phật:

- Xưa kia con chưa được nghe lời dạy của Phật, thấy bọn ngoại đạo Ca Chiên Diên (chấp các pháp cũng có cũng không) và Tỳ La Chi Tử (chấp mãi kiếp tự nhiên đắc đạo), đều nói thân này sau khi chết đoạn diệt gọi là Niết Bàn. Nay dù gặp Phật nhưng vẫn còn hồ nghi, chẳng biết làm thế nào mới được chứng tỏ chỗ chẳng sanh diệt của tâm này, hiện nay hàng hữu lậu trong chúng đều mong cùng nghe.

Phật nói với vua:

- Thân ông ở đây, nay ta hỏi ông, cái nhục thân này là đồng như kim cang, thường trụ chẳng hoại hay có biến diệt?

- Bạch Thế Tôn! Cái thân vô thường biến hoại của con dù chưa từng diệt, nhưng con xét thấy trước mắt niệm niệm dời đổi, mãi mãi không thôi, dần dần tiêu mòn, như lửa thành tro, sự tiêu mòn chẳng ngừng, nên biết chắc chắn thân này rồi sẽ diệt mất.

Phật nói:

- Đúng thế, đại vương! Tuổi tác của ông nay đã già yếu, vậy mặt mày so với thuở nhỏ như thế nào?

- Bạch Thế Tôn! Xưa con còn nhỏ, da thịt mơn mớn, đến khi trưởng thành, khí huyết sung túc, nay thì tuổi già, ngày thêm suy yếu, hình sắc khô gầy, tinh thần mệt mỏi, tóc bạc mặt nhăn, sự sống chẳng còn bao lâu nữa, làm sao so bằng lúc trẻ mạnh!

The Buddha said: Great King, your appearance should not decline. The king replied: World Honoured One, it has been changing all the time too imperceptibly for me to notice it. With the constant change of seasons, I have become what I am now. Why? Because when I was twenty, though still young, I already looked older than when I was ten, while at thirty I was older still. As I am now sixty-two, I am older than at fifty when I was stronger. World Honoured One, I notice this imperceptible change in every decade, but when I look into it closely, (I see that) it has occurred not only yearly, monthly and daily, but in each moment of thought. That is why I know that my body is destined to final destruction.

The Buddha said: Great King, you observe this ceaseless change and know that you will die, but do you know that when you do, there is that which is in your body and does not die?.

The king brought his two palms together and said: I really do not know.

The Buddha continued: I will now show you the (self-) nature which is beyond birth and death. Great King, how old were you when you first saw the Ganges?.

The King replied: When I was three my mother took me to worship the deva Jiva. As we crossed the river, I knew it was the Ganges.

The Buddha asked: Great King, as you just said, you were older at twenty than at ten, and until you were sixty, as days, months and years succeeded one another, your (body) changed in every moment of thought. When you saw the Ganges at three, was its water (the same as it was) when you were thirteen?.

The king replied: It was the same when I was three and thirteen, and still is now that I am sixty-two.

The Buddha said: As you now notice your white hair and wrinkled face, there must be many more wrinkles than when you were a child. Today when you see the Ganges, do you notice that your seeing is .old. now while it was .young. then?.

The king replied: It has always been the same, World Honoured One.

Phật nói:

- Hình thể của ông đâu phải bỗng nhiên biến hoại!
- Bạch Thế Tôn! Sự biến hóa âm thầm dòi dổi, con thật chẳng hay, mùa đông mùa hạ thấm thoát trôi qua, dần dần đến thế này. Tại sao? Khi hai mươi tuổi, dù gọi là trẻ, nhưng mặt mày đã già hơn lúc lên mười, khi ba mươi tuổi lại sút hơn lúc hai mươi, đến nay đã sáu mươi hai, so với lúc năm mươi thì suy yếu hơn nhiều. Thế Tôn, con cảm thấy sự dòi dổi âm thầm trôi chảy theo kỳ hạn mười năm, nhưng nếu suy xét tỉ mỉ thì cái biến đổi ấy đâu phải từng 10 năm! Thật ra thì mỗi năm mỗi đổi, cho đến mỗi tháng, mỗi ngày, mỗi giờ, trong mỗi sát na niệm niệm biến đổi chẳng ngừng, nên biết thân này chung quy biến diệt vậy.

Phật nói:

- Ông thấy biến hóa dòi dổi chẳng ngừng, ngộ biết phải diệt. Vậy trong lúc diệt, ông còn biết trong thân có cái gì chẳng diệt chẳng?

Vua Ba Tư Nặc chấp tay bạch Phật:

- Con thật chẳng biết!

Phật nói:

- Nay ta chỉ cho ông cái tánh chẳng sanh diệt. Đại Vương, ông thấy nước sông Hằng hồi mấy tuổi?

Vua đáp:

- Lúc lên ba, mẹ con dắt đi yết lễ thần Tỳ Bà Thiên, đi qua sông này, khi ấy đã biết sông Hằng.

Phật nói:

- Như lời ông nói, lúc hai mươi tuổi thì sút hơn lúc lên mười, cho đến sáu mươi niệm niệm dòi dổi theo từng ngày giờ. Vậy khi ông ba tuổi thấy nước sông, rồi đến năm mười ba, thấy nước sông, tánh thấy như thế nào?

Vua đáp:

- Tánh thấy cũng giống như khi ba tuổi, cho đến năm nay đã sáu mươi hai cũng chẳng có khác. (Bản kiến vốn chẳng sanh diệt biến đổi).

Phật nói:

- Nay ông tự than đã già, mặt ông chắc phải nhăn hơn lúc trẻ, vậy hiện nay thấy sông Hằng với lúc nhỏ thấy sông Hằng, cái tánh thấy có già trẻ gì chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Không ạ!

The Buddha said: Great King, though your face is wrinkled, the nature of this essence of your seeing is not. Therefore, that which is wrinkled changes and that which is free from wrinkles is unchanging. The changing is subject to destruction whereas the unchanging fundamentally is beyond birth and death; how can it be subject to your birth and death? Why do you bring out Maskari Gosaliputra's (wrong) teaching on total annihilation at the end of this life?. Upon hearing this, the king realized that after death, there will be (no annihilation but) life again in other transmigrations. He and the whole assembly were happy and enthusiastic at the Teaching which they had never heard before.²²

The inverted behaviour

After hearing this, Ananda rose from his seat, prostrated himself before the Buddha, brought his two palms together and knelt saying: World Honoured One, if both seeing and hearing are beyond birth and death, why has the Buddha said that we have lost (sight of) our True Nature and so acted in an inverted manner? Will you be compassionate enough to enlighten us, and so wash off our defiling dust?. Thereupon the Buddha lowered His golden hued arm with the fingers pointing downward and asked Ananda: As you now see my hand, is it in a correct or inverted (position)?.

22. This eliminates the heretical idea of annihilation (at the end of this life). Ananda wanted the Buddha to reveal the permanent nature of his (ephemeral) body and mind. Since this was a most difficult thing to explain, He used King Prasenajit's query to expound it. Not only did the king overlook the identity of birth and death with the permanent (nature from which they spring) but he also clung to the wrong view that annihilation would follow death. Had he known that death was (only illusory and) fundamentally unreal, he would have realized that it was the same with birth; thus he would have understood the profound meaning of True Permanence. It was very difficult for him to be clear about this imperishable nature at the end of (each illusory) life, but it could be demonstrated with the aid of his body and mind. Therefore, the Buddha asked the king whether his body was changing and decaying or was permanent and imperishable like an indestructible diamond. If his body was closely examined, it was really changing in every moment of thought and was, therefore, impermanent, for from his childhood to his prime and old age, it had altered gradually and was bound to decay and come to an end. This is the birth and death of the impermanent body and mind in which the (self-) nature is really permanent. But how can it be realized? And so the Buddha asked him about his seeing the Ganges to prove its nature, which was the same in spite of the gradual change of his physical appearance from his childhood up to then. This proved that that which changed was subject to destruction whereas that which did not was his True Nature.

Phật nói:

- Mặt ông dù nhăn mà cái tánh của kiến tinh (những thấy) chưa từng nhăn, có nhăn là biến, chẳng nhăn thì bất biến; biến ắt phải diệt, bất biến vốn chẳng sanh diệt. Vậy lấy gì để thọ nhận sanh tử cho ông? Mà còn đem tà thuyết của bọn Mạt Già Lê kia, cho là thân này sau khi chết đoạn diệt!

Vua nghe Phật dạy, tin biết Bản Kiến thật chẳng đoạn diệt, bỏ thân này sẽ được thân khác, nên cùng đại chúng vui mừng được pháp chưa từng có. Ngay đó, A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy chấp tay đảnh lễ, quỳ gối bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu cái tánh thấy nghe này thật chẳng sanh diệt, sao Thế Tôn lại nói chúng con lạc mất chơn tánh, hành theo điên đảo? Xin Phật từ bi, rửa sạch trần cấu cho chúng con.

Tức thời, Như Lai duỗi cánh tay sắc vàng, ngón tay chỉ xuống, bảo với A Nan:

- Nay người thấy tay ta là chánh hay đảo?

Ananda replied: All worldly men regard this as inverted but I myself do not know which position is correct or inverted.

The Buddha asked: If they hold that it is inverted, which position do they consider to be upright?.

Ananda replied: If the Buddha holds up His hand pointing to the sky, it will be upright.

The Buddha then held up His hand and said: If worldly men so discriminate between an upright and inverted hand, they will in the same way differentiate between your body and the Buddha's pure and clean Dharmakaya and will say that the Tathagata's body is completely enlightened whereas yours is upside down. If you look closely into your body and the Buddha's, where is this so called inversion?

After hearing this, Ananda and the assembly were bewildered and gazed fixedly at the Buddha without knowing whether their bodies and minds were really inverted.

A Nan đáp:

- Chúng sanh thế gian cho đây là đảo, mà con thì chẳng biết thế nào chánh, thế nào đảo.

Phật bảo A Nan:

- Nếu người thế gian cho đây là đảo thì lấy gì làm chánh?

A Nan đáp:

- Như Lai đưa cánh tay chỉ lên trời gọi là chánh.

Phật liền giơ cánh tay lên, bảo rằng:

- Theo tánh thấy là chánh, theo cảnh trần là đảo; tánh thấy chẳng có chánh, đảo, cảnh trần mới có chánh, đảo, nay chẳng theo tánh thấy mà duyên theo cảnh trần, đã là một lớp điên đảo. Lại, theo lý lẽ thường, cánh tay chỉ xuống thuận theo thân là chánh, cánh tay chỉ lên nghịch với thân là đảo; nay người thế gian đầu đuôi đổi nhau, cho thuận là đảo, cho nghịch là chánh, thành điên đảo bội phần. Vậy đem thân người so với pháp thân thanh tịnh của Như Lai thì được biết rõ, thân Như Lai gọi là Chánh Biến Tri, thân các người gọi là tánh điên đảo. Người hãy quán xét kỹ giữa thân người và thân Phật, cái cho là điên đảo ấy, ở chỗ nào gọi là điên đảo?

Khi ấy A Nan và đại chúng ngẩn ngơ nhìn Phật không nháy mắt, chẳng biết chỗ thân tâm điên đảo

LƯỢC GIẢI

Thanh tịnh pháp thân tức diệu tâm sáng tỏ chơn thật (gốc), kiến văn giác tri tức là vật do diệu tâm hiện ra (ngọn); về gốc là chánh, theo ngọn là đảo, ví như bọt nổi nơi biển, nhận biển là chánh, nhận bọt là đảo. Phật hỏi A Nan: Người thấy tay ta là chánh hay đảo? Khi đó A Nan nên ở nơi tánh thấy của mình trực ngộ thế nào chánh, thế nào đảo, chẳng nên nơi tay Như Lai cho là chánh, là đảo. Cũng như Tu Bồ Đề tĩnh tọa trong hang, chẳng nhờ căn thức được thấy Pháp thân Như Lai, gọi là Chánh Biến Tri. Dùng mắt A Nan để thấy tay Như Lai, lại ở nơi tay phân biệt chánh hay đảo, ấy là duyên theo lục thức, bỏ gốc theo ngọn, đã lìa ngôi chánh nên gọi là tánh điên đảo.

Delusion and Enlightenment are of the same source

The Buddha was moved with compassion and, out of pity for Ananda and the assembly, said in His voice as steady as the ocean tide:²³ Virtuous men, I have always declared that Form and Mind and all causes arising therefrom, all mental conditions and all causal phenomena are but manifestations of the mind. Your bodies and minds are just appearances within the wonderful, bright and pure Profound Mind. Why do you stray from the precious, bright and subtle nature of fundamentally Enlightened Mind and so recognize delusion within enlightenment?.²⁴

23. Ocean-tide voice is the unfailing response to the needs of men, like the ocean-tide which never fails to rise and fall.

24. Ananda had now heard the Buddha use the seeing of the Ganges to reveal that which was beyond birth and death in the midst of changing conditions. He thought that when he spoke before of seeing the Buddha's fist, that was also the nature of his seeing which proved that he had not lost (sight of) his true nature. Why did the Buddha agree with the king and disagree with him? This proved that Ananda had failed to know where his inversion really was. And so the Buddha held down His hand which was in a natural position which worldly men mistook for being inverted. This illustrated precisely the body and its conditions in the true state of permanence which the disciple rejected and from which he strayed. Such is the inverted view held by Hinayanists and heretics. His hand was then held upright but was (in reality) inverted which worldly men regarded as right; this is the impermanent state of birth and death which they called permanent. Such is the inverted view of worldly men. The Buddha said the arm was His and fundamentally was neither right nor wrong, but the mere change of its position gave rise to discrimination. This was precisely the wrong way in which deluded people looked at things. The Buddha's Dharmakaya and your body are just the same but if you discriminate between them, you will call His an enlightened body and yours an inverted one. The Buddha's aim was to urge Ananda to look through the physical body to realize the spiritual Dharmakaya. Hence He asked Ananda: Look closely into your body and the Buddha's and tell me where the so-called inversion lies. Since Ananda and those present failed in this because of their delusion, they were bewildered and did not realize where the inversion really lay. The Buddha took compassion on them and said: I have always declared that form and mind and all causes arising therefrom, all mental conditions and all causal phenomena are but appearances in the (True) Mind. *Form*, (the aggregate rupa) comprises the five physical organs and their six modes of sense (eg. car and sound; etc.). *Mind* comprises the last four of the five aggregates and the eighth consciousness. *All causes* are sense organs and sense data. *Mental conditions* are the fifty-one mental ideas and *causal phenomena* comprise body, the world and the myriad things that constitute man's surroundings. Thus you should know that your body and mind are just things that appear in your wonderful, bright and pure Profound Mind. Why do you recognize only your illusory body and mind thereby losing sight of the precious, bright and subtle nature of your fundamental Enlightened Mind and so recognize delusion within Enlightenment? For fundamentally you were not deluded but merely lost sight of Reality by wrongly clinging to unreality, hence your delusion in the midst of Enlightenment. This is exactly where your inversion lies.

Phật mở lòng từ bi thương xót A Nan và đại chúng, phát hải triều âm bảo khắp trong Hội rằng:

- Các thiện nam tử! Ta thường nói: các duyên tâm và sắc với các tâm sở (buồn, vui, yêu, ghét v.v...) các pháp sở duyên (cảnh trần) đều do tâm biến hiện, thân tâm của người cũng là vật do diệu tâm hiện ra, vậy sao các người lại lạc mất cái bản tánh vốn tròn đầy sáng tỏ của diệu tâm, nhận lầm cái mê (vọng tâm) nơi ngộ (diệu tâm) cho là tâm tánh, bèn mê diệu minh

(Mind's) dimness creates (dull) emptiness and both, in the darkness, unite with it to become form. The mingling of form with false thinking causes the latter to take the shape of a body, stirred by accumulated causes within and drawn to externals without. Such inner disturbance is mistaken for the nature of mind, hence the false view of a mind dwelling in the physical body and the failure to realize that this body as well as external mountains, rivers, space and the great earth are but phenomena within the wondrous bright True Mind. Like an ignorant man who overlooks on the great ocean but grasps at a floating bubble and regards it as the whole body of water in its immense expanse, you are doubly deluded amongst the deluded. This is exactly the same delusion as when I hold my hand down; and so the Tathagata says that you are the most pitiable people.²⁵

25. The Buddha said that all things were but manifestations of the mind, but being apprehensive that those present could not understand this, He traced inversion back to its origin to reveal the same source of both Ignorance and Enlightenment in order to root out the false mind and false seeing. In the pure and clean True Mind of the One Reality, there was fundamentally neither body and mind nor outer world, but it was stirred and screened by a single thought, thereby transforming the all-embracing Absolute Void into dull emptiness, hence the words: Dimness creates dull emptiness. Then ignorance thickened in this relative voidness and crystallized into illusory form made of four-elements, hence the words: Both dimness and emptiness unite with the darkness to become form. As the True Mind was screened by delusion, the fundamental bright wisdom was changed into wrong perception which confronted illusory form, and, as time passed slowly, it united with some small portion of the four elements, thereby taking the illusory shape of body and mind, made of five aggregates; hence: The mingling of form with false thinking causes the latter to take the shape of a body. Because this illusory body was grasped, the self-possessed True Nature was overlooked, hence the recognition of inner disturbance by stirring accumulated causes. as the nature of the self-mind. After losing (sight of) the boundless True Mind, the illusory body and mind were grasped, and mind was wrongly thought to be in the body. Hence the failure to realize that this body as well as outer mountains, rivers, space and the great earth were but phenomena appearing in the wonderful bright True Mind. This is like rejecting the great ocean to recognize one of its bubbles; this already showed one delusion, and if a bubble was mistaken for the whole body of water, this was another delusion. Thus, you are doubly deluded. Such inversion does not differ from that caused by my lowering an arm. Hence the Buddha declared that Ananda and those present were the most pitiable people. The Buddha by His revelation of two basic inversions ([page 12](#)) had now rooted out the third aggregate sanjna and the first six consciousnesses in His dealing with the first basic inversion.

(diệu tâm sáng tỏ) trở thành vô minh, từ vô minh biến thành ngoan không, vô minh là năng biến, ngoan không là sở biến, năng sở hòa hợp biến ra tứ đại, là ngoại sắc của y báo, sắc lẫn lộn với tâm vọng tưởng thành có chúng sanh, là nội sắc của chánh báo, tướng (vọng tướng), tướng (vọng sắc) làm thân, nhiếp trì thân tâm là thức thứ tám, tụ duyên lay động bên trong là thức thứ bảy, dong ruổi theo cảnh bên ngoài là thức thứ sáu, từ vô minh biến khởi vọng duyên vọng trần, mà nhận tướng nhiều loạn lăng xăng này, mê muội cho là tự tâm ở trong sắc thân, chẳng biết sắc thân, núi sông, đất đai cho đến hư không đều là vật do diệu tâm biến hiện, ví như bỏ cả trăm ngàn biển lớn, chỉ nhận một bọt nước cho đó là bao gồm tất cả nước biển, cũng như các người, tụ ở Bản Kiến, lại ở nơi tay ta phân biệt chánh, đảo, thật là mê lại thêm mê. Như Lai nói là kẻ đáng thương xót vậy.

**Refuting the false perception to eliminate the fourth aggregate and reveal the non-existence of the seventh consciousness
Wiping Out the Unreal The Non-existence of Discriminative Perception**

Ananda's wrong view

Ananda was moved to tears by the Buddha's compassion and profound Teaching, brought his two palms together and said: .After hearing the Buddha's wonderful Dharma, I have realized that the wondrous Bright Mind is fundamentally perfect, so that I always dwell in my Mind-ground. But if my awakening has been due to the Buddha's preaching, I have (really) used, my causal mind to hear it with reverence, thereby merely realizing that mind. I dare not pretend that it is the fundamental Mind-ground. Will you be compassionate enough to enlighten me so as to remove my (remaining) doubts so that I can return to the Supreme Tao?.²⁶

26. Ananda's statement showed his second basic inversion. (See p. 10.) Hitherto he had recognized his discriminating mind as the true one. As the Buddha now disclosed the profound, bright, allembicing True Mind about which he had not previously heard, he was moved to tears, but his comprehension by means of illusory mind of the Teaching did not mean his experiential awakening to True Mind. Therefore, he dared not pretend that he had really wakened to the fundamental Mind-ground and asked the Buddha to remove his doubt on this point. Although the ancients had unshaken faith in their self-minds, they could not attain real awakening until they had settled their doubts about their self-minds. But in Ananda's case his discriminating about the Buddha's voice with his causal or samsaric mind (prevented) his enlightenment. As (his faith) still depended upon his intellect or Sixth Consciousness he still accepted illusory causes and so missed Reality.

A Nan thọ nhận lòng từ bi dạy bảo thâm sâu của Phật, rơi lệ chấp tay bạch Phật rằng:

- Con dù được nghe diệu âm, ngộ biết chỗ bản lai thường trụ viên mãn của diệu tâm mà con hiện nay dùng tâm phan duyên nghe tiếng thuyết pháp của Phật, dẫu ngộ được tâm này, nhưng chưa dám cho là bản tâm, mong Phật thương xót khai thị diệu pháp, nhổ trừ gốc nghi ngờ của con, để được đến đạo vô thượng.

Unreality of illusory causes

The Buddha said: You are still using your clinging mind to listen to the Dharma; since, however, this Dharma is also causal, you fail to realize the Dharma-nature. This is like a man pointing a finger at the moon to show it to others who should follow the direction of the finger to look at the moon. If they look at the finger and mistake it for the moon, they lose (sight of) both the moon and the finger. Why? Because the bright moon is actually pointed at; they both lose sight of the finger and fail to distinguish between (the states of) brightness and darkness. Why? Because they mistake the finger for the bright moon and are not clear about brightness and darkness. Likewise, if you mistake your (intellect which) hears my preaching voice for your (true mind), the latter's discerning nature should be independent of that differentiated voice. For instance, when a traveller spends the night at an inn, he does so for a time and then leaves, not staying there for ever: as to the inn-keeper, he has nowhere else to go for he owns the inn. It is the same with your mind.

Falseness of both sense organs and consciousness

If it is your True Mind, it has nowhere to go. Then why in the absence of speech has it no discerning nature of its own? This discriminating (intellect) does not arise only when I speak, but also when you discern my appearance; it has no discerning nature of its own when there is no form. (It is not True Mind) even when you reach the state in which all discrimination ceases, a state that is neither form nor Voidness, which the heretics call Primordial Darkness.²⁷

All phenomena returnable to causes are unreal

If that which has no discerning nature of its own ceases to exist in the absence of causal conditions, how can the (so-called) nature of your mind be an (independent) Host if it disappears when it returns to its (illusory) causes?²⁸

27. Primordial darkness at the beginning of existence, out of which all things arose.

Phật bảo A Nan:

- Các người nay còn dùng tâm phan duyên để nghe pháp, vậy pháp này cũng là duyên, chẳng hợp pháp tánh. Cũng như có người dùng tay chỉ mặt trăng cho người khác xem, người ấy nên nhờ ngón tay để thấy mặt trăng; nếu nhìn ngón tay cho là mặt trăng thì chẳng những bỏ mất mặt trăng, cũng chẳng biết ngón tay. Tại sao? Vì cho ngón tay là mặt trăng, chẳng những không biết ngón tay, lại cũng chẳng phân biệt được sáng tối. Tại sao? Vì cho cái bản thể của ngón tay là tánh sáng của mặt trăng, chẳng rõ được hai tướng sáng tối vậy. Các người cũng thế, nếu dùng ý thức phân biệt tiếng thuyết pháp của ta, cho là tâm của các người, thì tâm này phải là sự phân biệt âm thanh, riêng có tánh phân biệt. Ví như người đi đường ở lại khách sạn, nghỉ tạm rồi đi, chẳng được thường trú, còn người giám đốc khách sạn thì khỏi đi đâu cả, nên gọi là chủ. Nay cũng như thế, nếu là chơn tâm (chủ) của người thì khỏi cần đi đâu, sao lại là âm thanh chẳng có tự thể của tánh phân biệt? Thế thì, cái tâm phân biệt âm thanh dung mạo này, là các sắc tướng chẳng có tự thể của tánh phân biệt cho đến sự phân biệt cũng chẳng có, phi sắc phi không, mà bọn ngoại đạo Câu Xá Ly mê muội cho là Minh Đế (thần ngã). Nếu là các pháp nhân duyên chẳng có tự thể của tánh phân biệt thì tâm tánh các người đều có chỗ trở về, lấy gì làm chủ?

Borrowing The Essence Of Perception To Pick Out Causal Externals

Ananda asked: If every state of my mind can be returned to its cause, why does the Buddha speak of the wondrous bright original mind which is not returnable to anywhere? Will you be compassionate enough to enlighten me?.

28. This shows the second basic inversion ([see p. 10](#)), hence the Buddha used the essence of seeing to reveal the non-existence of the Seventh Consciousness before exposing the Essence of (the Eighth) Consciousness as the substance of Nirvana. For the Seventh is the organ of the Sixth Consciousness. and is the nature of discrimination, using the latter to perform its function. Both belong to the Perception of the Eighth Consciousness. The Seventh Consciousness is also called the Clinging Mind because it (depends on) inner and outer causes; it has no substance when external data cease to exist; hence causal externals are used to show its non-existence. The Buddha said: If you use your clinging mind to listen to the Dharma, this Dharma is also causal and pertains to the objective cause, or samsaric mind. Therefore, you have not realized the substance of (absolute) Dharma which is beyond words and phrases. When I teach the Dharma it is like pointing a finger at the moon to show it to others. As the finger is not the moon, you should disregard it to see the moon, but if you mistake my finger for the moon, you will lose (sight of) both the (bright) moon and the (dark) finger and will not be clear about the two states of brightness and obscurity. If you mistake (your intellect) that differentiates when you hear me preach the Dharma for your true mind, the latter should have substance in the absence of my voice. For example, a guest stops temporarily at an inn but its host always stays there. If your differentiating mind is really, your true mind, it should stay permanently; then why has it no substance where there is no voice? Thus not only does this mind lack substance, but it also cannot be found when you notice my face. This reveals the nonexistence of the Sixth Consciousness.

As the Sixth depends on the Seventh Consciousness for discerning, now that the former's substance cannot be found, the latter does not exist. Not only is this differentiating illusion unreal, but even when differentiation ceases there is neither form nor voidness. The Seventh Consciousness, as inner cause, is cut off from the five outer sense data, so that it is beyond form, and the innermost is clung to as an Ego, so that it is beyond voidness. This is the dim substance of the Eighth Consciousness which is not yet True Mind and which heretics call Primordial Darkness. Even this is not yet Reality, still less is the discriminating Seventh which is the organ of the Sixth consciousness.

Therefore, when this Seventh Consciousness is cut off from external causes, it grasps at the inner Eighth Consciousness as an Ego, hence heretics call the latter the Spiritual Ego and set it up as a Master in Primordial Darkness. The twenty-five heretical schools regard it as permanent. This exposes the Seventh and incidentally reveals the Eighth Consciousness which is clung to as an Ego but is unreal. If that which has no independent nature of its own in the absence of causal externals is held as the nature of your mind, how can it be a host when each (uprising) can be (traced back and) returned to a rising cause? This reveals the Host who (is independent and) cannot be returned to any external cause; this only is True Mind. (This is the origin of the kung an (Japanese koan): All things return to the One, to where does the One return?)

A Nan nói:

- Nếu tâm tánh của con đều có chỗ trở về, thì cái diệu tâm sáng tỏ của Như Lai nói, sao chẳng có chỗ trở về? Xin Phật thương xót, khai thị cho con.

Setting up the essence of perception

The Buddha said: As you see me now, the essence of your seeing is originally clear. Although it is not the profound Bright Mind, it is like a second moon but is not a reflection of the moon (in water). Now listen attentively to my explanation of that which cannot return anywhere.

Picking out causal externals

Ananda, the doors and windows of this hall are wide open and face east. There is light when the sun rises in the sky and there is darkness at midnight when the moon wanes or is hidden by fog or clouds. Your seeing is unimpeded through open doors and windows but is obstructed where there are walls or houses. Where there is discrimination, you perceive the (stirring) causes and in the dull void, you only see emptiness. An unconscious condition, results from confused externals whereas an awakened state leads to clear perception.

Ananda, see now how I return each of these changing states to its causal origin. What are these original causes? Ananda, of these changing conditions, light can be returned to the sun. Why? Because there is no light without the sun and since light comes from the sun, it can be returned to it (i.e., its origin). Darkness can be returned to the waning moon; clearness to open doors and windows, obstruction to walls and houses, causes to differentiation, emptiness to relative voidness; confused externals to unconsciousness and clear perception to the awakened state. Nothing in the world goes beyond these conditions. Now when the Essence of your Perception confronts these eight states, where can it be returned to? If to brightness you will not see darkness when there is no light. Although these states such as light, darkness, etc., differ from one another, your seeing remains unchanged.

Phật bảo A Nan:

- Nay người thấy được ta là do cái kiến tinh sáng tỏ (đệ nhị nguyệt), kiến tinh này chẳng phải là diệu tâm sáng tỏ (đệ nhất nguyệt), gương nói như mặt trăng thứ hai, cũng chẳng phải bóng của mặt trăng thứ nhất vậy. Người hãy chú ý nghe, bây giờ ta sẽ chỉ rõ chỗ chẳng thể trả về. A Nan, như đây, giở đường mở cửa bên đông, mặt trời mọc lên thì sáng, nửa đêm không trăng thì tối; chỗ có cửa nẻo thì thông, chỗ có vách tường thì nghẽn, chỗ phân biệt là duyên, nơi hư không là trống rỗng, bụi trần nổi lên thì thấy mịt mù, mưa tạnh trời thanh thì thấy sáng sủa, A Nan, người xem các tướng biến hóa này, nay ta trả về chỗ bản nhân của nó! Sao gọi là bản nhân? Các tướng biến hóa này, sáng trả về mặt trời, tại sao? Vì không mặt trời thì chẳng sáng, sáng thuộc mặt trời, nên trả về mặt trời, tối trả về đêm không trăng, thông trả về cửa nẻo, nghẽn trả về vách tường, duyên trả về phân biệt, trống rỗng trả về hư không, mịt mù trả về bụi trần, sáng sủa trả về mưa tạnh, tất cả việc thế gian không ngoài những loại này, vậy còn kiến tinh thấy được tám thứ kể trên đó, người định trả về đâu? Nếu trả cho sáng thì lúc không sáng chẳng thể thấy tối, thế thì sáng tối chẳng thể phân biệt,

The nature of perception

All states that can be returned to external causes are obviously not YOU, but that which cannot be returned to anywhere, if it is not YOU, what is it? Therefore, you should know that your Mind is fundamentally wonderful, bright and pure and that because of your delusion and stupidity, you have missed it and so are caught on the wheel of transmigration, sinking and floating in the samsaric sea. This is why the Tathagata says that you are the most pitiable of men.²⁹

**The (Underlying) Nature of Perception
is Not the Essence of Perception**

Ananda asked: I now understand that the nature of Perception cannot be returned to any external cause but how can I know that it is my True Nature?³⁰

29. When Ananda heard that all mental (states) that could be returned to external causes were not the real Host, he asked the Buddha about the non-returnable True Mind. Since it is very difficult to explain, the Buddha used the Essence of Seeing to reveal it. For seeing is mixed up with causal conditions whereas its essence, or the Eighth Consciousness, is not. Therefore, He spoke of the Essence of Seeing which, though not the real, is a transformation of the Absolute and is close to it; hence it is like a second moon which is close to the real moon but is not a reflection of it in water. If you understand that this Essence of Perception cannot be returned to any cause, you will be able to awaken to the True Mind.

30. Ananda did not really understand the Teaching for his words betrayed his deluded mind. The Buddha had merely used the Essence of Perception as a temporary Host in order to pick out external causes to eliminate the discriminating seeing which vanished automatically when returned to its conditioning causes.

còn bảy thứ kia cũng giống như vậy. Những cái trả về được tất nhiên chẳng phải người, cái không thể trả về, chẳng phải người là ai? Vậy biết tâm người vốn diệu minh trong sạch, người tự mê muội lạc mất bản tâm, cam chịu luân hồi, thường bị trôi lăn trong vòng sanh tử, nên Như Lai nói là đáng thương xót!

A Nan nói:

- Con dù biết tánh kiến này chẳng thể trả về, nhưng làm sao biết là chân tánh của con?

The capacity of perception

The Buddha said: Ananda, though you have not yet reached the state beyond the stream of transmigration, you may now use the Buddha's transcendent power to behold the first dhyana heaven³¹ without obstruction, like Aniruddha³² who sees this world (Jambudvīpa) as clearly as fruit³³ held in his own hand. Bodhisattvas can see hundreds and thousands of worlds. Buddhas in the ten directions can see all the Pure Lands as countless as the dust. As to living beings, their range of sight is (sometimes) limited to inches.

Picking out causal objects

Ananda, as you and I see the palaces inhabited by the four heavenly kings with all that is there in water, on the ground and in the air, though there is a great variety of forms and shapes in the light and darkness, they are but hindrances resulting from your differentiation of objective phenomena. Here you should distinguish between your own Self and external objects. From, what you see, I now pick out that which is your own Self and those which are but phenomena. Ananda, if you exhaust the field of your vision, from the sun and moon to the seven mountain ranges³⁴ with all kinds of light, all that you see are phenomena which are not YOU. As you (shorten your range) you see passing clouds and flying

31. The first of the four dhyana regions, which is as large as one whole universe and comprises the three Brahma heavens. See also Ch'an and Zen Teaching, Third Series, Glossary, page 287, Rider & Co.

32. One of the ten chief disciples of the Buddha.

33. Amala, a fruit like the betel nut.

34. The seven concentric mountain ranges which surround Sumeru, the central mountain of a universe, each range separated from the other by a sea. birds, the wind rising and dust, trees, mountains, rivers, grass, men and animals; they are all external and are not YOU.

Phật bảo A Nan:

- Ta hỏi người, nay người chưa đắc quả vô lậu, nhờ thần lực của Phật, được thấy cõi sơ thiên chẳng có ngăn ngại, mà A Na Luật thấy cõi Ta Bà như xem trái Yêm Ma La trong bàn tay, các Bồ Tát thấy trăm ngàn cõi, mười phương Như Lai cùng tột vô số quốc độ Phật, chẳng chỗ nào không thấy khắp, mà sức thấy của chúng sanh thì chẳng quá vài dặm. A Nan, nay ta cùng người xem cung điện của Tứ Thiên Vương, từ đó trở xuống, xem tất cả hình tượng sáng tối khắp hư không, dưới nước và trên bờ, đều bị chướng ngại nơi tiền trần phân biệt, nay ta cho người phân biệt trong sự thấy, xét xem cái nào là tự thể của tánh thấy, cái nào là vật tượng? A Nan, cùng tột sức thấy của người, từ cung trắng cho đến Thất Kim Sơn, quán xét cùng khắp, dù có đủ thứ ánh sáng cũng đều là vật chứ chẳng phải người, dần dần xem đến mây bay, chim hót, gió động, bụi nổi, cho đến núi sông, đất đai, người thú, cỏ lá... đều là vật chứ chẳng phải người. A Nan, các tánh vật xa gần dù có khác biệt, nhưng đều do kiến tinh trong sạch của người mà nhìn thấy. Vậy thì các loài vật tự có sai biệt mà tánh kiến chẳng khác, cái kiến tinh diệu minh này chính là tánh thấy của người.

- Nếu kiến tinh là vật thì người cũng có thể thấy kiến tinh của ta, nếu cùng thấy gọi là thấy kiến tinh ta, thì lúc ta chẳng thấy, sao người không thấy chỗ chẳng thấy của ta? Nếu thấy được chỗ chẳng thấy của ta thì chẳng phải cái tướng chẳng thấy; nếu không thấy chỗ chẳng thấy của ta, thì kiến tinh tất nhiên phi vật, sao lại chẳng phải người?

LƯỢC GIẢI

Tại sao nói kiến tinh này là người chẳng phải vật? Nếu kiến tinh là vật thì kiến tinh của ta người cũng thấy được, nhưng sự thật thì kiến tinh của ta người chẳng thể thấy.

Nếu nói ta thấy người thấy, lúc cùng thấy tức là thấy kiến tinh của ta, vậy thì lúc ta thấy, người đã thấy được rồi, lúc ta chẳng thấy, người cũng phải thấy được chứ, mà sự thật lại chẳng như thế.

Nếu nói lúc thấy là dùng cái thấy để thấy, lúc chẳng thấy là dùng cái chẳng thấy để thấy, gọi là thấy chỗ chẳng thấy của ta, vậy đã chẳng tự thấy, lấy gì để thấy cái tướng chẳng thấy kia? Nếu cái tướng chẳng thấy kia cho người thấy được, tức là tướng thấy, lại chẳng phải tướng chẳng thấy. Vậy biết: chỗ chẳng thấy của ta, người nhất định chẳng thể thấy được; lúc ta chẳng thấy, người đã chẳng thể thấy được thì lúc cùng thấy cũng chẳng thể thấy, thấy và chẳng thấy đều chẳng thể chỉ ra kiến tinh, vậy kiến tinh của ta rõ ràng phi vật. Kiến tinh của ta phi vật thì kiến tinh của người cũng là phi vật vật. Kiến tinh của người đã phi vật thì chẳng thuộc nơi vật, làm sao chẳng phải người? Đây là dùng cái nghĩa chẳng thể thấy để sáng tỏ kiến tinh phi vật. Nếu kiến tinh có thể thấy được thì kiến tinh cũng là vật vậy, làm sao được làm chủ vạn tượng mà an lập cõi thế gian.

The essence of perception

Ananda, the great variety of things, far and near, when beheld by the essence of your seeing, appeared different whereas the nature of your seeing is uniform. This wondrous bright essence is really the nature of your perception.³⁵

The Essence of Perception Mistaken for Externals*Refuting this misconception*

If seeing is an object, you should also see my seeing. If you can do so why when I do not see things, do you not see my non-seeing? (Even) if you do so it will not be real but your false seeing. If you do not see my non-seeing, it follows that your seeing and mine are not objects. If so, why cannot your seeing be YOU? Again if when you see an object you grasp at it as such, it should also see you; if so, that object and the nature of seeing will mingle and you, I and the world will be in complete confusion.

35. This shows the Essence of Seeing which originally is clear and emanates from the Eighth Consciousness reflecting the five sense data and perceiving surrounding objects, hence it is causal seeing. When it first contacts things that are external, this is Direct Inference which belongs to the Eighth Consciousness (alaya-vijnana). If this first contact is followed by a thought which stirs the mind and causes it to discriminate, this is Comparative Inference which pertains to the Sixth Consciousness (mano-vijnana).

The eightfold method of returning mental conditions to their original causes, previously dealt with, to wipe out the discriminative seeing which arises from causal externals, concerns Comparative Inference. Direct Inference is now dealt with to reveal the Essence of Seeing, the capacity of which is brought out for its elimination as well. Though the saintly and the worldly differ, and the field of vision is either large or limited, all this pertains to the Direct Perception of the Eighth Consciousness. The vast variety of phenomena, such as heaven, earth and all that is therein, appears in the field of vision and shows that though appearances differ, perception is uniform and cannot be mixed with them. This unchanging bright essence is the Nature of Perception. If you recognize it, you will be able to leap over it to realize your True Nature.

- Nếu kiến tinh là vật, thì vật cũng có tánh thấy, lúc người thấy vật, vật cũng thấy người, thể tánh lẫn lộn thì người và ta với tất cả thế gian chẳng thể an lập.

True perception

Ananda, when you see (things), this seeing is yours and not mine, and its nature penetrates everywhere; if it is not YOU, what is it? Why do you still doubt about your real nature and ask me to confirm that it is not false?³⁶

Wiping Out the Capacity of Perception to Reveal the True Mind

The capacity of seeing

Ananda asked: World Honoured One, if I am the nature of seeing, why when the Buddha and I saw the palaces of the four heavenly kings and the sun and moon, did this seeing first penetrate the whole world and then return to this vihara, then to its temple and now to this hall with its eaves and corridors?

Does this seeing which first pervaded the universe now return to and fill only this hall; does its previous scale not shrink, or is cut up by the walls of this hall? I do not know where the meaning of all this really lies; will you be compassionate enough to enlighten me?.

36. This checked Ananda's deviation from the real nature of seeing. The Buddha was afraid that Ananda might mistake his seeing for an object, so He said: Each thing seen is an object but not the seeing. If seeing is an object, yours and mine will be objects and you can also see my seeing. If so, when I do not see anything, why do not you see my non-seeing? Even if you do, it is your wrong seeing but not my non-seeing. If you do not see my non-seeing, it follows that your seeing and mine are not objects. Since this seeing exists independently of objects, is it not the nature of your seeing? If you cling to seeing as an object, the latter should also see you; then your seeing and the object will see each other without there being any distinction between man and object, and there will be utter confusion. The teaching on seeing independently of objects is to return perception ([see page 10](#)) to the Essence of Consciousness. If you understand this, you will gradually perceive your True Nature. Hence the Buddha said: When you see something, this is your own seeing that has nothing to do with me. Is it not your seeing that penetrates throughout your real nature? This is already quite clear; why do you doubt about this nature which is inherent in you and so fail to believe that it is the Real? Why do you still wait for me to confirm it?.

A Nan, nếu lúc người thấy là người chẳng phải ta thấy, thì cái tánh thấy cùng khắp đó không phải người là ai? Sao lại tự nghi chơn tánh của người cho là chẳng chơn, mà cầu sự thật nơi ta?

- Bạch Thế Tôn! Nếu tánh thấy này chắc là con chứ chẳng phải ai khác, thì khi con và Như Lai xem cung điện của Tứ Thiên vương và cung trăng, tánh thấy này cùng khắp cõi Ta Bà, khi lui về tịnh xá, chỉ thấy vườn chùa, trước cửa giảng đường chỉ thấy hành lang. Thế Tôn, tánh thấy như vậy, bản thể vốn cùng khắp một cõi, nay ở trong phòng thì chỉ một phòng, vậy là do tánh thấy rút lớn thành nhỏ, hay do vách tường làm cho ngăn cách? Nay con chẳng biết nghĩa này thế nào, mong Phật từ bi giảng rõ.

Breaking up the capacity of seeing

The Buddha replied: Ananda, all things in this world, whether large or small, inner or outer, as well as in other conditions,³⁷ are external; you should not say that your seeing expands and contracts. Take for instance a square box the inside of which is seen as containing a 'square. of air. Now, tell me, is the air seen as 'square. in the square box, really square or not? If so, it should not be round when .poured. into a round box. If not, then there should be no 'square. of air in the square box. You say that you do not know where the .meaning. of all this really .lies,. (but) the .meaning. being so, where do you want it to lie? Ananda, if you want, the air to be neither square nor round, just throw the box away. Since air has no location, you should not again insist on removing the place where it lies. If, as you just said, when you entered this hall, your seeing shrank into a small compass, then when you look at the sun, do you lift it up to reach that sun in the sky overhead? If a wall can cut off your seeing, can you prevent it from peeping through a hole in the wall? Therefore, your contention is wrong.

Revealing the Real

All living beings, from the time without beginning, have disregarded their own Selves by clinging to external objects, thereby missing their fundamental Minds. Thus they are being turned round by objects and perceive large and small sizes.

37. The eight causal condition previously dealt with ([see page 36](#)).

Phật bảo A Nan:

- Tất cả sự vật lớn, nhỏ trong, ngoài trên thế gian đều thuộc về tiền trần, chẳng nên nói rằng cái thấy có co giãn, ví như trong khuôn vuông thấy có hư không vuông, ta lại hỏi người: Hư không vuông ở trong khuôn vuông này là vuông nhất định hay chẳng nhất định? Nếu vuông nhất định, đặt lại khuôn tròn thì hư không ấy chẳng thể tròn; nếu chẳng nhất định thì trong khuôn vuông chẳng có hư không vuông. Người nói chẳng biết nghĩa này thế nào, nghĩa tánh như thế, đâu còn thế nào nữa! A Nan, nếu muốn hiển bày chẳng có vuông tròn, chỉ cần trừ bỏ khuôn vuông, hư không vốn chẳng có hình thể vuông tròn, chớ nên nói "trừ bỏ tướng vuông của hư không" (khuôn dụ cho vọng thức phân biệt, hư không dụ cho bản tâm).

- Cũng như người hỏi: Khi vào phòng rút cái thấy cho nhỏ lại, vậy khi nhìn mặt trời thì phải kéo cái thấy cho bằng với mặt trời sao? Nếu xây vách tường làm cho cái thấy bị ngăn cách, vậy khi đục một lỗ nhỏ, sao chẳng thấy dấu tích nối liền của sự thấy? Nghĩa này chẳng đúng. Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, mê mình là vật, lạc mất bản tâm, tùy vật xoay chuyển, nên thấy lớn thấy nhỏ.

If they can turn objects round, they will be like the Tathagata, and their bodies and minds will be in the state of radiant perfection; from their immutable holy site,³⁸ the end of each of their hairs will contain all lands in the ten directions.³⁹

Removing the essence of perception to wipe out the fifth aggregate and eighth consciousness
Eradicating Attachment to the Ego
to Reveal the One Reality

Ananda asked: If this essence of seeing is my wondrous nature, the latter should manifest before me. If seeing is my real ego, then what are my body and mind? But in fact my body and mind can discern (things) whereas that seeing cannot discern my body.

38. The Holy site, or bodhimanóala, is the immutable Pure Land of the enlightened True Mind which is omnipresent. This is eradication of space.

39. We have seen that the Eighth Consciousness has three c characteristics: self-evidencing, perception and form. As the Buddha was about to wipe out falseness to reveal Reality, He first picked on form. He then used the essence of seeing to show that it is independent of all external causes. With the elimination of objective causes (or form), the subjective seeing (perception) disappears as well; this is the return of seeing to the essence of perception which then remains alone. Since the essence of perception or the Eighth Consciousness is not yet broken up, its direct inference can create body and the universe, thus implying a capacity which is limited and is incommensurate with the boundless realm of Dharma (Dharmadhatu); hence its inner, outer, great and small conditions which caused Ananda to doubt about his seeing being cut up. If this capacity is destroyed, both sense organ and external objects will vanish and the True Nature will be boundless. This is what an ancient meant by saying: There is no need to seek Reality; it will suffice to lay down all views.* If the capacity of seeing is eliminated, form will disappear instantly. Hence the Buddha said: If a man can turn objects round, he will be like the Tathagata and his body and mind will be in the state of brightness and perfection, and from his immutable holy site, the tip of each of his hairs will contain all lands in the ten directions. Thus the Buddha wiped out Perception to root out the Seventh Consciousness as well as the fourth Aggregate, samskara, in His partial revelation of Reality. This deals with the second basic inversion. (See page 12)

*Quotation from the gatha .Have Faith in Your Mind. by Seng Tsan, the third Chinese Patriarch of the Chan School.

Nếu chuyển được vật thì đồng với Như Lai, ngồi bất động đạo tràng, thân tâm tròn đầy sáng tỏ, gồm mười phương quốc độ trên đầu một mảy lông.

- Bạch Thế Tôn! Nếu kiến tinh này là diệu tánh của con, thì diệu tánh nay ở ngay trước mắt; diệu tánh đã là con thì thân tâm con lại là vật gì?

- Nếu nói thân tâm chẳng phải diệu tánh thì nay thân tâm thật hay phân biệt sự vật; nếu nói trước mắt đều là diệu tánh, thì cái kiến tinh kia sao lại chẳng phân biệt được thân con?

If perception is my mind and causes me to see (things), then this perception is my Ego whereas my body is not; this is exactly what the Buddha previously refuted (with the argument that) objects should then see me. Will you be compassionate enough to enlighten me?.40

Rooting Out Ananda's Misconception of Objects Being and NOT BEING Perception

Misconception of objects BEING perception

The Buddha replied: Ananda, your conception of perception being in front of you is incorrect because if it is, the essence of perception should have a position which can be shown. As you sit in Jetavana park, you see its trees and nullahs as well as this hall, with the sun or moon overhead and the Ganges in the distance.

40. The Buddha was about to break up the alaya's self-evidencing, thus implying the eradication of the ego to reveal the One Reality. As the Seventh is accustomed to mistake the Eighth Consciousness for an inner ego, Hinayanists mistake it for the True Self in Nirvana and heretics for the Spiritual Ego which is their all-embracing Self in the ten directions. This is why the Buddha said: The alayavij nana is very profound and subtle, and the seeds of its long habits have developed into an (irresistible) torrent. I have always refrained from revealing it to deluded people lest they grasp at it as an ego. This is why the Buddha seldom mentioned it lightly. When Ananda said: If this essence of seeing is my wondrous nature, the latter (should) manifest before me,. he meant that if objects could be turned round so that he could become like the Tathagata, then a myriad things appearing to him were all his essence of seeing. This implied that form was the ego.

When he said: If seeing is my real ego, then what are my body and mind?. he meant that if things were his true seeing, they (should be) his ego; if so, what were his body and mind? This implied an ego existing apart from form.

When he said: But in fact my body and mind can discern (things) whereas that seeing cannot discern my body,. he meant that if objects were the ego, then body and mind should not be it, but in fact body and mind could discern objects, and if the latter were the ego, why could they not discern his body? This implied a large ego and a small form, that is the ego containing form. When he said: If seeing is my mind and causes me to see, then this perception is my ego whereas my body is not,. he meant that if these objects were his mind and caused him to see, then the nature of his seeing was the real ego whereas his body and mind were not. This was exactly what the Buddha had previously refuted about objects that should see him. This implied a large form and a small ego, that is form containing the ego.

Thus Ananda's query concerned external objects mistaken for the ego because he misunderstood the Buddha's teaching on how to .turn things round. to become equal to the Tathagata.

- Nếu nói kiến tinh vô hình, mà có tự thể đồng như các vật, có cảm ứng mới sanh khởi sự dụng kia, thật là bản tâm của con thì phải cho con thấy ngay, vậy kiến tinh trước mắt là thật con, còn thân này thì chẳng phải con, thế thì kiến tinh đã ở bên ngoài thân, sao được gọi là diệu tánh của con? Có khác gì Như Lai trước kia đã hỏi gạn rằng: "Vật thấy được con"? Mong Phật từ bi khai thị cho kẻ chưa ngộ.

Phật bảo A Nan:

- Nay người nói kiến tinh ở trước mắt người, nghĩa này chẳng đúng. Nếu thật ở trước mắt người mà người thật thấy được, thì kiến tinh này đã có phương sở, chẳng phải không chỉ ra được. Nay ta cùng người ngồi trong rừng Kỳ Đà, xem khắp rừng suối và điện đường, trên từ nhật nguyệt, dưới đến sông Hằng,

As you are now, in front of my lion-seat, moving your hand to point to the surroundings, such as the dark foliage of the wood, the bright sun, blocking walls and clear open spaces as well as grass, plants and very small things, although they are of different sizes, each of them can be pointed out. If they are really your seeing manifesting in front of you, you should be able to show which one is your seeing. Ananda, you should know that if voidness is your seeing, since it has already become your perception, then how can it be empty? If an (external) thing is your seeing and has already become your perception, how can it be external? So, after dissecting all things in front of you, pick out the bright and pure principle of your perception and show it (to me) to prove that it is clearly and irrefutably identical with externals.

Ananda said: From this hall, I now see the Ganges in the distance, the sun or moon overhead and all that I can point out with my finger and see with my eyes; they are all (external) things but not one of them is my perception. World Honoured One, as the Buddha has said, not only a beginner in the sravaka stage, like myself, who is still in the stream of transmigration, but even a Bodhisattva, cannot dissect things and pick out the essence of seeing which has an independent nature apart from phenomena.

The Buddha said: Correct, correct.

Misconception of objects NOT BEING perception

The Buddha said: As you have said, there is no essence of seeing with an independent nature apart from phenomena. Now if there is no perception in the things you point out, I now ask again: As you and the Tathagata sit in this Jetavana park, when you see the wood and all externals including the sun or moon, if there is no essence of Seeing which can be picked out from them, tell me which one is not the seeing?.

Ananda replied: Of all things seen in this Jetavana park, I do not know which one is not the seeing. Why? Because if the trees are not the seeing, why do I see them? If they are the seeing, why are they trees? If the void is not the seeing, why do I see it? If the void is the seeing, why is it empty? I too have thought carefully about all this and now conclude that each one of them is the seeing.

The Buddha said: Correct, correct.

ngươi hãy ở trước tòa Sư Tử của ta, dùng tay chỉ rõ đủ thứ tướng ấy, chỗ mát là rừng, sáng là mặt trời, ngăn ngại là vách, thông là hư không, cho đến cỏ cây, chỉ mảnh, lớn nhỏ dù khác, hễ có hình tướng thì đều chỉ ra được. Nếu kiến tinh thật ở trước mắt ngươi, thì ngươi phải dùng tay xác thật chỉ rõ cái nào là kiến tinh. A Nan nên biết, nếu hư không là kiến tinh thì cái nào là hư không? Nếu vật là kiến tinh thì cái nào là vật? Ngươi hãy ở nơi vạn tượng phân tích kỹ càng, chỉ cho ta xem cái kiến tinh sáng tỏ ấy, rõ ràng đồng như các vật, chẳng được làm lẫn!

A Nan nói:

- Nay con ở giảng đường này; nhìn ra từ sông Hằng, trên đến nhật nguyệt, tùy nơi tay chỉ mắt nhìn, những gì chỉ được đều là vật chứ chẳng phải kiến tinh. Thế Tôn, như lời Phật vừa nói; chẳng những hàng hữu lậu sơ học Thanh Văn như chúng con, cho đến Bồ Tát, cũng chẳng thể ở nơi vạn tượng chỉ ra cái kiến tinh là tất cả vật riêng có tự tánh.

Phật nói:

- Đúng thế! Đúng thế!

Phật lại bảo A Nan:

- Như lời ngươi nói, chẳng có kiến tinh là tất cả vật riêng có tự tánh, vậy thì trong các vật mà ngươi chỉ, chẳng có cái nào là kiến tinh. Nay ta lại bảo ngươi: ngươi và Như Lai ngồi trong rừng Kỳ Đà, xem từ rừng cây cho đến nhật nguyệt, đủ thứ hình tướng sai biệt, nhất định chẳng có kiến tinh cho ngươi chỉ, ngươi hãy phát minh nơi những vật kể trên cái nào chẳng phải kiến tinh?

A Nan đáp:

- Con xem khắp cả rừng Kỳ Đà, thật chẳng biết trong đó cái nào chẳng phải kiến tinh. Tại sao? Nếu cây chẳng phải kiến tinh thì sao lại thấy cây? Nếu cây là kiến tinh thì chẳng nên gọi là cây; như vậy cho đến nếu hư không chẳng phải kiến tinh thì sao lại thấy hư không? Nếu hư không là kiến tinh thì chẳng nên gọi là hư không. Con lại suy xét kỹ càng, phát minh trong vạn tượng không vật nào chẳng phải kiến tinh cả.

Phật nói:

- Đúng thế! Đúng thế!

In the assembly, all those who had not achieved the stage beyond study, were very surprised at hearing the Buddha say this. They failed to understand His meaning and were perturbed and thrown off balance. The Buddha realized their perplexity and alarm and took compassion on them, saying: Virtuous men, the words of the King of the Supreme Law are true, accord with Reality and are neither deceitful nor false, unlike those of the heretics whose sermons are arbitrary and aimless.⁴¹ Now listen attentively; your faith in me shall not be in vain.⁴²

Manjusri's Helpful Interposition

Thereupon, Manjusri Bodhisattva, who took compassion on the four varga, rose from his seat, prostrated himself at the Buddha's feet, brought his two palms together and said: World Honoured One, these people do not understand the Tathagata's twofold revelation of the reality and unreality of the essence of perception in form and voidness. They think that if causal form and voidness are the seeing, there should be an indication of it, and if they are not, there should be no seeing. They do not understand your teaching and are, therefore, surprised and bewildered, but they are not like those whose roots are frivolous and inferior.⁴³ May the Tathagata be compassionate enough to enlighten them (so, that they know) what objects and this essence of perception are fundamentally and that there exists neither is nor is not between them.

41. Lit. Unlike those from Maskari Gosaliputra who preaches four kinds of non-dying states arbitrarily and aimlessly.

42. The Buddha's aim was to point directly at the One Reality which is beyond both what is and is not. As Ananda and those who had not achieved the stage beyond study, clung to this duality of existence and non-existence, they were bewildered, perplexed and thrown off balance when their usual props were swept away. Therefore, the Buddha comforted them. Up to here the Teaching consisted in rooting out the misconception of a real Ego.

43. A reference to those arrogant disciples who refused to listen to the Buddha's expounding of the Lotus Sutra.

Bấy giờ, những người chưa đến bậc vô học trong chúng nghe Phật nói vậy, ngỡ ngác chẳng hiểu đầu đuôi của nghĩa này, đánh mất lý lẽ đã hiểu biết từ xưa nay, bỗng nhiên cảm thấy run sợ,

Như Lai biết họ băn khoăn lo sợ, sanh lòng thương xót, an ủi A Nan và đại chúng:

- Các thiện nam tử, lời chơn thật của Vô Thượng Pháp Vương chẳng dối chẳng vọng, như sờ như thuyết, chẳng phải như bốn thứ tà thuyết càn loạn bất tử của bọn Mạc Già Lê, các người hãy suy xét kỹ, chớ nên làm mất lòng tự tin!

LƯỢC GIẢI

Tại sao ngỡ ngác chẳng biết đầu đuôi của nghĩa này? Vì trước thì nói kiến tinh chẳng phải vật, sau lại nói kiến tinh đều là vật; trước nói diệu tánh hiện tiền, sau lại nói chẳng thể chỉ ra, nên ngỡ ngác đánh mất lý lẽ đã hiểu biết từ xưa nay vậy.

"Nói lời chơn thật, như sờ như thuyết" v.v... tức ngũ ngữ trong Kinh Kim Cang. Phật thuyết chơn ngữ là nghĩa chung với nhị thừa (có sanh tử để diệt, có Niết Bàn để chứng); thật ngữ là nghĩa chung với Bồ Tát (nghĩa đại thừa, sanh tử và Niết Bàn đều như hoa đốm trên không); như ngữ là nghĩa chung với tam thừa (trí huệ chẳng thể suy lường, lời nói chẳng thể diễn tả); vô thật vô hư; vô hư nên bất cường ngữ (chẳng dối), vô thật nên bất dị ngữ (thấy trước việc chưa đến gọi là Bất Di). Ở đây chỉ dùng hai chữ "chẳng vọng" để bao gồm.

Bà Sa Luận nói: Ngoại đạo chấp cõi trời thường trụ gọi là Bất tử, cho "chẳng đáp càn" được sanh cõi trời ấy, nếu thật chẳng biết mà đáp càn, sợ thành càn loạn, nên có ai hỏi thì đáp rằng "Lời bí mật chẳng nên nói hết", hoặc đáp chẳng định. Phật quở rằng: họ thật là kẻ càn loạn vậy.

Lúc ấy, Pháp Vương Tử Văn Thù Sư Lợi thương xót tứ chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

- Đại chúng trong Hội này chẳng ngộ hai nghĩa Thị, Phi Thị với Kiến Tinh và Sắc Không của Như Lai vừa hiển bày. Thế Tôn, những hiện tượng sắc không nơi trước mắt, nếu là kiến tinh thì phải chỉ ra được, nếu chẳng phải kiến tinh thì chẳng thể thấy. Nay chẳng biết nghĩa ấy do đâu, nên có kinh sợ chớ chẳng phải vì xưa kia thiện căn thiếu kém, mong Như Lai từ bi, phát minh những vật tượng và kiến tinh, trong đó chẳng có Thị và Phi Thị kia vốn là vật gì?

The Buddha declared to Manjusri and the assembly: To all Tathagatas and great Bodhisattvas of the ten directions, abiding in the state of Samadhi, seeing and its (concurrent) causes, as well as all forms imaginable, are like flowers in the sky which fundamentally do not exist. This seeing and its causes are essentially the profound, pure and bright substance of Enlightenment; ⁴⁴ how can there be is and is not within it? Manjusri, I now ask you this; you are already the real Manjusri; can there be another Manjusri who first is and then is not? ⁴⁵

Manjusri replied: No, World Honoured One, I am the real Manjusri and there cannot be another. Why? Because if there is, then there will be two Manjusris, but my presence here does not mean that there is no Manjusri, with an (arbitrary) conception of is and is not in between.

44. The seeing and its causes spring from the fundamental substance of Enlightenment.

45. This is the arbitrary conception of existence and non-existence.

Phật bảo Văn Thù và Đại Chúng:

- Mười phương Như Lai và Đại Bồ Tát tự trụ nơi chánh định, thoát khỏi căn trần, kiến tinh (năng kiến) với sắc không (sở kiến), ý năng tưởng, tướng sở tưởng vốn chẳng thật có, cũng như hoa đốm trên không, vậy kiến tinh và sắc không vốn là diệu thể trong sạch sáng tỏ của Vô Thượng Bồ Đề, sao lại có Thị hay Phi Thị ở trong đó? Văn Thù, nay ta hỏi ngươi, như ngươi là Văn Thù, lại có Văn Thù nào Thị Văn Thù hay Phi Thị Văn Thù chẳng?

- Bạch Thế Tôn! Đúng thế, con là chơn Văn Thù, chẳng Thị Văn Thù. Tại sao? Nếu có Thị tức có hai Văn Thù, mà nay chẳng phải không có Văn Thù, trong đó thật chẳng có hai tướng Thị và Phi.

The Buddha said: Likewise this clear seeing as well as the objects (seen) and the void are fundamentally the perfect, pure, true Mind of the Wonderful, Bright, Supreme Bodhi wrongly perceived as form and voidness as well as hearing and seeing, just as a second moon is perceived with the accompanying misconception of real and unreal moons. Manjusri, there is only one real moon which is beyond the condition of is and is not Therefore, if you discern seeing and its objects and give rise to all kinds of (mental) creation, this is wrong thinking which will prevent you from getting out of this dual condition of is and is not (If you look into them by means of) this true, essential, wonderful, bright, and enlightened Nature, it will enable you to avoid this duality.⁴⁶

46. Under delusion, wisdom is transformed into consciousness, hence the wrong conception of a body and its surroundings with a vast variety of different things, all of which are created by consciousness. If consciousness is transmuted into wisdom, all external things will vanish at once. Hence the saying: Perception of form is consciousness and its non-perception is wisdom.

The only difference between these two states lies in a mere change. For when the substance of the One Reality is transformed into the alayavij nana, body and universe come to be. If body and mind are disentangled from within and the universe is disengaged from without, this storehouse (alaya) consciousness is essentially the permanent True Mind of the Dharma-realm of the One Reality in the Tathagata-garbha, in which how can there be existence and non-existence? If we rely on the wrong perception of consciousness, it will give rise to the (duality of) what is real and unreal. If we use the Great Wisdom to illumine them, we will find no such things. Therefore, Manjusri who personified the Great Wisdom, asked the Buddha to explain how this essence of perception and its objects could be free from this dualism. The Buddha, while dwelling in the state of Great Samadhi, replied as in the text, specifically revealing the One Reality beside which there is nothing else. Previously the Buddha had wiped out false seeing with the aid of the essence of perception and had said: Although this essence of perception is not the profound essential bright Mind, it is like a second moon but not its reflection in water. Now as He was about to eliminate the essence of perception, He said: There is only one real moon,. that is, there is no second moon; this clearly shows the Buddha's skilful preaching on the rooting out of misconceptions, from the coarsest to the finest, thus gradually leading His disciples to return to Reality which would then be clear to them. If wrong thinking is used to contemplate things, they would not be able to escape from this duality of is and is not But if they used the wonderful bright Enlightened Nature in their contemplation, it would enable them to avoid this duality. This reveals the nature of the One Reality, and up to here, attachment to the reality of the ego was cut off to disclose it.

Phật nói:

- Bản kiến diệp minh với hư không và lục trần cũng đều như thế, vốn là chơn tâm sáng tỏ, tròn đầy trong sạch của Vô Thượng Bồ Đề, vọng thành sắc không và kiến văn, như đệ nhị nguyệt, vậy cái nào là Thị nguyệt, cái nào là Phi nguyệt? Văn Thủ, chỉ một chơn nguyệt, trong đó vốn chẳng Thị nguyệt Phi nguyệt. Cho nên nay người phát minh đủ thứ kiến tinh và cảnh trần, gọi là vọng tưởng, chẳng thể chỉ ra Thị hay Phi Thị. Vì giác tánh tinh diệp sáng suốt, nên khiến người được vượt khỏi "chỉ và phi chỉ" vậy.

Wiping Out âlaya's Self-Evidencing to Reveal One Reality Ananda's Discrimination

Ananda said: World Honoured One, the King of the Law has preached the nature of causal enlightenment (Bodhi) which is always present in the ten directions⁴⁷ and which is beyond birth and death; does this differ from the concept of primordial profundity, according to the doctrine of Kapila and that of a true Ego pervading everywhere according to heterodox ascetics who cover their heads with ashes and dust? The Buddha, while on Laïka mountain, once said to Mahamati: Heretics always speak of natural existence but I preach causes and conditions⁴⁸ which are beyond the stage they have reached. Now as I look into this nature of Enlightenment, it is self-existent, above birth and death and beyond all falsehood and inversion. There seem to be neither (your) causes and conditions nor their natural existence. Will you please teach us so that we shall not fall into heresies but win the bright nature of wonderful enlightened True Mind.

Wiping Out Ananda's Discrimination

Rooting out the self as such

The Buddha said: I have expediently revealed the truth to you, yet you do not awaken to it but mistake it for being the self as such. Ananda, if it is the self as such, it should show

47. The nature of Bodhi follows worldly causes to appear everywhere for the salvation of living beings but without straying from its nirvanic condition.

48. Hetupratyaya: Hetu = primary cause, eg. a seed; pratyaya = condition or secondary cause, eg. the earth, rain, sunshine. clearly that its substance is the self. Now look into this wondrous seeing and see what is its self; do you mean that light, darkness, clarity or obstruction is its self?

Ananda, if light is its self you should not see darkness and if the void you should not see obstruction. If darkness is its self, the nature of your seeing should cease to exist when there is light; if so, why do you still see light?.

Ananda said: If so, the nature of this wondrous seeing is not the self as such. I now guess that it is created by cause and condition but I am still not clear about it. I pray the Tathagata to teach me how this accords with the nature of cause and condition.

A Nan bạch Phật rằng:

- Đúng như Pháp Vương nói, Bản Giác khắp mười phương thế giới, trạm nhiên thường trụ, tánh chẳng sanh diệt. Vậy với cái chấp Minh Đế của bọn Sa Tỳ Ca La và những ngoại đạo nói có Chơn Ngãu cùng khắp mười phương có gì sai biệt? Thế Tôn đã từng ở núi Lăng Già giảng dạy nghĩa này cho Đại Huệ rằng: "Bọn ngoại đạo thường nói tự nhiên, ta thuyết nhân duyên, chẳng phải cảnh giới của họ". Nay con xét thấy cái giác tánh tự nhiên này phi sanh phi diệt, xa lìa tất cả hư vọng điên đảo, hình như chẳng phải nhân duyên, vậy so với cái thuyết tự nhiên của bọn ngoại đạo như thế nào? Xin Phật khai thị để cho chúng con khỏi lọt vào bọn tà, được giác tánh chơn thật sáng tỏ của diệu tâm.

Phật bảo A Nan:

- Nay ta dùng phương tiện chơn thật như vậy khai thị cho người, người còn chưa ngộ, lại lầm cho là tự nhiên. A Nan, nếu chắc là tự nhiên thì tự phải xét rõ cái thể của tự nhiên, người hãy quán xét trong bản kiến diệu minh này, lấy gì làm tự thể? Lấy sáng làm tự thể hay lấy tối làm tự thể? Lấy rỗng không làm tự thể hay lấy ngăn bít làm tự thể? Nếu sáng là tự thể thì chẳng thể thấy tối, nếu rỗng không là tự thể thì chẳng thể thấy ngăn bít, như vậy cho đến nếu lấy tướng tối làm tự thể, thì khi sáng, tánh thấy đã đoạn diệt, sao lại thấy sáng?

A Nan nói:

- Nếu bản tánh diệu kiến này chẳng phải tự nhiên, nay con phát minh là do nhân duyên sanh, nhưng tâm còn chưa rõ. Xin hỏi Như Lai: Nghĩa này như thế nào mới hợp với tánh nhân duyên?

Eliminating cause and condition

The Buddha said: You now speak of cause and condition. Let me ask you this: When you see things, the nature of seeing manifests; does this seeing exist because of light, darkness, clarity or obstruction? Ananda, if it exists because of light, you should not see darkness and if because of darkness, you should not see light; it is the same with clarity and obstruction. Again, is this seeing in a bright, dark, clear or obstructed condition? Ananda, if it is clear, you should not see any obstruction and if it is obstructed you should not see that it is clear; it is the same with light and darkness.

Revealing the essential Bodhi

Therefore, you should know that the essential Bodhi is wondrous and bright, being neither cause nor condition, neither self as such nor not self as such, neither unreality nor not un reality, and neither reality nor not reality, for it is beyond all forms and is identical with all things (dharma).⁴⁹ How can you now think of it and use the frivolous terminology of the world to express it? This is like trying to catch or touch the void with your hand; you will only tire yourself, for how can you catch the void?.

Brushing away wrong assumptions

Ananda asked: World Honoured One, if the nature of Wonderful Enlightenment has neither cause nor condition, why has the Buddha always told the bhikùus about the nature of seeing which exists because of the four conditions of voidness, light, mind and eye; what does all this mean?.

The Buddha replied: I spoke of worldly cause and condition which have nothing to do with Supreme Reality.⁵⁰

49. Which arise from this underlying principle.

50. The Buddha broke up Ananda's idea of the nature of Enlightenment as being self as such and as existing because of cause and condition, for such a nature as he conceived did not exist independently of external phenomena but still depended on cause and condition. He then revealed the essential Bodhi which is neither is nor .is not., is beyond cause and condition, is not self as such and is independent of all forms and phenomena, that is the stage from which the path of words and speech is cut off and with which the mind's activities no longer connect; how can it be imagined and expressed in the conditioned language of this world? To attempt to speak of it is as futile as trying to catch the void with one's hand. All false assumptions had now been rooted out to reveal the One Reality.

Phật bảo:

- Người nói nhân duyên, ta lại hỏi người, nay người nhân kiến tinh mà có tánh thấy hiện tiền, vậy cái thấy này nhân sáng có thấy hay nhân tối có thấy? Nhân rỗng không có thấy hay nhân ngăn bít có thấy?

- A Nan, nếu nhân sáng có thấy thì chẳng thể thấy tối; nếu nhân tối có thấy thì chẳng thể thấy sáng. Như vậy cho đến nhân rỗng không, nhân ngăn bít, đều đồng như sáng tối.

- Lại nữa, A Nan, kiến tinh này duyên sáng có thấy hay duyên tối có thấy? Duyên rỗng không có thấy hay duyên ngăn bít có thấy?

- A Nan, nếu duyên rỗng không có thấy thì chẳng thể thấy ngăn bít; nếu duyên ngăn bít có thấy thì chẳng thể thấy rỗng không. Như vậy cho đến duyên sáng duyên tối, đều đồng như rỗng không và ngăn bít.

- Nên biết cái bản giác diệu minh này phi nhân duyên, phi tự nhiên, phi bất tự nhiên. Vô Phi và Bất Phi, Vô Thị và Phi Thị, là tất cả tướng, là tất cả pháp. Nay người sao lại ở trong đó dùng chấp tâm đuổi theo những danh tướng hí luận của thế gian, vọng khởi phân biệt, cũng như dùng tay nắm bắt hư không, chỉ tự lao nhọc, hư không làm sao cho người bắt được?

- Bạch Thế Tôn! Nếu bản kiến diệu minh phi nhân phi duyên, tại sao Thế Tôn thường nói với các Tỳ Kheo rằng: Tánh thấy gồm đủ bốn thứ nhân duyên, tức là nhân không, nhân sáng, nhân tâm, nhân mắt, vậy nghĩa này thế nào?

Phật nói:

- Ta thuyết những tướng nhân duyên của thế gian chẳng phải đệ nhất nghĩa.

Eliminating the Essence of Perception to Reveal Inceptive Enlightenment⁵¹ Wiping Out Ananda's Discrimination

Ananda, I now ask you this: When a worldly man says that he can⁵² see things, what does he mean by 'seeing. and .not seeing.?'

Ananda replied: When a worldly man sees forms by the light of the sun, moon and lamps, this is called seeing but in the absence of such light, he cannot see (anything).

(The Buddha asked:) Ananda, if it is called not seeing when there is no light, he should not see darkness. If he does, this is because there is no light; how then can there be no seeing? Ananda, in the dark, if this is called not seeing solely because he does not see the light, then when there is light, if he does not see darkness, this is again called not seeing; thus there would be no seeing in, both cases. But in these two states which replace each other, the nature of your seeing does not cease for an instant. Therefore, there is (actual) seeing in both states; so how can there be no seeing?

Revealing the Inceptive Bodhi

Therefore, Ananda, you should know that when you see the light, your seeing is not clear; when you see the darkness, your seeing is not obscure; when you see the void, it is not empty; and when you see obstruction, it is not obstructed. After you have understood these four states, you should also know that when your (absolute) seeing perceives the Essence of Seeing, the former is not the latter which still differs from it; how can your (false) seeing reach that (absolute) seeing?⁵³

51. There are three kinds of Bodhi (a) basic or dormant Bodhi inherent in every living being; (b) inceptive Bodhi, resulting from the arousal of basic Bodhi by the practice of Dharma; and (c) ultimate Bodhi, or Complete Enlightenment realized when the first two unite.

52. The word .can. in the text is meaningful for it shows the subject that can see objects.

53. Lit. When seeing (perceives) seeing, seeing is not seeing, (for) seeing strays from seeing; seeing cannot reach it. This is a most difficult sentence to interpret and many Chinese commentators have explained it wrongly. The above accurate English rendering is made possible thanks to Master Han Shan, who wrote his commentary after his own enlightenment. This sentence was also widely discussed in Chinese Chan monasteries.

A Nan, ta lại hỏi người: người thế gian nói "tôi thấy", vậy cho thế nào gọi là thấy, thế nào gọi là chẳng thấy?

A Nan đáp:

- Người thế gian nhờ ánh sáng nhật nguyệt và đèn, thấy tất cả tướng gọi là thấy, nếu không có ba thứ ánh sáng này thì chẳng thể thấy.

- A Nan, nếu lúc không sáng gọi là chẳng thấy, thì chẳng thể thấy tối, nếu thấy tối chỉ là không sáng thì sao gọi là chẳng thấy?

- A Nan, nếu lúc tối chẳng thấy sáng gọi là chẳng thấy; mà lúc sáng chẳng thấy tối cũng phải gọi là chẳng thấy, vậy thì hai tướng sáng tối đều gọi là chẳng thấy.

- Do hai tướng sáng tối tự đoạt mất nhau, chẳng phải tánh thấy của người tạm thời không có. Vậy thì cả hai đều là thấy, sao nói chẳng thấy?

- A Nan nên biết, trong lúc thấy sáng, kiến tinh chẳng phải sáng; trong lúc thấy tối, kiến tinh chẳng phải tối; trong lúc thấy rõ không kiến tinh chẳng phải rõ không; trong lúc thấy ngăn bít, kiến tinh chẳng phải ngăn bít, bốn thứ nghĩa này vốn saün như vậy.

- Lại người nên biết: Kiến kiến chi thời, kiến phi thị kiến, kiến do ly kiến, kiến bất năng cập,

How can you speak of cause and condition, of the self existing as such and of the (so-called) union? You are all ignorant and narrow-minded hearers (sravaka) and cannot understand pure and clean Reality. I now teach you (the Truth) into which you should look carefully; so do not allow indolence and remissness to obstruct your Path to Profound Bodhi?⁵⁴

54. This wiped out the essence of perception to reveal inceptive Enlightenment. From the start of this discussion on seeing, the essence of perception was used to root out the discriminating seeing which arises from external causes. Then alaya's perception was eliminated to reveal the essence of perception. For both perception and form are two characteristics of the same substance and depend on the essence of consciousness to manifest. Therefore, objects (form) and seeing (perception) intermingle and are not easy to separate. Hence Ananda mistook either seeing (perception) for objects (form) or vice-versa, and gave rise to heterodox views. The Buddha used external objects to rebuke the disciple's discrimination.

Now that the essence of perception had been eliminated, only one True Essence remained, free from all other things and dualities. So all Ananda's doubts about the existence of the self as such and about cause and condition were wiped out. This was the elimination of perception for its return to the essence of consciousness, which, however, was still under delusion. This is ignorance itself, called the storehouse of consciousness (alaya-vijnana). It is likened to a second moon, and if it is not eliminated, it will not be possible to unite with the real moon, that is the true Mind of basic Enlightenment. This is why the essence of perception was wiped out to achieve the wisdom of inceptive Enlightenment.

When the Buddha was about to root out the essence of consciousness (alaya), He probed Ananda about the worldly conception of seeing and not seeing. This differed from His previous discussions based on causes, for it was now given in the absence of causal externals. He wanted to show this essence of perception which did not owe its existence to (external) causes and was not created by conditions . but is the one real essence which is close to the true Mind. If this alaya consciousness is eliminated, all the five aggregates will vanish instantly; this is the wisdom of inceptive Enlightenment. So the Buddha probed Ananda about perception which an ordinary man speaks of when seeing things and asked him: What is seeing and what is not seeing? The disciple replied that there was seeing when it was light or dark and the Buddha wiped out all this as said in the text and concluded that though light and darkness alternated, the nature of seeing was unchanged and did not cease for an instant. Therefore, the four conditions of light, darkness, clarity and obstruction are only externals whereas this essence of perception does not depend on any cause for its existence and is, not created by any condition; it is essentially perception only. When all external objects had been wiped out, this essence alone remained but it still pertained to ignorance. Therefore, the Buddha wiped out this essence of perception and said: When your (real) perception sees this essence of perception, it is not the latter which, though straying from it, is yet close to it; how can your false seeing which is so far from (real) perception, ever reach it? How can you still speak of cause and condition, of the self as such and of union? This wiped out the essence of consciousness (alaya-vijnana). This non-discriminating true perception is the true Mind of the pure and clean Reality which you fail to realize because of your delusion and narrow-mindedness. This is the wisdom of inceptive Enlightenment and only when it is realized can basic Bodhi manifest. This is the path of samatha which I now teach you.

After Ananda's query about samatha at the beginning, the Buddha had wiped out the body and mind, made of five aggregates, to reveal the unreality of man. This cut off attachment to the reality of an ego and was only (a state of) relative voidness for the attachment to things (dharma) still remained. Hence in the following text, the Buddha taught the elimination of the world to cut off this attachment to dharma.

tại sao lại nói nhân duyên, tự nhiên và tướng hòa hợp? Hàng Thanh Văn như các người trí kém tâm hẹp, chẳng thông đạt thật tướng trong sạch, nay ta dạy người nên khéo suy tư, hãy siêng năng tinh tấn, thẳng vào diệu đạo Bồ Đề.

LƯỢC GIẢI

Hai chữ Kiến Kiến tức là bản kiến tự hiện, chẳng có năng kiến, sở kiến, Phật đã giải thích kỹ càng trong quyển nhì này; nếu có năng sở, đều là kiến bệnh đã thành từ vô thủy, có năng kiến năng giác đều là bệnh. Vì bản kiến bản giác chẳng ở trong bệnh mới gọi là kiến kiến, tức là kiến tánh. Tự tánh chẳng phải sở kiến, nên cũng chẳng có năng kiến để kiến tự tánh, vậy lúc kiến kiến (Kiến kiến chỉ thời), dù nói kiến nhưng chẳng phải là kiến (Kiến phi thị kiến), vì chẳng có năng kiến và sở kiến, cho nên nói kiến còn phải lìa kiến (kiến do ly kiến), vì Năng kiến chẳng thể thấy đến, nên nói Kiến bất năng cập.

Revealing the unreality of the two realms⁵⁵ to expose the non-existence of Dharma (things)

Ananda said to the Buddha: World Honoured One, although the Buddha has taught us about cause and condition, the state of the self as such, of mingling and union and of non-mingling and non-union, our minds are still not open to the teaching.

As we listened to His further instruction on seeing that is not seeing, we became more deluded and perplexed. Please be compassionate enough to open our wisdom-eye to enlighten us. After saying this, he shed bitter tears, prostrated himself at the Buddha's feet and waited for the holy teaching.⁵⁶

The Buddha took pity on Ananda and the assembly and was about to teach the profound practice of the samadhis of the great Dharani when he said to Ananda: Though you have tried to memorize (my Dharma), you have only broadened your hearing (or knowledge) and are still not very clear about deep insight into samatha. Now listen with attention to what I now tell you fully (for the benefit of you) and those who are still in the stream of transmigration so that you can all win the bodhi fruit.

Ananda, all living beings are subject to transmigration through various worlds because of two inverted, discriminative and wrong views which, wherever they occur, cause people to be caught in the turning wheel of samsara. What causes these two wrong views? They are due to their individual and collective karmas.

55. The realm of living beings and the realm of material things.

56. The five aggregates previously eradicated by the Buddha were mere names and terms but these seemingly real things (dharma) still remained for Ananda had no personal experience of their non-existence. So, when he heard about the seeing which was not real seeing, he became more deluded and perplexed. This was because although as a Hinayanist he was no longer attached to the reality of an ego, he still clung to the existence of the body, mind and universe. Hence his request for elucidation. The Buddha then explained the unreality of the body, the mind and their surroundings.

- Bạch Thế Tôn! Phật vì chúng con hiển bày các tướng nhân duyên, tự nhiên, hòa hợp và chẳng hòa hợp, tâm còn chưa rõ, nay lại nghe nói Kiến Kiến Phi Kiến, khiến con càng thêm mê muội, cúi xin Phật mở lòng từ bi, khai thị cho chúng con được diệu tâm sáng tỏ trong sạch.

Nói xong, rơi lệ đảnh lễ, kính nghe lời dạy của Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn thương xót A Nan và đại chúng, sắp khai giảng pháp tổng trì (tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa), những đường tu vi diệu của các thiền quán Tam Ma Đề, bảo A Nan rằng:

- Người dù nhớ hay, nhưng chỉ thêm phần học rộng nghe nhiều, đối với sự quán chiếu vi diệu của pháp Sa Ma tha, tâm còn chưa rõ, nay người hãy chú ý nghe, ta sẽ vì người khai thị từng lớp một, cũng khiến hàng hữu lậu tương lai sẽ được chứng quả Bồ Đề.

- A Nan, tất cả chúng sanh cam chịu luân hồi, là do hai thứ vọng kiến điên đảo phân biệt, ngay đó phát sanh, ngay đó theo nghiệp luân chuyển. Thế nào là hai thứ vọng kiến?

- Một là vọng kiến Biệt Nghiệp của chúng sanh.

- Hai là vọng kiến Đồng Phận của chúng sanh.

Individual Karma

What is the individual karma that causes wrong views? Ananda, it is like a man who, because his eyes are inflamed, sees at night a five-coloured circle round the light of a lamp. Is this circle the colour of the flame or that of his seeing? If it is the colour of the flame, why does only the man with bad eyes see it while others do not? If it is the colour of his seeing, since his seeing is already that colour, what do you call the circle? Moreover, Ananda, if this circle is independent of the lamp, the man should see it when looking at nearby curtains, tables and mats; if it is independent of the seeing, it should not be seen by the eyes, but why does the man with bad eyes see it? Therefore, you should know that this colour is revealed by the lamplight and becomes a circle when perceived by defective seeing; both the circle (form) and the seeing (perception) are due to bad eyes, but that which recognizes this disease is not sick. Thus you should not (discriminate and) say that it is either the lamp or the seeing, with the further idea of it being neither the lamp nor the seeing. It is like a second moon which is neither the real moon nor its shadow. Why? Because the sight of this second moon is an illusory creation. So wise people should not say that this illusion is or is not form or that it exists apart from seeing or non-seeing. In the same way how can you prove that an illusion caused by bad eyes is (due to) the lamp or to your seeing? Still less can you establish that it is (due to) neither the lamp nor your seeing.

Collective Karma

What is the collective karma that causes wrong views? Ananda, this universe (Jambudvīpa) comprises, beside the great sea; 3,000 continents, with the largest at the center, containing altogether, from east to west, 2,300 countries and other small continents each consisting of 1, 2, 30, 40, 50, 200, or 300 countries. Ananda, in a small continent there (may) be only two countries, one of which is inhabited by people who, as a result of their evil karma, may witness all sorts of evil states, while the inhabitants of the other country neither see nor even hear of them. Ananda, let us compare these two karmic conditions (dealing first with wrong views caused by individual karma which are similar to those by collective karma).

- Sao gọi là vọng kiến Biệt Nghiệp?

- A Nan! Như người thế gian con mắt bị nhặm, ban đêm thấy ánh sáng, riêng có bóng tròn ngũ sắc bao phủ. Ý người thế nào? Cái bóng tròn hiện nơi ánh đèn này là màu sắc của ngọn đèn hay là màu sắc của kiến tinh?

- Nếu là màu sắc của ngọn đèn, thì người không nhặm sao chẳng cùng thấy, mà chỉ có người nhặm mới thấy bóng tròn này? Nếu là màu sắc của kiến tinh, kiến tinh đã thành màu sắc, thì người nhặm thấy bóng tròn kia gọi là cái gì?

- Lại nữa A Nan! Nếu lìa ngọn đèn riêng có bóng tròn này, thì khi nhìn qua bình phong, bàn ghế, phải có bóng tròn hiện ra, nếu lìa kiến tinh riêng có bóng tròn thì chẳng phải mắt thấy, vậy sao người nhặm lại thấy bóng tròn?

- Nên biết, màu sắc ở nơi đèn, do mắt bị bệnh mới thấy bóng tròn, bóng tròn và cái thấy đều là bệnh nhặm, kẻ thấy được nhặm thì chẳng phải bệnh; chớ nên nói bóng tròn là đèn, là thấy, hoặc nói chẳng phải ngọn đèn chẳng phải cái thấy.

- Ví như đệ nhị nguyệt chẳng phải bản thể, cũng chẳng phải bóng của đệ nhất nguyệt. Tại sao? Vì do dục mắt mới thành có đệ nhị nguyệt. Người trí chẳng nên truy cứu cái đệ nhị nguyệt này là hình bóng hay chẳng phải hình bóng, là kiến tinh hay chẳng phải kiến tinh, vì đó là do dục mắt sanh ra, thế thì cái bóng tròn này cũng vậy, do mắt nhặm mà thành, nay muốn gọi cái nào là màu sắc của ngọn đèn, cái nào là màu sắc của kiến tinh? Huống còn vọng sanh phân biệt, cho là chẳng phải màu sắc của ngọn đèn, chẳng phải màu sắc của kiến tinh ư?

Sao gọi là vọng kiến Đồng Phận?

- A Nan! Ở cõi Ta Bà này, trừ biển cả ra, phần đất bằng gồm có ba ngàn châu, ở giữa là đại châu, Đông Tây bao gồm hai ngàn ba trăm nước, ngoài ra các tiểu châu ở giữa biển hoặc có từ hai trăm đến ba trăm nước, hoặc có từ một, hai cho đến bốn mươi, năm mươi nước. A Nan, ví như trong đó có một tiểu châu, chỉ có hai nước, dân một nước thì đồng cảm ác duyên, khiến cả nước cùng thấy tất cả cảnh giới chẳng lành, như những ác tướng do nhật nguyệt, tinh tú và khí trời hiện ra v.v... chỉ cả nước này thấy đủ thứ ác tướng như vậy, còn dân nước kia lại chẳng hề thấy nghe những ác tướng đó.

- A Nan, nay ta vì người đem hai việc kể trên so sánh cho rõ:

Ananda, all living beings whose individual karma causes them to see wrongly, are like the man who because his eyes are inflamed, sees round the light of a lamp a circle which seems to be out there in front of him, but in fact exists because his sight is disturbed; this circle is not created by form. However the (faculty of) seeing through which he is aware of this trouble, is free from it. Similarly if you now look at mountains, rivers and the country with its inhabitants, they are all created by a disturbance in your seeing since the time without beginning. Though this seeing and its causal externals seem to be (phenomena) in front of you, they originally arise from your (subjective) awareness of that brightness (of Reality) which leads to a (wrong) perception of (objective) causal falsities. Thus awareness and perception (cause) wrong seeing, but the bright true Mind of basic Bodhi which sees clearly these causal states is free from all ills. That which realizes this awareness as faulty does not fall into delusion. This is (what I mean by true) seeing that is not (discriminative and about which you asked for elucidation). How can this be comprehended by your (discriminative) seeing, hearing, feeling and knowing? Therefore, your actual seeing of yourself, of me and of living beings of the ten types of birth is a disturbance of your seeing and certainly not that which is aware of your wrong seeing. For the basic nature of the true essence of perception is beyond all ills: hence it is not called seeing.

Như chúng sanh kia vọng kiến biệt nghiệp, thấy bóng tròn hiện nơi ánh đèn, dù hình như có cảnh tượng trước mặt, nhưng cái thấy ấy vốn do mắt nhắm mà thành, nhắm tức là kiến bệnh, chẳng phải màu sắc sở tạo, nhưng người thấy được nhắm thì chẳng có kiến bệnh (Biết Phật tánh vẫn là bệnh, phải được thấy Phật tánh mới hết bệnh).

- Như người hôm nay, dùng con mắt thấy núi sông đất đai và chúng sanh, đều là cái kiến bệnh đã thành từ vô thủy. Tại sao? Vì có năng thấy và sở thấy, nên tựa như cảnh tượng hiện ra trước mắt, giống cái giác minh của người duyên cái sở thấy thành nhắm.

- Bản giác có năng thấy tức là nhắm, "Bổn giác minh tâm" là tự tánh, cái giác ấy vốn chẳng phải bệnh, có năng giác sở giác mới thành bệnh. Nếu bổn giác không ở trong bệnh, đó mới thật là Kiến Kiến (tức là kiến tánh). Đã được kiến tánh thì đâu còn tên gọi là Kiến, Văn, Giác, Tri nữa!

- Cho nên, người hôm nay thấy ta, thấy người và thấy tất cả chúng sanh đều do kiến bệnh, nếu chẳng phải kẻ có kiến bệnh, thì cái kiến ấy chơn thật, thể tánh chẳng bệnh nên chẳng gọi là Kiến.

Ananda, let us now compare wrong seeing caused by collective karma with that by individual karma. The (illusion of a) circle round the light of a lamp seen by a man because his eyes are bad, and the evil condition experienced by all the inhabitants of a country because of collective karma, are both created by false seeing since the time without beginning. Thus the Jambudvīpa's 3,000 continents, the four great seas, the saha world and samsaric countries in the ten directions as well as their inhabitants are the product of causal seeing, hearing, feeling and knowing which arise from the (subjective) awareness of the brightness of supramundane wondrous Mind, entailing mixtures and unions of concurring causes which result in their rise and fall.⁵⁷

57. Attachment to dharma (things) implies man's clinging to the inner body and mind, made of five aggregates (i.e. the realm of living beings) and to outer mountains, rivers, space and the world (i.e. the realm of material things), all of which seem to exist. Hence the Buddha spoke of wrong views, which *wherever* they occur, cause living beings to be caught *there* in the turning karmic wheel of existence. This is the meaning of the saying: All (mental) stirrings cause suffering. Individual karma causes *direct retribution*, which affects the individual with a body and mind, and collective karma causes *dependent retribution*, which affects the material world or the surroundings of all who share the same karma. Fundamentally these two falsities do not exist in the absolute state, but under delusion, the alaya consciousness gives rise to *perception* which is the false mind, and *form* which is the illusory object. Hence the true Mind is likened to good eyes and lamplight; the false mind to inflamed eyes; the body and mind, to the circle round the light of a lamp; and the material world, to a flower in the sky. He who awakens to this illness of the eyes, realizes the unreality of these two falsities; hence the Buddha used an inflammation of the eyes to expose their non-existence. Individual karma causing false seeing is man's direct retribution in the form of a body and mind which do not exist fundamentally and depend on false seeing for their seeming existence. This is likened to an inflammation of the eyes which causes the seeing of a circle round the light of a lamp. This illusion neither exists because of the lamp nor apart from it; therefore, how can it be discussed on the basis of the dual is and is not? Like the colour that comes from the lamp, what is false also comes from what is real. This is like a second moon which is beyond both existence and non-existence. He who understands this, awakens to the unreality of the five aggregates and wipes out all doubts about cause and condition, the self as such, mingling and union, and non-mingling and non-union.

Collective karma concerns all living beings sharing the same retribution, that is the material world which fundamentally, does not exist and arises also from false seeing. It is easy to awaken to the unreality of an ego but it is very difficult to realize the non-existence of the material world. Hence the comparison of individual with collective karma and vice-versa, to explain the unreality of the realm of material things. For both the circle round the light of a lamp and the material world come from a defect in the seeing since the time without beginning, due to basic ignorance caused by the first stirring thought that resulted in (subjective) awareness of the brightness of True Mind and subsequent wrong *perception* which created phenomena (*form*).

This wiped out the two realms to reveal the unreality of dharma.

- A Nan! Vọng kiến Đồng Phận của cả nước, cũng như vọng kiến Biệt Nghiệp của một người. Người mắt nhắm thấy bóng tròn kia là do biệt nghiệp sở sanh; cả nước đồng phận sở dĩ thấy tướng chẳng lành này là do cộng nghiệp tạo nên. Cả hai đều là kiến bệnh đã thành từ vô thủy.

- Tất cả chúng sanh cõi Ta Bà, cho đến mười phương các nước hữu lậu, đều vì đem cái sáng tỏ vô lậu của diệu tâm, cùng với bệnh duyên hư vọng của kiến, văn, giác, tri, hòa hợp vọng sanh, hòa hợp vọng tử.

**Revealing the Independent Basic Bodhi
to Expose the Unfettered Absoluteness (Bhutatahata)**

He who can avoid the (illusory) mixture and union and nonmixture and non-union of concurrent causes, will be able to destroy all causes of birth and death, thereby perfecting the transcendental nature of Enlightenment and realizing the permanent basic Bodhi of pure and clean Self-mind.

**Wiping Out All Traces of the False to Enter the Abstruse
to Reveal the Bhutatahata**

Ananda, though you have understood the profound and bright nature of basic Bodhi which is neither causal, nor conditional, nor the self as such, you are still not clear about this enlightened substance which neither mixture and union nor non-mixture and non-union can create. Ananda, I must now ask you a question. Since you still hold that all false thinking mixes and unites with causes and conditions, you are in doubt and worry about (the thoughts of) a Bodhi mind arising from such mixture and union. If so, does your essence of perception mix with light, or darkness, with clarity, or obstruction? If it mixes with light, when the latter appears and you see it, where does it mix with your seeing? Since your seeing is clear, where can you find such mixture? If it is not the seeing, why do you see light? If it is the seeing, how can you see your own seeing? Since your seeing is complete by itself, how can it be mixed with the light? Since light is complete by itself, where can it contain your seeing? Therefore, seeing and light differ, and if they are mixed up, even the word .light. would cease to exist; in other words, such a mixture would suppress the light. Consequently, your concept of a mixture of seeing with light is wrong, and so is a mixture of seeing with darkness, clarity and obstruction.

Nếu được xa lìa các duyên hòa hợp và chẳng hòa hợp, thì diệt trừ được những cái nhân sanh tử, tự hiện tánh đầy đủ chẳng sanh diệt của Bồ Đề, nên được bản tâm trong sạch bản giác thường trụ.

- A Nan! Người dù đã ngộ bản giác diệu minh, thể tánh phi nhân duyên phi tự nhiên, nhưng còn chưa rõ bản giác này chẳng phải do hòa hợp sanh, cũng chẳng phải không hòa hợp. A Nan, ta dùng sự tiền trần hỏi người, nay người còn bị những tánh nhân duyên vọng tưởng hòa hợp của thế gian mà tự nghi hoặc, lại cho sự chứng tâm Bồ Đề là do hòa hợp sanh khởi. Vậy thì cái kiến tinh vi diệu trong sạch này là hòa với sáng hay hòa với tối? Hòa với thông hay hoà với nghẽn?

- Nếu hòa với sáng, thì khi người thấy sáng hiện tiền, kiến tinh xen lộn ở đâu? Tướng thấy còn có thể phân biệt, cái hình tướng xen lộn là như thế nào?

- Nếu chẳng phải kiến tinh thì làm sao thấy sáng? Nếu là kiến tinh thì làm sao kiến tinh lại thấy kiến tinh?

- Nếu kiến tinh đầy khắp thì còn chỗ nào hòa với sáng? Nếu sáng đầy khắp thì còn chỗ nào để hòa với kiến tinh. Kiến tinh phải khác với sáng, khi xen lộn thì làm mất tánh sáng, nếu mất tánh sáng, nói hòa với sáng là chẳng đúng. Hòa tối, hòa thông, hòa nghẽn nghĩa cũng như vậy.

Again, Ananda, does the essence of your perception unite with light, darkness, clarity and obstruction? If it unites with light, then when light vanishes and is replaced by darkness, the seeing should not unite with the latter, but why do you still see darkness? When you see darkness, if your seeing does not unite with it, then when it unites with light, you should not see light as well. If light is not seen, then when there is light, do you know that it is light and not darkness? Likewise, a union of the seeing with darkness, clarity and obstruction is equally false.

Ananda asked: World Honoured One, I am thinking again about this enlightened substance; does it neither mix nor unite with causal externals and with the mind's thinking and discerning?.

The Buddha replied: You now speak of not mixing and not uniting. Do you mean that this essence of seeing does not mix with light, darkness, clarity and obstruction? If so, then when you see the light, there should be a demarcation line between seeing and light. Now look carefully (and tell me) where are the fields of light and of your seeing, and where are their boundaries: Ananda, if you do not see where light is, then your seeing will not reach it; if so, you will not even know where the light is, and how can there be a border line? It is the same with darkness, clarity and obstruction.

.Again, do you mean that this essence of seeing does not unite with light, darkness, clarity and obstruction? If it does not unite with light, then both the seeing and light are in opposition, like your ears and the light which can never meet. So your seeing would not perceive anything where there is light; then how can you cause them either to unite or not? It is the same with darkness, clarity and obstruction.⁵⁸

58. The Buddha had already taught that basic Bodhi could only appear after inceptive Bodhi had been aroused, but Ananda still thought that when inceptive Bodhi mixed and united with basic Bodhi, ultimate Enlightenment would result. Thus he thought that the True Mind of basic Enlightenment would arise when there was such mixing and uniting. Therefore the Buddha wiped out the disciple's discrimination to reveal absolute true Mind which is free from all relativities and contraries. Hence the above heading '*Wiping out all traces to enter Abstruseness*' (added by the commentator Han Shan). This wiped out the false view of Unity-with-differentiation to reveal the Absolute which is beyond monism and pluralism. (See also Chan and Zen Teaching, First Series, *The Diamond Sutra*, page 202.)

So far samsaric illusions have been used to distinguish the false from the real in order to reveal the true Mind of basic Bodhi. In the following text, the uncreate is dealt with to return the false to the real in order to reveal the absolute Voidness of the Tathagata womb.

- Lại nữa, A Nan! Kiến tinh của người là hợp với sáng hay hợp với tối? Hợp với thông hay hợp với nghẽn?

- Nếu hợp với sáng, thì khi tối, tướng sáng đã diệt, thì kiến tinh này chẳng thể hợp với tối, làm sao thấy tối? Nếu lúc thấy tối chẳng hợp với tối, thì khi hợp với sáng cũng chẳng phải thấy sáng. Đã chẳng thấy sáng, sao nói hợp với sáng, và biết cái sáng chẳng phải tối? Hợp tối, hợp thông, hợp nghẽn nghĩa cũng như vậy.

- Bạch Thế Tôn! Theo con suy nghĩ, cái bản giác này với các cảnh trần và cái tâm niệm tưởng là chẳng hòa hợp.

Phật bảo:

- Nay người lại cho là chẳng hòa hợp, ta lại hỏi người, cái kiến tinh này nếu chẳng hòa hợp, là chẳng hòa với sáng hay chẳng hòa với tối? Chẳng hòa với thông hay chẳng hòa với nghẽn?

Nếu chẳng hòa với sáng, thì kiến tinh với cái sáng phải có ranh giới, vậy người hãy xét xem chỗ nào là sáng? Chỗ nào là kiến tinh? Giữa kiến tinh với sáng, ranh giới ở đâu?

- A Nan! Nếu ở nơi sáng chẳng có kiến tinh thì sáng và kiến tinh chẳng tiếp xúc nhau, làm sao thấy được tướng sáng để thành lập ranh giới? Hòa tối, hòa thông, hòa nghẽn nghĩa cũng như vậy.

- Lại nữa, kiến tinh của người nếu chẳng hòa hợp, là chẳng hòa hợp với sáng hay chẳng hòa hợp với tối? Chẳng hợp với thông hay chẳng hợp với nghẽn?

- Nếu chẳng hợp với sáng, thì kiến tinh với sáng hai tánh trái ngược nhau, cũng như lỗ tai với sáng chẳng thể tiếp xúc, thế thì cái thấy còn chẳng biết chỗ của tướng sáng, làm sao xét rõ cái lý hợp hay chẳng hợp? Hợp tối, hợp thông, hợp nghẽn nghĩa cũng như vậy.

Direct Pointing to the One Mind

Ananda, you are still not clear about the illusory appearances of all passing phenomena which vanish wherever they arise. These illusions in the shape of forms spring from (their underlying nature which is) the substance of wonderful Bodhi. So also are the six entrances (organs), the twelve ayatana (six sense organs and six sense data) and the eighteen realms of senses which falsely arise from the mixture and union of causes and conditions and which falsely vanish when the same causes and conditions are disconnected. They are but creation and destruction appearing and vanishing within the permanent, wonderfully bright, immutable, all-embracing and profound Bhutatathata (absolute) nature of the Tathagata store wherein neither coming nor going, neither delusion nor enlightenment, and neither birth nor death can be found.⁵⁹

59. This is the direct pointing at the source of the One Mind of the untreated and unending nature of the Tathagata store to fuse myriads of illusory phenomena into their underlying principle. For mind and seeing pertain to alaya's *perception* and all causal objects to alaya's *form*; this is basic ignorance, hence man's inability to realize the non-existence of all appearances. This is why the Buddha picked out causal objects to show the unreality of *form* and thereby of *perception*. Thus *perception* and *form* were returned to the essence of consciousness, that is the alaya consciousness, which would then be broken up to reveal inceptive Bodhi for ultimate return to the One Mind. This exposed the substance of the absolute voidness of the Tathagata store. All this was beyond the comprehension of Ananda who was still a man of the Small Vehicle. Hence the Buddha's teaching on illusions which vanish wherever they arise, for they all spring from the True Mind of the Tathagata store which is immutable, permanent and all-embracing. If phenomena are clung to, there seem to be birth and death, but if the true Mind is looked into, they are only illusions that rise and fall within it. (This is what the Heart Sutra means by .Form does not differ from the void, nor the void from form. Form is identical with the void and the void is identical with form. So also are the remaining four aggregates in relation to the void, See Chan and Zen Teaching, First Series, *The Heart Sutra*.) This is direct pointing at the One Mind.

- A Nan! Người còn chưa rõ tất cả tướng huyễn hóa nơi tiền trần, tùy nơi nhân duyên sanh ra, theo nơi nhân duyên diệt mất, thể tánh của tướng huyễn hóa hư vọng này vốn là diệu giác sáng tỏ, như vậy cho đến ngũ âm, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, vì nhân duyên hòa hợp, hư vọng cho là có sanh, nhân duyên tan rã, hư vọng cho là có diệt, mà chẳng biết sanh diệt khứ lai vốn là Như Lai Tạng, cũng gọi là diệu minh thường trụ, bất động chu viên (cùng khắp không gian), diệu tánh chơn như, nơi tánh chơn thường tìm sự khứ lai, mê ngộ, sanh diệt đều bất khả đắc.

Fusing Myriads of Things with the Absolute to Reveal the Identity of Phenomenon with Noumenon Fusing the Five Aggregates

The First Aggregate Rupa

Ananda, why are the five aggregates fundamentally the wondrous nature of the Absolute of the Tathagata store? Ananda, for instance, when a man looks at a clear sky with clear eyes, he sees only the void which contains nothing. If suddenly without any apparent reason he steadies his seeing, it will be disturbed and he will see flowers dancing and other objects moving in the sky. It is the same with the aggregate rupa.

Ananda, these dancing flowers come neither from the void nor from his eyes. If they came from the void, they would return to it; if there was really such a coming and going of these flowers, the void would not be empty. If voidness was really not empty (i.e. if it was solid), then they could not appear and vanish in it. This is like Ananda's (solid) body which does not allow (another) Ananda to enter it. If these flowers come from the eyes, they should be able to return to the eyes, and because they come from (the faculty of) seeing, they should be able to see (things). Thus when they leave the eyes, they become flowers in the sky and when they return, they should see the organ of sight. If they cannot see (things), then when they leave, they should screen the sky and when they return, they should veil the eyes; but when the man sees these flowers, his eyes are not veiled. Then why do you wait until the sky is clear (of these flowers) to say that your eyes are really clear? Therefore, you should know that the aggregate form is unreal for it is neither causal nor conditional nor self-existent.⁶⁰

60. Steadying stands for *ignorance*; troubled seeing, for false *perception*; and dancing flowers, for illusory *form*; this is the origin of form. The Buddha used the void and eyes to reveal the unreality of the first aggregate. Therefore, he who understands that dancing flowers come from neither the void nor the eyes, realizes the non-existence of form which is an illusion.

NGŨ ẤM VỐN VÔ SANH

- Sao nói Ngũ Ấm vốn là Như Lai Tạng, cũng là Diệu tánh chơn như?

I. SẮC ẤM VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người dùng con mắt trong sạch, nhìn hư không sáng sủa chỉ có trống rỗng, hẳn không thấy gì, người ấy khi không ngó hẳn một chỗ chẳng nháy mắt, ngó lâu mắt mỏi thì thấy hoa đốm hiện nơi hư không (hoa đốm dụ cho sắc ấm), hoặc thấy những tướng lăng xăng giả dối. Nên biết sắc ấm cũng vậy.

- A Nan! Những hoa đốm này chẳng từ hư không ra, cũng chẳng từ mắt ra. Nếu từ hư không ra, ắt phải trở vào hư không, nếu có ra vào thì chẳng phải hư không. Nếu hư không chẳng phải hư không thì tự nhiên chẳng thể dung nạp tướng hoa đốm sanh diệt trong đó, cũng như thân thể A Nan chẳng dung nạp được một A Nan nữa.

- Nếu hoa đốm từ con mắt ra thì phải trở vào con mắt; nếu từ mắt ra, ắt phải có tánh thấy, nếu có tánh thấy thì khi xoay về, lẽ ra phải thấy mắt. Nếu chẳng có tánh thấy, khi ra đã che mờ hư không, thì khi về phải che mờ con mắt. Lại, khi thấy hoa đốm, lẽ ra mắt phải không mờ, vậy sao nói thấy hư không sáng sủa mới gọi là con mắt trong sạch? Nên biết sắc ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

The Second Aggregate Vedana

Ananda, when, for instance, a man is in good health and his limbs are in good condition, he does not feel anything. But if suddenly, without any reason, he rubs his palms together, he feels coarseness, smoothness, cold and warmth. It is the same with the second aggregate vedana. Ananda, these sensations come from neither the void nor his palms. If they come from the void, why are they felt by his palms only and not by his body? It should not be up to the void to choose his palms to feel them. If they come from his palms, they should not wait for the palms to be brought together to be felt. Moreover, if they really come from his palms and are felt when the latter are brought together, when they are separated, these sensations should re-enter the palms, arms, shoulders, bones and marrow which should also feel their reentry. They should also be felt by the mind as coming in and out, as if something had moved in and out of the body. If so, there is no need to bring the two palms together to feel these sensations. Therefore, you should know that the aggregate vedana is unreal and is neither causal nor conditional nor self-existent.

The Third Aggregate Sanjna

Ananda, if someone speaks of sour plums, your mouth will water, and if you think of walking above an overhanging cliff, you will have the sensation of shivering in the soles of your feet. This is the same with the third aggregate sanjna. Ananda, this talk of sourness does not come from the plum, nor does it enter your mouth. If it comes from the plum, it should be spoken of by the plum itself; then why does it wait for someone to speak of it? If it enters your mouth, it should be your mouth which actually talks about it; then why does it wait until your ears hear of it? If it is your ears which alone hear it, why does not that water come out of them? This is the same with your thought of (walking above) an overhanging cliff. Therefore, you should know that the third aggregate sanjna is neither causal nor conditional nor self-existent.

2. THỌ ẤM VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người tay chân khỏe mạnh, thân thể điều hòa, cuộc sống yên ổn, quên hẳn sự thuận nghịch, người ấy vô cớ hai bàn tay xoa nhau, vọng sanh các tướng trơn, rít, lạnh, nóng nơi hai bàn tay. Nên biết thọ ấm cũng vậy.

- A Nan! Những xúc giác huyễn hóa này (xúc giác dụ cho thọ ấm), chẳng từ hư không ra, cũng chẳng từ bàn tay ra. A Nan, nếu từ hư không ra, đã tiếp xúc với bàn tay, sao chẳng tiếp xúc với thân thể? Chẳng lẽ hư không lại biết lựa chỗ để tiếp xúc ư?

- Nếu từ bàn tay ra thì chẳng cần đợi hai bàn tay hợp lại mới có xúc giác; lại, đã từ bàn tay ra, lúc hai tay hợp lại biết có xúc giác, lúc hai tay rời ra thì xúc giác phải chạy vào, vậy xương tủy, cánh tay cũng phải biết được cái dấu tích của xúc giác khi vào. Nếu có tâm biết ra biết vào, thì phải có một vật đi lại trong thân, đâu cần đợi hai tay hợp rồi mới gọi là tiếp xúc!

- Nên biết thọ ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

3. TƯỞNG ẤM VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như nghe người nói đến trái mơ chua thì tiết ra nước miếng, nghĩ đến leo dốc cao thì lòng bàn chân ghê rợn, (nước miếng và ghê rợn dụ cho tưởng ấm), nên biết tưởng ấm cũng vậy.

- A Nan! Cái tiếng chua này chẳng từ trái mơ ra, cũng chẳng từ miệng ra. Nếu từ trái mơ ra thì trái mơ tự biết nói, đâu cần đợi người nói? Nếu từ miệng ra thì miệng phải tự nghe tiếng, đâu cần đợi tai nghe? Nếu chỉ riêng tai có nghe thì nước miếng sao chẳng từ tai chảy ra? Tưởng tượng mình leo dốc thì cũng như vậy. Nên biết tưởng ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

The Fourth Aggregate Samskara

Ananda, the fourth aggregate samskara is like water which flows in a torrent endlessly and in good order over a fall. Ananda, this flow does not come from the void nor is it due to the water; it is neither the water itself nor does it exist apart from the void and the water. If it is created by the void, boundless space would become an endless flow of water and the whole world would be submerged. If it is due to the water, then it should not be water and should have its own form and location which should be apparent. If it is water, then still and clear water should not be water. If it exists apart from the void and water, (this is impossible because) space (is all-embracing and) has (nothing) outside (it) and because there is no flow without water. Therefore, you should know that the fourth aggregate samskara is false and is neither causal nor conditional nor self-existent.

The Fifth Aggregate Vinana

Ananda, the (fifth) aggregate consciousness is like the void in an empty pitcher with two mouths.⁶¹ If someone blocks both mouths and carries it to another country, the void does not go from one place to another. If the void comes from somewhere, that place should lose some of its voidness, and on arrival elsewhere, when the mouths are opened and the pitcher reversed, one should see the void poured out of it. Therefore you should know that consciousness is unreal and is neither causal nor conditional nor self-existent.

61. A kavalinka pitcher.

4. HÀNH ẤM VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như dòng nước chảy mạnh (dòng nước dụ cho Hành Ấm), làn sóng nối tiếp, lớp trước lớp sau chẳng vượt khỏi nhau, nên biết Hành Ấm cũng vậy.

- A Nan! Tánh dòng nước như thế chẳng do hư không sanh ra, chẳng do nước mà có, chẳng phải tánh của nước, cũng chẳng lìa hư không và nước.

- Nếu do hư không sanh ra thì mười phương vô tận hư không đều thành dòng nước vô tận, và tự nhiên thế giới đều bị chìm đắm cả. Nếu do nước mà có thì nước là năng có, dòng nước là sở có, hai tướng khác nhau thì tánh của dòng nước lẽ ra chẳng phải là nước; nếu dòng nước tức là tánh của nước thì khi nước trong lặng lại chẳng phải tự thể của nước. Nếu lìa hư không và nước thì hư không vốn chẳng có trong và ngoài, và ngoài nước ra chẳng có dòng nước. Nên biết hành ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

5. THỨC ẤM VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người lấy một cái bình (cái bình dụ cho nghiệp thân), trong đựng đầy hư không (hư không dụ cho thức ấm), bít kín miệng bình đem xa ngàn dặm tặng cho nước khác, nên biết Thức Ấm cũng vậy.

- A Nan! Hư không này chẳng phải từ phương kia ra, cũng chẳng phải từ phương này vào. Nếu từ phương kia ra, trong bình đã đựng hư không đem đi, thì phương kia phải thiếu hư không. Nếu từ phương này vào, khi mở miệng bình trút ra thì phải thấy hư không ra. Nên biết thức ấm hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.



LƯỢC GIẢI

Trung Quán Luận có bài kệ rằng:

Các pháp chẳng tự sanh,
Cũng chẳng phải tha sanh,
Chẳng cộng chẳng vô nhân,
Cho nên nói Vô Sanh.

Sao nói các pháp chẳng tự sanh? Vì phải đợi nhân duyên hòa hợp mới được sanh. Sao nói chẳng tha sanh? Vì các duyên đều chẳng có tự tánh. Sao nói chẳng cộng sanh? Vì tự và tha còn chẳng có, lấy gì để cộng? Sao nói chẳng vô nhân sanh? Vì bản thể sáng tỏ của diệu tâm, phải do tu hành đến giác ngộ mới được hiển bày, chẳng tự nhiên mà thành. Vậy biết tất cả sự vật trên thế gian vốn là Vô Sanh, vì chẳng có lý do nào để sanh vậy.

Nếu ngộ tất cả pháp vô sanh thì Sắc như bụi mắt thấy hoa đốm trên không; Thọ như xoa bàn tay sanh những xúc giác trơn, rít, lạnh, nóng; Tưởng như nghe nói trái mơ tiết ra nước miếng; Hành như dòng nước chảy, chẳng có năng sanh sở sanh (nước chẳng phải năng sanh, dòng nước chẳng phải sở sanh); Thức như cái bình đựng đầy hư không, bình dụ cho nghiệp thân, hư không dụ cho vọng thức. Bản Giác tánh không, cùng khắp pháp giới, hễ mê thành vọng thức thì thành hư không ở trong bình, nhét bít miệng bình dụ cho vọng phân đồng dị, có trong có ngoài, kỳ thật trong bình ngoài bình chỉ cùng một hư không (dụ cho tánh và thức vốn là một thể), hư không chẳng khứ lai dụ cho tánh chẳng sanh diệt. Bình dụ vọng nghiệp, hư không dụ vọng thức, nghiệp kéo thức chạy theo, như đem bình đựng hư không đi các nước khác, dụ cho đi khắp lục đạo, cam chịu luân hồi.

Lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, cho đến thất đại ở quyển sau, đều sáng tỏ nghĩa này (Vạn Pháp Vốn Vô Sanh).



LỤC NHẬP

- Lại nữa, A Nan! Sao nói Lục Nhập vốn là Như Lai Tạng, cũng là diệu tánh chơn như?

I. NHÃN NHẬP VỐN VÔ SANH

- Ví như dùng mắt ngó hẳn một chỗ, lâu tự mỗi một, cả con mắt và cái mỗi một đó, đều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh Bồ Đề. Do hai thứ vọng trần Sáng và Tối hiện ra cái thấy, thu nạp cảnh trần, gọi là tánh thấy; cái thấy này là Sáng và Tối vốn chẳng có tự thể.

- A Nan nên biết! Kiến tinh này chẳng từ sáng, tối ra, chẳng từ con mắt ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ chỗ sáng ra, thì khi tối, kiến tinh đã theo sáng diệt, lẽ ra chẳng thể thấy tối; nếu từ chỗ tối ra, thì khi sáng, kiến tinh phải theo tối diệt, lẽ ra chẳng thể thấy sáng. Nếu từ con mắt ra thì chẳng có sáng tối, vậy biết kiến tinh vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, thì nhìn ra ngoài thấy cảnh trần, xoay về phải thấy con mắt; lại, hư không tự thấy có liên quan gì chỗ nhập của người?

Fusing the Six Entrances

Entrance through the Eyes

Again, Ananda, why are the six entrances (of illusions into the mind) fundamentally the absolute nature of the Tathagata store⁶² Ananda, the steadying of the seeing that disturbs the sight, as well as the eyes and the disturbance itself are but trouble arising from Bodhi. Because the seeing arises between the two states of light and darkness, they are drawn into (alaya's) perception which is called the (faculty of) seeing. This seeing has no independent substance that exists apart from the two states of light and dark. Therefore, Ananda, you should know that this seeing comes from neither light, nor darkness and from neither the organ of sight nor the void. Why? Because if it comes from light, it would cease to exist when darkness appears and would not perceive the latter. If it comes from darkness, it would be no more when there is light, and would not perceive the latter. If it comes from the organ (of sight), there would be no (objective) light and darkness; then such essence of perception would have no nature of its own. If it comes from the void, when it perceives these two states, it would also see the organ of sight. Moreover, the void would thus perceive everything of itself and have nothing to do with entrance through your eyes.

62. The pitcher stands for the body in the intermediate state after man's death; the void, for consciousness, and the two mouths, for the man's hearing and seeing. At death, his seeing and hearing cease to function, hence the two blocked spouts. His karma causes him to be reborn in another country. If consciousness is thought of as following the man to come at birth and go at death, then it should die in one country to be reborn in another, like the pitcher full of air carried from one place to another;

if so, the place the man leaves should lose some of its air and the place where he arrives should gain some new air that is poured from the pitcher. Hence we know that the void is immutable and that consciousness neither comes nor goes. Therefore, the concept of a consciousness that comes and goes to follow birth and death is groundless, because consciousness fundamentally does not exist.

The above wipes out the falseness of the five aggregates to reveal the absolute voidness of the nature of the Tathagata store.

Vậy biết Nhĩ Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

2. NHĨ NHẬP VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người lấy hai ngón tay bịt chặt hai lỗ tai, do lỗ tai mỗi một, trong đầu hóa ra có tiếng; cả hai tai cùng cái mỗi một đó, đều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh Bồ Đề. Do hai thứ vọng trần Động và Tĩnh hiện ra cái nghe, thu nạp cảnh trần, gọi là tánh nghe; tánh nghe này là Động và Tĩnh, vốn chẳng có tự thể.

- A Nan nên biết! Cái nghe này chẳng từ động tịnh ra, chẳng từ tai ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu cái nghe từ chỗ tịnh ra, thì khi động, cái nghe đã theo tịnh diệt, lẽ ra chẳng thể nghe động; nếu từ chỗ động ra, thì khi tịnh, cái nghe đã theo động diệt, lẽ ra chẳng biết được tịnh. Nếu từ lỗ tai ra thì chẳng có động tịnh, vậy biết cái nghe vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, hư không đã thành tánh nghe thì chẳng phải hư không; lại hư không tự nghe, có liên quan gì chỗ nhập của người? Vậy biết Nhĩ Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

3. TỶ NHẬP VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người hít mạnh hai lỗ mũi, hít lâu mỗi một, thì trong lỗ mũi có xúc giác thấy mát. Do xúc giác phân biệt thông, nghẽn, hư, thật, cho đến các mùi thơm thối, cùng lỗ mũi và cái hít lâu mỗi một đó, đều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh Bồ Đề.

Therefore, you should know that entrance through the eyes is false and is neither causal nor conditional nor self-existent.⁶³

Entrance through the Ears

Ananda, if a man suddenly closes his ears with two fingers, disturbance will arise in this sense organ and he will hear sounds in his head. (This, closing of the ears) as well as the ears and the disturbance experienced are trouble that comes from Bodhi. Since this hearing arises between the two states of stillness and motion, they are drawn into (alaya's) perception which is called hearing. This hearing has no substance independent of stillness and motion. Ananda, you should know that this hearing comes from neither stillness, nor motion, nor from a sense organ nor the void. Why? Because if it comes from stillness, it should cease to exist when there is motion and would not hear the latter. If it comes from motion, it should cease to exist when there is stillness and would not hear the latter. If it comes from a sense organ, there would be no (objective) stillness nor motion; then this faculty of hearing would have no nature of its own. If it comes from the void, that which can hear is (certainly) not the void. Moreover, the void would hear of itself and will have nothing to do with that entrance through your ears. Therefore, you should know that entrance through the ears is neither causal nor conditional nor self-existent.

Entrance through the Nose

Ananda, if a man suddenly holds his breath, his nostrils will feel cold. Because of this feeling, he can distinguish clearance (ventilation) from obstruction (suffocation) and emptiness from fullness and can smell fragrant and offensive odours. This restraint of breath as well as the nose and its feeling are trouble that comes from Bodhi.

63. Steadying the seeing stands for ignorance, and disturbance for the sight of light and darkness; both are troubles that come from Bodhi. Bodhi is thus screened by ignorance, hence alaya's three characteristics: self-evidencing, perception and form, which are all unreal.

Do hai thứ vọng trần Thông và Nghẽn, hiện ra cái người, thu nạp cảnh trần, gọi là tánh người! Cái người này lia thông và nghẽn vốn chẳng có tự thể.

- A Nan nên biết! Cái người này chẳng từ thông nghẽn ra, chẳng từ lỗ mũi ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ chỗ thông ra, thì khi nghẽn, cái người đã mất, làm sao biết nghẽn? Nếu từ nghẽn ra, thì khi thông, chẳng còn cái người, làm sao biết các mùi thơm thối? Nếu từ lỗ mũi ra, thì chẳng có thông nghẽn, vậy biết cái người vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, thì hư không phải người lỗ mũi của người; lại hư không tự người, có liên quan gì chỗ nhập của người? Vậy biết Tỷ Nhập hư vọng vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

4. THIỆT NHẬP VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người dùng lưới liếm mệp, liếm mãi mỗi mệp, người có bệnh thấy có vị đắng, người chẳng bệnh thấy có chút vị ngọt, do vị giác thấy ngọt và đắng, tỏ rõ cái lưới lúc chưa phát dụng vốn chẳng có vị giác. Cả cái lưới cùng cái mỗi mệp đó, đều là tướng ngó lâu mỗi mệp của tánh Bồ Đề. Do hai thứ vọng trần Ngọt và Đắng, hiện ra vị giác, thu nạp cảnh trần gọi là tánh nếm; tánh nếm này lia ngọt và đắng vốn chẳng có tự thể.

- A Nan nên biết! Cái biết đắng biết ngọt này chẳng từ ngọt đắng ra, chẳng từ lưới ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ đắng ra, thì khi ngọt, tánh nếm đã diệt, làm sao biết ngọt? Nếu từ ngọt ra, thì khi đắng, tánh nếm đã diệt, làm sao biết đắng? Nếu từ lưới ra thì chẳng có ngọt đắng, vậy biết vị giác vốn chẳng có tự tánh.

Since feeling arises between the two false conditions of clearance and obstruction, sensations are drawn into (alaya's) perception which is called smell. This smell has no substance independent of clearance and obstruction. You should know that it comes neither from these two states nor from the nose nor the void. Why? Because if it comes from the clearance, it will cease to exist when there is obstruction; but why does it feel the latter? If it comes from obstruction, it will cease to be clear; but why does it come into contact with fragrance and stench? If it comes from a sense organ, there would be no (objective) clearance and obstruction; then this faculty of smelling would have no nature of its own. If it comes from the void, it should be able to smell your own nose; if so, the void itself would smell and would have nothing to do with that entrance through your nose. Therefore, you should know that that entrance is neither causal nor conditional nor self-existent.

Entrance through the Tongue

Ananda, if, for instance, a man licks his lips again and again, he will have trouble (with his sense of taste); if he is ill he will experience a bitter taste, and if he is healthy, a (somewhat) sweet one. Thus bitterness and sweetness reveal this sense which is always tasteless in the absence of stirring (feelings) and which, together with the tongue and the trouble (caused by the taste) are but illusion which comes from Bodhi. This illusion is due to false externals (such as) bitterness and sweetness and is drawn into (alaya's) perception which is called taste. This taste has no independent substance apart from flavours (such as) sweetness and bitterness, and tastelessness. Ananda, you should know that this perception of taste comes neither from the flavours (such as) sweetness and bitterness nor tastelessness, nor from a sense organ nor the void. Why? Because if it comes from sweetness and bitterness, it will vanish in the state of tastelessness; but why does it feel the latter? If it comes from tastelessness, it will disappear when in touch with sweets; but why does it still feel sweet and bitter tastes? If it comes from the tongue, the latter originally is neither tasteless nor sweet nor bitter; hence we know that the organ of taste has no nature of its own.

Nếu từ hư không ra, thì hư không tự ném chứ chẳng phải người ném; lại, hư không tự ném, có liên quan gì đến chỗ nhập của người? Nên biết Thiệt Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

5. THÂN NHẬP VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người dùng bàn tay lạnh tiếp xúc với bàn tay nóng, nếu bên lạnh nhiều hơn thì bên nóng cũng thành lạnh theo; nếu bên nóng nhiều hơn thì bên lạnh cũng thành nóng theo, cái xúc giác của hai tay hợp lại là nhờ khi hai tay rời ra mới được biết rõ, sở dĩ thế nóng nhiều liền theo nóng, thế lạnh nhiều liền theo lạnh, là do nơi xúc giác mỗi một mà thành. Cả cái thân và cái mỗi một đó, đều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh Bồ Đề. Do hai thứ vọng trần Ly và Hợp, hiện ra xúc giác, thu nạp cảnh trần, gọi là tánh xúc giác; tánh xúc giác này lìa sự ly, hợp, thuận, nghịch vốn chẳng có tự thể.

- A Nan nên biết! Xúc giác này chẳng từ ly hợp ra, chẳng từ thuận nghịch ra, chẳng từ thân thể ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ hợp ra, thì khi ly, tánh xúc giác đã diệt, làm sao biết ly? Đối với hai tướng thuận nghịch thì cũng như vậy. Nếu từ thân thể ra thì chẳng có ly, hợp, thuận, nghịch, vậy biết xúc giác của người vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không thì hư không tự hay biết, có liên quan gì đến chỗ nhập của người? Nên biết Thân Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

6. Ý NHẬP VỐN VÔ SANH

- A Nan! Ví như có người mệt nhọc thì ngủ, ngủ đã bèn thức, gặp cảnh thì nhớ, không nhớ thì quên, như cảnh mộng giả dối cho là chơn thật, ấy là điên đảo. Các tướng sanh, trụ, dị, diệt, tùy duyên thay đổi từng sát na, chẳng vượt khỏi nhau. Gom sự hiểu biết trong đó thành tướng mỗi một; cả ý căn cùng cái mỗi một đó, đều là tướng ngó lâu mỗi một của tánh Bồ Đề.

If it comes from the void, the latter not being your mouth, would taste by itself; then what has it to do with that entrance through your tongue? Therefore, you should know that this entrance is unreal and is neither causal nor conditional nor self-existent.

Entrance through the Body

Ananda, for instance, when a man touches his warm hand with his cold one, if the coldness exceeds the warmth, the warm hand will become cold and if the warmth exceeds the coldness, the cold hand will become warm. This touch is revealed when the two hands meet and then separate. This contact causes the feeling of touch which, together with his body and the illusion experienced, are but trouble which comes from Bodhi. This trouble occurs where there are two false conditions of contact and separation, and is drawn into (alaya's) perception which is called touch. This touch has no independent nature apart from contact and separation and from pleasant and disagreeable conditions. Ananda, you should know that this perception of touch comes neither from contact nor separation, nor from pleasant nor disagreeable conditions, nor from a sense organ nor the void. Why? Because if it comes from contact, it should vanish in the state of separation; but why does it feel the latter? It is the same with pleasant and disagreeable conditions. If it comes from a sense organ, it would be free from contact and separation and from pleasant and disagreeable conditions; then your body that feels them would have no nature of its own. If it comes from the void, the latter will feel the touch by itself; then what has it to do with your entrance through the body? Therefore, you should know that this entrance is false and is neither causal nor conditional nor self-existent.

Entrance through the Intellect

Ananda, when for instance, a man is tired, he sleeps soundly; then he awakes and when he sees objects, he remembers and after a time forgets all about them. This is the inverted condition of birth, stay, change and death which is continuously drawn into the inner intellect; hence the organ of manas, which, together with the intellect and the trouble (experienced) are an illness arising in Bodhi.

- Do hai thứ vọng trần Sanh và Diệt, vọng khởi pháp trần bên trong, thành cái biết của ý căn. Ý căn như dòng nước, sự trước mắt nhờ tai mắt thấy nghe tiền trần bên ngoài là thuận lưu (đồng thời ý thức); sự tưởng nhớ chẳng nhờ tai mắt được thấy nghe pháp trần bên trong là nghịch lưu (độc đầu ý thức), khi chảy ngược vào chỗ tai mắt chẳng thể đến (sự vật đã qua hoặc cách xa), chỉ có ý căn mới biết, gọi là tánh hay biết của ý căn; tánh hay biết này là thức, ngủ, sanh, diệt, vốn chẳng có tự thể.

- A Nan nên biết! Cái hay biết của ý căn chẳng từ thức ngủ ra, chẳng từ sanh diệt ra, chẳng từ ý căn ra, cũng chẳng từ hư không ra. Tại sao? Nếu từ thức ra, thì khi ngủ, ý căn đã theo thức diệt, lấy gì để biết ngủ? Nếu từ sanh mà ra, thì khi diệt đồng như không, ai biết sự diệt? Nếu từ diệt ra thì khi sanh đã không có, ai biết sự sanh? Nếu từ ý căn ra thì chẳng có tướng thức, ngủ, vậy cái hay biết của ý căn đồng như hoa đóm trên không, vốn chẳng có tự tánh. Nếu từ hư không ra, thì hư không tự biết, có liên quan gì đến chỗ nhập của người? Nên biết, Ý Nhập hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

THẬP NHỊ XỨ

- Lại nữa A Nan! Sao nói Thập Nhị Xứ vốn là Như Lai Tạng, cũng là diệu tánh Chơn Như?

I. NHÃN CĂN VỚI SẮC TRẦN VỐN VÔ SANH

- A Nan! Người hãy xem rừng cây và các suối ao trong vườn Kỳ Đà này, ý người thế nào? Ấy là sắc trần sanh ra nhãn căn, hay nhãn căn sanh ra sắc tướng?

- A Nan! Nếu nhãn căn sanh ra sắc tướng, vậy khi nhìn hư không chẳng phải sắc tướng, thì tánh sắc phải mất; hễ mất thì tất cả chẳng có, sắc tướng chẳng có thì làm sao rõ được tánh không? Sự không cũng như thế.

- Lại, nếu sắc trần sanh ra nhãn căn, thì khi nhìn hư không chẳng phải sắc, nhãn căn liền mất, nhãn căn đã mất thì lấy gì để phân biệt Sắc và Không.

- Nên biết sự thấy và sắc không đều chẳng xứ sở, tức sắc trần và sự thấy, hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

This illness comes from perceiving the two false conditions of birth and death, a perception which covers all inner data that cannot be reached by seeing. and hearing; hence it is called knowing. This knowing has no substance of its own apart from the waking and sleeping states and from the conditions of birth and death. Thus, Ananda, you should know that the organ of knowing comes neither from the waking and sleeping states, nor from the conditions of birth and death, and neither from a sense organ nor the void. Why? Because if it comes from the waking state, it should cease to exist in the sleeping state; then why does one sleep? If it comes from birth, it should be void at death; then who will die? If it comes from death, it would cease at birth; then who is living? If it comes from a sense organ, then while the body experiences the two states of waking and sleeping, the knowing has no nature, of its own apart from these two states and will be like a flower in the sky. If it comes from the void, the latter will know everything and will have nothing to do with your entrance through the intellect. Therefore, this entrance is neither causal nor conditional nor self-existent.'

Fusing the Twelve Ayatana (Six Sense Organs & Six Sense Data)

Eyes & Form

Again, Ananda, the twelve ayatana are fundamentally (the same as) the Absolute of the Tathagata store. Ananda, just look at the grove and stream in Jetavana park; Is it form that creates the eyes. seeing or vice versa? If the organ of sight creates form, when you see the void which is not form, form would vanish, which means that nothing would exist. Then if form is no more, what can be used to reveal the void?⁶⁴ It is the same with the void. If form produces the eyes. seeing, when you see the void which is not form, your seeing would vanish, which means that nothing would exist; then who distinguishes the void from form? Therefore, you should know that neither seeing nor form nor the void has a place of abode, and that form and seeing are false and are neither causal nor conditional nor self-existent.

64. Form and voidness are the two extremes of a duality; if form vanishes, how can the void remain?

2. NHĨ CĂN VỚI THANH TRẦN VỐN VÔ SANH

- A Nan! Người lại nghe trong vườn Kỳ Đà này, khi đến bữa ăn thì đánh trống, khi hợp chúng thì đánh chuông, tiếng chuông tiếng trống trước sau nối nhau. Ý người thế nào? Ấy là cái tiếng đến bên nhĩ căn, hay nhĩ căn đến chỗ cái tiếng?

- A Nan! Nếu cái tiếng đến bên nhĩ căn, cũng như ta khát thực trong thành Thất La Phiệt, ở trong rừng Kỳ Đà chẳng có ta. Cái tiếng này ắt phải đến chỗ nhĩ căn của A Nan, thì Mục Liên, Ca Diếp đều chẳng thể cùng nghe, huống là trong này có 1250 vị Sa Môn, đồng nghe tiếng chuông cùng đến trai đường!

- Nếu nhĩ căn của người đến bên cái tiếng, cũng như ta đã về rừng Kỳ Đà, trong thành Thất La Phiệt chẳng có ta. Vậy khi người nghe tiếng trống, nhĩ căn đã đến chỗ đánh trống rồi, khi ấy tiếng chuông đồng phát ra, thì chẳng thể cùng nghe một lượt, huống là các tiếng voi, ngựa, trâu, dê v.v... Nếu nhĩ căn và cái tiếng chẳng khú lai thì cũng chẳng thể nghe.

- Nên biết, sự nghe và âm thanh đều chẳng xứ sở, tức sự nghe và âm thanh hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

3. TỶ CĂN VỚI HƯƠNG TRẦN VỐN VÔ SANH

- A Nan! Người hãy ngửi mùi hương chiên đàn trong lư này, hương này nếu đốt đến một thù (độ một chỉ), thì thành Thất La Phiệt trong 40 dặm, đồng thời ngửi được mùi hương. Ý người thế nào? Mùi hương này từ cây chiên đàn ra, từ tỷ căn ra, hay từ hư không ra?

- Nếu mùi hương này từ tỷ căn của người ra thì tỷ căn chẳng phải chiên đàn, tại sao trong tỷ căn lại có mùi hương chiên đàn, mà gọi là người ngửi được mùi hương? Lại trong tỷ căn phát ra mùi hương, mà nói là người được thì chẳng đúng nghĩa.

- Nếu từ hư không ra, thì tánh hư không thường còn, mùi hương cũng phải thường có, đâu cần đợi đốt cây chiên đàn trong lư rồi mới có mùi hương?

Ears & Sound

Ananda, in Jetavana park when you hear a drum beat to announce a meal and a bell rung to summon the bhikus, these sounds succeed one another; do they come to the ears or do the ears go to them? Ananda, if they come to the ears, it is like when I go to Sravasti to beg for food and am absent from Jetavana park. If these sounds come to Ananda's ears, Maudgalaputra and Kasyapa should not hear them. Then why do all the 1,250 bhikus, when they hear the bell, go together to the eating hall? If your ears go to the sound, it is like when I return to Jetavana park and am not in Sravasti. Then when you hear the drum, if your ears go to it, you should not hear the bell which rings at the same time, nor the sound of elephants, horses, buffaloes and sheep (in this park). If there is no such coming and going, there would be no hearing. Therefore, you should know that hearing and sound have no location and that both are false, being neither causal nor conditional nor self-existent.⁶⁵

Nose & Smell

Ananda, just smell the smoke of sandalwood in this burner. The quantity burnt is small but its fragrance spreads to Sravasti and the neighbourhood.⁶⁶ Do you think that this perfume comes from the sandalwood, from your nose, or from the void? Ananda, if it comes from your nose it should be produced by and spread from it, but since your nose is not sandalwood, how can there be this fragrance there? If you say that you smell perfume, it should be inhaled into your nose, but since it emanates from it (as aforesaid), it is wrong to say that you smell it. If it comes from the void, the latter being permanent, this fragrance should be so as well and there would be no need to burn dry sandalwood.

65. If hearing is disengaged from sound, all differentiation will cease and the Tathagata store will be exposed.

66. Lit. Sravasti town and places forty miles around it.

- Nếu mùi hương từ cây chiên đàn ra, tức là chất hương này do đốt thành khói, tử căn người được là nhờ hơi khói, thì tại sao khói ấy bay lên trên hư không chưa được bao xa, mà trong 40 dặm đã người được mùi hương?

- Nên biết mùi hương và cái người đều chẳng xứ sở, tức cái người và mùi hương hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

4. THIỆT CĂN VỚI VỊ TRẦN VỐN VÔ SANH

- A Nan! Người thường hai thời ở trong chúng ôm bình bát khát thực, đôi lúc gặp những món tô, lạc, đề hồ, gọi là vị ngon, ý người thế nào? Mùi vị từ hư không ra, từ thiệt căn ra, hay từ đồ ăn ra?

- A Nan! Nếu mùi vị này từ thiệt căn của người ra, thì trong miệng người chỉ có một thiệt căn, thiệt căn bấy giờ đã thành vị tô rồi, nếu gặp đường phèn, lẽ ra vị tô chẳng dờn đổi; nếu chẳng dờn đổi thì chẳng được nói là biết mùi vị, còn nếu dờn đổi thì thiệt căn chẳng phải nhiều thể, làm sao một thiệt căn lại biết được nhiều mùi vị?

- Nếu từ đồ ăn ra, thì đồ ăn chẳng tri giác, làm sao tự biết được mùi vị? Lại đồ ăn tự biết thì cũng đồng như người khác ăn, có liên quan gì đến người mà gọi là tánh biết vị của người?

- Nếu từ hư không ra, thì người hãy ném thử hư không xem là mùi vị gì? Hư không nếu là vị mặn, thì đã làm mặn thiệt căn của người, ắt phải làm mặn mặt người, và mọi người trong cõi này đều như cá biển, đã thường chịu cái mặn, chẳng còn biết thế nào là lạt nữa; và nếu chẳng biết lạt, thì cũng chẳng phân biệt được mặn. Nếu chẳng biết mặn lạt, thì làm sao gọi là biết mùi vị?

- Nên biết, mùi vị và sự nếm đều chẳng có xứ sở, tức nếm và mùi vị hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

If it comes from the sandalwood, its fragrant substance has become smoke by burning, and if your nose smells this perfume, your nose should be full of smoke; as smoke rises in the air, how can it be smelt in distant places even before it reaches them? Therefore, you should know that odour, nose and smelling have no fixed location and that smelling and odour are false being neither causal nor conditional nor self-existent. **Tongue & Taste**

Ananda, twice a day you go out to beg for food and occasionally are given butter and cream which are tasty delicacies. Do you think that this taste comes from the void, your tongue or the food? Ananda, if it comes from your tongue, the latter has already become butter, and since you have only one tongue, how can you then taste honey? If you do not, this means that your taste does not change, then how can it be called tasting? If it changes and since your tongue is of one substance how can this single tongue know various tastes? If it comes from the food, the latter cannot know, then how can it taste itself? Assuming that it knows itself, it and other food will have nothing to do with your tasting. If it comes from the void, when you bite the air what does it taste like? Assuming that it comes from the void, when the latter tastes salt, as your tongue is salty, your face should be so too; if so all men would be like fish in the sea. If you are salty, you will not know what is tasteless. If you do not know what is tasteless, and do not taste salt, you will have no taste; then how can there be taste? Therefore, you should know that neither taste nor tongue nor tasting has location and that tasting and taste are false being neither causal nor conditional nor self-existent.

5. THÂN CĂN VỚI XÚC TRẦN VỐN VÔ SANH

- A Nan! Người thường buổi sáng lấy tay xoa đầu, ý người thế nào? Cái xúc giác khi xoa đầu này từ đâu mà ra? Từ nơi tay hay từ nơi đầu?

- Nếu từ nơi tay thì cái đầu chẳng biết, làm sao thành có xúc giác? Nếu từ nơi đầu mà chẳng dùng tay thì làm sao gọi là xúc giác được? Nếu cả hai mỗi mỗi tự có xúc giác, thì một mình người phải có hai thân.

- Nếu đầu và tay chỉ một xúc giác sanh ra, thì đầu và tay thành một thể; nếu một thể thì xúc giác ở bên nào? Ở bên năng thì chẳng ở bên sở, ở bên sở thì chẳng ở bên năng, chẳng lẽ hư không và người mà thành lập được cái xúc giác đó ư?

- Nên biết, xúc giác và thân căn đều chẳng xứ sở, tức cái thân và xúc giác hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

6. Ý CĂN VỚI PHÁP TRẦN VỐN VÔ SANH.

- A Nan! Người thường dùng ý thức duyên theo ba tánh thiện, ác và vô ký, sanh khởi pháp trần. Vậy pháp trần này từ nơi tâm ra, hay lìa tâm riêng có phương sở?

- A Nan! Nếu từ tâm ra thì pháp trần chẳng phải cảnh trần, chẳng phải là cái sở duyên của tâm, làm sao thành xứ được?

- Nếu lìa tâm riêng có phương sở, thì tự tánh của pháp trần là biết hay chẳng biết? Biết tức gọi là tâm, tâm này lìa tâm người thì chẳng phải pháp trần của người biết, đồng như tâm của người khác; nếu lìa tâm người lại còn có tâm biết, thì tâm người thành hai sao? Nếu chẳng biết thì pháp trần này đã chẳng phải sắc, thanh, hương, vị, ly, hợp, lạnh, nóng và tướng hư không, thì phải ở chỗ nào? Hiện nay nơi sắc, không đều chẳng thể nêu ra, chẳng lẽ trong thế gian lại có cái ở ngoài hư không ư? Lại tâm chẳng phải sở duyên thì xứ từ đâu mà an lập?

Body & Touch

Ananda, you are accustomed to rub your head with your hand every day early in the morning. When feeling this rub do you know whether that which rubs is your hand or your head? If it is your hand, then your head (an object) should not feel that it is being rubbed; if so how can there be touch? If it is your head, there would be no need for your hand to rub it; then how can you call it touch? If both hand and head are subjects, then you, Ananda, should have two bodies. If it comes from the contact of your hand with your head, then both your hand and head should be one, and one thing cannot contact itself. If it is two (i.e. hand and head), from which does it arise, for subject and object differ? Neither can there be touch when your head comes into contact with the void. Therefore, you should know that neither the feeling of touch nor your body has location and that they are false, being neither causal nor conditional nor self-existent.

Intellect & Dharma

Ananda, because of good, evil and neutral causes, your intellect (manas) always gives rise to dharma. Are these dharma created by the mind or do they exist apart from it and have their own place? Ananda, if they are the same as the mind, they cannot be its objects for they are not its causal phenomena; then how can they have a place (of their own)? If they exist apart from the mind and have their own place, do they possess (the faculty of) knowing or not? If they do, they are merely the mind; but since they have (the faculty of) knowing and differ from you, they should not be your dharma but should belong to someone else's mind. If they have (the faculty of) knowing and are your dharma (at the same time) they are merely your mind; then how can you have an other mind as well as your own? If they differ from you and do not have (the faculty of) knowing, where are they, since they are not (inanimate phenomena such as) form, sound, smell and flavour, nor cold and warmth due to contact or separation, as well as to the void?

- Nên biết, pháp trần và tâm đều chẳng có xứ sở, tức ý căn và pháp trần hai xứ đều hư vọng, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

THẬP BÁT GIỚI

- Lại nữa A Nan! Sao nói Thập Bát Giới vốn là Như Lai Tạng, cũng là diệu Tánh Chơn Như?

I. NHÃN CĂN, SẮC TRẦN, NHÃN THỨC GIỚI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Như người đã rõ, nhãn căn và sắc trần làm duyên với nhau, sanh ra nhãn thức. Vậy thức này là từ nhãn căn ra, lấy nhãn căn làm giới; hay từ sắc trần ra, lấy sắc trần làm giới?

- A Nan, nếu từ nhãn căn ra mà chẳng có Sắc Không thì chẳng thể phân biệt, dầu cho có cái thức của người cũng chẳng dùng được. Sự thấy của người chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, chẳng thể nêu ra, vậy từ đâu để lập giới?

- Nếu từ sắc trần ra, hư không chẳng phải sắc trần thì thức người phải diệt, sao được biết tánh hư không? Nếu lúc sắc trần biến đổi, thức người cũng biết sắc trần biến đổi, mà thức người chẳng biến, vậy giới từ đâu mà an lập? Theo sự biến đổi là biến đổi, giới tướng vốn chẳng có; chẳng biến đổi thì thường còn, thức đã từ sắc trần ra, lẽ ra chẳng biết được chỗ hư không?

- Nếu do căn trần cộng sanh cái giới ở giữa, khi căn trần hợp lại thì chẳng thể lập giới, tức là lìa trung; khi lìa căn thì phải hợp trần, lìa trần thì phải hợp căn, vậy thể tánh lẫn lộn, làm sao thành giới?

Since they cannot be shown in either form or the void, there should not be in the universe another voidness outside the void. Assuming that there is another outer voidness, they cannot be the mind's causal phenomena; then where are they? Therefore, you should know that neither dharma nor mind has location and that intellect and dharma are both false, being neither causal nor conditional nor self-existent.

Fusing the Eighteen Fields or Realms of the Senses

The Field of Sight-Perception

.Again, Ananda, why are the eighteen fields or realms of the senses (the same as) the Absolute (in the Tathagata store)? Ananda, as you (already) know, eyes and form are causes that beget sight-perception. Is this sight-perception created and conditioned by the eyes or by form? Ananda, if it is created by the eyes, in the absence of both form and the void, there will be nothing to be differentiated; then what is the use of this perception even if you own it? In this instance what you see will be neither blue, yellow, red nor white; where then can you show its boundary? If it is created by form, when you see the void, which means that form is absent, your perception should cease to exist; then why do you still distinguish the void? When form changes, you notice it but your perception is unchanging; then where can its boundary be? If perception follows the change of form to undergo its own change, there would be no boundary. If it is unchanging, it should be permanent; then (as it is created by form) it should not perceive the void. If it is created by both the eyes and form, these two are separate when (you think that they are) united and unite (when you think that they are) separate; if so, both intermingle; then how can there be the realm of the eyes and that of form?⁶⁷

67. The organ of sight and form are opposites; if you think they can unite, they cannot actually reach each other and so are separate. If you think that they are separate, when you open your eyes, you see that they are in contact with each other. If both create sight-perception, they intermingle and where then is the realm of the eyes and that of form?

- Nên biết, nhãn căn và sắc trần làm duyên với nhau, sanh nhãn thức giới, ba chỗ đều không tức nhãn căn, sắc trần và nhãn thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

LƯỢC GIẢI

Thập Bát Giới này chỉ phá lược thức, nên nói Thức này chẳng từ Nhãn ra để làm giới, vì thức chủ phân biệt, nếu chẳng có Sắc, Không thì chẳng thể phân biệt. Cũng chẳng từ Sắc ra để làm giới, vì sắc có biến diệt, thức chẳng biến đổi, nếu chỉ từ Sắc ra thì chẳng thể phân biệt hư không. Cũng chẳng từ Nhãn và Sắc cộng sanh làm giới, vì nhãn thì có biết, sắc thì vô tri, tri và vô tri hai cái đối nghịch, làm sao mà hợp? Nếu hợp thì từ đâu mà lập giới? Giới chính giữa đã chẳng có, nên nói Lìa Trung. Nếu nói lìa căn trần mà sanh thức, thì lìa căn phải hợp với trần, lìa trần phải hợp với căn, vậy thức thuộc bên nào? Nên nói thể tánh lẫn lộn, ba chỗ đều sai, giới làm sao an lập?

2. NHĨ CĂN, THANH TRẦN, NHĨ THỨC GIỚI VỐN VÔ SANH.

- A Nan! Như người đã rõ, nhĩ căn, thanh trần làm duyên với nhau, sanh ra nhĩ thức. Vậy thức này từ nhĩ căn ra, lấy nhĩ căn làm giới; hay từ thanh trần ra, lấy thanh trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ nhĩ căn ra, mà chẳng có hai tướng động tịnh thì chẳng thành cái biết của nhĩ căn, tức chẳng có biết, biết còn chẳng có, vậy cái thức là hình tướng gì?

- Nếu do lỗ tai nghe thì lúc chẳng có động tịnh, cái nghe chẳng thành, chỉ có hình tướng của lỗ tai, cũng như sắc trần tiếp xúc với thanh trần, cả hai đều chẳng có thức để phân biệt thì nhĩ thức giới từ đâu mà lập?

- Nếu từ thanh trần ra, nhĩ thức do thanh trần mà có, thì chẳng liên quan gì đến cái nghe, chẳng nghe thì cũng chẳng biết tướng thanh trần ở đâu. Lại, nếu nhĩ thức từ thanh trần ra dầu cho thanh trần do cái nghe mà có tướng, thì cái nghe phải nghe được nhĩ thức, nếu chẳng nghe được thì chẳng phải là giới, nếu nghe được thì thức cũng đồng như thanh trần, và thức đã là sở nghe thì ai biết nghe cái thức? Còn nếu chẳng biết thì đồng như cỏ cây. Chẳng lẽ thanh trần và cái nghe lẫn lộn, thành giới ở giữa? Giới chính giữa đã chẳng có, tướng trong và ngoài từ đâu mà lập?

- Nên biết, nhĩ căn, thanh trần làm duyên với nhau, sanh nhĩ thức giới, ba chỗ đều không, tức nhĩ căn, thanh trần và nhĩ thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

Therefore, you should know that both causal eyes and form as well as the (socalled) created perception do not exist, and that the eyes, form and the realm of form are neither causal nor conditional nor self-existent.⁶⁸

68. This is direct pointing to the Uncreate. The Madhyamika Sastra says: All phenomena are neither self-created, nor created by an originator, nor by the union of components and they do not arise without cause. These four forms of creation are wiped out in the text to reveal the Uncreate; hence the nature of the Uncreate which is identical with the Tathagata store.

The Field of Sound-Perception

Ananda, as you (already) know, ears and sound are causes that beget perception of sound. Is this perception created and conditioned by the ears or by sound? If it is created by the ears, this organ, in the absence of both disturbance and stillness, does not discern anything and is, therefore, devoid of objects; if it cannot discern, how can it create perception? Assuming that hearing (begets) perception by the ears, since no hearing occurs in the absence of both disturbance and stillness, how can the ears (which are) form unite with external objects to produce perception and where can the latter's field be? If it is created by sound, that is if it depends (solely) on sound, then it should have no relation to your hearing. But if hearing ceases, there will be no sound. Now assuming that it is really created by sound and that sound exists because of hearing, then your hearing of sound should be perceived by the ears. If this sound is not perceived, it would have no relation with the realm of ear-perception. (On the other hand) if it is heard, it is already sound, and since it is hearing's object, (it cannot discern anything); then who knows the perception? If there is no such knower, you will be like grass and plants. There cannot be a mixing of sound and hearing to create between them an intermediate realm (of perception by the ear) for such a realm cannot be at the center, in the inner organ, or in the outer sound. Therefore neither ears nor sound exist as causes, nor perception by the ear (as effect) and ears, sound and its field are neither causal nor conditional, nor self-existent.

3. TỶ CĂN, HƯƠNG TRẦN, TỶ THỨC GIỚI VÓN VÔ SANH

- A Nan, như người đã rõ, tỷ căn, hương trần làm duyên với nhau, sanh ra tỷ thức. Vậy thức này từ tỷ căn ra, lấy tỷ căn làm giới; hay từ hương trần ra, lấy hương trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ tỷ căn ra, thì trong tâm người lấy gì làm tỷ căn? Lấy cái mũi bằng thịt hay lấy tánh người biết?

- Nếu lấy cái mũi bằng thịt này thì chất thịt thuộc thân căn, thân biết tức là xúc giác, gọi là thân thì chẳng phải tỷ căn; gọi là xúc giác tức là ngoại trần, vậy tỷ căn còn chẳng có tên gọi, làm sao lập giới?

- Nếu lấy tánh người biết làm tỷ căn, thì trong tâm người lấy gì làm cái có người biết? Nếu lấy lỗ mũi bằng thịt này, thì cái biết của da thịt là xúc trần chứ chẳng phải tỷ căn; nếu lấy hư không làm tánh người biết, thì hư không tự biết, còn da thịt lẽ ra chẳng biết, thế thì hư không là người, thân người chẳng có biết thì hiện nay người cũng chẳng còn ở đây nữa.

- Nếu lấy hương trần làm tánh người biết, thì cái biết thuộc về hương trần, có liên quan gì đến người?

- Nếu các mùi thơm thối ắt phải từ tỷ căn ra, thì mùi thơm, thối chẳng từ cây y lan và cây chiên đàn ra, khi hai mùi đó chẳng đến, người tự người tỷ căn xem là thơm hay thối? Thối thì chẳng thơm, thơm thì chẳng thối, nếu cả hai đều người được, thì một mình người phải có hai tỷ căn, và nay hỏi đạo với ta phải có hai A Nan, vậy ai là thể của người? Còn nếu tỷ căn là một, thơm thối không hai, thì thối đã thành thơm, thơm phải thành thối, hai tánh đã chẳng có, giới từ đâu lập?

- Lại như con mắt có thấy mà chẳng tự thấy mắt. Cũng vậy, nếu thức do hương trần ra, thì đáng lẽ chẳng biết được hương trần. Nếu biết được thì chẳng phải do hương trần ra; nếu chẳng biết thì lại chẳng phải là tỷ thức.

- Hương trần chẳng phải nhờ người biết mới có thì cái giới của hương trần chẳng thành; thức chẳng biết hương trần thì giới chẳng thể do hương trần mà lập, đã chẳng có giới chính giữa thì chẳng thành trong ngoài, và tất cả những gì người được đều là hư vọng.

- Nên biết, tỷ căn, hương trần làm duyên với nhau, sanh tỷ thức giới, ba chỗ đều không, tức tỷ căn, hương trần, tỷ thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

The Field of Smell-Perception

Ananda, as you (already) know, the nose and smell are causes that beget the perception of smell. Is this perception created and conditioned by the nose or by smell? If so, Ananda, what is this nose? Is it that hooked and fleshy part of your face with which you sniff? But this piece of flesh belongs to the body and the body's perception is called touch; the body is not the nose and touch is its object. If the nose cannot be named, where is it? If it perceives smell, where is that perception in your mind? If perception comes from a part of the face, it is touch and has nothing to do with the nose. If it comes from the void, it should be known by the latter instead of being felt by the flesh; if so, the void should be you and your body would feel nothing. Then, there would be no Ananda anywhere at the moment. If smell is the knower, it should know itself and would have nothing to do with you. If good and bad smells create your nose, they should not produce sandalwood and fetid herbs. Without the latter, smell your own nose and see if it is fragrant or offensive. Since fragrance cannot stink and stench cannot be fragrant, if you can smell both, you should have two noses, and now as you ask me about the Dharma, there should be two Anandas; then which Ananda are you? If there is only one nose and if fragrance and stench are not two different smells, they can be mistaken for each other, which proves that neither exist; if so where can the field of smell perception be established? If it is created by smell and if perception exists because of smell, it is like your eyes which can see things, but not themselves; so that perception which exists because of smell should not scent it. If it does, it cannot be created by smell, and if it does not, it is deprived of that perception. Since smell does not depend on perception, it has no field. If perception cannot smell, its field cannot be established on the basis of smell. Since there is no intermediate perception (between nose and smell), there would be neither inner (organ) nor outer (object). Thus smellperception is false. Therefore, neither nose nor smell, as causes, nor the field of smell-perception, as their creation, exist, while nose, smell and its field are neither causal, nor conditional, nor self-existent.

4. THIỆT CĂN, VỊ TRẦN, THIỆT THỨC GIỚI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Như người đã rõ, thiết căn, vị trần làm duyên với nhau, sanh ra thiết thức, vậy thức này từ thiết căn ra, lấy thiết căn làm giới; hay từ vị trần ra, lấy vị trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ thiết căn ra, thì các thứ trên thế gian như mía ngọt, mơ chua, hoàng liên đắng, muối mặn, té tân, gừng, quế thì cay, tất cả đều chẳng mùi vị, người tự nếm lưỡi là ngọt hay đắng? Nếu tánh của thiết căn là đắng thì ai biết nếm thiết căn? Thiết căn chẳng tự nếm thì lấy gì để biết? Tánh của thiết căn chẳng phải đắng, vị trần cũng chẳng tự ra, làm sao lập giới?

- Nếu từ vị trần ra, thức đã là mùi vị thì cũng đồng như thiết căn, chẳng thể tự nếm, làm sao biết được là mùi vị hay chẳng phải mùi vị? Lại các mùi vị chẳng từ một vật mà ra, mùi vị đã do nhiều thứ sanh ra, thì thức cũng phải có nhiều thể. Thể của thức nếu một, ắt phải do một vị trần sanh ra, thì khi các vị mặn, ngọt, chua, cay hòa hợp cùng sanh, các tướng khác nhau biến đổi thành một mùi vị thì chẳng thể phân biệt; phân biệt đã không thì chẳng gọi là thức, làm sao còn gọi là thiết thức giới? Chẳng lẽ hư không lại sanh ra cái thức của người? Nếu thiết căn và vị trần hòa hợp mà sanh, nơi giữa vốn chẳng có tự tánh thì giới từ đâu mà lập?

- Nên biết, thiết căn, vị trần làm duyên với nhau, sanh thiết thức giới, ba chỗ đều không, tức thiết căn, vị trần, thiết thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

5. THÂN CĂN, XÚC TRẦN, THÂN THỨC GIỚI VỐN VÔ SANH

- A Nan, như người đã rõ, thân căn, xúc trần làm duyên với nhau, sanh ra thân thức. Vậy thức này từ thân căn ra, lấy thân căn làm giới; hay từ xúc trần ra, lấy xúc trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ thân căn ra, ắt chẳng có hai duyên ly và hợp, chẳng có ly hợp thì thân căn làm sao biết được? Nếu từ xúc trần ra, ắt chẳng phải thân căn của người, vậy có ai chẳng có thân mà biết ly và hợp ư?

The Field of Taste-Perception

Ananda, as you (already) know, tongue and taste are causes that beget perception by the tongue. Is this perception created and conditioned by the tongue, or by taste? Ananda, if it is created by the tongue, then sugar cane, sour black plums, bitter wort, rock-salt, wild spikenard, ginger and cassia would be tasteless. Taste your own tongue and see if it is sweet or bitter. If it is bitter, who is the taster? Since the tongue cannot taste itself, who experiences the taste? If it is not bitter, no taste can come from it. Then how can it be conditioned? .If perception derives from taste, it would be taste itself but, like the tongue, it cannot taste itself. Then how can it distinguish various flavours? Again, since there are many flavours which cannot come from a single source, there should be as many (corresponding) perceptions. If there is only one, and if it is created by (different) flavours, then all salt, insipid, sweet and bitter flavours should unite and become one; then there would be no discerning. If so, there would be no perception (by the tongue). How then can the tongue, taste and perception be conditioned? The void cannot make your mind perceive. Since tongue (organ) and taste (object) cannot unite to create an intermediate (perception), where is the latter's field herefore, tongue and taste, as causes, and the field of taste-perception, as their creation, do not exist, while tongue, taste and their field of perception are neither causal nor conditional nor self-existent.

The Field of Touch-Perception

Ananda, as you (already) know, body and touch are causes that create the perception of touch. Is this created and conditioned by the body or by touch?

Ananda, if it is created by the body, what does the latter perceive when there is neither contact nor separation? If by touch, your body would not be needed; then who can, without a body, feel contact and separation? Ananda, objects do not perceive touch, but the body knows and feels it. Body's perception is revealed by touch and touch through the body. Therefore, body and touch are inseparable but they are not the same and so originally they have no home. When touch contacts body, it becomes the body and when it ceases, it becomes the void.

- A Nan! Nếu vật chẳng xúc giác, thân biết có xúc, biết thân tức là xúc, biết xúc tức là thân, tức xúc chẳng phải thân, tức thân chẳng phải xúc, hai tướng thân căn và xúc trần vốn chẳng xứ sở, hợp thân tức là tự thể của thân, lìa thân tức như tướng hư không, trong và ngoài chẳng thành thì chính giữa từ đâu lập? Giữa chẳng thể lập thì trong ngoài tánh không, vậy thức người từ đâu mà lập?

- Nên biết thân căn, xúc trần làm duyên với nhau, sanh thân thức giới, ba chỗ đều không, tức thân căn, xúc trần và thân thức giới, vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

6. Ý CĂN, PHÁP TRẦN, Ý THỨC GIỚI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Như người đã rõ, ý căn, pháp trần làm duyên với nhau, sanh ra ý thức. Vậy thức này từ ý căn ra, lấy ý căn làm giới; hay từ pháp trần ra, lấy pháp trần làm giới?

- A Nan! Nếu từ ý căn ra, thì trong ý người ấy phải có suy tư mới phát minh được ý người; nếu chẳng suy tư thì ý chẳng thể sanh, lìa duyên thì chẳng có hình tướng, vậy thức dùng để làm gì? Thức của người với sự suy tư và tánh hiểu biết là đồng hay khác? Nếu đồng với ý tức là ý căn, sao nói từ ý căn ra? Nếu khác với ý thì chẳng phải ý căn, chẳng phải ý căn thì không có năng biết, năng không ấy sở cũng không, nếu không có sở biết thì sao nói từ ý căn ra? Nếu có sở biết thì làm sao biết ý căn? Vậy hai tánh đồng và dị đã chẳng có thì giới từ đâu lập?

- Nếu từ pháp trần ra, thì các pháp trong thế gian chẳng ngoài ngũ trần, người hãy xét xem, các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc đều có tướng rõ ràng để đối với ngũ căn, chẳng thuộc phạm vi của ý căn, nếu thức người nhất định từ pháp trần ra, thì người hãy xét kỹ hình tướng của mỗi pháp như thế nào? Nếu lìa sắc, không, thông, nghẽn, ly, hợp và sanh, diệt, ngoài các tướng này chẳng có sở đắc, sanh thì các pháp sắc, không cùng sanh, diệt thì các pháp sắc, không cùng diệt, vậy cái nhân sanh ra đã không, làm sao có thức? Thức đã chẳng có, giới từ đâu lập?

Since there are no such things as inner (body) and outer (touch), how can there be an intermediate (perception) between them? Where then is the field of body-perception? Therefore, body and touch, as causes, and body-perception, as their creation, do not exist, and all three are neither causal nor conditional nor self-existent.

The Field of the Sixth Consciousness

Ananda, as you (already) know, intellect (manas) and dharma (ideas) are causes that create the sixth consciousness. Is this consciousness created and conditioned by intellect, or by Dharma?

Ananda, if this consciousness is created by intellect, the latter (as organ) should contain dharma (as object) to reveal its own existence. In the absence of dharma, your intellect (does not exist and) cannot create anything; even if it does create consciousness, what is the latter's use if it is not confronted with causal ideas (dharma)?

Moreover, both your mind (i.e. the sixth consciousness) and your thinking process (i.e. the intellect) discern ideas and things; are they the same as, or different from each other? If the same, consciousness is just intellect; then how can it be created by intellect? If different, consciousness would be .unconscious; then how can it come from intellect? If it is also .conscious. then (tell me) what intellect and consciousness are. Therefore they are neither the same nor different, then where is the field of consciousness? .If

consciousness is created by dharma, all things in the world are inseparable from the five sense data of form, sound, smell, taste and touch, which clearly correspond with the sense organs and are not affected by the intellect. If your consciousness depends on dharma for its existence, look carefully into dharma and see what they look like, for beyond form and voidness, motion and stillness, clearness and obstruction, union and separation, and birth and death, where can dharma be found?

- Nên biết ý căn, pháp trần làm duyên với nhau sanh ra ý thức giới, ba chỗ đều không, tức ý căn, pháp trần, ý thức giới vốn chẳng phải tánh nhân duyên, cũng chẳng phải tánh tự nhiên.

A Nan bạch Phật:

- Như Lai thường giảng về nhân duyên hòa hợp rằng: "Tất cả các thứ biến hóa trên thế gian đều do tứ đại hòa hợp mà sanh", sao Như Lai lại bác bỏ cả hai nghĩa nhân duyên và tự nhiên? Nay con chẳng biết nghĩa này thế nào, xin Phật thương xót, khai thị pháp liễu nghĩa chẳng hý luận của trung đạo cho con và chúng sanh được rõ.

For dharma arise simultaneously with form, voidness, etc., and vanish with them. Since there are no causes leading to their creation, what are the forms and shapes of dharma? If these do not exist, what then conditions dharma? Therefore, intellect and dharma as causes, and the field of the sixth consciousness, as their creation, do not exist and they are neither causal nor conditional nor self-existent.⁶⁹

Fusing the Seven Elements into the Absolute to Reveal the Free Intermingling of Phenomenon & Noumenon

Ananda said to the Buddha: World Honoured One, the Tathagata has often spoken of cause, condition and the state of the self as such and has taught us that all changes and transformations in the world are due to the mixture and fusion of the four elements. Why does he now wipe out all concepts of cause, condition and the state of the self as such? I do not understand; will He be compassionate enough to explain in full to all living beings the Mean which is beyond all sophistry?.

69. Ever since Ananda asked about the practice of samatha, the Buddha first wiped out the unreal to reveal the real and then returned phenomena to Reality to deal with noumenon from its shallowness to its depth, thus covering the four periods of His teaching.

At first in His discussion of the seeing, He asked about the illusory mind to wipe out the idea of the body as real; this corresponded to His teaching of Hinayana during the Agama period (of twelve years). His next elimination of perception and of the Essence of consciousness accorded with His expanded teaching during the Vaipulya (Hinayana-with-Mahayana) period (of eight years). Then His instruction on returning the three categories (of the seeming, that is) the five aggregates, twelve entrances, and eighteen fields of the senses, to the Tathagata store to reveal their unreality, covered

His sermons on wisdom (during the next twenty-two years). His next teaching on the fundamental nature of the Absolute in the Tathagata store, showing the true nature of all phenomena that spring from Reality, corresponded with His final teaching in the Lotus period (of eight years).

In the following text which deals with how the all-embracing seven elements freely intermingled in the Dharma-realm, His teaching contained the Avatamsaka doctrine of the free interaction of noumenon and phenomenon in the Dharmadhatu, thus revealing the perfect fusion of the three dogmas (of the void, the seeming and the mean) into the absolute Tathagata store, the subject of the meditative study of the void. So far, the Buddha had taught the fusion of the three categories (of the seeming, that is the five aggregates, the twelve entrances and the eighteen fields of the senses) to expose the identity of phenomenon and noumenon.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo A Nan:

- Trước đây, người nhàm chán các pháp Tiểu Thừa Thanh Văn, Duyên Giác, phát tâm cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề nên ta vì người khai thị Đệ Nhất Nghĩa Đế, sao người lại còn đem những hý luận của thế gian, vọng tưởng cho là nhân duyên mà tự ràng buộc? Người dù học rộng nghe nhiều, như người chỉ dùng miệng nói thuốc, khi thuốc thật hiện tiền thì lại chẳng biết, Như Lai gọi là thật đáng thương xót. Nay người hãy nghe kỹ, ta sẽ vì người khai thị từng lớp một, cũng khiến những người tu đại thừa sau này thông đạt được thật tướng.

A Nan yên lặng kính vâng thánh chỉ của Phật.

- A Nan! Như người đã nói, tứ đại hòa hợp sanh ra các thứ biến hóa trên thế gian. A Nan, nếu thể tánh của tứ đại chẳng phải hòa hợp thì chẳng thể lẫn lộn nhau, cũng như hư không, chẳng thể hòa hợp với các sắc tướng; nếu là hòa hợp thì đồng như biến hóa, đầu đuôi duyên nhau, sanh diệt tương tục, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh, sanh sanh diệt diệt như vòng lửa quay tròn. A Nan, cũng như nước thành băng, băng lại thành nước, chẳng hề ngừng nghỉ.

The Buddha replied: You are tired of, and have sought to abandon; the Hinayana teaching on the sravaka and pratyeka-buddha stages, and so wish to seek unsurpassed Bodhi. I will, therefore teach you the Supreme Truth. Why do you still restrict yourself by reasoning frivolously about false causes and conditions? Although you have listened to me a lot, you are like one who is accustomed to talk about medicines but who, when he sees them cannot pick out those which are good. This is why the Tathagata says that you are really to be pitied. Listen with attention to what I now tell you, so that all who practise Mahayana in the future can attain Reality. Ananda kept silent, awaiting the holy teaching.

Exposing Faulty Differentiation

Ananda, as you have said, when the four elements mix and fuse they cause all kinds of transformation in the world. But they cannot mix and unite if it is against their nature, just as the void cannot with form. On the other hand, if they so mix and fuse they are transformations and owe their existence wholly to their mutual dependence; they are thus subject to creation and destruction in endless succession, like the ring of fire caused when a torch is waved in a circle.

Pointing to the One Source

Ananda, this is like water which, after becoming ice, can change back into water.⁷⁰

70. This was the Buddha's complete answer to Ananda's question. The disciple clung to the idea of the four elements which mix and fuse to cause all transformations in the world, for he was not clear about the all-embracing and commingling nature of noumenon. The Buddha meant that if these elements did not mix and fuse with one another, they were like the void which can have no relation with form, and that on the other hand, if they did mix and fuse, they would be transformations in an uninterrupted succession of births and deaths. Therefore, one cannot speak of whether or not they mix and unite. However, if one understands that both the real and unreal arise from the same (underlying) substance, like water that can become ice which can change back to water, one will cease to discriminate and discern.

THẤT ĐẠI**I. TÁNH ĐỊA ĐẠI VỐN VÔ SANH**

- Người xem tánh Địa, thô là đại địa, tế là vi trần, cho đến cực vi là lân hư trần, là sắc tướng nhỏ tột, nếu phân tách nữa thì thành tánh hư không.

- A Nan, nếu cái lân hư trần đó tách được thành hư không, thì hư không cũng sanh được sắc tướng. Nay người hỏi rằng, do hòa hợp mà sanh các tướng biến hóa trên thế gian, thì người hãy xét, cái lân hư trần này phải dùng bao nhiêu hư không hợp lại mới có? Chẳng lẽ lân hư trần hợp thành lân hư trần? Lại lân hư trần đã tách thành hư không, thì dùng bao nhiêu sắc tướng hợp lại mới được thành hư không? Nếu lúc hợp sắc, sắc chẳng phải hư không; nếu lúc hợp không, hư không chẳng phải là sắc, sắc còn có thể tách ra được, chứ hư không làm sao mà hợp?

- Người vốn chẳng biết, trong Như Lai Tạng (Tự tánh), tánh Sắc chơn Không (thể tánh của Sắc chẳng phải thật, tức là Chơn Không), tánh Không chơn Sắc (thể tánh của Không chẳng phải thật, tức là Chơn Sắc), tự tánh vốn thanh tịnh, đầy khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Người thế gian chẳng biết những hiện tượng đó chỉ là mở mắt chiêm bao, lại mê lầm cho là nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phạm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

Instruction on the Seven Elements

The element of earth

Look at the element of earth which ranges in size from the great earth to a tiny speck of dust. Split this speck which is near to nothing and reduce it to the finest mote on the extreme border of form. Then split it again and it becomes the void.

Ananda, if this mote can be reduced to nothing, you should know that form comes from the void. You now ask about material changes which you attribute to the mixing and uniting (of the four elements). Take, for instance, this mote which is nearest to the void; how much voidness should be mixed and united to produce it? But it is absurd to suppose that this can be done by uniting motes. Since a mote can be split and reduced to voidness, how many (particles of) form should be fused together to create the void? The union of form (with form) produces form but not voidness, and the union of the void (with the void) produces voidness but not form. Form can be split up but how can the void unite (with form)? You do not know that in the Tathagata store both form and (its opposite) the void arise from self-nature and are identical with each other, and that the element of earth is fundamentally pure and clean, embraces all in the Dharma-realm and manifests because the minds of living beings know and distinguish (between things) in accordance with the laws of karma. Ignorant wordlings wrongly attribute this to cause, condition and the state of the self as such, because their consciousnesses differentiate and discriminate without their knowing that the language they use has no real meaning.⁷¹

71. This points to the all-embracing element of earth, the substance of which is void, to reveal Reality as such. Now the great earth is an accumulation of dust, a speck of which can be split and reduced to a state of near voidness and finally to nothing. This shows that form arises from the void and that the element of earth fundamentally does not exist. If, as you reason, the great earth exists through the mixture and fusion of dust, how much void is needed to produce a mote from which the whole earth grew? If a mote can be reduced to nothing, how many are required to create the void? If form unites with form, it cannot produce voidness and if the void unites with itself, no form can result.

You have therefore a wrong idea about the mixture and fusion of the four elements. You have not realized that the element of earth is a manifestation of karma within the Tathagata store, and is not a product of the (so called) mixture and fusion of the four elements. If you are clear about this aspect of karma, you will awaken to the all-embracing self-natured Reality.

2. TÁNH HÒA ĐẠI VÓN VÔ SANH

- A Nan! Tánh Hỏa chẳng có tự thể, nhờ các trợ duyên mà phát sanh. Người xem các nhà, khi muốn nhúm lửa nấu cơm thì cầm tấm kiếng đưa dưới ánh sáng mặt trời mà lấy lửa.

- A Nan! Cái gọi là hòa hợp, cũng như ta cùng người và 1250 vị Tỳ Kheo, nay hợp thành một chúng; chúng dù là một, xét về căn bản thì mỗi người đều có thân riêng biệt, có tên gọi và họ hàng của mình, như Xá Lợi Phất thuộc dòng Bà La Môn, Ưu Lô Tần Loa thuộc dòng Ca Diếp Ba, cho đến người thì thuộc dòng họ Cù Đàm.

- A Nan! Nếu tánh lửa này do hòa hợp mà có, thì khi người cầm kiếng lấy lửa nơi ánh sáng mặt trời, lửa này từ trong kiếng ra, từ bụi nhụi ra, hay từ mặt trời ra?

- A Nan! Nếu lửa từ mặt trời ra, đốt được bụi nhụi trong tay người ấy, thì những rừng cây mà ánh sáng mặt trời chiếu qua, lẽ ra đều bị đốt cả. Nếu từ trong kiếng ra, có thể đốt cháy bụi nhụi, sao cái kiếng lại không chảy? Cả cái tay người cầm kiếng còn chẳng thấy nóng thì làm sao kiếng lại chảy được? Nếu do bụi nhụi ra thì cần gì ánh sáng mặt trời với kiếng tiếp xúc nhau rồi mới có lửa?

- Người lại xét kỹ, kiếng do tay cầm, mặt trời thì ở trên không, còn bụi nhụi thì từ đất sanh ra, vậy lửa từ phương nào mà đi đến chỗ này? Mặt trời và kiếng cách xa nhau, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ tánh lửa khi không tự có?

- Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh hỏa chơn không, tánh không chơn hỏa, tự tánh vốn thanh tịnh, đầy khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu. A Nan nên biết, người thế gian ở nơi này cầm kiếng thì nơi này bốc lửa; nếu khắp pháp giới đều cầm kiếng thì khắp pháp giới bốc lửa, lửa cháy khắp thế gian, đâu có xứ sở, chỉ tùy theo nghiệp thức của chúng sanh mà biến hiện. Người thế gian chẳng biết lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phạm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

The element of fire

Ananda, fire has no ego but exists because of (external) causes. When people in a town are about to prepare their meals, they use mirrors of polished metal to obtain fire from the sun. Ananda, about (your idea of) mixture and union, take this community of myself and twelve hundred and fifty bhikus; though the group is one, each member has his own body, clan and name, like Sariputra who is a Brahman, Uruvilva, a Kasyapa tribesman, and you, Ananda, who are of the Gautama clan.

Ananda, if fire comes from the mixture and fusion (of the elements), when a man holds a mirror to obtain fire in the sun, does this fire come from the mirror, the moxa or the sun? Ananda, if it comes from the sun, it can burn the moxa in your hand; if so, all the trees will be scorched. If it comes from the mirror and then lights the moxa, why does it not melt the mirror and burn your hand? But if you do not even feel the heat, how can the mirror melt? If it comes from the moxa, why does the latter require the sun and the mirror to make it burn? Look at the mirror held by the hand, the sun up in the sky and the moxa which originally came from the ground; how can fire travel elsewhere before coming here? (Moreover) the sun and the mirror are a very long way apart and cannot mix and unite with each other. Finally fire cannot exist by itself. You do not realize that in the Tathagata store both fire and (its opposite) the void arise from the self-nature and are identical with each other, and that the element of fire is fundamentally pure and clean, embraces all in the Dharmarealm and manifests because the minds of living beings know and distinguish (between things). Ananda, you should know that fire is produced wherever a man holds a mirror (in the sun), and that if mirrors are held up throughout the Dharma-realm, fire will spring up everywhere in accordance with the laws of karma and not in a given place and direction. Ignorant worldlings wrongly attribute this to cause, condition and the state of the self as such without realizing that it is because their consciousnesses differentiate and discriminate and that the language they use has no real meaning.

3. TÁNH THỦY ĐẠI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Tánh Thủy chẳng định, ngưng và chảy không chùng. Như trong thành Thất La Phiệt, các ông Ca Tỳ La, Chước Ca La và các nhà đại huyễn thuật Bát Đầu Ma Ha Tát Đa, khi muốn cầu Thái Âm Tinh để hòa các thuốc huyễn thuật, thì các ông ấy ở giữa đêm trăng sáng, tay cầm hạt châu, hứng nước dưới ánh trăng. Vậy nước này từ hạt châu ra, từ hư không ra, hay từ mặt trăng ra?

- A Nan! Nếu từ mặt trăng ra, ánh trăng đã có thể từ phương xa làm cho hạt châu chảy nước, thì những rừng cây mà ánh trăng chiếu qua, lẽ ra đều phải chảy nước. Nếu chảy nước thì khỏi đợi hạt châu mới có nước chảy; nếu không chảy nước thì rõ ràng nước chẳng phải từ mặt trăng ra. Nếu từ hạt châu ra, thì trong hạt châu phải thường chảy nước, đâu cần đợi ánh trăng trong lúc nửa đêm? Nếu từ hư không ra thì hư không vô tận, nước cũng vô biên, vậy từ cõi người đến cõi Trời đều bị chìm ngập cả, làm sao lại có các loài ở dưới nước, trên bờ và trên không?

- Người hãy xét kỹ, mặt trăng ở trên trời, hạt châu ở nơi tay, còn mâm đựng hạt châu hứng nước thì do người đặt ra, vậy nước từ phương nào mà chảy đến đây? Mặt trăng và hạt châu cách xa nhau, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ nước khi không tự có?

- Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh thủy chơn không, tánh không chơn thủy, tự tánh vốn thanh tịnh, cùng khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Hễ nơi này cầm hạt châu thì nơi này chảy nước; khắp pháp giới cầm hạt châu thì khắp pháp giới chảy nước. Tánh thủy cùng khắp thế gian, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức, của chúng sanh mà biến hiện. Người thế gian chẳng biết lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phạm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

The element of water

Ananda, water is unstable by nature for it either flows or is still. Great magicians in Sravasti, such as Kapila, Cakra, Padma and Hasta (?) obtain water to mix with their medicines by exposing a crystal ball to the full moon. Does this water come from the ball, the void or the moon? Ananda, if it comes from the moon which is a very long way off it should pass through the trees in the forest before reaching the crystal ball to flow into the bowl. If it does not flow through the trees, this shows that it does not drop from the moon. If it comes from the crystal ball, it should flow regularly not only when the moon is full. If it comes from the void of space which is boundless, it should flow everywhere, submerging everything between earth and heaven; if so, how can there be living beings to walk on the earth, fly in the air and swim in the water? Think of all this again; the moon is in the sky, the crystal ball is in the man's hand and the bowl is in front of him; so where does this water come from to flow (into the bowl)? The moon and the ball are a very long way apart and cannot mix and unite with each other. It is absurd to say that this water does not come from any source. You do not know that in the Tathagata store both water and (its opposite) the void arise from self-nature and are identical with each other, and that the element of water is fundamentally pure and clean, embraces all in the Dharmarealm, and manifests because the minds of living beings know and distinguish (between things). Thus water flows wherever crystal balls are used to collect it and if they are held up throughout the Dharmarealm, it will flow everywhere in accordance with the laws of karma and not in a given place or direction. Ignorant worldlings wrongly attribute, this to cause, condition and the state of the self as such without knowing that it is because their consciousnesses differentiate and discriminate and that the language they use has no real meaning.

4. TÁNH PHONG ĐẠI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Tánh Phong chẳng có tự thể, động tịnh không chừng.

- Người thường ở nơi chúng mà sửa áo, chéo áo Tăng Già Lê chạm đến người bên cạnh thì có chút gió phát qua mặt người kia, vậy gió này từ chéo áo Cà Sa ra, từ hư không ra, hay từ mặt người kia ra?

- A Nan! Nếu gió từ chéo áo Cà Sa ra thì người đã mặc luôn cả gió, lẽ ra cái áo phải tung bay ra, rời khỏi thân người. Nay ta rũ áo ở trong Hội này, người hãy xem cái áo ta, gió núp ở chỗ nào? Chẳng lẽ trong áo lại có chỗ chứa gió ư?

- Nếu gió từ hư không ra, khi cái áo người chẳng động, thì sao lại chẳng phát? Tánh hư không thường trụ thì gió phải thường sanh, vậy lúc chẳng gió, hư không phải diệt; gió diệt còn có thể thấy được, hư không diệt thì là hình tướng gì? Nếu có sanh diệt thì chẳng gọi là hư không, đã gọi là hư không thì làm sao lại có gió ra?

- Nếu gió từ mặt người bị phát sanh ra, thì đã từ mặt người đó ra, lẽ ra phải phát lại người, sao tự người sửa áo mà phát ngược lại người kia?

- Người hãy xét kỹ; sửa áo do người, cái mặt thì thuộc người kia, hư không thì vắng lặng chẳng lay động, vậy gió từ phương nào dong ruổi đến đây? Tánh gió và tánh hư không khác nhau, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ tánh gió khi không tự có ư?

- Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh phong chơn không, tánh không chơn phong, tự tánh vốn thanh tịnh, cùng khắp mười phương pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy, biến hiện các cảnh giới hiện hữu. A Nan, như một mình người hơi động cái áo thì có chút gió ra, khắp pháp giới đều phát thì khắp pháp giới đều ra gió, tánh phong đầy khắp thế gian, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức của chúng sanh mà biến hiện. Người thế gian chẳng biết, lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phạm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

The element of wind

Ananda, the element of wind has no substance and either moves or is still. When you join a gathering and adjust your robe the hem (occasionally) brushes the person next you, disturbing the air which fans his face. Does this wind come from the hem of your robe, from the void or from that man's face?

Ananda, if it comes from the hem of your robe, the latter should leave your body (to brush the man's face). As I preach the Dharma here, my robe does not move; where can you find any wind in it? It has no hidden place where wind can be stored.

If the wind comes from the void, why does it not fan (the man) when your robe is still? (Moreover) the void is permanent and so should be the wind; then without the wind there would be no void. You can feel when the wind stops fanning, but what indication can there be when the void ceases to exist? If the void can be created and destroyed, it cannot (really) be void, and if it is, how can it create the wind?

If the wind comes from your neighbour's face, it should also fan you; then why does not your robe when brushing against him fan you back?

Look into all this carefully. The robe which you adjust is yours, the face fanned is that of another bhiksu and the void is still and does not move; then where does the wind come from? The wind and the void differ and can neither mix nor unite, while the wind cannot exist of itself without a cause. You do not realize that in the Tathagata store wind and (its opposite) the void arise from self-nature and are identical with each other, that the element of wind is fundamentally pure and clean and embraces all in the Dharmarealm and manifests because the minds of living beings know and distinguish (between things). If, Ananda, you move your robe, a light wind stirs. And if there is similar movement throughout the Dharma-realm, there will be wind all over the world in accordance with the laws of karma and not in a given place or direction. Ignorant worldlings attribute the element of wind to cause, condition and the state of the self as such because their consciousnesses differentiate and discriminate without realizing that the language they use has noreal meaning.

5. TÁNH KHÔNG ĐẠI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Tánh Không vô hình, nhờ sắc tướng mới được hiển bày. Như trong thành Thất La Phiệt, chỗ cách xa sông, những dòng Sát Lî, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, Phả La Đa, Chiên Đà La v.v... khi dựng nhà xong, đào giếng lấy nước, đào ra một thước đất thì có một thước hư không; như vậy cho đến đào ra một trượng đất thì lại được một trượng hư không, hư không sâu hay cạn là tùy theo đất đào ra được nhiều hay ít. Vậy hư không này từ đào đất ra, do đào mà có, hay vô nhân tự sanh?

- A Nan! Nếu hư không vô nhân tự sanh, thì khi chưa đào đất, sao nơi đó lại chẳng vô chướng ngại, mà chỉ thấy đất liền, chẳng thấy trống rỗng?

- Nếu từ đào đất ra, thì khi đất ra, phải thấy hư không vào; nếu đất ra trước mà không thấy hư không vào, thì sao nói hư không từ đào đất mà ra? Nếu chẳng ra vào thì hư không với đất vốn chẳng có khác, chẳng khác tức là đồng, thì lúc đào đất ra, hư không sao chẳng ra? Nếu do đào mà có, thì phải đào ra hư không, chứ chẳng phải đào ra đất; nếu chẳng do đào mà có, thì làm sao lại thấy hư không?

- Người hãy xét kỹ, đào do tay người vận động, đất theo sự đào mà rời chỗ, vậy hư không từ đâu mà ra? Đào thì có thật chất, hư không thì trống rỗng, chẳng tác dụng với nhau, chẳng hòa chẳng hợp, chẳng lẽ hư không khi không tự ra?

- Vậy, tánh hư không cùng khắp, vốn chẳng lay động. Nên biết hiện tiền địa, thủy, hỏa, phong và hư không gọi là Ngũ Đại, tánh chất viên dung, đều là Như Lai Tạng, vốn chẳng sanh diệt.

- A Nan! Tâm người mê muội, chẳng ngộ được tứ đại vốn là Như Lai Tạng, người hãy xem hư không là ra hay vào; hoặc chẳng ra vào? Người còn chẳng biết trong Như Lai Tạng, tánh giác chơn không, tánh không chơn giác, tự tánh vốn thanh tịnh, cùng khắp pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy biến hiện các cảnh giới hiện hữu.

The element of space

Ananda, space is far from the river, people of different castes, such as Ksatriya, Brahman, Vaisya, Sudra, Bharadvaja and Candala, who come to live there, dig wells to find water. Each foot of earth is replaced by a foot of space and ten feet of earth by ten feet of space, so that the shallowness or depth of each well corresponds with the amount of earth removed. Does this space come from the earth, from the digging or from itself as such?

Ananda, if space exists of itself, why before the digging was it not unobstructed by the earth? Why was there only earth without any space being seen there? If space comes from the earth, it should be seen to enter the well when the earth is being dug out. If only the earth is removed without space entering the well, how can space come from the earth? If (earth) is not excavated and (space) does not fill in the hole, both space and earth should be the same; then why is not space dug out with the earth?

If space comes from the digging, when the former is produced by the latter, no earth should be removed. If space does not come from the digging, why when earth is being dug out, is space seen in the well? Think about all this and see where space comes from when a man uses his hands to dig earth to make a well. For digging and space are not in the same category and can be neither mixed nor united. And it is absurd to suppose that space exists of itself without coming from any cause. If space is perfectly all-embracing and essentially unmoving, you should know that it and the elements of earth, water, fire and wind which together are called the five elements, intermingle naturally and are merely the untreated and unending Tathagata store. Ananda, since your mind is deluded and you remain unaware of the real (identity of) the four elements in the Tathagata store, you should look into space and see whether or not it comes or goes, or neither comes nor goes. You do not know that in the Tathagata store Bodhi and (its opposite) the void arise from the self-nature and are identical with each other, because the element of space is fundamentally pure and clean, embraces all and manifests because the minds of living beings know and distinguish (between things). The ten quarters,

- A Nan, như đào một giếng thì ra một giếng hư không, vậy mười phương hư không cũng như thế, tánh Không cùng khắp mười phương, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức của chúng sanh mà biến hiện. Người thế gian chẳng biết, lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phạm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

6. TÁNH KIẾN ĐẠI VỐN VÔ SANH

- A Nan! Bồn kiến, Bồn giác vốn chẳng có năng tri sở tri, vì Sắc và Không mới có lập năng sở. Như người hôm nay ở vườn Kỳ Đà, ngày sáng đêm tối, nếu nửa đêm có trăng thì sáng, không trăng thì tối, do kiến tinh phân biệt nên có sáng và tối. Vậy kiến này với tương sáng, tối và hư không, là một thể hay chẳng phải một thể? Hoặc đồng, chẳng đồng? Hoặc khác, chẳng khác?

- A Nan! Nếu cái kiến này cùng với sáng, tối, hư không vốn là một thể, thì sáng và tối hai tướng nghịch nhau, khi sáng chẳng tối, khi tối chẳng sáng. Nếu cùng với tối đồng một thể thì khi sáng, cái kiến biến mất, hễ cùng với sáng đồng một thể, thì khi tối, cái kiến ấy phải diệt, đã diệt thì lấy gì để thấy sáng thấy tối? Nếu sáng tối khác nhau, kiến chẳng sanh diệt thì đâu có thể nói là một thể được?

- Nếu cái kiến này cùng với sáng tối chẳng phải một thể, thì người lia sáng, tối và hư không, phân tách cái kiến tinh xem là hình tướng gì? Lia sáng, tối và hư không thì kiến tinh đồng như lông rùa sừng thỏ. Sáng, tối, hư không ba thứ đều khác biệt, vậy từ đâu mà lập kiến tinh? Sáng, tối nghịch nhau, làm sao nói đồng được? Lia ba thứ vốn chẳng có, làm sao nói khác được? Hư không và kiến tinh vốn chẳng có ranh giới, làm sao nói chẳng đồng? Thấy sáng thấy tối, sở kiến thay đổi, làm sao nói chẳng khác?

Ananda, are like an empty pit filled with space which in accordance with the laws of karma has no given place nor direction. Ignorant worldlings attribute this to cause, condition and the state of the self as such because their consciousnesses differentiate and discriminate without knowing that the language they use has no real meaning.

The element of perception

Perception knows nothing by itself and only manifests through form and voidness. As you are now in Jetavana park, you see light by day and darkness in the evening. At night there is light when the moon shines and darkness when there is no moon. This light and darkness are discerned by the seeing, (but) is this seeing of the same nature as light, darkness and the void or not; Is it the same or different from them?

Ananda, if the seeing is of the same nature as light, darkness or the void; (we come to this:) as light and darkness alternate, and when there is one the other disappears, then if the seeing is one with darkness, it should vanish when there is light and vice versa. As the seeing disappears in both cases, why are light and darkness still seen? As they differ, it follows that the seeing is beyond creation and annihilation: if so, how can the seeing be the same as light and darkness?

If the seeing is not of the same nature as light and darkness, try to find out what this seeing looks like apart from light, darkness and the void, without which there can be no seeing like the hair of a tortoise and the horns of a hare.

As light, darkness and the void differ, where can the seeing be? As light and darkness are in opposition, how can the seeing equate with them? If there is no seeing without light, darkness and the void, how can it differ from them?

- Người cần phải xem xét vi tế kỹ càng, xét tới cứu cánh triệt để. Sáng do mặt trời, tối do đêm không trăng, thông thuộc về hư không, nghẽn thuộc về đại địa, kiến tinh có giác, hư không vô tri, chẳng hòa chẳng hợp, vậy kiến tinh từ đâu mà ra? Chẳng lẽ khi không tự ra?

- Nên biết Kiến, Văn, Giác, Tri, thể tánh viên mãn cùng khắp mọi nơi, vốn chẳng lay động, với hư không vô biên chẳng động, và địa, thủy, hỏa, phong, lay động, cùng gọi là Lục Đại, thể tánh viên dung, đều là Như Lai Tạng, vốn chẳng sanh diệt.

- A Nan! Người đánh mất tự tánh, chẳng ngộ kiến, văn, giác, tri của người vốn là Như Lai Tạng. Người hãy xem cái kiến, văn, giác, tri này là sanh hay diệt, là đồng hay dị, là chẳng sanh diệt hay chẳng đồng dị? Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh kiến giác minh, giác tinh minh kiến (cái bản kiến là tự tánh vốn giác vốn minh, cái tinh thể của bản giác vốn minh vốn kiến), vốn tự nhiên thanh tịnh, cùng khắp pháp giới, tùy theo mức độ hiểu biết của tâm chúng sanh tạo thành nghiệp, và nương theo nghiệp ấy mà biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Như một "kiến tinh" thấy cùng pháp giới, cho đến tai nghe, mũi ngửi, miệng nếm, thân xúc, ý biết, sự diệu dụng rõ ràng viên mãn, cùng khắp mười phương pháp giới, đâu có xứ sở, chỉ theo nghiệp thức của chúng sanh biến hiện. Người thế gian chẳng biết, lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên, ấy đều do tâm thức phân biệt suy lường. Phạm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

If you try to separate the void from the seeing, you will not find their boundaries; if so, why are they not the same thing? When you see light and darkness, your seeing does not change; so why does it not differ from them?

If you look closely and minutely into all this and examine it again and again, you will find that light comes from the sun, darkness from the moonless night, clearance from space and obstruction from the earth; so where is the begetter of this essence of seeing? Since the seeing can discern whereas the void cannot, they can neither mix nor unite. And we cannot say that this essence of seeing comes from nowhere. You should know that perception by seeing and hearing which pervades all and essentially does not change, and boundless unmoving space, as well as its moving (counterparts as such) the elements of earth, water, fire and wind . all of which are called the six elements, intermingle by nature and are the fundamental untreated and unending Tathagata store.

You are infatuated by nature and do not understand that seeing, hearing, feeling and knowing fundamentally come from the Tathagata store. You should enquire into them and see if they pertain to birth and death, if they are one or many, if they pertain neither to birth nor death and if they are neither one nor many.

You do not know that in the Tathagata store self-natured seeing is basically the enlightened perception which is pure and clean, embraces all in the Dharma-realm and manifests because the minds of living beings know and distinguish (between things). Like seeing which pervades the whole Dharma-realm, hearing, smelling, tasting and touching as well as the activities of body and mind have wonderful virtues which are bright and universal and so are not in a given place or direction. They manifest according to the laws of karma but ignorant worldlings think wrongly that they are causal, conditional and due to the self as such. Because of their consciousnesses they differentiate and discriminate and do not know that their language has no real meaning.⁷²

72. This shows the element of Perception which is fundamentally all-embracing in the Dharma-realm. It is one of the alaya's three characteristics (self-evidencing, *perception* and form) and is also called the essence of seeing. It is *unknowing* for it is essentially the bright light of wisdom, is absolute and is beyond all contraries and relativities. Under delusion, it has become false seeing and clings to illusory objects, such as form and the void. As it is fundamentally absolute, the Buddha used light, darkness and the void and the (worldly) concept of unity-with-differentiation to reveal it.

7. TÁNH THỨC ĐẠI VÓN VÔ SANH

- A Nan! Tánh của Thức vốn chẳng có nguồn gốc, duyên theo sáu thứ căn trần hư vọng mà sanh. Nay người hãy xem khắp thánh chúng trong hội này khi mới dùng con mắt lướt qua, chưa khởi phân biệt thì thấy chúng chỉ như bóng tượng trong gương, rồi tâm thức của người theo thứ tự phân biệt đây là Văn Thù, đây là Phú Lô Na, rồi tới Mục Kiền Liên, Tu Bồ Đề, Xá Lợi Phất v.v... Vậy sự biết của thức này từ kiến tinh ra, từ sắc tướng ra, từ hư không ra, hay khi không vô nhân mà ra?

- A Nan! Giả sử thức của người từ kiến tinh ra, nếu chẳng có sáng tối và sắc không, thì chẳng có kiến tinh, kiến tinh còn chẳng có, vậy thức từ đâu mà ra?

- Nếu thức của người từ sắc tướng ra, chẳng từ kiến tinh ra, thì chẳng thấy sáng, cũng chẳng thấy tối, sáng tối đã chẳng thấy tức chẳng có sắc không, sắc tướng kia còn chẳng có thì thức do đâu mà ra?

- Nếu từ hư không ra, chẳng phải sắc tướng, cũng chẳng phải kiến tinh. Nếu chẳng phải kiến tinh thì chẳng thể phân biệt, tự nhiên không thể biết được các tướng sáng tối và sắc không. Nếu chẳng phải sắc tướng thì sở duyên diệt mất, vậy kiến, văn, giác, tri chẳng có chỗ an lập. Giữa hai thứ chẳng phải kể trên, nếu "không" thì thức đồng như chẳng có; nếu "có" thì thức đồng như các vật, dấu cho có thức của người cũng thành vô dụng.

LƯỢC GIẢI

Hư không vô hình, vốn chẳng có bản thể, nếu tâm thức từ hư không ra thì cũng giống như hư không, chẳng có bản thể để nương tựa, tức là thức chẳng phải sắc tướng, cũng chẳng phải kiến tinh. Giữa hai thứ chẳng phải kể trên, nếu cho là "không bản thể" thì thức đồng như không có; nếu cho là "có bản thể" thì thức đồng như các vật; vật thì vô tri, chẳng có tánh phân biệt, vậy dấu cho có thức cũng thành vô dụng.

- Nếu khi không vô nhân mà ra, thì sao chẳng cho mặt trời là mặt trăng?

- Người hãy suy xét kỹ càng, cái thấy phải nhờ mắt người, sắc tướng là cảnh của tiền trần; những gì có tướng mới thành có, chẳng tướng ắt thành không, như vậy thức từ đâu mà ra?

The element of consciousness

Ananda, consciousness has no origin and is (an illusion) arising from the six organs and sense data. Look at, this holy assembly and turn round to see those present; your eyes are like a mirror which cannot discern while your consciousness notices in turn the presence of Manjusri, Purnamaitra yaniputra, Maudgalyayana, Subhuti, Sariputra (etc.). Does this consciousness come from perception, form or the void, or does it (emerge) suddenly without any cause?

Ananda, if your consciousness comes from your seeing (perception), then in the absence of light, darkness, form and the void, there will be no seeing, and when there is no perception, how can it create consciousness?

If your consciousness comes from form that is not from perception, then, when light and darkness are not seen, there are neither form nor the void; then how can nonexisting form create consciousness? If your consciousness comes from the void that is neither from form nor perception, the absence of perception means also that of discernment which implies the nonperception of light, darkness, form and the void; and the absence of form is the end of all external causes; how, then, can your seeing, hearing, feeling and knowing occur? Thus without form and perception, consciousness which comes from the void simply does not exist. (On the other hand), if it exists in the absence of objects, what can it discern?

If your consciousness suddenly emerges without any cause, why cannot it discern the moon in the daytime?

Now look closely and minutely into all this; your seeing (perception) depends on the pupils of your eyes meeting an external object which is when there is form and is not when there is no form. These are the four causes (i.e. the seeing, eyes, form and voidness) from which consciousness arises, but which one of them creates consciousness? Since consciousness is always moving (to differentiate) whereas perception is still (for it does not discriminate), they cannot mix and fuse together. Your hearing, feeling and knowing are in the same category (as your seeing) but your consciousness should still have a source.

- Thức thì linh động, kiến tinh thì trong lặng, chẳng hòa chẳng hợp, kiến, văn, giác, tri đều như thế, chẳng lẽ thức khi không tự ra?

- Nếu thức này vốn chẳng từ chỗ nào ra, sự dụng của kiến, văn, giác, tri trạm nhiên viên mãn, tánh chẳng năng sở. Vậy địa, thủy, hỏa, phong, hư không và bốn kiến, bốn thức, gọi là Thất Đại, thể tánh chơn thật viên dung, ấy đều là Như Lai Tạng, vốn chẳng sanh diệt.

- A Nan! Tâm người vọng chấp, chẳng ngộ kiến, văn, giác, tri, vốn là Như Lai Tạng, người hãy xét sáu chỗ tâm thức này là đồng hay dị, là có hay không, là chẳng đồng dị hay chẳng có không?

- Người còn chẳng biết, trong Như Lai Tạng, tánh thức minh tri, giác minh chơn thức (tánh của bốn thức rõ ràng chơn tri, bốn giác vốn sáng tỏ là giác minh, phân biệt mà chẳng năng sở đối đãi là chân thức), diệu giác trạm nhiên, như như bất động, chẳng thể nghĩ lường được, đầy trùm pháp giới, hiển bày khắp mười phương hư không đâu có xứ sở, tùy theo nghiệp của chúng sanh biến hiện các cảnh giới hiện hữu. Người thế gian chẳng biết, lại mê lầm cho là tánh nhân duyên và tự nhiên, ấy đều là do tâm thức phân biệt suy lường. Phàm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

Bấy giờ, A Nan và đại chúng được sự khai thị vi diệu của Phật, thân tâm phẳng lặng, chẳng còn ngăn ngại, mỗi mỗi tự biết tâm thức cùng khắp mười phương, thấy mười phương hư không như xem các vật trong bàn tay; tất cả vật tượng trên thế gian đều vốn là tánh Bồ Đề sáng suốt của diệu tâm. Tâm tánh tròn đầy, cùng khắp mười phương, xem lại cái thân của cha mẹ sanh ra, như mây bụi lửng lơ trong mười phương hư không thoát còn thoát mất; như một bọt nước trôi trong biển cả, chẳng biết sanh diệt từ đâu. Rõ ràng tự biết được cái bản lai thường trụ chẳng diệt của diệu tâm, được pháp chưa từng có,

If this consciousness comes from nothing, you should know that perception (by means of) seeing, hearing, feeling and knowing pervades everywhere and comes not from any source. Moreover with space, earth, water, fire and wind they are called the seven elements, the natures of which are real and intermingle (freely), being but the untreated and unending Tathagata store.

Ananda, because your mind is unsettled, you do not realize that the seeing and hearing that arouse consciousness, come fundamentally from the Tathagata store. You should look into the consciousnesses inside the Six Entrances and see if they are the same or different, exist or not, are neither the same nor different, and neither exist nor not. For you do not realize that in the Tathagata store self-natured consciousness is the enlightened basic Bodhi which embraces and pervades the whole Dharma-realm, is not (to be found) in a given, place or direction and manifests according to the laws of karma. Ignorant worldlings think wrongly that it is causal, conditional and due to the self as such, according to the way their consciousnesses differentiate and discriminate while they do not know that the language they use has no real meaning.⁷³

Ananda's Understanding Expressed in his Gatha

After listening to the Buddha's profound instruction, Ananda and the assembly realized that their bodies and minds were now free from all obstructions. Each understood that his selfmind pervaded the ten directions of space which he saw clearly like a leaf held in his own hand, and that all things were the wondrous and bright fundamental Mind of Bodhi. While his essence of Mind embraced all and contained the ten directions, he looked back at his own body given him by his parents, which was like a speck of dust dancing in the great void, sometimes visible and sometimes not, and like a bubble rising and falling aimlessly in a boundless clear ocean. After seeing all this clearly, they all realized their fundamental, profound, permanent and indestructible (self-) minds, and brought their palms together to pay reverence to the Buddha (thanking Him) for (showing them) what they had never seen before.

73. Up to here, the Buddha taught how to return all that is false to Reality to reveal the untreated and unending nature of the absolute Tathagata store.

nên chấp tay lễ Phật và nói kệ tán thán Phật rằng:

Diệu trạm tổng trì bất động tôn,
Thủ Lăng Nghiêm Vương thế hy hữu.
Tiểu ngã ức kiếp điên đảo tưởng.
Bất lịch tăng kỳ hoạch pháp thân.
Nguyện kim đắc quả thành Bửu Vương
Hườn độ như thị hằng sa chúng.
Tương thử thâm tâm phụng trần sát,
Phục thỉnh Thế Tôn vi chứng minh,
Ngũ trước ác thế thế tiên nhập.
Như nhất chúng sanh vị thành Phật,
Chung bất ư thử thủ nê hoàn,
Đại hùng đại lực đại từ bi,
Hy cánh thâm trừ vi tế hoặc.
Linh ngã tảo đặng vô thượng giác,
Ư thập phương giới tọa đạo tràng,
Thuần Nghĩa Đa tánh khả tiêu vong,
Thước Ca Ra tâm vô động chuyển.

Thereupon, Ananda praised the Buddha in the following gatha:

O thou serene, all powerful⁷⁴ and unchanging Lord,
 Rare is your all-embracing supreme Suraïgama
 Which helps me to root out wrong thoughts that have been held for
 untold aeons
 And teaches me how to realize Dharmakaya in an instant.
 May I now win the fruit and achieve enlightenment
 To save living beings countless as the Ganges. sands.
 To myriad Buddha-lands I now offer this mind profound.
 To repay my debt of gratitude for the grace of the Lord.
 Humbly I now implore the World Honoured One to seal
 My oath to re-enter the five turbid realms⁷⁵ wherein
 If even one being fails to become a Buddha
 I shall (at once) renounce all my claim to Nirvana.
 O Great Hero, the Mighty, the Compassionate One,
 May you also destroy my last secret delusion
 So that I soon attain to Bodhi Supreme,
 Sitting in bodhimandalas⁷⁶ everywhere.
 The void to an end may come,
 But my firm mind will not flinch.⁷⁷

74. All powerful is expediently used here for the Sanskrit Dharani which means absolute control over good and evil.

75. See p. IV-2 for a full explanation of the five kalpas of turbidity.

76. To sit in bodhimandalas is to turn the Wheel of the Law to save living beings. A bodhimandala is a sacred place where the Dharma is taught to enlighten and deliver living beings.

77. The first line praises the Buddha's Dharmakaya which is pure and clean, and serenely meets all phenomena, hence it is *serene*. This essential body is the substance of all dharma and possesses three essential virtues: eternity, wisdom and sovereign liberty (enjoying complete control over good and evil), hence it is *dominant*. It is ever omnipresent and unchanging, hence it is *immovable*. Ananda used to cling to the Buddha's thirty-two excellent physical marks which caused him to join the Order without knowing that the Buddha which he saw was unreal; therefore, his mind was equally false. After hearing the Buddha's teaching, he awakened to his true mind and was able to discern the Buddha's Dharmakaya; hence his praise of the Buddha. The second line shows Ananda's awakening to the Suraïgama samadhi which revealed the One Mind; hence his praise of the Dharma. The fifth, sixth, seventh and eighth lines show that Ananda who had now developed the profound Mahayana mind, sought self-enlightenment for the welfare of all living beings, which was the only way to repay his immense debt of gratitude to the Buddha. The ninth, tenth, eleventh and twelfth lines show that Ananda had now taken the Bodhisattva's great vow to deliver all living beings without exception. The last two lines show his determination in his Bodhisattva work, now that he had awakened to the powerful Suraïgama samadhi as taught by the Buddha. So far the Buddha had taught samatha or the meditative study of all as void (i.e. the noumenon in the Tathagata store). In the following chapter, He taught samapatti or the meditative study of all as unreal (i.e. the phenomenon in the Tathagata store).

Dịch nghĩa:

Trong lặng vạn năng chẳng động tịnh (1)
 Lăng Nghiêm Đại Định đời hy hữu (2)
 Tiêu điên đảo tướng từ vô thị,
 Chẳng nhọc nhiều kiếp được Pháp thân.
 Nguyện nay đắc quả thành Chánh Giác,
 Độ thoát chúng sanh như hằng sa.
 Hết lòng phụng sự vô số cõi,
 Thế mới gọi là đền ơn Phật,
 Cúi xin Thế Tôn chứng minh cho,
 Ngũ trước ác thế nguyện vào trước,
 Nếu một chúng sanh chưa thành Phật,
 Quyết chẳng tự mình chứng Niết Bàn,
 Đại hùng đại lực đại từ bi,
 Mong dứt trừ tập khí vi tế.
 Khiến con mau đến Vô Thượng Giác,
 Mười phương thế giới tọa đạo tràng.

Dẫu cho hư không bị tiêu mất,
 Bỏ tâm kiên cố chẳng lay động.

GHI CHÚ:

(1) Trong lặng vạn năng chẳng động tịnh.

Tại sao "Diệu trạm tổng trì bất động tôn" dịch là "Trong lặng vạn năng chẳng động tịnh"?

Chữ "Trạm" nghĩa là trong lặng chẳng động, nhưng chưa phải là "Diệu Trạm"; chẳng động chẳng tịnh cũng chẳng trụ nơi chẳng động tịnh, mới được gọi là "Diệu Trạm".

Tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa, tổng trì tất cả pháp nghĩa, nên nói là "Vạn Năng" vậy.

(2) Lăng Nghiêm Đại Định đời hy hữu:

Tại sao "Thủ Lăng Nghiêm Vương" dịch là "Lăng Nghiêm Đại Định"? Vì Thủ Lăng Nghiêm chỉ là tên của Kinh, Kinh đã phổ biến trên đời thì chẳng phải là hy hữu, cần phải theo đó tu chứng được Đại Định mới là hy hữu.

Có nhập định, xuất định, chưa phải là "Đại Định", "Đại Định" thì chẳng có xuất nhập, lúc đang náo động vẫn là Định, nên gọi là Đại Định, vậy mới được làm vua trong tất cả định (Thủ Lăng Nghiêm Vương).

The Phenomenon in the Tathagata Store

The Meditative Study of All as Unreal (Samapatti) The One Mind Being the Source of Both Delusion & Enlightenment

Purnamaitrayaniputra, who was in the assembly, rose from his seat, uncovered his right shoulder, knelt upon his right knee, reverently joined the palms of his hands and said to the Buddha: O August and World Honoured One, you have revealed the Tathagata's profound meaning so well to all living beings. The Buddha has always declared that I surpass all men in preaching the Dharma, but as I now listen to His melodious and deep Dharma voice, I am like a deaf man (striving to) hear flies and mosquitoes a hundred feet away; he cannot see, still less can he hear them. In spite of what the Buddha taught to cut off our delusion, I fail to understand its ultimate meaning which is altogether beyond me. World Honoured One, (it is reasonable that) those like Ananda who have merely opened their minds but have not cast away their worldly habits, do not understand it, but though I (and others here) have reached the state beyond the stream of transmigration, we are still not quite clear about the Dharma (just) taught by the Tathagata. World Honoured One, if all things (such as) the senseorgans and data, aggregates, entrances and fields of sense are fundamentally the pure and clean Tathagata store, why does the latter suddenly create mountains, rivers, the great world and all other forms that rise and fall in turn without interruption?

The Tathagata has also spoken of (the elements of) earth, water, fire and wind whose natures mix and pervade the whole Dharma realm in which they remain all the time. World Honoured One, if the element of earth was all-embracing how could it contain the element of waters if the latter was allpervading, there would be no fire, then how can one be clear that these two elements pervade all space without destroying each other? World Honoured One, the nature of earth is obstructive while that of space is the reverse; how can both of them pervade the whole Dharma realm? I really do not understand. May the Tathagata be compassionate enough to enlighten me and so dispel the clouds of my delusion? After saying this, he prostrated and eagerly awaited the holy teaching.

Lúc bấy giờ, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử ở trong chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo tay phải, quỳ gối chân phải, chắp tay cung kính bạch Phật rằng:

- Thế Tôn có oai đức lớn, khéo vì chúng sanh hiển bày đệ nhất nghĩa đế của Như Lai. Thế Tôn thường khen con là bậc nhất trong những người thuyết pháp, mà nay con nghe pháp âm nhiệm màu của Như Lai, cũng như người điếc, cách xa trăm bước mà nghe tiếng muỗi bay, vốn chẳng thể thấy, huống là được nghe! Phật dù chỉ rõ, khiến con dứt trừ lỗi lầm, nhưng con còn chưa thấu suốt chỗ chẳng nghi hoặc của nghĩa này.

- Thế Tôn, hàng hữu lậu như A Nan, dù được khai ngộ, nhưng chưa dứt tập khí phiền não, còn chúng con là bậc vô lậu trong hội này, nay nghe pháp âm của Như Lai còn mắc phải những điều nghi ngờ.

- Thế Tôn, nếu tất cả các thứ căn, trần, ấm, xứ, giới v.v... của thế gian đều là Như Lai Tạng, bản tánh vốn trong sạch, sao lại bỗng sanh các tướng hữu vi như núi sông, đất đai, thành rồi hoại, hoại rồi thành, thành hoại chẳng ngừng?

- Lại Như Lai nói Địa, Thủy, Hỏa, Phong, bản tánh viên dung, cùng khắp pháp giới, trạm nhiên thường trụ. Thế Tôn, nếu tánh Địa cùng khắp, thì làm sao dung nạp được Thủy? Nếu tánh Thủy cùng khắp thì Hỏa chẳng thể sanh; sao lại nói hai tánh Thủy và Hỏa đều cùng khắp hư không, chẳng đoạt mất nhau?

- Thế Tôn, tánh Địa thì ngăn ngại, tánh không thì trống rỗng, làm sao hai tánh ấy đều cùng khắp pháp giới? Nay con chẳng biết nghĩa này thế nào, xin Phật từ bi, khai mở lòng mê muội của con và đại chúng.

Nói xong, năm vóc gieo sát đất, kính mong lời dạy Vô Thượng của Như Lai.

The Buddha said to Purnamaitrayaniputra and all arhats in the assembly who had reached the state beyond samsaric transmigration and beyond further study: The Tathagata now expounds the highest transcendental Truth so that those hearers with settled minds⁷⁸ and arhats who have not yet realized that neither ego nor dharma exist and who seek Reality, will know the correct practice of the passionlessness of the Supreme Vehicle. Listen attentively to what I say. Purnamaitrayaniputra and the assembly kept silent awaiting with reverence the Buddha's Dharma voice.

The Buddha asked: Purnamaitrayaniputra, you now ask why that which is fundamentally pure and clean suddenly created mountains, rivers and the great earth, but have⁷⁸. Whose minds are set on self-enlightenment and not on Bodhisattva development. you not heard the Buddha declare that (self-) natured Bodhi is absolute and enlightened and that basic Bodhi is enlightened and absolute?⁷⁹ Purnamaitrayaniputra replied: Yes, World Honoured One, I have heard this.

A Probe into the Disciple's Understanding of Noumenon & Phenomenon to Reveal the Rise of Illusions

The Buddha asked: When you speak of Bodhi and Enlightenment, do you mean that because of its enlightened nature, you call it Bodhi, or because of its (basic) unenlightened nature, you (now) call it enlightened Bodhi?⁸⁰

The Real Missed by Cognizance of the False

Purnamaitrayaniputra said: If that which is unenlightened is called Bodhi, it is not aware of anything.⁸¹

79. Self-natured Bodhi stands for *Substance* which is essentially absolute (i.e. free from all dualities) and is, therefore, enlightened. Basic Bodhi stands for *Function* which is enlightened and is, therefore, absolute (i.e. free from all relativities and contraries).

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Phú Lô Na và hàng A La Hán lậu tận vô học trong Hội rằng:

- Hôm nay, Như Lai vì cả chúng trong Hội này hiển bày tánh chơn thắng nghĩa trong thắng nghĩa, khiến hàng định tánh Thanh Văn và tất cả A La Hán chưa được Nhị Không (nhân ngã không và pháp ngã không), phát tâm hướng về thượng thừa, đều được chỗ tu hành chơn chánh, thiết thực chẳng xao động của cảnh giới tịch diệt nhất thừa, các người hãy chú ý nghe.

Phú Lô Na và đại chúng kính vâng pháp âm của Phật, yên lặng ngồi nghe.

Phật bảo:

- Phú Lô Na, như lời người nói, bản tánh trong sạch, sao lại bỗng sanh núi sông đất đai. Người chẳng thường nghe Như Lai dạy rằng: Tánh giác diệu minh, bản giác minh diệu hay sao?

LƯỢC GIẢI

Tức diệu thường minh mà chẳng lập sở minh, cũng chẳng phải bất minh, nên nói diệu minh, tức minh thường diệu, mà chẳng bị kẹt nơi minh, nên nói minh diệu. Nếu chấp thật cho là giác minh, bèn lọt vào tình thức, thành ra lìa giác chẳng minh, thì đâu thể nói là diệu, nên Kinh nói: "Do giác minh thành lỗi lầm" vậy.

- Bạch Thế Tôn, vâng ạ, con thường nghe Phật khai thị nghĩa này.

Phật bảo:

- Người nói giác minh, là do tánh minh được gọi là giác; hay là cái giác bất minh, gọi là minh giác?

Phú Lô Na nói:

- Nếu cái bất minh này gọi là giác, thì chẳng có sở minh.

The Three Finer Conditions of Unenlightenment (Basic Ignorance: Subject & Object)

The Buddha said: You say that that which is not aware of anything is not enlightened Bodhi, but that which creates an illusory object is unenlightened and that which abstains from so doing is free from (subjective) awareness. The unenlightened is (certainly) not the clean nature of Bodhi, for (self-) natured Bodhi is essentially enlightened but is mistaken for enlightened awareness. Bodhi is not (that) awareness of things for such awareness sets up objects, and the setting up of illusory objects implies an illusory subject.⁸²

80. This two pronged probe was to expose the cause of rising illusions. Here a Chan Master would give a shout or a blow with his staff to dispel all remaining doubts in the student's mind. But in the Teaching school, the Buddha was obliged to trace all illusions back to their source in order to explain that the false arises from the Real; hence He set up the Dharma realm of One Reality which is the common source of both delusion and enlightenment. And so He repeated His previous statement about (self-) natured Bodhi which is absolute and enlightened and basic Bodhi which is enlightened and absolute, to probe the disciple's capability. He meant: Do you think that Bodhi-nature is fundamentally enlightened and needs no further enlightening to be called Bodhi? (This is the Absolute.) Or do you think that Bodhi-nature is unenlightened and needs enlightening to become enlightened Bodhi? (This is Samsara.). This was to see if the disciple gave an objective reply betraying the cause of his delusion.

The realization of Buddha-nature is due to three causes: *direct*, *concurrent* and *realizing*. Its absolute nature is fundamentally perfect and self-existing and needs no practice; this is *the direct cause*. It is attainable because of the *teaching* by enlightened masters for it is said that the Buddhaseed sprouts in favourable circumstances; this is the *concurrent cause*. It is attainable by means of practice and training; this is the *realizing cause*.

The statement: Self-natured Bodhi is absolute and enlightened. implies the direct cause of *Buddha-nature*, and .basic Bodhi is enlightened and absolute. shows its *realizing cause*, for only after the effective realization of *inceptive Bodhi* can *basic Bodhi* be attained. Therefore, practice and training are required to realize Enlightenment.

81. The disciple's answer betrayed the origin of his delusion because he clung to an object of which Bodhi should be aware; this was his samsaric awareness which implied a duality of subject and object.

Phật bảo:

- Nếu chẳng có sở minh thì chẳng có minh giác, có sở chẳng phải là giác, không sở chẳng phải là minh, chẳng minh lại chẳng phải tánh trạm nhiên sáng tỏ của bản giác. Vì tánh giác ắt minh, vọng cho là minh giác, bản giác chẳng phải sở minh, do chấp sự minh nên lập sở minh, sở minh đã vọng lập, thì sanh cái năng minh hư vọng của người.

The Six Coarser Conditions of Unenlightenment

Thus from that which was beyond both identity and diversity arose all differences. When the differentiating subject confronted its differentiated objects, the resultant diversity led to identification. Identity and diversity further led to that which was neither the same nor different. These conflicting disturbances resulted in troubled (perception) which in time gave rise to objective form. Self-created confusion, caused by clinging to names, caused karmic activity and so suffering. Thus that which manifested became the (changing) world and that which was still was space. Hence space stands for identity and the world for diversity, and that which is neither the same nor different is a living being.⁸³

82. This shows the origin of the false. The Buddha began by repeating what the disciple had said of an unenlightened Bodhi which was not aware of objects. If Bodhi was free from this awareness, it would indeed be genuine, for it would be free from all dualities. He then wiped out the disciple's misconception and declared that that which created objects was not true Bodhi and that which was free from them was certainly not false Bodhi, for that which fundamentally was not enlightened was not the clean nature of Bodhi. Self-natured Bodhi is essentially enlightened and needs no further enlightening to be *so*; *this was His teaching on the self-existing Buddha nature*. It was, however, mistaken for enlightened awareness, and because of this thought, the enlightened absolute selfnature was missed; *this was His teaching on delusion*. Awareness of an object is faulty and pertains to ignorance; *this was His teaching on the three subtle defilements of karma* (basic ignorance: subject and object).

Because of ignorance caused by this faulty awareness, the absolute True Mind is screened and replaced by the duality of subject and object. This *object* is the origin of space, the world and living beings. Hence the text says: Bodhi is not that awareness of things for such (subjective) awareness sets up objects, that is the manifestation of *form*. The setting up of form results in dualities and causes the fundamental, absolute and bright wisdom-light of Nirvanic Illumination to change into the false seeing of subjective perception. Hence the text says: The setting up of illusory objects implies an illusory subject. This is transformation of the Absolute into form.

- Ở trong chẳng đồng dị, vọng chấp thành dị, khác với cái dị này, do sự dị mà lập sự đồng, tương đồng dị đã sanh, từ đó lại lập ra cái chẳng đồng chẳng dị. Nhiều loạn như thế, đối đãi nhau sanh ra mỗi một, mỗi lâu thành trần, tự hỗn tạp lẫn nhau, do đó sanh ra trần lao phiền não, khởi dậy thành thế giới, tịch lặng thành hư không; hư không là đồng, thế giới là dị, do đồng dị lập ra chẳng đồng chẳng dị, ấy là pháp hữu vi, cái vốn chẳng đồng dị của bản giác, mới thật là pháp vô vi.

The Law of Continuity

Continuity of the (physical) universe

Sustained confrontation of (subjective) awareness with (objective) dim voidness produced vibration and movement; hence the wheel of wind⁸⁴ in constant motion in the universe. Awareness so shaken by the void, was benumbed by it and hardened into the (element of) metal; hence the wheel of metal to preserve the earth. When the movement caused by awareness produced wind and hardened into metal, the friction between wind and metal flashed fire, the nature of which was transformative. Fire sprang up and melted metal; hence the wheel of water pervades all the worlds in the ten directions. The meeting of rising fire with falling water, formed wet oceans and dry continents. This is why fire (sometimes) rises from the bottom of the seas, and streams and rivers flow over continents. Excess of water over fire resulted in (the formation of) high mountains; hence rock sparks when struck and melts when submitted to great enough heat. An excess of earth over water resulted in the growth of vegetation; hence a forest fire reduces the trees to ashes (i.e. earth) and a plant bleeds when twisted. Thus these illusory (four wheels) intermingled and became mutual seeds to ensure the continuity of the world.

83. This further shows the origin of the false to reveal the six coarser conditions of unenlightenment (which are: knowledge, continuous responsiveness, attachment arising from the last, naming objects, karmic deeds, and the suffering that results therefrom).

The permanent True Mind in the Dharma realm of One Reality is beyond both identity and diversity. The first thought that stirred the self-nature gave rise to delusion, thereby changing it into the unenlightened alaya consciousness. Hence the three finer conditions of unenlightenment, the forerunner of its coarser conditions, resulting in the manifestation of different forms, such as the world and living beings in the store consciousness.

Therefore, all kinds of difference arose from that which was beyond both identity and diversity. Thus ignorance became the differentiating subject and the world its differentiated object. That which differed from the differentiated world was space, for the world was changing whereas space did not. Hence Manjusri said in his gatha: Thus in delusion there appeared onesided emptiness. After motion and stillness had come to be, a living being was created to designate that which was neither the same nor different, for a being has form and shape and so differs from the void, and is conscious and so differs from inanimate things. Hence Manjusri said in his gatha: In which an imaginary world arbitrarily was built. while the illusory knower became a living being.

The Buddha then explained the six coarser conditions of unenlightenment. He revealed the first condition, *knowledge*, in these words: These conflicting disturbances resulted in troubled perception; the second condition, *continuous responsiveness*, in: .which, in time, gave rise to objective form; the third and fourth conditions, *attachment and names*, in: self-created confusion caused by clinging to names; and the fifth and sixth conditions, *karmic deeds and suffering*, in: .caused karmic activity and so suffering. That which, is neither the changing world nor unchanging space is the living being who is subject to birth and death.

84. The four wheels on which the world rests: wind, water, metal and space.

- Bản giác tánh không, chẳng minh chẳng vô minh, tùy theo nghiệp thức biến hiện nên vô minh bắt đầu; một niệm vô minh bỗng khởi, thì bản giác lìa tánh không mà sanh vọng minh, tánh không cũng lìa bản giác mà sanh ám muội. Bản giác sanh vọng minh thì phát ra thức, chỗ trong lặng chẳng lay động của thức tinh (nguồn gốc của thức) tức là Thủy, tánh "không" sanh ám muội, kết tụ thành sắc, tức là Địa (trái đất), Địa và Thủy nhiễu loạn nhau thành Phong (Bầu khí quyển bao phủ trái đất). Vì tánh "không" bị ám muội, cố chấp cái năng minh thành chướng ngại, nên vọng cho bản giác là sở minh, năng sở nhiễu loạn, nên vọng có tánh biến hóa của Hỏa, ngọn Hỏa xông lên, nên có hơi Thủy khắp cả mười phương hư không. Hỏa bốc lên, Thủy chảy xuống, giao lộn vọng lập thì Thủy ướp thành biển cả, đất khô thành lục địa. Do nghĩa này, nên trong biển cả Hỏa thường phun lên, trong lục địa sông ngòi thường chảy. Thế Thủy kém thế Hỏa thì kết thành núi, nên khi đập đá núi thì có tia lửa; thế Địa kém thế Thủy thì mọc lên thành cỏ cây, nên đốt cỏ cây thì thành đất, vắt ra thì có nước. Tứ đại giao lộn lẫn nhau vọng sanh nhân quả, do nhân duyên này nên thế giới tương tục.

LƯỢC GIẢI

Theo lý thuyết Ngũ hành là sáng lập từ Trung Quốc, người Ấn Độ thì chẳng biết học thuyết này. Nên các Kinh Phật chỉ nói tứ đại, ngũ uẩn, lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới, cho đến thất đại, đoạn này từ tiếng Phạn dịch sang tiếng Hán, mà dịch giả mượn ngũ hành để sáng tỏ nghĩa Kinh, lý thuyết ngũ hành người xưa còn có thể hiểu được, đời nay thì ít người thấu suốt. Cho nên đọc giả đời nay cảm thấy rất khó hiểu, nếu không hiểu được thì đánh mất tác dụng của lời kinh. Vì Phật thuyết pháp, hay dùng những sự vật của chúng sanh đã hiểu biết, để chứng tỏ tri kiến của chúng sanh chẳng đúng. Do đó, nên chúng tôi lược bỏ phần ngũ hành, chỉ dựa theo tứ đại mà dịch đoạn kinh này, xin đọc giả từ bi hoan hỉ cho.

Continuity of living beings

Further, Purnamaitrayaniputra, this defect in awareness was caused by its subjectiveness that set up illusory objects beyond which awareness (thus circumscribed) cannot reach; hence one's hearing is limited to sound and one's seeing to form. The six illusory sense data, thus created, divided (the undivided nature) into seeing, hearing, feeling and knowing. As a result (of unenlightened) activities, similarity of karma caused affinity⁸⁵ whereas dissimilarity led to either union for embodiment⁸⁶ or parting for transformation.⁸⁷ When the perception of (an attractive) light reveals an (illusory) form, the clearness of the latter stimulates a keen desire for it. Opposing views cause hatred whereas concordant ones lead to love, the flow of which becomes the seedgerm which, by uniting with craving, forms a foetus. Thus sexual intercourse attracts those who share the same karma and causes the five states of a foetus.⁸⁸ Therefore, the four forms of birth derive from particular causes; birth from an egg is due to (the predominance of) thoughts; that from a womb to passions; that from humidity to responsive union; and that by transformation to parting and metamorphosis. The union and parting of thoughts and passions cause further changes and transformations which rise and fall, closely followed by living beings who are thus subject to the retributive effects of their karma. Hence the continuity of (the realm of) living beings.⁸⁹

85. Birth from womb and eggs.

86. Birth from humidity.

87. Birth by transformation.

88. The five stages of the formation of a foetus are: kalala, or slippery coagulation, i.e. the human embryo during the first week; arbuda, or a mass during the second week; pesi, or a piece of soft flesh during the third week; ghana, or a solid lump during the fourth week; and prasakha, or a foetus with organs during the fifth week.

89. In the intermediate state after death, man's consciousness wanders in search of its former love. It is bodiless but can see from a distance of several thousand miles, always looking for its cherished object. Hence the text says: When the perception of (an attractive) light reveals a form. When it finds its object, it rushes to it with all thoughts directed to being embodied in or through that object. Hence .the clear sight of a form stimulates a keen desire for it. It is attracted to sexual intercourse; if it is male, it loves the woman and hates the man and if it is female, it loves the man and hates the woman. And so: opposing views cause hatred whereas concordant ones lead to love. It is thus attracted by this play of sex and is drawn by flowing love to the woman's womb wherein it becomes the seed of a foetus. Hence .the flow of love becomes the germ. This seed enters the couple's generative fluid, and by uniting with its craving, takes the illusory form of an ego. Hence: the germ by uniting with craving forms a foetus. This is birth from the womb. The four forms of birth accord with the retributive karma of each living being.

- Lại nữa, Phú Lô Na, cái minh hư vọng này chẳng phải gì khác, do giác minh thành lỗi lầm; sở minh đã vọng lập, thành lý minh có ngăn mé. Vì vậy, nên nghe chẳng ra ngoài tiếng, thấy chẳng vượt khỏi sắc, sáu thứ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đã vọng lập, do đó chia ra Kiến, Văn, Giác, Tri. Cộng nghiệp ràng buộc lẫn nhau mà có hợp, ly, thành, hóa; do kiến chấp của sở minh nên sanh khởi sắc tướng, do năng minh của kiến chấp thì thành tư tưởng, ý kiến khác với mình thì thành ghét, tư tưởng đồng với mình thì thành yêu, gieo cái yêu thành hạt giống, thu nạp tư tưởng thành cái thai, giao cấu phát sanh, hấp dẫn cộng nghiệp, nên có nhân duyên sanh ra bào thai.

- Các loài thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hoá sanh, tùy theo sự cảm ứng mà thành: noãn do tưởng niệm mà sanh, thai do ái tình mà có, thấp sanh do hợp mà cảm ứng, hóa sanh do tách ly mà hiện. Tình, tưởng, hợp, ly, thay đổi lẫn nhau, các loài thọ nghiệp theo đó mà thăng trầm, do nhân duyên này, nên chúng sanh tương tục.

Continuity of karmic retribution

Purnamaitrayaniputra, since desire and love are tied so closely together, no disengagement is possible and the result is an endless succession of the births of parents, children and grandchildren. This comes mainly from (sexual) desire which is stimulated by love.

Since passion cannot be destroyed, living beings born from wombs, eggs, humidity and by transformation tend to use their strength to kill each other for food. This comes mainly from their passion for killing. So if a man (kills a sheep to) eat its meat, the sheep will be reborn as a human being and the man, after his death, will be reborn a sheep (to repay his former debt). Thus living beings of the ten states of birth,⁹⁰ devour each other and so form evil karma which will have no end. This comes mainly from their passion for stealing.

Due to such causes as .you owe me my life.⁹¹ and I pay my debt,⁹² living beings are subject to birth and death for hundreds and thousands of aeons. Due to such causes as .you treasure my heart, I love your beauty,⁹³ they continue to be tied to each other for hundreds and thousands of kalpa. Therefore, the basic causes of continuous karmic retribution are three: killing, stealing and carnality.

Thus Purnamaitrayaniputra, these three evil causes succeed one another solely because of unenlightened awareness which gives rise to the perception of form and so sees falsely mountains, rivers and the great earth as well as other phenomena which unfold in succession and, because of this very illusion, appear again and again, as on a turning wheel.

90. Cf. Ch'an and Zen Teaching, First Series, p. 161, for a detailed explanation of the ten states of birth.

91. Killing as basic cause of karmic retribution.

92. Stealing as basic cause of karmic retribution.

93. Carnality as basic cause of karmic retribution.

- Phú Lô Na, do tư tưởng thương yêu liên kết thành nghiệp, yêu mãi không rời thì những cha mẹ con cháu trong thế gian sanh nhau chẳng ngừng, ấy đều từ gốc Dục Tham sanh khởi.
- Lòng tham ái giúp nhau tăng trưởng, tham mãi không thôi thì các loại thai, noãn, thấp, hóa trong thế gian, tùy sức mạnh yếu, ăn nuốt lẫn nhau, ấy đều từ gốc Sát Tham sanh khởi.
- Người ăn thịt dê, dê chết làm người, người chết làm dê, như vậy cho đến mười loại chúng sanh, chết sống sống chết, ăn nuốt lẫn nhau, ác nghiệp lan tràn cùng tội đời vị lai, ấy đều từ gốc Đạo Tham (trộm cắp) sanh khởi.
- Người nợ mạng ta, ta trả nợ người, do nhân duyên này, trải qua trăm ngàn kiếp, thường ở trong dòng sanh tử; người yêu tâm ta, ta ưa sắc người, do nhân duyên này trải qua trăm ngàn kiếp, thường ở trong dòng ràng buộc, ấy đều từ gốc Sát, Đạo, Dâm sanh khởi. Do nhân duyên này nên nghiệp quả tương tục.
- Phú Lô Na, ba thứ điên đảo kể trên tương tục như vậy, đều do sự lỗi lầm của giác minh cho là có tánh liễu tri của năng minh rồi biến hiện sắc tướng, từ vọng kiến đó sanh khởi các tướng hữu vi như núi sông đất đai, theo thứ tự dời đổi, vì hư vọng này nên xoay chuyển chẳng ngừng.

The Uncreated & Unending

Purnamaitrayaniputra asked: If Bodhi, which is basically absolute and enlightened and is the same as the unchanging Tathagata mind, can suddenly create mountains, rivers, the great earth and other phenomena, when will the Buddha, who has attained Absolute Enlightenment, again give rise to the worldly perception of mountains, rivers and the great earth?.

The Buddha said: Purnamaitrayaniputra, if a man loses his way to a village by mistaking south for north, does his error come from delusion or enlightenment?.

Purnamaitrayaniputra replied: From neither. Why? Because, since delusion has no root how can this error come from it? Since enlightenment does not beget delusion, how can it cause him to err?.

The Buddha asked: If this man, while erring, suddenly meets someone who shows him the right way, do you think in spite of his mistake, he will lose his way again?.

(Purnamaitrayaniputra replied:) .No, World Honoured One.
(The Buddha said:) Purnamaitrayaniputra, it is the same with all Buddhas in the ten directions. Delusion has no root for it has no self-nature. Fundamentally there has never been delusion and though there is some semblance of it, when one is awakened, it vanishes (for) Bodhi does not beget it. This is like a man suffering from an optical illusion who sees flowers in the sky; if he is cured, these flowers will disappear. But if he waits for them to appear again, do you call him stupid or intelligent?.

Purnamaitrayaniputra replied: Fundamentally space has no flowers but due to defective sight they are seen as being in the void; this is already a false attitude. If in addition, they are required to appear again, this is mere folly; how then can that man be called stupid or intelligent?.

Phú Lô Na nói:

- Thế Tôn! Nếu Diệu Giác này vốn nhiệm màu sáng tỏ, cùng với tâm Như Lai chẳng thêm, chẳng bớt, khi không bỗng sanh các tướng hữu vi như núi sông, đất đai; nay Như Lai đã chứng Diệu Giác, làm sao núi sông đất đai và các tập khí hữu lậu còn được sanh trở lại?

Phật bảo Phú Lô Na:

- Ví như người mê ở một xóm làng, nhận lầm phương Nam thành phương Bắc, vậy sự mê lầm này từ mê ra hay từ ngộ ra?

Phú Lô Na đáp:

- Người mê như vậy chẳng từ mê ra, cũng chẳng từ ngộ ra? Tại sao? Mê vốn chẳng gốc, làm sao từ mê ra? Ngộ chẳng sanh mê, sao nói từ ngộ ra?

Phật nói:

- Người mê kia đang trong lúc mê, bỗng có người ngộ chỉ thị cho ngộ, Phú Lô Na, ý người thế nào? Người ấy dấu mê, đối với xóm làng này, còn mê lại nữa chăng?

- Bạch Thế Tôn, không ạ!

- Phú Lô Na, mười phương Như Lai cũng như vậy, sự mê này vốn chẳng có gốc, tánh rốt cuộc là không, xưa vốn chẳng mê, do vọng chấp nên tựa như có mê có giác, giác được cái mê thì mê liền diệt, giác chẳng sanh mê.

- Cũng như người nhậm thấy hoa đốm trên không, nếu trừ được bệnh nhậm thì hoa đốm nơi không liền diệt. Bỗng có người ngu ở chỗ hư không mà hoa đốm đã diệt kia, mong đợi hoa đốm sanh nữa, người xét người này là ngu hay trí?

The Buddha said: Since you have interpreted well the non-existence of flowers in the sky, why do you still ask me about the immaterial absolute Bodhi of all Buddhas creating mountains, rivers and the great earth? It is like ore which contains pure gold; once the latter is extracted, it cannot be mixed with the ore again. It is also like the ashes of burnt wood which cannot become wood again. It is the same with all Buddhas of the nirvanic enlightenment.

The Unhindered Intermingling of Noumenon & Phenomenon

Purnamaitrayaniputra, you now ask about the elements of earth, water, fire and wind which fundamentally intermingle without hindrance in the Dharma realm; you are in doubt about why the elements of water and fire do not destroy each other and how the elements of space and earth can contain each other.

Purnamaitrayaniputra, take for instance space which differs greatly from all forms but which does not prevent them from manifesting in it. Why? Because space is radiant in the sun and dark when the sky is cloudy, it moves with the wind, is bright in a clear sky, hazy in a mist, obscure in a duststorm and is reflected when above clear water. Do you think that these transient forms in different places are created by these conditions or that they come from space? If they come from these conditions, then, when the sun shines, there is sunlight and all the worlds in the ten directions should be identical with the sun; then why is the sun seen in the sky? If space shines, it should shine upon itself; why then at night or when there are clouds and fog, is there no light? Light therefore is neither the same as nor different from the sun and space. Thus when looked into, essentially there are no forms (i.e. the seven elements) for they cannot be pointed out like unreal flowers in the sky that can only produce unreal fruit; so why do you inquire about their mutual destruction? But when their (underlying) nature is looked into, it is fundamentally real for it is absolute Bodhi. Since this absolute enlightened Mind is basically neither water nor fire, why do you question their mutual hindrance? Within this true and absolute Bodhi Enlightenment, if you give rise to (the karmic illusion of) space, space will manifest. If you have (similar illusions of) earth, water, fire and wind one after another, they will manifest separately and if you give rise to them all, they will appear simultaneously.

Phú Lô Na đáp:

- Hư không vốn chẳng có hoa đốm, vọng thấy có sanh diệt, thấy hoa đốm diệt đã là điên đảo rồi, lại còn muốn hoa đốm sanh nữa, thì thật là điên dại, làm sao còn gọi người điên như vậy là ngu hay trí!

Phật bảo:

- Theo như người hiểu, sao lại còn hỏi Diệu Giác của chư Phật lại sanh núi sông đất đai nữa! Cũng như quặng vàng, đất cát lộn với vàng ròng, khi quặng đã luyện thành vàng ròng thì chẳng trở thành quặng nữa; như cây đã đốt thành tro, thì chẳng trở lại thành cây nữa. Bồ Đề Niết Bàn của chư Phật cũng như vậy.

- Phú Lô Na, người còn hỏi về bản tánh viên dung, cùng khắp pháp giới của Địa, Thủy, Hỏa, Phong nghi rằng tánh Thủy và Hỏa sao chẳng đoạt mất nhau, và hỏi sao hư không và tánh Địa đều khắp pháp giới, lẽ ra chẳng dung nạp nhau.

- Phú Lô Na, ví như hư không chẳng phải các tướng, cũng chẳng ngăn ngại các tướng phát huy. Tại sao? Phú Lô Na, ở nơi hư không, mặt trời chiếu thì sáng, mây che thì tối, gió thổi thì động, trời tạnh thì trong, sương mù thì đục, bụi nổi thì mờ, nước lặng thì lóng lánh, ý người thế nào? Các tướng hữu vi khác nhau như vậy, là tự sanh hay từ hư không ra? Phú Lô Na, nếu mỗi mỗi tự sanh, khi lúc mặt trời chiếu, đã là mặt trời chiếu sáng, thì mười phương hư không đều thành màu sắc của mặt trời, tại sao lại còn thấy mặt trời trên không? Nếu hư không tự sáng, thì hư không phải tự chiếu sáng, tại sao lúc giữa đêm mây mù lại chẳng thấy sáng? Nên biết cái sáng như vậy chẳng phải mặt trời, chẳng phải hư không, cũng chẳng ngoài mặt trời và hư không. Xét các tướng ấy vốn là hư vọng, chẳng thể chỉ bày, cũng như muốn hoa đốm trên không kết thành quả hư không, làm sao còn hỏi cái nghĩa chẳng đoạt mất nhau? Diệu Tâm sáng tỏ, vốn chẳng phải thủy, hỏa, tại sao lại còn hỏi về nghĩa chẳng dung nạp nhau?

- Tánh sáng tỏ của Diệu Tâm cũng vậy, nếu người phát minh cái hư không thì hư không hiện ra; địa, thủy, hỏa, phong mỗi mỗi phát minh thì mỗi mỗi hiện ra, nếu cùng phát minh thì cùng hiện ra.

Purnamaitrayaniputra, what does 'simultaneous appearance' mean, If two men walking in opposite directions see the sun reflected in water, each will see the reflection follow in his direction. There is no fixed standard here and you cannot query why one sun can move in opposite directions or why two suns are seen when only one appears (in the sky)⁹⁴ thereby deepening your delusion without any prop on which to hold.⁹⁵

Expounding the Common Source of Delusion & Enlightenment to Sum Up the Intermingling of Phenomenon & Noumenon

Purnamaitrayaniputra, because you cling to form and space that displace each other in the Tathagata store, the latter in accordance with your karma, manifests as space and form which pervade the whole Dharma realm, and as a result, there appear within it the blowing wind, still voidness, a bright sun and dark clouds. Due to their delusion and perplexity, living beings turn their backs on Bodhi and cling to sense objects thereby giving rise to troubles, (klesa) with the resultant appearance of illusory forms.

(As to me), my uncreated and unending profound enlightenment accords with the Tathagata store which is absolute Bodhi, and ensures my perfect insight into the Dharma realm where the one is infinite and the infinite is one; where the large manifests in the small and vice-versa; where the immovable bodhimandala appears everywhere; where my body embraces the ten directions of inexhaustible space; where the kingdom of treasures (i.e. the Buddha-land) appears on the tip of a hair; and where I sit in a speck of dust to turn the wheel of the Dharma. As I have wiped out all illusory objects of senses to accord with Bodhi, I have realized the nature of the absolute Enlightenment of the Bhutatathata.⁹⁶

94. This wipes out the concept of unity-with-differentiation.

95. This ends the Buddha's teaching on the unhindered intermingling of noumenon with phenomenon.

96. The two last paragraphs sum up the interdependence of phenomenon and noumenon and the interdependence of all phenomena (according to the Hua Yen or Avatamsaka School). Starting on p. II-1 the Buddha taught Samapatti or the meditative study of all as unreal or transitory. In the following text he taught Dhyana, or the meditative study of the Mean which includes both Reality

- Thế nào là cùng hiện? Phú Lô Na, như trong một dòng nước, hiện ra bóng mặt trời, hai người cùng xem bóng đó, rồi người đi phương Đông, người đi phương Tây, mỗi người đều thấy mặt trời theo mình, một cái đi về phương Đông, một cái đi về phương Tây, chẳng có nhất định. Không nên hỏi rằng: Mặt trời là một, sao lại mỗi cái đi theo mỗi người? Bóng mặt trời trong nước đã thành hai, tại sao trên trời chỉ có một? Sự hư vọng quanh lộn như thế chẳng có căn cứ.

- Phú Lô Na, người cho tướng Sắc, Không đoạt mắt lẫn nhau nơi Như Lai Tạng, thì Như Lai Tạng tùy theo sắc không cùng khắp pháp giới, nên ở trong đó, gió thổi thì động, hư không thì lặng, mặt trời thì sáng, mây mù thì tối, chúng sanh mê muội, trái giác tánh, hợp cảnh trần, phát khởi trần lao, nên có tướng thế gian.

- Ta dùng tánh chẳng sanh diệt của diệu tâm sáng tỏ hợp với Như Lai Tạng, thì Như Lai Tạng chỉ duy nhất một diệu tâm sáng tỏ, tròn đầy chiếu khắp pháp giới, nên ở trong đó, một là vô lượng, vô lượng là một, trong nhỏ hiện ra lớn, trong lớn hiện ra nhỏ, đạo tràng chẳng động mà khắp mười phương thế giới, thân thể bao hàm vô tận hư không, nơi đâu một mảy lông hiện ra cõi Phật, ngồi trong vi trần chuyển đại pháp luân, nghịch cảnh trần, hợp giác tánh, nên hiện ra tánh Chơn Như sáng tỏ của diệu tâm.

The Tathagata Store Containing Both Noumenon & Phenomenon Meditative Study of the Mean (Dhyana)

Elimination of 'is' to reveal the True Mind

The fundamental, absolute and perfect Mind of the Tathagata store is neither mind nor the elements of space, earth, water, wind and fire; neither eye nor ear, nose, tongue, body nor intellect; neither form nor sound, smell, taste, touch nor idea (dharma); neither the field of sight-perception nor the other fields of sense including that of the intellect;⁹⁷ neither enlightenment nor unenlightenment nor the eleven other links in the chain of existence including old age and death; either the end of enlightenment nor that of unenlightenment nor that of the (eleven) other links;⁹⁸ neither misery nor the accumulation of misery, extinction of passion and the path thereto;⁹⁹ neither wisdom nor gain (realization); neither charity (dana) nor discipline (sila), either zeal (virya), patience (ksanti), meditation (dhyana), wisdom (prajna) nor perfection (paramita);¹⁰⁰ and even neither Tathagata, Arhat, Samyak-sambodhi, Parinirvana, nor (true) Eternity, Bliss, Self and Purity.¹⁰¹

97. The Tathagata store *is* neither the worldly mind (which comprises subjective consciousness and perception) nor the (objective) elements of space, earth, water, wind and fire, the six organs, six sense data and six consciousnesses.

98. Nor is it the supramundane stage of a pratyeka-buddha attainable after awakening to the twelve links in the chain of existence and their ends.

99. Nor is it the supramundane stage of a sravaka attainable after awakening to the Four Noble Truths.

100. Nor is it the supramundane stage of Bodhisattva development which comprises wisdom and gain (realization) by means of the Six Paramita. Cf. Ch'an and Zen Teaching, First Series, Part IV, *The Heart Sutra*, for a fuller explanation of the above notes 2, 3 and 4.

101. Nor is it the supreme state of Buddhahood, with its highest titles of Tathagata, Arhat and Samyaksa mbodhi, nor the stage of Parinirvana with its four characteristics of Absolute Eternity, Absolute Bliss, Absolute Self and Absolute Purity. Thus the .Mean. wipes out both the worldly and saintly to expose the Tathagata store.

- Cái diệu tâm sáng tỏ này, phi tâm, phi không, phi địa, thủy, hỏa, phong; phi nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; phi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; phi nhãn thức giới cho đến phi ý thức giới; phi minh, phi vô minh, phi minh vô minh tận, như thế cho đến phi lão phi tử, phi lão tử tận; phi khổ, tập, diệt, đạo; phi trí, phi đắc, phi bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ; phi đến bờ bên kia, cho đến phi Như Lai, phi Ứng Cúng, phi chánh Biến Tri; phi Đại Niết Bàn, phi thường đức, lạc đức, ngã đức, tịnh đức, (tứ đức của Niết Bàn), cho đến các pháp thế gian và xuất thế gian đều phi cả.

Elimination of 'is not' to reveal the True Mind

Thus the basic enlightened Mind of the Tathagata store, being neither mundane nor supramundane is wonderful in that it is (also) identical with (worldly) mind and (the elements of) space, earth, water, wind and fire; with eye, ear, nose, tongue, body and intellect; with form, sound, smell, taste, touch and ideas; with the field of eye-perception and all other fields before and including that of intellect; with enlightenment, unenlightenment and the (eleven) other links in the chain of existence before and including old age and death; with the end of enlightenment, of unenlightenment and of the (eleven) other links; with misery and its accumulation, with the extinction of passions and the path thereto; with dana, sila, virya, ksanti, dhyana, prajna and paramita; and also with Tathagata, Arhat, Samyak-sambodhi, Parinirvana, true Eternity, Bliss, Self and Purity.

Simultaneous elimination of 'is' & 'is not' to reveal the Absolute Mind

Thus the (underlying) principle of the absolute Enlightened Mind of the Tathagata store, being identical with and (including) both the mundane and supramundane, is above is and is not and beyond both identity and difference. How therefore, can worldly beings of the three realms of existence and in the supramundane sravaka and pratyekabuddha states fathom the Tathagata's Supreme Bodhi and penetrate the Buddha-wisdom by word and speech? For instance though a lute can make sweet melody, it is useless in the absence of skilful fingers;¹⁰² it is the same with you and all living beings for although the True Mind of precious Bodhi is complete within every man, when I press my finger on it, the Ocean Symbol¹⁰³ radiates but as soon as our mind moves, all troubles (klesa) arise. This is due to your remissness in your search for Supreme Bodhi, in your delight in Hinayana and your contentment with the little progress which you regard as complete.¹⁰⁴

102. Practice and training.

103. The Ocean Symbol shows the vastness of the meditation of the Buddha; the vision of all things.

104. This ends the teaching on the meditative study of the Mean. From the beginning of the sermon, the Buddha revealed the three characteristics of the Tathagata store: the void (its substance), the nonvoid (its function) and the void yet non-void (which corresponds with the threefold meditative study of all as void, of all as unreal and of the Mean which includes both). Students of the Absolute Dharma should familiarize themselves with these three characteristics of the Tathagata store and the corresponding threefold meditative study as taught in the text in order to comprehend the profundity of the Supreme Vehicle.

- Cái diệu tâm sáng tỏ này tức tâm, tức không, tức địa, thủy, hỏa, phong; tức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; tức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; tức nhãn thức giới, cho đến tức ý thức giới; tức minh, tức vô minh, tức minh vô minh tận; cho đến tức lão, tức tử, tức lão tử tận, tức khổ, tập, diệt, đạo; tức trí, tức đắc; tức bố thí, trì giới, tinh tấn, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ; tức đến bờ bên kia, cho đến tức Như Lai, tức Ứng Cúng, tức Chánh Biến Tri; tức Đại Niết Bàn, tức thường đức, lạc đức, ngã đức, tịnh đức; cho đến các pháp thế gian và xuất thế gian đều tức như thế cả.

- Cái diệu tâm sáng tỏ này lia Tức lia Phi, cũng Tức cũng Phi Tức, tại sao chúng sanh tam giới của thế gian và các hàng Thanh Văn, Duyên Giác của xuất thế gian muốn dùng cái tâm sở tri để suy lường Vô Thượng Bồ Đề của Như Lai; muốn dùng lời nói của thế gian để nhập Tri Kiến Phật, đâu có thể được!

- Ví như những cây đàn: cầm sắt, tỳ bà, dù có diệu âm, nếu chẳng có sự khéo léo của ngón tay, thì diệu âm chẳng thể phát ra. Cũng vậy, cái diệu tâm chơn thật của người và chúng sanh mỗi mỗi vốn sẵn đầy đủ. Nhưng nơi ta khi búng tay thì hải ấn phát ra ánh sáng, (hải ấn là: lâu đài bồng hiện trên mặt biển, dụ cho sức dụng vô biên của tự tánh tự hiện), còn nơi các người, vừa móng tâm thì trần lao đã khởi; ấy là do chẳng cầu vô thượng Bồ Đề, ham thích tiểu thừa, được ít cho là đủ.

The One Mind, Sudden Awakening & Realization

Purnamaitrayaniputra said: The Buddha and I possess the true, absolute and clean Minds of Complete Enlightenment which are the same and wholly perfect, but why, after so many transmigrations due to my delusion from the time without beginning and after my present attainment of the Saintly Vehicle, am I still unable to realize the Ultimate whereas the World Honoured One has eliminated all falseness and has realized absolute permanence? I beg to ask the Tathagata what causes the delusion that screens living beings from their profound enlightenment and so subjects them to their present perdition.

The Buddha replied: Although you have wiped out your troubles (klesa), traces of your defilement still remain. I will now put some worldly questions to you. Have you not heard of (the mad man) Yajnadatta of Sravasti who would look into a mirror and delight in seeing his eyebrows and eyes but when one morning he failed to see them in his own head, thought himself bedevilled? Do you think there was any valid reason for such madness.

Purnamaitrayaniputra replied: There was no valid reason.

The Buddha said: The Absolute Bodhi is basically enlightened and absolute. When it is (screened and wrongly) called false, how can there be a REAL cause (of) this delusion? For if there is a REAL reason, how can it be called FALSE? All this arises from wrong thinking which develops into further wrong thinking. When one falseness is heaped on another, in spite of the teachings by Buddhas in countless former aeons, you are still unable to avoid delusion. Its causes are also under delusion, but if you realize that it has none, falseness will have no support (and will vanish). Since (delusion) was never created, what is there to destroy to realize Bodhi?

Phú Lô Na nói:

- Diệu tâm sáng tỏ của con và Như Lai đều viên mãn không hai. Nơi con, vì xưa kia mắc phải vọng tưởng từ vô thủy, chịu luân hồi đã lâu, nay dù chứng được thánh quả, nhưng chưa đến chỗ rốt ráo. Nơi Thế Tôn thì tất cả vọng tưởng đều diệt, chỉ diệu tâm chơn thường hiện hành. Vậy xin hỏi Như Lai: Tất cả chúng sanh vì sao có vọng, tự che khuất diệu tâm, cam chịu chìm đắm?

Phật bảo Phú Lô Na:

- Người dù trừ được lòng nghi, nhưng còn có mê hoặc chưa dứt sạch, nay ta đem những việc của thế gian hỏi người. Người há chẳng nghe trong thành Thất La Phiệt, có ông Diễn Nhã Đạt Đa, buổi sáng lấy gương soi mặt, nhìn thấy mặt mày, bỗng ư cái đầu trong gương, rồi tự trách đầu mình sao chẳng tự thấy mặt mũi, cho là yêu mị, khi không phát điên bỏ chạy. Ý người thế nào? Người ấy vì sao khi không bỏ chạy?

Phú Lô Na đáp:

- Người ấy tâm điên, chứ chẳng do gì khác.

Phật nói:

- Diệu tâm vốn tròn đầy sáng tỏ, đã gọi là vọng, làm sao có nhân? Nếu có cái nhân, sao còn gọi là vọng? Chỉ do các vọng tưởng xoay vần, tự làm nhân cho nhau, từ mê thêm mê, trải qua vô lượng kiếp, dù được Phật phát minh đại nghĩa, còn chẳng chịu quay về. Cái nhân mê như vậy, do mê tự có, biết cái mê vô nhân thì vọng chẳng chỗ dựa; sanh còn chẳng có, lấy gì để diệt?

This is like a man who, when awake, relates what he saw in a dream; he may be ingenious but what can he get from it? Still less can he benefit from a state which does not derive from any cause and does not really exist, like Yajnadatta who, without reason, took fright at not seeing his own head. If he suddenly ceased to be crazy, his head would not come from elsewhere, and even if he was still mad, it was not really lost.

Purnamaitrayaniputra, since this is the nature of falseness where is its cause? If you will only cease to discriminate and to believe in the (three illusions that there are) the universe, karmic retribution and (the realms of) living beings, the three conditions (derived from killing, stealing and carnality) will come to an end. Without these conditions, the three causes will not arise and, as with mad Yajnadatta; the mad nature of your own mind will come to an end and when it does, that is Enlightenment (Bodhi). Thus your unexcelled, pure and enlightened Mind which essentially pervades the Dharma realm, does not come from outside; how can it be realized by toilsome and profound practice and by achievement? This is like a man with a cintamani pearl sewn in his coat who forgets all about it, thinks he is really poor and wanders about begging for food. Although he is poor, his pearl has never been lost. If a wise man suddenly tells him that it is in his coat, all his wishes will be answered and he will become very rich. He will thus realize that his wonderful gem does not come from outside.¹⁰⁵

105. The disciple's query about the cause of delusion went to the heart of the matter (i.e. the mind). Therefore, students of the Transmission should always look into this mind's daily activities and should not think wrongly that the Teaching School does not advocate the Patriarch's profound aim (i.e. the mind). This question is very difficult to answer, so the Buddha used the story of Yajnadatta to teach that falseness has no cause, like the crazy man's head which did not come from outside. For the enlightened Mind of Absolute Bodhi is fundamentally free from all falseness. If it is called false, how can *falseness* have a *real* cause? If it comes from a real cause, it should not be called false, for falseness comes from accrued false thinking and accumulated delusion. Therefore, the cause of falseness only arises from delusion which if realized as having no (inherent) cause will lose its support and will vanish. If it has never been created, how can it now be annihilated? The nonexistent nature of falseness is like things seen in a dream; how can it have a real cause? Such being the nature of delusion, where can it be found? If you only cease to discriminate and to be bound by the threefold chain of the universe, karma and life, the three conditions (of killing, stealing and carnality) will come to an end and the three basic causes (the world, karma and life) will disappear. If you awaken to these three conditions, your basic ignorance will cease suddenly and your enlightened Mind of Absolute Bodhi which is essentially not deluded will appear instantaneously, like Yajnadatta's head which was never lost and did not come from elsewhere when his mad mind came to a stop. This is the Buddha's teaching on instantaneous awakening.

- Người đắc đạo Bồ Đề, như người tỉnh giấc nói việc trong chiêm bao; tâm dù rõ ràng, làm sao lấy được những vật trong chiêm bao ra? Huống là vô nhân, vốn chẳng có gì! Như Diễn Nhã Đạt Đa, đâu có nhân duyên gì mà tự sợ đầu mình bỏ chạy. Nếu bỗng nhiên hết điên, cái đầu đâu phải từ ngoài mà được; dù chưa hết điên, đầu cũng chẳng mất. Phú Lô Na, tánh vọng như thế, làm sao có nhân?

- Nếu người chẳng duyên theo thế gian, nghiệp quả, chúng sanh, ba thứ phân biệt này xoay chuyển liên tục, ba duyên đã diệt thì ba nhân chẳng sanh, tánh điên của Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm người tự dứt, dứt tức là Bồ Đề. Vậy diệu tâm sáng tỏ vốn khắp pháp giới, chẳng từ người khác mà được, chẳng nhờ nhờ nhọc nhằn tu chứng mà có.

- Ví như có người, nơi áo mình có hạt châu như ý mà chẳng tự biết, nghèo nàn rách rưới, ăn xin nơi phương xa. Người ấy dù nghèo, hạt châu chưa từng mất, bỗng được người trí chỉ ra hạt châu, liền thành giàu sang tùy theo ý muốn, mới ngộ bảo châu chẳng từ bên ngoài mà có.

Ananda then came forward, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha, stood up and asked: The World Honoured One now speaks of eliminating the three conditions of killing, stealing and carnality to ensure that the three basic causes do not arise and so to stop the upsurge of Yajnadatta's madness and realize Bodhi which thus does not come from outside. This without a shadow of doubt shows the causes and conditions but why does the Tathagata throw them away completely? It is also due to causes and conditions that my mind has opened. World Honoured One, I am not the only hearer (sravaka) who, though still needing study and learning, has so awakened, but others in this assembly, like Maha-maudgalyayana, Sariputra, Subhuti, etc., who followed the Brahmacarin,¹⁰⁶ heard of the Buddha's teaching on causes and conditions, then awakened to the Dharma and achieved the state beyond transmigration. If you now say that bodhi does not depend on causes and conditions, then the self-existent as preached by the heretics in Rajagṛha, such as Maskari Gosali¹⁰⁷ and others, would be Nirvana. Will you be so compassionate enough to enlighten my delusion and perplexity?.

The Buddha said: Ananda, in the case of Yajnadatta, if the (so-called) cause and condition of his madness had been wiped out, his own nature which was not mad would have revealed itself, and whatever you may rationalize about cause, condition and self-existence does not go beyond this.¹⁰⁸

106. Brahmin ascetics with their minds set on pure living.

107. One of the Six Heretics (Tirthikas) who denied that their present lot was due to karmic deeds in former lives.

108. Both delusion and enlightenment are false.

Tức thời, A Nan ở trong chúng đảnh lễ chân Phật, bạch Phật rằng:

- Nay Thế Tôn, nói ba nghiệp Sát, Đạo, Dâm diệt rồi thì ba nhân chẳng sanh, và tánh điên của Diễn Nhã Đạt Đa trong tâm tự dứt, dứt tức là Bồ Đề, chẳng từ người khác mà được. Thế thì rõ ràng là nhân duyên rồi, làm sao Như Lai bác bỏ nghĩa nhân duyên? Chính con do nhân duyên mà tâm được khai ngộ.

- Thế Tôn, nghĩa này chẳng những hàng Thanh Văn hữu học trẻ tuổi như chúng con, cả Đại Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất và Tu Bồ Đề trong hội này, đều từ nơi ông lão Phạn Chí nghe cái thuyết nhân duyên của Phật, tâm được khai ngộ, thành quả vô lậu. Nay Phật nói Bồ Đề chẳng do nhân duyên, vậy thì cái thuyết tự nhiên của bọn ngoại đạo Câu Xá Ly lại thành đệ nhất nghĩa sao? Xin Phật đại bi, khai phá chỗ mê muội cho chúng con.

Phật bảo A Nan:

- Như Diễn Nhã Đạt Đa, nếu diệt trừ được cái nhân duyên phát điên, thì tánh chẳng điên tự nhiên hiện ra, lý cùng tột của nhân duyên và tự nhiên là vậy.

Ananda, if Ajnadatta's head had basically been self-existent, it should always have been so and could not have been otherwise. What then were the cause and condition that resulted in his¹⁰⁹ taking fright and going mad?¹¹⁰ If his self-existent head became mad owing to cause and condition, why was it not lost? But when he took fright and went mad, why was it still there unchanged? Thus how could cause and condition affect his head?¹¹¹ If his madness was self-existent, it should always have been there but before he became mad, where was it hidden?¹¹² If his madness was not self-existent and there was nothing seriously wrong with his head, why did he go mad?¹¹³ If you realize that his fundamental head (was intact), you will know that (only) his Consciousness became mad and will realize that to talk of cause, condition and self existence is frivolous.¹¹⁴ This is why I say that if the three conditions (of killing, stealing and carnality) are eliminated, this is Bodhi Mind. (But the idea that) Bodhi Mind is created after the samsaric mind has been annihilated pertains to samsara.¹¹⁵

Even after the ideas of both creation and destruction have been abandoned, with no more thought of practice and realization, if the (least belief in) self-existence remains this shows clearly that the death of the worldly has given birth to the self-existent mind which also pertains to samsara with its implied opposite, self-existence. This is like the mixture and fusion of various worldly materials into a composite compound which implies its opposite, the uncompounded.

109. Lit. .resulted in his head taking fright and going mad?

110. Head stands for the true nature. This shows that the true nature is not self-existent.

111. This shows that the true nature does not come from cause and condition.

112. This shows that delusion is not self-existent.

113. This shows that delusion does not come from cause and condition.

114. This reveals the absolute nature which is beyond cause, condition, and self-existence, and is above all sophistry.

115. This exposes the subtle cause of defilement which implies the duality of relative enlightenment and delusion.

- A Nan! Nếu đầu của Diễn Nhã Đạt Đa vốn tự nhiên, đã là tự nhiên, thì tại sao sợ đầu bỏ chạy? Ấy là do nhân duyên nào?
- Nếu đầu tự nhiên do nhân duyên nên phát điên, tại sao chẳng tự nhiên do nhân duyên mà mất đi? Đầu vốn chẳng mất, tại sao vẫn còn vọng sanh điên sợ? Thế thì đâu phải nhờ nhân duyên?
- Nếu bản tánh vốn tự nhiên có điên sợ, vậy khi chưa điên, cái điên ẩn núp ở chỗ nào? Nếu tánh chẳng điên là tự nhiên, đầu vốn chẳng vọng, sao lại bỏ chạy?
- Nếu ngộ được cái đầu vốn chẳng mất, tánh điên cuồng vốn vọng danh, thì nhân duyên và tự nhiên đều là hý luận.
- Cho nên ta nói ba duyên diệt rồi tức là tâm Bồ Đề. Tâm Bồ Đề sanh, thì tâm sanh diệt được diệt, ấy cũng là sanh diệt; khi sanh và diệt đều sạch, mới gọi là vô công dụng đạo.
- Nếu có sự chẳng sanh, chẳng diệt gọi là tự nhiên, thì tâm tự nhiên này là do sanh diệt đã sạch mà hiện, ấy cũng là pháp sanh diệt, chẳng phải Bồ Đề. Cái lý chẳng sanh diệt kia gọi là tự nhiên, cũng như các tướng lẫn lộn thành một thể của thế gian, gọi là tánh hòa hợp; cái chẳng hòa hợp thì gọi là tự nhiên. Tự nhiên chẳng phải tự nhiên, hòa hợp chẳng phải hòa hợp, tự nhiên và hòa hợp đều lìa, có lìa có hợp đều sai, đến chỗ này mới được gọi là pháp chẳng hý luận.

(But) the Absolute which is neither original nor unoriginal, neither mixed and united nor not mixed and not united, and neither apart nor not apart from union and separation, is above and beyond all sophistry. Bodhi and Nirvana are still very far away and cannot be attained without aeons of practice and experience. Even if you (succeed in) memorizing the twelve divisions of the Mahayana canon taught by all the Buddhas, and the profound and perfect doctrines countless as the Ganges' sands, this will only increase sophistry. Although you speak of cause, condition and self-existence as if you are very clear about them, and in spite of people calling you the first of those with a wide knowledge-(of the Dharma) with its beneficial influence for aeons past, you have been unable to avoid the pit into which Matangi fell; why have you waited to be rescued from it by my Surangama mantra which caused the girl to extinguish the fire of lust completely, to realize the state of Anagamin and to enter the dense forest of zeal and devotion? As the river of love dried up, you were delivered from bondage.

Therefore, Ananda, your memorizing and remembering the Tathagata's profound and wonderful teaching for successive aeons cannot compare with one day's practice of the Transcendental Path which has enabled you to avoid suffering from both love and hate. Matangi was a prostitute but she gave up lust and desire with the aid of the mantra, thereby becoming a Bhiksuni, called Self-nature, in this assembly. Both she and Yasodhara, the mother of (my elder son) Rahula, awoke to sufferings caused by desire and love in their previous lives and, in a flash of thought, practised the Transcendental Way; one was freed from bonds and the other received (my) prediction of her future enlightenment. Why do you still deceive yourself by clinging to what you see and hear?¹¹⁶

116. The Buddha thus revealed the three characteristics of the Tathagata store for the three corresponding meditative studies, and urged the assembly to practise the Dharma (instead of memorizing His words).

- Nếu dựa vào chỗ này để thủ chứng Vô Thượng Bồ Đề và Niết Bàn thì quả Phật vẫn còn cách xa lắm. Tại sao? Vì chấp do dụng công tu chứng mà có sở đắc vậy. Kỳ thật, Bồ Đề Niết Bàn vốn sẵn đầy đủ, chỉ có thể sát na ngộ nhập, chẳng do nhiều kiếp siêng năng tu chứng mà được, dấu cho nhớ hết diệu lý thanh tịnh như cát sông Hằng trong mười hai bộ Kinh của mười phương Như Lai, chỉ càng thêm hý luận.

- Người dù nói lý nhân duyên, tự nhiên chắc chắn rõ ràng, người đời khen người đa văn bậc nhất, với cái huân tập đa văn nhiều kiếp này, chẳng thể tránh khỏi nạn Ma Đăng Già, phải nhờ thần chú của ta, làm cho Ma Đăng Già dập tắt lửa dâm, sông ái khô cạn, chứng quả A Na Hàm, nơi pháp ta thành tựu tinh tấn, khiến người giải thoát. A Nan, người dù nhiều kiếp ghi nhớ những lời bí mật nhiệm mầu của Như Lai, chẳng bằng một ngày tu nghiệp vô lậu, xa lìa hai khổ yêu, ghét của thế gian. Như Ma Đăng Già xưa kia là dâm nữ, do sức thần chú, tiêu diệt lòng ái dục, nay trong pháp ta gọi là Tỳ Kheo Ni Tánh với Gia Du Đà La (mẹ của La Hầu La), cùng ngộ nhân xưa, biết được nhân duyên nhiều kiếp, đều do tham ái làm khổ, chỉ một niệm huân tu pháp vô lậu thiện, nay người thì ra khỏi ràng buộc, người thì được Phật thọ ký, sao người còn tự dối, kẹt nơi thấy nghe?

Self-Enlightenment Objects Contemplated in Meditative Studies

After hearing the Buddha's teaching, Ananda and the assembly, now rid of doubt and illusion, awoke to Reality and felt a lightness of body and mind which they had never experienced before. Ananda again wept, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha, knelt down, brought his palms together and said: O peerless, compassionate and immaculate King of Treasures, you have opened my mind so well by using all kinds of expedients and encouragement to lead me out of darkness in the ocean of suffering. World Honoured One, after hearing your Dharma-voice, although I have realized that the Bright Mind of Absolute Bodhi of the Tathagata store pervades the ten directions to bring all the lands therein to the pure and majestic kingdom of Absolute Enlightenment, the Buddha again blames my useless knowledge acquired by listening which cannot compare with true practice and training. I am like a traveller who is suddenly given by the king of heaven a splendid mansion, which now that he owns it, he should know how to enter. May the Tathagata not forsake His great compassion and may He teach all the deluded in this assembly how to give up the Small Vehicle and how to develop their minds in order to attain to Ultimate Nirvana, so that those who still need study and learning may know how to overcome their clinging to causal phenomena in order to achieve perfect control (dharani) and enter the Buddha's All-wisdom. After saying this, he prostrated himself and reverently awaited the holy Teaching.

The Buddha took pity on the sravakas and pratyekabuddhas in the assembly whose minds set on enlightenment were still not at ease and (also) on future living beings in the Dharma ending age who will want to develop their Bodhi minds and to tread the Path of the Supreme Vehicle. He said to Ananda and the assembly: As you are determined to develop the Bodhi mind and practise the Tathagata's Samadhi tirelessly, you should first ascertain the two decisive factors in the development of your mind. What are they?

A Nan và đại chúng nghe lời Phật dạy, nghi hoặc tiêu trừ, tâm ngộ thật tướng, thân ý khinh an, được pháp chưa từng có, rơi lệ đánh lễ chân Phật, quỳ gối chấp tay bạch Phật rằng:

- Lòng trong sạch vô thượng đại bi của Phật, khéo khai ngộ cho tâm chúng con, dùng đủ thứ nhân duyên và phương tiện dìu dắt kẻ chìm đắm ra khỏi biển khổ. Thế Tôn, nay con dù được nghe pháp âm như thế, nhận biết diệu tâm sáng tỏ khắp mười phương thế giới, trùm chứa các cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm trong mười phương quốc độ. Như Lai lại trách con đa văn vô ích, chẳng bằng tu tập, nay con như người phiêu bạt, bỗng được Thiên Vương ban cho cái nhà sang, dù được nhà lớn, nhưng phải biết chỗ cửa vào. Vậy xin Như Lai từ bi khai thị cho những kẻ mê muội trong hội này, lia bỏ tiểu thừa, đều được bước lên con đường đã phát tâm từ xưa nay, thẳng đến Vô Dư Niết Bàn của Như Lai, khiến hàng hữu lậu biết cách uốn dẹp tâm phan duyên từ lâu đời, được pháp tổng trì, chứng nhập Tri Kiến Phật.

Nói xong, nắm vốc gieo sát đất, cả chúng trong hội một lòng mong đợi lời dạy của Phật.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn thương xót hàng Thanh Văn, Duyên Giác trong hội chưa được tự tại nơi tâm Bồ Đề, và những chúng sanh phát tâm Bồ Đề trong đời mạt pháp, khai thị pháp tu nhiệm màu của Vô Thượng Thừa, bảo A Nan và đại chúng rằng:

- Các người quyết định phát tâm Bồ Đề, đối với pháp Tam Ma Đề nhiệm màu của chư Phật, chẳng sanh mỗi một, trước hết nên biết hai nghĩa quyết định trong lúc mới phát tâm.

- Thế nào là hai nghĩa quyết định lúc mới phát tâm?

The subjective mind in the meditation

Ananda, as you decide to give up the state of a sravaka to practise with the Bodhisattva Vehicle in order to possess the Buddha's All-Wisdom, you should see clearly if the causeground (used as) a point of departure and its fruit-ground (i.e. realization) are compatible or not. Ananda, if you use your worldly mind as a causal point of departure, you will fail in your search for the Buddha Vehicle which is beyond birth and death. Therefore, you should inquire into all the creations (of the mind) which in this material world are subject to change and destruction. Ananda, which one of them does not decay? Yet you have never heard that space can perish. Why? Because it is not a created thing.

The objective phenomena in the meditation

In your body, that which is solid is the element of earth, that which is liquid is the element of water, that which is warm is the element of fire and that which moves is the element of wind. These four restraining elements divide your pure, perfect, absolute and enlightened Bodhi into seeing, hearing, knowing and discerning: hence the five turbid conditions (kasaya) from the beginning to the end.

What is turbidity? Ananda, take for instance clear water which is so by nature, and dust, earth, ashes and sand which are obstructive by nature. If someone throws earth and dust into clear water, the former will lose their obstructive qualities and the latter its clearness: the result is dirty water which is called turbid. Your five turbid conditions are like that dirty water.¹¹⁷

117. This shows the origin of birth and death, hence the two decisive factors of the point of departure. The Buddha was about to teach the correct practice by means of the true Mind, which is beyond birth and death, as the main cause. Therefore, He spoke first of the five conditions of turbidity in samsara, meaning that birth and death can be looked into to realize the Uncreate, that is the five aggregates can be used for meditation to win the Dharmakaya. For delusion comes from the transmutation of the One Mind into karmic consciousness, of (alaya's) perception into form and mind, and of form and mind into the five aggregates, hence the division into organs, sense data and consciousnesses. The five aggregates are, therefore, the origin of samsara. Now when returning falseness to Reality, if the five aggregates that make up body and mind are not looked into, there is no other way for right practice. Hence the meditative study of the five aggregates is the gateway to Enlightenment. In the above text, the Buddha spoke of the five conditions of turbidity as the origin of birth and death, and in the following paragraphs He gave a fuller description of them.

- A Nan! Nghĩa thứ nhất: Nếu các người muốn lìa bỏ Thanh Văn, tu Bồ Tát Thừa, nhập Tri Kiến Phật, thì nên xét kỹ chỗ phát tâm của nhân địa, với chỗ giác ngộ của quả địa là đồng hay là khác? A Nan, nếu ở nơi nhân địa, dùng tâm sanh diệt làm cái nhân tu hành, để cầu cho được quả chẳng sanh diệt của Phật thừa thì chẳng đúng.

- Do nghĩa này, người nên xét kỹ vạn vật trên thế gian, các pháp có thể tạo ra đều phải biến diệt. A Nan, người hãy xem các pháp có thể tạo ra, có cái nào chẳng hoại chẳng? Nhưng chẳng bao giờ nghe nói hư không biến hoại. Tại sao? Vì hư không chẳng phải là vật sở tạo, cho nên chẳng thể biến hoại.

- Vậy thì trong thân người, tánh cứng là Địa, ướt nhờn là Thủy, hơi ấm là Hỏa, lay động là Phong, do tứ đại ràng buộc, mà chia cái diệu tâm sáng tỏ của người ra thành Kiến, Văn, Giác, Tri từ vô thủy, tạo thành năm lớp ô trược.

- Sao gọi là trược? A Nan, ví như nước trong bản tánh thanh khiết, và những thứ bụi, đất, tro, cát, bản chất ngăn ngại, thể tánh vốn khác nhau. Bỗng có người lấy đất cát bỏ vào nước trong, làm cho đất mất ngăn ngại, nước mất thanh khiết, thành tướng vẩn đục, nên gọi là trược. Năm lớp ô trược của người cũng vậy.

Ananda, when you see space in the ten directions, your perception and the void are inseparable, and since the void is bodiless and your perception unenlightened, both unite into one falseness which is the first layer, called .turbid kalpa. Your body is made of four elements which limit your mind and divide it into seeing, hearing, feeling and knowing: the union of water, fire, wind and earth with your feeling and knowing begets another falseness which is the second layer, called turbid views. Your recollection and habits give rise to intellection which responds to the six sense data. This intellect has no independent form apart from the objects of sense and is devoid of nature apart from perception: it unites with sense data, to become another falseness which *is* the third layer, called .turbid passions. (klesa).

In the endless rise and fall of illusions in samsara your intellect is intent on staying in the world whereas your karma forces you to transmigrate from place to place: they thus unite into another falseness which is the fourth layer, called .turbid being.

Fundamentally your seeing and hearing are by nature the same but, being limited by sense data, they degenerate into two separate (faculties): they are aware of each other within their (common) nature but differ in their functions. As a result they are (as it were) upside down and unite into another falseness which is the fifth layer, called turbid life.¹¹⁸

118. The five conditions of turbidity are created by the five aggregates. As a man under delusion transforms his basic Bodhi nature into form and mind, he becomes a human being made of five aggregates thereby polluting his True Mind: hence the five kinds of turbidity.

At first, (alaya's) perception and dull voidness united to become the first aggregate form (rupa), just as when clear water is mixed with earth and dust it becomes turbid. This was the origin of the aggregate of form which continued for a period of time; hence the turbid kalpa (in contrast with the timeless pure Reality). Turbid (or deteriorated) views correspond with the second aggregate vedana, or the responsiveness of the (first) five consciousnesses which cling to the body made of four elements, which does not exist fundamentally but divides the True Mind into seeing, hearing, feeling and knowing. The *unknowing* Bodhi Mind is thus transformed into the *knowing* ego; hence the turbid views which rise and fall without interruption. Turbid passion (klesa) corresponds to the third aggregate sanjna, which is the sixth consciousness that thinks wrongly. Although klesa has no nature of its own and wrong thinking is essentially non-existent, your recollection and habits give rise to thoughts of previously seen and known objects; hence the manifestation of the six sense data which cannot be found in the True Mind. Turbid being corresponds with the fourth aggregate samskara. Fundamentally a living being is illusory and non-existent but your wrong thinking is endless and never stops; hence your desire to stay in this illusory world wherein your continued karmic activities cause you to transmigrate through all realms of existence. Turbid life corresponds with the fifth aggregate vijnana. Life does not really exist but your true nature is divided by the four elements into seeing, hearing, feeling and knowing which arise from a single underlying substance but function separately. This vijnana clings to form and mind as the basis of its existence; hence turbid life.

These five turbid conditions do not exist in the Bodhi Mind which is polluted by the five aggregates; hence the five turbidities which are the origin of delusion.

- A Nan! Người thấy hư không khắp mười phương thế giới, hư không và kiến tinh chẳng thể phân ra rõ ràng; hư không thì chẳng có bản thể, tức là ngoan không; kiến tinh thì chẳng có bản giác, tức là vô minh, cả hai giao kết lẫn nhau, vọng thành lớp thứ nhất, gọi là Kiếp Trược.

- Kiến, Văn, Giác, Tri vốn chẳng ngăn ngại, vì kẹt nơi tứ đại nên thành ngăn ngại; Địa, Thủy, Hỏa, Phong vốn chẳng giác tri, vì xoay chuyển theo lục căn thành có giác tri, các điều đó giao kết lẫn nhau, vọng thành lớp thứ hai, gọi là Kiến Trược.

- Lại, trong tâm người, tánh tưởng nhớ học tập phát ra tri kiến, dung nạp lục trần, lìa trần thì chẳng có tướng, lìa giác thì chẳng có tánh, từ đó giao kết lẫn nhau vọng thành lớp thứ ba gọi là Phiền Não Trược.

- Lại tâm niệm của người ngày đêm sanh diệt chẳng ngừng, tri kiến thì muốn ở mãi trên thế gian, nhưng nghiệp báo xoay vần lại thường dời đổi trong lục đạo, những điều ấy giao kết lẫn nhau, vọng thành lớp thứ tư, gọi là Chúng Sanh Trược.

- Tánh kiến văn của các người vốn chẳng khác biệt, do lục trần ngăn cách, bỗng thành khác biệt, tánh biết thì đồng, sự dụng thì khác, đồng và khác chẳng định, từ đó giao kết lẫn nhau, vọng thành lớp thứ năm, gọi là Mệnh Trược.

The point of departure

Ananda, if you wish to bring your seeing, hearing, feeling and knowing into line with the Tathagata's absolute Eternity, Bliss, Self and Purity, you should first pick out the root of birth and death, and turn its worldly falseness back to its unworldly profound nature until it is subdued and reverts to Basic Bodhi, and then use this pure nature as the causal mind-ground (i.e. as the point of departure) to perfect your practice and realization of the fruit-ground.¹¹⁹

This is like purifying muddy water in a clean container; left unshaken in complete calmness, the sand and mud will sink to the bottom. When the clear water appears, this is called the first suppression of the intruding evil element of passion. When the mud has been removed leaving behind only the clear water, this is called the permanent cutting off of basic ignorance. Enlightenment is (pure and) unmixed; and its manifestations are not of the nature of klesa, but are in accord with the immaculate virtues of Nirvana.

*Looking into the roots of klesa
to find the sense organ suitable for meditation*

What is the second decisive factor? In your determination to develop the Bodhi Mind and to advance boldly along the Bodhisattva Path by relinquishing everything worldly, you should look closely into the origin of klesa, caused by your basic ignorance and developing discrimination, and see who 119. This accords well with the Ch.an technique which consists in banishing all thoughts and then using the thoughtless moment to look into one's fundamental face creates and endures them. Ananda, in your cultivation of Bodhi, if you do not inquire into the root of klesa, you will never know (how and) where the organs and sense data are turned upside down. If you fail to understand this, how can you overcome them to win the Tathagata stage.

- A Nan! Nay người muốn cho Kiến, Văn, Giác, Tri khéo hợp với tứ đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Như Lai, trước hết phải lọc bỏ cội gốc sanh tử, dựa theo tánh trong lặng chẳng sanh diệt của diệu tâm, để xoay các thứ sanh diệt hư vọng trở về bản giác. Được tánh chẳng sanh diệt của bản giác làm cái tâm nhân địa, rồi mới viên thành sự tu chứng của quả địa. Như lắng nước đục trong đồ đựng nước, để yên mãi chẳng lay động, đất cát tự chìm và nước trong hiện ra, ấy gọi là bắt đầu uốn dẹp được khách trần phiền não; gạn bùn hết sạch, chỉ còn nước trong, gọi là dứt hẳn căn bản vô minh, tướng minh thuần nhất thì tất cả biến hiện đều chẳng gây ra phiền não, và đều hợp với diệu đức trong sạch của Niết Bàn.

- Nghĩa thứ hai: Các người nếu muốn phát tâm Bồ Đề nơi Bồ Tát Thừa, sanh lòng đại dũng mãnh, quyết định lìa bỏ các tướng hữu vi, nên suy xét kỹ cái cội gốc phiền não của nhuận (nhuần) nghiệp vô minh và nhuận sanh vô minh từ vô thủy này là ai làm, ai chịu?

LƯỢC GIẢI

Xét kỹ chỗ phát tâm của nhân địa là để hợp cái Chơn; xét kỹ cội gốc của phiền não là để tuyệt cái Vọng, vọng đã chẳng vọng thì tức vọng tức chơn.

Cội gốc của phiền não có hai: một là Nhuận Nghiệp Vô Minh (nhuần là thấm nhuần), tức là phiền não của những kiếp quá khứ; hai là Nhuận Sanh Vô Minh, tức là khi đầu thai, nơi tình thức sanh khởi yêu, ghét đối với cha mẹ. Hai thứ phiền não này vốn chẳng tự tánh, nếu ngộ biết chẳng tự tánh thì chẳng có kẻ làm, chẳng có kẻ chịu, ngay đó "không tịch", còn ai phiền não? Người tiểu thừa chẳng lìa công dụng hữu vi, cho thật có phiền não cần phải phá trừ, ấy do chẳng biết căn trần là hư vọng. Người đại thừa thì khác, thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề, chỉ cần xét kỹ nơi căn trần ai làm ai chịu, bỗng được khám phá, thì căn bản vô minh tức thời tan rã.

- A Nan! Người tu đạo Bồ Đề, nếu chẳng suy xét cội gốc phiền não, thì chẳng thể biết căn trần hư vọng đó điên đảo ở chỗ nào; chỗ còn chẳng biết thì làm sao uốn dẹp được nó, để chứng nhập quả vị của Như Lai?

Ananda, if a man who is good at untying knots, does not see them, how can he undo them? And you have never heard that the void can be unfastened for it has neither form nor shape and is not like a knot that can be untied. But your eyes, ears, nose and tongue as well as your body and mind, are the six decoys which a thief uses to steal the treasures of your house. For this reason, since the time without beginning, living beings and this world, have always been interlocked (in time and space) hence you are unable to leap beyond the material world.

Ananda, what is (this) realm of time and space?¹²⁰ Time means duration and space location. You know that the ten directions are in space and that the past, present and future are in time. There are ten directions (of space) and three (aspects of) time. All living beings owe their bodies to illusory time and space which are interwoven within them and continue to affect them. Although there are ten directions, the worldly man recognizes only the east, west, south and north as cardinal points but disregards the intermediate ones and the zenith and nadir which he considers as unimportant.

120. The Chinese equivalent of the Western word .World. is Shih Chieh, lit. Time-Boundary, or realm of time and space.

The entanglement of the three times with the four cardinal points (3 x 4) or of the four cardinal points with the three times (4 x 3) results in the constant twelve. Allowing for the change and transformation of discriminative thoughts occurring thrice (to cover the past, present and future), this constant is increased from 1 to 10, 100 and 1,000 to cover the whole field of activity of each of the six sense organs, its maximum sum of merits (i.e. its potential function) being represented by the number 1,200.¹²¹

121. This shows the suitability and unsuitability of any of the six sense organs used for the meditative study. It was explained earlier that since living beings and the realm of time and space were so interwoven that they were unable to leap beyond the material world. Time is represented by the flow of thoughts, and space by the body with its surroundings conditioned by the four cardinal points. Thus with the rise of the first thought, either time is involved in the four directions of space, (that is 3 X 4) or space in the three times, (that is 4 X 3) and the constant is 12. This is the constant for the first thought arising from nothingness, symbolized by the digit 1. Each thought lasts 90 moments (ksana) each of which involves 900 births and deaths (but for simplicity sake) the numbers 10, 100 and 1,000 are used to stand for all change and transformation when the first thought arises. When the second thought replaces the first one, each cardinal point involves 3 aspects of time which, multiplied by 10 for the change, give 30, or 120 for all the four cardinal points involved in the change. A third thought will involve another change, or 120 X 10 = 1,200 which is a maximum number which is adequate to measure the potentiality of each of the six organs.

- Cũng như người thế gian, khi muốn mở cái thắt kết, nếu chẳng thấy cái chỗ thắt kết thì làm sao biết mở? Nhưng chưa từng nghe nói hư không bị người ta phá hủy. Tại sao? Vì hư không chẳng hình tướng, chẳng thể thắt mở. Vậy thì hiện tiền lục căn của người làm mai mối cho giặc, tặc cướp của báu trong nhà, vọng thành sự thắt kết (phiền não). Do sự thắt kết này nên thế giới chúng sanh tự sanh ràng buộc từ vô thủy, chẳng thể ra khỏi thế gian vậy.

- A Nan! Sao gọi là thế giới chúng sanh? Thế là đời đời, Giới là phương vị, nên biết: Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, phương trên phương dưới là giới; quá khứ, hiện tại, vị lai là Thế. Về phương vị của không gian có mười, về sự lưu chuyển của thời gian có ba. Không gian, thời gian cùng với sự dời đổi trong thân của tất cả chúng sanh giao lộn lẫn nhau, nên thành thế giới chúng sanh. Tánh giới (không gian) dù thiết lập thành mười phương, nhưng phương vị nhất định mà người thế gian có thể rõ được, chỉ có Đông, Tây, Nam, Bắc tứ phương, còn phương trên, phương dưới và chính giữa thì chẳng có vị trí nhất định.

- Tứ phương nhân với tam thế, thành số mười hai, rồi nhân với lớp thứ ba, thành $12 \times 100 = 1200$ (Nguyên văn có nêu ra 4 lớp: 1, 10, 100, 1000). Tổng quát lại, trong lục căn mỗi mỗi có đến một ngàn hai trăm công đức.

Ananda, now measure the potentiality (for merit) of each organ. For instance, your-eyes can see things in front and on both sides but nothing behind you. Its incomplete field of activity represents only two thirds of the maximum, that is only 800 merits. As to your ears, their field of activity includes all the ten directions: a sound is heard whether near or distant while silence is registered as being boundless. Hence this organ earns the full 1,200 merits. The function of your nose relies on in and out breaths which lack a common point of contact: hence it earns only 800 merits. When your tongue propagates mundane and supramundane wisdoms, though language is restricted, the meaning is inexhaustible. Hence this organ registers all the 1,200 merits.

When your body feels that it is touched, this feeling exists when there is touch but vanishes in its absence. Hence your body has only 800 merits.

As intellect embraces both the mundane and supramundane of the past, present and future in the ten directions, including all the worldly and saintly without limits, you should know that this organ earns the full 1,200 merits.

Ananda, as you now wish to go against the samsaric current of desire, you should revert to the very organ (from which it flows) until you reach the state beyond birth and death. (Therefore,) you should look into the six functioning organs and see which one is consistent or not, is deep or shallow and is all-penetrating or deficient. If you find the allpervading organ, you should turn back its karmic flow so that it accords with its penetrating quality: the difference between realization by means of this penetrating organ and that through a deficient one is comparable to that between a day and an aeon. I have now revealed to you the six organs (arising from) your True Mind and their respective potentialities so that you can choose the one most suitable to you and advance in your practice.

All the Tathagatas practised self-cultivation through the eighteen realms of sense to realize Supreme Bodhi; to them all these eighteen objects of meditation were suitable for their practice, but your quality is inferior and you are unable to use them to win Supreme Wisdom.

- A Nan! Người nên ở trong lục căn xác định chỗ hơn kém của mỗi căn.
- Như Nhãn Căn chỉ thấy phía trước, chẳng thấy phía sau, ngó qua hai bên thì ba phần chỉ thấy được hai. Tóm lại, công đức của nhãn căn chỉ được hai phần ba, vậy biết nhãn căn chỉ có tám trăm công đức.
- Như Nhĩ Căn nghe khắp mười phương chẳng sót, lúc động thì tựa như có xa gần, lúc tịnh thì chẳng bờ bến, vậy biết nhĩ căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức.
- Như Tỷ Căn ngửi biết khi thờ ra hít vào, có ra có vào, mà sót khoảng giữa khi ra vào giao tiếp, vậy ba phần thiếu một, nên biết tỷ căn chỉ có tám trăm công đức.
- Như Thiệt Căn tuyên dương cùng tốt trí thế gian và xuất thế gian; lời nói dù có chùng ngắn, nhưng nghĩa lý thì vô cùng, vậy biết thiệt căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức.
- Như Thân căn ở nơi thuận nghịch sanh ra xúc giác; (khi hợp thì năng giác có xúc giác), khi lìa thì bất tri (chẳng xúc giác), lìa chỉ có một, hợp thì thành hai, (khi lìa chỉ có một năng hoặc một sở chẳng định, khi hợp thì gồm đủ năng sở thành có hai), vậy ba phần thiếu một, nên biết thân căn chỉ có tám trăm công đức.
- Như Ý Căn thàm lặng mà cùng khắp tất cả pháp thế gian và xuất thế gian trong mười phương tam thế, cùng tốt thánh phàm, đều bao gồm trong đó, vậy biết ý căn đầy đủ một ngàn hai trăm công đức.
- A Nan! Nay người muốn ngược dòng sanh tử, trở về nguồn gốc của lưu chuyển, đến chỗ chẳng sanh diệt, thì nên xét kỹ sự thọ dụng của lục căn này, cái nào hợp, cái nào lìa; cái nào sâu, cái nào cạn; cái nào viên thông, cái nào chẳng viên thông. Nếu người ngay nơi những căn này ngộ được căn nào viên thông, nương theo căn viên thông đó mà xoay ngược dòng nghiệp hư vọng từ vô thủy thì so với các căn khác, hiệu quả gấp nhiều lần, một ngày bằng một kiếp.

This is why I now teach you to choose a suitable organ for your deep meditation: once you have entered it and freed yourself from illusion, all your six organs will become pure and clean simultaneously. Ananda asked: World Honoured One, how can one by going against the samsaric current, enter deep into a single sense organ so as to ensure that all the six senses become pure and clean simultaneously?.

The Buddha replied: Although you have realized the state of stream entry (srota-apanna) and wiped out worldly views, you are still not yet clear about the inner thoughts that have accumulated since the time without beginning, the elimination of which can be made only by practice and training. Still less are you clear about the inner illusions of birth, stay, change and death to be wiped out during the successive stages (of Bodhisattva development).

Now look at your six organs: are they one or six? Ananda, if they are one, why cannot you see with your ears, hear with your eyes, walk with your head and speak with your feet? If they are six, then as I expound the profound Dharma, which one of them receives my instruction?.

Ananda said: I use my ears to listen to it.

- Nay ta đã hiển bày một số công đức của lục căn như vậy, tùy người lựa chọn căn nào để nhập, thì ta sẽ phát minh, khiến người được thêm tinh tấn. Mười phương Như Lai nơi thập bát giới, mỗi người mỗi chọn một giới theo đó mà tu hành, đều được Vô thượng Bồ Đề, trong đó vốn chẳng hơn kém. Vì người nay còn thấp kém, chưa thể phát huy trí huệ tự tại, nên ta khai thị căn viên thông, khiến người từ một cửa đi vào. Vào sâu một cửa đến chỗ chẳng vọng, thì tất cả lục căn đều nhất thời trong sạch.

- Bạch Thế Tôn, tại sao ngược dòng sanh tử đi sâu vào một căn, có thể khiến lục căn đều nhất thời trong sạch?

Phật bảo A Nan:

- Nay người đã được quả Tu Đà Hoàn, diệt được kiến hoặc của chúng sanh ba cõi trên thế gian, nhưng còn chưa biết những tập khí hư vọng đã tích chứa trong căn từ vô thủy, tập khí ấy phải nhờ tu đạo mới được dứt trừ. Khi đã dứt trừ, tức là đến bậc vô học, chẳng những biết được quá trình đời đời của sanh, trụ, dị, diệt nơi một chúng sanh, mà còn biết được những hành tướng vi tế, niệm niệm đời đời của tất cả chúng sanh trong đại thiên thế giới.

- Nay người hãy xét lục căn này là nhất hay lục? A Nan, nếu cho là nhất, thì tại sao chẳng thấy, mắt sao chẳng nghe, đầu sao chẳng đi, chân sao chẳng nói? Nếu cho là lục, như ta ở trong hội vì người chỉ dạy pháp môn nhiệm màu, vậy lục căn của người căn nào lãnh thọ?

A Nan đáp:

- Con dùng tai nghe.

The Buddha said: If so your ears should have no relation with your body and mouth when your mouth asks for its meaning and your body stands up to receive it reverently. Therefore, they are neither one ending in six nor six ending in one: in other words, basically your sense organs are neither one nor six.

Ananda, you should realize that your organs are neither one nor six and that because you have seen everything upside down since the time without beginning, (the illusion of) one and six have arisen from that which is perfect and clean. Although your attainment of the state of srota- apanna has wiped out the (illusory concept of) six, you still retain (that of) one.

This is like the void (contained) in different vessels and called by different names according to the shapes of the containers: if you throw away the vessels and look at the void, you will say that it is one. But how can the void follow your discrimination to become one or many? Still less can it become one or none. So your six active organs are like the void (in different containers).

Because of light and darkness which (alternate with) and reveal each other, their adhesion to the wondrous perfect (mind) results in perception, the essence of which reflects forms and unites with them to become a sense organ. This organ originally comes from the four fine elements (of earth, water, fire and wind) and is called an eye which is shaped like a grape. Hence this organ of perception¹²² is in constant search of forms.

Because the conditions of disturbance and stillness contrast with each other, their adhesion to the wondrous perfect (mind) results in hearing, the essence of which echoes with sound and unites with it to become a sense organ. This organ originally comes from the four fine elements and is called an ear which is shaped like a young rolled leaf. Hence this organ of perception is in constant search of sound.

122. In contrast with the faculty of perception which is behind the ordinary organ of perception

Phật nói:

- Tai người tự nghe, có liên quan gì đến thân miệng, mà miệng thì hỏi đạo, thân tỏ cung kính? Vậy biết phi nhất thành lục, phi lục thành nhất; kỳ thật căn người chẳng phải vốn nhất vốn lục. A Nan nên biết cái căn phi nhất phi lục này, vì vọng chấp điên đảo, chìm nổi từ vô thủy, nên ở nơi bản tánh viên thông, sanh ra cái nghĩa nhất lục. Người là bậc Tu Đà Hoàn, dù được tiêu lục, nhưng chưa diệt nhất, ví như hư không đặt vào nhiều khuôn hình, do khuôn hình khác nhau nên nói hư không có khác, nếu trừ bỏ khuôn hình, xem lại hư không thì nói hư không là một, hư không làm sao lại vì người mà thành đồng hay dị, huống chi còn gọi là một hay chẳng phải một! Vậy biết, sự thọ dụng của lục căn cũng như vậy.

LƯỢC GIẢI:

A Nan nghi: sao một căn sâu vào có thể khiến lục căn đều nhất thời trong sạch?

Phật giải thích rằng: Giả sử lục căn vốn một, vốn tự trong sạch, thì chẳng cần nói chi "lục tặc", giả sử lục căn vốn lục, chằng hồ dụng nhau, làm sao có thể nhất thời trong sạch? Như hư không vốn chẳng khác biệt, do đặt nhiều khuôn hình thành có khác biệt; vì khuôn hình khác biệt, bèn cho hư không cũng khác biệt, nên nói sáu chẳng phải một, nếu trừ bỏ khuôn hình, xem lại hư không, thì nói hư không là một, tức là sáu tiêu một còn, đây là dụ cho sanh ra nghĩa nhất lục. Thật ra, hư không và khuôn hình chẳng thể hòa hợp, tất nhiên chẳng có đồng dị, đã chẳng đồng dị thì có chỗ nào để gán cái tên nhất lục ư? Đây là dụ cho vốn chẳng nhất lục. Thấy được chỗ vốn chẳng nhất lục, thì tánh viên thông thường tịch hiện tiền, đâu còn chỗ nào chẳng trong sạch!

Tu Đà Hoàn gọi là "nhập lưu", mà chẳng có sở nhập, chẳng nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tức là lục tiêu, nhưng còn chấp thật có Niết Bàn, nên chưa diệt nhất. Kỳ thật, Nhất từ đâu đến, Không từ đâu khởi? Chỗ này cần phải tham cứu đến tự ngộ mới được rõ.

- Nhân căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ sáng và tối tỏ bày lẫn nhau, dính bụi thành cái thấy; cái thấy gặp sắc trần, kết sắc trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại, gọi là bản thể con mắt như trái nho tươi. Phù căn tứ trần lưu chuyển theo sắc trần, tạo đủ thứ nghiệp.

Because of the two (alternating) conditions of clearance and obstruction, their adhesion to the wondrous perfect (mind) results in smelling, the essence of which responds to odour and absorbs it to become a sense organ. This organ originally comes from the four fine elements and is called a nose which is shaped like the claw (end of a hammer). Hence this organ of perception is in constant search of smell.

Because of changing and unchanged conditions, their adhesion to the wondrous perfect (mind) results in tasting, the essence of which responds to flavour and absorbs it to become a sense organ. This organ originally comes from the four fine elements and is called a tongue which is shaped like a crescent moon. Hence this organ of perception is in constant search of taste.

Because of the alternate conditions of contact and separation, their adhesion to the wondrous perfect (mind) results in feeling, the essence of which responds to touch and unites with it to become a sense organ. This organ originally comes from the four fine elements and is called a body which is shaped like a trunk narrow in the centre.

Hence this organ of perception is in constant search of touch. Because of the two successive states of creation and destruction, their adhesion to the wondrous perfect (mind) results in knowing, the essence of which clings to, dharma and unites with them to become a sense organ. This organ originally comes from the four fine elements and is called an intellect which is like perception hidden in a dark room.¹²³ Hence this organ of perception is in constant search of dharma.

123. The intellect is imperceptible from without but perceives things outside.

- Nhĩ căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ động và tịnh đối chọi lẫn nhau dính bụi thành cái nghe, cái nghe gặp thanh trần, cuốn thanh trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại gọi là bản thể lỗ tai như lá cây cuốn. Phù căn tứ trần lưu chuyển theo thanh trần tạo đủ thứ nghiệp.
- Tỷ căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ thông và nghẽn phát hiện lẫn nhau, dính bụi thành cái ngửi, cái ngửi gặp hương trần, thu nạp hương trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại, gọi là bản thể cái mũi như hai móng tay rũ xuống. Phù căn từ trần lưu chuyển theo hương trần, tạo đủ thứ nghiệp.
- Thiệt căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ lạt và vị xen lộn lẫn nhau, dính bụi thành cái nếm, cái nếm gặp vị trần, thu hút vị trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại, gọi là bản thể cái lưỡi như trăng lưỡi liềm. Phù căn tứ trần lưu chuyển theo vị trần, tạo đủ thứ nghiệp.
- Thân căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ ly và hợp xoa nhau, dính bụi thành xúc giác, xúc giác gặp xúc trần, nắm xúc trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại, gọi là bản thể cái thân như dáng trống cơm. Phù căn tứ trần lưu chuyển theo xúc trần, tạo đủ thứ nghiệp.
- Ý căn nơi diệu viên, tánh vốn trong lặng, do hai thứ sanh và diệt tương tục lẫn nhau, dính bụi thành cái biết; cái biết gặp pháp trần, ôm pháp trần thành căn, gốc căn thuộc nơi thanh tịnh tứ đại, gọi là cái ý suy tư như sự thấy trong phòng tối. Phù căn tứ trần lưu chuyển theo pháp trần tạo đủ thứ nghiệp.

Thus, Ananda, these six sense organs cause the enlightened Bodhi to become subjective awareness so that it misses its essence by clinging to falseness. This is why there is no substance of seeing in the absence of both light and darkness: no substance of hearing without both stillness and disturbance: no nature of smelling in the absence of clearance and obstruction: no taste without changing and unchanged conditions: no feeling of touch beyond contact and separation and no prop for knowing in the absence of creation and destruction.

You have only not to follow the states of stillness and disturbance, of contact and separation, of changing and unchanged conditions, of clearance and obstruction, of creation and destruction and of light and darkness, and from these twelve worldly conditions, just root out any one of your six sense organs to disengage it from both inner and outer adhesion. As soon as it is subdued and brought back to the real, the latter's light will appear. When the bright nature manifests, the other five adhesions will be completely rooted out and you will be free from wrong views created by the sense data. This light does not follow the sense organs but manifests through them and so all the six organs function through each other.

Ananda, do not you see in this assembly Aniruddha who is blind but sees, Upananda who is deaf but hears, the Goddess of the Ganges who is noseless but smells, Gavampati who does not taste with his tongue and the God of Sunyata who has no body but feels touch. This God of the void appears temporarily in the Tathagata light; since his body is (like) air and does not exist materially, he has realized stillness (dhyana) derived from the elimination of the second and third aggregates, thereby achieving the peace of the sravaka stage. And Mahakasyapa, who is here, succeeded long ago in rooting out the organ of intellect thereby realizing perfect knowledge which does not derive from the thinking process.

- A Nan! Lục căn như thế, do giác minh kia có năng minh để minh cái giác, thì đánh mất cái tinh minh liễu triệt ấy (tự tánh), thành ra dính mắc nơi hư vọng, rồi phát ra ánh sáng (cái ánh sáng do hư vọng phát ra, thì sáng chẳng phải sáng thật). Cho nên người hôm nay, lìa tối lìa sáng thì chẳng có cái thấy; lìa động lìa tịnh thì vốn chẳng cái nghe; không thông không nghẽn thì cái tánh ngữi chẳng sanh; không vị không lạt thì sự nếm chẳng ra; bất ly bất hợp thì xúc giác vốn chẳng có; không sanh không diệt thì sự liễu tri đặt ở chỗ nào?

- Người chỉ cần chẳng duyên theo sự động tịnh, hợp ly, vị lạt, thông nghẽn, sanh diệt, sáng tối, mười hai tướng hữu vi này, tùy tiện nhổ ra một căn, thoát khỏi sự dính mắc, trở về bản tánh chân thật, hiện ra sự chiếu soi của tự tánh. Tánh chiếu soi phát ra ánh sáng, thì sự dính mắc của ngũ căn kia liền cùng được giải thoát và tri kiến khởi lên, chẳng do cảnh trần. Chiếu soi chẳng duyên theo lục căn, mà nhờ lục căn phát ra ánh sáng, do đó, sự dụng của lục căn dung thông lẫn nhau.

LƯỢC GIẢI

Bản tánh diệu viên trong lặng, gặp sắc trần thì thành cái thấy, gặp thanh trần thì thành cái nghe, v.v... nên gọi là diệu viên. Nước trong lặng vốn chẳng dính mắc, do bụi trần lọt vào thành có dính mắc. Tánh của địa, thủy, hỏa, phong vốn đều không tịch, nên gọi là thanh tịnh tứ đại, gốc căn ẩn bên trong, trần phủ bên ngoài, nên gọi là phủ căn, tướng của địa, thủy, hỏa, phong vốn đều lay động, nên gọi là tứ trần. Nếu như sự thấy trong phòng tối thì đâu thể có phủ căn tứ trần? Vì tánh "không" lìa bản giác thành ám muội, cái ám muội này kết với tối đen thành sắc trần; tối đen và sắc trần xen lộn với vọng tưởng, lay động bên trong thành có đen tối để thấy, cũng có thể gọi là phủ căn tứ trần vậy, nên nói như sự thấy trong phòng tối.

Thanh tịnh tứ đại là một danh từ để tỏ rõ cái nghĩa của thắng-nghĩa-căn, hai chữ Thắng Nghĩa là để hiển bày cái nghĩa lý siêu việt hơn nghĩa lý thông thường. Vì hay chiếu soi cảnh trần, phát ra cái thức phân biệt, cũng gọi là tịnh-sắc-căn (gốc căn chẳng có hình sắc để đối với mắt, nên gọi tịnh-sắc-căn). Phủ căn tứ trần là một danh từ để tỏ rõ cái nghĩa của phủ-trần-căn, vì hay lưu chuyển theo cảnh trần, tạo đủ thứ nghiệp vậy.

- A-Nan! Người há chẳng biết hiện trong hội này, A Na Luật Đà chẳng mắt mà thấy; rồng Bạt Nan Đà chẳng tai mà nghe; thần nữ Căng Già chẳng mũi mà ngữi hương; Kiều Phạm Bát Đề lưởi trâu mà biết vị; thần Thuần Nhã Đa bản chất là gió, vốn chẳng tự thể, do ánh sáng tự tánh, tạm hiện hình bóng, nên chẳng có thân mà biết xúc; các hàng Thanh văn được diệt tận định trong hội này như Ma Ha Ca Diếp, ý căn đã diệt từ lâu mà vẫn rõ biết khắp nơi, chẳng do tâm niệm.

Ananda, if all your sense organs are rooted out, your inner light will appear, all transient sense data as well as the changing conditions of the material world will vanish, like ice melted by boiling water, and you will realize Supreme Bodhi instantly.

Ananda, if a man who sees with his eyes suddenly closes them, darkness will appear before him screening all his six sense organs including his head and feet. If he then feels his body with his hands, he will discern his head and feet although he does not see them. This shows that his knowing is the same whether he sees something in the light or nothing in the dark. That which does not rely on the light to manifest is not affected by darkness. After all organs and sense data have vanished, why cannot you realize the perfect and absolute enlightened Bodhi?.

Expedient Instruction on the One Mind

Ananda said: World Honoured One, as the Buddha has said, the causal ground used as the point of departure in quest of Reality should be compatible with the fruit-ground. World Honoured One, though realization of the fruit-ground is called by seven different names: Bodhi, Nirvana, the Absolute, Buddha-nature, Immaculate Knowledge (Amalavijnana), Immaterial Tathagata Store, the Great Mirror Wisdom, it is pure, clean and perfect, and its substance does not change, like the royal diamond which is permanent and indestructible. Now the faculties of seeing and hearing have no independent nature in the absence of brightness and darkness, stillness and motion, and clearance and obstruction, and are like the thinking mind which ceases to exist in the absence of sense data. How can they be used as the point of departure in the search for the Tathagata's seven permanent fruits? World Honoured One, seeing ceases to exist in the absence of light and darkness, like the thinking mind which comes to an end when there are no external phenomena.

As I look into all this, I search in vain for my mind and its objects: what then should I set up as the cause in my quest of Supreme Bodhi? Does the Tathagata's previous teaching on (the nature of) seeing which is profound, pure, perfect and permanent, contradict your true words. and become sophistry (as well)? Will you please be compassionate enough to clear away my delusion and perplexity?.

- A Nan! Nếu các căn của người đều đã được giải thoát, thì sự dụng của tự tánh tự hiện, như trong lặng mà phát ra ánh sáng, vậy phù trần và các tướng biến hóa trong thế gian đều tiêu, như nước sôi làm tan băng đá, ngay đó liền hóa thành Vô Thượng Tri Giác.

- A Nan! Như người thế gian cho sự thấy do con mắt, nếu bỗng nhắm mắt lại thì tướng tối hiện ra, lục căn mịt mù, đầu và chân giống nhau. Người ấy dùng tay sờ thân người khác, mắt dù chẳng thấy, nhưng vẫn phân biệt được đầu và chân, vậy sáng tối dù khác, mắt dù chẳng thấy, nhưng vẫn phân biệt được đầu và chân, vậy sáng tối dù khác, tánh biết vẫn đồng. Nếu duyên sáng mới có thấy thì khi tối thành chẳng thấy, nếu chẳng duyên sáng mà phát ra tánh thấy, thì các tướng tối chẳng thể làm mờ được. Căn trần đã tiêu, thì giác tánh đâu thể chẳng thành diệu viên?

A Nan bạch Phật rằng:

- Như lời Phật dạy, nếu muốn cầu được quả thường trụ, thì chỗ phát tâm của nhân địa và quả địa phải cân xứng với nhau. Thế Tôn, trong quả vị Như Lai, bảy thứ: Bồ Đề, Niết Bàn, Chơn Như, Phật tánh, Am Ma La Thức, Không Như Lai Tạng, Đại Viên Cảnh Trí, tên gọi dù khác, nhưng thể tánh trong sạch viên mãn kiên cố như Kim Cang Vương, thường trụ chẳng hoại.

- Nếu cái thấy nghe này là những tướng sáng tối, động tịnh, thông nghẽn vốn chẳng tự thể; cũng như tâm niệm là nơi tiền trần vốn chẳng có gì cả, thì tại sao lại có thể đem sự đoạn diệt này làm nhân tu, mà mong cầu bảy quả thường trụ của Như Lai.

- Thế Tôn, nếu là sáng tối thì cái thấy thành không có; nếu chẳng có tiền trần thì tâm niệm tịch diệt, nghĩ tới nghĩ lui, suy xét tỉ mỉ, vốn chẳng có cái tâm và tâm sở của con, vậy lấy gì làm nhân để cầu quả Vô Thượng Giác? Như Lai trước kia đã nói tánh giác trạm nhiên thường trụ, vậy lời nói trái với lẽ thường thì chỉ thành hý luận, làm sao nhận được lời nói của Như Lai là chơn thật? Xin Phật từ bi khai mở chỗ mê muội của con.

The Buddha said: You have widened your knowledge by hearing but have failed to get out of the stream of transmigration completely. Though you know the cause of your upset, yet when you find yourself in the presence of that cause, you fail to recognize it. Lest your trustfulness remain incomplete, I will now do something to clear away your doubt and suspicion.

The Buddha then ordered Rahula to ring the bell and asked Ananda: Do you hear it?. Ananda and the others in the assembly replied that they did. When the bell was no more heard, the Buddha asked again: Do you still hear it?. They all replied that they did not. Rahula again rang the bell and the Buddha asked: Do you hear it?. They replied that they did.

The Buddha then asked Ananda: What do you mean by hearing and not hearing?. Ananda and the others replied: If the bell is rung, we call it hearing and when the sound and its echo stop, we call it not hearing.

The Buddha again ordered Rahula to ring the bell and asked Ananda: Is there any sound?. Ananda and the others replied that there was a sound of the bell.

Phật bảo A Nan:

- Người chỉ học rộng nghe nhiều, chưa dứt sạch tập khí phiền não, trong tâm dù biết rõ cái nhân điên đảo, mà điên đảo thật hiện tiền thì chẳng biết, e rằng người còn chưa thiết lòng tin phục, nay ta thử đem những việc trần thế để phá trừ cái nghi của người.

Tức thời, Như Lai bảo La Hầu La đánh một tiếng chuông, hỏi A Nan:

- Nay người nghe chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp:

- Có nghe!

Khi tiếng chuông dứt rồi, Phật lại hỏi:

- Các người nghe chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp:

- Chẳng nghe!

Khi đó La Hầu La lại đánh thêm một tiếng, Phật lại hỏi:

- Các người nghe chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp:

- Có nghe!

Phật hỏi A Nan:

- Người cho thế nào là có nghe, thế nào là chẳng nghe?

A Nan và đại chúng đều bạch Phật rằng:

- Khi tiếng chuông đánh lên thì chúng con được nghe. Khi tiếng chuông ngưng rồi, âm vang đều dứt thì chẳng nghe.

Như Lai lại bảo La Hầu La đánh chuông, rồi hỏi A Nan:

- Nay có tiếng chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp:

- Có tiếng.

A little later when it could no longer be heard, the Buddha asked again: Is there any sound?. They all replied that there was none. Then Rahula rang the bell again and the Buddha asked: Is there any sound?. They all replied in the affirmative.

The Buddha then asked Ananda: What do you mean by sound and no sound?. Ananda and the others replied that if the bell was rung, there was sound and when both the sound and its echo stopped, this was called no sound.

The Buddha said: Why did you talk so wildly?.

Ananda and the others asked: Why do you say that we talked wildly?.

The Buddha said: When I asked you about hearing, you spoke of hearing and when I asked you about the sound, you spoke of it. So merely about hearing and sound, your answers were ambiguous; how could they not be called wild? Ananda, when both the sound and its echo ceased, you said there was no hearing: if there really was no hearing, its nature would have died and would be like a withered log, but when the bell was rung again, how did you hear it? Existence and non-existence concern only the sound which may be present or not, but how can the nature of your hearing follow your discrimination to exist or not? If it really ceased, who then knew there was no sound? .Therefore, Ananda, in your hearing, the sound may exist or not, but this does not mean that the sound, whether heard or not, (can) cause your hearing to exist or not. In your delusion you mistake the sound for your hearing and so regard the permanent as transient.

Ít lâu tiếng ngưng, Phật lại hỏi:

- Nay có tiếng chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp:

- Không tiếng.

Lát sau, La Hầu La lại đánh một tiếng chuông. Phật lại hỏi:

- Nay có tiếng chẳng?

A Nan và đại chúng đều đáp:

- Có tiếng.

Phật hỏi A Nan:

- Người cho thế nào là có tiếng, thế nào là chẳng có tiếng?

A Nan và đại chúng đều bạch Phật rằng:

- Khi tiếng chuông đánh lên thì gọi là có tiếng, khi tiếng chuông ngưng rồi, âm vang đều dứt, thì gọi là chẳng có tiếng.

Phật bảo A Nan và đại chúng:

- Lời nói các người sao tự càn loạn với nhau!

Đại chúng và A Nan đồng thời bạch Phật:

- Sao gọi chúng con là càn loạn?

Phật nói:

- Ta hỏi về nghe thì các người nói nghe, ta hỏi về tiếng thì người nói tiếng, cái nghe và tiếng trả lời chẳng định như thế, không phải càn loạn là gì?

- A Nan! Tiếng dứt chẳng âm vang thì người nói là chẳng nghe, nếu thật chẳng nghe thì tánh nghe phải diệt, đồng như cây khô, khi tiếng chuông lại đánh lên, thì người làm sao biết được? Biết có biết không ấy là thanh trần, hoặc có hoặc không đâu phải tánh nghe vì người mà thành có thành không? Nếu tánh nghe thật không thì ai biết không nghe?

- A Nan! Thanh trần ở trong tánh nghe tự có sanh diệt, chẳng phải tánh nghe của người theo thanh trần sanh diệt khiến tánh nghe thành có thành không. Người còn điên đảo nhận lầm thanh trần là tánh nghe, lạ gì chẳng mê muội cho Thường là Đoạn?

You should not say that hearing has no nature when it exists apart from (the conditions of) disturbance, stillness, obstruction and clearance.

For instance, when a man sleeps soundly, if people pound rice, he may hear the beating of a drum or the ringing of a bell. So when asleep he may find it strange that the bell is like the beating of a (piece of) wood or stone, but if he suddenly wakes up and hears the pestle, he will tell his family about his mistake when asleep. Ananda, does that man remember in his sleep (the conditions of) stillness, disturbance, clearance and obstruction? Although his body rests, the nature of his hearing is present. Even when your body perishes and your life comes to an end, how can this nature vanish? For since the time without beginning all living beings have followed forms and sounds and pursued the flow of their thoughts without awakening to their pure, profound and permanent nature. By straying from the permanent and by following birth and death, they have been contaminated with defilements in successive lives. If you (only) keep away from samsara and dwell in real permanence, your eternal Light will appear thereby causing your organs, sense data, consciousness and (mad) mind to vanish simultaneously. The objects of your thinking process are (polluting) dust and the feelings that arise from your consciousness are impurities; if both are kept away, your Dharma eye will appear pure and bright instantly. Why then cannot you realize Supreme Bodhi?.

- Tóm lại, chẳng nên cho rằng là các tướng động, tịnh, thông, nghẽn, nói chẳng có tánh nghe.

Như người đang ngủ mê trên giường, trong nhà có người giã gạo, người ấy trong chiêm bao nghe tiếng giã gạo, tưởng thành tiếng khác, hoặc cho là tiếng trống, hoặc cho là tiếng chuông, trong chiêm bao liền lấy làm lạ, sao tiếng chuông lại như tiếng cây đập vào đá, khi chợt tỉnh dậy nghe tiếng chày, bảo với người nhà rằng, trong lúc chiêm bao đã làm tiếng chày cho là tiếng trống. A Nan, người đó trong chiêm bao đâu nhớ những sự động, tịnh, thông, nghẽn. Thân hình dù ngủ, nhưng tánh nghe chẳng mất, vậy dấu cho hình tướng tiêu tan, thân mạng đời đời, làm sao tánh nghe này lại vì người mà tiêu diệt.

- Do các chúng sanh từ vô thủy, nương theo sắc thanh, đuổi theo vọng niệm mà lưu chuyển, chưa từng khai ngộ bản tánh trong sạch thường trụ, chẳng theo tánh chơn thường, lại đuổi theo sanh diệt, do đó đời đời bị xoay vần trong vòng tạp nhiễm.

- Nếu bỏ sanh diệt, giữ tánh chơn thường, thì ánh sáng của Chơn Thường tự hiện, căn, trần, tâm thức, ngay đó liền tiêu; tướng vọng tưởng là trần, tánh phân biệt là cấu, cả hai đều xa lìa, thì pháp nhãn của người liền được trong suốt, làm sao lại chẳng thành Vô Thượng Tri Giác?

Main Instruction on the Three Meditative Studies of the One Mind

Ananda said: World Honoured one, although the Tathagata has taught the second decisive point (in the development of the mind), I think that if the man good at untying knots does not know how they came to be tied, he will be unable to undo them. In this assembly I and those who need to study and learn more, are in the same case. Since the time without beginning we and our delusions have both been subject to birth and death, and although we have cultivated good qualities that have enabled us to widen our knowledge by hearing (about it all) and so are called leavers of homes, we are like a person suffering from malaria which recurs every other day. Will you take pity on us and save us from drowning? Will you tell us which of our bodies and minds are in a knot and how to untie it so that all suffering beings can escape from samsara and avoid falling (again) into the three realms of existence?.

After saying this, he and all the assembly prostrated themselves, shed bitter tears and eagerly awaited the Buddha's supreme revelation. The Buddha took pity on Ananda and those in the assembly who still needed to study and learn as well as on future living beings. In order to enable them to sow the cause of their future appearance in the world (as teachers) and so become the eye (of wisdom) to guide coming generations. He extended His shining olden-hued hand to touch Ananda's head (and comfort him).

Thereupon all Buddha lands in the ten directions shook six times¹²⁴ and Tathagatas, countless as motes of dust, sent out, from the tops of their heads, radiant rays of light which reached Jetavana to shine pon the Buddha's head.

This had not been seen before by the assembly. Then Ananda and all those present heard countless Buddhas declare with one voice: Excellent, Ananda, if you want to know about the innate ignorance that causes you to transmigrate in amsara, (you should know that) the roots of your birth and death are your six sense organs. If you want to know about Supreme Bodhi, it is these six organs that will enable you speedily to realize happiness in liberation and permanence in Nirvana.

A Nan bạch Phật rằng:

- Như Lai dù đã khai thị nghĩa thứ hai, nhưng con xét những người mở thất kết, nếu chẳng biết cái gốc của thất kết, thì con tin chắc người ấy chẳng bao giờ mở được. Thế Tôn, con và hàng hữu học Thanh văn trong hội cũng như vậy; chúng con với vô minh cùng sanh cùng diệt từ vô thủy, dù được thiện căn đa văn, mang tiếng là xuất gia, mà sự tu như người sốt rét cách nhật, lúc có lúc không. Xin Phật từ bi thương xót kẻ chìm đắm, khai thị thể nào là cái thất kết của thân tâm hiện hữu này, làm sao được mở, cũng khiến chúng sanh khổ não đời vị lai được ra khỏi luân hồi. Nói xong, cùng đại chúng năm vóc gieo sát đất, cung kính rơi lệ, mong đợi lời khai thị vô thượng của Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn thương xót A Nan và hàng hữu học trong hội, đồng thời làm nhân xuất thế gian, chỉ đường cho tất cả chúng sanh đời vị lai, lấy tay xoa đầu A Nan. Liên đó, sáu thứ rung động khắp mười phương thế giới, vô số Như Lai trong các cõi ấy, mỗi mỗi đều từ đỉnh đầu phóng ra hào quang, đồng thời chiếu đến rừng Kỳ Đà, rơi vào đỉnh đầu Như Lai, cả chúng đều được pháp chưa từng có. Lúc ấy, A Nan và đại chúng đều nghe mười phương Như Lai đồng thanh bảo A Nan rằng:

- Lành thay, A Nan! Người muốn biết cái Câu Sinh Vô Minh (căn bản vô minh), là gốc thất kết khiến người lưu chuyển trong vòng sanh tử ấy, chính là lục căn của người chứ chẳng phải vật khác; người lại muốn biết đạo Vô Thượng Bồ Đề khiến người mau chứng quả tự tại giải thoát, tịch lặng thường trụ ấy, cũng chính là lục căn của người chứ chẳng phải vật khác.

Although Ananda had heard these Dharma voices, he was still not clear about their (profound) meaning. So he bowed and asked the Buddha: How can the same six organs cause me to transmigrate in samsara and be happy in absolute Nirvana?.

The Buddha said: Ananda, both organs and their objects spring from the same source, bondage and liberation are not two different things. Consciousness is illusory, like a flower in the sky. Ananda, your knowing originates from each phenomenon which takes on form because of your sense organs. Both form and seeing are mutually dependent, like two bundles of rushes that stand by leaning against each other. Therefore, if your intellect acts as the knower, this is the root of your ignorance (but) if it is free from seeing, it will be Nirvana which is transcendental and pure. How then can the latter allow foreign elements to intrude?.

To repeat His instruction, the Buddha read the following gatha:

True Nature¹²⁵ is free from all phenomena¹²⁶
 Which are illusions by causes created.¹²⁷
 Noumena neither rise nor fall, but all Phenomena are flowers in the
 sky.¹²⁸
 The unreal reveals the real But both are but illusions.¹²⁹
 Since there is nothing real nor unreal How can there be a subject and
 an object?¹³⁰

124. Bodhi which shook all the six sense organs, the root of unenlightenment.

125. True Nature, or the One Mind, should be the point of departure in the threefold meditative study.

126. Samatha, or meditative study of all as void.

127. Samapatti, or meditative study of all as unreal.

128. Dhyana, or meditative study of the .Mean. which is inclusive of both unchanged noumenon and changing phenomenon.

129. Both the real and unreal are relative and should be wiped out so that the absolute can manifest.

130. Elimination of both organs and sense data to wipe out the illusion of ignorance.

A Nan dù được nghe pháp âm như vậy, tâm còn chưa rõ, cúi đầu bạch Phật:

- Tại sao khiến con bị sanh tử luân hồi và được tự tại giải thoát, đều là lục căn, chẳng phải vật khác?

Phật bảo A Nan:

- Căn trần cùng gốc, thắt mở chẳng hai, tánh thức hư vọng như hoa đốm trên không. A Nan, do trần phát tri, vì căn kiến tướng; kiến và tướng chẳng có tự tánh, như những cây sậy gác vào nhau, cho nên người nay lập tri kiến thành tri, tức là căn bản của vô minh, nếu đối với tri kiến chẳng chấp là tri kiến, ấy tức là Niết Bàn, trong sạch vô lậu, làm sao trong đó còn có thể dung nạp vật khác.

Bấy giờ, Thế Tôn muốn lập lại nghĩa trên, bèn nói kệ rằng:

Chơn tánh hữu vi không
Duyên sanh cố như huyễn
Vô vi vô khởi diệt,
Bất thật như không hoa
Ngôn vọng hiện chư chơn,
Vọng chơn đồng nhị vọng,
Do phi chơn phi chơn,
Vân hà kiến sở kiến?
Trung gian vô thật tánh,
Thị cố nhược giao lô,
Kết giải đồng sở nhân,
Thánh phàm vô nhị lộ,
Nhữ quán giao trung tánh,
Không hữu nhị câu phi.
Mê hối tức vô minh,
Phát minh tiện giải thoát,
Giải kết nhân thứ đệ,
Lục giải nhất diệt vong,
Căn tuyền trạch viên thông,
Nhập lưu thành Chánh Giác,
Đà Na vi tế thức,

For between the two there is no true nature like
 The point where two rush bundles meet when set upright.¹³¹
 Tying and untying from the same cause arise,¹³²
 While the saintly and the worldly are not dual.¹³³
 Consider underlying nature at the point
 Of meeting where both is and is not cannot be.¹³⁴
 If you disregard it you are in delusion,
 If you awaken to it you are free at once.¹³⁵
 Six knots are untied one after the other;
 When six are undone one vanishes as well.¹³⁶
 Choose an organ that is all penetrating
 To enter the holy stream and attain Bodhi.
 Old habits flow like torrents in
 Alaya's subtle consciousness.
 Since the real yet unreal can create confusion
 I have refrained from revealing it to you.¹³⁷
 If mind be set on searching for the mind, that which
 At heart is not illusion becomes illusory.¹³⁸

131. Ignorance comes from the organs and sense data, symbolized by two bundles of rushes leaning against each other to stand upright, but is empty like their point of intersection.

132. Both tying (delusion) and untying (liberation) come from the same cause, or the mind.

133. Both the saintly and the worldly come from the same mind and, therefore, are non-dual.

134. If you look into the underlying nature, you will find that it is beyond all dualities.

135. You are deluded because you are confused about this underlying nature, but if you cognize it, you will be enlightened instantly.

136. All the six organs come from the mind and when you are free from the former the latter also vanishes. This is an appropriate answer to the kung an (koan): All things are returnable to One, to where does One return?.

137. Alaya, or basic ignorance, is the object to be wiped out by the subjective threefold meditative study. This consciousness is very profound and subtle and changes according to the seeds of old habits accumulated in it since the time without beginning. It comprises both reality and falsehood, hence the real yet unreal, which can create confusion in the minds of beginners. For this reason the Buddha did not disclose it to His disciples.

138. If the true Mind which is basically not an illusion is clung to, it will become one because of your clinging. Then the duality of noumenon and phenomenon is created and screens the true nature.

Tập khí thành bạo lưu.
Chơn phi chơn khủng mê,
Ngã thường bất khai diễn
Tự tâm thủ tự tâm,
Phi huyễn thành huyễn pháp
Bất thủ vô phi huyễn,
Phi huyễn thượng bất sanh,
Huyễn pháp vân hà lập?
Thị danh Diệu Liên Hoa,
Kim Cang Vương Bửu Giác
Như huyễn Tam Ma Đề,
Đòn chỉ siêu vô học
Thử A Tỳ Đạt Ma,
Thập phương Bạt Già Phạn,
Nhất lộ Niết Bàn môn.

Dịch nghĩa:

Tánh hữu vi vốn không,
Duyên sanh nên như huyễn
Vô vi không sanh diệt,
Chẳng thật như hoa đốm,
Nói vọng để hiển chơn,
Vọng chơn là hai vọng
Phi chơn phi bất chơn
Làm sao kiến sở kiến?
Trong đó chẳng thật tánh,
Nên như sậy gác nhau.
Thất, mở đồng một nhân,
Thánh phạm chẳng hai đường,
Người xem tánh gác nhau,
Không, Hữu thấy đều sai.
Mê mọi tức vô minh,
Phát minh liền giải thoát.
Mở, thất theo thứ tự,
Lục mở nhất cũng tiêu
Chơn căn nào viên thông,
Nhập lưu thành Chánh Giác.

If you stop all grasping then there is nothing real:¹³⁹
 If what is not illusion ceases
 To arise, where can illusion be?¹⁴⁰
 This is the profound Lotus Dharma (Law),¹⁴¹
 The precious Bodhi of the royal gem,¹⁴²
 The Samadhi of seeing all things as illusion¹⁴³
 Which in a finger-snap leads to the state beyond
 All study. The unsurpassed Doctrine¹⁴⁴ was followed
 By all Bhagavats in all directions
 On the One Path that to Nirvana leads.¹⁴⁵

139. If you only stop clinging, even the true mind cannot be found. 140. This is total elimination of both reality and falsehood to expose the absolute.

141. The Suraigama Samadhi is pure and cannot be sullied like the lotus flower.

142. It is indestructible like the royal diamond and can destroy the darkness of ignorance.

143. It looks into all phenomena and realizes their illusory and transient nature.

144. Abhidharma.

145. This gatha deals with the profound teaching of the all-embracing Suraigama Sutra and answers Ananda's request for instruction at the beginning of the meeting

Đà Na (thức thứ tám) thức vi tế,
 Tập khí như nước dốc.
 Sợ chấp Chơn phi chơn,
 Nên ta chẳng khai giảng
 Tự tâm chấp tự tâm,
 Phi huyển thành pháp huyển.
 Chẳng chấp chẳng phi huyển
 Phi huyển còn chẳng sanh,
 Pháp huyển làm sao lập?
 Đây gọi Diệu Liên Hoa
 Bửu giác như Kim Cang
 Tu theo Tam Ma Đề,
 Búng tay siêu vô học
 Pháp này chẳng gì bằng,
 Mười phương chư Như Lai,
 Chỉ một cửa Niết Bàn.

LƯỢC GIẢI

Trước kia, A Nan hỏi Phật những phương tiện đầu tiên về ba thứ Thiền Quán: Sa Ma Tha, Tam Ma và Thiền Na, mà mười phương Như Lai đồng thanh đáp lại A Nan rằng: “Người muốn biết cái Câu Sinh Vô Minh, là gốc thắt kết khiến người lưu chuyển trong vòng sanh tử ấy, chính là lục căn của người chứ chẳng phải vật khác; người lại muốn biết Đạo Vô Thượng Bồ Đề, khiến người mau chứng quả tự tại giải thoát, tịch lặng thường trụ ấy, cũng chính là lục căn của người, chứ chẳng phải vật khác”.

Cũng như lời thí dụ bằng nước kể trên, nước đóng thì thành băng, đâu thể cho lộn vật khác mà thành băng; băng tan thì thành nước, đâu thể cho lộn vật khác mà thành nước.

Lục căn làm mai mối cho giặc, tự cướp của báu trong nhà, ấy là lục căn; lục mở nhất tiêu, mau chứng Chánh Giác, cũng là lục căn. Vậy tức vọng tức chơn, tức chơn tức vọng, chỗ này cần phải có diệu ngộ mới được, chữ Diệu này lời nói chẳng thể diễn tả, ắt phải chuyển thức thành trí, khế hợp với Diệu Tâm sáng tỏ, mới có thể nói là Vô Thượng Bồ Đề.

Bửu Giác như Kim Cang: tánh Kim Cang hay phá hủy tất cả, Thập Địa đều gọi là Tâm Kim Cang, như phá hủy sơ địa lên nhị địa, phá hủy nhị địa lên tam địa v.v... Nếu Bửu Giác này được hiện ra, chẳng những căn bản vô minh liền tiêu, cả Tri kiến Bồ Tát và Tri kiến Phật cũng không còn. Ba thứ Thiền quán Sa Ma Tha, Tam Ma và Thiền Na chỉ cần tự ngộ, hể ngộ thì liền đến địa vị Phật, nên trong búng ngón tay siêu việt bậc vô học của nhị thừa. Bậc vô học vì còn chấp vô kiến, tức còn lọt vào công dụng, đây chơn tánh hiện tiền, hữu vô đều lia, một cửa sâu vào, chẳng phải nhờ công dụng, nên gọi là cửa Đốn Ngộ vậy. (chẳng nhờ công dụng là chẳng phải chẳng cần công phu).

How to Untie the Six Knots

Thus Ananda and the assembly listened to the compassionate Buddha's unsurpassed sermon and gatha whose profound meanings were so enlightening and penetrating, that their mental eyes were opened; they praised what they had never seen before. Ananda then brought his palms together, prostrated and said: I have today listened to the Buddha's compassionate teaching which revealed the pure, subtle and permanent Reality of the (self-) nature, but I am still not clear about how to untie the (six) knots one after the other and what you meant by .when the six knots are undone the one also vanishes. Will you again take pity on this assembly and future generations and teach us in order to wash our defilements away?. The Buddha who was on his lion-seat,¹⁴⁶ adjusted his inner garments and outer robe and took from the teapoy a piece of beautiful cloth which the Yama deva¹⁴⁷ had given Him. Then in the presence of the assembly, He tied a knot and showed it to Ananda, asking: What is this?. Ananda and the others replied: It is a knot. The Buddha then tied another knot and asked: What is this?. They all replied: This also is a knot. The Buddha tied four more knots, showing each to Ananda and asking: What is this?. They all replied that each was a knot.

The Buddha said to Ananda: When I first tied this cloth, you called it a knot. There is only one piece of cloth but why did you call the second and third ties also knots?.

A Nan và đại chúng nghe lời dạy vô thượng và bài tụng tinh túy, diệu lý trong suốt của Phật, tâm được sáng tỏ, tán thán pháp chưa từng có. A Nan chấp tay đảnh lễ bạch Phật:

- Nay con dù nghe pháp tánh chơn thật, vi diệu trong sạch của Phật, nhưng tâm còn chưa thấu nghĩa “lục mở nhất tiêu” theo thứ tự của mở thắt, xin Phật rủ lòng từ bi, thương xót cả hội này và chúng sanh đời vị lai, bố thí pháp âm và rửa sạch trần cấu cho chúng con.

Tức thời, Như Lai từ nơi tòa sư tử, chỉnh áo trong và sửa đại y, dựa vào ghế thất bảo, lấy cái khăn bông của cõi Trời Dạ Ma cúng dường ở trước mặt đại chúng thắt một cái kết, rồi hỏi A Nan:

- Đây gọi là gì?

A Nan và đại chúng đều đáp:

- Gọi là thắt kết.

Như Lai thắt thêm một kết nữa, lại hỏi A Nan:

- Đây gọi là gì?

A Nan và đại chúng lại đáp:

- Đây cũng gọi là thắt kết.

Phật tuần tự thắt sáu cái kết trên khăn, mỗi khi thắt xong một cái, đều lấy cái kết vừa thắt hỏi:

- A Nan, Đây gọi là gì?

A Nan và đại chúng cũng tuần tự đáp lại Phật:

- Đây gọi là thắt kết.

Phật bảo A nan:

- Khi ta mới thắt cái khăn thì người gọi là thắt kết, khăn bông này vốn chỉ có một, tại sao lần thứ hai, lần thứ ba các người cũng gọi là thắt kết?

Ananda replied: World Honoured One, although there is only one piece of cloth, if you tie it once, there will be a knot and if you tie it a hundred times, there will be a hundred knots. But this cloth has only six knots because you only tied it six times. Why do you agree to my calling the first tie a knot and disagree to the second and third ones also being called knots,.

The Buddha said: Ananda, originally there was only one piece of cloth but when I tied it six times, there were six knots. As you see it, the length of cloth was the same before but is now different with its six knots. The first knot I tied was called the first one and altogether I tied six of them, do you think that the sixth one can be called the first knot?.

Ananda replied: No, World Honoured One, so long as there are six knots, the last one is the sixth and cannot be called the first. Even if I discuss this for the rest of my life, how can I number these six knots in the wrong order?.

The Buddha said: It is so; these six knots are different but come from one length of cloth and you cannot reverse their order. It is the same with your six sense organs which, though coming from the same (source), are manifestly different. Ananda, clearly you object to the six knots and prefer one (piece of cloth) but how can you obtain it?.

Ananda replied: If these six knots remain, concepts of right and wrong will arise in great confusion, with (such things as) this knot is not that one and that knot is not this one. World Honoured One, if all the knots were untied, there would remain nothing, with complete elimination of thisness and thatness: then in the absence of even one, how can there be six?.

A Nan bạch Phật:

- Khăn này dù chỉ có một theo con nghĩ: Như Lai thắt một lần thì được gọi là một cái kết, nếu thắt đến trăm lần thì phải gọi là trăm cái kết, huống là khăn này chỉ có sáu kết, không lên đến bảy, cũng không ngưng ở năm, tại sao Như Lai chỉ cho cái đầu tiên được gọi là thắt kết, còn cái thứ hai, thứ ba thì chẳng gọi là thắt kết?

Phật bảo A Nan:

- Người biết khăn bông này vốn chỉ là một, khi ta thắt sáu lần thì gọi là sáu kết. Người hãy xét kỹ, bản thể của khăn là đồng, do thắt kết mà thành khác. Ý người thế nào? Cái thắt kết đầu tiên thì gọi là kết thứ nhất, như vậy cho đến cái kết thứ sáu, nay ta muốn gọi cái kết thứ sáu thành kết thứ nhất, có được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Sáu kết nếu còn thì cái thứ sáu chẳng thể gọi là cái thứ nhất, dấu cho con dùng hết biện tài nhiều kiếp để sáng tỏ nghĩa lý, cũng chẳng thể khiến sáu thắt kết lộn tên được.

The Buddha said: Likewise, when the six knots are untied, the one also vanishes. It is because of confusion in your mad mind since the time without beginning that your intellect gives rise to illusions, the unceasing creation of which disturbs your seeing and causes it to perceive objects in the same way that troubled eyes see dancing flowers. Hence in the clear and bright (Reality) arise without any cause all worldly phenomena such as mountains, rivers, the great earth, samsara and nirvana which are but dancing flowers (created by) confusion, trouble (passions) and inversion.

Ananda asked: How can one untie these knots created by trouble and confusion

146. Simhasana: a lion throne, or couch, a Buddha seat, where the Buddha sits, even when on the bare ground.

147. A king of the third devaloka, where the times, or seasons, are always good.

Then the Buddha held (up) the piece of cloth, pulled its left end and asked: Can it be untied in this way?.

Ananda replied: No, World Honoured One.

The Buddha then pulled the right end and asked: Can it be untied in this way?.

Ananda replied: No, World Honoured One.

The Buddha said: I have pulled both ends of the cloth but have been unable to untie the knots. What will you do now?.

Ananda replied: World Honoured One, (each) knot should be untied in its center (heart).

Phật nói:

- Đúng thế! Sáu kết chẳng đồng chỉ do một khăn tạo ra, nhưng muốn làm cho sáu kết đảo lộn tên gọi, thì chẳng thể được. Lục căn của người cũng vậy, trong một cuộc đồng, sanh một cuộc khác, người ắt chê sự khác nhau của sáu kết, mà mong muốn thành đồng một, thì phải làm sao mới được.

A Nan đáp:

- Thắt kết nếu còn thì thị phi mỏng khởi, trong đó tự sanh phân biệt kết này chẳng phải kết kia, kết kia chẳng phải kết này. Nếu hôm nay Như Lai giải tỏa tất cả, thắt kết chẳng sanh nữa thì không có bỉ thử, nhất còn chẳng có, làm sao thành lục?

Phật bảo:

- Cái nghĩa "Lục mở nhất tiêu" cũng như thế, do tâm người cuồng loạn từ vô thủy, vọng sanh tri kiến, sanh mãi không thôi, như con mắt ngó lâu mỗi một phút ra cảnh trần, thì có hoa đốm lăng xăng vọng khởi nơi tánh trong lặng, các tướng thế gian như núi sông, đất đai, sanh tử, Niết Bàn v.v... tất cả đều là tướng hoa đốm điên đảo do mỗi một mà phát sanh.

A Nan hỏi:

- Cái mỗi một này cũng như cái thắt kết kia, làm sao mở được?

Như Lai lấy tay cầm khăn đã thắt, kéo riêng mỗi bên trái, rồi hỏi A Nan:

- Thế này có mở được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không ạ. Phật lại lấy tay kéo riêng mỗi bên phải, hỏi A Nan:

- Thế này có mở được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không ạ.

Phật bảo A Nan:

- Nay ta lấy tay kéo mỗi hai bên mà chẳng mở được, vậy người có cách nào để mở chăng?

- Bạch Thế Tôn! Nên mở nơi trung tâm thắt kết thì tan rã ngay.

The Buddha said: Correct, Ananda, correct. A knot should be untied from its heart. Ananda, the Buddha Dharma which I expound manifests due to causes and is beyond those coarse forms that come from worldly (concepts of) mixtures and unions. When the Buddha reveals the mundane and supramundane, He knows their chief causes and concurrent conditions. He is even clear about the number of drops of rain in a place as many miles away from here as there are sand grains in the Ganges, as well as why pine trees are straight and brambles crooked, geese white and crows black. Therefore, Ananda, choose one organ from the six, and if its knot is untied, all objects of sense will vanish of themselves. When all illusions disappear, if this is not Reality, what more do you expect? Ananda, tell me now if the six knots of this cloth can be untied simultaneously.

Ananda replied: No, World Honoured One, because they were originally tied one after the other and should be untied in the same order. Although they are in the same piece of cloth, they were not tied simultaneously; how can they now be untied all at once?.

The Buddha said: Your six organs should be disengaged in the same way. When you begin to disentangle them you will realize that the ego is void. When this voidness is perfectly clear, you will realize that all dharma (phenomena) are void. When you are disengaged from dharma, the voidness (of ego and dharma) will vanish.¹⁴⁸ This is called the Patient Endurance of the Uncreate achieved by means of Samadhi in the Bodhisattva stage.

148. The six knots stand for the six sense organs, and also for the six illusions of (a) the inborn and (b) discriminative Ego, (c) the inborn and (d) differentiated dharma, and the non-existence of (e) Ego and (f) dharma; all these six illusions should be wiped out before the absolute is attained. (Cf. Chan and Zen Teaching, Third Series, Part III, page 181, *The Sutra of Complete Enlightenment*.) After saying this, he prostrated himself and concentrated on his inner potentiality to receive the profound instruction. Thereat the World Honoured One said to the great Bodhisattvas and chief Arhats in the assembly: I want to ask you, Bodhisattvas and Arhats who have practised my Dharma and have reached the state beyond study, this question: When you developed your minds to awaken to the eighteen fields of sense, which one did you regard as the best means of perfection and by what methods did you enter the state of Samadhi?.

Phật nói:

- Đúng thế! Đúng thế! Muốn giải tỏa thất kết thì phải mở nơi trung tâm thất kết. A Nan, ta thuyết pháp từ nhân duyên ra, chẳng phải lấy tướng thô hòa hợp của thế gian. Như Lai phát minh pháp thế gian và xuất thế gian, đều biết rõ bản nhân của nó theo sở duyên gì mà ra; cho đến quá trình dờn dỗi của một giọt mưa ở ngoài häng sa thế giới, trước mắt các thứ tòng thẳng, gai cong, cò trắng, quạ đen v.v.. đều rõ nguyên do. A Nan! Nay tùy người lựa chọn một căn nơi Lục căn, nếu giải tỏa được gốc căn thì tướng trần tự diệt, vọng tưởng liền tiêu, vậy chẳng phải chơn là gì?

- A Nan! Ta lại hỏi người: Cái khăn sáu kết này nếu cùng một lượt mở ra, có được chăng?

- Bạch Thế Tôn! Không ạ! Kết này khi thất có thứ tự, nay mở cũng phải theo thứ tự. Sáu kết dù đồng thể, nhưng thất chẳng cùng thời, thì làm sao có thể mở cùng một lượt?

Phật nói:

- Giải tỏa lục căn cũng như vậy, căn này vừa bắt đầu giải tỏa thì được Nhân Ngã Không, nếu tánh Không sáng tỏ, thì Pháp Ngã giải thoát, thành tựu pháp giải thoát xong, cả hai thứ Không đều chẳng sanh, ấy gọi là từ Tam Ma Địa, chứng Vô Sanh Pháp Nhãn của Bồ Tát.

After Ananda and the assembly had heard the Buddha's teaching, their understanding was clear and free from doubt and suspicion. Ananda brought his palms together, prostrated himself and said: Today our bodies and minds are clear, at ease and unhindered. Though I have understood what you mean by the disappearance of (both) one and six, I am still unable to perfect my sense organs. World Honoured One, I am like a lonely wanderer and a hapless orphan. How fortunate have I been to meet the Buddha and to be His relative, like a hungry baby who suddenly meets its suckling mother. This gives me a chance to attain the holy goal, but although I have listened to His profound words, I am still unawakened as if I had not heard them. Will you please reveal to me the Ultimate Approach (by means of the appropriate organ)?.

A Nan và đại chúng nghe Phật khai thị huệ giác viên thông, chẳng còn nghi hoặc, bèn chấp tay đánh lễ, bạch Phật rằng:

- Nay chúng con thân tâm rõ ràng vô ngại, dù đã ngộ cái nghĩa “nhất lục đều tiêu”, nhưng còn chưa thấu đạt nguồn gốc của viên thông. Thế Tôn, chúng con bị trôi lăn lẻ loi từ nhiều kiếp, ngờ đâu lại được làm con của Phật, như đứa bé khát sữa bỗng được gặp mẹ, nếu nhân cơ hội này mà thành đạo, được mật ngôn của Phật, đồng với bản ngộ của con, thì mới tự rõ: nghe và chưa nghe chẳng có sai biệt. Xin Phật rủ lòng từ bi ban cho bí nghiêm để con được thành tựu lời khai thị cuối cùng của Như Lai. Nói xong, năm vóc gieo sát đất, lui về chỗ ẩn mật, mong Phật âm thầm mật thọ.

LƯỢC GIẢI

Phật khai thị “Huệ giác viên thông” tức “Lục mở nhất tiêu” và đặc Vô Sanh Pháp Nhãn kể trên, do “Lục mở” nên thân được vô ngại; do “nhất tiêu” nên tâm được vô ngại, dù chưa đến nơi lục căn thanh tịnh, nhưng nhỏ nhất thì lục tiêu, lục tiêu thì nhất diệt, đã rõ ràng chẳng còn nghi hoặc, nhưng A Nan còn chưa ngộ nguồn gốc của viên thông ở đâu; căn nào viên thông nhất; dựa theo căn nào sâu vào mới mau chứng được viên thông.

Sự dựa theo căn viên thông, chứng quả viên thông, nơi A Nan thì do đó thành đạo, nơi Như Lai thì là lời khai thị cuối cùng, nên A Nan mong Phật chẳng tiếc bí nghiêm (pháp vi diệu nhiệm mầu), mà âm thầm mật thọ. Nếu nói về căn viên thông thì có thể hiển bày, so sánh căn nào viên thông nhất để dựa theo đó vào Tam Ma Địa còn có thể được; nếu muốn ngay đó chứng ngộ thì phải mỗi mỗi tự tu tự chứng, đâu thể nhờ lời nói mà đến được! Lời nói còn chẳng thể đến thì làm sao có thể mật thọ?

Nhưng theo ý của A Nan, mong Phật mật thọ, tức là Phật chẳng dùng lời nói để nói, gọi là mật ngôn; A Nan chẳng dùng cái nghe để nghe, gọi là bản ngộ, nên nói “được mật ngôn của Phật, tức đồng bản ngộ của con”, có nghe đồng như chưa nghe, thường nghe khi chưa nghe, gọi là chơn nghe, nên lui về chỗ ẩn mật mà mong cầu mật thọ.

Giả sử Phật có thể truyền thọ, A Nan có thể đắc được, thì chẳng phải là bí mật rồi, nếu do đó mà được chứng viên thông thì chẳng phải viên thông rồi. Sự chứng ngộ phải do tự ngộ, đâu thể do người khác ban cho mà được!

Lúc bấy giờ, Thế Tôn bảo khắp chư Đại Bồ Tát và hàng vô lậu Đại A La Hán trong chúng rằng:

- Các người là hàng Bồ Tát và A La Hán trong pháp ta, đã chứng quả vô học, nay ta hỏi các người: trong lúc mới phát tâm, nơi thập bát giới, ở giới nào mà ngộ được viên thông, và do phương tiện gì được vào Tam Ma Địa.

Meditation on the six sense data

Kaundinya, (one of) the first five bhikus, rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: When, soon after His enlightenment, we met the Tathagata in the Mrgadava and Kukkuta parks, I heard His voice, understood His teaching and awakened to the Four Noble Truths. When questioned by the Buddha, I interpreted them correctly and the Tathagata sealed my awakening by naming me Ajnata (Thorough Knowledge). As His wonderful voice was mysteriously all-embracing, I attained arhatship by means of sound. As the Buddha now asks about the best means of perfection, to me sound is the best according to my personal experience.

Upanisad then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: I also met the Buddha soon after His enlightenment. After meditating on impurity which I found repulsive and from which I kept, I awakened to the underlying nature of all forms I realized that (even our) bleached bones that came from impurity would be reduced to dust and would finally return to the void. As both form and the void were perceived as nonexistent, I achieved the state beyond study. The Tathagata sealed my understanding and named me Nisad. After eradicating the (relative) form, wonderful form (surupa) appeared mysteriously all-embracing. Thus I attained arhatship through meditation on form. As the Buddha now asks about the best means of perfection, to me form is the best according to my personal experience.

Kiều Trần Na trong nhóm năm vị Tỳ Kheo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật mà bạch rằng:

- Con ở Lộc Uyển và Kê Viên được lời dạy của Phật khi mới thành đạo, do âm thanh Phật ngộ Tứ Thánh Đế. Khi đó, Phật hỏi các Tỳ Kheo, con là người ngộ giải trước tiên, Như Lai ấn chứng cho con tên là A Nhã Đa (ngộ giải), được diệu âm mật viên. Con do âm thanh mà đắc quả A La Hán, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì Âm Thanh là hơn cả.

Ưu Ba Ni Sa Đà liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con cũng được lời dạy của Phật khi mới thành đạo, con quán tướng bất tịnh, sanh lòng nhàm chán, ngộ các tánh sắc đều là bất tịnh như xác chết, xương cốt thúy mục hóa ra vi trần, rồi cuối cùng trở thành hư không. Sắc và Không cả hai vốn chẳng có nên thành đạo vô học. Như Lai ấn chứng cho con tên là Ni Sa Đà (tánh không), tướng trần đã sạch, thì diệu sắc mật viên. Con do sắc tướng mà đắc quả A La Hán, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì Sắc Tướng là hơn cả.

A Bodhisattva named Fragrance-adorned then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: After the Tathagata had taught me to look into all worldly phenomena, I left Him and retired to set my mind at rest. While observing the rules of pure living, I saw the bhikus burn sandal incense. In the stillness, its fragrance entered my nostrils. I inquired into this smell which was neither sandalwood nor voidness, and neither smoke nor fire and which had neither whence to come nor whither to go; thereby my intellect vanished and I achieved the state beyond the stream of transmigration. The Tathagata sealed my awakening and named me Fragrance-adorned. After the sudden elimination of (relative) smell, the wonderful fragrance became mysteriously all-embracing. Thus I attained arhatship by means of smell. As the Buddha now asks about the best means of perfection, to me smell is the best according to my personal experience.

The two Bodhisattvas called Bhaisajya-rajā and Bhaisajya-samudgata who were present with five hundred Brahmadevas, then rose from their seats, prostrated themselves with their heads at the feet of the Buddha and declared: 'since the time without beginning we have been skilful physicians in the world and have tasted with our own mouths herbs, plants and all kinds of mineral and stone found in the world (saha), numbering 108,000 in all. As a result we know perfectly their tastes, whether bitter or sour, salt, insipid, sweet, acrid, etc., their natural, changing or harmonizing properties, and whether they are cooling, heating, poisonous or wholesome. We received instruction from the Tathagata and knew clearly that taste was neither existing nor non-existent, was neither body nor mind and did not exist apart from them. Since we could discern the cause of taste, we achieved our awakening which was sealed by the Buddha who then named us Bhaisajya-rajā and Bhaisajyasamudgata. We are now ranked among the 'sons of the Dharma king. in this assembly and because of our awakening by means of taste, we have attained the Bodhisattva stage. As the Buddha now asks about the best means of perfection, to us taste is the best according to our personal experience.

Hương Nghiêm Đồng Tử liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Con nghe Như Lai dạy quán các tướng hữu vi, khi về trai đường tĩnh tọa, đang lúc thiền quán, thấy các Tỳ Kheo đốt hương trầm thủy, mùi hương lạng lẽ bay vào lỗ mũi. Con quán mùi hương này phi gỗ phi không, phi khói phi lửa, chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu, do đó, ý căn tiêu diệt, phát minh vô lậu, Như Lai ấn chứng cho con hiệu là Hương Nghiêm, hương trần đã diệt thì diệu hương mật viên. Con do hương nghiêm đắc quả A La Hán, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì Hương Trần là hơn cả.

Hai vị Pháp Vương Tử Dược Vương và Dược Thượng, cùng với năm trăm Phạm Thiên trong hội, liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Chúng con làm lương y nơi thế gian nhiều kiếp từ vô thủy, trong miệng từng nếm những cỏ cây, kim thạch trong cõi Ta Bà này, đến mười vạn tám ngàn thứ, nên biết hết các vị đắng, chua, mặn, lạt, ngọt, cay v.v... và sự biến đổi của các vật hòa hợp hay tự sanh, là tánh thuốc nóng hay mát, có độc hay chẳng độc, thấy đều biết cả.

- Từ khi phụng sự Như Lai, rõ biết tánh vị phi không phi hữu, phi tức thân tâm, phi lìa thân tâm, do phân biệt bản nhân của vị trần mà khai ngộ, được Phật ấn chứng cho anh em chúng con cái danh hiệu Dược Vương và Dược Thượng Bồ Tát; nay ở trong hội này, làm Pháp Vương Tử. Chúng con do vị trần mà giác ngộ, lên bậc Bồ Tát, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của chúng con, thì Vị Trần là hơn cả.

Bhadrapala who was with sixteen companions who were all great Bodhisattvas, rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: When the Buddha with an awe-inspiring voice (Bhismagarjita-ghosa-svara-raja) appeared in the world, I heard of the Dharma and left home. At the time of bathing, I followed the rules and entered the bathroom. Suddenly I awakened to the causal water which cleansed neither dirt nor body; thereby I felt at ease and realized the state of nothingness. As I had not forgotten my former practice, when I left home to follow the Buddha in my present life, I achieved the state beyond study. That Buddha named me Bhadrapala because of my awakening to wonderful touch and my realization of the rank of a son of Buddha. As the Buddha asks now about the best means of perfection, to me touch is the best according to my personal experience.

Mahakasyapa who was present with the bhiksuni golden Light. and others (of his group), then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: In a former aeon, when Candras urya-pradipa Buddha appeared in this world, I had a chance of following him and of hearing the Dharma which I practised. After he had passed away, I revered his relics, lit lamps to perpetuate his light and decorated his statue with pure gold powder. Since then, in every subsequent reincarnation, my body has been radiant with perfect golden light. This bhiksuni golden Light. and the others who are with her, are my retinue because we developed the same mind at the same time. I looked into the six changing sense data which can be reduced to complete extinction only through the state of nirvana. Thus my body and mind were able to pass through hundreds and thousands of aeons in a fingersnap. By eradicating all dharma (things and ideas), I realized arhatship and the World Honoured One declared that I was the foremost disciplinarian. I awakened to the wonderful dharma, thereby putting an end to the stream of transmigration. As the Buddha now asks about the best means of perfection, to me dharma are the best according to my personal experience.

Bạt Đà Bà La cùng các bạn mười sáu Đại Sĩ liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Chúng con trước kia ở nơi Phật Oai Âm Vương nghe pháp rồi xuất gia, đến giờ tắm, chúng con theo lệ vào phòng tắm, bỗng ngộ tánh nước đã chẳng rửa bụi, cũng chẳng rửa thân, khoảng giữa an nhiên, vốn vô sở đắc. Cho đến hôm nay theo Phật xuất gia, vì sự huân tập từ xưa chẳng quên, khiến đắc quả vô học, Như Lai đặt tên con là Bạt Đà Bà La (hiền hộ) do phát minh diệu xúc, thành Pháp Vương Tử, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con thì Xúc Trần là hơn cả.

Ma Ha Ca Diếp và Tử Kim Quang Tỳ Kheo Ni liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Kiếp xưa, trong cõi này có Phật Nhật Nguyệt Đẳng ra đời, con được thân cận nghe pháp tu học, sau khi Phật diệt độ, con thắp đèn liên tục cúng dường Xá Lợi, lại lấy vàng Tử Kim Quang tô thếp hình tượng Phật. Từ đó đến nay, đời đời kiếp kiếp, thân thể thường viên mãn sáng ngời như vàng Tử Kim Quang. Tử Kim Quang Tỳ Kheo Ni này, tức quyền thuộc cùng phát tâm khi xưa của con.

- Con quán thế gian, lục trần đều biến hoại, chỉ y theo Pháp Không Tịch, tu Diệt Tận Định, thì thân tâm mới có thể trải qua trăm ngàn kiếp như búng ngón tay. Con do quán Pháp Không, đắc quả A La Hán. Thế Tôn khen con tu hạnh đầu đà bậc nhất, diệu pháp sáng tỏ, tiêu diệt phiền não, Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì Pháp Trần là hơn cả.

Meditation on the five sense organs

Aniruddha then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: After I left home, I was always very fond of sleep and the Tathagata scolded me, saying that I was like an animal. After this severe reprimand, I wept bitterly and blamed myself. Because of my sadness I did not sleep for seven successive nights and went completely blind. Then the World Honoured One taught me how to take delight in the Enlightening Vajra Samadhi which enabled me to perceive, not with my eyes (but my mind), the Pure Truth pervading the ten directions, very clearly perceptible, as easy to see as a mango held in my own hand. The Tathagata sealed my attainment of arhatship. As He now asks about the best means of perfection, to me seeing is, according to my personal experience, the best which is made possible by turning the organ of sight back to its source.

Ksudrapanthaka then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared:
I did not know much (about the Dharma) for want of reading and reciting (the Scriptures). When I first met the Buddha, I heard of the Dharma and then left home. I tried to memorize a line of His gatha but failed for a hundred days because as soon as I could retain its first words, I forgot the last ones, and when I could remember the last words, I forgot the first ones. The Buddha took pity on my stupidity and taught me how to live in a quiet retreat and to regularize my breathing. At the time I looked exhaustively into each in and out breath and realized that its rise, stay, change and end lasted only an instant (ksana); thereby my mind became clear and unhindered until I stepped out of the stream of transmigration and finally attained arhatship. I came to stay with the Buddha who sealed my realization of the state beyond study. As He now asks about the best means of perfection, to me breathing is the best according to my personal experience in turning the breath back to the condition of nothingness.

A Na Luật Đà liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Lúc con mới xuất gia, thường ham nằm ngủ. Như Lai quở con là loài súc sinh, nghe lời Phật quở, con khóc lóc tự trách, suốt bảy ngày không ngủ, hư cả hai con mắt. Thế Tôn dạy con tu pháp “Lạc Kiến Chiếu Minh Kim Cang Tam Muội” chẳng nhờ con mắt, xem thấy mười phương rỗng suốt như trái cây trong bàn tay; Như Lai ấn chứng cho con đắc quả A La Hán. Phật hỏi về viên thông như chỗ chứng của con, thì Xoay Cái Thấy Trở Về Bản Tánh là hơn cả.

Châu Lợi Bàn Đạc Ca liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Con kém trí nhớ, chẳng thể tụng trì, khi mới gặp Phật, nghe Pháp rồi xuất gia, con cố nhớ một câu kệ của Như Lai, trong một trăm ngày mà chẳng thuộc lòng, hề nhớ trước thì quên sau, nhớ sau thì quên trước, Phật thương xót con ngu muội, dạy con an cư, tu Sổ Tức Quán. Con quán hơi thở đến chỗ cùng tột, thấy các hành tướng vi tế dời đổi từng sát na nơi sanh, trụ, dị, diệt, tâm con bỗng ngộ, được đại vô ngại, cho đến phiền não dứt sạch, đắc quả A La Hán, trước pháp tọa của Phật, được ấn chứng thành bậc vô học. Phật hỏi về viên thông như chỗ chứng của con, thì Xoay Hơi Thở Trở Về Tánh Không là hơn cả.

Gavampati then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: Because of my verbal sin when I trifled with monks in a former aeon, in every succeeding reincarnation I have been born with a mouth that always chews the cud like a cow. The Tathagata taught me the pure and clean doctrine of One Mind which enabled me to eliminate the conception of mind for my entry into the state of Samadhi. I looked into tasting, realized that it was neither (a subjective) substance nor (an objective) thing and leaped beyond the stream of transmigration; I thereby disengaged myself from both the inner body and mind and the outer universe and was released from the three worlds of existence. I was like a bird escaping from its cage, thus avoiding impurities and defilements. With my Dharma eye now pure and clean, I attained arhatship and the Tathagata personally sealed my realization of the stage beyond study. As the Buddha now asks about the best means of perfection, to me the turning of taste back to its knower is the best according to my personal experience.

Pilindavatsa then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: When I first followed the Buddha to enter upon the Path, very often I heard the Tathagata speak about the worldly which could not give joy and happiness. (One day) I went to town to beg for food, and as I was thinking about His teaching, I stepped inadvertently on a poisonous thorn that pierced my foot and caused me to feel pain all over my body. I thought of my body which knew and felt this great pain. Although there was this feeling, I looked into my pure and clean mind which no pain could affect. I also thought, .How can this one body of mine have two sorts of feeling? and after a short (mental) concentration on this, all of a sudden, my body and mind seemed to be non-existent and three weeks later I achieved the stage beyond the stream of transmigration and thereby attained arhatship. The Buddha personally sealed my realization of the stage beyond study. As He now asks about the best means of perfection, to me the pure awareness that wipes out the (conception of) body is the best according to my personal experience.

Kiều Phạm Bạt Đề liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Con có khẩu nghiệp khinh rẻ Sa Môn trong kiếp quá khứ, nên đời đời mắc bệnh nhai như trâu, Như Lai dạy con pháp môn: “Nhất Vị Thanh Tịnh Tâm Địa”. Con quán tánh biết vị chẳng phải thân thể, chẳng phải ngoại vật, ngay đó được siêu thoát những tập khí thế gian, bên trong giải thoát thân tâm, bên ngoài lìa bỏ thế giới, xa lìa tam giới như chim sỏ lồng, lìa cấu tiêu trần, pháp nhãn thanh tịnh, đắc quả A La Hán. Như Lai ấn chứng cho con lên bậc vô học. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì Xoay Cái Biết Vị Trở Về Tự Tánh là hơn cả.

Tất Lăng Già Bà Ta liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Khi con mới phát tâm theo Phật, thường nghe Như Lai dạy về những việc chẳng vui trong thế gian. Lúc đi khát thực trong thành, đang suy nghĩ pháp môn, bất giác bị gai góc đâm vào chân, cả thân đau đớn con nghĩ: Có cái năng biết mới biết sự đau đớn này; dù biết đau đớn, nhưng bản giác trong sạch, vốn chẳng có năng đau và sở đau. Con lại suy nghĩ: Một thân đau thể có hai giác? (năng giác và sở giác). Nhiếp niệm chưa bao lâu, thân tâm bỗng thành không tịch, trong 21 ngày, các tập khí phiền não đều dứt sạch, đắc quả A La Hán. Như Lai ấn chứng cho con lên bậc vô học. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì Quên Thân Thuần Giác là hơn cả.

Subhuti then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: As my mind was already free from all hindrances in former aeons, I can now remember my previous reincarnations as countless as the sands in the Ganges. Even when I was a foetus in my mother's womb, I had already awakened to the condition of still voidness which subsequently expanded to fill all the ten directions and which enabled me to teach living beings how to awaken to their absolute nature. Thanks to the Tathagata, I realized the absolute voidness of self-natured awareness, and with the perfection of my immaterial nature, I attained arhatship, thereby entering suddenly into the Tathagata's Precious Brightness which was as immense as space and the ocean, wherein I (partially) achieved Buddha knowledge. The Buddha sealed my attainment of the stage beyond study; I am, therefore, regarded as the foremost disciple because of my understanding of immaterial self-nature. As the Buddha now asks about the best means of perfection, according to my personal experience, the best consists in perceiving the unreality of all phenomena, with the elimination of even this unreality, in order to reduce all things to nothingness.

Meditation on the six consciousnesses

Sariputra then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: In former aeons, the sight-perception of my mind was already pure and clean, and in my subsequent incarnations as countless as the sands in the Ganges, I could see without hindrance through all things either on a worldly or supramundane plane. (One day), I met on the road the two brothers Kasyapa who were both preaching the doctrine of causality, and after listening to them, my mind awakened to the Truth and thereby became extensive and boundless. I then left home to follow the Buddha and achieved perfect sight perception thereby acquiring fearlessness, attaining arhatship and qualifying as the Buddha's Elder Son . born from the Buddha's mouth and by transformation of the Dharma. As the Buddha now asks about the best means of perfection, according to my personal experience, the best consists in realizing the most illuminating knowledge by means of the mind's radiant sightperception.

Tu Bồ Đề liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Con từ nhiều kiếp đến nay, tâm được vô ngại, tự nhớ thọ sanh nhiều đời như hằng sa; lúc còn trong thai đã biết tánh Không Tịch, cũng khiến chúng sanh chứng được tánh Không, như thế cho đến mười phương đều thành tánh Không. Nhờ Như Lai phát minh Giác Tánh Chơn Không, nên tánh Không được sáng tỏ, đắc quả A La Hán, đốn nhập Tánh Không sáng tỏ của Biển Giác, đồng Tri Kiến Phật, được ấn chứng thành bậc vô học, về giải thoát tánh Không, con là bậc nhất, Phật hỏi về viên thông như chỗ chứng của con thì chư tướng phi tướng, cả năng phi và sở phi đều sạch, xoay Pháp Về Tánh Không là hơn cả.

Xá Lợi Phất liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con từ nhiều kiếp đến nay, Tánh Kiến của bản tâm trong sạch, thọ sanh nhiều đời như hằng sa, đối với các pháp biến hóa của thế gian và xuất thế gian, hễ thấy liền thông suốt, được chẳng ngăn ngại. Con ở giữa đường gặp anh em Ca Diếp Ba thuyết nghĩa nhân duyên, ngộ tâm chẳng bờ bến. Con theo Phật xuất gia, giác ngộ Tánh Kiến sáng tỏ, được đại vô úy, đắc quả A La Hán, do pháp âm của Như Lai hóa sanh, làm trưởng tử của Phật. Phật hỏi về viên thông, như chỗ chứng của con, thì Tánh Kiến Của Bản Tâm Sáng Tỏ, Sự Sáng Tỏ Đến Chỗ Cùng Cực, Đồng Tri Kiến Phật là hơn cả.

Samantabhadra Bodhisattva then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: I was already a son of the Dharma king when formerly I was with the Tathagatas who were countless as the sands in the Ganges. All the Buddhas in the ten directions who teach their disciples to plant Bodhisattva roots, urge them to practise Samantabhadra deeds which are called after my name. World Honoured One, I always use my mind to listen in order to distinguish the variety of views held by living beings. If in a place, separated from here by a number of worlds as countless as the sands in the Ganges, a living being practises Samantabhadra deeds, I mount at once a sixtusked elephant and reproduce myself in a hundred and a thousand apparitions to come to his aid. Even if he is unable to see me because of his great karmic obstruction, I secretly lay my hand on his head to protect and comfort him so that he can succeed. As the Buddha now asks about the best means of perfection, according to my personal experience, the best consists in hearing with the mind, which leads to non-discriminative discernment.

Sundarananda then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: When I left home to follow the Buddha, although fully ordained, I failed to realize the state of Samadhi because my mind was always unsettled; I was, therefore, unable to reach the condition beyond the stream of transmigration. The World Honoured One then taught me and Kausthila to fix the mind on the tip of the nose. I started this meditation and some three weeks later, I saw that the breath that went in and out of my nostrils was like smoke; inwardly both body and mind were clear and I looked through the (external) world which became a pure emptiness like crystal everywhere. The smoke gradually disappeared and my breath became white. As my mind opened, I achieved the state beyond the stream of transmigration. Both my in and out breaths, now bright, illumined the ten directions so that I attained the arhat stage. The World Honoured One prophesied that I would win enlightenment. As He now asks about the best means of perfection, according to my personal experience, the best is to eliminate breath which will then turn radiant, ensuring the attainment of the stage of perfection beyond the stream of transmigration.

Phổ Hiền Bồ Tát liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Con đã từng làm Pháp Vương Tử cho hằng sa Như Lai, mười phương Như Lai dạy những đệ tử có căn cơ Bồ Tát, tu hạnh Phổ Hiền, hạnh đó theo con mà lập tên. Thế Tôn, con dùng Tánh Văn của bản tâm, phân biệt tất cả tri kiến của chúng sanh. Nếu ở phương khác, ngoài hằng sa thế giới, mỗi thế giới đều có chúng sanh phát tâm theo hạnh Phổ Hiền, thì liền trong lúc đó con cõi voi sáu ngà, phân thân thành trăm ngàn, đồng thời đến mọi nơi, dẫn họ nghiệp chướng còn sâu, chưa thấy được con, con cũng thăm xoa đầu họ, ủng hộ an ủi, khiến cho họ được thành tựu hạnh nguyện. Phật hỏi về viên thông, nơi bản nhân của con thì Tánh Văn của Bản Tâm Sáng Tỏ, Phân Biệt Tự Tại là hơn cả.

Tôn Đà La Nan Đà liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Lúc con mới theo Phật xuất gia, dù giữ đủ giới luật, nhưng với pháp Tam Ma Địa, tâm thường tán loạn, chưa được vô lậu. Thế Tôn dạy con và Câu Si La quán nơi chót mũi, lúc con mới bắt đầu tu quán này, trải qua 21 ngày, thấy hơi thở ra vào như khói, thân tâm sáng tỏ, chiếu khắp thế giới thành rỗng không, trong sạch như lưu ly; tướng khói dần dần tiêu tan, hơi thở hóa thành màu trắng, tâm được khai ngộ, tập khí dứt sạch, những hơi thở ra vào hóa thành ánh sáng chiếu khắp mười phương thế giới, đắc quả A La Hán. Thế Tôn thọ ký cho con sẽ được Bồ Đề. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Sở Tức, Tiêu Diệt Hơi Thở, Quán Lâu Phát Minh Sáng Tỏ, Dứt Sạch Phiền Não là hơn cả.

Purnamaitrayaniputra then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: In former aeons, my power of speech was unhindered and I preached the (doctrine of) misery and unreality, thereby penetrating deep into the absolute Reality. I (also) expounded in the assembly the Tathagata's Dharma doors to enlightenment as uncountable as the sands in the Ganges, and thereby won fearlessness. The World Honoured One knew that I had acquired the great power of speech and taught me how to perform the Buddha work by preaching. There, in his presence, I assisted Him in turning the Wheel of the Law and since I could give the lion's roar, I attained arhatship. He sealed my unexcelled skill in expounding the Dharma. As He now asks about the best means of perfection, according to my opinion, the best consists in employing the Dharma voice to subdue the enmity of Mara and to stop the stream of transmigration.

Upali then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: I personally accompanied the Buddha and we climbed the city wall to flee from home. With my own eyes, I saw how He endured hardship in His practice during the first six years of ascetic life, subdued all demons, overcame heretics and freed Himself from worldly desires and all impure efflux (asrava) from the mind. He personally taught me discipline, including the three thousand regulations and eighty thousand lines of conduct which purified all my innate and conventional subtle karmas.¹⁴⁹ As my body and mind were in the nirvanic state, I attained arhatship and the Tathagata sealed my mind because of my strict observance of discipline and control of body. I am now a pillar of discipline in this assembly and am regarded as the foremost disciple. As the Buddha now asks about the best means of perfection, in my opinion, the best consists in disciplining the body so that it can free itself from all restraints and then in disciplining the mind so that it can be all-pervading, which results in the freedom of both body and mind.

Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con từ nhiều kiếp đến nay, được biện tài vô ngại, thuyết pháp Khổ Không, thông đạt thật tướng, như thế cho đến pháp môn bí mật của hàng sa Như Lai, đều vì diệu khai thị cho chúng sanh được sức vô úy. Thế Tôn biết con có biện tài lớn, dạy con dùng âm thanh giúp Phật chuyển pháp luân, hoằng dương Chánh Pháp. Con do thuyết pháp, đắc quả A La Hán. Thế Tôn ấn chứng cho con thuyết pháp bậc nhất. Phật hỏi về viên thông, con do Pháp Âm Hàng Phục Tà Ma Ngoại Đạo, Tiêu Diệt Tập Khí Phiền Não là hơn cả.

Ưu Ba Ly liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con theo Phật, vượt thành xuất gia. Như Lai sáu năm khổ hạnh, hàng phục tà ma, chế phục ngoại đạo, giải thoát tham dục phiền não của thế gian, tất cả con đều đích thân được thấy. Phật dạy con trì giới, cho đến ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, các Tánh Nghiệp và Giá Nghiệp thấy đều trong sạch, thân tâm tịch diệt, đắc quả A La Hán. Con là người điều hành kỷ luật trong chúng. Thế Tôn ấn chứng cho con tu thân trì giới bậc nhất. Phật hỏi về viên thông, con do Trì Thân, Trì Thân Được Tự Tại, Lấn Đến Trì Tâm, Tâm Được Thông Suốt, Rồi Cả Thân Tâm Đều Thông Triệt là hơn cả.

Maha-Maudgalyayana then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: One day as I was begging for food in the street, I met the three Kasyapa brothers, Uruvilva, Gaya and Nadi, who preached the profound doctrine of causality taught by the Tathagata. Suddenly my mind opened and became allpervading. Then the Tathagata gave me a monk's robe and when I wore it, my hair and beard fell out. I rambled in the ten directions and met no obstruction. I thus acquired transcendental power which proved the foremost and led to my attainment of arhatship. Not only the World Honoured One, but all the Tathagatas in the ten directions praised my supernatural powers which were perfect, pure, sovereign and fearless. As the Buddha now asks about the best means of perfection, in my opinion the best consists of returning to stillness to allow the light of the mind to appear just as muddy water by settling becomes pure and clean as crystal.

149. Karma against natural law, eg. stealing, and karma against conventional rules, eg. for a monk to eat meat.

Meditation on the seven elements¹⁵⁰

Usschusma then came forward in front of the Tathagata, joined the palms of his two hands, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: I can still remember that in a very remote aeon, I was filled with sensual desire. At the time a Buddha called The King of Immateriality appeared in the world. According to him, those with lustful desires increased their own hell fires. He then taught me to meditate on the bones in my body, on my four limbs and on my warm and cold breaths. So by turning inwardly the spiritual light for pointed concentration, my lustful mind turned into the fire of wisdom. Since then, I was called Fire Head by all the Buddhas. Because of my powerful Fire Light Samadhi, I attained arhatship. Then I took my great vow to become a demigod (vira) so that when all Buddhas were about to attain enlightenment, I would personally help them to overcome the enmity of Mara. As the Buddha now asks about the best means of perfection, according to my opinion, the best consists in looking into the non-existent heat in my body and mind in order to remove all hindrances thereto and to put an end to the stream of transmigration so that the great Precious light can appear and lead to the realization of Supreme Bodhi.

150. The seven elements are: fire, earth, water, wind, space, consciousness and perception.

Đại Mục Kiền Liên liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Trước kia con khát thực giữa đường, gặp ba anh em Ca Diếp Ba là: Ưu Lô Tần Loa, Già Gia, và Na Đề, giảng về nghĩa nhân duyên thâm sâu của Như Lai, con liền phát tâm, được đại thông đạt. Như Lai ban cho con áo cà sa đắp trên mình, râu tóc tự rụng, con đi khắp mười phương được chẳng ngăn ngại, phát ra thần thông là bậc nhất, đắc quả A La Hán. Chẳng những Thế Tôn, cả mười phương Như Lai đều khen thần lực con sáng tỏ trong sạch, tự tại vô úy. Phật hỏi về viên thông, con do xoay Ý Thức Lăng Xăng, Trở Về Tịch Lặng, Nên Diệu Tâm Sáng Tỏ, như lắng nước đục lâu thành trong sáng là hơn cả.

Ô Xô Sắt Ma chấp tay đánh lễ bạch Phật:

- Con thường nhớ những kiếp xưa, tánh hay tham dục. Lúc ấy có Phật Không Vương ra đời, nói người đa dâm như đống lửa hồng, dạy con quán khắp hơi lạnh và nóng trong cơ thể, ánh sáng tự tánh lặng đứng nơi trong, hóa tâm đa dâm thành lửa trí huệ, từ đó chừa Phật đều gọi con là Hỏa Đầu. Con nhờ sức "Hỏa Quang Tam Muội", đắc quả A La Hán; trong tâm phát đại nguyện, chừa Phật thành đạo, con sẽ làm lực sĩ, uốn dẹp bọn tà ma. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Hơi Ấm Nơi Thân Tâm Lưu Thông Chẳng Ngại, Phiền Não Dứt Sạch, Sanh Lửa Trí Huệ, Chứng Vô Thượng Giác là hơn cả.

Dharanimdhara Bodhisattva then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: I still remember that formerly when the Buddha of Universal Light appeared in the World, I was a bhiksu who used to level all obstacles, build bridges and carry sand and earth to improve the main roads, ferries, ricefields and dangerous passes which were in bad condition or impassable to horses and carts. Thus I continued to toil for a long time in which an uncountable number of Buddhas appeared in the World. If someone made a purchase at the marketplace and required another to carry it home for him, I did it without charge. When Visvabhu Buddha¹⁵¹ appeared in the world and famine was frequent, I became a carrier charging only one coin no matter whether the distance was long or short. If an ox cart could not move in a bog, I used my supernatural power to push its wheels free. One day the king invited that Buddha to a feast: as the road was bad, I leveled it for him. The Tathagata Visvabhu placed his hand on my head and said: You should level your mind-ground, then all things in the world will be on the same level. (Upon hearing this), my mind opened and I perceived that the molecules of my body did not differ from those of which the world is made. These molecules were such that they did not touch one another and could not be touched even by sharp weapons. I then awakened to the patient endurance of the uncreate and thereby attained arhatship. Then by turning my mind inwards, I realized the Bodhisattva stage and when I heard the Tathagatas expound the Buddha's Universal Knowledge in the profound Lotus Sutra, I was the first listener to be awakened to it and was made a leader of the assembly. As the Buddha now asks about the best means of perfection, in my opinion, the best consists in looking into the sameness of body and universe which are created by infection from falsehood arising from the Tathagata store, until this defilement vanishes and is replaced by perfect wisdom which then leads to the realization of Supreme Bodhi.

151. The third of the seven Buddhas of antiquity. Cf. Chan and Zen Teaching, Second Series, page 28.

Trì Địa Bồ Tát liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con nhớ kiếp xưa, khi Phật Phổ Quang ra đời, con làm Tỳ Kheo, thường hay sửa sang những đoạn đường, bến nước, nơi gặp ghềnh, lồi lõm làm cản trở xe cộ, hoặc làm cầu cống, hoặc gánh đất cát, siêng năng chịu cực, trải qua nhiều đời Phật. Hoặc có chúng sanh ở nơi chợ búa cần người mang đồ, con liền mang giúp đến nơi đến chốn mà chẳng lấy tiền.

- Khi Phật Tỳ Xá Phù ra đời, nhằm lúc đói kém, con cũng giúp người, chẳng kể xa gần, chỉ lấy một xu; hoặc có xe trâu bị sa xuống bùn lầy, con dùng thần lực xô kéo, khiến ra khỏi khổ não. Thuở đó, vua thiết trai cúng dường Phật, con bèn sửa đường, chờ Phật đi qua, Tỳ Xá Như Lai xoa đỉnh đầu con và bảo rằng: “Nên bình tam địa, thì tất cả địa trên thế giới đều bình”. Con liền khai ngộ, thấu vi trần của thân thể với tất cả vi trần tạo thành thế giới đều chẳng sai biệt; vi trần tự tánh không, nên mỗi mỗi chẳng đụng chạm nhau, cho đến binh lính giao chiến cũng chẳng đụng chạm. Con do pháp tánh ngộ Vô Sanh Nhân, đắc quả A La Hán, hồi tâm hướng Đại Thừa, vào ngôi vị Bồ Tát, nghe chư Phật khai diễn Diệu Pháp Liên Hoa, nhập Tri Kiến Phật, con được chứng minh là bậc thượng thủ. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Thân Thể Và Thế Giới Hai Thứ Vi Trần Chẳng Sai Biệt, Vốn Là Như Lai Tạng, Do Hư Vọng Phát Ra Cảnh Trần; Trần Tiêu thì Trí Hiện, Thành Vô Thượng Đạo là hơn cả.

Candraprabha Bodhisattva then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: I still remember that in the remotest of aeons countless as the sands in the Ganges, there was a Buddha, called Varuna, who appeared in the world and taught Bodhisattvas to contemplate the element of water in order to enter into the state of Samadhi. This method consists in looking into the body wherein all watery elements do not by nature suppress one another, using as subjects of meditation first tears and snot, and then saliva, secretion, blood, urine and excrement, and then reversing the order, thereby perceiving that this element of water in the body does not differ from that of the fragrant oceans that surround the Pure Lands of Buddhas, situated beyond our world. When I achieved this contemplation, I succeeded in realizing only the sameness of the element of water (everywhere) but failed to relinquish (my view of) the body. I was then a bhiksu practising dhyana and when my disciple peeped into the room, he saw that it was filled entirely with clear water, without anything else. As he was an ignorant boy, he picked up a broken tile, threw it into the water with a splash, gazed curiously and left. When I came out of my dhyana state, I suddenly felt pain in my heart as if I had the same trouble which Sariputra had with a wicked demon. I thought, 'since I have realized arhatship, I should be free from all causal ailments. Why today, all of a sudden, have I pain in my heart; is it not a sign of my backsliding?. When the boy returned and related what he had seen and done during my meditation, I said: When next you see water in my room, open the door, enter the water and take away the broken tile. The boy obeyed, for when I again entered the dhyana state, he saw the same broken tile in the water; he then opened the door and removed the tile. When I came out of dhyana, my pain had vanished. Later, I met countless Buddhas before I encountered Sagara-varadhara-buddhivikr idita-bhijna Buddha (under whose instruction) I succeeded in relinquishing (the conception of) body, thereby realizing perfect union of this body and the fragrant oceans in the ten directions with absolute voidness, without any further differentiation. This is why I was called .a son of a Buddha. And was qualified to attend all Bodhisattva meetings. As the Buddha now asks about the best means of perfection, in my opinion the best consists in achieving the unhindered universalizing pervasion of the element water, thereby realizing the patient endurance of the uncreate which ensures Complete Enlightenment.

Nguyệt Quang Đồng Tử liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con nhớ hằng sa kiếp trước, có Phật Thủy Thiên ra đời, dạy chư Bồ Tát tu tập Thủy Quán, vào Tam Ma Địa. Con quán tánh thủy trong thân từ nước mũi, nước bọt, cho đến các thứ dịch vị, tinh huyết, đại tiểu tiện, lưu chuyển trong thân, đều đồng một tánh thủy, thấy nước trong thân cùng nước các bể Hương Thủy của Liên Hoa Tạng Thế Giới đều chẳng khác.

- Khi con mới tu thành quán này, tuy được thấy nước, chưa được quên thân. Lúc ấy, con là Tỳ Kheo tọa thiền trong phòng, đệ tử con từ cửa sổ nhìn vào, thấy nước trong đầy khắp phòng, nó nhỏ dại không biết, liền lấy một miếng ngói ném vào nước phát ra tiếng, thích thú bỏ đi, khi con xuất định, liền thấy đau tim như Xá Lợi Phất bị quỷ Vi Hại đập. Con tự nghĩ: Nay con đã đắc quả A La Hán, lìa khỏi bệnh duyên đã lâu, sao bỗng bị đau tim, chẳng lẽ đã bị lui sụt chăng? Lúc bấy giờ, đệ tử đến kể lại việc trên, con mới bảo nó sau này nếu lại thấy nước thì nên mở cửa, vào lấy miếng ngói ra. Đệ tử vâng lời, khi con nhập định, nó lại thấy nước với miếng ngói rõ ràng, liền mở cửa lấy ra, sau đó con xuất định thì thân thể lại được như cũ.

- Con trải qua nhiều đời, gặp vô số Phật, đến đời Sơn Hải Tự Tại Thông Vương Như Lai, thì con mới được quên thân. Từ đó, cả thân đều hóa thành nước, cùng với nước các bể Hương Thủy nơi mười phương thế giới đồng một tánh Chơn Không, chẳng hai chẳng khác; nay ở nơi Như Lai, được danh hiệu là Đồng Chơn, dự hội Bồ Tát. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Tánh Nước Một Mực Lưu Thông, Được Vô Sanh Nhẫn, Bồ Đề Viên Mãn là hơn cả.

The Bodhisattva of Crystal Light then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: I still remember that once, in the remotest of aeons countless as the sands in the Ganges, there was a Buddha called .Infinite Voice. who appeared in the world to reveal to Bodhisattvas the profoundly enlightened fundamental awareness which, by looking into this world and the bodily forms of all living beings, could perceive that all were created by the power of the wind arising from illusory concurrent causes. At the time, I inquired into the (illusory) setting up of the world, changing time, bodily motion and motionlessness, stirring of mind, in other words all kinds of movement which were fundamentally the same and did not differ from one another. I then realized that these movements had neither whence to come nor whither to go and that all living beings in the ten directions, as uncountable as the dust, came from the same falsehood. Likewise, all living beings in every small world of the great chiliocosm were like mosquitoes in a trap in which they hummed aimlessly and created a mad tumult. Soon after meeting that Buddha, I realized the patient endurance of the uncreate. As my mind opened, I perceived the land of the imperturbable Buddha in the eastern region where I was admitted as a son of the Dharma king, serving all the Buddhas in the ten directions. My body and mind gave out rays of light that illumined all the worlds without obstruction. As the Buddha now asks about the best means of perfection, in my opinion the best consists in looking into the power of the element of wind which has nothing (real) on which to rely, thereby awakening to the Bodhi mind so as to enter Samadhi and (then) to unite with the profound One Mind expounded by the Buddhas in the ten directions.

Lưu Ly Quang Pháp Vương Tử liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Con nhớ hằng sa kiếp trước, có Phật Vô Lượng Thanh ra đời, khai thị bản giác diệu minh cho hàng Bồ Tát, dạy quán thế giới và thân chúng sanh đều theo sức gió của vọng duyên xoay chuyển.

- Bảy giờ, con quán sự an lập của không gian, sự động chuyển của thời gian, hành động của thân thể, sự động tịnh của tâm niệm, những cái động ấy đều chẳng hai chẳng khác. Lúc đó, con liền giác ngộ tánh của những thứ động ấy, chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu, mười phương vô số diên đảo chúng sanh đều đồng một hư vọng, như vậy cho đến tất cả chúng sanh trong một tam thiên đại thiên thế giới, giống như hàng trăm con muỗi đưng trong bình, vo ve kêu ầm, ở nơi nhỏ hẹp phát ra náo loạn. Con gặp Phật chưa bao lâu, được Vô Sanh Nhãn, lúc bảy giờ khai ngộ, thấy cõi Phật Đông Phương Bất Động, làm Pháp Vương Tử, phụng sự mười phương Phật, thân tâm phát ra ánh sáng, thấu triệt chẳng ngại. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Sức Gió Chăng Nơi Nương Tựa, Ngộ Tâm Bồ Đề, Vào Tam Ma Địa, Khế Hợp Với Diệu Tâm Của Mười Phương Phật là hơn cả.

Akasagarbha Bodhisattva then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: When the Tathagata and I were with Dipamkara Buddha and realized our boundless bodies, I held in my hands four big precious gems¹⁵² which illumined all Buddha lands in the ten directions, as uncountable as dust, and transmuted them into the (absolute) void. Then my own mind appeared like a great mirror emitting ten kinds of mysterious precious light¹⁵³ which penetrated the ten directions, reaching the boundaries of space and causing all pure lands of Buddhas to enter the mirror and then to intermingle freely with my own body which was just like unobstructive space. (Then) my body could enter perfectly as many (samsaric) countries as there are grains of dust to carry out far and wide the Buddha works (of salvation) so that universality could prevail (everywhere). This great transcendental power derived from my close inquiry into the four elements which had nothing real to rely upon and into false thinking that rose and fell (alternately and ended in nothingness). I realized the nonduality of space and the sameness of the Buddha's (pure lands) and samsaric worlds, thereby achieving the patient endurance of the uncreate. As the Buddha now asks about the best means of perfection, according to my own experience, the best consists in the close examination into boundless space, leading to entry into Samadhi and perfecting thereby the mysterious spiritual power.

152. This Bodhisattva had then succeeded in his meditation on the four elements of earth, water, fire and wind, which he could perceive as identical with the underlying principle, thus transmuting them into four precious gems.

153. To perceive the fundamental sameness in the ten dharmadhatus, i.e. the six samsaric worlds and the four saintly realms.

Hư Không Tạng Bồ Tát liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con cùng Như Lai chứng vô biên thân nơi Phật Định Quang. Lúc ấy, tay con cầm bốn hạt châu lớn, chiếu sáng mười phương vô số Phật Sát đều hóa thành hư không, lại ở nơi tự tâm hiện Đại Viên Cảnh, hào quang vi diệu, soi khắp Liên Hoa Tạng Thế Giới và tận mười phương hư không, đều vào trong Viên Cảnh, xen nhập thân con, như xen vào hư không, chẳng ngăn ngại nhau. Thân con hay vào vô số quốc độ, tùy thuận đại thần lực, rộng làm Phật sự. Con quán tứ đại chẳng nơi nương tựa, vọng tưởng, sanh diệt, với hư không và cõi Phật vốn đồng, do phát minh tánh đồng, đắc Vô Sanh Nhẫn. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Hư Không Vô Biên, Vào Tam Ma Địa, Diệu Lực sáng tỏ là hơn cả.

Maitreya Bodhisattva then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: I still remember that in the remotest of aeons as uncountable as the dust, there was a Buddha called Candras urya-pradipa who appeared in the world (to convert others). I followed him to leave home. However, I (still) cherished worldly fame and liked to mix with noble clans. Then the Tathagata taught me how to practise dhyana meditation on the mind's consciousness¹⁵⁴ in order to realize the state of Samadhi. Ever since the following aeons, I have used this Samadhi to serve Buddhas as many as the sands in the Ganges, thereby eliminating completely my (previous) mind set on worldly fame. When Dipamkara Buddha appeared in the world, (under his instruction) I realized the consciousnessperfecting supreme Samadhi of the mind which enabled me to perceive that all Tathagata (stores) and samsaric worlds, purity and impurity and existence and non-existence were but appearances caused by my own mind's transformations. World Honoured One, because of my clear understanding that only the mind's consciousness was the cause (of all externals, perceived) an unlimited number of Tathagatas coming out of the nature of consciousness, hence (the Buddha's) prophecy that I shall be His successor. As the Buddha now asks about the best means of perfection, my opinion is that the best consists of close examination into all appearances which are created by consciousness only, in order to perfect the conscious mind, thereby realizing complete reality and ensuring non-reliance on externals and the breaking of all attachments caused by discrimination, thereby achieving the patient endurance of the uncreate.

154. Mind only, the doctrine that nothing exists apart from mind, that the three worlds of existence (of desire, form and beyond form) come from the mind *only* and that all dharma (things) are created by *consciousness* only.

Di Lạc Bồ Tát liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con nhớ vô số kiếp trước, có Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh ra đời, con dù theo Phật xuất gia, còn ham danh dự thế gian, ưa giao du với các quý tộc. Lúc ấy, Thế Tôn dạy con tu tập Duy Tâm Thức Định, vào Tam Ma Địa. Từ nhiều kiếp đến nay, dùng Tam Muội này phụng sự hàng sa chư Phật, sự ham cầu danh dự đã dứt sạch. Đến đời Phật Nhiên Đăng, con mới được thành “Vô Thượng Diệu Viên Thức Tâm Tam Muội”, ngộ các pháp dơ, sạch, có, không, nơi tất cả cõi Phật, đều do tâm thức biến hiện.

- Thế Tôn! Vì con ngộ Duy Tâm thức như thế, nên từ tánh thức hiện ra vô số Như Lai, nay được thọ ký sẽ thừa kế ngôi Phật ở cõi này. Phật hỏi về viên thông, con do Quán Mười Phương Duy Thức, Tâm Thức Sáng tỏ, Chứng Nhập Viên-Thành-Thật, Xa Lìa Tánh Y-Tha-Khởi Và Biến-Kế-Chấp, Đắc Vô Sanh Nhẫn là hơn cả.

LƯỢC GIẢI

Từ bắt đầu tu tập Duy Tâm Thức Định, đến khi thành “Vô Thượng Diệu Viên Thức Tâm Tam Muội”, tức là đã chuyển thức thành trí, nên nói vào Viên-Thành-Thật. Khi chưa chuyển thức, còn bị cảnh buộc, gọi là Biến-Kế-Chấp; phá được Biến-Kế-Chấp, còn bị pháp buộc, gọi là chấp Y-Tha-Khởi.

Ham danh dự thế gian, thích giao du với quý tộc, là cái tướng Biến-Kế-Chấp: sự ham cầu danh dự của thế gian đã dứt sạch, là cái tướng Chấp-Y-Tha-Khởi. Đến khi liễu ngộ tất cả duy tâm thức, nên thức tánh hiện ra vô số Như Lai, ấy là tướng Viên-Thành-Thật vậy.

Kinh Giải Thâm Mật có nói: Người mắt nhắm như Biến-Kế-Chấp, hiện màu xanh, vàng như Y-Tha-Khởi, con mắt trong sáng như Viên-Thành-Thật vậy.

Mahasthama, a son of the Dharma king, who was the head of a group of fifty-two Bodhisattvas, rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: I still remember that in the remotest of aeons countless as the sands in the Ganges, there was a Buddha called Amitabha who was succeeded by eleven other Tatha- gatas in that kalpa. The last one was called the .Buddha Whose Light Surpassed that of the Sun and Moon; he taught me how to realize the state of Samadhi by thinking exclusively of (Amitabha) Buddha. By way of illustration, if a man concentrates his mind on someone else while the latter always forgets him, both may meet and see, but without recognizing, each other. However, if both are keen on thinking of each other, their keenness will grow from one incarnation to another until they become inseparable like a body and its shadow. The Tathagatas in the ten directions have compassion for all living beings and always think of them, like a mother who never ceases thinking of her son. If the son runs away, her thoughts of him will not help. But if he also thinks of her with the same keenness, they will not be separated in spite of the passing of transmigration. If a living being remembers and thinks of the Buddha, he is bound to behold Him in his present or future incarnation. He will not be far from the Buddha and thus without the aid of any other expedient, his mind will be opened. He is like a man whose body, perfumed by incense, gives out fragrance; hence his name .One Glorified by (Buddha's) Fragrance and Light. From my fundamental cause-ground and with all my thoughts concentrated on the Buddha, I achieved the patient endurance of the uncreate. (This is why) I help all living beings of this world to control their thoughts by repeating the Buddha's name so that they can reach the Pure Land. As the Buddha now asks about the best means of perfection, I hold that nothing can surpass the perfect control of the six senses with continuous pure thoughts in order to realize Samadhi.

Đại Thế Chí Pháp Vương Tử cùng với 52 vị Bồ Tát đồng tu, liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con nhớ hằng sa kiếp trước, có Phật Vô Lượng Quang ra đời, thuở đó, mười hai vị Như Lai kế nhau thành Phật trong một kiếp. Vị Phật sau cùng hiệu là Siêu Nhứt Nguyệt Quang, dạy con tu “Niệm Phật Tam Muội”, ví như có người thì chuyên nhớ, người thì chuyên quên, nếu hai người ấy nhớ nhau, không kể gặp hay chẳng gặp, thấy mặt hay chẳng thấy; cứ nhớ mãi sâu vào tâm niệm, cho đến đời này, đời khác, thì như hình với bóng, chẳng cách xa nhau.

- Mười phương Như Lai tưởng nhớ chúng sanh như mẹ nhớ con, nếu con trốn tránh thì dù nhớ cũng chẳng làm gì được; nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con, thì đời đời mẹ con chẳng xa cách. Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật, thì hiện nay hay về sau nhất định thấy Phật, cách Phật không xa, chẳng nhờ phương tiện, tâm tự khai ngộ, như người ướp hương thì thân có mùi thơm, ấy gọi là Hương Quang Trang Nghiêm. Bản nhân của con là dùng tâm niệm Phật, đắc vô sanh nhẫn, nay ở cõi này tiếp dẫn người niệm Phật về cõi Tịnh Độ. Phật hỏi con về viên thông, con do Nhiếp Cả Lục Căn, Tịnh Niệm Tương Tục Vào Tam Ma Địa là hơn cả. LƯỢC GIẢI

Người niệm Phật chẳng có một sát na niệm ngũ dục của thế gian, mới được gọi là tịnh niệm (tâm niệm trong sạch). Tịnh niệm tương tục như con nhớ mẹ, là miệng niệm tâm nhớ, oai nghi nghiêm chỉnh, nhiếp cả lục căn, là nhãn chẳng thấy tướng xấu đẹp, nhĩ chẳng nghe tiếng khen chê, tỷ chẳng ngửi mùi thơm thối, thiệt chẳng nếm vị ngon dở, thân chẳng tiếp xúc lạnh, ấm, ý chẳng phân biệt buồn vui, ấy mới được gọi là nhiếp cả lục căn, cho đến nhất tâm bất loạn, như thế trong Tam Ma Địa, ắt phải thấy Phật.

Nói chẳng nhờ tu tập, tự được khai ngộ, như người ướp hương, chẳng mong mùi hương mà tự có mùi hương, ấy là nguyện lực bất khả tư nghị của Phật Di Đà. Dù nói nhờ nguyện lực của Phật Di Đà, nhưng cần phải có đại nguyện của chính mình để tương ứng với đại nguyện của Phật thì mới được thành tựu.

Đại nguyện nếu chỉ dùng tâm nghĩ miệng nói ấy là nguyện suông, cần phải thực hành đúng theo đại nguyện của chính mình phát ra, mới là nguyện chơn thật, và mới có thể tương ứng với đại nguyện của Phật

Meditation on the organ of hearing

Thereupon Avalokitesvara Bodhisattva rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and declared: I still remember that long before numbers of aeons countless as the sand grains in the Ganges, a Buddha called Avalokitesvara appeared in the world. When I was with Him, I developed the Bodhi Mind and, for my entry into Samadhi, I was instructed by Him to practise meditation by means of the organ of hearing. At first by directing the organ of hearing into the stream of meditation, this organ was detached from its object, and by wiping out (the concept of) both sound and stream-entry, both disturbance and stillness became clearly non-existent.

Thus advancing step by step both hearing and its object ceased completely, but I did not stop where they ended. When the awareness of this state and this state itself were realized as non-existent, both subject and object merged into the void, the awareness of which became allembicing. With further elimination of the void and its object both creation and annihilation vanished giving way to the state of Nirvana which then manifested. Suddenly I leaped over both the mundane and supramundane, thereby realizing an all-embracing brightness pervading the ten directions, and acquired two unsurpassed (merits).

The first was in accord with the fundamental Profound Enlightened Mind of all the Buddhas high up in the ten directions and possessed the same merciful power as the Tathagata.

The second was in sympathy with all living beings in the six realms of existence here below in the ten directions and shared with them the same plea for compassion.

Lúc bảy giờ, Quán Thế Âm Bồ Tát liền đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Con nhớ khi xưa, từ vô số hàng sa kiếp trước có Phật Quán Thế Âm ra đời, con phát tâm Bồ Đề nơi Phật ấy, Phật dạy con từ Văn, Tư, Tu nhập Tam Ma Địa (Văn, Tư, Tu là Văn nơi tai, Tư nơi Tâm, Tu nơi Hạnh).

- Bước đầu ở trong sự nghe được nhập lưu (chẳng chạy theo lục trần) mà quên cái sở nghe (vong, sở: vong nghĩa là quên). Sở nhập đã tịch, thì hai tướng động và tịnh chẳng sanh, như thế dần dần tiến thêm, thì năng nghe và sở nghe đều hết; sự hết năng sở của nghe cũng chẳng trụ. Còn biết chẳng trụ thì còn năng giác và sở giác, nên phải Không cái năng giác sở giác, thì sự Không giác ấy mới cực viên tròn; năng giác sở giác được Không đến cùng tột, là nhập vào chỗ Không, nhập vào chỗ Không thì còn trụ nơi Không, nên năng không sở không cũng phải diệt. Năng sở của Không diệt rồi thì tất cả sự sanh và diệt đều hết, sanh diệt đã diệt, thì tịch diệt hiện tiền, thành linh siêu việt thế gian và xuất thế gian. Đến đây, khắp mười phương pháp giới đều sáng tỏ, được hai thứ thù thắng tròn đầy sáng tỏ:

1. Trên khế hợp với giác tâm vốn huyền diệu của mười phương chư Phật, với Như Lai đồng một Từ Lực (Phật độ chúng sanh cho vui, nhưng không có năng độ, gọi là Vô Duyên Từ).
2. Dưới khế hợp với tất cả mười phương chúng sanh lục đạo, với tất cả chúng sanh đồng một Bi Ngưỡng (chúng sanh cầu Phật độ lìa khổ, nhưng không có sở độ, gọi là Đồng Thể Bi).

World Honoured One, as I (followed and) made offerings to the Tathagata Avalokitesvara, He taught me to use my illusory hearing and sublimate it to realize the Diamond (Vajra) Samadhi which gave me the same power of mercy of all Buddhas and enabled me to transform myself into thirtytwo bodily forms for the purpose of visiting all countries in samsara (to convert and liberate living beings). World Honoured One, if there are Bodhisattvas who practise samadhi to attain the transcendental (Mean), when there is a chance for them to realize absolute Wisdom, I will appear as a Buddha to teach them the Dharma to liberate them.

If there are solitary students seeking (only) selfenlightenment, who practise the stillness of Nirvana, when there is a chance for them to realize it, I will appear as a teacher of self-enlightenment to teach them the Dharma to liberate them. If there are students of the Four Noble Truths who, after realizing the unreality of suffering and its accumulation, tread the Path leading to the extinction of passions, when there is a chance for them to achieve this, I will appear as a hearer (sravaka) to teach them the Dharma to liberate them.

If there are living beings who realize (the harmfulness of) desire in the mind and abstain from all worldly cravings to achieve purity of body, I will appear as Brahma to teach them the Dharma to liberate them. If there are living beings who desire to be lords of devas to rule over the realms of the gods, I will appear as Sakra to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are living beings who wish to roam freely in the ten directions, I will appear as Isvaradeva to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are living beings who wish to fly freely in empty space, I will appear as Mahesvara to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are living beings who wish to be lords of ghosts and spirits to protect their countries, I will appear as a great warrior to teach them the Dharma so that they reach their goals.

Thế Tôn! Do con cúng dường Quán Âm Như Lai, Phật dạy con y tánh Văn như huyền, huân tu Kim Cang Tam Muội. Vì với chư Phật đồng một Từ Lực, nên khiến con được thành tựu 32 ứng thân vào các quốc độ.

1. Thế Tôn! Nếu chư Bồ Tát vào Tam Ma Địa tu pháp vô lậu, thắng giải đầy đủ, thì con hiện thân Phật, thuyết pháp cho họ, khiến được giải thoát.
2. Nếu có hàng hữu học được tịch tịnh diệu minh, thắng giải đầy đủ, thì con hiện thân Độc Giác, thuyết pháp cho họ, khiến được giải thoát.
3. Nếu có hàng hữu học đoạn mười hai nhân duyên được thắng tánh hiện tiền, thắng giải đầy đủ, thì con hiện thân Duyên Giác, thuyết pháp cho họ, khiến được giải thoát.
4. Nếu có hàng hữu học tu Đạo nhập diệt, được pháp Không của Tứ Thánh Đế, thắng giải đầy đủ, thì con hiện thân Thanh Văn, thuyết pháp cho họ, khiến được giải thoát.
5. Nếu có chúng sanh, muốn tâm minh ngộ, chẳng phạm dục trần, muốn thân trong sạch, thì con hiện thân Phạm Vương, thuyết pháp cho họ, khiến được giải thoát.
6. Nếu có chúng sanh, muốn làm thiên chủ, lãnh đạo chư thiên, thì con hiện thân Đế Thích, thuyết pháp cho họ khiến được thành tựu.
7. Nếu có chúng sanh, muốn thân được tự tại, đi khắp mười phương, thì con hiện thân Tự Tại Thiên, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
8. Nếu có chúng sanh, muốn thân được tự tại, bay khắp hư không, thì con hiện thân Đại Tự Tại Thiên, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
9. Nếu có chúng sanh, muốn thống lãnh quỷ thần, cứu giúp quốc độ, thì con hiện thân Thiên Đại Tướng Quân, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

If there are living beings who wish to rule over the world to protect all its inhabitants, I will appear as a deva king of the four quarters to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are living beings who wish to be reborn in the palace of devas to command ghosts and spirits, I will appear as a son of the deva king of the four quarters to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are living beings who wish to be kings of human beings, I will appear as a king to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are living beings who wish to be heads of clans to enjoy the respects of their clansmen, I will appear as a respectable elder (grhapati) to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are living beings who enjoy discussing wellknown sayings and practise pure living, I will appear as a respectable scholar to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are living beings who wish to govern cities and towns, I will appear as a magistrate to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are living beings who delight in practising mysticism for self-welfare, I will appear as a Brahmin to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are men who are keen on study and learning and leave home to practise the rules of morality and discipline, I will appear as a bhiksu to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are women who are eager to study and learn and leave home to observe the precepts, I will appear as a bhiksuni to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are men who observe the five precepts, I will appear as a upasaka to teach them the Dharma so that they reach their goals.

10. Nếu có chúng sanh, thích thống lãnh thế giới, bảo vệ chúng sanh, thì con hiện thân Tứ Thiên Vương, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
11. Nếu có chúng sanh, muốn sanh nơi thiên cung, sai khiến quỷ thần, thì con hiện thân Thái Tử của Tứ Thiên Vương, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
12. Nếu có chúng sanh, muốn làm vua cõi người, thì con hiện thân vua, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
13. Nếu có chúng sanh, thích làm chủ các dòng quý tộc, mọi người cung kính, thì con hiện thân trưởng giả, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
14. Nếu có chúng sanh, thích đàm luận những lời hay giữ mình trong sạch, thì con hiện thân Cư Sĩ, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
15. Nếu có chúng sanh, thích cai trị việc nước, trông coi các ban ấp, thì con hiện thân Tể quan, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
16. Nếu có chúng sanh, thích các số thuật, tự nhiếp tâm giữ thân, thì con hiện thân Bà La Môn, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
17. Nếu có thiện nam tử, ham học pháp xuất gia, giữ gìn giới luật, thì con hiện thân Tỳ Kheo, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
18. Nếu có thiện nữ nhân, ham học pháp xuất gia, trì các giới cấm, thì con hiện thân Tỳ Kheo Ni, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
19. Nếu có thiện nam tử, thích giữ ngũ giới, thì con hiện thân Ưu Bà Tắc, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

If there are women who observe the five precepts, I will appear as a upasika to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are women who are keen to fulfil their home duties thereby setting a good example to other families and the whole country, I will appear as a queen, a princess or a noble lady to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are young men who are chaste, I will appear as a celibate youth to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are young women who are keen to avoid carnality in order to preserve their virginity, I will appear as a maiden to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are gods who wish to be freed from bondage in their realms, I will appear as a deva to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are dragons (nagas) who wish to be freed from bondage in their realms, I will appear, as a naga to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are yaksas who wish to be freed from bondage in their realms, I will appear as a yaksa to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are gandharvas who wish to be freed from bondage in their realms, I will appear as a gandharva to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are asuras who wish to be freed from bondage in their realms, I will appear as an asura to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are garudas who wish to be freed from bondage in their realms, I will appear as a garuda to teach them the Dharma so that they reach their goals.

20. Nếu có thiện nữ nhân, tự giữ ngũ giới, thì con hiện thân Ưu Bà Di, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
21. Nếu có thiện nữ nhân, lập thân trong cung vua, chủ việc nội chính, giúp việc nước nhà, thì con hiện thân nữ chủ (hoàng hậu), hay phu nhân, mệnh phụ, đại gia (nữ giáo sư của hoàng hậu và các cung phi), thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
22. Nếu có con trai, chẳng hoại trinh nam, thì con hiện thân đồng nam, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
23. Nếu có con gái, muốn giữ trinh nữ, chẳng cầu sự xâm bạo, thì con hiện thân đồng nữ, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
24. Nếu có chư Thiên, muốn ra khỏi loài trời, thì con hiện thân chư Thiên, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
25. Nếu có con Rồng, muốn ra khỏi loài rồng, thì con hiện thân rồng, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
26. Nếu có Dược Xoa (1) muốn ra khỏi loài mình, thì con hiện thân Dược Xoa, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
27. Nếu có Càn thát Bà (2) muốn ra khỏi loài mình, thì con hiện thân Càn Thát Bà, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.
28. Nếu có A Tu La, muốn thoát khỏi loài mình, thì con hiện thân A Tu La, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

If there are kinnaras who wish to be freed from bondage in their realms, I will appear as a kinnara to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are mahoragas who wish to be freed from bondage in their realms, I will appear as a mahoraga to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are living beings who wish to be reborn as human beings, I will appear in human form to teach them the Dharma so that they reach their goals.

If there are non-human beings with or without forms and either thoughtful or thoughtless, who wish to be freed from bondage in their realms, I will appear as one of them to teach them the Dharma so that they reach their goals.

These are my thirty-two transformation-bodies in response to (the needs of) all countries in samsara, achieved by means of the uncreated sovereign power of Samadhi realized in my practice of sublimating the faculty of hearing.

World Honoured One, I also use this uncreated sovereign power of Diamond Samadhi, derived from sublimating hearing, to share with all living beings in the six realms in the ten directions the same plea for compassion, and to bestow upon them fourteen kinds of fearlessness which emanate from my body and mind.

1. 'since I myself do not meditate on sound but on the meditator, I cause all suffering beings to look into the sound of their voices in order to obtain liberation. 155
2. By returning (discriminative) intellect to its (absolute) source, I cause them to avoid being burned when they find themselves in a great fire.
3. By returning hearing to its source, I cause them to avoid drowning when they are adrift on the sea.
4. By stopping wrong thinking and thereby cleansing their minds of harmfulness, I lead them to safety when they wander in the realm of evil ghosts.

29. Nếu có Khẩn Na La (3), muốn thoát khỏi loài mình, thì con hiện thân Khẩn Na La, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

30. Nếu có Ma Hầu La Già (4) muốn thoát khỏi loài mình, thì con hiện thân Ma Hầu La Già, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

31. Nếu có chúng sanh thích làm người, tu nghiệp người, thì con hiện thân người, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

32. Nếu có loài phi nhân, hoặc có hình, hoặc vô hình, hoặc có tướng, hoặc vô tướng, muốn thoát khỏi loài mình, thì con hiện thân như họ, thuyết pháp cho họ, khiến được thành tựu.

- Ấy gọi là 32 ứng thân nhiệm màu vào các quốc độ, những thân ấy đều do vô tác diệu lực của sự huân tu tam muội tại thành tựu.

- Thế Tôn! Con lại dùng vô tác diệu lực của sự huân tu Kim Cang Tam Muội này, cùng với tất cả chúng sanh lục đạo trong mười phương tam thế đồng một Bi Ngưỡng, nên khiến các chúng sanh nơi thân tâm con được 14 thứ công đức vô úy:

1. Do con chẳng quán âm thanh, tự quán kẻ quán, khiến chúng sanh khổ não mười phương tự quán âm thanh, liền được giải thoát.

2. Xoay tri kiến về bản tri, khiến chúng sanh dù vào đồng lửa, lửa chẳng thể cháy.

3. Xoay cái nghe về bản văn, khiến chúng sanh bị nước cuốn trôi mà chẳng chìm đắm.

4. Vọng tưởng dứt sạch, tâm chẳng sát hại, khiến chúng sanh vào xứ quỷ, quỷ chẳng thể hại.

5. By sublimating their (wrong) hearing to restore its ¹⁵⁵. This is a very profound meditation which readers should not let pass without careful study if they wish to know why Avalokitesvara is so popular in Far Eastern countries where he is the merciful patron saint. By discarding the sound to look into the meditator himself, that is into the nature of hearing, he disengages himself from both organs and sense data and thereby realizes his allembicing Buddha nature which contains all living beings. By developing their pure faith in him and by calling his name, or concentrating on him, they achieve singleness of mind that mingles with his Bodhi substance and become one with him; hence their liberation from sufferings which do not exist in the absolute state absolute condition, thereby purifying all six organs and perfecting their functions, I cause them, when in danger, to be immune from sharp weapons which become blunt and useless like water that can not be cut and daylight that cannot be blown away, because their (underlying) nature does not change.

6. By perfecting the sublimation of their hearing, its bright light pervades the whole Dharma realm to destroy the darkness (of ignorance) thereby dazzling evil beings such as yaksa, raksa, kumbhanda, pisaci, putana, etc., who cannot see them when meeting them.

7. When hearing is reversed so that sound vanishes completely, all illusory objects of sense disappear so that (practisers) are freed from fetters which can no longer restrain them.

8: The elimination of sound to perfect hearing results in universal compassion so that they can pass through regions infested with robbers and bandits who cannot plunder them.

9. The sublimation of hearing disengages them from the objects of sense and makes them immune from (attractive) forms, thereby enabling lustful beings to get rid of desires and cravings.

10. The sublimation of sound eliminates all sense data and results in the perfect mingling of each organ with its objects and the total eradication of subject and object, thereby enabling all vindictive beings to bury anger and hate.

5. Huân tập cái nghe thành Bản Văn, tiêu cả lục căn thành một tánh Văn, khiến chúng sanh đang lúc bị giết hại, dao gậy từng đoạn, các binh khí chạm vào thân người, như cắt dòng nước, như thổi ánh sáng, mà bản tánh chẳng lay động.
6. Huân tập tánh Văn thuần nhất sáng tỏ, chiếu khắp pháp giới, dẹp tan tối tăm, khiến chúng sanh dù gặp các loài Dược Xoa, La Sát, yêu mị, quỷ thần ở gần bên cạnh mắt họ chẳng thể nhìn thấy.
7. Âm thanh tiêu sạch, tánh nghe trở vào, thoát khỏi trần vọng, khiến chúng sanh gặp những thứ gông, cùm, xiềng, xích đều chẳng thể trói buộc.
8. Âm thanh tiêu diệt, tánh Văn viên mãn, Từ Lực khắp nơi, khiến chúng sanh đi qua chỗ nguy hiểm, chẳng bị giặc cướp.
9. Huân tu tánh Văn, xa lìa cảnh trần, sắc dục chẳng thể lôi kéo, khiến tất cả chúng sanh đa dâm xa lìa tham dục.
10. Thuần âm vô trần, căn trần viên dung, chẳng năng sở đối đãi, khiến tất cả chúng sanh hay giận dữ lìa bỏ sân hận.

11. After the elimination of sense data and the return to the bright (Reality), both inner body and mind and outer phenomena become crystal clear and free from all hindrances, so that dull and ignorant unbelievers (icchantika) can get rid of the darkness of ignorance.

12. When their bodies are in harmony with the nature of hearing, they can, from their immutable state of enlightenment (bodhimandala), re-enter the world (to liberate others) without harming the worldly, and can go anywhere to make offerings to Buddhas countless as dust, serving every Tathagata in the capacity of a son of the King of the Law and having the power to give male heirs with blessed virtues and wisdom to childless people who want boys.

13. The perfecting of the six organs unifies their divided functions so that they become all-embracing, thus revealing the Great Mirror (Wisdom) and immaterial Tathagata womb compatible with all Dharma doors taught by Buddhas as uncountable as dust. They can bestow upright, blessed, gracious, and respect-inspiring girls on childless parents who want daughters.

14. In this great chiliocosm which contains a hundred lacs of suns and moons, there are now Bodhisattvas countless as sand grains in sixty-two¹⁵⁶ Ganges rivers. They practice the Dharma to set a good example to all living beings by befriending, teaching and converting them; in their wisdom their expedient methods differ. Because I used one penetrating organ which led to my realization through the faculty of hearing, my body and mind embrace the whole Dharmarealm in which I teach all living beings to concentrate their minds on calling my name. The merits that follow are the same as those derived from calling on the names of all these Bodhisattvas. World Honoured One, my single name does not differ from those uncountable ones, because of my practice and training which led to my true enlightenment. These are the fourteen fearless (powers) which I bestow upon living beings.

156. The digit 6 stands for the sixth consciousness, or mad mind, which creates the duality of ego and dharma, symbolized by the digit 2. The duty of every Bodhisattva is to liberate living beings deceived by the illusions thus created.

11. Xoay minh tiêu trần, trở về bản tánh, cả pháp giới, thân tâm đều như lưu ly, thấu triệt vô ngại, khiến những kẻ ngu muội chẳng tin Phật pháp, xa lìa hẳn sự si mê ám muội.
12. Tiêu dung hình thể, trở về bản Văn, ngồi bất động đạo tràng, vào thế gian mà chẳng hoại pháp thế gian, đi khắp mười phương, cúng dường vô số Như Lai, nơi mỗi Như Lai làm Pháp Vương Tử, khi pháp giới chúng sanh cầu sanh con trai, được con trai có phước đức trí huệ.
13. Lục căn viên thông, sáng và soi không hai, khắp mười phương thế giới, lập Đại Viên Cảnh, Không Như Lai Tạng, thừa nhận pháp môn bí mật của vô số Như Lai, chẳng có thiếu sót, khiến pháp giới chúng sanh cầu sanh con gái, được con gái có tướng tốt, đoan chính, phước đức, dịu dàng, được mọi người yêu mến.
14. Trăm ức nhật nguyệt chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới này, trong đó có 62 hàng sa pháp vương tử đang trụ trì nơi thế gian, tu chánh pháp, làm mô phạm, mỗi mỗi dùng phương tiện và trí huệ chẳng đồng, tùy thuận căn tánh mọi người để giáo hóa chúng sanh.

World Honoured One, because of my Perfect Understanding which led to my attainment of the Supreme Path, I acquired four inconceivable absolute virtues.

1. When I first realized the hearing mind which was most profound, the Essence of Mind (i.e. the Tathagata store) disengaged itself from hearing and could no longer be divided by seeing, hearing, feeling and knowing, and so became one pure and clean all-pervading precious Bodhi. This is why I can take on different wonderful forms and master a countless number of esoteric mantras. I can appear with one, three, five, seven, nine, eleven and up to 108, 1,000, 10,000 and 84,000 sovereign (cakra) faces; with two, four, six, eight, ten, twelve, fourteen, sixteen, eighteen, twenty, twenty-four and up to 108, 1,000, 10,000 and 84,000 arms making various gestures (mudras); and with two, three, four, nine up to 108, 1,000, 10,000 and 84,000 clean and pure precious eyes, either merciful or wrathful, and in a state either of still imperturbability (dhyana-samadhi) or of absolute wisdom (prajna) to save and protect living beings so that they can enjoy great freedom.

2. Because of my meditation by means of the (organ of) hearing, which resulted in my disengagement from the six sense data, like a sound going through a wall without hindrance, I can, with each appearance and with the aid of each mantra, bestow fearlessness upon (suffering) beings in countries as countless as dust in the ten directions in which I am regarded as the Giver of Dauntlessness.

3. Because of the perfection which I won by sublimating the appropriate organ, living beings in countries which I visit (lay down their desires and attachments and) offer their bodies and treasures to implore my compassion.

4. As I have realized the Buddha mind and attained Ultimate (Reality) I can make offerings to the Tathagatas in ten directions and satisfy living beings in the six worlds who seek (virtuous) wives, (good) sons, samadhi, long life and even parinirvana.

- Do con được Nhĩ Căn viên thông, phát ra diệu dụng, nên thân tâm vi diệu, cùng khắp pháp giới, khiến chúng sanh người trì danh hiệu con so với người trì danh hiệu của 62 hàng sa Pháp Vương Tử, hai người được phước đức bằng nhau.

- Thế Tôn! Sở dĩ một danh hiệu của con cân xứng với nhiều danh hiệu kia, là do con tu tập đắc chơn viên thông, ấy gọi là mười bốn thứ sức vô úy, thí cho chúng sanh phước đức đầy đủ.

Thế Tôn! Do con tu chứng Vô Thượng Đạo, được căn viên thông này, nên khéo được bốn thứ diệu đức vô tác bất khả tư nghì:

1. Do con được Bản Văn huyền diệu, tâm diệu lìa văn: Kiến, Văn, Giác, Tri thành một bửu giác viên dung trong sạch, chẳng thể chia cách, nên hay hiện nhiều dung mạo vi diệu, thuyết vô biên bí mật thần chú, trong đó từ một đến tám vạn bốn ngàn con mắt và cánh tay, tùy nghi thị hiện, hoặc từ hoặc oai, hoặc định hoặc huệ, cứu giúp chúng sanh được tự tại.

2. Do sự Văn Tư của con thoát khỏi lục trần, như âm thanh vượt qua bức tường, chẳng bị ngăn ngại, nên con khéo hiện mỗi mỗi hình, mỗi mỗi chú, những hình những chú, đều hay thí cho chúng sanh được sức vô úy. Vì thế, mười phương vô số quốc độ đều gọi con là người Thí Vô Úy.

3. Do con tu tập Nhĩ Căn trong sạch, được diệu tâm viên thông, nên đi khắp thế giới, đều có thể khiến chúng sanh xả bỏ thân mạng và châu báu cầu con thương xót.

4. Con được ngộ tâm Phật, chứng nơi cứu cánh, hay dùng các thứ châu báu cúng dường mười phương Như Lai, cho đến chúng sanh lục đạo trong pháp giới, cầu vợ được vợ, cầu con được con, cầu sống lâu được sống lâu, cầu chánh định được chánh định, như thế cho đến cầu Đại Niết Bàn được Đại Niết Bàn.

As the Buddha now asks about the best means of perfection, my method which consists in regulating the organ of hearing so as to quiet the mind for its entry into the stream of meditation leading to the state of Samadhi and attainment of Enlightenment is the best.

World Honoured One, that Buddha praised my excellent method of perfection and gave me, in the presence of the assembly, the-name of Avalokitesvara. Because of my all-embracing (absolute function of) hearing, my name is known everywhere.

Thereupon, the Buddha, from His lion-seat, sent out from the five members of His body, rays of light which reached and shone on the heads of the Tathagatas and Bodhisattvas countless as dust in the ten directions. In return countless Tathagatas sent back rays of light which shone on the heads of the Buddha, great Bodhisattvas and Arhats in the assembly, causing the groves and streams to intone the Dharma and uncountable rays of light to interlace in precious nets, a spectacle never seen before. As, a result, all (the Bodhisattvas and Arhats in the assembly) realized the Diamond Samadhi. At the same time showers of green, yellow, red and white lotus blossoms turned the whole of space into a seven coloured expanse and caused mountains, rivers and the great earth to disappear and all the countless other realms to merge into one universe filled with songs and recitations.¹⁵⁷ Thereupon, the Tathagata said to Manjusri: Son of the Dharma king, these twenty-five Bodhisattvas and Arhats who no longer need to study and learn, have related the expedient methods used by them at the start of their practice for their realization of Bodhi. In reality each of these methods does not differ from, and is neither superior nor inferior to the others. Tell me which one of them is suitable to Ananda so that he can awaken to it and which one is easy of achievement, for the benefit of living beings who, after my nirvana, wish to practise with the Bodhisattva vehicle in their search for Supreme Bodhi.

157. This reveals the blissful realm of Avalokitesvara's reward-body (sambhogakaya) wherein all dualities and contraries are replaced by a uniform state of Sublime Majesty.

- Phật hỏi về viên thông, con từ Nhĩ Căn vào Viên Chiếu Tam Muội, Tùy Tâm tự Tại, Từ Sự Nghe Nhập Lưu, cho đến Đắc Tam Ma Địa, Thành Tự Bồ Đề là hơn cả.

- Thế Tôn! Như Lai khen con khéo được pháp môn viên thông, ở trong hội thọ ký cho con hiệu là Quán Thế Âm, do con quán âm sáng tỏ mười phương, nên danh hiệu QUÁN ÂM khắp mười phương thế giới.

Bấy giờ, Thế Tôn nơi tòa Sư Tử, từ ngũ thể cùng phóng hào quang, chiếu soi đỉnh đầu của mười phương vô số Như Lai, với các Pháp Vương Tử và chư Bồ Tát; các Như Lai ấy cũng trong ngũ thể cùng phóng hào quang, từ mọi nơi chiếu đến đỉnh đầu của Phật, với chư Đại Bồ Tát và A La Hán trong hội. Rừng cây, ao hồ đều diễn pháp âm, hào quang giao xen như lưới báu, đại chúng được pháp chưa từng có, tất cả đều được Kim Cang Tam Muội. Tức thời, trời mưa bách bửu liên hoa, xanh, vàng, đỏ, trắng, xen lộn lẫn nhau; mười phương hư không hóa thành màu sắc thất bửu, núi sông, đất đai nơi cõi Ta Bà này đều ẩn mất, chỉ thấy mười phương vô số quốc độ hợp thành một cõi, ca nhạc vang lừng, tự nhiên hòa tấu.

Lúc đó, Như Lai bảo Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử rằng:

- Người hãy xem 25 vị vô học Đại Bồ Tát và A La Hán này, mỗi mỗi trình bày phương tiện thành đạo lúc ban đầu, đều nói tu tập viên thông chơn thật, lối tu của họ thật chẳng hơn kém và chẳng trước sau sai biệt. Nay ta muốn khiến A Nan khai ngộ, trong 25 lối tu, lối nào thích hợp, và sau khi ta diệt độ, chúng sanh trong cõi này muốn vào Bồ Tát thừa, cầu đạo Vô Thượng, từ cửa phương tiện nào để được thành tựu?

Manjusri's Gatha Teaching the Appropriate Method for Human Beings

As commanded, Manjusri rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and reverently chanted the following gatha:

Perfect and clear by nature is the Bodhi ocean,
 Pure and faultless Bodhi is in essence wonderful.
 Its fundamental brightness shone, so by chance creating
 An object which then obscured its radiant nature.
 Thus in delusion there appeared one-sided emptiness
 In which an imaginary world arbitrarily was built.
 Steadying itself, the thinking process made the continents
 While the (illusory) knower became a living being.
 The voidness so created within Bodhi
 Is but a bubble in the ocean. Worldly
 Realms, countless as the dust, arose
 In this (relative) emptiness.
 When the bubble bursts, the void's unreality
 Is exposed: how much more so is that of the three realms?
 Though all return to One Nature at the source,
 There are many expedient methods for the purpose.
 Though holy nature pervades all, direct
 Or inverse methods are expedients;
 Hence newly initiated minds of different
 Aptitudes are quick or slow to enter Samadhi.
 Form which from thought crystallizes
 Is, too difficult to look through.
 How can perfection be achieved
 Through this impenetrable form?
 Sound, voice, word and speech are each
 Confined to specific definition
 Which by itself is not all embracing.
 How can they help perfection to achieve?
 Smell, perceived when in contact with the nose,
 Without that contact is non-existent.
 How can that which is not always present
 Be a means to achieve perfection?

Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử vâng theo ý chỉ của Phật, liền đứng dậy đánh lễ chân Phật, thừa oai thần của Phật, nói kệ đáp rằng:

CHÁNH VĂN

DỊCH NGHĨA

- Giác hải tánh trừng viên,
Viên trừng giác nguyên diệu,
Nguyên minh chiếu sanh sở,
Sở lập chiếu tánh vong.
- Mê vọng hữu hư không,
Y Không lập thế giới,
Tưởng trừng thành quốc độ,
Tri giác nãi chúng sanh.
- Không sanh Đại Giác trung,
Như hải nhất âu phát.
Hữu lậu vi trần quốc,
Giai y Không sở sanh
Âu diệt Không bản vô,
Huống phục chư tam hữu.
- Qui nguyên tánh vô nhị,
Phương tiện hữu đa môn,
Thánh tánh vô bất thông,
Thuận nghịch giai phương tiện.
Sơ tâm nhập tam muội,
Trì tốc bất đồng luân.
- Sắc tướng kết thành trần,
Tinh liễu bất năng triệt.
Như hà bất minh triệt,
Ư thị hoạch viên thông?
- Âm thanh tập ngữ ngôn,
Đản y danh cú vị.
Nhất phi hàn nhất thiết,
Vân hà hoạch viên thông?
- Hương dĩ hiệp trung tri,
Ly tác nguyên vô hữu.
Bất hằng kỳ sở giác,
Vân hà hoạch viên thông?
- Biển giác tánh trong lặng,
Vốn đầy đủ vi diệu,
Chấp sáng sanh sở chiếu,
Sở lập tánh chiếu mất.
- Mê vọng có hư không.
Do Không lập thế giới,
Tưởng lặng thành Quốc Độ,
Tri giác là chúng sanh.
- “Không” sanh nơi Đại Giác
Như biển nổi một bọt.
Vô số nước hữu lậu,
Đều từ Không sanh khởi,
Bọt bể Không đã diệt
Đâu thể còn tam giới.
- Về cội tánh chẳng hai,
Phương tiện có nhiều lối,
Bậc Thánh chẳng ngăn ngại,
Thuận nghịch đều tùy nghi.
Sơ cơ vào chánh định,
Nhanh chậm chẳng đồng nhau.
- Quán Sắc thành nội trần,
Tinh vi chẳng thấu triệt.
Nếu đã chẳng thấu triệt,
Làm sao được viên thông?
- Âm thanh lộn ngữ ngôn,
Chỉ nương tựa lời Phật.
Một chẳng gồm tất cả,
Làm sao được viên thông?
- Hương do hợp mới biết,
Ly thì chẳng có mùi.
Hợp ly tánh chẳng thường,
Làm sao được viên thông?

Taste exists not of itself, but is
Perceived when flavour's present.
Since sense of taste is ever varied
How can it to perfection lead?
Touch exists when there's an object touched;
Without an object touch is naught.
Since contact and its absence are not constant,
How can touch help to achieve perfection?
Dharma is inner defilement called;
Reliance thereon implies an object.
Since subject and object are not all embracing,
How can dharma lead one to perfection?
The organ of sight, although perceiving clearly,
Sees things in front but cannot see behind.
How can partial (sight of) the four quarters
Help one to achieve perfection?
The inward and the outward breath
Have no link uniting them.
How can they, thus unconnected,
Be used to achieve perfection?
The tongue is useless touching nothing;
When flavour is present, there is taste
Which vanishes when flavour's absent.
How can this help to achieve perfection
Body must be conditioned to the object touched;
Both cannot be used for all embracing meditation
Which is beyond both subject and object with their limits.
How can this serve to achieve perfection?
The tumult of thinking with the mind disturbs
The serenity of right perception.
Since stirring thoughts are most hard to eradicate
How can intellect serve to achieve perfection?
Union of consciousness with eye and sight
Has three components that are not settled.
How can that which is devoid of substance
Be used as a means to win perfection?

- Vị tánh phi bản nhiên,
Yếu dĩ vị thời hữu,
Kỳ giác bất hằng nhất,
Vân hà hoạch viên thông?
- Xúc dĩ sở xúc minh,
Vô sở bất minh xúc,
Hợp ly tánh phi định,
Vân hà hoạch viên thông?
- Pháp xưng vi nội trần,
Bằng trần tất hữu sở.
Năng sở phi biến thiệp,
Vân hà hoạch viên thông?
- Kiến tánh tuy động nhiên,
Minh tiền bất minh hậu,
Tứ duy khuy nhất bán,
Vân hà hoạch viên thông?
- Tỷ tức xuất nhập thông,
Hiện tiền vô giao khí,

Chi ly phi thiệp nhập,
Vân hà hoạch viên thông?
- Thiệt phi nhập vô đoạn,
Nhân vị sanh giác liễu,
Vị vong liễu vô hữu,
Vân hà hoạch viên thông?
- Thân dữ sở xúc đồng,
Các phi viên giác quán,
Nhai lượng bất minh hội,
Vân hà hoạch viên thông?
- Tri căn tạp loạn tự,
Trạm liễu chung vô kiến,
Tưởng niệm bất khả thoát,
Vân hà hoạch viên thông?
- Thức kiến tạp tam hòa,
Cật bản xưng phi tướng,
Tự thể tiên vô định,
Vân hà hoạch viên thông?
- Mùi vị chẳng tự sanh,
Đợi khi ném mới có,
Vị giác chẳng thường còn,
Làm sao được viên thông?
- Xúc phải có sở xúc,
Chẳng sở thì chẳng xúc,
Hợp ly tánh chẳng định.
Làm sao được viên thông?
- Pháp gọi là nội trần,
Nương trần ắt có sở.
Năng sở chẳng cùng khắp,
Làm sao được viên thông?
- Tánh kiến dù rõ ràng,
Thấy trước chẳng thấy sau,
Bốn phía thiếu một nửa,
Làm sao được viên thông?
- Hơi Thở thông ra vào,
Quán đến chẳng giao khí,
(Giống như nín thở)
Lìa thở chẳng ngộ nhập,
Làm sao được viên thông?
- Thiệt nhập chẳng vô cơ,
Do vị sanh giác tri,
Vị mất giác cũng mất,
Làm sao được viên thông?
- Thân với xúc đồng nhau, (5)
Chẳng phải Viên Giác Quán,
Chẳng hội không ngăn mé,
Làm sao được viên thông?
- Ý căn lộn vọng tưởng,
Chẳng thấy tánh trong lặng,
Tưởng niệm chẳng giải thoát,
Làm sao được viên thông?
- Kiến, Tưởng, Thức hòa hợp,
Cả ba vốn chẳng tướng,
Tự thể đã chẳng định,
Làm sao được viên thông?

The hearing mind which reaches into space
Needs a great cause for its development;
But untrained men cannot realize it.
How can this help to achieve perfection?
Meditation on the nose is only an expedient
Means to control the mind by fixing it for the moment,
But wrong dwelling can create an illusory abode.
How can this be used to achieve perfection?
Preaching the Dharma plays upon voice and words,
But awakening occurred during practice long ago,
Words and speeches never going beyond the worldly stream.
How can this be a means to achieve perfection
Observance of rules of discipline controls
The body but never that which is beyond it.
Since control of body is not all embracing
How can this serve to achieve perfection?
Transcendental powers come from a former cause;
How can they derive from discriminating consciousness?
Since thinking from externals cannot stray,
How can it serve to achieve perfection?
If the element of earth be used for contemplation,
It is solid and cannot be penetrated;
Belonging to the worldly it lacks spirituality.
How can it be used to achieve perfection?
If meditation be on the element of water,
The thoughts that then arise have no reality.
Beyond feeling and seeing is the absolute;
How then can water help to achieve perfection?
If for meditation the element of fire be used,
Dislike of desire is not complete renunciation;
It is no expedient for newly initiated minds.
How then can fire become a means to achieve perfection?
If meditation is on the element of wind,
Motion and stillness are a false duality
From which Supreme Bodhi cannot develop.
How can wind serve to achieve perfection?

- Tâm Văn động thập phương,
Sanh ở đại nhân lực,
Sơ tâm bất năng nhập,
Vân hà hoạch viên thông?
- Tỷ Tướng bốn quyền cơ,
Chỉ linh nhiếp tâm trụ,
Trụ thành tâm sở trụ,
Vân hà hoạch viên thông?
- Thuyết pháp lộng âm văn,
Khai ngộ tiên thành giả,
Danh cú phi vô lậu,
Vân hà hoạch viên thông?
- Trì Phạm dẫn thúc thân,
Phi thân vô sở thúc,
Nguyên phi biến nhất thiết,
Vân hà hoạch viên thông?
- Thần Thông bốn túc nhân,
Hà quan pháp phân biệt,
Niệm duyên phi ly vật,
Vân hà hoạch viên thông?
- Nhược dĩ Địa tánh quán,
Kiên ngại phi thông đạt,
Hữu vi phi thánh thánh,
Vân hà hoạch viên thông?
- Nhược dĩ Thủy tánh quán,
Tưởng niệm phi chơn thật,
Như như phi giác quán,
Vân hà hoạch viên thông?
- Nhược dĩ hỏa tánh quán,
Yếm hữu phi chơn ly,

Phi sơ tâm phương tiện,
Vân hà hoạch viên thông?
- Nhược dĩ Phong tánh quán,
Động tịch phi vô đối,
Đối phi vô thượng giác,
Vân hà hoạch viên thông?
- Tâm Văn khắp mười phương,
Sanh nơi đại nguyện lực,
Sơ cơ, chẳng thể vào,
Làm sao được viên thông?
- Quán Mũi là phương tiện,
Chỉ khiến nhiếp tâm trụ,
Trụ thành tâm sở trụ, (6)
Làm sao được viên thông?
- Thuyết Pháp dùng âm thanh,
Khai ngộ người đã thành,
Lời nói chẳng vô lậu,
Làm sao được viên thông?
- Trì Phạm chỉ trói thân,
Phi thân chẳng thể trói,
Vốn chẳng khắp tất cả,
Làm sao được viên thông?
- hân Thông vốn sẵn đủ,
Chẳng do luyện mới có,
Tác ý không lìa vật,
Làm sao được viên thông?
- Nếu quán theo tánh Địa,
Ngăn ngại chẳng thông suốt,
Hữu vi chẳng phải thánh,
Làm sao được viên thông?
- Nếu quán theo tánh Thủy,
Niệm tưởng chẳng chơn thật,
Giác quán chẳng như như,
Làm sao được viên thông?
- Nếu quán theo tánh hỏa,
Có chán chẳng phải chơn,
(chơn giải thoát)
Chẳng thích hợp sơ cơ,
Làm sao được viên thông?
- Nếu quán theo tánh Phong,
Động tịch là đối đãi,
Chẳng phải vô thượng giác,
Làm sao được viên thông?

If the element of space be used for meditation,
 Its dimness and dullness cannot be enlightenment.
 Since whatever is unenlightened differs much from Bodhi,
 How can the element of space help to achieve perfection?
 If on the element of consciousness you meditate,
 It changes and is not permanent.
 The mind fixed on it being false
 How can that element then help you to achieve perfection?
 Phenomena are all impermanent;
 Thinking originally comes and goes.
 Since cause will ever differ from effect,
 How can the element of perception achieve perfection?
 I now submit to the World Honoured One
 That all Buddhas in this world appear
 To teach the most appropriate method
 Which consists in using pervasive sound.
 The state of Samadhi can be
 Realized by means of hearing.
 Thus was Avalokitesvara freed from suffering.
 Hail to the Regarder of sound
 Who, during aeons countless as Ganges sand,
 Entered as many Buddha lands to win
 The power and comfort of his independence¹⁵⁸
 And bestow fearlessness upon all living beings.¹⁵⁹
 O you who (have achieved) the sound profound,¹⁶⁰
 The seer of sound,¹⁶¹ of sound the purifier,¹⁶²

 Who, unfailing as the sound of ocean tides,¹⁶³ saves all beings
 in the world make
 Them secure, ensure their liberation and attainment of eternity.

158. The Bodhisattva's power to take on thirty-two transformation-bodies.

159. His power to bestow fourteen kinds of fearlessness upon all living beings.

160. His meditation on sound leading to elimination of ego.

161. His meditation on worldly sound to realize two unsurpassed merits.

162. His immunization from all attachments by means of meditation on sound.

163. His realization of universality that causes him always to respond to the needs of others like the tide that never fails to rise and fall.

- Nhược dĩ Không tánh quán,
Hỗn độn tiên phi giác,
Vô giác dị Bồ Đề,
Vân hà hoạch viên thông?

- Nhược dĩ Thức tánh quán,
Quán thức phi thường trụ,
Tồn tâm mãi hư vọng,
Vân hà hoạch viên thông?

- Chư hạnh thị vô thường,
Niệm tánh nguyên sanh diệt,
Nhân quả kim thù cảm,
Vân hà hoạch viên thông?

- Ngã kim bạch Thế Tôn,
Phật xuất Ta Bà giới,
Thủ phương chơn giáo thể,
Thanh tịnh tại âm văn,
Dục thủ Tam Ma Đề,
Thiệt dĩ Văn trung nhập,
Ly khổ đắc giải thoát,
Lương tai Quán Thế Âm,
Ư hàng sa kiếp trung,
Nhập vi trần Phật quốc,
Đắc đại tự tại lực,
Vô úy thí chúng sanh,
Diệu âm Quán Thế Âm,
Phạn âm hải triều âm,
Cứu thế tất an ninh,
Xuất thế hoạch thường trụ.

- Nếu quán theo tánh Không,
Ngoan không chẳng phải giác,
Chẳng giác nghịch Bồ Đề,
Làm sao được viên thông?

- Nếu quán theo tánh Thức,
Sanh diệt chẳng thường trụ,
Trạm nhiên vẫn hư vọng,
Làm sao được viên thông?

- Các hạnh là vô thường,
Tánh niệm vốn sanh diệt,
Nhân với quả khác nhau,
Làm sao được viên thông?

- Nay con bạch Thế Tôn,
Phật hiện cõi Ta Bà,
Giáo thể ở cõi này,
Âm văn trong sạch nhất,
Muốn đắc Tam Ma địa,
Nên từ Văn mà vào,
Lìa khổ được giải thoát,
Lành thay Quán Thế Âm,
Trải qua hàng sa kiếp,
Vào vô số cõi Phật,
Dùng sức đại tự tại,
Thí chúng sanh vô úy,
Diệu âm Quán Thế Âm,
Phạn âm hải triều âm,
Cứu thế đều an lành,
Xuất thế được thường trụ.

Reverently I declare to the Tathagata
 What Avalokitesvara said:
 When one dwells in quietude,
 Rolls of drums from ten directions
 Simultaneously are heard,
 So hearing is complete and perfect.
 The eyes cannot pierce a screen,
 But neither can mouth nor nose,
 Body only feels when it is touched.
 Mind's thoughts are confused and unconnected,
 (But) voice whether near or far
 At all times can be heard.
 The five other organs are not perfect,
 But hearing really is pervasive.
 The presence or absence of sound and voice
 Is registered by ear as is or is not
 Absence of sound means nothing heard,
 Not hearing devoid of nature.
 Absence of sound is not the end of hearing,
 And sound when present is not its beginning.
 The faculty of hearing, beyond creation
 And annihilation, truly is permanent.
 Even when isolated thoughts in a dream arise,
 Though the thinking process stops, hearing does not end,
 For the faculty of hearing is beyond
 All thought, beyond both mind and body.
 In this Saha world
 Teaching is by voice.
 Living beings who cognize not hearing's nature,
 Follow sound to continue transmigrating.
 Though Ananda memorized all that he had
 Heard, he could not avoid perverted thoughts.
 This is to fall into samsara by clinging to sound;
 Whilst reality is won against the worldly stream.
 Listen, Ananda, listen closely,
 In the name of Buddha I proclaim
 The Vajra King of Enlightenment,
 The inconceivable understanding that illusions
 Are unreal, the true Samadhi that begets all Buddhas.

- Ngã kim khai Như Lai,
 Như Quán Âm sở thuyết,
 Thí như nhân định cư,
 Thập phương cụ kích cổ,
 Thập xứ nhất thời văn,
 Thủ tắc viên chơn thật.

- Mục phi quán chướng ngại,
 Khẩu tử diệt phục nhiên,
 Thân dĩ hiệp phương tri,
 Tâm niệm phân vô tự.
 Cách viên thính âm hưởng,
 Hà nhĩ câu khả văn,
 Ngũ căn sở bất tề,
 Thị tắc thông chơn thật.

- Âm thanh tánh động tịnh,
 Văn trung vi hữu vô,
 Vô thanh hiệu vô văn,
 Phi thật văn vô tánh.
 Thanh vô ký vô diệt,
 Thanh hữu diệt phi sanh.
 Sanh diệt nhị viên ly,
 Thị tắc thường chơn thật,
 Túng linh tại mộng tưởng,
 Bất vi bất tự vô,
 Giác quán xuất tư duy,
 Thân tâm bất năng cập.
 Kim thử Ta Bà Quốc,
 Thanh luận đắc tuyên minh.
 Chúng sanh mê bồn văn,
 Tuần thanh cố lưu chuyển,
 A Nan túng cường ký,
 Bất miễn lạc tà tự.
 Khởi phi tùy sở luân,
 Triền lưu hoạch vô vọng,
 A Nan ngữ đế thính,
 Ngã thừa Phật oai lực,
 Tuyên thuyết Kim Cang Vương,
 Như huyền bất tư nghì,
 Phật mẫu chơn tam muội.

- Nay xin bạch Như Lai,
 Theo lời Quán Âm nói,
 Như người đang yên tịnh,
 Mười phương đồng đánh trống,
 Mười chỗ nghe một lượt,
 Là viên thông chơn thật.

- Mắt chẳng thấu chướng ngại,
 Miệng mũi cũng như thế,
 Thân xúc hợp mới biết,
 Tâm niệm thì lắng xả.
 Cách tường nghe âm vang,
 Xa gần đều nghe được,
 Ngũ căn chẳng thể bằng,
 Là viên thông chơn thật.

- Âm thanh có động tịnh,
 Nơi nghe thành có không,
 Tiếng dứt gọi chẳng nghe,
 Đâu phải dứt tánh nghe.
 Chẳng tiếng, nghe chẳng diệt,
 Có tiếng, nghe chẳng sanh.
 Sanh diệt thấy đều lìa,
 Ấy là thường chơn thật,
 Dầu lúc đang nằm mơ,
 Không tưởng nghe vẫn còn,
 Giác quán vượt suy tư,
 Thân tâm chẳng thể đến.
 Nay cõi Ta Bà này,
 Thanh giáo được giảng rõ.
 Chúng sanh mê Bản Văn,
 Đuổi theo tiếng lưu chuyển,
 A Nan dù nhớ hay,
 Chẳng khỏi kẹt tà tưởng.
 Theo vật bị chìm đắm,
 Phản văn được lìa vọng,
 A Nan hãy lắng nghe,
 Ta thừa oai thần Phật,
 Khai giảng pháp Kim Cang,
 Như huyền bất tư nghì.
 Chánh định sanh chư Phật,

You may hear of esoteric methods
From Buddhas countless as the dust,
But if you cannot eradicate
Desire, to hear much causes errors.
To hear your very Self, why not turn backward
That faculty employed to hear Buddha's words
Hearing is not of itself,
But owes its name to sound.
Freed from sound by turning hearing backwards,
What do you call that which is disengaged
When one sense organ has to its source returned,
All the six senses thereby are liberated.
Seeing and hearing are like optical illusions,
Just as all three worlds resemble flowers in the sky.
With hearing disengaged, the illusory organ vanishes;
With objects eradicated, perfectly pure is Bodhi
In utter purity, the bright light pervades all,
With its shining stillness enfolding the great void.
All worldly things, when closely looked at,
Are but illusions seen in dreams.
Dream-like was the Mata'igi maiden:
How could she keep your body with her?
Like a clever showman
Presenting a puppet play,
Though movements are many,
There is but one controller.
When that control is stopped,
Figures show no nature.
Likewise are the six organs,
Derived from one alaya
Which divides into six unions.
If one of these returns to source,
All six functions are ended.
With all infection ended,
Bodhi is then realized.
Any defiling remnant requires further study
Whereas full enlightenment is the Tathagata.

- Ngữ văn vi trần Phật,
Nhất thiết bí mật môn.
Dục lậu bất tiên trừ,
Súc văn thành quá ngộ,
Tương văn trì Phật Phật,
Hà bất tự văn văn?
- Văn phi tự nhiên sanh,
Nhân thanh hữu danh tự,
Triền văn dữ thanh thoát,
Năng thoát dục thù danh?
- Nhất căn ký phản nguyên,
Lục căn thành giải thoát,
Kiến văn như huyễn ế,
Tam giới nhược không hoa.
Văn phục ế căn trừ,
Trần tiêu giác viên tịnh,
Tịnh cực quang thông đạt,
Tịch chiếu hàm hư không.
Khước lai quán thế gian,
Do như mộng trung sự.
Ma Đăng Già tại mộng,
Thù năng lưu nhữ hình!
- Như thể xảo huyễn sư,
Huyễn tác chư nam nữ,
Tuy kiến chư căn động,
Yếu dĩ nhất cơ trừu.
Tức cơ quy tịch nhiên,
Chư huyễn thành vô tánh.
Lục căn diệt như thị,
Nguyên y nhất tinh minh,
Phân thành lục hòa hiệp,
Nhất xứ thành hư phục.
Lục dụng giai bất thành.
Trần cấu ứng niệm tiêu,
Thành viên minh tịnh diệu.
Dư trần thượng chư học,
Minh cực tức Như Lai.

- Người nghe vô số Phật,
Tất cả pháp bí mật.
Nếu chẳng trừ dục lậu,
Chấp nghe thành lỗi lầm,
Dùng nghe, chấp lời Phật,
Đâu bằng nghe bản văn?
- Nghe chẳng tự nhiên sanh,
Do tiếng có tên “nghe”,
Xoay nghe thoát khỏi tiếng,
Đặt tên “nghe” cho ai?
- Nhất căn trở về cội,
Lục căn thành giải thoát,
Kiến văn như bệnh nhậm,
Tam giới như hoa đóm.
Phản văn bệnh nhậm trừ,
Trần tiêu, giác trong sạch,
Cực trong sáng thông suốt,
Chiếu soi khắp hư không.
Trở lại xem thế gian,
Đều như việc trong mộng.
Ma Đăng Già trong mộng,
Sao nhiếp được thân người!
- Như người khéo huyễn thuật,
Làm ra hình nam nữ,
Dù thấy lục căn động,
Do sợi dây điều khiển
Vì huyễn vốn chẳng tánh,
Dây ngưng thành vắng lặng.
Lục căn cũng như vậy,
Dựa nhất tâm sáng tỏ,
Chia thành lục hòa hợp,
Nhất căn đã về cội.
Lục dụng đều chẳng thành.
Trần cấu ngay đó tiêu,
Thành sáng tỏ trong sạch.
Ngôi học còn dính bụi, (7)
Cực sáng tức Như Lai.

Ananda and all you who listen here
Should inward turn your faculty
Of hearing to hear your own nature
Which alone achieves Supreme Bodhi.
That is how enlightenment is won.
Buddhas as many as the Ganges sand
Entered this one gateway to Nirvana.
All past Tathagatas
Have achieved this method.
All Bodhisattvas now
Enter this perfection.
All who practise in the future
On this Dharma should rely.
Avalokitesvara did not practise
It alone, because through it I also passed.
The Enlightened and World Honoured One
Has asked about the best expedients
For those in the Dharma ending age
Who wish from samsara to escape
In their search for Nirvana's heart.
It is best to contemplate on worldly sound:
All other methods are expedients
Used by Buddha in particular cases
To keep disciples from occasional trouble.
They are not good for indiscriminate practice
By men of different types.
I salute the Tathagata Store
Which is beyond the worldly stream.
Blessed be coming generations
So that they have (abiding) faith
In this easy expedient.
It is good for teaching Ananda
And those of the Dharma ending age
Who should use the hearing organ
Which surpasses all others
And with the True Mind accords.

- Đại chúng cập A Nan,
Triền như đảo văn cơ.
Phản văn văn tự tánh,
Tánh thành vô thượng đạo,
Viên thông thật như thị.
- Thủ thị vi trần Phật,
Nhất lộ Niết Bàn môn.
Quá khứ chư Như Lai,
Tự môn dĩ thành tựu,
Hiện tại chư Bồ Tát.
Kim các nhập viên minh,
Vị lai tu học nhân,
Đương y như thị pháp.
Ngã diệc tùng trung chứng,
Phi duy Quán Thế Âm,
- Thành như Phật Thế Tôn,
Tuân ngã chư phương tiện,
Dĩ cứu chư mạng kiếp,
Cầu xuất thế gian nhân,
Thành tựu Niết Bàn tâm,
Quán Thế Âm vi tối.
- Tự dư chư phương tiện,
Giai thị Phật oai thần,
Tức sự xả trần lao,
Phi thị thường tu học,
Thiền thâm đồng thuyết pháp.
- Đánh lễ Như Lai tạng.
Vô lậu bất tư nghi,
Nguyện gia bị vị lai,
Ư thử môn vô hoặc,
Phương tiện dị thành tựu,
Khâm dĩ giáo A Nan,
Cập mạng kiếp trầm luân,
Đản dĩ thử căn tu,
Viên thông siêu dư giả,
Chơn thật tâm như thị.
- Đại chúng và A Nan,
Xoay cái văn điên đảo.
Phản văn bản tánh văn, (8)
Mới thành vô thượng đạo,
Viên thông thật như thế.
- Đây là vô số Phật,
Một cửa vào Niết Bàn.
Quá khứ chư Như Lai,
Do cửa này thành tựu,
Hiện tại chư Bồ Tát.
Mỗi mỗi vào diệu minh,
Người tu học vị lai,
Nên y theo pháp này.
Chẳng những Quán Thế Âm,
Ta chứng cũng cửa này,
- Đúng như lời Thế Tôn,
Hỏi về các phương tiện,
Để cứu độ mạng kiếp,
Người cầu pháp xuất thế,
Thành tựu tâm Niết Bàn,
Quán Thế Âm hơn cả.
- Ngoài ra phương tiện khác,
Đều là oai thần Phật,
Sâu cạn tùy cơ thuyết,
Khiến xả bỏ trần lao.
Chẳng phải lỗi tu chánh.
- Đánh lễ Như Lai tạng,
Vô lậu bất tư nghi,
Nguyện giúp đỡ đời sau,
Chẳng làm nơi cửa này,
Phương tiện dễ thành tựu,
Để dạy cho A Nan,
Và chúng sanh mạng kiếp,
Cứ theo căn này tu,
Viên thông hơn pháp khác,
Thế là tâm chơn thật.



GHI CHÚ

(1): Dược xoa (nhẹ nhàng, nhanh chóng), có ba loại:

Địa Dược Xoa: Dùng tài thí nên chẳng thể bay.

Không Dược Xoa: Thiên Dược Xoa: Dùng xe cộ bố thí nên bay được.

Khi Phật chuyển pháp luân. Địa Dược Xoa ca ngợi, Không Dược Xoa nghe. Thiên Dược Xoa ca ngợi. Từ Thiên Vương cho đến Phạm Thiên nghe.

(2) Càn Thát Bà (tìm mùi hương): Nhạc thần của Đế Thích.

(3) Khẩn Na La: Phi nhân, giống người mà đầu có sừng.

(4) Ma Hầu La Già: Đại mãnh xà, bụng lớn.

(5) Thân với xúc đồng nhau, chẳng phải viên giác quán:

Sự xúc giác rõ ràng, chỉ có thân mới biết, quên thân thuần giác, cũng chẳng phải viên giác, phải như Viên Giác Quán, thân tâm đều siêu việt, chẳng có ngăn mé, mới có thể chẳng nhờ thân biết mà thâm hội (ngộ) vạn pháp. Nay có thân có xúc, thì sự biết có ngăn mé, chẳng phải viên thông vậy.

(6) Trụ thành chấp sở trụ, làm sao được viên thông.

Sự nhiếp tâm thật là khó, trước kia tán loạn chỉ e chẳng trụ, sau được tịch tịnh, lại thành sở trụ của tâm. Trụ và chẳng trụ đều chẳng phải bản thể của vô trụ, nên chẳng được viên thông.

(7) Ngôi học còn dính bụi, cực sáng tức Như Lai:

Theo Hoa Nghiêm Hợp Luận: Sơ tâm Bồ Tát vì lòng tin Chơn Như vững chắc, được thấy biết ít phần của thân Như Lai chẳng đoạn diệt, chẳng khứ lai, nhưng Bồ Tát này còn chưa thể lìa sự phân biệt vi tế, nên chỉ thấy thô dụng, chưa được vào ngôi pháp thân.

Tịnh tâm Bồ Tát còn thấy vi tế dụng, như thế dần dần tiến lên, cho đến bậc Bồ Tát cứu cánh, mới hết thấy vi tế dụng, gọi là thân thọ dụng.

Vì có nghiệp thức, mới có tâm thấy thọ dụng, nếu lìa nghiệp thức thì chẳng thể thấy. Tại sao? Vì tất cả Như Lai đều là pháp thân; pháp thân chẳng có sắc tướng sai biệt để thấy nhau, nên chẳng thể thấy.

Tại sao hết thấy vi tế dụng, gọi là thân thọ dụng? Vì còn có thân thọ dụng để biết sự “hết thấy”, vẫn là tướng vi tế của nghiệp thức. Các bậc hữu học và vô học còn dính mắc tướng vi tế này, như gương dính bụi, nên nói “Ngôi học còn dính bụi”. Nếu nghiệp thức vi tế đã sạch, chẳng thấy có sự thọ dụng, gọi là pháp thân Như Lai. Vậy bụi sạch gương sáng tỏ, nên nói “Cực sáng tức Như Lai”.

(8) Phản văn bản tánh văn:

Nếu chấp cái nghe là thật, thì không nghe ngoài phải nghe trong, không nghe động phải nghe tịnh. Nghe trong, ngoài, động, tịnh, đều là bỏ gốc theo ngọn, nên gọi là cái nghe điên đảo. Xoay cái nghe điên đảo này về chánh, chánh thì chẳng có năng văn, sở văn, vậy mới gọi là Phản văn, cũng là Bản tánh văn; nghịch cảnh trần, hợp giác tánh, nên gọi là chánh. Đã trở về bản văn, tức thấy bản lai diện mục, cũng là tánh Văn này, liền thành vô thượng Bồ Đề.

(After hearing this) Ananda and the assembly (felt) their bodies and minds to be in tune with the profound teaching. To them the Buddha's Bodhi and Parinirvana were like the way home which a traveller should know well before returning from a long journey abroad. Others present, such as the eight classes of non-human beings,¹⁶⁴ students of Hinayana and Bodhisattvas who had just developed the Bodhi Mind and whose number was countless as the sand in ten Ganges rivers, awakened to their fundamental minds, avoided defilement and won the pure Dharma eye. After hearing the gatha, Bhiksuni Self-Nature realized arhatship and an uncountable number of living beings developed the unsurpassed Samyak sambodhi mind.

164. Cf. Chan and Zen Teaching, Third Series, p. 278, note 3, for a description of the eight classes of spirits who always came when the Buddha preached the Dharma.

The Enlightenment of Others

Ananda adjusted his robe, brought his palms together and prostrated himself with his head at the feet of the Buddha. He rejoiced at his good understanding of the mind and, for the benefit of coming generations, bowed again and said: O great Compassionate and World Honoured One, I have now awakened to the Dharma gateway to Buddhahood by means of right practice about which I have no more doubt. I have always heard the Buddha speak of Bodhisattvas who, before their own liberation, set their minds on freeing others, and of Buddhas who, after their own complete enlightenment, appeared in the world to enlighten others. Though I am not yet liberated, I now vow to deliver all living beings in the Dharma ending age. World Honoured One, future generations will gradually move farther away from the Buddha and (will meet) heretics as many as the sand grains in the Ganges. In order to control their minds for entry into Samadhi, what should they do to set up seats of study and learning (bodhimandala) to keep the demon away and avoid failure (in their cultivation) of the mind set on enlightenment?.

The Buddha praised Ananda and said: Excellent, Ananda, excellent, (it is good that) you ask about the setting up of bodhimandalas for the protection of living beings against failure in the Dharma ending age. Listen attentively to what I now tell you.

Ananda and the assembly reverently awaited the (holy) teaching.

A Nan cùng đại chúng được khai thị lớn, thân tâm sáng suốt, rõ biết đạo Bồ Đề và Đại Niết Bàn, cũng như có người đi xa, dù chưa được trở về, nhưng đã biết rõ con đường về nhà. Đại chúng trong hội với Thiên Long Bát Bộ, hàng nhị thừa hữu học và tất cả Bồ Tát mới phát tâm, gấp mười lần hàng sa, đều nhận được bản tâm, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn trong sạch. Tỳ Kheo ni Tánh nghe bài kệ xong, liền đắc quả A La Hán, vô số chúng sanh đều phát tâm Vô Đẳng Đẳng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

A Nan ở trong chúng sửa áo chỉnh tề, chấp tay đảnh lễ, nơi tâm sáng tỏ, lòng bi hoan hỷ. Vì muốn lợi ích cho chúng sanh vị lai, cúi đầu bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nay con đã ngộ pháp môn thành Phật, theo đó tu hành, chẳng còn nghi hoặc. Con thường nghe Như Lai nói: tự mình chưa ngộ mà độ người khác trước, ấy là chỗ phát tâm của Bồ Tát; Tự Giác đã trọn, hay giác ngộ người khác, ấy là sự độ thế của Như Lai. Con dù chưa được ngộ, nhưng nguyện độ tất cả chúng sanh trong đời mạt pháp. Thế Tôn, những chúng sanh này cách Phật ngày càng xa, bọn tà sư thuyết pháp như hàng sa, muốn nhiếp tâm họ nhập Tam Ma Địa, thì nên khiến họ dựng lập đạo tràng như thế nào để xa lìa các ma sự, được chẳng lui sụt nơi tâm Bồ Đề.

Bấy giờ, Thế Tôn ở trong chúng khen ngợi A Nan:

- Lành thay! Lành thay! Như người hỏi về sự an lập đạo tràng, cứu giúp chúng sanh chìm đắm trong đời mạt pháp, người hãy lắng nghe, ta sẽ vì người mà nói.

A Nan và đại chúng kính vâng lời dạy của Phật.

Discipline & its Three Decisive Steps: Sila, Dhyana, & Prajna

The Buddha said: Ananda, you have always heard me teach about discipline (vinaya) which consists in the practice of three decisive steps, the control of mind, called sila which leads to stillness (dhyana) and thence to wisdom (prajna). This is called the threefold study of the supramundane way.

Prohibition against carnality

Ananda, why is control of mind called sila? If all living beings in the six worlds of existence abstain from sexual desire, they will not be subject to the continual round of births and deaths. Your practice of Samadhi should free you from defilements but they cannot be eliminated if your lustful mind is not wiped out. Even after you have acquired such wisdom, if you fail to kill sensuality, then when dhyana manifests,¹⁶⁵ you will fall into the way of demons in which their king takes the high, his male subjects the middle and his female subjects the low rank. These demons have their following and boast of having attained the Supreme Path. After my nirvana, in the Dharma ending age, these subjects of Mara will be found everywhere, will encourage sensuality and will disguise themselves as men of good counsel (kalyanamitras) and cause living beings to fall into the pit of lust thereby missing the Bodhi path.

You should teach worldly men who practise Samadhi to cut off their lustful minds at the very start. This is called the Buddha's profound teaching of the first decisive deed. Therefore, Ananda, if carnality is not wiped out, the practice of dhyana is like cooking gravel to make rice; even if it is boiled for hundreds and thousands of aeons, it will be only hot gravel. Why? Because instead of rice grains it contains only stones. If you set your lustful mind on seeking the profound fruit of Buddhahood, whatever you may realize will be carnal by nature. If your root is lustful, you will have to transmigrate through three unhappy ways (to the hells of fire, blood and swords) from which you will not escape.

165. This is the worldly dhyana. Cf. Chan and Zen Teaching, Third Series, p. 44, note 1, for the three kinds of dhyana.

Phật bảo A nan:

- Người thường nghe ta khai giảng ba nghĩa quyết định của sự tu hành trong Luật Tạng, ấy là: Nhiếp tâm thành giới, từ giới sanh định, từ định phát huệ, gọi là ba vô lậu học.

- A Nan! Làm sao nhiếp tâm gọi là Giới?

- Nếu chúng sanh lục đạo trong thế giới, tâm chẳng dâm dục, thì chẳng theo dòng sanh tử tương tục.

- Người tu chánh định, cốt để ra khỏi trần lao, nếu tâm dâm dục chẳng trừ thì chẳng thể ra khỏi, dẫn cho có nhiều trí thiên định hiện tiền, nếu chẳng đoạn dâm, ắt phải lạc vào ma đạo, hạng trên thành ma vương, hạng giữa thành ma dân, hạng dưới thành ma nữ. Bọn ma kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng đã thành đạo vô thượng, sau khi ta diệt độ, trong đời mạt pháp, bọn ma dân này sôi nổi trên thế gian, thịnh hành tham dâm, tự xưng là Thiện tri thức, khiến chúng sanh sa vào hầm ái kiến, lạc mất đạo Bồ Đề.

- Người dạy người đời tu Tam Ma Địa, trước nhất phải dứt dâm dục, ấy là lời dạy bảo rõ ràng trong sách, gọi là nghĩa quyết định thứ nhất của chư Phật.

- A Nan! Nếu chẳng dứt dâm dục mà tu thiên định, cũng như nấu cát mà muốn thành cơm, dù trải qua trăm ngàn kiếp, cũng chỉ là cát nóng. Tại sao? Vì cát vốn chẳng phải là cơm vậy. Nếu lấy thân dâm mà cầu diệu quả của Phật, dẫn được khai ngộ cũng chỉ là gốc dâm; cội gốc đã thành dâm thì phải trôi lăn trong tam ác đạo, chẳng thể thoát khỏi,

How then can you find the way to cultivate the Tathagata's nirvana? You should cut off both the sensual body and mind until even the very idea of doing so ceases; only then can you hope to seek the Buddha's Enlightenment. This teaching of mine is that of the Buddha whereas any other one is that of evil demons (papiyan).

Prohibition against killing

Ananda, if living beings in the six worlds of existence cease to kill they will not be subject to the continual round of births and deaths. Your practice of Samadhi should free you from defilements but if your murderous mind is not cut off, they cannot be eliminated. You may acquire much wisdom but if you fail to stop killing, when dhyana manifests, you will fall into the way of spirits, in which the high rank is attained by the mighty ghost (preta), the middle one by flying yaksas and chief ghosts, and the low one by earth-bound raksasas. These have followers and boast that they have attained the Supreme Path. After my nirvana, in the Dharma ending age, these ghosts will be found throughout in the world, and will boast of how they feed on flesh which leads them to realize Bodhi.

Ananda, I permit the bhikus to eat only the five kinds of pure flesh¹⁶⁶ which are the product of my transcendental power of transformation and not of animal slaughter. You, Brahman, live in a country where vegetables do not grow because it is too damp and hot and because of all the gravel and rock. I use my spiritual power of compassion to provide you with illusory meat to satisfy your appetite. How then, after my nirvana, can you eat the flesh of living beings and so pretend to be my disciple? You should know that those who eat meat, though their minds may open and realize a semblance of Samadhi, are but great raksasas who, after this life, will sink back into the bitter ocean of samsara and cannot be my disciples. They will kill and devour one another ceaselessly; how then can they escape from the three worlds of existence?

166. The five kinds of pure flesh which may be eaten by a beginner who does not see, hear of, or doubt about the animal having been killed purposely for him to eat, but is certain that it either died naturally or that its flesh had been abandoned by birds of prey.

vậy làm sao có thể tu chứng đạo Niết Bàn! Ất phải khiến thân tâm đều dứt hết sự dâm, cả cái dứt cũng chẳng có, thì mới có thể hy vọng chứng quả Bồ Đề.

- Như lời ta thuyết gọi là Phật thuyết, chẳng thuyết như thế là tà ma thuyết.

- A Nan! Lại chúng sanh lục đạo trong thế giới, nếu tâm chẳng sát hại thì chẳng theo dòng sanh tử tương tục.

- Người tu chánh định, cốt để ra khỏi trần lao, nếu tâm sát hại chẳng trừ, thì chẳng thể ra khỏi, dẫu có nhiều trí thiên định hiện tiền, mà chẳng dứt sát hại, ắt phải lạc vào đạo quỷ thần. Hạng trên thành đại lực quỷ, hạng giữa thành phi hành dạ xoa và các loại quỷ soái, hạng dưới thành địa hành la sát. Các loài quỷ thần kia cũng có đồ chúng, mỗi mỗi tự xưng đã thành đạo vô thượng, sau khi ta diệt độ, trong đời mạt pháp, loại quỷ thần này sôi nổi trên thế gian, tự nói ăn thịt cũng được đạo Bồ Đề.

- A Nan! Sở dĩ ta tạm cho hàng Tỳ Kheo ăn Ngũ Tịnh Nhục, việc này đều do thần lực của ta hóa thành, vốn chẳng có sinh mạng. Vì xứ Bà La Môn đất đai phần nhiều ẩm ướt, lại thêm cát đá, rau cỏ chẳng sanh, nên ta dùng sức đại bi tạm thời hóa ra, giả danh là thịt, cho các người được ăn. Nhưng tiếc thay, sau khi Như Lai diệt độ, người mang tên Phật tử lại ăn thịt chúng sanh!

- Các người nên biết, những người ăn thịt, dù được khai ngộ tựa như Tam Ma Địa, nhưng đều là giống La Sát, khi hết phước báu, ắt phải chìm đắm trong biển khổ, chẳng phải đệ tử Phật. Những người như thế, giết nhau nuốt nhau, ăn nhau không thôi, làm sao được ra khỏi luân hồi!

In addition you should teach worldly men who practice Samadhi not to kill. This is called the Buddha's profound teaching of the second decisive deed. Therefore, Ananda, if killing is not stopped, the practice of dhyana-samadhi is like shutting one's ears while crying in the hope that people will not hear one's voice, or like trying to hide something that is already exposed to full view. All bhikus who live purely and all Bodhisattvas always refrain even from walking on the grass; how can they agree to uproot it? How then can those who practise great compassion feed on the flesh and blood of living beings? If bhikus do not wear garments made of (Chinese) silk, boots of local leather and furs, and refrain from consuming milk, cream and butter, they will really be liberated from the worldly; after paying their former debts, they will not transmigrate in the three realms of existence. Why? Because by using animal products, one creates causes (which are always followed by effects), just like a man who eats cereals grown in the soil and whose feet cannot leave the ground. If a man can (control) his body and mind and thereby refrains from eating animal flesh and wearing animal products, I say he will really be liberated. This teaching of mine is that of the Buddha whereas any other is that of evil demons.

Prohibition against stealing

Further, Ananda, if living beings in the six worlds of existence cease to steal, they will not be subject to the continual round of births and deaths. Your practice of Samadhi should free you from defilements, but if your robber's mind is not wiped out, they cannot be eliminated. You may acquire much wisdom but if you do not stop stealing, when dhyana manifests, you will fall into the way of devils in which the high rank is attained by cunning spirits, the intermediate one by evil spirits and the low one by bedevilled men. These devils have their following and boast that they attain Supreme Bodhi. After my nirvana, in the Dharma ending age, these devils will be found everywhere in the world. They will hide their perfidy, pose as men of good counsel and declare that they have won the Superior Dharma to deceive the ignorant who will thus lose their minds; wherever they pass, they will cause untold miseries to their believers.

- Người dạy người đời tu Tam Ma Địa, phải dứt trừ sát sanh, ấy là lời dạy rõ ràng trong sạch, gọi là nghĩa quyết định thứ hai của chư Phật!

- A Nan! Nếu chẳng dứt sát hại mà tu thiền định, cũng như có người tự bịt lỗ tai, lớn tiếng kêu to mà mong người khác chẳng nghe, bọn này gọi là muốn giấu mà càng lộ. Hàng Tỳ Kheo trong sạch và chư Bồ Tát, đi trong đường tẻ còn chẳng dẫm trên cỏ, huống là nhổ cỏ. Làm sao người có lòng đại bi lại ăn thịt chúng sanh?

- Nếu Tỳ Kheo chẳng mặc tơ lụa, chẳng mang giày dép da cừu, chẳng ăn những tô lạc đề hồ... thuộc bộ phận thân thể của chúng sanh, thì Tỳ Kheo này nơi thế gian gọi là chơn giải thoát, khi nợ xưa trả sạch thì chẳng sanh vào tam giới. Tại sao? Vì dùng những bộ phận thân thể của chúng sanh để ăn mặc, thì phải trả nợ chúng sanh. Như người ăn lúa thóc từ đất mọc thì chân chẳng lìa đất. Cũng vậy, người mà đối với thân thể của chúng sanh đều chẳng ăn chẳng mặc, ta nói người này là chơn giải thoát.

- Như lời ta thuyết, gọi là Phật thuyết chẳng thuyết như thế tức là ma thuyết.

- A Nan! Lại như chúng sanh lục đạo trong thế giới, tâm chẳng trộm cắp thì chẳng theo dòng sanh tử tương tục.

- Người tu chánh định, cốt ra khỏi trần lao, nếu tâm trộm cắp chẳng trừ thì chẳng thể ra khỏi, dầu có nhiều trí thiền định hiện tiền, mà chẳng dứt tâm trộm cắp, ắt phải lạc vào tà đạo. Hạng trên thành tinh linh, hạng giữa thành yêu mị, hạng dưới thành kẻ tà. Bọn tà đạo kia cũng có đồ chúng mỗi mỗi tự xưng đã thành đạo vô thượng. Sau khi ta diệt độ, trong đời mạt pháp, bọn tà ma kia sôi nổi trong thế gian, che giấu sự gian dối, tự xưng là thiện tri thức, đã được pháp Thượng Nhân, lừa gạt kẻ không biết, khiến lạc mất bản tâm. Hễ họ đến chỗ nào thì người chỗ đó gia tài bị tiêu tan.

This is why I teach the bhikus to beg for food so that they can overcome cupidity and realize Bodhi. They do not cook themselves and pass their remaining years as transitory travellers in the three realms of existence to prove their last transmigration without incarnating again. How can thieves who wear the Saïgha robe, act as Tathagata-mongers¹⁶⁷ and commit karmic deeds, claim that they all preach the Buddha Dharma? They are not (true) leavers of home and are not ordained Hinayana bhikus. They deceive an incalculable number of living beings causing them to fall into the realm of unintermittent hells. After my nirvana, if there is a bhiksu who, in token of his determination to practise Samadhi, lights in front of an image of the Tathagata a torch (planted in his body) or burns a bone of his finger or an incense stick inserted in his flesh, I say he will thus repay all his karmic debts since the time without beginning, will leave the worldly way for ever and will escape from the stream of transmigration, for although he has not yet attained Supreme Bodhi, his mind is already set decisively on the Dharma. However, without these small sacrifices, even if he realizes something, he will be reborn as a human being and will have to repay his former debts, as I did when I had to eat the grain fed to horses.¹⁶⁸

167. This term is frequently found in Buddhist Scriptures and means an unscrupulous person who knows nothing about the Dharma but poses as an expert in Mahayana to win fame and make money.

168. The Buddha's food when he spent three months with the Brahmin ruler Agnidatta with five hundred monks; one of his ten sufferings.

- Ta dạy các Tỳ Kheo tùy nghi khát thực, xả bỏ lòng tham, mới thành đạo Bồ Đề. Các Tỳ Kheo chẳng tự nấu ăn, huyễn thân tạm gởi nơi tam giới, thị hiện một đời sanh tử, đi rồi chẳng về (giải thoát sanh tử thì ra khỏi luân hồi, chẳng về tam giới). Tại sao bọn giặc mặc áo đạo Phật, giả mạo Tỳ Kheo buôn bán Như Lai, tạo đủ thứ nghiệp đều nói là Phật pháp! Kỳ thật, họ chẳng phải người chánh thức xuất gia, có thọ giới Tỳ Kheo của đạo Tiểu Thừa. Do vậy, khiến vô số chúng sanh mắc phải nghi lầm, đọa địa ngục A Tỳ. Sau khi ta diệt độ, nếu có Tỳ Kheo phát tâm quyết định tu Tam Ma Địa, ở trước hình tượng Phật đốt một lông tay hay đốt một liều trên thân, ta nói người ấy, những nợ xưa từ vô thủy đều sẽ được dần dần trả hết, từ giả thế gian, thoát hẳn phiền não, dù chưa được ngộ đạo vô thượng, nhưng đối với Phật pháp đã có lòng tin quyết định. Nếu chẳng làm cái nhân xả thân nhỏ mọn này, thì dẫu thành vô vi, ắt phải còn sanh cõi người, trả các nợ xưa, như quả báo Mã Mạch của ta chẳng có sai khác (Mã Mạch: lúa mì để cho ngựa ăn).

LƯỢC GIẢI

Kinh Hưng Khởi Hành nói:

Vua nước Tùy La Nhiên thỉnh Phật và 500 vị Tỳ Kheo về nước kiết hạ, vua đích thân cúng dường vừa được sáu ngày thì bị thiên ma mê hoặc, khiến trở về cung vua chìm đắm ngũ dục, quên sự cúng dường. Các Tỳ Kheo phải đi khát thực, mà liên tiếp ba ngày đều chẳng khát được món ăn nào cả.

Lúc đó, có người nuôi ngựa nói với các Tỳ Kheo rằng: “Nay con có mã mạch, quý Thầy ăn được chăng? Nếu ăn được thì con sẽ cúng dường”. Từ đó ăn mã mạch cho đến mãn hạ.

Phật bảo: “Trong quá khứ đời Phật Tỳ Bà Diếp, ta làm Bà La Môn, thông đạt Tứ Vệ Đà Kinh, có dạy 500 đồng tử trên núi Phạn Chí. Khi ấy, vua thiết hội cúng dường Phật Tỳ Bà Diếp, có một Tỳ Kheo mắc bệnh chẳng đi được. Phật và đại chúng ăn xong, rồi thỉnh thực cho Tỳ Kheo mắc bệnh. Khi đi ngang núi Phạn Chí, Bà La Môn ấy ngửi được mùi cơm rất thơm, nói rằng: “Bọn Sa Môn trợ đầu nên ăn mã mạch, chẳng nên ăn cơm này”.

Các đồng tử cũng nói: “Bọn thầy trò này phải ăn mã mạch mới đúng”!

Bà La Môn thuở đó tức là ta, 500 đồng tử tức 500 Tỳ Kheo theo ta kiết hạ đây; Tỳ Kheo mắc bệnh tức là Di Lặc. Do nhân duyên này, vào địa ngục trải qua vô số kiếp, nay dù đã đắc đạo, vẫn còn phải chịu quả báo, ăn mã mạch ba tháng.

Theo nhân quả kể trên, Phật đã từng xả máu thịt cho điều hâu ăn, xả thân mạng cho cạp ăn, mà còn phải chịu quả báo mã mạch. Vậy đâu thể do đốt tay và đốt liều trên thân mà trả hết nợ xưa từ vô thủy được!

Sự đốt tay, đốt liều là để tăng cường lòng chánh tín, quên thân vì đạo. Cần phải quên thân hành đạo, cuối cùng mới tự nhiên trả hết nợ xưa, trọn thành Phật đạo.

Then you should teach worldly men who practice Samadhi not to steal. This is called the Buddha's profound teaching of the third decisive deed. Ananda, if stealing is not stopped, the practice of dhyana-samadhi is like pouring water into a vessel which will never hold it in spite of the passing of aeons countless as dust. If this bhiksu does not keep garments in excess of what he needs, gives to others all food in excess of his requirement, joins his two palms to salute the community and regards as praise abuse and blows . that is if he is ready to give away his own flesh, bones and blood, and if he does not pose as an expert interpreter of the expedient incomplete doctrine and does not teach it to beginners in order not to mislead them,¹⁶⁹ the Buddha will seal his realization of Samadhi. This teaching of mine is that of the Buddha, whereas any other is that of evil demons.

169. Hinayana should never be taught to those who are responsive only to Mahayana and vice-versa.

Prohibition against lying

Ananda, if living beings in the six worlds of existence, after cleansing their bodies and minds from killing, stealing and carnality, continue to lie, they will fail to realize Samadhi and will become demons (filled with) pride and prejudice. As a result, they will lose the Tathagata seed and, in their search for worldly fame, will claim that they have achieved and realized what really they have not. They boast of their realization of the states of srota-apanna, sakrdagamin, anagamin, arhat and pratyeka-buddha and the ten stages of Bodhisattva development, in order to attract believers who will make offerings to them for the atonement of sins. These unbelievers (icchantika) will destroy the Buddha seed as easily as cutting into the trunk of a palm with a sharp chopper (to stop it from growing). The Buddha predicts that these people will destroy their excellent roots, will not regain common sense, will sink into the three oceans (realms) of suffering and will never achieve Samadhi.

- Người dạy người đời tu Tam Ma Địa, phải dứt tâm trộm cắp, ấy là lời dạy rõ ràng trong sạch, gọi là nghĩa quyết định thứ ba của chư Phật.

- A Nan! Nếu chẳng dứt tâm trộm cắp, mà tu Thiền định, cũng như người lấy nước rót vào bình chảy, mong cho đầy bình, dù trải qua vô số kiếp, cũng không thể đầy.

- Nếu hàng Tỳ Kheo ngoài y bát ra, may may không tích trữ, xin ăn có dư, bố thí cho kẻ đói, giữa nơi nhóm họp, chấp tay đảnh lễ chúng, có người đánh mắng, đồng như khen ngợi, quyết định xả bỏ thân tâm, với tất cả chúng sanh cộng chung một da thịt xương máu. Chẳng lấy thuyết bất liễu nghĩa của Như Lai làm chỗ hiểu của mình, rồi dạy làm mà hại cho kẻ sơ học, thì Phật ấn chứng người ấy được chơn tam muội.

- Như lời ta thuyết gọi là Phật thuyết, chẳng thuyết như thế tức tà ma thuyết.

- A Nan! Chúng sanh lục đạo trên thế giới, dù nơi thân tâm chẳng còn Sát, Đạo, Dâm, nếu mắc phải đại vọng ngữ, thì với Tam Ma Địa chẳng được trong sạch, thành giống ma ái kiến, lạc mất giống Phật. Chưa đắc quả nói đã đắc, chưa chứng ngộ nói đã chứng; như bảo người khác rằng: "Nay tôi đã được quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, cho đến Bồ Tát Thập Địa; hoặc vì cầu sự thù thắng bậc nhất nơi thế gian, hoặc vì tham sự cúng dường, bảo hộ lễ sám. Bọn Nhất Xiển Đề này tiêu diệt giống Phật, như người lấy dao chặt cây Đa La (cây này hễ gãy thì chẳng sống được nữa), Phật thọ ký người ấy mất hẳn thiện căn, chẳng có Chánh kiến, chìm đắm trong tam ác đạo, chẳng thể thành tựu chánh định.

I now command Bodhisattvas and Arhats to appear, in the Dharma ending age after my nirvana, in all appropriate transformation bodies to save those caught in the wheel of samsara. They should come as monks, lay disciples, princes, ministers, boys, girls, and even as prostitutes, widows, rogues, thieves, butchers, pedlars, etc., to keep company with them and praise the Buddha Dharma in their presence so as to convert them and urge them to practise it. In so doing they should not disclose that they are true Bodhisattvas and Arhats. They will not reveal to beginners the Buddha's esoteric cause but when they are about to die, they will secretly show some proof of their enlightenment (to increase their disciples' faith in the Dharma). How then can such persons deceive living beings by telling deliberate lies? You should teach worldly men who practise Samadhi not to lie. This is called the Buddha's profound teaching of the fourth decisive deed.

Ananda, if lying is not stopped, the practice of dhyana-samadhi is like copying in excrement a sandalwood statue and expecting it to be fragrant, which is impossible. I teach the bhikus to develop a straightforward mind which is the temple of enlightenment (bodhimandala) and to be righteous in their common acts of daily life, while walking, standing, sitting and reclining. How can a liar pretend that he has realized the Supreme Dharma? This is like a poor man proclaiming himself a king; he will only invite trouble and misfortune. Still less can he usurp the (throne of the) King of the Law. If the causal ground is false, its fruit will be distorted, and the quest of Buddha's Enlightenment will become impossible.

If a bhiksu (develops) a mind as straight as a lute-string and is truthful under all circumstances, he will avoid, in his practice of Samadhi, all troubles caused by the demon. I will seal his realization of the Bodhisattva's Supreme Bodhi. This teaching of mine is that of the Buddha whereas any other one is that of evil demons.

- Ta phó chúc các Bồ Tát và A La Hán, sau khi ta diệt độ, nên ứng thân trong thời mạt pháp, hiện đủ thứ hình tướng, cứu độ chúng sanh bị luân chuyển. Hoặc làm Sa Môn, Bạch Y Cư Sĩ, vua, chúa, quan lại, đồng nam, đồng nữ, như thế cho đến người dâm nữ, quả phụ, kẻ gian dối, trộm cắp, đồ tể v.v... cộng sự với họ, khen ngợi Phật thừa, khiến thân tâm họ được vào Tam Ma Địa. Trọn chẳng tự nói ta là Chơn Bồ Tát, chơn A La Hán, tiết lộ mật nhân của Phật để khinh kẻ hậu học, chỉ trừ đến khi lâm chung càng có sự phó chúc cho người nối pháp làm sao người ấy lại mê hoặc chúng sanh, tự tạo tội, thành đại vọng ngữ, để vào ngục A Tỳ!
- Người dạy người đời tu Tam Ma Địa, sau cùng phải dứt trừ đại vọng ngữ, ấy là lời dạy rõ ràng trong sạch, gọi là nghĩa quyết định thứ tư của chư Phật.
- A Nan! Nếu chẳng dứt đại vọng ngữ, cũng như lấy phần người khắc hình cây Chiên Đàn, muốn được mùi thơm thì chẳng có chỗ đứng.
- Ta dạy Tỳ Kheo Trực Tâm là đạo tràng, tất cả hạnh nơi tứ oai nghi còn chẳng giả dối, làm sao lại tự xưng đã được pháp Thượng Nhân, ví như người nghèo vọng xưng là vua chỉ tự cầu tội chém, hưởng là trộm cắp danh hiệu của Pháp Vương!
- Cần phải biết, nhân địa chẳng chơn thì chiêu quả quanh co, nếu như thế mà cầu đạo Bồ Đề, cũng như người muốn tự cắn rốn mình, đâu thể thành tựu!
- Nếu các Tỳ Kheo, tâm ngay thẳng như dây đàn, tất cả chơn thật, vào Tam Ma Địa, hẳn không kẹt ma sự, ta ấn chứng người ấy thành tựu Bồ Tát vô thượng tri giác.
- Như lời ta thuyết gọi là Phật thuyết, chẳng thuyết như thế tức tà ma thuyết.

Ananda, you asked about collecting one's thoughts; I have now begun to explain the wonderful method of cultivation for entrance into samadhi. Those who seek the Bodhisattva Way must first be as pure as glistening frost in keeping these four rules of deportment. If one is able to never give rise to anything superfluous, then the three evils of the mind and the four of the mouth will have no cause to come forth.

Ananda, if one does not neglect these four matters, and, further, if one does not pursue forms, fragrances, tastes, or objects of touch, then how can any demonic deeds arise?

If there are people who cannot put an end to their habits from the past, you should teach them to single-mindedly recite my 'light atop the Buddha's summit' unsurpassed spiritual mantra, mwo he sa dan dwo bwo da la.

It is the invisible appearance atop the summit of the Thus Come One. It is the spiritual mantra proclaimed by the Buddha of the unconditioned mind who comes forth from the summit in a blaze of light and sits upon a jeweled lotus flower.

What is more, your past lives with Matangi's daughter created accumulated kalpas of causes and conditions. Your habits of fondness and emotional love go back not just one life, nor even just one kalpa. Yet, as soon as I proclaimed it, she was freed forever from the love in her heart and accomplished Arhatship.

That prostitute, who had no intention of cultivating, was imperceptibly aided by that spiritual power and was swiftly certified to the position beyond study; then what about you Sound-Hearers in the assembly, who seek the most supreme vehicle and are resolved to accomplish Buddhahood? For you it should be as easy as tossing dust into a favorable wind. What, then, is the problem?

- A Nan! Người hỏi cách nhiếp tâm, trước ta đã nói về pháp môn vi diệu, tu tập Tam Ma Địa. Người cầu đạo bồ đề trước tiên phải giữ bốn thứ luật nghi kể trên, trong sáng như băng tuyết để làm căn bản, tự nhiên chẳng sanh tất cả nhánh lá; nhờ đó, ba ý nghiệp và bốn khẩu nghiệp ắt chẳng có nhân để sanh khởi. A Nan, nếu giữ kỹ bốn giới chẳng bỏ sót, tâm còn chẳng duyên theo Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, thì tất cả ma sự làm sao còn sanh khởi được?

- Nếu có tập khí xưa chẳng thể diệt trừ, người dạy người ấy nhất tâm tụng trì "Phật Đảnh Quang Minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát La (thuần trắng chẳng ô nhiễm) Vô Thượng Thần Chú" của ta, ấy là cái tâm chú do Vô Kiến Đảnh Tướng Như Lai, từ nơi đảnh đầu hiện ra Vô Vi Tâm Phật, ngồi trên bửu liên hoa mà thuyết.

- Người và Ma Đẳng Già, do tập khí ân ái từ nhiều kiếp, ta vừa tuyên thuyết thần chú, liền khiến Ma Đẳng Già thoát hẳn lòng yêu, đắc quả A La Hán. Nàng kia là dâm nữ, chẳng có tâm tu hành, nhờ thần lực thâm giúp, được mau chứng vô học, hướng là hàng Thanh Văn các người trong hội, cầu tối Thượng Thừa, nhất định thành Phật, cũng như bụi bay theo chiều gió, đâu có ngăn ngại gì?

Those in the final age who wish to sit in a Bodhimanda must first hold the pure precepts of a bhikshu. To do so, they must find as their teacher a foremost Shramana who is pure in the precepts. If they do not encounter a member of the Sangha who is truly pure, then it is absolutely certain that their department in precepts and rules can not be accomplished.

After accomplishing the precepts, they should put on fresh, clean clothes, light incense in a place where they are alone, and recite the spiritual mantra spoken by the Buddha of the Mind one hundred and eight times. After that, they should secure the boundaries and establish the Bodhimanda.

In the countries within them, they should seek for the unsurpassed Thus Come Ones throughout the ten directions to emit a light of great compassion and anoint the crowns of their heads.

Ananda, when any such pure bhikshus, bhikshunis, or white-robed donors in the Dharma-ending Age who can rid their minds of greed and lust hold the Buddha's pure precepts, and in a bodhimanda make the vows of a Bodhisattva and can bathe upon entering each time, and day and night for three weeks without sleep continue this practice of the Way, I will appear before these people in a physical form and rub the crowns of their heads to comfort them and enable them to become enlightened.

Ananda said to the Buddha, "World Honored One, enveloped in the Thus Come One's unsurpassed, compassionate instruction, my mind has already become enlightened, and I know how to cultivate and be certified to the Way Beyond Study. But for those who cultivate in the final age and want to establish a bodhimanda: how do they secure the boundaries in accord with the rules of purity of the Buddha, the World Honored One?"

- Nếu người đời mạt pháp muốn ngồi đạo tràng, trước tiên phải giữ giới cấm trong sạch của Tỳ Kheo, cần phải lựa chọn vị Sa Môn giữ giới trong sạch bậc nhất để làm thầy mình, nếu chẳng gặp vị tăng thật trong sạch, thì giới luật của người ấy ắt chẳng thành tựu.

- Khi giới đã thành tựu, nên mặc y áo sạch sẽ, đốt hương an cư, tụng 108 biến thần chú do tâm Phật sở thuyết, rồi kết giới dựng lập đạo tràng, cầu xin Vô Thượng Như Lai hiện ở các quốc độ mười phương, phóng hào quang đại bi đến chiếu soi đảnh đầu mình.

- A Nan! Trong đời mạt pháp, những Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Bạch Y, đàn việt, tâm diệt tham dâm, giữ giới trong sạch, phát nguyện Bồ Tát, khi ra vào nơi đạo tràng, đều tắm rửa sạch sẽ, sáu thời hành đạo chẳng ngủ, đến 21 ngày, ta tự hiện thân trước người ấy, xoa đảnh an ủi, khiến được khai ngộ.

A Nan bạch Phật:

- Con nhờ lời từ bi dạy bảo vô thượng của Như Lai, tâm đã khai ngộ, tự biết con đường tu chứng thành đạo vô học. Nhưng người tu hành đời mạt pháp muốn lập đạo tràng, cần kết giới thế nào, cho hợp với quy tắc trong sạch của chư Phật?

The Buddha said to Ananda, “If there are people in the Dharma-ending Age who wish to establish a bodhimanda, they should first find a powerful white ox in snowy mountains, one which eats the lush and fertile sweet-smelling grasses of the mountain. Since such an ox also drinks only the pure water of the snowy mountains, its excrement will be very fine. They can take that excrement, mix it with chandana, and plaster the ground with it.

If it is not in the snowy mountains, the ox’s excrement will stink and cannot be used to smear on the ground. In that case, select a level place, dig down five feet or so, and use that yellow earth.

“Mix it with chandana incense, sinking-in water incense, jasmine incense, continuously permeating incense, burnished gold incense, white paste incense, green wood incense, fragrant mound incense, sweet pine incense, and chicken-tongue incense. Grind these ten ingredients to a fine powder, make a paste, and smear it on the ground of the platform. The area should be sixteen feet wide and octagonal in shape.

In the center of the platform, place a lotus flower made of gold, silver, copper, or wood. In the middle of the flower set a bowl in which dew that has collected in the eighth lunar month has been poured. Let an abundance of flower petals float on the water. Arrange eight circular mirrors in each direction around the flower and the bowl. Outside the mirrors place sixteen lotus flowers and sixteen censers, so that the incense-burners are adorned and arranged between the flowers. Burn only sinking-in-water incense, and do not let the fire be ‘seen.’

Place the milk of a white ox in sixteen vessels, along with cakes made with the milk, rock-candy, oil-cakes, porridge, turushka, honeyed ginger, clarified butter, and filtered honey. These sixteen are set around the outside of the sixteen flowers as an offering to the Buddhas and great Bodhisattvas.

Phật bảo A Nan:

- Nếu người đời mạt pháp muốn lập đạo tràng, trước tiên phải lấy phân nhuyển mịn của loài trâu trắng ở Tuyết Sơn, hòa với đất vàng và mười thứ thảo mộc thơm như Chiên Đàn, trầm hương v.v... để làm nền đạo tràng; nơi đất bằng đào sâu 5 thước, xây đàn hình bát giác, chu vi rộng 16 thước, chính giữa đàn chưng một hoa sen bằng kim loại trong hoa sen để một bát đựng nước sương mù tháng tám, trong nước để nhiều lá sen; chung quanh bát sen đặt 8 cái gương tròn nơi 8 góc, bên ngoài gương đựng 16 bông sen, xen với 16 lư hương, trong lư đốt bột trầm hương và dùng các thứ đồ ăn quý làm bánh sữa, đựng 16 chén để cúng dường chư Phật và Đại Bồ Tát. Trước đàn để một lư than nhỏ, đến mỗi bữa ăn hoặc nửa đêm, dùng mật ong và tô lạc đổ vào lư than, đốt lên cúng dường Phật Bồ Tát.

- Bốn phía bên ngoài treo phướn hoa, bốn vách trong đàn treo hình tượng của Chư Phật Bồ Tát, hai bên cửa treo tượng Hộ Pháp Long Thiên, lại lấy 8 cái gương treo úp hụp không, chiếu thẳng vào 8 gương tròn trong đàn, khiến thành hình bóng nhiều lớp xen nhau, trùng trùng vô tận.

At every mealtime and at midnight, prepare a half-pint of honey and three tenths of a pint of clarified butter. Set up a small incense burner in front of the platform. Decoct the fragrant liquid from the turushka incense and use it to cleanse the coals. Light them so that a blaze bursts forth, and toss the clarified butter and honey into the flaming censer. Let it burn until the smoke disappears, and present it to the Buddhas and Bodhisattvas.

About the four outside walls one should suspend flags and flowers, and within the room where the platform is located, one should arrange on the four walls images of the Thus Come Ones and Bodhisattvas of the ten directions.

In the most prominent place, display images of Vairocana Buddha, Shakyamuni Buddha, Maitreya Bodhisattva, Akshobhya Buddha, Amitabha Buddha, and all the magnificent transformations of Gwan Yin Bodhisattva. To the left and right, place the Vajra-Treasury Bodhisattvas. Beside them display the lords Shakra and Brahma, Ucchushma, and the Blue Dirgha, as well as Kundalin and Bhrukuti and all Four Heavenly Kings, with Vinayaka to the left and right of the door.

“Then suspend eight mirrors in the space around the platform so that they are exactly opposite the mirrors on the platform. This will allow the reflections in them to interpenetrate ad infinitum.

During the first seven days, bow sincerely to the Thus Come Ones of the ten directions, to the great Bodhisattvas, and to the names of the Arhats. Throughout the six periods of the day and night, continually recite the mantra as you circumambulate the platform. Practice the way with a sincere mind, reciting the mantra one hundred and eight times at a stretch.

During the second week, direct your intent by making the vows of a Bodhisattva. The mind should never be cut off from them. In my vinaya, I have already taught about vows.

- Trong thất đầu, chí thành đảnh lễ chư Phật Đại Bồ Tát và A La Hán, sáu thời nhiều đàn tụng chú, chí tâm hành đạo; thất thứ hai, chuyên tâm phát nguyện Bồ Tát chẳng gián đoạn; thất thứ ba, mười hai thời luôn luôn trì chú, đến ngày thứ bảy, mười phương Như Lai cùng hiện trong ánh sáng gương, được Phật xoa đầu, liền nơi đạo tràng vào Tam Ma Địa. Người đời mạt pháp tu học như thế, thì được thân tâm sáng tỏ, trong sạch như lưu ly, A Nan, nếu bốn sự truyền giới của Tỳ Kheo này và mười Tỳ Kheo đồng tu trong đàn, trong đó có một người giữ giới chẳng được trong sạch, thì đạo tràng này chẳng thể thành tựu.

During the third week, one holds the Buddha's mantra, Bwo Da La, for twelve hours at a time, with a single intent; and on the seventh day, the Thus Come Ones of the ten directions will appear simultaneously. Their light will be mutually reflected in the mirrors and will illumine the entire place; and they will rub one on the crown of one's head.

If one cultivates this samadhi in the Bodhimanda, then even in the Dharma-ending Age one can study and practice until one's body and mind are as pure and clear as Vaidurya.

Ananda, if any one of the bhikshu's precept transmitting masters or any one of the other bhikshus practicing with him is not pure, the Bodhimanda as described will not be successful.

After three weeks, one sits upright and still for a hundred days. Those with sharp faculties will not arise from their seats and will become Shrotaapannas. Although their bodies and minds have not attained the ultimate fruition of sagehood, they know for certain, beyond exaggeration, that they will eventually accomplish Buddhahood.

You have asked how the Bodhimanda is established. This is the way it is done."

- Sau thất thứ ba, tĩnh tọa an cư trải qua 100 ngày, nếu người lợi căn, có thể ngay đó chứng sơ quả, dấu cho thân tâm chưa thành chánh quả, nhưng được tự biết nhất định sẽ thành Phật chẳng sai. Người hỏi cách kiến lập đạo tràng là như thế.

Ananda bowed at the Buddha's feet and said, "After I left the home-life, I relied on the Buddha's affectionate regard. Because I sought erudition, I still have not been certified to the unconditioned.

When I encountered that Brahma Heaven Mantra, I was captured by the deviant spell; though my mind was aware, I had no power to free myself. I had to rely on Manjushri Bodhisattva to liberate me. Although I was blessed by the Thus Come One's spiritual mantra of the Buddha's summit and imperceptibly received its strength, I still have not heard it myself.

I only hope that the greatly compassionate one will proclaim it again to kindly rescue all the cultivators in this assembly and those of the future who undergo the turning wheel, so that they may become liberated in body and mind by relying on the Buddha's secret sounds."

At that moment, everyone in the great assembly bowed as one and stood waiting to hear the Thus Come One's secret divisions and phrases.

At that time, a hundred brilliant rays sprang from the mound of the flesh on the crown of the World Honored One's head. A thousand-petalled precious lotus arose from amidst those rays. Upon the precious flower sat the Thus Come One's transformation.

From the crown of its head, in turn, he emitted ten beams, each composed of a hundred rays of precious light. Every one of those glowing rays shone on lands as many as the sands of ten Ganges Rivers, while throughout empty space there were Vajra Secret-Traces Spirits, each holding aloft a mountain and wielding a pestle.

The great assembly, gazing upward, felt fearful admiration and sought the Buddha's kind protection. Single-mindedly they listened as the Thus Come One in the light at the invisible appearance on the crown of the Buddha's head proclaimed the spiritual mantra:

A Nan đánh lễ chân Phật và bạch rằng:

- Từ khi xuất gia, con ỷ lại nơi lòng thương của Phật, ham cầu đa văn, chưa chứng quả vô vi, nên bị kẹt vào tà thuật của Phạm Thiên, tâm dù rõ ràng, nhưng sức chẳng tự do, nhờ gặp Văn Thù, khiến con được giải thoát. Dù thềm nhờ sức thần chú của Như Lai, nhưng còn chưa nghe chú ấy, xin nguyện Đức Thế Tôn Đại Từ tuyên thuyết lại cho, thương xót cứu giúp các hàng tu hành trong hội này và những người đời sau còn trong luân hồi, nhờ mật âm của Phật mà thân tâm được giải thoát. Bây giờ, đại chúng trong hội thấy đều đánh lễ, chờ nghe thần chú bí mật của Phật.

Khi ấy, Thế Tôn từ nơi nhục kế phóng ra trăm thứ hào quang, trong hào quang hiện ra bửu liên hoa ngàn cánh có hóa thân Phật ngồi trong liên hoa, trên đỉnh phóng ra mười tia ánh sáng, trong mỗi tia đều hiện ra mười hằng sa Hộ Pháp Kim Cang, đội núi, cầm chày, khắp cõi hư không. Đại chúng ngó thấy đều kính mến, cầu Phật gia hộ, một lòng nghe Phóng Quang Như Lai nơi Vô Kiến Đảnh Tướng của Phật tuyên thuyết thần chú.

Surangama Mantra, Section One

Give Praise to the Awakened One! The Well Come One! The Holy One!
 The One With Perfect Universal Knowledge! The Great One!
 The Buddha Who Sits on Ten Million Thrones!
 Give Praise to all the Buddhas and Bodhisattvas!
 Give Praise to all the Universally Enlightened Ones! And to those who have
 abandoned everything--the Sangha!
 Give Praise to the Countless World Honored Arhats!
 Give Praise to those who have entered the Holy Stream!
 Give Praise to those who have but once more to be reborn!
 Give Praise to the Countless Perfected Ones! Those who prevent the Sins of Desire!
 Give Praise to the Devas and Immortals!
 Give Praise to the Accomplished One! The Knowing Immortal Tara; who if looked
 upon with reverence takes immediate delight in us!
 Give Praise to the Jewel of Salvation!
 Give Praise to Indra the Creator!
 Give Praise to the Holy One! The Guardian Deva Rudra, Lord of the Storms! And His
 Consort Unmada!
 Give Praise to the Holy One! The Immensely Strong Nara, whose utterances are
 Great, Perfect and Illuminating! Give Praise to this Completely Compassionate
 One!
 Give Praise to the Holy One! The Buddha Mahakara! He who crossed over in
 previous times! The Unfettered One! We give homage to this one of Untouched
 Virtue and Unsurpassed Emancipation who wore the cast-off clothing of
 graveyards and who was a founder of our sect. Give Praise to this Completely
 Compassionate One!
 Give Praise to the Holy One! The Nobly Descended Tathagata!
 Give Praise to the Nobly Descended Red Lotus!
 Give Praise to the Nobly Descended Diamond-Thunderbolt!
 Give Praise to the Nobly Descended Great Jewel!
 Give Praise to the Nobly Descended Great Elephant!
 Give Praise to the Holy One! The Sovereign Lord Sulasana, who was beyond being
 possessed by Joy, this Tathagata!
 Give Praise to the Holy One! Give Praise to Amitabha! The Well Come One! The
 Blessed One! The One with Perfect Universal Knowledge!
 Give Praise to the Holy One! The Unmoved Buddha Aksobhya! The Well Come One!
 The Blessed One! The One with Perfect Universal Knowledge!
 Give Praise to the Holy One! The Lapis Lazuli Radiating Medicine Teaching Buddha
 Bhaisajya Tathagata!

CHÚ LĂNG NGHIÊM**ĐỀ NHỨT**

Nam mô tát đất tha tô già đa da a ra ha đế tam miệu tam bồ đà tỏa. Tát đất tha Phật đà cu tri sắc ni san.

Nam mô tát bà bột đà bột địa, tát đa bệ tộ.

Nam mô tát đa nẫm tam miệu tam bồ đà cu tri nẫm. Ta xá ra bà ca tăng già nẫm.

Nam mô lô kê a la hán đa nẫm.

Nam mô tô lô đa ba na nẫm.

Nam mô ta yết rị đà già di nẫm.

Nam mô lô kê tam miệu già đa nẫm. Tam miệu già ba ra đế ba đa na nẫm.

Nam mô đề bà ly sắc nỏa.

Nam mô tát đà da tỳ địa da đà ra ly sát nỏa. Xá ba noa yết ra ha ta ha ta ra ma tha nẫm.

Nam mô bạt ra ha ma ni.

Nam mô nhờn đà ra da.

Nam mô bà già bà đế, lô đà ra da. Ô ma bát đế, ta hê dạ da.

Nam mô bà già bà đế.

Na ra dỏa noa da. Bàn giá ma ha tam mộ đà ra.

Nam mô tát yết rị đa da.

Nam mô bà già bà đế, ma ha ca ra da. Địa rị bác lặc na già ra. Tỳ đà ra ba noa ca ra da. A địa mục đế. Thi ma xá na nê bà tát nê. Ma đất rị già noa.

Nam mô tát yết rị đa da.

Nam mô bà già bà đế. Đa tha già đà cu ra da.

Nam mô bát đầu ma cu ra da.

Nam mô bạt xà ra cu ra da.

Nam mô ma ni cu ra da.

Nam mô già xà cu ra gia.

Nam nô bà già bà đế, đế rị trà du tây na, ba ra ha ra noa ra xà dà, đa tha già đa da.

Nam mô bà già bà đế.

Nam mô a di đa bà da, đa tha dà đa la, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, a sô bệ da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu

Give Praise to the Holy One! The Completely Empty Teacher of Caution who takes pity on those in Hell! The Well Come One! The Blessed One! The One with Perfect Universal Knowledge!

Give Praise to the Holy Ones! Ratnaketuraja! The Two Thousand Precious Buddhas of the Future! The Well Come Ones! The Blessed Ones! The Ones with Perfect Universal Knowledge!

When we are in danger, if we give praise to these Highest Ones, from their dim clouds the World Honored Ones, the Tathagatas of the Ten Million Thrones, send down their protective White Canopy of Purity.

Giving praise to these who are victorious over backsliding on the Three Evil Paths is the perfect true antidote, and without this antidote we are cut off from their compassion by our desires.

When you are in public and are called out to, or when fragrances secretly lure you, these Protectors of the Needy will surely save you. By completely worshipping these Virtuous Ones, all wrongdoing ends and the Heavenly Beings who proclaimed this Dharani take delight in our behavior!

Making Obeisance to those Enduring Ones that cause our perfection, I invoke the Destroyers of Evil! The Worthy Young Elephants who have caused the Constellations and have clearly pointed out that which is evil!

Thus! I invoke the Destroyers of Evil. Thus! I cause the confinement of all enemies! These words contain the antidote that excludes evil and those that wish to prevent our passing to the Other Shore. Thus! I avoid the fire pits of Hell.

Great Moon of Nirvana! Great Purifier of Sins! Great Cause of Forbearance! Great Guardian Against Injury! Great Hearer of the Cries of the World: Noble and Compassionate Tara! To whom it is given to watch over us, and who is our sworn protector!

The Diamond-Thunderbolt Garland that pours down on ordinary men!

The Diamond-Thunderbolt Great Utterance of the Fully Accomplished Mind for the Removing of Wickedness!

The Diamond-Thunderbolt Samadhi that causes the Living Devi to be sent down from the Heights of Heaven! Great Emancipating and Nobly Compassionate Tara! The Great Guardian Against Damnation.

The Diamond-Thunderbolt Auspiciously Adorned Ones!

The Diamond-Thunderbolt Female Devas Who Delight in Protecting Us!

The Diamond-Thunderbolt that ends our offenses and changes our dangers into a covering of fragrant flowers, flowers that spread like a ring; created by Vairocana Buddha who exists on ten thousand worlds and who takes myriad delights in these jewel-like creations!

The Diamond-Thunderbolt of Golden Light!

Vairocana's Diamond Thunderbolt that overcomes the threats of Mara! This cleansing light shines from the Buddha Vairocana and His Voice calls out, returning me to the Path of Discipline!

tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, bệ sa xà da cu lô phệ trụ rị da bát ra bà ra xà da, đa tha già đa da.

Nam mô bà già bà đế, tam bồn sư bí da, tát lân nại ra lặc xà da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, xá kê dã mẫu na duệ, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da.

Nam mô bà già bà đế, lặc đác na kê đô ra xà da, đa tha già đa da, a ra ha đế, tam miệu tam bồ đà da, đế biều nam mô tát yết rị đa, ế đàm bà giá bà đa, tát đác tha già đô sắc ni sam, tát đác đa bác đác lam.

Nam mô a bà ra thị đām, bác ra đế dương kỳ ra, tát ra bà bộ đa yết ra ha, ni yết ra ha yết ca ra ha ni, bạc ra bí địa da sát đà nễ, a ca ra mật rị trụ, bát rị đát ra da nảnh yết rị, tát ra bà bàn đà na mục xoa ni, tát ra bà đột sắc tra đột tất phạp bát na nễ phạp ra ni, giả đô ra thất đế nẫm, yết ra ha ta ha tát ra nhã xà, tỳ đa băng ta na yết rị, a sắc tra băng xá đế nẫm, na xoa sát đác ra nhã xà, ba ra tát đà na yết rị, a sắc tra nẫm, ma ha yết ra ha nhã xà, tỳ đa băng tát na yết rị, tát bà xá đô lô nễ bà ra nhã xà, hô lam đột tất phạp nan giá na xá ni, bí sa xá tất đác ra, a kiết ni ô đà ca ra nhã xà, a bát ra thị đa cu ra ma ha bác ra chiến trì, ma ha điệp đa, ma ha đế xà, ma ha thuế đa xà bà ra, ma ha bạt ra bàn đà ra bà tất nễ, a rị da đa ra, tỳ rị cu tri, thệ bà tỳ xà da, bạc xà ra ma lể đễ, tỳ xá lô đa, bột đàng đồng ca, bạt xà ra chế hất na a giá, ma ra chế bà bác ra chất đa, bạc xà ra thiện trì, tỳ xá ra giá, phiến đa xá bệ đề bà bồ thị đa, tô ma lô ba, ma ha thuế đa, a rị da đa ra, ma ha bà ra, a bác ra, bạt xà ra thương yết ra chế bà, bạt xà ra cu ma rị, cu lam đà rị, bạt xà ra hất tát đa giá tỳ địa gia kiên giá na ma rị ca, khuất tô mẫu bà yết ra đá na, bệ lô giá na cu rị da, dạ ra thổ sắt ni sam, tỳ chiết lam bà ma ni giá, bạt xà ra ca na ca ba ra bà, lô xà na bạt xà ra đôn trĩ giá, thuế đa giá ca ma ra sát xa thi ba ra bà, ế đế di đế, mẫu đà ra yết noa, ta bệ ra sám, quật phạm đô, ấn thổ na mạ mạ tỏa.

Surangama Mantra, Section Two

When desire manifests itself, it can be cut off with the following far reaching Gatha:

HUM! Danger Approaches O Yellow Flowered One!

HUM! Danger Approached O Treasured One!

HUM! Danger Approaches O Beyond Accomplishments One Who Is Continually Surrounded By Honors!

HUM! Danger Approaches O Conqueror of All Forms! To the One who has converted multitudes of heretics, I say this danger is drawing near me!

HUM! Danger Approaches! Thus I invoke the mystic formula of the Holy and Sacred One, the Tathagata who sits on Ten Million Thrones and who saves me from desires! The Great Savior of the multitudes who is honored by the fortunate multitudes! The All Knowing, who makes the earth tranquil and conveys understanding to living beings. I entrust myself to the Great Diamond Thunderbolt Illuminating One of the Pleasing Grove's Mandala! The Dread and Desire Overcoming One that I thus honor and who returns me to the Path of Discipline!

Surangama Mantra, Section Three

He Who is like a King!

He Who is Master of Form!

He Who is like Fire!

He Who is like Water!

He Who is Fearless!

He Who is the Teacher!

He Who is like a Powerful Wheel!

He Whose Tasks are Difficult!

He Who is Unfettered!

He In Whom the Sky Delights!

He Who Created and Send Us this Dharani!

He Who was the Dragon King!

He Who is Above Censure!

He Who is the Great Dragon!

He Who is the Knowing One!

He Who has Overcome Klesa!

He Who has Compassion for Evil Spirits!

He Who has Compassion for Malignant Demons!

He Who has Compassion for Hungry Ghosts!

He Who has Compassion for Female Spirits!

He Who has Compassion for Demons produced by Metamorphosis!

He Who has Compassion for the Demons who consume the vitality of men!

ĐỆ NHỊ

Ô hồng, rị sắt yết noa, bác lạc xá tất đa, tát đất tha già đô sắc ni sam. Hổ hồng, đô lô ung chiêm bà na, Hổ hồng, đô lô ung tất đam bà na. Hổ hồng, đô lô ung ba ra sắc địa da tam bát xá noa yết ra. Hổ Hồng, đô lô ung, tát bà dục xoa hất ra sát ta, yết ra ha nhã xà, tỳ đàng băng tát na yết ra. Hổ hồng, đô lô ung, giả đô ra thi để nắm, yết ra ha, ta ha thi để nắm, yết ra ha, ta ha tát ra nắm, tỳ đàng băng tát na ra. Hổ hồng, đô lô ung, ra xoa, bà già phạm tát đất tha già đô sắc ni sam, ba ra điếm xà kiết rị, ma ha ta ha tát ra, bột thọ ta ha tát ra thất rị sa, cu tri ta ha tát nê để lệ, a tộ đề thị bà rị đa, tra tra anh ca ma ha bạt xà lô đà ra, để rị bồ bà na, man trà ra, ô hồng, ta tát để bạc bà đô, mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tủa.

ĐỆ TAM

Ra xà bà dạ, chủ ra bạt dạ, a kỳ ni bà dạ, ô đà ca bà dạ, tỳ xa bà dạ, xá tát đa ra bà dạ, bà ra chước yết ra bà dạ, đột sắc xoa bà dạ, a xá nể bà dạ, a ca ra mật rị trụ bà dạ, đà ra ni bộ di kiếm ba già bà đà bà dạ, ô ra ca bà đa bà dạ, lạc xà đàng trà bà dạ, na già bà dạ, tỳ điều đất bà dạ, tô ba ra noa bà dạ, dục xoa yết ra ha, ra xoa tư yết ra ha, tất rị đa yết ra ha, tỳ xá giá yết ra ha, bộ đa yết ra ha, cưu bàn trà yết ra ha, bồ đơn na yết ra ha, ca tra bồ đơn na yết ra ha, tất kiên độ yết ra ha, a bá tát ma ra yết ra ha, ô đàn ma đà yết ra ha, xa dạ yết ra ha, hê rị bà để yết ra ha, xã đa ha rị nắm, yết bà ha rị nắm, lô địa ra ha rị nắm, mang ta ha rị nắm, mê đà ha rị nắm, ma xà ha rị nắm, xà đa ha rị nữ, thị tỷ đa ha rị nắm, tỳ đa ha rị nắm bà đa ha rị nắm, a du giá ha rị nữ, chất đa ha rị nữ, để sam tát bệ sam, tát bà yết ra ha nắm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ba rị bạt ra giả ca hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, trà diễn ni hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha bát du bác đất dạ, lô đà ra hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na ra dạ noa hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, đất đỏa già lô trà tây hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ma ha ca ra ma đất rị già noa hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ca ba rị ca hất rị đờm, Tỳ đà dạ xà sân đà da di, kê ra dạ di, xà dạ yết ra, ma độ yết ra tát bà ra tha ta đạt na hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, giả đốt ra bà kỳ nể hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ rị dương hất rị tri, nan đà kê sa ra dà noa bác để, sách hê dạ hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na yết na xá ra bà noa hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, na yết na xá ra bà noa hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, a-la-hán hất rị đờm, tỳ đà dạ xà

He Who has Compassion for the Female Demons who poison children!

He Who has Compassion for the Evil Odoured Demons!

He Who has Compassion for the Demons who injure children!

He Who has Compassion for the Demons who cause seizures!

He Who has Compassion for the Demons who cause madness!

He Who has Compassion for the Demons who defile food!

He Who has Compassion for the Demons of the Fiery Pits!

We are carried by Birth!

We are carried by Activity!

We are carried by Gaining Strength!

We are carried by Discriminating!

We are carried by Judging!

We are carried by Producing!

We are carried by Feeling the Passing of Time!

We are carried by Becoming Fearful!

We are carried by Our Ties!

We are carried by Ignorance!

We are carried by Mind!

When we have a strong impulse, All the Compassionate Ones use their
Knowledge to furnish us with the Armor of Restraint and the Power of
self-control!

The Salvation from Sin knowledge that furnishes us with the armor of restraint
and the power of self-control!

The Conquering One's knowledge that furnishes us with the armor of restraint
and the power of self-control!

The Terrible Ash-covered Great Storm God's knowledge that furnishes us with
the armor of restraint and the power of self-control!

The Power of the Desireless One's knowledge that furnishes us with the armor
of restraint and the power of self-control!

The Great and Upright knowledge that furnishes us with the armor of restraint
and the power of self-control!

The Greatly Illuminating Condensed knowledge that furnishes us with the armor
of restraint and the power of self-control!

The Very Penetrating Mysterious knowledge that furnishes us with the armor of
restraint and the power of self-control!

The Cause of Victory, Cause of Joy One Hundred Fold Completely Pleasing
knowledge that furnishes us with the armor of restraint and the power of
self-control!

The Preeminent Non-discriminating knowledge that furnishes us with the armor
of restraint and the power of self-control!

The Venerable Holy Knowledge that furnishes us with the armor of restraint and
the power of self-control!

sân đà dạ di, kê ra dạ di, tỳ đa ra già hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, bạt xả ra ba nề, cu hê dạ, cu hê dạ xa địa bát đế hất rị đờm, tỳ đà dạ xà sân đà dạ di, kê ra dạ di, ra thoa vông, bà dà phạm, ấn thổ na mạ mạ tỏa.

ĐỆ TỨ

Bà già phạm, tát đất đa bác đá ra, Nam mô tỳ lô đô đế, a tát đa na ra lặc ca, ba ra bà tát phổ tra, tỳ ca tát đất đa bát đế rị, thập Phật ra thập Phật ra, đà ra đà ra, tần đà ra, tần đà ra, sân đà sân đà. HỒ hồng. HỒ hồng, phần tra, phần tra, phần tra, phần tra, phần tra, ta ha, hê hê phần, a mâu ca da phần, a ba ra đề ha đa phần, ba ra bà ra đà phần, a tố ra tỳ đà ra ba ca phần, tát bà đề bệ tộ phần, tát bà na già tộ phần, tát bà dượng xoa tộ phần, tát bà kiên thát bà tộ phần, tát bà bồ đơ na tộ phần, ca tra bồ đơ na tộ phần, tát bà đột lang chỉ đế tộ phần, tát bà đột sáp tỳ lê hất sắc đế tộ phần, tát bà thập bà lê tộ phần, tát bà a bá tát ma lê tộ phần, tát bà xá ra bà noa tộ phần, tát bà địa đế kê tộ phần, tát bà đất ma đà kê tộ phần, tát bà tỳ đà da ra thệ giá lê tộ phần, xà dạ yết ra ma độ yết ra, tát bà ra tha ta đà kê tộ phần; tỳ địa dạ giá lê tộ phần, giả đô ra phược kỳ nề tộ phần, bạt xả ra cu ma rị, tỳ đà dạ ra thệ tộ phần, ma ha ba ra đĩnh dượng xoa tỳ rị tộ phần, bạt xả ra thương yết ra dạ, ba ra trượng kỳ ra xà da phần, ma ha ca ra dạ, ma ha mặt đất rị ca noa. Nam mô ta yết rị đa dạ phần, tỳ sắc noa tỳ duệ phần, bột ra ha mâu ni duệ phần, a kỳ ni duệ phần, ma ha yết rị duệ phần, yết ra đàn trì duệ phần, miệc đất trị duệ phần, lao đất rị duệ phần, giá văn trà duệ phần, yết la ra đất rị duệ phần, ca bác rị duệ phần, a địa mục chất đa ca thi ma xá na, bà tư nề duệ phần, diễn kiết chất, tát đồa bà tỏa, mạ mạ ấn thổ na mạ mạ tỏa.

ĐỆ NGŨ

Đột sắc tra chất đa, a mặt đất rị chất đa, ô xà ha ra, già bà ha ra, lô địa ra ha ra, ta bà ha ra, ma xà ha ra, xà đa ha ra, thị tỳ đa ha ra, bạc lược dạ ha ra, kiên đà ha ra, bồ sử ba ha ra, phả ra ha ra, bà tỏa ha ra, bác ba chất đa, đột sắc tra chất đa, lao đà ra chất đa, dượng xoa yết ra ha, ra sát ta yết ra ha, bệ lệ da yết ra ha, tỳ xá giá yết ra ha, bộ đa yết ra ha, cựu bàn trà yết ra ha, tát kiên đà yết ra ha, ô đất ma đà yết ra ha, xà dạ yết ra ha, a bá tát ma ra yết ra ha, trạch khô cách trà kỳ ni yết ra ha, rị Phật đế yết ra ha, xà di ca yết ra ha, xá cu ni yết ra ha, lao đà ra nan địa ca yết ra ha, a lam bà yết ra ha, kiên độ ba ni yết ra ha, thập Phật ra yên ca hê ca, trụ đế

The Diamond-Thunderbolt Handed, Garland after Garland, Incomparable Lord's
knowledge that furnishes us with the armor of restraint and the power of
self-control!

The Holy Guardian that returns me to the Path of Discipline!

Surangama Mantra, Section Four

The Holy Dharani! It descends like a White Canopy to protect us!
Give Praise to the Pure and Elegant Sovereign of the Unfettered Assembly, the
Master of Salvation, the Lord Who Constantly Presides Over the Mind!
Rays of Light! Rays of Light! Shining! Shining!
The pervading illumination, the pervading brilliance that cuts through!
HUM! HUM! Moving, moving, moving, moving, moving the world!

Guardian of those who call out!
Guardian of the unfortunate!
Guardian of those who are yet unsaved!
Guardian of those who support the wise!
Guardian of those who cry out for Heavenly Knowledge!

From all the Female Devas, He guards us!
From all the Serpent Kings, He guards us!
From all the Demons, He guards us!
From all the Gods of Fragrance, Music and Sensuality, He guards us!
From all the Female Demons, He guards us!
From the Foul smelling Demons, He guards us!
From all Hostile Written Magic, He guards us!
From all Evil Eyes, He guards us!
From all the Followers of Shiva, He guards us!
From all seizures, He guards us!
From all Violent Beings, He guards us!
From all Self-Injuries, He guards us!
From all Worldly Views, He guards us! And His Triumphant Hand
Fills Us with Joy!
From all that would injure us, He guards us! And the Activities of the Sages, He
protects!
The One Who Conquered the Demons' Assembly: He guards us! The Diamond-
Thunderbolt that reproaches the wicked!
The One Who Has Knowledge of All Beings: He guards us! The One Who
Remembers Us in His Great Surpassing Contemplation: He guards us!
The Diamond-Thunderbolt of Heaven!

dược ca, đất lệ để dược ca, giả đột thác ca, ni đề thập phạt ra, tử sam ma thập phạt ra, bạc để ca, tử để ca, thất lệ sắt mật ca, ta nể bác để ca, tát bà thập phạt ra, thất lô kiết để, mặt đà bệ đạt lô chế kiếm, a tử lô kiếm, mục khô lô kiếm, yết rị đột lô kiếm, yết ra ha yết lam, yết na du lam, đản đa du lam, hất rị dạ du lam, mặt mạ du lam, bạt rị thất bà du lam, tử lật sắc tra du lam, ô đà ra du lam, yết tri du lam, bạt tất để du lam, ô lô du lam, thường già du lam, hắc tất đa du lam, bạt đà du lam, ta phòng án già bác ra trượng già du lam, bộ đa tử đa trà, trà kỳ ni thập bà ra, đà đột lô ca kiến đốt lô kiến tri, bà lộ đa tử, tát bác lô, ha lăng già, du sa đất ra, ta na yết ra, tử sa dụ ca, a kỳ ni ô đà ca, mặt ra bệ ra, kiến đa ra, a ca ra mặt rị đốt đất liềm bộ ca, địa lật lạc tra, tử rị sắc chất ca, tát bà na cu ra, tứ dẫn già tộ yết ra, rị dược xoa, đác ra xô, mặt ra thị phệ để sam, ta bệ sam, tất đất đa bác đất ra, ma ha bạc xà lô sắc ni sam, ma ha bác lạc trượng kỳ lam, dạ ba đột đà xá dụ xà na, biện đất lệ noa, tử đà da bàn đàm ca lô di, để thù bàn đàm ca lô di, bát ra tử đà, bàn đàm ca lô di, đác điệt tha.

Án, a na lệ, tử xá đề, bệ ra bạc xà ra đà rị, bàn đà bàn đà nể, bạt xà ra bàn ni phẩn. Hổ hồng, đô lô ung phẩn, ta bà ha.

The Wisdom Enveloped Victorious Guardian! The Great Illuminating One! He
Who Has Embraced All Wisdom!

Give Praise to Him Who Acts as the Guardian!

He guards against the spread of disease!

He guards against the spread of the dissolution of the wise!

He guards against the spread of ignorance!

He guards against the spread of the Great Black Demon!

He guards against the spread of poisoning!

He guards against the spread of earthquakes!

He guards against the spread of tempests!

He guards against the spread of angry death causing spirits!

He guards against the spread of darkness on the surface of the earth!

He guards against the spread of the followers of Kali!

And for the freedom of mind of Hearers of the Law, He guards against the
spread of celebrity!

He causes injuries to be impeded and thus returns me to the Path of Discipline!

Surangama Mantra, Section Five

For the Evil Hearted, the Disobedient Hearted, He is the Powerful One, the
Praiseworthy One, the Fierce One, the Fragrant One, the Moving One, the
Engendering One, the Living One, the Mendicant One, the Shining One, the
Nurturing One, the Producing One, the Speaking One

For the Wicked Hearted, the Evil Hearted, the Iron Hearted, it is:

He who has compassion for Evil Spirits!

He who has compassion for Malignant Demons!

He who has compassion for Hungry Ghosts!

He who has compassion for Female Spirits!

He who has compassion for Demons produced by metamorphosis!

He who has compassion for Demons who consume the vitality of men!

He who has compassion for Demons who injure children!

He who has compassion for Demons who cause madness!

He who has compassion for Demons who defile food!

He who has compassion for Demons who cause seizures!

He who has compassion for those who injure the Light of the Victorious Ones!

He who has compassion for those who injure the Enlightened Ones!

He who has compassion for those who cling to clouds!

He who has compassion for the confused and inconsistent!

He who has compassion for those who are very happy!

He who has compassion for those who are unloved!

He who has compassion for those who become intoxicated!



He whose pleasure is the conquering of the multitude with the Light that shines in every region!

He whose pleasure is in accord with His Wishes!

He whose pleasure is to protect the fragrant earth!

He whose pleasure is to know the abandoned!

He whose pleasure is to lead the way for those who will conquer the multitude, lest they falter in their work!

He whose pleasure is to set free!

He whose pleasure is to mark the beautiful boundary!

He whose pleasure is to descend to us from Heaven!

The Complete and Universal Conqueror of the Multitude, who exists in the same realm as the deities and whose exhilarating knowledge pleases the wise!

Produced by His Eye! Produced by His Mouth! Produced by His Body!

The One who receives our devotion!

My skin, He makes firm!

My teeth, He makes firm!

My flesh, He makes firm!

My vital spots, He makes firm!

My six parts, He makes firm!

My ligaments, He makes firm!

My belly, He makes firm!

My hair, He makes firm!

My blood, He makes firm!

My breast, He makes firm!

My senses, He makes firm!

My backbone, He makes firm!

My feet, He makes firm!

My whole body, from excesses, He makes firm!

True Father of Wisdom! Conqueror of the Principle of Life! To whom the Creator of the World presented the "Vessels that Protect the Living" as a sign of His respect for the characteristics of this writing!

He bestows on us this excellent existence!

He bestows on us these Sacred Sounds!

He takes pleasure in our activities!

He takes pleasure in our making offerings of incense!

He bestows on us the power to destroy worldly illusions!

He takes pleasure in our coming together to repent our sins!

He anoints our thoughts and takes pleasure in His complete power of speech and action!

He bestows on us His Universal Vows!

Binding our transient thoughts! This is the antidote for demons and malignant spirits, and from the desires of the illusory life!.



His Sacred White Canopy protects us!

The Great Diamond-Thunderbolt of Ten Million Thrones!

The Great One of Surpassing Wisdom! Who causes my feet to turn to the Conqueror,
the Yellow Robed One!

Knowing One! Who increases my compassion!

Saving One! Who increases my compassion!

He of the Surpassing Knowledge! Who increases my compassion!

The Heavenly One! AUM!

He proceeds on the wind like fire, manifesting His devotion in place after place! The
Diamond-Thunderbolt Handed One! HUM! To Him of Universal Attributes, Hail!



Ananda, this cluster of light atop the crown of the Buddha's head, the secret gatha, Syi Dan Dwo Bwo Da La, with its subtle, wonderful divisions and phrases, gives birth to all the Buddhas of the ten directions. Because the Thus Come Ones of the ten directions use this mantra-heart, they realize unsurpassed, proper, and all-pervading knowledge and enlightenment.

Because the Thus Come Ones of the ten directions take up this mantra-heart, they subdue all demons and control all adherents of outside ways.

Because the Thus Come Ones of the ten directions avail themselves of this mantra-heart, they sit upon jeweled lotus flowers and respond throughout countries as numerous as motes of dust.

Because the Thus Come Ones of the ten directions embody this mantra-heart, they turn the great dharma wheel in lands as numerous as fine motes of dust.

Because the Thus Come Ones of the ten directions hold this mantra-heart, they are able to go throughout the ten directions to rub beings on the crowns of their heads and bestow predictions upon them. Also, anyone in the ten directions who has not yet realized the fruition, can receive a Buddha's prediction.

Because the Thus Come Ones of the ten directions are based in this mantra-heart, they can go throughout the ten directions to rescue beings from such sufferings as being in the hells, being hungry ghosts, being animals, or being blind, deaf, or mute, as well as from the suffering of being together with those one hates, from the suffering of being apart from those one loves, from the suffering of not obtaining what one seeks, and from the raging blaze of the five skandhas. They liberate beings from both large and small accidents. In response to their recitation, difficulty with thieves, difficulty with armies, difficulty with the law, difficulty with imprisonment, difficulty with wind, fire, and water, and difficulty with hunger, thirst, and impoverishment are all eradicated.

Because the Thus Come Ones of the ten directions are in accord with this mantra-heart, they can serve good and wise advisors throughout the ten directions. In the four aspects of awesome deportment, they make wish-fulfilling offerings. In the assemblies of as many Thus Come Ones as there are sands in the Ganges, they are considered to be great Dharma Princes.

- A Nan! Những câu vi diệu, bí mật của "Phật Đảnh Quang Tụ, thuần trắng chẳng ô nhiễm" này, sanh ra tất cả chư Phật:
- Mươi phương Như Lai do tâm chú này, được thành Vô Thượng Chánh Biến Tri Giác.
- Mươi phương Như Lai trì tâm chú này, uốn dẹp tà ma, chế phục ngoại đạo.
- Mươi phương Như Lai vận tâm chú này, ngồi bửu liên hoa, ứng hiện trong vô số quốc độ.
- Mươi phương Như Lai dùng tâm chú này, nơi vô số quốc độ, chuyển đại pháp luân.
- Mươi phương Như Lai trì tâm chú này, hay ở nơi mười phương xoa đảnh thọ ký cho hàng Bồ Tát, Thanh Văn, cho đến người chưa chứng quả vị.
- Mươi phương Như Lai nương tâm chú này, hay ở nơi mười phương cứu vớt các khổ như: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, đui, điếc, ngọng, câm và bát khổ, những tai nạn lớn nhỏ đồng thời được giải thoát; các nạn: giặc, binh, vua, ngục, bão, lụt, lửa, nước cho đến đói khát nghèo nàn, ngay đó tiêu tan.
- Mươi phương Như Lai tùy theo tâm chú này, hay ở nơi mười phương phụng sự thiện tri thức, trong tứ oai nghi được cúng dường như ý; nơi pháp hội của hằng sa Như Lai, được suy tôn là Đại Pháp Vương Tử.

Because the Thus Come Ones of the ten directions practice this mantra-heart, they can gather in and teach their relatives in the ten directions. Causing those of the Small Vehicle not to be frightened when they hear the secret treasury.

Because the Thus Come Ones of the ten directions recite this mantra-heart, they realize unsurpassed enlightenment while sitting beneath the Bodhi tree, and they enter Parinirvana.

Because the Thus Come Ones of the ten directions transmit this mantra-heart, those to whom they have bequeathed the Buddhadharma can, after their Nirvana, dwell in it completely

“If I were to explain this mantra, Bwo Da La, of the cluster of light atop the crown of the Buddha’s head from morning till night in an unceasing sound, without ever repeating any syllable or phrase, I could go on for as many kalpas as there are sands in the Ganges and still never finish.

“I also will tell you that this mantra is called ‘The crown of the Thus Come One.’

All of you with something left to study who have not yet put an end to the cycle of rebirth and yet have brought forth sincere resolve to become Arhats, will find it impossible to sit in a Bodhimanda and be far removed in body and mind from all demonic deeds if you do not hold this Mantra.

Ananda, let any living being of any country in any world copy out this mantra in writing on materials native to his region, such as birch bark, pattra, plain paper, or white cotton cloth, and store it in a pouch containing incense. If that person wears the pouch on his body, or if he keeps a copy in his home, then you should know that even if he understands so little that he cannot recite it from memory, he will not be harmed by any poison during his entire life.

Ananda, I will now tell you more about how this mantra can rescue and protect the world, help people obtain great fearlessness, and bring to accomplishment living beings’ transcendental wisdom.

- Mười phương Như Lai hành theo tâm chú này, hay ở nơi mười phương nhiếp thọ người có nhân duyên, khiến hàng Tiểu Thừa nghe tạng bí mật, chẳng sanh kinh sợ.
- Mười phương Như Lai tụng tâm chú này, thành Vô Thượng Giác, ngồi dưới cây Bồ Đề vào Đại Niết Bàn.
- Mười phương Như Lai truyền tâm chú này, sau khi diệt độ, phó chúc Phật Pháp, trụ trì cứu cánh, nghiêm tịnh giới luật, thầy đều trong sạch.
- Như ta thuyết chú " Phật Đảnh Quang tụ chẳng ô nhiễm" này, từ sáng đến tối chẳng dứt tiếng, trong đó những chữ và câu cũng chẳng trùng điệp, nếu từ đây ngộ nhập, mới biết tất cả hữu tình vô tình cũng thường thuyết chú này, nên gọi "Đảnh Như Lai" vậy.
- Hàng hữu học các người chưa ra khỏi luân hồi phát tâm chí thành tu chứng quả A La Hán, nếu chẳng trì chú này mà ngồi đạo tràng, muốn khiến thân tâm xa lìa các ma sự thì chẳng có chỗ đứng.
- A Nan! Nếu có chúng sanh trong các thế giới, tùy theo vật dụng trong đất nước, hoặc lá, giấy, vải trắng để biên chép chú này, đựng trong túi nhỏ, nếu người ấy ngu muội chẳng thể tụng nhớ thì đeo trên mình, hoặc để trong nhà, nên biết người ấy trọn đời chẳng bị các thứ độc hại.
- A Nan! Nay ta vì người thuyết chú này, cứu giúp thế gian được đại vô úy, thành tựu trí xuất thế gian cho chúng sanh.

You should know that, after my extinction, if there are beings in the Dharma-ending Age who can recite the mantra themselves or teach others to recite it, such people who recite and uphold it cannot be burned by fire, cannot be drowned by water, and cannot be harmed by mild or potent poisons.

And so it is in every other case, such that they cannot be possessed by any evil mantra or any heavenly dragon, ghost, or spirit, or by any essence, weird creature, or demonic ghost. These people's minds will attain proper reception, so that any spell, any paralyzing sorcery, any poison or poisoning gold, any poisoning silver, any plant, tree, insect, or snake, and any of a myriad kinds of poisonous vapors will turn into sweet dew when it enters their mouths.

No evil stars, and no ghost or spirit that harbors malice in its heart and that poisons people can work its evil on these people. Vinayaka as well as all the evil ghost kings and their retinues will be led by deep kindness to always guard and protect them.

Ananda, you should know that eighty-four thousand nayutas of Ganges' sands of kotis of Vajra Treasury-King Bodhisattvas and their descendants, each with vajra multitudes as retinue, are ever in attendance, day and night, upon this mantra.

If living beings whose minds are scattered and who have no samadhi remember and recite the mantra, the vajra kings will always surround them. Therefore, good men, that is even more true for those who are decisively resolved upon Bodhi. All the Vajra Treasury-King Bodhisattvas will regard them attentively and secretly hasten the opening of their spiritual consciousness.

When that response occurs, those people will be able to remember the events of as many kalpas as there are grains of sand in eighty-four thousand Ganges Rivers, knowing them all beyond any doubt.

From that kalpa onward, through every life until the time they take their last body, they will not be born where there are yakshas, rakshasas, putanas, kataputanas, kumbhandas, pishachas and so forth; where there is any kind of hungry ghost, whether with form or lacking form, or with thought or lacking thought, or in any such evil place.

- Sau khi ta diệt độ, chúng sanh trong đời mạt pháp, có người biết tự trị tụng, hoặc dạy người khác trì tụng chú này, nên biết những chúng sanh trì tụng như thế, lửa chẳng thể đốt, nước chẳng thể chìm, độc chẳng thể hại, cho đến tất cả ác chú của các Thiên Long, quỷ thần, yêu tinh, ma mị đều chẳng thể dính mắc, tâm được chánh thọ, tất cả bùa chú, yểm cổ, kim ngân độc dược, cỏ, cây, sâu, rắn, độc khí muôn loài, vào miệng người ấy đều thành cam lồ. Tất cả ác tinh, quỷ thần, dù có độc tâm hại người, đối với người ấy cũng chẳng thể khởi ác; các ác quỷ vương Tần Na, Dạ Ca (đầu heo mũi voi) cùng các quyến thuộc, đều thọ ơn Phật, thường gia hộ người ấy.

- A Nan nên biết! Chú này thường có tám vạn bốn ngàn vô số chủng tộc Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương, mỗi mỗi đều có quyến thuộc, ngày đêm hộ vệ. Giả sử có chúng sanh nơi tâm tán loạn, chẳng thể vào Tam Ma Địa, miệng niệm tâm trì, thì các vị Kim Cang Vương thường theo ủng hộ thiện nam tử ấy, huống là người có tâm quyết định vào Đạo Bồ Đề, các vị Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương này, khiến người ấy phát ra thần thức, thân tâm tinh tấn, ngay đó được nhớ lại những việc từ tám vạn bốn ngàn hằng sa kiếp đến nay, đều rõ ràng chẳng có nghi hoặc. Từ kiếp thứ nhất cho đến thân cuối cùng, đời đời chẳng sanh vào các loài Dược Xoa, La Sát, quỷ bệnh tật, quỷ thú, quỷ yểm mị, quỷ hút tinh khí, cùng các loài ngạ quỷ có hình vô hình, có tướng vô tướng, và những xứ ác độc.

If these good men read, recite, copy, or write out the mantra, if they carry it or treasure it, if they make offerings to it, then through kalpa after kalpa they will not be poor or lowly, nor will they be born in unpleasant places.

If these living beings have never accumulated any blessings, the Thus Come Ones of the ten directions will bestow their own merit and virtue upon these people.

Because of that, throughout asamkhyeyas of ineffable, unspeakable numbers of kalpas, as many as the Ganges' sands, they are always together with the Buddhas. They are born in the same place, due to their limitless merit and virtue, and, like the amala fruit-cluster, they stay in the same place, become permeated with cultivation, and are never parted.

Therefore, it can enable those who have broken the precepts to regain the purity of the precept-source. It can enable those who have not received the precepts to receive them. It can cause those who are not vigorous to become vigorous. It can enable those who lack wisdom to gain wisdom. It can cause those who are not pure to quickly become pure. It can cause those who do not hold to vegetarianism to become vegetarians naturally.

Ananda, if good men who uphold this mantra violated the pure precepts before they received the mantra, their multitude of offenses incurred by violating the precepts, whether major or minor, can simultaneously be eradicated after they begin to uphold the mantra.

Even if they drank intoxicants or ate the five pungent plants and various other impure things in the past, the Buddhas, Bodhisattvas, vajras, gods, immortals, ghosts, and spirits will not hold it against them.

If they are unclean and wear tattered, old clothes to carry out the single practice and single dwelling, they can be equally pure. Even if they do not set up the platform, do not enter the Bodhimanda, and do not practice the Way, but recite and uphold this mantra, their merit and virtue will be identical with that derived from entering the platform and practicing the Way.

- Thiện tri thức ấy, hoặc đọc tụng, biên chép, hoặc đeo giữ và cúng dường tâm chú này thì kiếp kiếp chẳng sanh vào những nơi nghèo nàn hèn hạ và chỗ chẳng an lành.

- Các chúng sanh này, dẫu cho tự thân chẳng làm phước nghiệp, mười phương Như Lai cũng ban công đức cho họ, do đó được trong vô số kiếp thường với chư Phật đồng sanh một chỗ, vô lượng công đức như chùm quả ác xoa, đồng một chỗ huân tu, trọn chẳng chia cách. Cho nên, Tâm chú này hay khiến người đã phá giới được giới căn trong sạch, người chưa đắc giới khiến cho đắc giới, người chẳng tinh tấn, chẳng trí huệ, chẳng trong sạch, chẳng trai giới, thấy đều thành tựu.

- A Nan! Thiện nam tử ấy, giả sử trước kia có phạm giới cấm, thì sau khi trì chú, các tội phá giới chẳng kể nặng nhẹ, đều được tiêu diệt, dù đã uống rượu, ăn ngũ tân, và các thứ bất tịnh, tất cả chư Phật, Bồ Tát, Kim Cang, Thiên Tiên, quỷ thần, chẳng cho là có lỗi; dù mặc y áo rách rưới, khi đi khi đứng, đồng như trong sạch; dù chẳng lập đàn, chẳng vào đạo tràng, cũng chẳng hành đạo, mà trì tụng chú này, với công đức vào đàn, hành đạo, chẳng có sai khác.

If they have committed the five rebellious acts, grave offenses warranting unintermittent retribution, or if they are bhikshus or bhikshunis who have violated the four parajikas or the eight parajikas, such heavy karma as this will disperse after they recite this mantra, like a sand dune that is scattered in a gale, so that not a particle remains.

Ananda, if living beings who have never repented and reformed any of the obstructive offenses, either heavy or light, that they have committed throughout countless kalpas past, up to and including those of this very life, can nevertheless read, recite, copy, or write out this mantra or wear it on their bodies or place it in their homes or in their garden houses, then all that accumulated karma will melt away like snow in hot water. Before long they will obtain awakening to patience with the non-production of dharmas.

Moreover, Ananda, if women who do not have children and want to conceive can sincerely memorize and recite this mantra or carry the mantra, Syi Dan Dwo Bwo Da La, on their bodies, they can give birth to sons or daughters endowed with blessings, virtue, and wisdom.

Those who seek long life will obtain long life. Those who seek to quickly perfect their reward will quickly gain perfection. The same is true for those who seek something regarding their bodies, their lives, their appearance, or their strength.

At the end of their lives, they will gain the rebirth they hope for in whichever of the countries of the ten directions they wish. They certainly will not be born in poorly endowed places, or as inferior people; even less will they be reborn in some odd form.

Ananda, if there is famine or plague in a country, province, or village, or if perhaps there are armed troops, brigands, invasions, war, or any other kind of local threat or danger, one can write out this spiritual mantra and place it on the four city gates, or on a chaitya or on a dhvaja, and instruct all the people of the country to gaze upon the mantra, to make obeisance to it, to revere it, and to single-mindedly make offerings to it; one can instruct all the citizens to wear it on their bodies or to place it in their homes; and then all such disasters and calamities will completely disappear.

- Nếu trước kia tạo các tội nặng ngũ nghịch, vô gián, những tội Tứ khí, Bát khí của Tỳ Kheo và Tỳ Kheo Ni (bằng như tử hình của người đời), thì khi tụng chú này rồi, cũng như gió mạnh thổi tan đồng cát, những nghiệp nặng như vậy đều trừ sạch, chẳng còn mảy may.

- A Nan! Nếu có chúng sanh từ vô số kiếp đến nay, có tất cả những tội chướng nặng nhẹ, tuy trong các đời trước chưa kịp sám hối, nay nếu biết đọc tụng, biên chép chú này, giữ đeo trên mình hay để nơi chỗ ở, thì những nghiệp tích chứa từ trước, đều tiêu như nước sôi làm tan băng tuyết, chẳng bao lâu sẽ được vô sanh nhĩn.

- Lại nữa A Nan! Nếu có người đàn bà chưa có con, mong cầu có thai, chí tâm tưởng niệm, hoặc đeo chú này, thì được sanh những đứa con trai gái có phước đức trí huệ, cầu sống lâu được sống lâu, cầu phước báo được phước báo, cho đến cầu thân mạng sức mạnh đều được như thế. Sau khi chết, tùy nguyện vãng sanh trong mười phương quốc độ, chắc chắn chẳng sanh nơi biên địa, dòng hạ tiện, huống là các tạp hình!

- A Nan! Nếu các quốc độ, châu huyện, làng xóm bị nạn đói kém, ôn dịch; hoặc những nơi bị binh loạn, giặc cướp đánh nhau và tất cả những nơi có tai nạn khác, viết thần chú này dán nơi bốn cửa thành, và những tháp miếu hoặc trên các tràng phan, khiến chúng sanh trong nước thừa phụng chú này, cung kính lễ bái, nhất tâm cúng dường; khiến nhân dân mỗi mỗi đeo chú trong mình, hoặc để nơi chỗ ở, thì tất cả tai nạn thảm đều tiêu diệt.

Ananda, in each and every country where the people accord with this mantra, the heavenly dragons are delighted, the winds and rains are seasonal, the crops are abundant, and the people are peaceful and happy.

“It can also suppress all evil stars which may appear in any of the directions and transform themselves in uncanny ways. Calamities and obstructions will not arise. People will not die accidentally or unexpectedly, nor will they be bound by fetters, cangues, or locks. Day and night they will be at peace, and no evil dreams will disturb their sleep.

Ananda, this Saha World has eighty-four thousand changeable and disastrous evil stars. Twenty-eight great evil stars are the leaders, and of these, eight great evil stars are the rulers. They take various shapes, and when they appear in the world they bring disaster and weird happenings upon living beings.

But they will all be eradicated wherever there is the mantra. The boundaries will be secured for twelve yojanas around, and no evil calamity or misfortune will ever enter in.

Therefore, the Thus Come One proclaims this mantra as one which will protect those of the future who have just begun to study, as well as all cultivators, so that they can enter samadhi, be peaceful in body and mind, and attain great tranquility.

Even less will any demon, ghost, or spirit, or any enemy, calamity, or misfortune due from former lives that reach back to beginningless time, or any old karma or past debts come to vex and harm them.

As to you and everyone in the assembly who is still studying, and as to cultivators of the future who rely on my platform, hold the precepts in accord with the dharma, receive the precepts from pure members of the Sangha, and hold this mantra-heart without giving rise to doubts: should such good men as these not obtain mind-penetration in that very body born of their parents, then the Thus Come Ones of the ten directions have lied!”

When he finished this explanation, measureless hundreds of thousands of vajra power-knights in the assembly came before the Buddha, placed their palms together, bowed, and said, “With sincere hearts we will protect those who cultivate Bodhi in this way, according to what the Buddha has said.”

- A Nan! Nếu chúng sanh nơi các quốc độ, hễ chỗ nào có chú này, thì Thiên Long vui mừng, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được mùa, dân chúng an vui; những tai chướng do tất cả ác tinh biến quái ở mọi nơi, đều chẳng sanh khởi, người chẳng chết yểu, gông, cùm, xiềng, xích, chẳng dính vào mình, ngày đêm ngủ yên, thường chẳng ác mộng.

- A Nan! Cõi Ta Bà này có tám vạn bốn ngàn tai biến ác tinh, do 28 đại ác tinh làm thượng thủ; lại có 8 đại ác tinh làm chủ, xuất hiện trên đời với nhiều hình dạng, hay gây các tai họa kỳ lạ cho chúng sanh. Hễ có chú này thì thấy đều tiêu diệt, trong phạm vi 12 do tuần, các tai biến hung dữ, trọn chẳng thể xâm nhập.

- Cho nên Như Lai thuyết chú này, bảo hộ người tu hành sơ học đời vị lai, vào Tam Ma Địa, thân tâm thư thái, được đại yên ổn chẳng bị tất cả tà ma, quỷ thần, và những oán thù, nghiệp cũ nợ xưa từ vô thủy đến quấy hại.

- Người và hàng hữu học trong chúng, với người tu hành đời vị lai, y pháp trì giới trong đạo tràng, được vị thầy truyền giới trong sạch, đối với tâm chú này chẳng sanh nghi hoặc, thì cái thân do cha mẹ sanh của người này, nếu chẳng được tâm thông, mười phương Như Lai bèn thành vọng ngữ.

Nói xong, vô số Kim Cang đều nhất thời đánh lễ bạch Phật:

- Như lời Phật dạy, chúng con xin thành tâm bảo hộ người tu đạo Bồ Đề.

Then the Brahma King, the God Shakra, and the four great heavenly kings all came before the Buddha, made obeisance together, and said to the Buddha, “If indeed there be good men who cultivate and study in this way, we will do all we can to earnestly protect them and cause everything to be as they would wish throughout their entire lives.”

Moreover measureless great yaksha generals, rakshasa kings, putana kings, kumbhanda kings, pishacha kings, vinayaka, the great ghost kings, and all the ghost commanders came before the Buddha, put their palms together, and made obeisance. “We also have vowed to protect these people and cause their resolve for Bodhi to be quickly perfected.”

Further, measureless numbers of gods of the sun and moon, lords of the rain, lords of the clouds, lords of thunder, lords of lightning who patrol throughout the year, and all the retinues of stars which were also in the assembly bowed at the Buddha’s feet and said to the Buddha, “We also protect all cultivators, so that their Bodhimandas are peaceful and they attain fearlessness.”

Moreover, measureless numbers of mountain spirits, seaspirls, and all those of the earth – the myriad creatures and essences of water, land, and the air – as well as the king of wind spirits and the gods of the Formless Heavens, came before the Thus Come One, bowed their heads, and said to the Buddha, “We also will protect these cultivators until they attain Bodhi and will never let any demons have their way with them.”

Bấy giờ, Phạm Vương và Đế Thích, Tứ Thiên Vương cũng đồng thời đánh lễ bạch Phật:

- Nếu có người tu học như thế, chúng con xin hết lòng bảo hộ, khiến họ suốt đời việc làm thỏa nguyện.

Còn có vô số Quỷ Vương chấp tay đánh lễ bạch Phật:

- Chúng con cũng thệ nguyện hộ trì cho người ấy, khiến tâm Bồ Đề mau được viên mãn.

Còn có vô số Nhật Nguyệt Thiên tử, Phong Sư, Vũ Sư, Vân sư, Lôi Sư, cùng với Điện Sư, Tuần Quan, Chư Tinh và quyến thuộc đánh lễ bạch Phật:

- Chúng con cũng bảo hộ người tu hành ấy an lập đạo tràng, được vô sở úy.

Then Vajra-Treasury-King Bodhisattvas in the great assembly, numbering as many as eighty-four thousand nayutas of kotis' worth of sands in the Ganges, arose from their seats, bowed at the Buddha's feet, and said to the Buddha, "World Honored One, the nature of our deeds in cultivation is such that, although we have long since accomplished Bodhi, we do not grasp at Nirvana, but always accompany those who hold this mantra, rescuing and protecting those in the final age who cultivate samadhi properly.

World Honored One, such people as this, who cultivate their minds and seek proper concentration, whether in the bodhimanda or walking about, and even such people who with scattered minds roam and play in the villages, will be accompanied and protected by us and our retinue of followers.

Although the demon kings and the god of great comfort will seek to get at them, they will never be able to do so. The smaller ghosts will have to stay ten yojanas' distance from these good people, except for those beings who have decided they want to cultivate dhyana.

"World Honored One, if such evil demons or their retinues want to harm or disturb these good people, we will smash their heads to smithereens with our vajra pestles. We will always help these people to accomplish what they want."

Còn có vô số Sơn Thần, Hải Thần, Phong Thần, cõi Trời Vô Sắc, tất cả tinh kỳ trên mặt đất, dưới nước và trên không, đồng thời đánh lễ bạch Phật:

- Chúng con cũng bảo hộ người tu hành ấy được thành Bồ Đề, trọn chẳng ma sự. Khi ấy, tám vạn bốn ngàn ức hằng sa Bồ Tát Kim Cang Tạng Vương trong hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ bạch Phật:

- Như chúng con tu thành Bồ Đề đã lâu, mà chẳng thủ chứng Niết Bàn, thường theo chú này, cứu giúp những người chơn tu Tam Ma Địa trong đời mạt pháp. Thế Tôn, những người tu tâm cầu chánh định như thế, dù ở đạo tràng hay lúc kinh hành, cho đến lúc đi dạo chơi, con và đồ chúng thường theo hộ vệ người ấy. Dầu cho Ma vương, Đại Tự Tại Thiên muốn tìm cách quấy phá, trọn chẳng thể được. Các quỷ thần nhỏ phải cách xa người ấy ngoài mười do tuần, chỉ trừ khi họ đã phát tâm tu thiền chánh pháp thì mới được gần người ấy. Thế Tôn, nếu những ác ma hay quyền thuộc ma, muốn đến xâm nhiễu người ấy, thì con dùng chày Kim Cang đập nát đầu họ như vi trần, khiến người ấy việc làm thỏa nguyện.

LƯỢC GIẢI

Tâm tức là Chú, Chú tức là Tâm, Tâm và Chú bất nhị, nên gọi là Tâm Chú. Người muốn nhờ thần lực của Tâm Chú, trước tiên phải giữ giới trong sạch, chẳng khởi một niệm tham cầu, tức là quên cả sự đang tụng chú và sự nhờ cậy chú lực, như thế mới gọi là “tâm niệm trong sạch, thuần trắng chẳng ô nhiễm”, được đến chỗ bất nhị của Tâm chú. Lúc ấy, sự diệu dụng của tự tánh (tâm chú) tự hiện, thì tất cả đều được thành tựu như lời kinh nói; nếu chẳng làm như thế, lại có thể trở thành tai họa, vì chư Hộ Pháp Long Thiên, tánh hay kính mến người thiện và trừng phạt kẻ ác vậy.

Then Ananda arose from his seat, bowed at the Buddha's feet, and said to the Buddha, "Now that we who are stupid and slow, who are fond of erudition but have not sought to cease the outflows of our minds, have received the Buddha's compassionate instructions and have attained the proper means to become infused with cultivation, we experience joy in body and mind and obtain tremendous benefit.

World Honored One, for one who cultivates in this way and is certified as having attained the Buddha's samadhi, but who has not yet reached Nirvana, what is meant by the level of 'dry wisdom'? What are the 'forty-four minds'? What is the sequence in which one cultivates till one reaches one's goal? What place must one reach to be said to have 'entered the grounds'? And what is meant by a Bodhisattva of 'equal enlightenment'?"

Having said this, he made a full prostration, and then the great assembly single-mindedly awaited the sound of the Buddha's compassionate voice as they gazed up unblinking with respectful admiration.

At that time the World Honored One praised Ananda, saying, "Good indeed, good indeed, that you can for the sake of the entire great assembly and those beings in the final age who cultivate samadhi and seek the great vehicle, ask to have explained and revealed the unsurpassed proper path of cultivation that takes one from the level of an ordinary person to final Parinirvana. Listen attentively, and I will speak about it for you."

Ananda and everyone in the assembly placed their palms together, cleansed their minds, and silently waited to receive the teaching.

A Nan liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Chúng con ngu độn, ham được đa văn, chưa cầu thoát ly nơi tâm phiền não, nhờ Phật từ bi dạy bảo, tu theo chánh pháp, được lợi ích lớn, thân tâm an lạc. Thế Tôn! Nếu tu chứng pháp Tam Ma Địa, chưa đến Niết Bàn, thì thế nào gọi là chỗ Càn Huệ? Nơi 44 tâm, được tu đến cấp bậc nào và đến chỗ nào mới gọi là nhập Sơ Địa?

- Thế nào gọi là Đăng Giác Bồ Tát? Nói xong, nắm vốc gieo sát đất, đại chúng đều nhất tâm chăm chú, mong đợi từ âm của Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn khen A Nan rằng:

- Lành thay! Lành thay! Các người lại biết vì cả chúng trong hội này và tất cả chúng sanh tu Tam Ma Địa, cầu pháp Đại Thừa trong đời mạt pháp, xin ta chỉ rõ lối tu vô thượng chơn chánh, từ phàm phu đến Đại Niết Bàn. Nay các người hãy lắng nghe, ta sẽ vì các người mà nói.

A Nan và đại chúng chấp tay lắng lòng, yên lặng thọ giáo.

Bodhisattva Development into Buddhahood

Ananda rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and said: We were ignorant and sought only (knowledge by) listening; this is why we failed to forsake the worldly mind. Now after we have heard with great benefit the Buddha's compassionate instruction on the right practice of sublimation, our bodies and minds experience great comfort.

World Honoured One, in this practice of Buddha Samadhi and before attaining Nirvana, what are the progressive steps from the manifestation of dry (i.e. unfertilized) wisdom, through the forty-four stages of Bodhisattva development, to the realization of Universal Enlightenment?. After saying this, he prostrated himself and together with the whole assembly reverently stared at the Buddha and awaited His compassionate voice.

The Buddha praised Ananda and said: Excellent, excellent! It is good that, on behalf of this assembly and of all living beings in the Dharma ending age who will practice Samadhi in their quest of Mahayana, you can ask for my instruction on the unsurpassed Path from the worldly condition to (transcendental) Parinirvana. Listen attentively to what I now tell you.

Ananda and the assembly brought their palms together and concentrated their minds to receive the Teaching.

A Nan liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Chúng con ngu độn, ham được đa văn, chưa cầu thoát ly nơi tâm phiền não, nhờ Phật từ bi dạy bảo, tu theo chánh pháp, được lợi ích lớn, thân tâm an lạc. Thế Tôn! Nếu tu chứng pháp Tam Ma Địa, chưa đến Niết Bàn, thì thế nào gọi là chỗ Càn Huệ? Nơi 44 tâm, được tu đến cấp bậc nào và đến chỗ nào mới gọi là nhập Sơ Địa?

- Thế nào gọi là Đăng Giác Bồ Tát? Nói xong, nắm vóc gieo sát đất, đại chúng đều nhất tâm chăm chú, mong đợi từ âm của Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn khen A Nan rằng:

- Lành thay! Lành thay! Các người lại biết vì cả chúng trong hội này và tất cả chúng sanh tu Tam Ma Địa, cầu pháp Đại Thừa trong đời mạt pháp, xin ta chỉ rõ lối tu vô thượng chơn chánh, từ phàm phu đến Đại Niết Bàn. Nay các người hãy lắng nghe, ta sẽ vì các người mà nói.

**The Tathagata Store from which Arise
Both Samsara & Nirvana**

The Buddha said: Ananda, you should know that the absolute nature is completely enlightened; it is beyond name and form and is fundamentally free from either the world or living beings. Because of ignorance, there arises birth which is followed by death. So birth and death are unreal and the wiping out of the unreal brings about the real which is called Supreme Bodhi and Parinirvana. Hence these terms imply the twofold transmutation (of klesa and samsara into Bodhi and Nirvana). Ananda, if you now wish to achieve the state of Samadhi in order directly to reach the Tathagata's Parinirvana, you should know first the two inverted causes which lead to the existence of living beings and the world. The nonrising of these inversions is the

Tathagata's true state of Samadhi.

The Origin of Living Beings & the World

Ananda, what are these two inversions? Because of the mind's (arbitrary) awareness of the (underlying) bright nature, the latter which is fundamentally enlightened becomes an objective (form) as opposed to a false (perception). Thus from fundamental nothingness arises actual phenomenon. (Therefore), the existence (of ignorance) and its creation (of the world and living beings), the causeless cause of subjective (ignorance) and its objective creation, and subjective (living beings) dwelling in their objective abode (the world) have no real basis. From (Reality) which does not abide anywhere spring the world and living beings.

A Nan và đại chúng chấp tay lắng lòng, yên lặng thọ giáo.

Phật bảo:

- A Nan nên biết! Diệu tánh sáng tỏ, là những danh tướng, vốn chẳng có thế giới chúng sanh. Do vọng có sanh, do sanh có diệt, sanh diệt gọi là vọng, diệt vọng gọi là chơn, ấy tức là Vô Thượng Bồ Đề và Đại Niết Bàn, cũng là hai hiệu chuyển y của Như Lai (chuyển vọng giác thành Bồ Đề; chuyển sanh diệt thành Niết Bàn, gọi là hai hiệu chuyển y).

- A Nan! Nay người muốn tu chơn Tam Ma Địa, thẳng đến Đại Niết Bàn, trước hết phải biết hai nhân điên đảo của thế giới và chúng sanh; nếu điên đảo chẳng sanh tức là chơn Tam Ma Địa của Như Lai.

- A Nan! Sao gọi là Chúng Sanh Điên Đảo? Do tánh sáng tỏ nơi Tâm, vì chấp tánh sáng tỏ, nên từ sáng tỏ ấy phát ra vọng tánh; tánh vọng thì kiến chấp sanh khởi, từ bỗng lai vô, thành cứu cánh hữu. Cái năng hữu sở hữu này, chẳng có tướng năng nhân sở nhân và năng trụ sở trụ, trọn chẳng nguồn gốc. Từ chỗ vô trụ này, kiến lập thế giới và chúng sanh.

The Inverted Cause of the Existence of Living Beings

(What is the inverted cause of the seeming existence of living beings?) The faulty awareness of completely enlightened nature creates a falsehood which has neither nature nor basis. If you wish to restore the real, this very wish (pertains to the samsaric mind and) is not related to absolute nature. If the unreal mind is used to recover real nature, the latter will be unreal and of necessity there follow illusory birth and existence as well as unreal mind and dharma which will unfold endlessly and will gain in intensity thereby creating (new) karma and so responses from those sharing the same karma. This karmic responsiveness leads to the interdependence of births and deaths. Hence the inverted cause of the seeming existence of living beings.

The Inverted Cause of the Existence of the World

Ananda, what is the inverted cause of the world (i.e. the realm of space and time)? Because of the illusory existence (of ignorance) and its creation (of the world and living beings) there arises the mortal lot clinging to space. Because of the causeless cause of subjective (ignorance) and its objective creation and because of subjective (living beings) dwelling in their objective abode, all unfolding continuously and transitorily, time arises. Thus the three aspects of time and the four cardinal points of space intermingle and combine to produce the twelve (3 x 4) categories of beings.

The Twelve Types of Transformation

Therefore, in the world, movement leads to sound, sound to form, form to smell, smell to touch, touch to taste, and taste to thoughts (dharma). These six illusions contribute to the formation of karma which causes the division into twelve (i.e. six illusions each for body and mind) different types of change. Hence the wheel turning in samsara wherein these illusory sense data end in twelve different transformations in each rotation (i.e. each false thought turns the wheel and contributes to these twelve types of births).

- Vì mê cái bản tâm sáng tỏ, nên sanh ra hư vọng, tánh vọng chẳng tự thể, chẳng có chỗ nương tựa; toan muốn trở về chơn, thì cái “muốn chơn” ấy, đã chẳng phải là chơn tánh của Chơn Như. Chẳng chơn mà cầu trở về chơn, rõ ràng thành phi tướng, phi sanh phi trụ, phi tâm phi pháp, xoay vần phát sanh, sanh mãi không thôi, huân tập thành nghiệp, đồng nghiệp cảm nhau, do sự cảm nghiệp, nên có tương diệt tương sanh, do đó thành chúng sanh điên đảo.

- A Nan! Sao gọi là Thế Giới Điên Đảo? Do năng hữu sở hữu phân đoạn vọng sanh (phân đoạn sanh tử), từ đó an lập Giới (Không gian); từ chỗ chấp năng nhân sở nhân, năng trụ sở trụ, dòi dỏi chẳng ngừng, nên vọng lập Thế (Thời gian). Tam thế tứ phương hòa hợp lẫn nhau, chúng sanh biến hóa thành 12 loài.

- Vì giác tri của chúng sanh, nên trong thế giới, do động có thanh, do thanh có sắc, do sắc có hương, do hương có xúc, do xúc có vị, do vị biết pháp, sáu thứ vọng tưởng nhiều loạn thành nghiệp tánh, nương theo tướng điên đảo luân chuyển này mà có 12 loài: Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, hoặc phi hữu sắc, hoặc phi vô sắc, hoặc phi hữu tưởng, hoặc phi vô tưởng, lưu chuyển chẳng ngừng.

The Twelve Groups of Living Beings

Such inversion that turns the wheel of samsara, creates (twelve groups of) species born of eggs, wombs, humidity, and by transformation, having forms, being beyond form, thoughtful or thoughtless, having neither form nor no form and being neither thoughtful nor thoughtless.

Ananda, because of the turning wheel of illusion in (objective) samsara as a result of inversion caused by (subjective) stirring minds, both subject and object are in harmony and combine to produce favourable conditions for 84,000 rising and sinking confused thoughts which form the embryos (kalala) in eggs for incarnation as fishes, birds, turtles, snakes, etc.: they are found in plenty all over the world. (This is birth from eggs.)

Because of the turning wheel of moral infection in (objective) samsara as a result of inversion caused by (subjective) sensual minds, both subject and object sustain each other and combine to produce favourable conditions for 84,000 confusing divergent thoughts which become fetuses (arbuda) in the wombs for incarnation as men, animals, dragons, immortal beings, etc; they are found in plenty all over the world. (This is birth from wombs.)

1. A Nan! Bởi do thế giới có hư vọng luân hồi, điên đảo về động, hòa hợp thành khối, vọng tưởng thẳng trầm, vì thế nên có loài noãn sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như loài cá, chim, rùa, rắn, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

2. Bởi do thế giới có tạp nhiễm luân hồi, điên đảo về dục, hòa hợp thành sanh, vọng tưởng ngang dọc, vì thế nên có loài thai sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như người, súc, rồng, tiên, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

Because of the turning wheel of attachment in (objective) samsara as a result of inversion caused by (subjective) craving minds, both subject and object inflame each other and combine to produce favourable conditions for 84,000 vacillating confused thoughts which become damp embryos (pesi) in humidity for incarnation as crawling insects and wriggling worms; they are found in plenty all over the world. (This is birth from humidity.)

Because of the turning wheel of change in (objective) samsara as a result of inversion caused by (subjective) deceitful minds, both subject and object stimulate each other and combine to produce favourable conditions for 84,000 changing confused thoughts taking the shape of solid lumps (ghana) for incarnation as beings which shed their skins, change their forms and fly; they are found in plenty all over the world. (This is birth by transformation.)

Because of the turning wheel of stiff dispositions in (objective) samsara as a result of inversion caused by (subjective) hindering minds, both subject and object adhere and combine to produce favourable conditions for 84,000 mystical, translucent and confused thoughts which take solid form to incarnate as people whose luminous quality forebodes good and evil; they are found in plenty all over the world. (These are heretics and mystics having forms.)

Because of the turning wheel of dissipating dispositions in (objective) samsara as a result of inversion caused by (subjective) deluded minds, both subject and object unite with dullness and combine to produce favourable conditions for 84,000 confusing mysterious thoughts for formless rebirth as beings (whose bodies and minds) are dissolved in the great emptiness; they are found in plenty all over the world. (These are formless beings.)

3. Bởi do thế giới có chấp trước luân hồi, hướng về điên đảo, hòa hợp thành noãn (hơi ấm), vọng tưởng lăng xăng, vì thế nên có loài thấp sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như loài côn trùng, sâu bọ, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

4. Bởi do thế giới có biến dịch luân hồi, điên đảo về giả, hòa hợp thành xúc, vọng tưởng mới cũ, vì thế nên có loài hóa sanh lưu chuyển nơi quốc độ, như loài thối xác phi hành, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

5. Bởi do thế giới có ngăn ngại luân hồi, điên đảo về chướng, hòa hợp thành trước, vọng tưởng tinh sáng, vì thế nên có loài hữu sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như tất cả thần vật tinh sáng, đều hay dự đoán sự kết hung, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

6. Bởi do thế giới có tiêu tán luân hồi, điên đảo về mê hoặc, hòa hợp thành ám (ám muội), vọng tưởng u ám, vì thế nên có loài vô sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như cõi vô Sắc và Thần Hư Không, cho đến quỷ mị u ám, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

Because of the turning wheel of fanciful dispositions in (objective) samsara as a result of inversion caused by (subjective) imaginative minds, both subject and object unite with recollection and combine to produce favourable conditions for 84,000 latent and firmly confused thoughts to be reborn as ghosts or spirits of thoughtful beings; they are found in plenty all over the world. (These are thoughtful beings.)

Because of the turning wheel of dull dispositions in (objective) samsara as a result of inversion caused by (subjective) stupid minds, both subject and object cling to intractableness and combine to produce favourable conditions for 84,000 confusing lifeless thoughts for rebirth as spirits dwelling in earth, trees, metals and stones;¹⁷⁰ they are thoughtless beings that are found in plenty all over the world. (These are thoughtless beings.)

170. eg. bronze and stone statues.

Because of the turning wheel of parasitic dispositions in (objective) samsara as a result of inversion caused by (subjective) guileful minds, subject and object infect each other and combine to produce favourable conditions for 84,000 confusing commensal thoughts for rebirth as beings who are formless, yet have form, such as jelly-fish which use shrimps as their eyes; they are found in plenty all over the world. (These are beings which are beyond, yet have, form.)

7. Bởi do thế giới có mừng tượng luân hồi, điên đảo về ảnh, hòa hợp thành nhớ, vọng tưởng thâm kết, vì thế nên loài hữu tướng lưu chuyển nơi quốc độ, như loài thần quỷ tinh linh, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.
8. Bởi do thế giới có ngu độn luân hồi, điên đảo về si, hòa hợp thành ngu, vọng tưởng khô khan, vì thế nên có loài vô tướng lưu chuyển nơi quốc độ, tinh thần hóa ra đất, gỗ, kim thạch, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.
9. Bởi do thế giới có đối đãi luân hồi, điên đảo về ngụy, hòa hợp thành nhiễm, vọng tưởng ỷ nhờ, vì thế nên có loài phi hữu sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như loài thủy mẫu, lấy tôm làm mắt, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

Because of the turning wheel of seductive dispositions in (objective) samsara as a result of inversion caused by (subjective) artful minds, both subject and object rely on (magic and) spells and combine to produce favourable conditions for 84,000 entreating confused thoughts for rebirth as beings with form, yet formless, who grow weary of witchcraft; they are found in plenty all over the world. (These are beings with form, yet beyond form.)

Because of the turning wheel of deceitful dispositions in (objective) samsara as a result of inversion caused by (subjective) tricky minds, both subject and object combine to produce favourable conditions for 84,000 interchanging confused thoughts to be reborn as thoughtful yet thoughtless beings, such as wasps which mistake larvae of other insects for their own; they are found in plenty all over the world. (These are thoughtful, yet thoughtless beings.)

Because of the turning wheel of revengeful dispositions in (objective) samsara as a result of inversion caused by (subjective) murderous minds, both subject and object unite in whimsy and combine to produce favourable conditions for 84,000 fantastic thoughts of parricide and matricide to be reborn as beings who are thoughtless, yet thoughtful, such as ascertain owls and tigers which respectively devour their mothers and fathers; they are found in plenty all over the world. (These are thoughtless, yet thoughtful, beings.)

10. Bởi do thế giới có dẫn dụ luân hồi, điên đảo về tánh, hòa hợp thành chú, vọng tưởng kêu gọi, vì thế nên có loài phi vô sắc lưu chuyển nơi quốc độ, như loài chú nguyên rửa, yêu mị, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

11. Bởi do thế giới có hợp vọng luân hồi, điên đảo về mường tượng, hòa hợp thành dị, vọng tưởng xoay vòng, vì thế nên có loài phi hữu tướng lưu chuyển nơi quốc độ, như loài tò vò, hay bắt con vật khác làm con mình, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới.

12. Bởi do thế giới có oán hại luân hồi, điên đảo về sát (hại), hòa hợp thành quái, vọng tưởng ăn thịt cha mẹ, vì thế nên có loài phi vô tướng lưu chuyển nơi quốc độ, như con thỏ cưu và chim phá kính, ôm trái cây độc làm con, khi con lớn lên thì ăn luôn cả cha mẹ, đủ tám vạn bốn ngàn, đầy tràn thế giới. Ấy gọi là mười hai loại chúng sanh.

Transmutation of Samsara into Nirvana

Thus, Ananda, each of these species has its twelve kinds of inversion which, like dancing flowers seen when one rubs one's eyes, overturn the perfect and pure Enlightened Mind and cause wrong thinking. As you now practise the Buddha- Samadhi, you should take three gradual steps to deal with the basic causes of stirring thoughts in order to wipe them out. This is like removing poisonous honey from a pot by using hot water mixed with ashes to cleanse the container; only when the latter is completely clean can it be used to hold ambrosia.

The Three Gradual Steps to Wipe Out Samsara

What are these three gradual steps? (They are:) the contributory practice to remove all accessory causes; the main practice to obliterate the basic causes and the progressive practice to stop the growth of karma.

What are the accessory causes? Ananda, these twelve species in, the world owe their existence to four ways of feeding: by eating,¹⁷¹ touching,¹⁷² thinking about¹⁷³ and being conscious of food.¹⁷⁴ Therefore, the Buddha says that all living beings depend on feeding for their stay (in samsara).

171. eg. in the world of desire where men actually eat food.

172. eg. in the world of ghosts and spirits who only smell the odour of food to satisfy their hunger.

173. eg. in the dhyana heavens where the mere thought of food satisfies hunger.

174. eg. in the formless realm where the mere consciousness of feeding satisfies hunger.

- A Nan! Như vậy chúng sanh trong mỗi loài đều gồm đủ 12 thứ điên đảo, cũng như dụi mắt thấy hoa đốm lăng xăng, thấy đều từ diệu tâm sáng tỏ vọng sanh điên đảo, nên có đủ thứ tư tưởng hư vọng tán loạn như thế. Nay người tu chứng Tam Ma Địa, đối với bản nhân của tư tưởng tán loạn ấy, phải lập ba tiệm thứ mới có thể diệt trừ, cũng như muốn trừ mật độc trong bình để đựng cam lồ, thì phải dùng nước sôi và tro rửa sạch cái bình, rồi mới đựng cam lồ.

- Thế nào gọi là ba tiệm thứ? Một là tu tập trừ các trợ nhân; hai là chơn tu, nạo sạch chánh tánh (tánh dâm dục); ba là tinh tấn, xoay ngược hiện nghiệp.

I. Sao gọi là trợ nhân?

- A Nan! 12 loại chúng sanh trong thế giới, chẳng thể tự sống, phải nhờ bốn cách ăn để nuôi dưỡng, ấy là: ăn bằng cách nhai xé như con người; ăn bằng ngửi mùi hơi như quỷ thần; ăn bằng niệm tưởng như cõi Tứ Thiên và ăn bằng ý thức như cõi Tứ không, cho nên Phật nói tất cả chúng sanh đều nhờ sự ăn mà tồn tại.

Ananda, all beings live if they eat wholesome food and die if they take poison. In their search for Samadhi, they should abstain from eating five kinds of pungent roots (i.e. garlic, the three kinds of onions and leeks); if eaten cooked, they are aphrodisiac and if raw, they cause irritability. Although those who eat them may read the twelve divisions of the Mahayana canon, they drive away seers (rsi) in the ten directions who abhor the bad odour, and attract hungry ghosts who lick their lips. They are always surrounded by ghosts, and their good fortune will fade away day by day to their own detriment. When these eaters of pungent roots practise Samadhi, none of the Bodhisattvas, seers and good spirits come to protect them, while the mighty king of demons takes advantage of the occasion to appear as a Buddha as if to teach them the Dharma, defaming and breaking the precepts and praising carnality, anger and stupidity; at their death, they will join his retinue, and at the end of their time in his realm, they will fall into the unintermittent hell.

Ananda, practisers of Samadhi should never eat these five pungent roots. This is the first step of gradual practice. What are the basic causes? Ananda, those practisers who wish to enter the state of Samadhi should first observe strictly the rules of pure living to cut lust from the mind by abstaining from meat and wine and by taking cooked, instead of raw food.

Ananda, if they do not abstain from carnality and killing, they will never escape from the three worlds of existence. They should consider lust as dangerous as a poisonous snake and a deadly foe. They should begin by strictly observing the Hinayana's four prohibitions for monks and eight for nuns¹⁷⁵ to regulate the body, and then adhere to the Bodhisattva discipline to ensure the non-stirring of mind. If they observe these precepts, they will wipe out forever the karma that leads to birth and killing. If in addition they cease to steal, they will owe nothing to others and will not have debts to repay.

Those who keep the rules of pure living in their practice of Samadhi, will be able to see with their own eyes, without the aid of deva sight, all the worlds in the ten directions.

- A Nan! tất cả chúng sanh, ăn ngọt thì sống, ăn độc thì chết. Vậy chúng sanh cầu Tam Ma Địa, nên dứt bỏ ngũ tân của thế gian, ngũ tân này hễ ăn chín thì phát lòng dâm, ăn sống thì thêm sân hận. Những người ăn ngũ tân, dù biết giảng giải mười hai bộ kinh, nhưng mười phương thiên tiên đều chê mùi hôi thối ấy mà tránh xa; các loài ma quỷ, thừa lúc đang ăn ngũ tân, liếm môi của họ, người ấy thường ở chung với quỷ, phước đức ngày càng tiêu mòn, chẳng được lợi ích.

- Người ăn ngũ tân mà tu Tam Ma Địa, thì Bồ Tát, Thiên Tiên, mười phương thiện thần chẳng đến hộ vệ. Đại lực ma vương có cơ hội hiện ra thân Phật, thuyết pháp cho họ, chê bai giới cấm, tán thán dâm dục và sân si. Người ấy chết thành quyến thuộc ma, khi hết phước báo của ma, liền đọa ngục A Tỳ.

- A Nan! Người tu đạo Bồ Đề phải dứt hẳn ngũ tân, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ nhất.

2. Sao gọi là nạo sạch Chánh Tánh?

- A Nan! Chúng sanh muốn vào Tam Ma Địa, trước tiên phải giữ giới trong sạch, dứt hẳn lòng dâm, chẳng dùng rượu thịt, chỉ ăn đồ nấu chín, chẳng ăn đồ sống.

- A Nan! Người tu hành nếu chẳng dứt dâm dục và sát sanh, mà muốn ra khỏi ba cõi thì chẳng có chỗ đứng. Nên phải xem sự dâm dục như rắn độc, như kẻ thù.

- Trước tiên phải giữ Tứ khí, Bát khí của giới Thanh Văn, trì thân chẳng động, sau hành theo luật nghi trong sạch của Bồ Tát, trì tâm chẳng khởi. Giới cấm đã thành tựu, đối với thế gian, trọn chẳng còn những nghiệp tương sanh tương sát; đã chẳng trộm cắp thì chẳng mắc nợ nhau, và khỏi phải trả nợ của thế gian.

- Người trong sạch ấy tu Tam Ma Địa, với cái thân của cha mẹ sanh, chẳng cần thiên nhân, tự nhiên thấy được mười phương thế giới, gặp Phật nghe pháp, vâng lãnh thánh chỉ, được đại thần thông, dạo khắp cõi mười phương, túc mạng trong sạch, chẳng còn những điều khó khăn nguy hiểm, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ hai.

They will behold the Buddha preaching the Dharma, will personally receive the holy teaching, will win the transcendental power which enables them to roam freely in all worlds and will acquire the Buddha knowledge of all forms of their own and others. previous existences, and so will be immune from all calamities. This is the second step of gradual practice.

What happens when karma (no longer) grows? The minds of these practisers who observe the prohibitions, now free from sensual desire, will not wander outside in search of sense data, but return to the inner (mind). For lack of causal sense data, their organs, thus disengaged from externals, turn back to the (undivided) one to which, since the six functions have ceased to discriminate, all countries will appear pure and clean. This is like a crystal ball with a bright moon inside it.¹⁷⁶ Their bodies and minds will experience joy and great comfort in the state of absolute and perfect impartiality in which the esoteric perfection and pure absoluteness of all Tathagatas appear. They will then achieve the great patience of the uncreate and will continue their progress towards sainthood. This is the third step of gradual practice.

175. The Hinayana's four prohibitions against carnality, stealing, killing and lying for monks, and its eight prohibitions for nuns against the above four offences, plus lustful contact with a male, eight sorts of improper association with him leading to carnality, concealing the misconduct of a member of the order, and improper dealings with him or her.

176. The crystal ball stands for wisdom which wipes out all defilements and the bright moon for enlightened mind.

Progressive Advance in Bodhisattva Development The Stage of Dry Wisdom

Ananda, these virtuous men will dry up their sensual desire and disengage their organs from sense data; this withering of causes stops the growth of karma. The clinging mind is now empty and clear, being but unmixed wisdom which is perfect and bright by nature, illumining all worlds in the ten directions. This realization of wisdom is called the stage of dry wisdom because they have cut off their sensual habits but have not yet entered the Tathagata's Dharma stream.

3. Sao gọi là Xoay ngược Hiện Nghiệp?

- A Nan! Người giữ giới trong sạch như thế, tâm chẳng tham dâm thì chẳng dong ruồi theo lục trần bên ngoài, do sự chẳng dong ruồi tự xoay về bản tánh, đã chẳng duyên theo cảnh trần thì lục căn chẳng chỗ nương tựa, ngược dòng về Nhất, lục dụng chẳng thành, mười phương quốc độ sáng suốt trong sạch, ví như lưu ly, bên trong có trăng sáng (tự chiếu vô năng sở), thân tâm an lạc, diệu viên bình đẳng, được đại yên ổn, tất cả mật viên tịnh diệu của Như Lai đều hiện trong đó, người ấy liền được vô sanh pháp nhẫn. Từ đó dần dần tùy theo cấp bậc tu chứng an lập thánh vị, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tinh tấn thứ ba.

- A Nan! Thiện nam tử ấy, dục ái khô cạn, căn và cảnh chẳng duyên nhau, cái báo thân hiện tiền này chẳng còn tiếp tục sanh nữa, giữ tâm rộng sáng, thuần là trí huệ; tánh trí huệ sáng suốt chiếu mười phương cõi. Chỉ có cái huệ khô cạn ấy, gọi là Càn Huệ Địa.

The Ten Stages of Bodhisattva Faith

1. (After realizing the dry wisdom, if) they use their (progressive) mind to look into the innermost depth, the perfect and profound (essence of mind) will manifest. This state of absolute perfection leads to that of true absoluteness, resulting in the permanence of absolute faith and the total eradication of all false thinking. This is the Mean in its true purity and is called the stage of Bodhisattva faith.

2. Their faith, thus genuinely achieved, ensures their complete understanding which is no more hindered by the (five) aggregates, (twelve) entrances (ayatana) and (eighteen) fields of senses (dhatu) and thereby embraces the past, present and future. Thus are exposed the vicious habits which led to their countless incarnations in the past, the smallest details of which they can now remember. This is called the stage of remembrance (or unforgetfulness).

3. This absolute perfection in its purity causes the essential (wisdom) to turn all vicious habits contracted since the time without beginning into one bright essence which continues to advance towards the real and the pure.¹⁷⁷ This is called the stage of zealous progress.

4. The essence of mind which now manifests is the wisdom (that destroys the darkness of ignorance). This is called the stage of wisdom.

177. This is the Hinayana's Nirvana.

5. This bright wisdom now shines upon its own substance in stillness and profundity, thus ensuring the permanent union (of function and substance). This is called the stage of dhyana.

6. The light of dhyana becomes brighter; it is now more penetrating and prevents all back-sliding. This is called the stage of non-retrogression.

7. The mind now advancing smoothly preserves all previous achievements and is aware of all Tathagatas in the ten directions. This is the stage of protection of the Dharma.

THẬP TÍN

1. Tập khí tham dục mới cạn, chưa nổi được dòng pháp của Như Lai, tức dùng tâm này chảy vào trung đạo, tánh viên diệu được mở mang, từ chỗ chơn diệu viên lại phát ra chơn diệu, diệu tín thường trụ, tất cả vọng tưởng đều dứt sạch, trung đạo thuần chơn, gọi là Tín Tâm Trụ.

LƯỢC GIẢI

Khi tham dục mới cạn, chưa nổi được dòng pháp của Như Lai, tức dùng tâm này chảy vào trung đạo, chẳng nghiêng bên Không, chẳng nghiêng bên Giả, cũng chẳng trụ nơi Trung đạo, từ đây khởi quán:

Không, Giả, Trung, tam đế viên dung, gọi là Viên Diệu; ở đây tâm thức có thể đến. Khi giác quán đã thành, từ chơn phát diệu, khế hợp lý viên, thì gọi là Diệu Viên, chỗ này tâm thức chẳng thể đến. Nếu trung đạo nương theo chơn, thì sự diệu, chưa phải chơn, từ chơn phát diệu, diệu ấy mới là Chơn Diệu.

Diệu chưa phải chơn, nên chẳng thể thường trụ, trung đạo thuần chơn, nên diệu được thường trụ. Diệu đã thường trụ thì tất cả vọng tưởng chẳng có chỗ dựa. Nói "Diệu" là tự cảm thấy bất khả tư nghị, chẳng thể dùng ngôn ngữ tỏ bày, lòng tin tự tâm rất chơn thật, nên gọi là Tín Tâm Trụ.

2. Chơn tín sáng tỏ, tất cả viên thông, ba thứ: ấm (5 ấm), xứ (12 xứ), giới (18 giới), chẳng thể ngăn ngại, như thể cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị lai, tất cả tập khí xã thân, thọ thân, thấy đều hiện ra trước mắt và ghi nhớ chẳng quên, gọi là Niệm Tâm Trụ.

3. Thuần chơn diệu viên, tinh vi phát dụng, những tập khí từ vô thỉ đều hóa thành một tâm tinh minh (tinh vi sáng tỏ), từ tinh minh tiến lên chơn tịnh, gọi là Tinh Tấn Tâm.

4. Tâm tinh tấn hiện tiền, thuần dùng trí huệ, gọi là Huệ Tâm Trụ.

5. Trí huệ sáng tỏ, tịch lặng cùng khắp, tịch diệu thường định, gọi là Định Tâm Trụ.

6. Từ định tâm phát ra ánh sáng, tánh sáng sâu vào, tiến tới chẳng lui gọi là Bất Thối Tâm.

7. Tâm an nhiên tiến tới, duy trì chẳng mất, giao tiếp với tinh thần của mười phương Như Lai gọi là Hộ Pháp Tâm.

8. The brightness of wisdom, thus preserved and strengthened, can now, by means of its transcendental power, reflect the light of the Buddha's compassion and thereby abide within His (body), like two bright mirrors facing and reflecting each other to infinity. This is the stage of reflective powers.

9. The light of the mind then turns inwards and unites for ever with the unsurpassed absolute purity of the (inner) Buddha, thereby resting in the non-retrogressive state of transcendental non-activity (wu wei). This is called the stage of (unshaken) discipline (sila).

10. A great comfort derives from this rest in discipline which enables the mind to roam at will anywhere in the ten directions. This is called the stage of the mind (of high) resolve.¹⁷⁸

The Ten Practical Stages of Bodhisattva Wisdom

1. Ananda, after achieving these ten stages (of Bodhisattva faith) by practical expedients, the essence of mind manifests and radiates; the intermingling of these ten functions of mind perfects the One Mind. This is called the purposive stage.¹⁷⁹

178. This is the perfect achievement of the One Mind.

179. This is realization of inceptive Bodhi before basic Bodhi manifests.

2. The inner mind now radiates like brilliant pure gold in a globe of clear crystal. As the previous (contemplative) wisdom now reaches this mind-ground, this is called the stage of the control of the (mind-) ground.¹⁸⁰

3. The cognizance of the mind-ground fully reveals both wisdom and its object as one reality in the ten directions free from all hindrance. This is called the stage of (Bodhisattva) practice.¹⁸¹

4. This Bodhisattva conduct is now similar to that of the Buddha which influences it. Like a dead man in the intermediate state seeking parents as a channel for his rebirth in the world, the advancing mind enters the Tathagata seed.¹⁸² This is called the stage of noble birth.

8. Tánh sáng của Bốn giác được duy trì, hay dùng diệu lực xoay Từ Quang của Phật về tự tánh, cũng như ánh sáng của hai gương đối nhau, trong đó, các bóng nhiệm màu trùng trùng vô tận, gọi là Hồi Hương Tâm.
9. Với từ Quang của Bản Tâm miên mật, an trụ nơi vô vi, vô thượng trong sạch, thường trụ của Phật, chẳng thể lạc mất, gọi là Giới Tâm Trụ.
10. Trụ giới tự tại, hay dạo khắp mười phương, ở đi tùy nguyện, gọi là Nguyện Tâm Trụ.

THẬP TRỤ

1. A Nan! Thiện nam tử ấy, do chân phương tiện phát ra mười bậc tín tâm kể trên, tâm tinh vi phát ra ánh sáng, mười thứ dụng xen lẫn nhau, viên dung thành một tâm, gọi là Phát Tâm Trụ.
2. Trong tâm sáng suốt như lưu ly trong sạch, trong hiện vàng ròng tinh túy, dùng diệu tâm trước kia sửa sang thành đất địa để đi đứng (thực hành) gọi là Trì Địa Trụ.
3. Tâm địa biết khắp, tất cả rõ ràng, đi khắp mười phương, được chẳng ngăn ngại, gọi là Tu Hành Trụ.
4. Hạnh đồng với Phật, thọ tinh thần Phật, như cái thân trung ấm tự tìm cha mẹ, trung ấm dung thông với lòng tin, thềm nhập vào giống Như Lai, gọi là Sanh Quý Trụ.

5. (The mind) gestating in the holy womb inherits the basic Bodhi, and the foetus is formed with all its characteristics: This is called the stage of all in readiness (for enlightenment).¹⁸³
6. Both form and mind are identical with those of the Buddha. This, is called the stage of True Mind.¹⁸⁴
7. The integration of body and mind becomes firmer with the passing of time. This is called the stage of non-retrogression.
8. The foetus is now complete with the ten aspects of the Buddha-body.¹⁸⁵ This is called the stage of Bodhi in its infancy (or immaturity).¹⁸⁶
9. The foetus, now completely formed, is born and becomes a son of Buddha. This is called the stage of the heir to the King of the Law.¹⁸⁷
10. The celebration of his coming of age is like the consecration¹⁸⁸ ceremony held when a crown prince assumes the reins of government. This is called the stage of investiture.¹⁸⁹

180. Clear crystal stands for the contemplating wisdom, and pure gold for the One Mind.

181. The mind, now free from all bondage, expands and embraces the whole of space.

182. The Tathagata seed is the basic Bodhi inherent in us all.

183. This is the contemplating mind without which the basic Bodhi cannot manifest.

184. The True Mind which is free from the duality of subject and object.

185. The ten aspects of the Buddha-body are: Bodhi-body, vow-body, nirmanakaya, mighty body, majestic body, awe-inspiring body, body reproduced at will, blessed body, Dharmakaya and wisdom-body (jnanakaya).

186. This is the complete basic Bodhi in its immaturity.

5. Đã vào đạo thai, nổi dòng của Phật, như thai đã thành hình, tướng người đầy đủ, gọi là Phương Tiện Cụ Túc Trụ.
6. Dung mạo và tâm tướng đều đồng như Phật, gọi là Chánh Tâm Trụ.
7. Thân tâm dung hợp, ngày càng tăng trưởng gọi là Bất Thối Trụ.
8. Linh tướng của thập thân nhất thời đầy đủ gọi là Đồng Chơn Trụ.
9. Hình đã thành, ra khỏi thai, làm con của Phật, gọi là Pháp Vương Tử Trụ.
10. Khi Pháp Vương Tử đã trưởng thành, ví như Thái Tử vua Sát Lợi đến tuổi trưởng thành, sẽ được phụ vương ủy nhiệm việc nước, nên làm lễ quán đảnh (lễ trưởng thành), gọi là Quán Đảnh Trụ.

The Ten Lines of Bodhisattva Action

1. Ananda, although these virtuous men, after attaining the rank of a son of Buddha, have acquired the Tathagata's countless merits, they remain in harmony with all beings in the ten directions. This is called joyful service.
2. They are able to work for the welfare of all living beings. This is called beneficial activity.
3. Their self-enlightenment and the enlightenment of others are free from all contradiction. This activity is called non-resentful.
4. Their continuous appearance in countless forms in the unending future (for the welfare of others), free from the conception of time and space, is called inexhaustible activity.
5. Their preaching, free from all clinging, conforms to (the teaching of) non-duality of all Dharma doors and is called an activity never out of order.
6. The (noumenal) Unity reveals a vast variety of undifferentiated phenomena. This is called skilful activity to appear (at will).¹⁹⁰
7. In this state, all the worlds in the ten directions appear in every speck of dust, with neither dust nor worlds hindering each other. This is called the non-clinging activity.

187. As the meditation is successful in realizing inceptive Bodhi, basic Bodhi manifests like a baby born into the world.

188. Consecration by sprinkling, or pouring water on the head.

189. The union of inceptive Bodhi with basic Bodhi culminates in ultimate Bodhi as a result of the meditative study of the Mean. This is realization of the immaterial Tathagata store.

190. This is the perfect intermingling of noumenon and phenomenon.

THẬP HẠNH

1. A Nan! Thiện Nam tử ấy, đã thành con Phật, đầy đủ vô lượng diệu của đức Như Lai, tùy thuận mười phương chúng sanh, phương tiện tiếp dẫn, gọi là Hoan Hỉ Hạnh.
2. Hay lợi ích cho tất cả chúng sanh, gọi là Nhiều Ích Hạnh.
3. Tự giác giác tha, được chẳng chống trái, gọi là Vô Sân Hận Hạnh.
4. Tam thế bình đẳng, mười phương thông đạt, vì được “ý-sanh-thân”, nên tùy mỗi loài chúng sanh mà hiện thân hóa độ cho đến cùng tột vị lai, gọi là Vô Tận Hạnh.
5. Nơi mỗi mỗi pháp môn, tất cả hòa đồng, được chẳng sai lầm, gọi là Ly Si Loạn Hạnh.
6. Nơi tướng đồng hiện ra nhiều tướng dị; nơi những tướng dị, mỗi mỗi thấy đồng, gọi là Thiện Hiện Hạnh.
7. Như thế cho đến vi trần đầy khắp mười phương hư không, trong mỗi mỗi trần hiện mười phương cõi; hiện trần hiện cõi, chẳng ngăn ngại nhau, gọi là Vô Trước Hạnh.

8. All manifestations are but the highest perfection (paramita leading to the other shore of Bodhi). This is exalting activity.

9. This perfect intermingling (of noumenon and phenomenon) achieves the Buddha pattern in the ten directions and is called the skilful performance of the Law.

10. Each line of action is but pure and transcendental non-activity (wu wei) derived from the One Reality of Thatness. This is called activity in harmony with the Truth.¹⁹¹

The Ten Acts of Dedication (Parinamana)¹⁹²

1. Ananda, after these virtuous men have won transcendental powers in their performance of the Buddha-work, they attain the state of pure Reality which frees them from all hindrances. They should deliver living beings without clinging to the notion of salvation in order to turn the non-active (wu wei) mind towards the path to Nirvana. This is dedication to the salvation of all living beings while avoiding the conception of (saving) them.¹⁹³

2. The wiping out of all that is destructible while avoiding the very idea of so doing is called dedication to the indestructible.¹⁹⁴

3. The realization that basic Bodhi is profound and equal to the Buddha's Enlightenment is called dedication to equality with all Buddhas.¹⁹⁵

191. These ten lines of Bodhisattva actions are the beneficial function which reveals the material or manifesting Tathagata store.

192. Dedication of acquired merits to one's enlightenment, to one's rebirth in the Buddha-land, or to the salvation of all living beings.

193. In his practice a Bodhisattva should dedicate all merits to (a) his attainment of Reality, (b) his realization of Bodhi and (c) the salvation of all living beings. As his basic Bodhi now manifests he clings to neither noumenon nor phenomenon; hence *his freedom from all hindrances. He should deliver all living beings* means dedication to the salvation of all beings. *Without clinging to the notion of salvation* of living beings who are fundamentally in the state of the absolute; this is dedication to his attainment of Reality. *To turn the non-active wu wei mind towards the path of Nirvana* is dedication to the realization of Bodhi. Since he himself and all living beings are one, he devotes all his time to delivering them without clinging to the idea of their being delivered; hence *dedication to the salvation of all living beings while avoiding the conception of (saving) them.*

194. Klesa caused by ignorance is destructible; hence *the wiping out of all that is destructible.* While destroying klesa, one should avoid even the idea of not thinking about its existence or destruction.

195. The One Mind which clings to neither is nor is not is pure and clean and is as enlightened as the Buddha-mind.

8. Các thứ hiện tiền đều là Đệ Nhất Ba La Mật Đa, gọi là Tôn Trọng Hạnh.
9. Viên dung như thế, hay thành tựu quy tắc lợi sanh của mười phương chư Phật, gọi là Thiện Pháp Hạnh.
10. Mỗi mỗi đều trong sạch vô lậu, nhất chơn vô vi, bản tánh vốn như thế, gọi là Chơn Thật Hạnh.

THẬP HỒI HƯƠNG

1. A Nan! Thiện nam tử ấy, thần thông đầy đủ, Phật sự đã thành; tự tánh tinh tú thuần chơn, xa lìa các lỗi lầm, ngay khi hóa độ chúng sanh mà diệt tướng năng độ, sở độ, hồi tâm vô vi hướng đạo Niết Bàn, gọi là Cứu Hộ Nhất Thiết Chúng Sanh, Ly Chúng Sanh Tướng Hồi Hương.
2. Hoại cái có thể hoại, tức xa lìa chúng sanh tướng, tướng xa lìa cũng phải lìa, vậy tướng hoại thì sở không, lìa cái Lìa thì năng không; năng sở đều không, bản giác bất hoại, gọi là Bất Hoại Hồi Hương.
3. Bản giác trạm nhiên, tâm giác đồng như Phật giác, gọi là Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hương.

4. Manifestation of the pure Mind-ground which is identical to the state of a Buddha is called dedication to omnipresence.
5. The free intermingling of the worldly and the (absolute state of the) Tathagata is called dedication to the inexhaustible store of merits.
6. The rising of only pure causes from the same state of Buddhahood in search of Nirvana is called dedication to the excellent roots of impartiality.
7. The realization of impartiality in this way which reveals the identity of all living beings in the ten directions with one's fundamental nature, the perfecting of which does not exclude any one of them, is called dedication to the sameness of all beings.
8. The realization of the identity of all phenomena, free from all differentiation with no clinging to either sameness or difference, is called dedication to the Absolute.
9. The achievement of this absolute (state), free from all hindrance in the ten directions, is called dedication to unimpeded liberation.
10. Perfect realization of self-nature which wipes out all consideration about the realm of Dharma, is called dedication to the boundless Dharmadhatu.¹⁹⁶

196. In spite of the ten acts of dedication to intensify the preceding ten lines of action in accordance with the Mean, the practiser has not yet reached the source of the One Mind. Hence the following four additional harnessing stages which wipe out the relative idea of training to merge all the forty-one previous stages of Bodhisattva development into actual ascension to the absolute Buddha stage.

4. Tinh túy sáng tỏ, tâm địa đồng như Phật địa, gọi là Chí Nhất Thiết Xứ Hội Hướnɡ.
5. Thế giới và Như Lai xen lộn lẫn nhau, đượᴄ chẳng ngăn ngại, gọi là Vô Tận Công Đứᴄ Tạng Hội Hướnɡ.
6. Nơi đồng Phật địa, mỗi mỗi sanh ra cái nhân trong sạch, nương nhân ấy mà phát huy, vào đạo Niết Bàn, gọi là Tùy Thuận Bình Đẳng Thiện Căn Hội Hướnɡ.
7. Chơn thiện căn đã thành, thì mười phương chúng sanh đều là bản tánh của ta, thành tựu tánh tròn đầy, chẳng bỏ chúng sanh, gọi là Tùy Thuận Đẳng Quán Nhất Thiết Chúng Sanh Hội Hướnɡ.
8. Tức nơi nhất thiết pháp, mà lìa nhất thiết tướng cái “tức” cái “lìa”, cả hai đều chẳng dính mắc, gọi là Chơn Như Tướng Hội Hướnɡ.
9. Thật đắᴄ Chơn Như, mười phương vô ngại, gọi là Vô Phượᴄ Giải Thoát Hội Hướnɡ. (Phượᴄ là trói).
10. Đứᴄ tánh viên mãn thành tựu, số lượng của pháp giới tiêu diệt, gọi là Pháp Giới Vô Lượng Hội Hướnɡ.

The Four Additional Harnessing Stages (Prayoga)

Ananda, these virtuous men, after achieving these forty-one stages of Bodhisattva development, should train in four additional harnessing stages.

1. The Buddha Bodhi, employed as self-mind, now seems to manifest but actually does not yet do so; this is like kindling a fire by rubbing two sticks together in order to burn them. It is called the warming stage.¹⁹⁷

2. Further, the self-mind now used as the ground for Buddha Enlightenment,¹⁹⁸ seems to rely on wisdom but actually does not, like a climber reaching the top of a mountain with his body in the air while his feet still touch the ground. This is called the summit stage.¹⁹⁹

3. The realization of the sameness of Mind and Buddha leading to the perfecting of the Mean is like forbearing from something which can be neither retained nor rejected. This is called the forbearing stage.²⁰⁰

4. Being above all estimate and measure, the Mean which is between delusion and enlightenment, is neither the one nor the other. This is called the highest stage on the worldly plane.²⁰¹

197. The mind reaches maturity when it is about to enter the Buddha stage, hence *the Buddha Bodhi now seems to manifest*, but the contemplating wisdom is still there, hence it *actually does not yet do so*.

198. Lit. .now used as the ground for the Buddha to walk on.

199. The feet still standing on the ground are the last hindrance to the leap over the world.

200. The contemplating wisdom is about to vanish, hence *neither retained*, but its shadow is still there, hence *nor rejected*. This requires great forbearance.

201. The highest stage in the world, ready for the leap over it. All the above stages still pertain to the quest of relative Bhutatathata in the realm of relativities and contraries. The following ten stages of development belong to the absolute Nirvanic One Mind which is beyond all dualities.

TỨ GIA HẠNH

- A Nan! Thiện nam tử ấy, đã tu xong 41 bậc tâm trong sạch, kể đó thành tựu bốn thứ gia hạnh diệu viên:

1. Tức đem Phật giác, dụng làm tự tâm, cũng như dùi cây lấy lửa, cây chưa đốt cháy, lửa sắp ra mà chưa ra, gọi là Noãn Địa.
2. Lại dùng tâm mình thành chỗ hành của Phật cũng như người đứng trên chót núi, toàn thân đã vào hư không, nhưng dưới chân đôi khi còn hơi dính đất, như có chỗ nương mà chẳng phải nương, gọi là Đảnh Địa.
3. Tâm với Phật đồng, khéo đắc trung đạo, như người hay nhẫn nại, niệm chẳng phân biệt, phi hoại (chẳng nhớ), phi xuất (chẳng quên), chẳng thể nói ra, gọi là Nhẫn Địa.
4. Số lượng tiêu diệt, mê, giác và trung đạo đều chẳng thể gán tên, gọi là Thế đệ Nhất địa.

The Ten Highest Stages of Bodhisattva Attainment (Dasabhumi)

1. Ananda, after these virtuous men's skilful understanding of the Great Bodhi, they become aware of the Tathagata's full state of Buddhahood. This is called the stage of joy (pramudita) at having overcome all hindrances and so entering upon the path to Buddhahood.
 2. They now realize that all differentiation merges into a single unity which also vanishes. This is called the stage of freedom from all defilements (vimala).
 3. Utter purity now begets further enlightenment. This is called the stage of illumination (prabhakara).
 4. Perfect understanding leads to Bodhi in its fullness. This is called the stage of mastery of glowing wisdom (arcismati).
 5. Realization of the condition beyond unity and differentiation is called the stage of mastery of utmost difficulties (sudurjaya).
 6. The manifestation of non-active Bhutatathata is called the stage of the appearance of the Absolute (abkhimukhi).
 7. Thorough penetration of the whole region of the Absolute is called the all-embracing stage (duramgama).
 8. Full manifestation of the absolute One Mind is called the stage of imperturbability (acala).
 9. Full manifestation of its absolute function is called the stage of forest wisdom (sadhupati).
- Ananda, as these Bodhisattvas complete their practice and training with great success, this is also called the stage of successful practice.
10. They now realize the state in which sheltering clouds of compassion cover the ocean of Nirvana; this is called the stage of Dharma-clouds (Dharmamegha).

THẬP ĐỊA

1. A Nan! Thiện Nam tử ấy, khéo được thông đạt nơi Đại Bồ Đề, chỗ giác ngộ thông với Như Lai, cùng tốt cảnh giới của Phật, gọi là Hoan Hỷ Địa.
2. Tánh dị nhập đồng, tánh đồng cũng diệt, gọi là Ly Cấu Địa.
3. Trong sạch thì phát ra ánh sáng, gọi là Phát Quang Địa.
4. Sáng tỏ thì giác tánh sung mãn, gọi là Diệm Huệ Địa.
5. Tất cả đồng dị đều chẳng thể đến, gọi là Nan Thắng Địa.
6. Tánh trong sạch hiển lộ, Chơn Như vô vi gọi là Hiện Tiền Địa.
7. Cùng tốt bờ bến của Chơn Như, gọi là Viên Hành Địa.
8. Nhất tâm chơn như, gọi là Bất Động Địa.
9. Chơn như phát dụng, gọi là Thiện Huệ Địa.
10. A Nan, công hạnh tu tập của Bồ Tát từ trước đến đây, công đức viên mãn, cũng gọi địa này là Tu Tập Vị, tức dùng đám mây nhiệm mầu, đầy đủ từ bi trí huệ, che chở chúng sanh, khắp biển Niết Bàn, gọi là Pháp Vân Địa.

The Universal Enlightenment

While the Tathagata goes against the (holy) current to appear in the world for His work of salvation, these Bodhisattvas follow that current to reach their goals. The point where the former (the fruit-ground) meets the latter (the cause-ground) is called the stage of Universal Enlightenment (Samyak-sambodhi).

The Absolute (or Wonderful) Enlightenment

Ananda, the dry wisdom in the Diamond Mind can be fully realized only after passing through the whole process of Bodhisattva development, that is from the first stage of dry wisdom up to that of Universal Enlightenment. Thus by passing through twelve stages, either singly or in groups of ten states each,²⁰² Absolute Enlightenment can be completely realized for the attainment of Supreme Bodhi. Throughout these different stages achieved by means of diamond insight into the ten profound illusions,²⁰³ the Tathagata's clear perception (vipasyana) is effectively used during the stilling of mind (samatha) in gradual practice and training. Thus, Ananda, the three gradual steps (to wipe out samsara)²⁰⁴ complete the fifty-five stages of Bodhisattva development on the Bodhi path. Such meditation is right whereas any other is heretical.

202. Dry Wisdom, Warming, Summit, Forbearing, Worldly Height, Universal and Absolute Enlightenment are single stages whereas Faith, Wisdom, Action, Dedication and Highest Attainment are in groups of ten states each, thus numbering in all twelve stages.

203. The ten illusions are: (1) all karma are like an illusion; (2) all phenomena are like a flame; (3) all bodies are like the moon in water; (4) the wonderful form (of the Buddha) is like empty space; (5) the wonderful voice (of the Buddha) is like an echo; (6) all Buddha-lands are like a mirage city; (7) the Buddha's work (of salvation) is like a dream; (8) the Buddha-kaya is like a shadow; (9) the Sambhoga-kaya is like an image; and (10) the Dharma-kaya is like a transformation.

204. [See page V-16.](#)

ĐẰNG GIÁC

Như Lai ngược dòng từ quả vị trở lại nhân địa, cứu độ chúng sanh; Bồ Tát thuận hành từ chúng sanh tu đến quả Phật, thuận ngược đều giao tiếp nơi Bản Giác, gọi là Đẳng Giác.

DIỆU GIÁC

- A Nan! Từ Càn Huệ Tâm đến bậc Đẳng Giác rồi giác ấy mới được viên mãn nơi Tâm Kim Cang. Bắt đầu từ Càn Huệ Địa từng lớp tiến lên, trải qua 12 ngôi vị đơn và phức (l) mới đến Diệu Giác, thành Vô Thượng Đạo.

- Mỗi mỗi địa ấy, đều lấy trí Kim Cang quan sát mười thứ ví dụ như huyền, dùng Xa Ma Tha (chỉ) và Tỳ Bà Xá Na (quán) của chư Như Lai tu chứng trong sạch lần lượt sâu vào.

- A Nan! Như thế đều dùng ba tiệm thứ tiên tu, nên khéo thành tựu 55 quả vị trong đạo Bồ Đề chơn thật. Quán như thế gọi là chánh quán, chẳng quán như thế gọi là tà quán.

The Titles of this Sutra

Thereupon Bodhisattva Manjusri rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha and asked: What name should be given to this sutra and how should we and living beings receive and practise it?.

The Buddha replied: This sutra is called: The Unsurpassed Seal of the Supreme Dharma's Sitapatra,²⁰⁵ the pure and clean ocean-eye of all Tathagatas in the ten directions.²⁰⁶

It is also called: The Sutra on the Protection and Deliverance of Ananda and Bhiksuni Self-nature of this assembly so that they realize the Bodhi Mind to enter the Ocean of All Wisdom.²⁰⁷

It is also called: The Practice and Realization of the Whole Truth by means of the Tathagata's Esoteric Cause.²⁰⁸

It is also called: The Universal Lotus King, the Dharani of all Buddha-Mothers in the Ten Directions.²⁰⁹

It is also called: The Bodhisattva's Foremost Practice of the Surangama of the Abhiseka (consecration) Division.²¹⁰

Under these (five) names you should receive and practise this Sutra.

205. Sitapatra: A white canopy. *White* stands for pure, immaculate and spotless, i.e. the One Mind in the store of consciousness which is beyond all defilements. Hence the *White Canopy*, or pure mind that embraces all dharma and protects all living beings.

206. Title in accordance with the noumenal in essence and in knowledge.

207. Title in accordance with its function.

208. Title in accordance with the self (the practiser) and the Dharma (this sutra).

209. Title in accordance with the dharani, or the control of all Dharma and the benefit derived from its practice.

210. Title in accordance with the Bodhisattva practice of this Sermon.

Bấy giờ, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử ở trong chúng, liền đứng dậy đánh lễ bạch Phật:

- Thế Tôn! Nên gọi Kinh này là Kinh gì, con và chúng sanh phải phụng trì như thế nào?

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi:

- Kinh này gọi là “Đại Phật Đảnh Thuần Trắng Chẳng Ô Nhiễm, Vô Thượng Bảo Ấn, Mười Phương Như Lai Thanh Tịnh Hải Nhãn”, cũng gọi là “Cứu Hộ Thân Nhân, Độ Thoát A Nan, và Tỳ Kheo Ni Tánh trong Hội này, đắc Tâm Bồ Đề, vào Biển Biến Tri”, cũng gọi là “Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa”, cũng gọi là “Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương Mười Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú”, cũng gọi là “Quán Đảnh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm”, các người nên phụng trì.

The Six Planes of Existence Caused by Unenlightenment

The Six States of Living Beings in Samsara

After hearing the Buddhas disclosure of the Sitataprata's esoteric Seal, and of the Whole Truth, as the titles of this sutra, Ananda and the assembly instantly awakened to (the state of) dhyana, the practice of which could lead to the holy stages and increase their understanding of the profound doctrine, so that they could wipe out all the troubles derived from (the first) six classes of delusion in the three realms of existence.²¹¹

Ananda then rose from his seat, prostrated himself with his head at the feet of the Buddha, brought his palms together and said: O August and World Honoured One, your compassionate voice has revealed so skilfully to us the subtle delusions of all living beings for my great benefit, thereby bringing great comfort to my body and mind. World Honoured One, if this Bright and pure Absolute Mind were essentially perfect, then even the great earth, plants and trees (i.e. inanimate things) as well as wriggling worms and all beings possessing life (i.e. sentient beings) would be the fundamental Bhutatathata which is but the Tathagata's real substance in the state of Buddhahood. If the Buddha's substance were true and real, how could there also be the world of hells, hungry ghosts, animals, asuras, men and devas? World Honoured One, are these worlds fundamentally self-existent or do they arise because of living beings. vicious habit of dwelling in falsehood?

211. The three realms of existence are the realm of desire (kamadhatu), of form (rupadhatu) and beyond form (arupadhatu). There are one realm of desire, four realms of material forms and four of pure spirit, thus nine in all. Each has nine classes of delusions: the upper, middle and lower *superior* grades, the upper, middle and lower *intermediate* grades and the upper, middle and lower *inferior* grades.

He who wipes out the three *inferior* grades of the realm of desire, realizes the first stage of the Hinayana path, called srota-apanna, or entry into the holy stream. Ananda had wiped out only the first *six* categories of delusion as said in the text, and thereby realized the second stage called Sakrdagamin which involves only one rebirth.

If the last three categories of delusion are wiped out as well, the practiser will realize the third, or non-returning, stage called Anagamin.

If all the eighty-one categories of delusions in the three realms of existence are wiped out, the practiser will realize arhatship which is the fourth or highest stage of the Hinayana path. (See Chan and Zen Teaching, First Series, *The Diamond Cutter of Doubts*, pp. 170/1 for the four Hinayana attainments.)

Phật nói xong, tức thời A Nan và đại chúng nhờ Như Lai khai thị ý nghĩa “Mật Ấn Chẩn Ô Nhiễm” và được nghe những danh hiệu liễu nghĩa của Kinh này, đốn ngộ diệu lý của Thiên Na, tiến tu các Thánh vị, tâm niệm rộng lặng, dứt trừ sáu phẩm phiền não vi tế trong tam giới. A Nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ chân Phật, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

- Thế Tôn có oai đức lớn, từ âm vô ngại, khéo khai phá những mê hoặc vi tế của chúng sanh khiến con hôm nay thân tâm an lạc, được lợi ích lớn.

- Thế Tôn! Nếu diệu tâm sáng tỏ này vốn viên mãn cùng khắp, như thế cho đến đất đai, cỏ cây sâu bọ, hàm linh, bản tánh chơn như, tức là chơn thể thành Phật của Như Lai; vậy Phật thể chơn thật, tại sao lại có các đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tu la, loài người và trời? Thế Tôn, lục đạo này vốn tự có, hay là do tập khí hư vọng của chúng sanh mà sanh khởi?

- Thế Tôn! Như Tỳ Kheo Ni Bửu Liên Hương trì Giới Bồ Tát, lén hành dâm dục, vọng nói hành dâm, chẳng phải sát sanh và trộm cắp, chẳng có nghiệp báo. Nói xong, nơi nữ căn liền sanh ngọn lửa lớn, rồi từng đốt xương lại bị bùng cháy, đọa ngục A Tỳ.

World Honoured One, let me illustrate what I mean. The Bhiksuni Fragrance of the Precious Lotus, after receiving the rules of Bodhisattva discipline, fornicated and pretended that it was neither killing nor stealing and was, therefore, not subject to karmic retribution. As a result, after her genital organ had been slowly scorched by the flame (of passion), she fell into the unintermittent hell. King Crystal massacred men of the Gautama clan, and Bhiksu Sanaksatra wrongly preached the annihilation of all things (and so implied that the law of causality was invalid). Both as a result of their (evil) acts, fell into the avici. hell. Are these hells really somewhere or are they self-existing for every sinner to suffer in them? Will you be compassionate enough to enlighten us so that those who observe the precepts know what they imply and do not break them?

The Buddha said: It is good that you ask this question for the benefit of all living beings so that they cease to hold wrong views. Listen attentively to what I now tell you.

Ananda, all living beings are fundamentally pure but because of their wrong views, they have formed vicious habits, hence their inner and outer affections.

Ananda, inner affection concerns their inwardnesses. Because of the taint of desire, they give rise to wrong passions the accumulation of which produces the water of craving. This is why the thought of good food makes the mouth water; the thought of a predecessor whom one pities or hates fills one's eyes with tears; the craving for wealth stirs one's heart and makes saliva flow and the body sleek.

- Như vua Lưu Ly, và Tỳ Kheo Thiện Tinh: Lưu Ly thì giết hại hết dòng họ Cù Đàm; Thiện Tinh thì vọng nói tất cả pháp đều Không (đoạn diệt Không) đang sống bị đọa vào ngục A Tỳ.

- Các địa ngục ấy, là có chỗ nhất định hay chẳng định? Mỗi người gây nghiệp nhân, mỗi mỗi tự chịu nghiệp quả, hay là tất cả tự nhiên?

- Xin Phật rủ lòng Đại Từ, khai phá ngu dại, khiến tất cả chúng sanh trì giới, nghe nghĩa quyết định, hoan hỷ phụng hành, giữ gìn chẳng phạm.

Phật bảo A Nan:

- Lành thay câu hỏi này, khiến các chúng sanh chẳng mắc tà kiến, nay người hãy lắng nghe, ta sẽ vì người mà nói.

- A Nan! Bản tánh của tất cả chúng sanh vốn chơn thật trong sạch, vì vọng kiến mà vọng sanh tập khí, do đó chia thành nội phần và ngoại phần.

- A Nan! Nội phần tức là phần trong của chúng sanh. Do lòng ái nhiễm phát khởi vọng tình, vọng tình tích chứa không thôi, sanh ra ái thủy, nên chúng sanh hễ nghĩ đến thức ăn ngon thì chảy nước miếng; nhớ đến người xưa, hoặc thương hoặc giận, thì chảy nước mắt, tham cầu của báu, trong tâm ham muốn, cả mình đều thấm nhuần nước tham; tâm tham dâm dục thì hai căn nam nữ tự nhiên chảy dịch. A Nan, những ái dục ấy dù khác, nhưng sự chảy nước là đồng, tánh nước thấm ướt chẳng lên được, tự nhiên sa đọa, gọi là Nội Phần.

When the mind gives rise to sexual desire, the generative fluid flows from the male and female organs. Ananda, although these desires differ, their manifestations are all characterized by the secretion of water which, by nature, flows down hill instead of up. This is inner affection.

Ananda, outer affection concerns living beings externally. Their keen desires produce illusory thoughts which by continuous pursuit become overwhelming. Thus the mind bent on strict observance of the precepts makes the body light; the mind concentrated on incantations (mantra) and mystic gestures (mudra) gives a virile and resolute air; the mind set on rebirth in the heaven of gods brings dreams in which the practiser seems to fly upwards; the mind concentrated on the Buddha-land causes holy realms to appear; and real devotion to a religious counsellor (kalyanamitra) leads to the willing sacrifice of even one's own life. Ananda, although these thoughts differ, all these manifestations are, by nature, characterized by a lightness of body which soars up instead of sinking down so that they leap over their (present) states. This is outer affection.

Ananda, in the round of births and deaths in Samsara, birth is caused by the habits (of passions) and death by the flow of (retributive) transformation. (This is why) at the moment of death and before the heat completely leaves the body, all good and evil deeds of a lifetime suddenly reappear to someone who is dead but on the point of being reborn.

The realm of devas

If his mind is wholly thoughtful, it will fly in the air and he will be reborn in heaven. If in this flight it is filled with blessedness and wisdom strongly sustained by his pure vow, it will open to let him behold the pure lands of all Buddhas in the ten directions; he will be reborn there as a result of his vow.

- A Nan! Ngoại Phần tức là phần ngoài của chúng sanh. Do lòng khao khát phát ra vọng tưởng, vọng tưởng chứa mãi không thôi, sanh ra thắng khí. Nên chúng sanh hễ tâm giữ giới cấm thì cả thân nhẹ nhàng; tâm trì chú ấn thì cử chỉ hùng dũng, tâm muốn sanh cõi trời thì chiêm bao thấy bay lên, tâm nhớ cõi Phật, thì thắng cảnh thâm hiện, phụng sự Thiện Tri Thức thì tự khinh thân mạng. A Nan, những vọng tưởng dù khác, nhưng sự nhẹ nhàng bay lên là động, bay động chẳng chìm, tự nhiên vượt lên, gọi là Ngoại Phần.

- A Nan! Tất cả sanh tử tương tục trên thế gian, sống thì tùy thuận theo tập khí, chết thì biến đổi theo dòng nghiệp, đến lúc lâm chung, còn chút hơi ấm, các việc thiện ác của một đời đồng thời hiện ra, sống thì thuận, chết thì nghịch, hai tập khí giao xen lẫn nhau, thuận tưởng thì bay lên, ắt sanh cõi trời, nếu cái tâm bay ấy gồm cả phước đức, trí huệ và tịnh nguyện, thì tự nhiên tâm được mở mang, thấy tất cả tịnh độ với mười phương chư Phật, theo nguyện vãng sanh.

- Tình ít tưởng nhiều, nhẹ nhàng bay xa thì làm phi tiên, đại lực quý vương, phi hành Dạ Xoa, địa hành La Sát, dạo khắp cõi trời, chẳng gì ngăn ngại. Trong đó nếu có thiện tâm thiện nguyện, hộ trì Phật Pháp, hoặc hộ trì giới cấm và người trì giới; hoặc hộ trì thần chú và người trì chú; hoặc hộ trì thiền định, thành tựu pháp nhẫn, thì những hạng ấy được ở cạnh pháp tọa của Như Lai.

The realm of seers (rsi) and spirits

If his mind is more thoughtful than passionate, it will not be light enough for him to fly to distant places; he will be reborn as a flying rsi, a powerful king of ghosts, a flying yaksa or an earthbound raksasa. He will be able to roam freely in the heavens of the four deva kings. If he is good natured and has taken a vow to protect my Dharma and those who observe the precepts, repeat the mantras, meditate and realize patient endurance, he will dwell beneath the throne of the Tathagata.

The realm of human beings

If his thoughts and passions are in equal proportions, he will neither rise nor sink, but will be reborn in the realm of human beings where his intelligence comes from the clearness of his thoughts and his stupidity from the dullness of his passions.

The realm of animals

If his passions exceed his thoughts, he will be reborn in the realm of animals where great passions create beasts with hair and fur and mild passions produce winged and feathered creatures.

The realm of hungry ghosts

If his passions and thoughts are in the proportion of seven to three, he will sink into the wheel of water close to the region of fire, will endure intense heat and be reborn as a hungry ghost whose body is constantly scorched by heat and drowned in water, so that he will suffer from hunger and thirst for hundreds and thousands of aeons.

- Tình và tướng bằng nhau, chẳng bay chẳng chìm, sanh nơi cõi người; tướng sáng suốt thì thông minh, tình ám muội thì ngu độn.
- Tình nhiều tướng ít, đọa vào súc sinh, nghiệp nặng thì làm loài có lông, nghiệp nhẹ thì làm loài có cánh.
- Bảy phần tình, ba phần tướng, thì chìm dưới thủy luân, sanh nơi hỏa luân, thân làm ngọc quý, thọ cái khổ của lửa hồng, thường bị đốt cháy, dầu được uống nước cũng hóa thành lửa, nên nói bị nước hại, trải qua trăm ngàn kiếp, chẳng thể ăn uống.

The realm of hells

If his passions and thoughts are in the proportion of nine to one, he will sink into the wheel of fire and be reborn where wind and fire meet. He will dwell in the intermittent hell if his passions are great, in the unintermittent one if they are very strong, and in the avici hell if he is completely dominated by extremely violent ones. If in addition he slanders the Mahayana,²¹² breaks the Buddha's precepts, distorts the

212. Modern commentators who do not understand the Mahayana and Chan transmission are sincerely urged to think twice before foolishly vilifying or damning the holy teaching.

Dharma when preaching it to deceive his patrons for selfish gain or for fame, and commits the five rebellious acts²¹³ and ten grave sins²¹⁴ he will be reborn (in turn) in all the avici hells.

Although the above are self-inflicted retributions resulting from individual evil deeds, all sinners endure the same kinds of suffering which originate from (the same) concurrent causes.

- Chín phần tinh, một phần tướng, thì đọa dưới hỏa luân, thân vào giữa phong luân và hỏa luân, nghiệp nhẹ thì vào ngục Hữu Giác, nghiệp nặng thì vào ngục Vô Giác.
- Thuần tình thì chìm sâu vào ngục A Tỳ, nếu tâm chìm sâu ấy, có phỉ báng Đại Thừa, phá giới cấm của Phật, cuồng vọng thuyết pháp, hư tiêu tín thí, lạm nhận cung kính, hoặc phạm ngũ nghịch, thập trọng cấm, thì lại phải sanh khắp ngục A Tỳ mười phương.
- Chúng sanh cùng tạo ác nghiệp thì phải chịu quả báo đồng phận, nhưng trong cộng nghiệp mỗi người đều có biệt nghiệp của mình, tùy theo ác nghiệp sở tạo, mỗi mỗi tự chuốc lấy quả báo khác nhau.
- A Nan! Những điều kể trên, đều do nghiệp của chúng sanh tự chiêu cảm, tạo Thập Tập Nhân, thọ Lục Giao Báo.

The Ten Causes & Six Effects in the Realm of Hells

The Ten Karmic Causes of the Realm of Hells

Ananda, these (retributions) come from the karmic acts of living beings who create ten karmic causes by their vicious habits and so suffer from six kinds of retribution.

The habit of sexual desire

Ananda, what are these ten causes? Lust grows into a habit because of sexual intercourse in which two people caress each other thereby producing heat that in turn stimulates desire. This is like the heat caused by rubbing the hands together.

The two habits from karma and lust stimulate each other and cause visions of hot iron beds on hot copper supports.²¹⁵ Hence all Buddhas regard sexual intercourse as a burning fire of desire and all Bodhisattvas avoid carnality as if it was a fiery pit.

213. The five rebellious acts (pancanantarya): parricide, matricide, killing an arhat, shedding the blood of a Buddha, and destroying the harmony of the order.

214. The ten grave sins (parajika): killing, stealing, carnality, lying, dealing in spirits, talking of a monk's misdeeds, self-praise for degrading others, meanness, anger at rebuke and vilifying the Buddha, Dharma and Sangha.

215. The bed stands for sexual desire and its supports for the partner on whom the sinner depends to stimulate his sexual appetite.

The habit of craving

Craving grows into a habit because of grasping which is a kind of suction, which in time creates the illusion of cold, frost, chill and shivering. This is like the cold sensation felt when one breathes in through pursed lips. The combination of karma and craving leads to retribution in the form of suffering expressed by crying out against biting cold and shown by (the skin turning) blue, red or white. Hence all Buddhas regard craving as the water of greed and all Bodhisattvas avoid it as they would a sea of pestilential vapour.

- Sao nói Thập Tập Nhân?

- Một là Dâm Tập giao tiếp, phát nơi cọ xát lẫn nhau, cọ mãi không thôi, thế nên trong đó phát ra ngọn lửa hồng, như người dùng hai tay cọ xát, thì tướng ấm hiện tiền. Hai tập khí đốt nhau mới sanh những việc giường sắt, trụ đồng. Mười phương Như Lai xem sự hành dâm đồng như dục hỏa, Bồ Tát xem dục như hầm lửa phải tránh.

- Hai là Tham Tập giao kế (so đo tham cầu) phát nơi thu hút lẫn nhau, hút mãi không thôi, thế nên chứa hơi lạnh bên trong thành băng giá, như người hít hơi gió vào miệng thì có cảm xúc lạnh. Hai tập khí lẫn nhau, mới chịu những khổ của địa ngục hàn băng. Mười phương Như Lai xem việc tham cầu đồng như tham thủy, Bồ Tát xem tham như biển độc phải tránh.

The habit of arrogance

Arrogance grows into a habit because of abuse which manifests by the oppression (of others), which in time creates the (illusion of) restless waves which build up a volume of water. This is like licking one's mouth to make it water. The two habits from karma and arrogance stimulate each other and create (visions of) rivers of blood, (hot) ashes, burning sand, poisonous seas and molten copper poured on the sinner's tongue. And so all Buddhas regard self-importance as the water of stupidity and all Bodhisattvas avoid it as they would drowning.

The habit of anger

Anger grows into a habit because of irritation which manifests as stubbornness which in time inflames the heart whose heat turns the vital breath into metal; hence the illusions of hills of knives, iron posts, trees and wheels of swords, axes, halberds, spears and saws. This is like a man pushed by his obstinacy to avenge a wrong. The two habits from karma and anger stimulate each other and create visions of castration, hacking, beheading, chopping, wounding, mutilating, bludgeoning and striking. This is like a man flying into a rage and ready to kill to redress a wrong. Hence all Buddhas regard hatred as a sharp sword and all Bodhisattvas flee from it as from their own execution.

The habit of deceitfulness

Deceitfulness grows into a habit because of enticement which manifests as deceit which in time creates (illusions of) cords, sticks, ropes and cangues that restrain the sinner. This is like a field flooded for growing grass and plants. The two habits from karma and deception sustain each other and create more and more evil deeds that deserve punishment with fetters, locks, whips, staves, birches and cudgels. And so, all Buddhas regard deceitfulness as harmful as calumny and all Bodhisattvas avoid it as they would a wolf.

- Ba là Mạn Tập giao lẳng (lấn ép nhau), phát nơi ỷ thể, lấn áp không thôi; thể nên có sự cãi vã tranh chấp, quậy nước thành sóng, như người tự liếm miệng lưỡi, chảy ra nước miếng. Hai tập khí chọi nhau, mới sanh những việc sông huyết, sông tro, cát nóng, biển độc, bắt uống nước đồng chảy v.v... Mười phương Như Lai xem sự ngã mạn như uống nước si, Bồ Tát xem ngã mạn như sự chìm đắm phải tránh.

- Bốn là Sân Tập giao xung (xung đột nhau) phát nơi chống đối chống mãi không thôi, tâm nóng nảy phát lửa, đúc khí thành kim loại, thể nên có những việc đao sơn, kiếm thụ, rìu, búa, thương, cưa, như người bị hàm oan thì sát khí nổi lên. Hai tập khí đụng nhau, mới sanh những việc thiên, cắt, chém, chặt, dùi, đâm, đánh, đập, v.v... Mười phương Như Lai xem sự sân hận như dao gươm bén, Bồ Tát xem sân hận như chém giết phải tránh.

- Năm là Trá Tập giao dụ (dụ dỗ nhau), phát nơi quyến rũ, lôi kéo chẳng thôi, thể nên có những việc dây, cây, thòng lọng, căng nọc, như nước thấm ruộng thì cỏ cây sanh trưởng. Hai tập khí kéo nhau mới sanh những việc gông, cùm, xiềng, xích, roi, gậy, đòn v.v... Mười phương Như Lai xem sự dối trá đồng như gian tặc, Bồ Tát xem dối trá như beo sói phải sợ.

The habit of lying

Lying grows into a habit because of beguilement which manifests as fraud, which in time ends in treachery. This creates (illusions of) filth such as dust, excrement and urine. This is like dust blown by the wind which screens everything. The two habits from karma and lies intensify each other and end in suffering from drowning, tossing, flying, dropping, drifting and sinking. Hence all Buddhas regard lying as harmful as plundering and killing and all Bodhisattvas avoid it as they would stepping on venomous snakes.

The habit of resentment

Resentment grows into a habit because of aversion which manifests as malice. This creates (illusions of) being stoned, catapulted, shut in a prison van, trapped, bagged and struck. This is like a mischief-maker always with evil designs. The two habits from karma and resentment combine and result in punishment by being tossed and hurled about, seized, apprehended, struck and shot. And so all Buddhas regard resentment as an evil spirit and all Bodhisattvas avoid it as they would poisoned wine.

The habit of wrong views

Wrong views grow into habit because of misinterpretation which covers (the five misconceptions from) the reality of the ego and objects down to rigorous ascetic prohibitions.²¹⁶

This causes the misunderstanding of karmic effects due to rejection of the real and attachment to the unreal. Hence the (illusion of) judgement with proofs of evidence (which cannot be denied), as when two people coming from opposite directions cannot avoid meeting on the same road.

216. The five wrong views: (1) satkayadrsti, the reality of an ego and its objects; (2) antargraha, dual views, eg. permanence and annihilation; (3) mithya, denial of the law of causality; (4) drstiparamarsa, obstinate views which imply wrong inference, eg. mistaking the state of thoughtlessness for Nirvana; and (5) sila-vrata-paramarsa, rigid views in favour of rigorous austerities, eg. covering oneself with ashes to obtain rebirth in heaven.

- Sáu là Cuồng tập giao khi (lừa gạt), phát nơi phỉnh gạt, gạt mãi không thôi, buông tâm gian dối, thế nên có đất bùn, đại tiểu tiện, các thứ ô uế, như bụi theo gió, chẳng có chỗ thấy. Hai tập khí chìm nhau, mới sanh những việc chìm đắm, nhảy, ném, bay, rơi, trôi lặn v.v... Mười phương Như Lai xem sự lừa gạt đồng như cướp giết, Bồ Tát xem sự lừa gạt, như giẫm rắn độc.

- Bảy là Oán Tập giao hiềm (hiềm khích), phát nơi sân hận, thế nên có sự quăng đá, ném gạch, hộp nhót, cũi nhót, rọ nhót, dẫy bọc, như người hiềm độc ôm ấp điều dữ. Hai tập khí nuốt nhau, mới sanh những việc ném, quăng, nắm, bắt, đánh, bắn, tóm, siết v.v... Mười phương Như Lai xem sự thù oán, đồng như Quỷ Vi Hại, Bồ Tát xem thù oán như uống rượu độc.

- Tám là Kiến Tập giao minh (kẻ thông minh ham kiến chấp), như năm thứ ác kiến và các nghiệp tà ngộ, vì kiến giải khác nhau nên chống trái lẫn nhau, ví như người lạ đi đường qua lại gặp nhau, cãi cọ thừa kiện, nên có các cấp quan lại, nắm giữ hồ sơ văn bản đối chứng. Hai tập khí giao xen, thế nên mới có Thiện Ác Đồng Tử tay cầm hồ sơ văn bản, điều tra bằng chứng cụ thể, khám hỏi, tra khảo, thẩm vấn v.v... Mười phương Như Lai xem những ác kiến đồng như hàm độc, Bồ Tát xem những kiến chấp hư vọng như vào hố độc.

The two habits from karma and wrong views combine to cause (visions of) questioning, cross-examination, judicial investigation, enquiry, interrogation and the unveiling of right and wrong in court while good and bad counsel produce the documents and argue about them. Hence all Buddhas regard wrong views as an abyss of perversion and all Bodhisattvas avoid them as they would a ravine full of poison.

The habit of unfairness

Unfairness grows into a habit because of false accusation which manifests in slander. This creates (illusions of) hills and rocks which close in from all sides to crush, break, score and grind the sinner. It is like abusing the innocent. Both habits from karma and injustice combine to bring about (illusions of) apprehension, pressure, beating, repression, coercion and restraint of the sinner by the law. Hence all Buddhas regard defamation as harmful as a tiger and all Bodhisattvas flee from it as from a clap of thunder.

The habit of disputation

Disputing grows into a habit because of much talk which manifests in concealing (one's shortcomings). This creates (illusions of) secrets being exposed by being reflected in a mirror or by a lamp being lit, like objects that cannot be hidden in broad daylight. The two habits from karma and disputation end in the exposure (of sins); for the mirror and lamp reveal former karmic deeds for (final) judgement. Hence all Buddhas regard concealment as a secret enemy and all Bodhisattvas consider it as dangerous as carrying a hill on the head or walking into the ocean.

- Chín là Uổng Tập (vu vạ) giao xen, phát nơi vu khống phỉ báng; thế nên có hợp sơn, hợp thạch, cối nghiền, cối xay, như kẻ gièm pha vu oan người lương thiện. Hai tập khí bài xích lẫn nhau, mới sanh những việc áp giải, đê đập, ép huyết v.v... Mươi phương Như Lai xem sự vu vạ đồng như cọp gièm pha, Bồ Tát xem sự vu vạ như bị sấm sét.

- Mười là Tụng Tập giao thuyên (thừa kiện cãi vã), phát nơi che giấu tội lỗi; thế nên có gương soi, đuốc chiếu, như đứng giữa mặt trời, chẳng thể giấu bóng. Hai tập khí phô bày lẫn nhau mới sanh ra những việc ác hữu, nghiệp kính, chiếu soi, hỏa châu, phơi bày nghiệp xưa, đối nghiệm v.v... Mươi phương Như Lai xem sự che giấu đồng như hiểm tặc, Bồ Tát xem sự che giấu như đội núi cao đi trên biển cả.

The Six Retributive Effects in the Realm of Hells

What are the six retributive effects? Ananda, all living beings whose six consciousnesses cause them to commit karmic acts suffer from evil effects through the six sense organs.

Retributive effects of wrong seeing

What are the evil effects suffered through the six sense organs? When karma ripens at the time of death, the evil effects of wrong seeing cause one to see a raging fire that fills the ten directions. His spirit will follow the smoke and, in a flash, will fall into the unintermittent hell where he will experience both light which reveals all sorts of evil things everywhere which give rise to boundless dread, and silent darkness which hides everything and causes infinite fear. So the flame of wrong seeing scorches the organ of hearing and transforms it into (purgatories of) cauldrons of boiling water and seas of molten copper; the organ of smell into black smoke and purple flame; the organ of taste into hot pills and molten iron; the organ of touch into hot ashes and burning charcoal; and the organ of intellect into scattered sparks that disturb the whole of space.

Retributive effects of wrong hearing

When karma ripens at the time of death, the evil effects of wrong hearing cause one to see rising waves that submerge heaven and earth. His spirit then follows them to fall into the unintermittent hell where he will experience both unbearable noises that confuse and disturb him and dead silence that makes him dispirited. So these waves flow into the organ of hearing to transform it into rebuke and interrogation; into the organ of sight to turn it into thunder, roars (of animals) and jets of poisonous gas; into the organ of smell to change it into rain, fog and showers of venomous insects that cover his whole body; into the organ of taste to transform it into pus, blood and all sorts of filth; into the organ of touch to turn it into animals, ghosts, excrement and urine; and into the organ of intellect to change it into lightning and hail that strike and break up his spirits.

Sao nói Lục Giao Báo?

- A Nan! tất cả chúng sanh, lục thức tạo nghiệp, chiêu cảm ác báo, đều từ lục căn mà ra.

- Sao nói ác báo từ lục căn mà ra?

- Một là Kiến Báo chiêu cảm ác quả. Khi kiến nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy lửa hồng cháy khắp mười phương, thần thức người chết bay rơi theo khói, vào ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng: Một là thấy sáng, khắp thấy mọi thứ hung dữ, sanh khiếp sợ vô cùng; hai là thấy tối, mịt mù chẳng thấy gì, sanh hoảng hốt vô cùng.

- Như vậy, thấy lửa đốt thính giác thì thành chảo dầu sôi, nước đồng chảy; đốt khứu giác thì thành khói đen, lửa đỏ; đốt vị giác thì thành viên sắt cháy; đốt xúc giác thì thành tro nóng, lò than; đốt ý thức thì thành hoa lửa rưới khắp, rung động cả hư không.

- Hai là Văn Báo chiêu cảm ác quả. Khi văn nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung trước hết thấy sóng cuộn chìm ngập trời đất, thần thức người chết theo dòng nước trôi vào ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng: Một là nghe rõ các tiếng ồn ào, tinh thần rối loạn; hai là điếc hẳn, lạng lẽ chẳng nghe gì, thần thức chìm lịm.

- Như vậy, nghe sóng chảy vào thính giác, thì thành sự trách hỏi, chảy vào thị giác thì thành sấm sét và khí độc; chảy vào khứu giác thì thành mưa và sương mù, rưới sâu độc vào đầy khắp cơ thể; chảy vào vị giác thì thành mủ, huyết và các thứ nhơ nhớp; chảy vào xúc giác thì thành súc sinh, ma quỷ và đại tiểu tiện; chảy vào ý thức thì thành điện chớp, mưa đá, đập nát tâm phách.

Retributive effects of wrong smelling

When karma ripens at the time of death, the evil effects of wrong smelling cause one to see (clouds of) poisonous gas everywhere. His spirit will leap from the earth to fall into the unintermittent hell where he will experience both the state of free breathing that draws in all sorts of foul fumes that infect and upset his heart (mind), and of blocked breathing that chokes him until he swoons and drops to the ground. Thus these foul airs enter the organ of smell to clear and obstruct his nostrils; the organ of sight to transform it into a flame or (lighted) torch; the organ of hearing to turn it into (the sounds made by) plunging into water, by drowning and by never ceasing waves; the organ of taste into rotten and stinking fish; the organ of touch into a ripped and decomposed (corpse) and a great hill of flesh with hundreds and thousands of eyes to see itself being devoured by countless beasts; and the organ of thinking into dust, miasmas and flying pebbles that strike and break his body.

Retributive effects of wrong tasting

When karma ripens at the time of death, the evil effects of wrong tasting cause the person concerned to see an iron net and a great blaze of fire that cover the whole world. His spirit will then rise to drop upside down into the net with his head caught in its meshes and he will then be drawn into the unintermittent hell where he will both feel that his in-breath is transformed into bitter cold that bites his body and his outbreath turned into fierce fire that scorches his bones and marrow.

Thus this wrong tasting enters the organ of taste to transform it into great hardships; the organ of sight into molten metal and rock; the organ of hearing into sharp weapons; the organ of smell into a huge iron cage that covers the whole country; the organ of touch into long-bows and arrows and into cross-bows and bolts; and the organ of thinking into iron (hail) that rains down.

- Ba là Khứu Báo chiêu cảm ác quả. Khi khứu nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết, thấy hơi độc đầy dẫy xa gần, thần thức người chết từ dưới đất trào lên, vào ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng: Một là người thông bị các hơi độc xông vào, nhiều loạn tâm thần; hai là nghẹt thở, hơi thở chẳng thông, làm chết giấc dưới đất.

- Như vậy, người khí xông vào khứu giác thì thành thông, nghẽn; xông vào thị giác thì thành lửa, đui; xông vào thính giác thì thành chìm đắm, nước sôi; xông vào vị giác thì thành mùi thiu, thúi; xông vào xúc giác thì thành nứt, nát, thành núi thịt lớn có trăm ngàn mắt, hút ăn không cùng; xông vào ý thức thì thành tro, chướng khí và cát đá bay, đập nát thân thể.

- Bốn là Vị Báo chiêu cảm ác quả. Khi vị nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy lưới sắt phát lửa bùng cháy, che khắp thế giới; thần thức người chết sa đọa mắc lưới, treo ngược đầu xuống, vào ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: một là hít hơi vào, kết thành băng giá, làm nứt nẻ thân thể, hai là thở hơi ra, bay thành lửa hồng đốt cháy xương tủy.

- Như vậy, ném mùi qua vị giác thì thành nhận chịu; qua thị giác thì thành kim thạch nung đỏ; qua thính giác thì thành binh khí sắc bén; qua khứu giác thì thành lồng sắt lớn, che khắp quốc độ; qua xúc giác thì thành cung, tên, nổ, súng; qua ý thức thì thành sắt nóng, bay từ trên không rưới xuống như mưa.

Retributive effects of wrong touching

When karma ripens at the time of death, the evil effects of wrong touch cause one to see great mountains closing in from all the four quarters with no way to escape. His spirit will see an iron walled town, fiery snakes and dogs, tigers, wolves and lions, jailers with ox-heads and raksasas with horse-heads holding spears and lances who chase him into the town and force him into the unintermittent hell where he will experience both the embrace of mountains (contact) that close in to crush his body into a mess of bones, flesh and blood, and (the pain of) being cut up (separation) when sharp swords slay his body and rip open his heart and liver. Thus this wrong touch enters its own organ to transform it into the road (to hell) and the abode (of Yama) with hall and (judgement) seat; the organ of sight into heat and burning; the organ of hearing into knocking, striking, stabbing and shooting; the organ of smell into apprehending, bagging, judging and roping; the organ of taste into ploughing, nipping, beheading, and cutting; and the organ of intellect into flying, falling, frying and roasting.

Retributive effects of wrong thinking

When karma ripens at the time of death, the evil effects of wrong thinking cause one to see evil winds blow through and destroy the country. His spirit will be blown up into space and then dropped down to be carried into the unintermittent hell where he will suffer from both the utter confusion that obscures all his senses and frightens him into ceaseless running about, and from the perfect clarity in which all his senses function in good order to feel unbearable pain when he is being fried and scorched. Thus this wrong thinking enters his faculty of thought to transform it into a receptacle; the organ of seeing into scrutinizing and evidencing; the organ of hearing into a rock, (its warmth) into ice and frost, and (its clearness) into dust and fog; the organ of smell into a great fiery chariot, vessel and cage; the organ of taste into cries, screams, lamentation and weeping; the organ of touch into a large or small (body) subject in a single day to tens of thousands of births and deaths.

- Năm là Xúc Báo chiêu cảm ác quả. Khi xúc nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy núi lớn từ bốn phía hợp lại, chẳng còn đường ra; thần thức người chết thấy Thành Sắt lớn, rắn lửa, cọp, sói, sư tử, ngục tốt (người gác ngục) đầu trâu, La Sát, đầu ngựa, tay cầm thương, xóc, lừa vào cửa thành, hướng về ngục A Tỳ, phát minh hai tướng: Một là hợp xúc, núi hợp lại ép thân, xương thịt tuôn máu; hai là lìa xúc, dao gươm đâm chém, tim gan bị cắt xẻ.

- Như vậy, hợp xúc qua xúc giác thì thành con đường địa ngục, gặp Diêm La Vương xử án; qua thị giác thì thành đốt cháy, nung đỏ; qua thính giác thì thành đánh, đập, đâm bắn; qua khứu giác thì thành tóm, đưng, khảo, trói; qua vị giác thì thành cày, kìm, chém, chặt; qua ý thức thì thành rơi, bay, nấu nướng.

- Sáu là Tưởng Báo chiêu cảm ác quả. Khi tưởng nghiệp giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy gió bão thổi nát quốc độ; thần thức người chết bị thổi lên hư không, xoay rơi theo gió, đọa ngục A-Tỳ, phát minh hai tướng: Một là chẳng giác, mê muội vô cùng, bỏ chạy không thôi; hai là chẳng mê, hay biết các khổ, bị đốt cháy không cùng, đau đớn khổ sở.

- Như vậy, tà tưởng kết vào ý thức thì thành phương sở; kết vào thị giác thì thành gương soi, bằng chứng; kết vào thính giác thì thành đại hợp băng giá, sương mù, đất bùn; kết vào khứu giác thì thành xe lửa, thuyền lửa, củi lửa; kết vào vị giác thì thành tiếng la hét, than khóc; kết vào xúc giác thì thành lớn nhỏ, nghiêng ngửa, muôn lần sống đi chết lại trong một ngày.

Ananda, these are the ten causes and six effects of the realm of hells which are all created by living beings through their own delusion and falseness.

Degrees of Perversity in Relation to Suffering in the Hells

If at all times a living being creates these three karmic causes of retributive effects to be suffered by all six sense organs, he will fall into the avici hell where he will endure untold miseries for countless aeons.

If at times he creates individual karmic causes of retributive effects to be suffered by his sense organs separately, he will fall into the eight unintermittent hells.

If he kills, steals, and is carnal in body, mouth and mind, he will fall into the eighteen lesser hells.

If he does not commit these three evil deeds which involve body, mouth and mind but occasionally, kills or steals, he will fall into the thirty-six lesser hells.

If he commits only one of them with a single sense organ, he will fall into the 108 minor hells.

Thus all living beings, though creating their own causes of retributive effects, have to endure the same corresponding sufferings in the same hells which are the products of their wrong thinking and which fundamentally do not exist.

The Ten Categories in the Realm of Hungry Ghosts

Further, Ananda, if living beings violate the precepts, break, the rules of Bodhisattva discipline, destroy belief in the (selfpossessed) Buddha-nature and create the (above-mentioned ten) karmic causes, after being scorched in the hells for successive aeons, they will have paid for all the wrong they have done and will be reborn in the realm of hungry ghosts.

1. If craving be the cause of their misdeeds, they will, after paying for their sins, take the form of whatever they meet (on leaving the hells) to become Strange Ghosts.

- A Nan! Thập tập nhân và lục giao báo của địa ngục kể trên, đều do chúng sanh mê vọng tạo ra. Nếu chúng sanh lục căn đồng tạo ác nghiệp thì vào ngục A Tỳ, trải qua vô số kiếp, chịu khổ vô cùng; nếu lục căn mỗi mỗi tạo riêng, với nghiệp sở tạo, gồm cả căn trần, thì người ấy vào khu 8 ngục A-Tỳ; nếu cả thân khẩu, ý, tạo nghiệp sát, đạo, dâm, thì người ấy đọa vào khu 18 địa ngục; nếu không gồm cả ba nghiệp, hoặc trong ấy chỉ tạo nghiệp sát hay nghiệp đạo, thì người ấy vào khu 36 địa ngục; nếu chỉ có một căn riêng tạo một nghiệp, thì người ấy vào khu 108 địa ngục.

- Mỗi chúng sanh dù riêng tạo biệt nghiệp, nhưng cùng vào chỗ đồng phạt trong thế giới, ấy đều do vọng tưởng sanh ra, chẳng phải vốn sẵn có.

- Lại nữa A Nan! Nếu các chúng sanh phá hủy luật nghi, phạm giới Bồ Tát, phỉ báng Niết Bàn và các nghiệp khác, thì trải qua nhiều kiếp bị đốt cháy, sau khi đền tội xong, thọ các hình quỷ.

Nếu ở nơi bản nhân, do tham vật tạo tội, người ấy khi đền tội xong, gặp vật thành hình, gọi là Quái Quỷ do tham sắc tạo tội, khi đền tội xong, gặp gió thành hình, gọi là Bạt Quỷ; do tham dối trá tạo tội, khi đền tội xong, gặp súc vật thành hình, gọi là My Quỷ; do tham sân hận tạo tội, khi đền tội xong, gặp sâu bọ thành hình, gọi là Cổ Độc Quỷ; do tham ghi khắc thù oán tạo tội, khi đền tội xong, gặp kẻ thù vận suy thành hình, gọi là Lệ Quỷ; do tham ngạo mạn tạo tội, khi đền tội xong, gặp khí thành hình, gọi là Nga Quỷ; do tham lừa gạt tạo tội, khi đền tội xong, gặp u ám thành hình, gọi là Yểm Quỷ; do tham minh ngộ tạo tội, khi đền tội xong, gặp tinh linh thành hình, gọi là Vong Lượng Quỷ; do tham vu vạ tạo tội, khi đền tội xong, gặp linh hiển thành hình, gọi là Dịch Sử Quỷ; do tham kết bè phái tạo tội khi đền tội xong, gặp con người thành hình, gọi là Truyền Tống Quỷ.

- A Nan! Loại này đều vì thuần tình mà sa đọa, khi nghiệp lửa đốt cạn thì lên làm quỷ, ấy đều do vọng tưởng của tự mình chiêu cảm nghiệp quả, nếu ngộ tánh Bồ Đề, thì nơi diệu tâm sáng tỏ, vốn chẳng có gì cả.

- Lại nữa A Nan! Khi hết nghiệp quỷ, tình và tưởng cả hai đều không, mới ở nơi thế gian, với người mắc nợ cũ oán đối gặp nhau, thân làm súc sinh để trả nợ xưa.

- Loài quái quỷ theo vật, khi vật tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim kêu.

2. If lust be the cause of their misdeeds, they will, after paying for their sins, take form when blown by the wind (on leaving the hells) to become Drought Ghosts.
3. If deceitfulness be the cause of their misdeeds, they will, after paying for their sins, take form when meeting animals to become Animal Ghosts.
4. If hate be the cause of their misdeeds, they will, after paying for their sins, take form when meeting worms and insects to become Noxious Ghosts.
5. If revengefulness be the cause of their misdeeds, they will, after paying for their sins, take form in the midst of misfortune and calamity to become Cruel Ghosts.
6. If arrogance be the cause of their misdeeds, they will, after paying for their sins, take form when meeting oppressed people to become Starved Ghosts.
7. If fraud be the cause of their misdeeds, they will, after paying for their sins, take form when finding themselves in dark places to become Nightmarish Ghosts.
8. If wrong views be the cause of their misdeeds, they will, after paying for their sins, take form when meeting sprites to become Naiads.
9. If unfairness be the cause of their misdeeds, they will, after paying for their sins, take form when seeing the light to become Servant Ghosts.
10. If disputation be the cause of their misdeeds, they will, after paying for their sins, take form when meeting mediums to become Messenger Ghosts (to relay the news from the dead).

- Bạt quỷ theo gió, khi gió tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài cừu trưng (loài dự báo điềm xấu như chim cú, quạ...)
- My quỷ theo súc, khi súc chết báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chồn.
- Cổ quỷ theo sâu, khi suy sâu diệt hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài độc hại.
- Lệ quỷ theo vận suy, khi suy tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài giun sán.
- Ngạ quỷ theo khí, khi khí tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài gia súc.
- Yểm quỷ theo u-ẩn, khi u-ẩn tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài tằm, cừu, cung cấp đồ mặc.
- Vọng Lượng Quỷ theo tinh linh, khi tinh tiêu báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim mùa.
- Dịch Sử Quỷ theo linh hiển, khi linh diệt báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài hươu trưng (loài dự báo điềm tốt như phụng, lân).
- Truyền Tống Quỷ theo người, khi người chết báo hết, sanh nơi thế gian, phần nhiều làm loài tưng phục bên người như chó, mèo.
- A Nan! Loại này đều vì nghiệp lửa đốt cạn, sanh vào loài súc, đền trả nợ xưa, ấy cũng là do vọng nghiệp chiêu cảm; nếu ngộ tánh Bồ Đề, thì các vọng duyên này, vốn chẳng có gì cả.

Ananda, these beings are completely dominated by their passions which cause them to fall into the realm of hells where they are scorched dry by the flame of passion and from which they will emerge as hungry ghosts. These states are the products of karma created by wrong thinking. If they awaken to Bodhi, they will find that fundamentally these karmic states cannot be found in the profound perfect and bright mind.

The Ten Categories of Animals (Birds, etc.)

Further, Ananda, when all karmic effects have been completely endured in the realm of hungry ghosts, that is after the consequences of passions and thoughts have ended, they will be reborn as animals (birds, etc.) who meet their former creditors to repay outstanding debts.

1. Strange Ghosts, after expiating their misdeeds in their realms, are mostly reborn as owls.
2. Drought Ghosts, after expiating their misdeeds in their realm, are mostly reborn as unlucky creatures (who foretell misfortunes and calamities).
3. Animal Ghosts, after expiating their misdeeds in their realm, are mostly reborn as foxes.
4. Noxious Ghosts, after expiating their misdeeds in their realm, are mostly reborn as venomous creatures.
5. Cruel Ghosts, after expiating their misdeeds in their realm, are mostly reborn as tapeworms.
6. Starved Ghosts, after expiating their misdeeds in their realm, are mostly reborn as creatures good for food.
7. Nightmarish Ghosts, after expiating their misdeeds in their realm, are mostly reborn as creatures who provide materials for clothing.
8. Naiads, after expiating their misdeeds in their realm, are mostly reborn as creatures through whom the future can be foretold.

Như người hỏi về những quả báo ác nghiệp của Bửu Liên Hương, Lưu Ly Vương và Tỳ Kheo Thiện Tinh từ đâu ra? Phải biết mỗi mỗi đều tự tạo, chẳng phải từ trên trời xuống, từ dưới đất ra, hay người khác đưa đến. Tự tạo vọng nghiệp, tự chiêu ác quả, mà chẳng biết nơi tâm Bồ Đề, ấy đều do vọng tưởng giả dối kết tụ.

- Lại nữa A Nan! Những súc sinh ấy, đền trả nợ cũ, nếu trả quá nợ cũ, thì trở lại làm người, đòi lại phần thừa. Nếu người kia có sức mạnh, lại có phước đức, thì khỏi bỏ thân người mà vẫn hoàn lại phần thừa ấy được, còn nếu chẳng phước đức thì phải làm súc sinh để trả lại cái thiếu.

- A Nan nên biết! Nếu mắc nợ tiền tài hoặc sức lực của loài vật, khi đền đủ thì tự ngưng... Nếu ở trong đó có giết hại sinh mạng hoặc ăn thịt họ, như thế cho đến ăn nhau, giết nhau, trải qua vô số kiếp, như chuyển bánh xe, lúc cao lúc thấp, thay phiên nhau chẳng ngừng. Trừ khi gặp Phật ra đời, ngộ pháp Xa Ma Tha, nếu không thì nghiệp chẳng thể ngưng.

- Nay người nên biết, loài chim kê kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng ngoan cố.

- Loài cừu trung kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng quái dị.

- Loài chồn kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng ngu dại.

- Loài độc hại kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng nham hiểm.

- Loài giun sán kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng hèn hạ.

- Loài gia súc kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng nhu nhược.

- Loài tầm, cừu kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng nghèo khổ.

- Loài chim mùa trung kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng văn hoa.

9. Servant Ghosts, after expiating their misdeeds in their realm, are mostly reborn as auspicious creatures.

10. Messenger Ghosts, after expiating their misdeeds in their realm, are mostly reborn as domestic animals.

Ananda, these hungry ghosts, after withering because of the scorching effect of the flame of their passions to repay their former debts, are thus reborn as animals (birds, etc.)

These states are caused by their karmic misdeeds but if they awaken to the Bodhi mind, they will find that the causes of falsehood fundamentally do not exist. You have mentioned Bhiksuni Fragrance of Precious Lotus, King Crystal and Bhiksu Sanaksatra, but (you should know that) their evil karmas came from neither heaven nor earth; nor were they imposed on them by others. Since their evil deeds were selfmade, they had to suffer from the consequences which were the congealation of passing false thoughts in the Bodhi mind.

Further, Ananda, if these creatures, while paying their former debts, are made to repay more than is just, they will be reborn as men to reclaim the difference. If the creditors are men of good virtue and can repay the outstanding balance, they will keep their human state while doing so, but if they are men of little virtue, they will be reborn as animals to make good the amount received in excess.

Ananda, you should know that if the indebtedness consists of money and labour, it will be cancelled as soon as it has been reimbursed. But if in addition to recovering it, the creatures concerned are killed to provide food (for the creditors), this will start, between debtors and creditors, an endless round of mutual killing and eating which can be brought to an end only by (the practice of) Samatha or when a Buddha appears in the world (to teach them the Dharma).

- Loài hươu trung kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng thông minh.
- Loài tùng phục bên người kia, trả hết nợ cũ, trở lại làm người, sanh vào hạng thông thạo.
- A Nan! Loại này dù trả hết nợ cũ, trở lại làm người, đều do điên đảo tạo nghiệp, sanh nhau giết nhau từ vô thủy, chẳng gặp Như Lai, chẳng nghe chánh pháp, ở trong trần lao xoay vần mãi, bọn này gọi là thật đáng thương xót.

The Ten Categories in the Realm of Seers (èsis)

Ananda, there are men who, instead of cultivating the Samadhi of right Bodhi, practise (immortality) wrongly according to their false thoughts, thus preserving their thinking and bodies; they are fond of living in mountains, groves and uninhabitable places. There are ten classes of them.

1. Ananda, those men who diet (specially) to preserve their bodies and thereby live long through dieting, are called earthbound seers.
2. Those who take herbs and fruits to preserve their bodies and thereby live long through taking medicine, are called flying seers.
3. Those who take mineral products to preserve their bodies and thereby live long by means of alchemy, are called unhindered roaming seers.
4. Those who regulate their (organic) functions to preserve their bodies and thereby live long by means of proper breathing, are called immaterial seers.
5. Those who make good use of controlling their saliva to preserve their bodies and thereby live long by means of their glowing spirituality, are called heavenly seers.
6. Those who feed on the vital principle of nature to preserve the essence of form, and thereby live long by absorbing natural purity, are called all-entering seers.
7. Those who use incantations to preserve their bodies and thereby live long by means of occultism, are called seers of the (lesser) Tao.
8. Those who concentrate on their thoughts to preserve their bodies and thereby live long by means of mental concentration are called illuminating seers.
9. Those who practise the integration of (the positive and negative) principles to preserve their bodies and thereby live long by means of the spiritual harnessing power (of yoga) are called spiritual seers.

- A Nan! Lại có chúng sanh, trong cõi người chẳng theo chánh giác tu Tam Ma Địa, mà tu theo vọng niệm, giữ tâm cứng cố hình hài, ẩn trong rừng núi, những chỗ vắng người, thành mười loại tiên.

1. A Nan! Những chúng sanh ấy, kiên cố dùng đồ bổ chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo thực, gọi là Địa Hành Tiên.
2. Kiên cố dùng cỏ cây chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo thuốc, gọi là Phi Hành Tiên.
3. Kiên cố luyện đơn chẳng ngừng nghỉ, thành tựu đạo hóa chất, gọi là Du Hành Tiên.
4. Kiên cố luyện khí chẳng ngừng nghỉ, thành tựu tinh khí, gọi là Không Hành Tiên.
5. Kiên cố luyện tâm dịch chẳng ngừng nghỉ, thành tựu nhuận đức, gọi là Thiên Hành Tiên.
6. Kiên cố hấp thụ tinh hoa chẳng ngừng nghỉ, thành tựu sự hấp thụ, gọi là Thông Hành Tiên.
7. Kiên cố luyện theo bùa chú chẳng ngừng nghỉ, thành tựu bùa phép, gọi là Đạo Hành Tiên.
8. Kiên cố chuyên chú tâm niệm chẳng ngừng nghỉ, thành tựu niệm tưởng, gọi là Chiếu Hành Tiên.
9. Kiên cố về thủy hỏa giao cấu chẳng ngừng nghỉ, thành tựu sự cảm ứng, gọi là Tinh Hành Tiên.

10. Those who practise sublimation of their bodies and thereby live long by means of spiritual awareness are seers of the highest order. Ananda, these men regulate their minds but do not practise the right Bodhi, and live for perhaps a thousand and ten thousand years; they live on high mountains or (desert) islands and cut off all worldly connections. Their states still belong to the samsaric stream of wrong thoughts, and since they do not practise Samadhi, when they have enjoyed their conditioned blessing, they will have to return to the (lower) planes of existence.

The Ten Categories in the Realm of Human Beings

1. You should know that owls, after repaying their former debts are reborn as wayward men in the realm of human beings.
2. Inauspicious creatures, after repaying their former debts, are reborn as men with animal habits.
3. Foxes, after repaying their former debts, are reborn as vulgar men.
4. Venomous creatures, after repaying their former debts, are reborn as savages.
5. Tapeworms, after repaying their former debts, are reborn as vile men.
6. Creatures good for food, after repaying their former debts, are reborn as cowards.
7. Animals providing materials for wearing apparel, after repaying their former debts, are reborn as servile men.
8. Creatures through whom the future can be foretold, after repaying their former debts, are reborn as literary men.
9. Auspicious creatures, after repaying their former debts, are reborn as intelligent men.
10. Domestic animals, after repaying their former debts, are reborn as men versed in the ways of the world.

10. Kiên cố biến hóa chẳng ngừng nghỉ, thành tựu tà ngộ, gọi là Tuyệt Hành Tiên.

- A Nan! Loại này đều ở trong cõi người mà luyện tâm, chẳng tu chánh giác, xa cách người đời, thọ muôn ngàn tuổi, ẩn núp nơi núi sâu, hòn đảo, những chỗ vắng người; ấy cũng là theo vọng tưởng mà luân hồi. Nếu chẳng tu tam muội, khi phước báo hết, phải trở lại trong lục đạo.

Ananda, these living beings, after repaying their debts, are reborn in the realm of human beings because since the time without beginning, they have, on account of their karma and perversion, killed one another and have not met the Buddha or heard the right Dharma, hence their transmigration according to the law of samsara; they are most pitiable.

The Realm of the Gods (Devaloka)

The Six Heavens of the Realm of Desire (Kamadhatu)

1. Ananda, there are men who do not seek the permanent because they cannot relinquish their love for their wives. They, however, do not commit adultery, and so their minds are clear and bright. After their death, they will be reborn in the regions near the sun and the moon, called the four heavens of the four deva-kings (catur-maharaja-kayika).²¹⁷

2. There are men who, though living with their wives, are lukewarm about love and sexual desire. Their chastity is, therefore, not perfect and so, after their death, they will be reborn in the regions above the sun and the moon and on the top of the world, called the Trayastrimsa heavens.²¹⁸

3. Those whose sexual indulgence is only incidental²¹⁹ and is then always forgotten,²²⁰ and who prefer tranquility to disturbance, will, after their death, be reborn in space where they will dwell in brightness which eclipses the light of the sun and moon because of their luminous bodies.²²¹ This is the Suyama heaven.

217. They are Indra's four external generals. who dwell each on a side of mount Sumeru: the east deva is called Dhrtarastra, the south deva, Virudhaka, the west deva, Virupaksa, and the north deva, Vaisramana. They are guardians of the world and their statues are inside the entrance door of every monastery in China.

218. They are the heavens of the thirty-three devas, the heaven of Indra on mount Sumeru.

219. They still belong to the world of desire.

220. They have relinquished love.

221. Their sexual indulgence consists of embracing, without intercourse.

DỤC GIỚI

1. A Nan! Những người thế gian, chẳng cầu đạo thường trụ, chưa thể rời bỏ sự ân ái vợ chồng, nhưng tâm chẳng buông lung nơi tà dâm, do tâm đứng lặng phát ra sáng suốt. Sau khi chết, ở gần với nhật nguyệt, loại này gọi là Tứ Thiên Vương Thiên.
2. Đối với vợ mình, dâm ái ít ỏi, trong lúc tịnh cư, chưa hoàn toàn trong sạch. Sau khi chết, vượt ánh sáng nhật nguyệt, ở trên đảnh cõi người, loại này gọi là Đạo Lợi Thiên.
3. Gặp dục tạm giao, qua rồi thì chẳng nhớ; nơi cõi người động ít tịnh nhiều. Sau khi chết, an trụ nơi hư không, ánh sáng nhật nguyệt chẳng thể soi đến, hạng người ấy tự có ánh sáng, loại này gọi là Tu Diệm Ma Thiên.

4. Those who live in tranquillity at all times but are still not yet immune to disturbance, will after their death, be reborn in the subtle region which is beyond the reach of men and lower devas and which remains unaffected by the three calamities (of fire, water and wind) during the kalpa of worlddestruction. This is the Tusita heaven.²²²

222. This is the heaven of contentment which has an inner court, the Pure Land of Maitreya who will descend to earth as the next Buddha. Most Buddhists who take the vow to liberate all living beings after their own enlightenment, will be reborn there and will follow Maitreya, as assistants, to teach human beings after the present Dharma-ending age.

5. Those who have relinquished all sexual desires but are prepared to satisfy those of their wives and who feel as if they chew (tasteless) wax during the intercourse, will, after their death, be reborn in the region attainable by leaps and bounds (direct from the realm of human beings).²²³ This is the Nirmanarati heaven.²²⁴

6. Those who have cut off their worldly minds and are thus free from earthly prejudices when dealing with worldlings will, after their death, be reborn in the region beyond those where joy is attainable²²⁵ and unattainable²²⁶ at will. This is the Paranirmitavasavartin heaven.²²⁷

223. Without passing through the four lower heavens.

224. Where every form of joy is attainable at will and where mere smiles satisfy sexual desires.

225. The Nirmanarati heaven where joy is attainable at will.

226. The first four lower heavens where joy cannot be attained at will.

227. The abode of Mahesvara (i.e. Siva) and of Mara, where the devas avail themselves of the merits of others for their own pleasures, and where they look at the opposite sex to satisfy their sexual desires.

Ananda, though these six realms of heavens are free from (mental) disturbances, they still retain the conception of mind; hence they are called, realms of desires.

4. Lúc nào cũng tịnh, nhưng khi tiếp xúc bỗng đến, chưa thể lìa bỏ. Sau khi chết, sanh lên cõi tinh vi, chẳng nối liền với những cõi trời, người ở dưới; khi kiếp hoại tam tai cũng chẳng thể đến, loại này gọi là Đâu Suất Đà Thiên.

5. Ta chẳng tâm dâm dục, chỉ đáp ứng với nhu cầu của người, xem sự dâm dục vô vị như ăn sáo. Sau khi chết, sanh lên cõi biến hóa, loại này gọi là Lạc Biến Hóa Thiên.

6. Tâm chẳng trụ thế gian, mà thọ dụng cảnh dục đồng như thế gian; đang lúc thọ dụng, rõ ràng siêu thoát. Sau khi chết, vượt lên tất cả cảnh biến hoá và chẳng biến hóa, loại này gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên.

- A Nan! Sáu cõi trời kể trên, hình dù khởi động mà tâm còn dính mắc, từ đây trở xuống, gọi là Dục Giới.

GHI CHÚ:

(I): Mười hai ngôi vị đơn và phức:

Năm ngôi vị phức, mỗi ngôi vị gồm mười cấp bậc, tức Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng và Thập Địa.

Bảy ngôi vị đơn là: Càn Huệ, Noãn, Đảnh, Nhãn, Thế Đệ Nhất, Đăng Giác và Diệu Giác.

The Four Regions of the Dhyana Heavens of the Realm of Form (Rupadhatu)

The first region of the three dhyana heavens

1. Ananda, all worldly men who do not practise dhyana in their cultivation of the Mind, cannot achieve Wisdom. If they only abstain from sexual desires of which they do not even think in their daily activities, they will not be contaminated by love and will leave the realm of desires. They will be reborn, as they wish, as people (Brahma-parisadya) in the heaven called Brahma-kayika.²²⁸

2. Those who relinquish their habits of desire and so realize minds free from lust, are able to keep the rules of morality and discipline and to live purely whatever they do. They will be reborn as ministers of Brahma in the heaven called Brahma-purohitas.²²⁹

3. Those whose bodies and minds are profound and perfect, whose deportment and pure living are irreproachable and who thereby achieve clear understanding, are qualified to rule over the Brahmadevas as their lords (Mahabrahma-deva-rajā). This is the Mahabrahma heaven.

228. The retinue of Brahma.

229. The ministers of Brahma.

Ananda, these three heavens are free from all worldly troubles which cannot reach them. Although these gods do not practise the right Samadhi, their minds are still and free from all disturbances. This is the first region of the dhyana heavens.

The second region of the three dhyana heavens

1. Ananda, next comes the heaven of Brahma who reigns over his people and perfects the rules of pure living and whose unperturbed mind is still and shining. This is the heaven of Minor Light (Parittabha).

SẮC GIỚI**SƠ THIÊN**

1. A Nan! Tất cả người tu tâm trong thế gian chẳng nhờ Thiên Na thì chẳng có trí huệ; nếu được giữ thân chẳng dâm dục, khi đi khi ngồi, niệm tưởng đều không, ái nhiễm chẳng sanh, chẳng lưu luyến Dục Giới, làm bạn với Phạm Thiên, hạng này gọi là Phạm Chúng Thiên.
2. Dục lậu đã trừ, "Tâm lìa dục" hiện, ưa hành theo các luật nghi, đức hạnh trong sạch, hạng này gọi là Phạm Phụ Thiên.
3. Thân tâm diệu viên, oai nghi đầy đủ, giới cấm trong sạch, lại có sự tỏ ngộ, được thống lãnh Phạm Chúng, làm Đại Phạm Vương, hạng này gọi là Đại Phạm Thiên.

- A Nan! Ba bậc này tất cả khổ não chẳng thể bức bách, dù chẳng phải chánh tu chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm trong sạch, dục lậu chẳng thể lay động, gọi là Sơ Thiên.

NHỊ THIÊN

1. A Nan! Hàng Phạm Thiên thống lãnh Phạm chúng, đầy đủ phạm hạnh, lắng tâm chẳng động; do tịch lặng sanh ra ánh sáng; hạng này gọi là Thiểu Quang Thiên.

2. The above light grows brighter and illumines all the worlds in the ten directions thereby changing everything into clear crystal. This is the heaven of Infinite Light (Apramanabha).

3. The preservation of this Infinite Light now becomes the theme of the teaching voice that preaches purity, and cleanness to all who can respond. This is the Abhasvara heaven.²³⁰

Ananda, these three heavens are beyond all worldly troubles and although their devas do not practise the right Samadhi, their pure and clean minds are free from all the coarse characteristics of samsara. This is the second region of the dhyana heavens.

230. The heaven in which the inhabitants converse by light instead of words.

The third region of the three dhyana heavens

1. Ananda, thus these devas transmute this perfect light into the theme of the voice which reveals the wonderful (state) and thereby gives rise to pure conduct that unites with dhyana by wiping out (all former feelings of) joy. This is the heaven of Minor Purity (Parittasubha).

2. Pure voidness now manifests in its boundless immensity causing both body and mind to experience comfortable weightlessness and nirvanic bliss. This is the heaven of Infinite Purity (Apramanasubha).

3. Body, mind and universe are now in the state of perfect purity, which reveals clearly a supramundane abode full of nirvanic bliss. This is the heaven of Universal Purity (Subhakrtsna).

Ananda, these three heavens accord with the (state of) perfect dhyana in which body and mind are at rest and enjoy boundless bliss. Although their devas have not achieved the right Samadhi, their still minds are full of happiness. This is the third region of the dhyana heavens.

2. Ánh sáng chói lọi, chiếu soi vô cùng, chiếu khắp mười phương cõi đều như lưu ly; hạng này gọi là Vô Lượng Quang Thiên.

3. Hào quang đồng như âm thanh, thành tựu giáo thể, phát ra sự giáo hóa trong sạch, ứng dụng vô cùng; hạng này gọi là Quang Âm Thiên.

- A Nan! Ba bậc này tất cả lo buồn chẳng thể bức bách, dù chẳng phải chánh tu chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm trong sạch, những phiền não thô động đã uốn dẹp, gọi là Nhị Thiên.

TAM THIÊN

1. A Nan! Hào quang thành âm, dùng âm thanh tỏ bày diệu lý, thành hạnh tinh tấn, thông với sự vui tịch diệt, hạng này gọi là Thiếu Tịnh Thiên.

2. Cảnh "Tịnh Không" hiện tiền, chẳng có bờ bến, thân tâm nhẹ nhàng, thành sự vui tịch diệt, hạng này gọi là Vô Lượng Tịnh Thiên.

3. Thế giới và thân tâm, tất cả đều trong sạch, thành tựu đức tánh trong sạch, thắng cảnh hiện tiền, qui về cái vui tịch diệt, hạng này gọi là Biến Tịnh Thiên.

- A Nan! Ba bậc này đầy đủ công hạnh đại tùy thuận, thân tâm yên ổn, được sự vui vô lượng, dù chẳng phải thật đắc chơn Tam Ma Địa, nhưng nơi tâm yên ổn trọn đủ sự hoan hỷ, gọi là Tam Thiên.

The fourth region of the four dhyana heavens

1. Further, Ananda, these devas whose bodies and minds are beyond all sufferings the causes of which have been completely wiped out, realize that bliss is not permanent and will in time inevitably come to an end. They, therefore, relinquish completely the dual concept of suffering and happiness and, as they wipe out the coarse characteristics of both conditions, the state of felicity manifests in all its purity. This is the heaven of felicitous birth (Punyaprasava).

2. The elimination (of the above duality) results in their complete liberation from this hindrance and enables them to enjoy the full measure of felicity as long as they stay in this heaven. This is the heaven of felicitous delight, or cloudless felicity (Anabhraka).

3. Ananda, the (above) heaven now divides into two paths, one of which is attainable by those who, in the light of boundless purity, achieve the perfection of felicity as their abode. This is the heaven of Abundant Fruit (Brhatphala).

4. (On the other hand) if they wipe out both suffering and happiness thereby developing a renouncing mind, which in time ensures their complete renunciation, both their bodies and minds will be eliminated and with them all mental troubles. But because their practice is based on the samsaric idea (of birth and death) as a point of departure, they will not, for five hundred aeons, realize their permanent nature.

The reason is that in every kalpa they can only succeed during its first half in wiping out all their thoughts which, however, will recur during its second half (because of the wrong starting point). This is the heaven of thoughtless devas (Asanjnisattva).

Ananda, these four heavens are beyond all worldly suffering and happiness which can no more stir them. But they have not yet reached the true state of transcendental (wu wei) immutability because they (still) preserve the notion of achievement. For this efficient achievement, they are called the fourth region of the dhyana heavens.

TỨ THIÊN

1. Lại nữa A Nan! Cõi trời này, thân tâm chẳng bị bức bách, nhân khổ đã hết, biết sự vui chẳng thường trụ, lâu ắt biến hoại, hai tâm khổ vui nhất thời cùng xả, tướng thô đã diệt, tánh phước được sanh, hạng này gọi là Phước Sanh Thiên.
 2. Tâm xả viên dung, thắng giải trong sạch, được sự tùy thuận nhiệm màu, cùng tột vị lai, tánh phước chẳng ngăn ngại, hạng này gọi là Phước Ái Thiên.
 3. A Nan! Từ cõi trời này tẻ ra hai đường: Nếu dùng tâm sáng tỏ đầy đủ phước đức trước kia để tu chứng an trụ, hạng này gọi là Quảng Quả Thiên.
 4. Nếu nơi tâm trước kia, nhằm chán cả khổ vui, lại nghiền ngẫm cái tâm xả chẳng gián đoạn, trọn thành đạo xả, thân tâm tiêu diệt, lẳng tâm bất tướng, trải qua năm trăm kiếp. Nhưng vì người ấy đã lấy cái sanh diệt làm nhân, thì chẳng thể phát minh tánh chẳng sanh diệt, nên nửa kiếp đầu thì diệt, nửa kiếp sau lại sanh, hạng này gọi là Vô Tướng Thiên.
- A Nan! Bốn bậc này tất cả cảnh khổ vui của thế gian chẳng thể lay động, dù chẳng phải là chỗ chơn bất động của đạo vô vi, nhưng nơi tâm có sở đắc, công dụng thuần thực, gọi là Tứ Thiên.

The five heavens from which there is no return

Further, Ananda, above the fourth region of the dhyana heavens there are five heavens from which there is no return,²³¹ whose devas have completely cut off all habits contracted through the nine types of delusion of each of the lower heavens.²³² They are thus beyond suffering²³³ and happiness²³⁴ and dwell no more in these inferior heavens. Hence their present abodes set up by their achievement of renunciation. (They are):

1. Ananda, with the complete elimination of both suffering and happiness, the struggling mind ceases to arise in this heaven which is free from trouble and is called Avrha.
2. There remains now the solitary renouncing mind that no longer confronts objects in this heaven which is free from the heat (of minor trouble) and is called Atapa.
3. All the worlds in the ten directions are now clearly perceived as perfectly still without even a speck of impurity in this heaven of excellent perception, called Sudarsana.
4. The essence of seeing now manifests and dissolves all (subtle) hindrances in this heaven of excellent manifestations called Sudrsa.
5. The utmost subtlety of form leads to its extreme limit where starts boundless space in this ultimate heaven of (finest) form, called Akanistha.

Ananda, these (five) heavens from which there is no return are imperceptible to the deva kings of the four dhyana heavens who only hear of their existence but cannot see them. They are like those holy sites (bodhimandalas) situated deep in the mountains, which are the abodes of Arhats and which no worldling can see.

231. The devas of these five heavens will not return to the realm of desire or to the four first dhyana heavens of the realm of form.

232. See p. VII-1, note 211, for a full description of the nine classes of delusion.

233. Suffering in the realm of desire.

234. Happiness in the first dhyana heavens.

NGŨ TỊNH CƯ THIÊN

- Ở đây, còn có năm bậc Bất Hoàn Thiên, đã dứt sạch chín phẩm tập khí của cõi dưới, khổ vui đều hết, chẳng định cư ở cõi dưới, nên an lập chỗ ở nơi tâm xả của đồng phạm chúng sanh.

1. Vậy, khổ vui đã diệt, ưa ghét chẳng sanh, hạng này gọi là Vô Phiền Thiên.

2. Tự tại phóng xả, chẳng có năng sở, tâm chẳng đối đãi, hạng này gọi là Vô Nhiệt Thiên.

3. Mùi hương thế giới, diện kiến trong lặng, chẳng còn tất cả cấu nhiễm của cảnh trần, hạng này gọi là Thiện Kiến Thiên.

4. Diệu kiến hiện tiền, biến tạo vô ngại, hạng này gọi là Thiện Hiện Thiên.

5. Sắc trần từ tướng lăng xăng đến chỗ cứu cánh chẳng động, cùng tột tánh sắc chẳng có bờ bến, hạng này gọi là Sắc Cứu Cánh Thiên.

- A Nan! Với các cõi Bất Hoàn Thiên này, chỉ riêng bốn vị Thiên Vương cõi Tứ Thiên mới được nghe biết, nhưng chẳng thể thấy biết. Như nay trong thế gian, nơi núi sâu rừng thẳm, những đạo tràng của bậc thánh, đều có các vị A La Hán trụ trì, mà người thế tục chẳng thể thấy.

Ananda, the above are the eighteen heavens of form whose devas are solitaires beyond all desires, but are still hindered by their forms. These heavens are, therefore, in the realm of form.

The Four Heavens of the Formless Realm of Pure Spirit (Arupadhatu)

The state of the Great Arhat

Further, Ananda, the region above the top of the realm of form is divided into two paths. If the renouncing minds of these devas create (transcendental) wisdom, the light of which is perfectly penetrating, they will leap over samsara to become Arhats (later) to enter the Bodhisattva state. They are called Great Arhats whose minds are turned towards Mahayana.

The four heavens beyond form

1. On the other hand, if after acquiring a renouncing mind, they relinquish this achievement and feel that their bodies are no longer obstructive, they will remove all obstacles to enter the void. This is the heaven of boundless emptiness (Akasanantyayatana).
2. If after wiping out all obstruction, they keep away from boundless voidness, they will retain only the subtle half of (klista-) manovijnana²³⁵ in the alaya. This is the heaven of boundless consciousness. (Vijnananantyayatana).
3. With the elimination of both form and voidness and the additional eradication of consciousness, all the ten directions will be completely still, merging into nothingness. This heaven is called Akincanyayatana.²³⁶
4. Consciousness now becomes immovable awareness, thus ending all further exhaustive search. As a result, the inexhaustible reveals the exhaustible which seems to, yet does not, stay and which seems to, yet does not, end. This is the heaven of devas who are neither thoughtful nor thoughtless (Naivasamjnanasamjnayatana).

- A Nan! Mười tám cõi trời kể trên, dù thoát khỏi cảnh dục, nhưng chưa thoát khỏi sắc thân, gọi là Sắc Giới.

VÔ SẮC GIỚI

- Lại nữa A Nan! Từ trên đảnh của Sắc Giới, lại tẽ ra hai đường:

- Nếu nơi tâm xả, phát minh trí huệ, sáng suốt viên thông, bèn ra cõi trần, thành A La Hán, vào Bồ Tát Thừa, hạng này gọi là Hồi Tâm Đại A La Hán.

- Nếu nơi tâm xả được thành tựu, thấy thân chướng ngại, tiêu ngại vào không, hạng này gọi là Không Xứ.

- Chướng ngại đã tiêu, vô ngại vô diệt, trong đó chỉ còn A Lại Da Thức và nửa phần vi tế của Mạt Na Thức; hạng này gọi là Thức Xứ.

- Sắc và Không đã tiêu, tâm thức đều diệt, mười phương tịch lặng, chẳng có chỗ đến; hạng này gọi là Vô Sở Hữu Xứ.

The Anagamin stage

Though the devas of the four heavens beyond form succeed in looking exhaustively into the void, they fail to realize the absolute voidness of (immaterial) noumenon. They all come from the five heavens of form from which there is no return and if they do not stray from the holy Way, they are called (Anagamins of) Arhatship whose dull minds are not turned towards Mahayana.

However, if they follow thoughtless devas of the heterodox way and stay in this inexhaustible voidness, they will delight in samsaric heavens and will be deprived of the chance of hearing the Dharma; they will finally be turned back to the wheel of births and deaths.

Ananda, all the devas in these heavens were once worldly men whose reward caused their rebirth there, and after enjoying its fruit, they will have to return to Samsara. However, their rulers (devaraja) are Bodhisattvas who, in their practice of Samadhi, appear in their heavens which they use as paths for their progressive advance towards Buddhahood.

Ananda, the devas in these four heavens beyond form have wiped out all traces of body and mind. As their still (dhyana) nature has appeared, they are free from all retribution involving (material) forms. Hence this is the region beyond form.

All this comes from their being not clear about the profound mind of Bodhi and because of their preservation of accumulated thoughts, they create the three illusory realms of existence through the seven states;²³⁷ hence they are living beings (pudgala)²³⁸ in the worlds they have deserved.

235. The coarse half of the seventh consciousness is form which was wiped out earlier and its subtle half is alaya's subjective perception, or Ego.

236. The region where nothing exists and where only consciousness in its subtlety remains. It is not the ultimate and still pertains to Samsara.

237. The seven states or gati are: hell (narakagati), hungry ghost (preta), animal (tiryagyon), man (manusya), seer (rsi), god (deva), and titan (asura).

238. Living beings subject to metempsychosis.

- Dùng tánh thức chẳng động để diệt sự nghiền ngẫm, thành ra ở nơi vô tận lại tỏ bày tánh tận, như còn mà chẳng còn, tận mà chẳng tận, hạng này gọi là Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ.

- Hạng này xét cùng cái Không, nhưng chẳng tốt lý Không; nếu từ thánh đạo Bất Hoàn Thiên mà xét cùng, hạng này gọi là Bất Hồi Tâm Độn A La Hán.

- Nếu từ Vô Tưởng Thiên của ngoại đạo mà chấp thật Không, chẳng biết quày đầu, mê muội hữu lậu, chẳng nghe chánh pháp, bèn vào luân hồi.

- A Nan! Những cõi trời kể trên, mỗi mỗi đều là phạm phu đền trả nghiệp quả, khi nghiệp quả trả hết bèn vào luân hồi. Thiên Vương các cõi ấy, đều là Bồ Tát tu Tam Ma Địa, lần lượt tiến lên, hướng về đường tu của Bạc Thánh.

- A Nan! Cõi Tứ Không này, thân tâm dứt sạch, tánh định hiện tiền, chẳng có sắc thân của nghiệp quả; từ đây đến cùng, gọi là Vô Sắc Giới.

- Ấy đều do chẳng rõ diệu tâm sáng tỏ, tích chứa vọng tưởng, chấp thân trung ấm, tùy loại thọ sanh, vọng có tam giới, nên vọng theo bảy loài mà chìm đắm.

The Four Classes in the Realm of Titans (Asura-gati)

Further, Ananda, there are four classes of asuras in the three realms of existence.

1. If a hungry ghost, while in his realm, strives to protect the Dharma and thereby uses his powerful understanding to enter the void, he will be reborn from an egg as an asura who is connected with the realm of hungry ghosts.

2. If a deva, because of his diminishing merits, is about to fall into the region near the sun and the moon, he will be reborn from a womb as an asura who is connected with the realm of human beings.

3. A king of the asuras who rules over (the ghosts and spirits in) the world, is powerful and fearless and can fight for power against Brahma and his people, Sakra and the four kings of the four (lower) heavens. This asura is born by transformation and is connected with the realm of heavens.

4. Ananda, there is another inferior class of asuras who are born in the sea on the bed of which they live in holes. They roam in space during the day and return to the sea at night. These asuras are born from humidity and are connected with the realm of animals (birds, etc.).

Ananda, the above seven realms of hells, hungry ghosts, animals (birds, etc.), men, seers, heavens and titans come from their own illusions of worldly forms. They are created by their wrong thinking and are like flowers in the sky within their profound, perfect, bright and non-creating fundamental minds. Essentially they are not in bondage to anything, and are (the product of) falsehood which has neither root nor clue.

A TU LA

- Lại nữa A Nan! Trong tam giới còn có 4 loại A Tu La:

1. Nếu từ loài quỷ, dùng sức hộ pháp, nhờ thần thông vào trong hư không; loại A Tu La này là noãn sanh, thuộc về loài quỷ.
2. Nếu từ cõi trời, thất đức bị đọa, chỗ ở gần với nhật nguyệt; loại A Tu La này là thai sanh, thuộc về loài người.
3. Có vua Tu La, thống lãnh tất cả A Tu La trên thế giới, sức mạnh vô úy, có thể tranh quyền với Phạm Vương Đế Thích và Tứ Thiên Vương, loại A Tu La này là hóa sanh, thuộc về loài trời.
4. A Nan, riêng có một số A Tu La thấp kém sanh ở đáy biển, lặn dưới hang nước, ban ngày dạo trên hư không, ban đêm về ngủ dưới nước; loại A Tu La này là thấp sanh, thuộc về loài súc.

- A Nan! Bảy loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cõi người, thần tiên, cõi trời và A Tu La kể trên, đều là những tướng hữu vi hôn trầm, vọng tưởng tùy nghiệp thọ sanh. Thật ra thấy đều như hoa đốm trên không, vọng hiện nơi bản tâm vô tác sáng tỏ, vốn vô sở đắc, chỉ một hư vọng, chẳng có cội gốc.

Ananda, these living beings are unaware of their fundamental minds and so suffer from this round of births and deaths in samsara. If they have passed countless aeons without realizing the true and pure (mind), it is because they have killed, stolen and been carnal the ceasing of which has caused them to be reborn where these acts are unknown.²³⁹ Where these acts exist is called the realm of hungry ghosts and where they do not is called the realm of devas. The presence or absence of these three evils alternate and cause the wheel of Samsara to turn.

If they achieve Samadhi, they will realize the profound, eternal and still state which is free from the duality of existence and non-existence, and is also beyond this very freedom from duality.²⁴⁰ In such a state where even non-killing, non-stealing and non-carnalizing cannot be found, how can there be such evils as killing, stealing and carnality?²⁴¹

Ananda, if an individual does not abstain from these three evil deeds, he will suffer from evil consequences. If a group of individuals commit them, they will all endure the same suffering in the same place which cannot be said to be non-existent. However, this (place) arises from falsehood which has no cause and cannot be sought anywhere. As you strive to realize Bodhi, you should wipe out these three evils. If you do not, whatever supernatural power you may acquire from your practice still pertains to worldly achievement. If your (vicious) habits are not cut off, you will fall into the realm of demons, and even if you then want to wipe out falsehood, you will only increase it. Therefore, the Tathagata says that you are most pitiable because your sufferings are self-inflicted and do not come from any defect of Bodhi. The above preaching is right and any other is that of the demon (Mara).

239. The realm of devas.

240. The ultimate state is neither Samsara where the three evils exist nor Nirvana where they do not.

241. A pure state which is free from all dualities.

- A Nan! Những chúng sanh này, chẳng nhận được bản tâm, bị luân hồi trải qua vô số kiếp, chẳng được chơn tánh trong sạch, ấy đều do tùy thuận ba nghiệp sát, đạo, dâm; hoặc ngược lại ba thứ đó, thành không sát, đạo, dâm; vọng thấy “Có” thì là loài quỷ, vọng thấy “Không” thì là loài trời; Có và Không thay phiên nhau, phát khởi tánh luân hồi.

- Nếu ngộ pháp Tam Ma Địa, thì diệu Tâm thường tịch, hữu vô bất nhị, bất nhị cũng diệt, những việc không sát, đạo, dâm còn chẳng có, huống là thuận theo sát, đạo, dâm.

- A Nan, chẳng dứt ba nghiệp thì chúng sanh mỗi mỗi đều có nghiệp riêng, do nghiệp riêng ấy, trong đồng phận của chúng sanh, chẳng phải là không có chỗ nhất định. Đó là do tự tạo vọng nghiệp, vọng vốn chẳng nhân, chẳng thể truy cứu cội gốc.

- Người khuyên người tu hành, muốn đắc đạo Bồ Đề, phải trừ dứt ba nghiệp. Nếu ba nghiệp chẳng dứt, dầu được thần thông, cũng đều là những công dụng hữu vi của thế gian, tập khí chẳng diệt thì lạc vào ma đạo, dù muốn trừ vọng, càng thêm giả dối. Như Lai nói là kẻ đáng thương xót.

- Vậy, vọng do người tự tạo, chẳng phải lỗi của Bồ Đề, thuyết như thế gọi là chánh thuyết, chẳng thuyết như thế tức là tà thuyết. Tức thời, Như Lai sắp xuống pháp tòa, nơi tòa sư tử, dựa ghế thất bửu mà bảo khắp đại chúng và A Nan rằng:

**Warning to Practisers: The Fifty False States
Caused by the Five Aggregates****States of Mara Caused by the Five Aggregates**

As the gathering drew to a close, the Buddha grasped the teapoy and made a move to rise from His lion seat when suddenly he changed his mind, leant back and said to Ananda and the assembly: You sravakas and pratyeka-buddhas need to study more in your quest of Supreme Bodhi: I have taught you the method of correct cultivation but you still do not know the subtle states of Mara which appear when you practice samatha-vipasyana. When they manifest, if you fail to distinguish them and if your minds are not in a right state, you will fall into the evil ways of either the demons or your five aggregates, of the heavenly Maras, of ghosts and spirits, or of mischievous sprites. If you are not clear about them, you will mistake thieves for your own sons. Further, you may regard some little progress as complete achievement, like the untutored Bhiksu²⁴² who when he reached the fourth dhyana heaven presumed that he had become a saint; after he had enjoyed his reward in heaven, all indications of his approaching fall appeared. As he vilified the arhats, he created the karma of future incarnation and then fell into the avici hell. You should listen carefully to what I now tell you in detail.

242. A monk who refused to hear the Dharma because he thought that by merely stopping all thinking he had attained sainthood.

Ananda rose from his seat and, with all those requiring further study, prostrated himself at the Buddha's feet and awaited His compassionate instruction.

The Buddha said: You should all know that the clear substance of the profound and bright basic Bodhi of all living beings of the twelve types of birth in samsara is that of all Buddhas in the ten directions. It is because you think wrongly that you are not clear about the noumenon and so become stupid and full of desires which lead to your complete delusion. Hence the (relative) voidness, and as you are always deluded, the world is falsely created.

MA NGŨ ẨM

- Nay ta đã thuyết pháp chơn tu, các người còn chưa hiểu những ma sự vi tế, cảnh ma hiện tiền, các người cũng chẳng biết, vì tâm chẳng chánh, lọt vào tà kiến, nên bị ma ngũ ẩm, hoặc thiên ma, hoặc quỷ thần, hoặc yêu mỵ xâm nhập, trong tâm chẳng biết, nhận giặc làm con. Những người nhị thừa, được ít lại cho là đủ, như Tỳ Kheo Vô Văn, tu đến tứ thiền mà vọng nói đã chứng thánh quả, đến khi hết phước báo cõi trời, đọa địa ngục A Tỳ. Nay các người hãy chú ý nghe:

- Các người phải biết, cái tâm thể bản giác của mười phương chúng sanh vốn viên mãn diệu minh, cùng với mười phương chư Phật chẳng hai chẳng khác, vì do vọng tưởng của các người mê chấp đạo lý mới thành lỗi lầm, từ đó sanh ra si ái, si ái sanh trưởng khắp nơi, nên có tánh hư không, sự mê chấp tiến hóa không ngừng, nên sanh ra thế giới, vậy thì mười phương vô số quốc độ đều do vọng tưởng kiến lập.

All countries countless as dust are in samsara because of your obstinate wrong thinking. But you should know that (relative) voidness is created in your minds, like a small cloud that is but a speck in the great emptiness; how much more so is the world which is within this (relative) voidness? If you realize the real to return to the source, the void in the ten directions will vanish. Why, then, will not all the countries in that voidness shake and crack?

When you practise dhyana to preserve the state of samadhi, all Bodhisattvas, and all great arhats whose essence of mind is already penetrative, are unmoved, but the kings of the demons, ghosts, spirits and lower heavens are shocked to see their palaces break open without cause and the great earth shake and crack; all those on earth and in the air take fright whereas worldly men who are deluded do not feel anything, because these demons, though they have acquired five supernatural powers,²⁴³ still fail to realize transcendental insight into the ending of the stream of transmigration²⁴⁴ for they have not broken their links with samsara; how can they let you destroy their dwellings? This is why they come to trouble and annoy you when you enter the state of samadhi.

However, in spite of their rage, these demons are there in your profound state of bodhi and are like people trying in vain to blow out sunlight and to cut water with a sword, while you are like boiling water that melts solid ice. Though they rely on their super natural powers, they are but externals and will only succeed in destroying you if you, who own the five aggregates in your minds, are deluded and let them do so. For these demons cannot harm you in your state of dhyana if you are awakened and are not deluded. If you wipe out the (five) aggregates, you will enter the state of brightness wherein all demons are but dark vapours. Since light destroys darkness, they will perish as soon as they approach you; how then dare they disturb the state of samadhi?

Phải biết: Hư không sanh khởi trong tâm các người như đám mây ở giữa hư không, hướng là các thế giới đều ở trong hư không. Trong các người có một người kiến tánh, thì mười phương hư không đều tiêu diệt ngay, làm sao những quốc độ trong hư không chẳng bị tan nát. Các người tu thiền đến nơi chánh định, cũng như mười phương Bồ Tát và Đại A La Hán, chơn tâm dung thông, ngay đó trạm nhiên.

Khi ấy, tất cả ma vương và quỷ thần, thấy cung điện của mình khi không sụp đổ, đều cảm thấy kinh khủng, họ đều được năm thứ thần thông (chỉ trừ ra Lộ Tận Thông), ham thích trần lao, đâu thể để cho người tu Chánh pháp làm sụp đổ xứ sở của họ, cho nên đang lúc người tu được chánh định, những thiên ma, yêu tinh, quỷ thần đều tụ lại để quấy phá, nhưng họ ở trong trần lao, người tu ở trong diệu giác, dù họ hung dữ cách mấy cũng hại chẳng được;

On the other hand, if you fail to awaken and are thereby deluded by the five aggregates, then, Ananda, you will become a son of Mara and help the demons. As an illustration, Matangi who was so base, used magic to cause you to break one of the eighty thousand (minor) rules of pure living, but since your mind was pure, you were not ruined. This shows the (imminent) loss of all your precious bodhi. You were almost like a chancellor of state whose possessions are minds, to know the former existences of self and others, and to be anywhere at will suddenly confiscated so that he is in straitened circumstances without any hope of obtaining aid.

243. The five powers to see things in the realm of form, to hear any sound anywhere, to read others.

244. The sixth supernatural power which should be acquired before attaining bodhi.

ví như gió thổi ánh sáng, hoặc dùng dao cắt nước, chẳng ăn nhằm gì. Họ như băng đá, người tu như nước nóng, nước nóng làm tan rã băng đá. Họ ỷ lại sức thần thông, nhưng chỉ là khách, người tu là chủ, nếu chủ mê thì khách được thành tựu sự quấy phá của họ, nếu người tu ngay đó giác ngộ chẳng mê, thì ma sự của họ chẳng làm gì được mình.

The Ten States Affected by the First Aggregate of Form (Rupa)

Ananda, when you sit in meditation, if your thoughts are wiped out, the state (of your mind), now free from them, will be clear, and will not be changed by either stillness or disturbance. In this state, both remembrance and forgetfulness are one undivided whole.²⁴⁵ While in it and before realizing samadhi, you are like a man whose eyes are clear but who is still in the dark, for though your mind is clear, it does not yet shine. This is the aggregate of form that conditions your meditation. If your mind radiates, you will clearly perceive all the ten directions of space. This disappearance of darkness is called the ending of rupa and you will then leap over and beyond the turbid kalpa,²⁴⁶ the main cause of which is your wrong thinking.

1. Ananda, in this profound and clear state of your penetrating mind, the four elements cease to hinder you, and after a little, your body will be free from all hindrance. This is your clear mind spreading to its objects²⁴⁷ and shows the effectiveness of your meditation, the temporary achievement of which does not mean that you are a saint. If you do not regard it as such, it is an excellent progressive stage, but if you do, you will succumb to demons.

245. This is singleness of mind.

246. See IV-2 (& footnote 117) for a detailed explanation of the five conditions of turbidity.

247. See my previous book, *The Secrets of Chinese Meditation* (Rider & Co.), which explains how the mind spreads to its surroundings.

2. Ananda, in this profound and clear state of your penetrating mind, you will be able to discern everything clearly in your body and will suddenly see lively tape-worms. This is your clear mind spreading in your body and shows its effective functioning, the temporary achievement of which does not mean that you are a saint. If you do not regard it as such, it is an excellent progressive stage, but if you do, you will succumb to demons.

3. Further, in this state of mind which penetrates both within and without, your spirit and faculties, though not your body, will intermingle as principals (hosts) and accessories (guests) and suddenly you will hear a voice in the air preaching the Dharma or proclaiming its secret meaning in the ten directions. This is your spirit and faculties which unite with, or disengage from, one another to sow

I - MA SẮC ẨM

- A Nan nên biết, người tọa đạo tràng, vọng niệm nếu hết thì ngay cái lìa niệm ấy tất cả sáng tỏ, động tịnh chẳng dời, nhớ quên như một, nên trụ nơi này mà nhập chánh định. Như người mắt sáng ở chỗ đen tối, chơn tánh trong sạch, trong tâm chưa phát ánh sáng, đây gọi là phạm vi của Sắc Ấm. Nếu con mắt sáng tỏ, thì mười phương khai mở, chẳng còn đen tối, gọi là Sắc Ấm hết, thì khi ấy được siêu việt Kiếp Trước. Nhưng quán xét nguyên nhân là bởi Kiên Cố Vọng Tưởng (I) làm gốc.

1. A Nan, đang trong lúc tham cứu diệu minh, quên cả tứ đại, bỗng sắc thân ra vào các vật chất đều chẳng chướng ngại, ấy gọi là sự sáng tỏ tràn ra trước mắt. Sự việc ấy chỉ là công dụng tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

2. Trong lúc tham cứu diệu minh, thân như lưu ly, bỗng trong thân lảy ra các loài giun sán mà thân vẫn y nguyên, chẳng bị thương tổn, ấy gọi là sự sáng tỏ tràn ra hình thể, đây chỉ là do tu hành tinh tấn tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

3. Trong lúc tham cứu diệu minh, khi ấy, ngoài sắc thân ra, hồn phách, ý chí, tinh thần dung hòa lẫn nhau, bỗng trong hư không nghe tiếng thuyết pháp, hoặc nghe mười phương chư Phật cùng diễn mật nghĩa, đây gọi là hồn phách, ý chí thay phiên nhau làm chủ khách, ly hợp lẫn nhau, thành tựu thiện chủng, tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

the excellent seed, the temporary realization of which does not mean that you are a saint. If you do not regard it as such, it is an excellent progressive stage but if you do, you will succumb to demons.

4. Further, in this clear, revealing, bright and penetrating state of mind, your inner light radiates and gilds everything in the ten directions wherein all living beings are transformed into Buddhas. Suddenly you will see Vairocana seated on a radiant throne surrounded by thousands of Buddhas, with hundreds of lacs of countries and of lotus flowers, all of which appear at once. This is the effect of being awakened by your mind's spirituality, the light of which penetrates and shines on all the worlds. This temporary achievement does not mean you are a saint. If you do not regard it as such, it is an excellent progressive stage, but if you do, you will succumb to demons.

5. Further, if your penetrating mind, in its profound and clear state, continues to look within without pause, and so checks and stops completely all thinking, you will suddenly see space in the ten directions change into the colours of the seven or of a hundred precious gems, which fill the whole space without hindering one another. All colours such as blue, yellow, red, white, (etc.) appear in utter purity. This is hard pressed efficiency, the temporary achievement of which does not mean you are a saint. If you do not regard it as such, it is an excellent progressive stage, but if you do, you will give way to the demons.

6. In this clear and penetrating state of your mind when it looks within, its light appears in all its purity and at midnight you will suddenly see in your dark room all sorts of apparitions as clearly as in broad daylight, with all the other objects usually there. This is the mind, in its subtlety, refining its clear perception which enables you to see distinctly in the dark. This temporary achievement does not mean, you are a saint. If you do not regard it as such, it is an excellent progressive stage, but if you do you will give way to demons.

4. Trong lúc tham cứu diệu minh, trong tâm sáng tỏ, phát ra ánh sáng, chiếu khắp mười phương thành màu sắc Diêm Phù Đàm, tất cả các loài đều hóa thành Như Lai. Bỗng thấy Phật Tỳ Lô Giá Na ngồi trên đài Thiên Quang, ngàn Phật vây quanh, trăm ức cõi Phật cùng hoa sen đồng thời hiện ra. Ấy gọi là việc sở nhiễm của tâm hồn linh ngộ, ánh sáng của tâm chiếu soi các thế giới, tạm được như vậy, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

5. Trong lúc tham cứu diệu minh, quan sát chẳng ngừng, sức đè nén hàng phục quá mức, bỗng trong hư không thành màu sắc bách bảo, xanh vàng đỏ trắng đồng thời cùng khắp mười phương mà chẳng chướng ngại nhau. Ấy gọi là sự dụng công đè nén quá mức tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

6. Trong lúc tham cứu diệu minh, trong sáng chẳng loạn, bỗng lúc nửa đêm, ở trong nhà đen tối, thấy rõ các vật chẳng khác ban ngày, ấy gọi là tâm dụng đến chỗ vi tế, cái năng thấy trong như lưu ly, cái sở thấy thấu qua đen tối, tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

7. As the mind merges with the void, suddenly your four limbs will be like grass and plants, and will feel nothing (even) if burned by fire or cut by a knife. This immunity from injury results from the amalgamation of (mind and) externals and with the elimination of the four elements as it merges with the void. This temporary achievement does not mean you are a saint, and if you do not regard it as such, it is an excellent progressive stage, but if you do, you will give way to demons.

8. As your mind becomes pure and clean, its uttermost purification causes you to see suddenly the great earth, mountains and rivers in the ten directions change into the Buddha's (pure) land adorned with all sorts of precious gems whose radiance is all-pervading. You will again see clearly Buddhas as countless as the Ganges' sands with beautiful temple buildings filling the whole of space, with the hells underneath and deva palaces above. This is the transformation of (usually) deep-rooted thoughts of like and dislike but does not mean you are a saint. If you do not regard it as such, it is an excellent progressive stage, but if you do, you will give way to demons,

9. As your mind penetrates deeper, you will suddenly see at midnight far away market-places, streets and lanes, as well as members of your family, your relatives and clansmen or hear them speak. This results from the hard-pressed mind which expands so that you see these things no matter how far away. This does not mean you are a saint, and if you do not regard it as such, it is an excellent progressive stage, but if you do, you will give way to demons.

10. As a result of your mind's furthest penetration, you will see men of good counsel whose bodies change without reason in all kinds of ways. This is your perverse mind which is influenced by mischievous ghosts or heavenly demons and which without reason, preaches the Dharma and comprehends its profound meaning. This does not mean you are a saint and if you do not regard it as such, Mara's influence will vanish, but if you do, you will give way to demons.

7. Trong lúc tham cứu diệu minh, toàn tâm dung hòa với hư không, bỗng thân thể đồng như cây cỏ, lửa đốt, dao chém chẳng có cảm giác, thiêu chẳng thấy nóng, chém chẳng thấy đau, ấy gọi là tâm và trần dung hợp thành một, tạm được như thế, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

8. Trong lúc tham cứu diệu minh, dụng công đến chỗ thanh tịnh, bỗng thấy núi sông, đất đai mười phương đều thành cõi Phật đầy đủ thất bảo, ánh sáng chiếu khắp, lại thấy hàng sa chú Phật, cung điện trang nghiêm, cùng khắp thế giới, thấy khắp thiên đàng địa ngục đều chẳng ngăn ngại, ấy gọi là tập trung tư tưởng ngày càng sâu đậm, lâu ngày hóa thành, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

9. Trong lúc tham cứu diệu minh, đến chỗ sâu xa, bỗng ở nửa đêm, thấy được các đường phố và bà con phương xa, nghe được tiếng nói của họ, ấy gọi là tâm bức bách quá mức bay ra, nên cái thấy thấu qua vật chất, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

10. Trong lúc tham cứu diệu minh, thấy hình thể của thiện tri thức, trong giây lát hiện ra đủ thứ biến đổi, ấy gọi là tâm tà bị yêu mị, hoặc thiên ma xâm nhập, thành linh thuyết pháp, thông đạt diệu nghĩa, chẳng phải chứng thánh; chẳng tự cho là thánh, gọi là cảnh giới tốt, nếu cho là thánh, liền lọt vào tà ma.

Ananda, these ten states of dhyana come from the intermingling of the aggregate of form with the meditative mind. Deluded and wayward practisers do not know their own capabilities, cannot distinguish these states when they manifest, and wrongly declare that they are saints. By so doing, they break the prohibition against lying and so fall into the uninterrupted hell. After my nirvana, in the Dharma ending age, you should proclaim this teaching so that the heavenly demons cannot take advantage of such states and practisers can be on their guard and realize the Supreme Tao.

The Ten States Affected by the Second Aggregate of Receptiveness (Vedana)

Ananda, in the practice of samatha to realize samadhi, when the first aggregate of form ceases to hinder, one will see the minds of all Buddhas, like reflections in the bright mirror (of the mind). One will feel as if one wins something but cannot yet make use of it.²⁴⁸ It is like a sleeper troubled with a nightmare who cannot move to repulse it although his four limbs are not bound and his consciousness is clear.

This is the second aggregate of receptiveness which conditions one's which thereby hinders your insight and is the cause of your inability to make use of your meditation. If the nightmare vanishes, one's mind can leave one's achievement. When this second aggregate is wiped out, your mind will be free from all hindrance; only then can you make full use of this progressive stage.

248. The Buddhas. minds are immaterial and to see them shows your mind's receptiveness of externals body to look at one's face and will be free to stay or go without further hindrance. This is the second aggregate of vedana coming to an end and the practiser will then be able to leap over and beyond the kalpa of turbid views, the main cause of which is the seeming perspicacity of his wrong thinking.

- A Nan! Mười thứ cảnh giới thiên định trên, đều do Sắc Âm và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra. Chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết, nói là chúng thánh thành đại vọng ngữ, đọa địa ngục A Tỳ.

- Sau khi Như Lai nhập diệt, trong thời mạt pháp, các người phải theo lời dạy bảo như trên khai thị người tu, hộ trì cho họ thành Vô Thượng Đạo, chớ để cho thiên ma được dịp quấy phá.

II - MA THỌ ẤM

- A Nan! Người tu thiên định, khi dứt được Sắc Âm, tâm thấy chư Phật như bóng hiện trong gương, dường như có sự chứng đắc, nhưng chưa được thọ dụng. Cũng như người bị bóng đèn, tay chân vẫn còn, thấy nghe rõ ràng, vì tâm bị tà bên ngoài xâm nhập, chẳng thể cử động được, ấy gọi là phạm vi của Thọ Âm. Nếu bóng đèn hết, tâm lìa sắc thân, được tự thấy mặt mình, ở đi tự do vô ngại, gọi là Thọ Âm hết, thì lúc ấy được siêu việt Kiến Trược. Nhưng quán xét nguyên nhân, là do Hư Minh Vọng Tưởng (2) làm gốc.

1. Ananda, when the practiser reaches this stage, he will find himself in a great mass of brightness. His mind will discern (the sorry plight of living beings) and on being pressed harder, it will give rise to infinite sadness. He will even regard gadflies and mosquitoes as his own children on whom he takes pity, bursting unconsciously into tears. This results from his hard pressed (contemplation) and is harmless if he knows its cause. It is not the saintly state and if he understands it, it will in time disappear. However, if he regards it as sainthood, he will succumb to the demon of sadness who will control his mind and cause him to be miserable and to lament when meeting others; he will lose the benefit from the dhyana so far achieved and will fall into the lower states.

2. Ananda, in this state of dhyana, as the aggregate of form vanishes and receptiveness manifests, he makes more progress and may, because of overstrain develop infinite boldness that sharpens his resolve and makes it equal to that of all Buddhas, so that he can leap over the three great aeons²⁴⁹ in a moment of thought. This comes from overstrained concentration which will be harmless if he knows it (for what it is). It is not sainthood and if it is well understood, it will in time vanish. But if he regards it as saintly, the demon of wildness will control his mind and will cause him to boast (of his achievement) when he meets others. He will become proud and self-important which will blind him to the Buddha high above and to living beings here below. He will thus lose the benefit from the dhyana so far achieved and will fall into the lower states.

249. The three aeons required for a Bodhisattva to develop into a Buddha: the first one to hear the Dharma, the second to practise it and the third to realize it.

3. In this state of dhyana, as form vanishes and receptiveness manifests, if the practiser makes no headway but loses (sight of) his previous state when looking back, the power of his mind weakens. As it sees nothing ahead, it suddenly gives way to dryness which causes him to indulge in endless deep reflection which he may mistake for progressive advance. This is absent-mindedness which lacks wisdom and is harmless if he knows it (for what it is). This is not sainthood but if he regards it as such, he will succumb to the demon of forgetfulness who will control his mind, and continue it to a fixed

1. A Nan! Đang lúc thiền định, thấy ánh sáng chói lọi, trong tâm ức chế quá mức, bỗng sanh lòng buồn bã, cho đến thấy các loài ruồi muỗi như con của mình, thương xót rơi lệ, ấy gọi là dụng công đê nén quá mức. Ngộ biết đó là vọng tưởng chẳng phải chứng thánh, chẳng mê chẳng chấp, lâu tự tiêu diệt; nếu cho là thánh, thì bị Ma Bi xâm nhập, hễ gặp người thì than khóc không xiết, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

2. Trong lúc thiền định, thấy sắc ám dứt, thọ âm rõ ràng, thảng cảnh hiện tiền, kích động quá phần, bỗng trong đó sanh lòng dững mãi, phần chí sánh bằng chư Phật, cho là một niệm có thể siêu việt ba A Tăng Kỳ kiếp, ấy gọi là dụng công lấn tiến quá mức. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh, chẳng mê chẳng chấp lâu tự tiêu diệt, nếu cho là thánh thì bị Ma Cuồng xâm nhập, hễ gặp người thì khoe khoang kiêu căng, ngã mạn tăng trưởng, cho đến trên chẳng thấy có Phật, dưới chẳng thấy có người, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

3. Trong lúc thiền định, thấy sắc ám dứt, thọ âm rõ ràng, tiến đến trước chẳng có chứng đắc mới, lui về sau lại mất chỗ cũ, sức trí kém mòn, giữa chừng bị lạc, chẳng có sở thấy, trong tâm bỗng sanh khô khan, luôn luôn nhớ mãi không tan, lại cho là tinh tấn, ấy gọi là tu tâm mà chẳng huệ. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma Nhớ xâm nhập, ngày đêm trói tâm vào một chỗ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

place causing him to lose the benefit from the dhyana so far achieved and to fall into the lower states.

4. In this still state, as form vanishes and receptiveness manifests, the practiser's wisdom may grow out of proportion and much in excess of his dhyana, and he may wrongly think that he has achieved the highest attainment and has reached the rank of Vairocana. So he is satisfied with a little progress which he regards as complete. This is his mind losing its usual insight and being misled by his (discriminatory) knowing and seeing. If he understands this, it will be harmless, but if he regards it as sainthood, he will succumb to the inferior self-satisfied demon who will control his mind, causing him to boast that he has realized Supreme Nirvana. He will thus lose all benefit from the dhyana so far achieved and will fall into the lower states.

5. In this state of dhyana, as form vanishes and receptiveness manifests, before new headway is made and after his previous experience has passed, he may find himself in a situation which seems very dreadful and full of danger, and causes him endless anxiety and perplexity. He seems to sit on a hot iron bed or to drink poisonous medicine. As a result he tires of life and seeks to end it to get rid of this torment. This is practice without the (necessary) expedient method and, is harmless if he knows the cause. It is not a saintly state, but if he regards it as such, he will succumb to the demon of anxiety who will control his mind causing him to cut his own flesh with a sharp knife so that he can die or to flee to the mountains and groves in order to avoid other people. He will thus lose all benefit from the dhyana so far achieved and will fall into the lower states.

6. In this state of dhyana, as form vanishes and receptiveness manifests, the practiser may, after feeling very comfortable in the condition of purity and cleanness, suddenly experience infinite joy which becomes so intense that he cannot check it. This is delight in weightlessness which is uncontrollable for lack of wisdom and is harmless if he knows the cause. This is not a saintly state but if he regards it as such, he will succumb to the demon of joy who will control his mind so that he laughs without cause when seeing others

4. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, sức huệ mạnh hơn sức định, tâm chấp các việc thù thắng, tự tưởng là Phật Lô Xá Na, được ít cho là đủ, ấy gọi là dụng tâm quên mất quán chiếu, đọa vào tri kiến. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma-Hèn-Hạ-Dễ-Biết-Đủ xâm nhập, hễ gặp người thì tự xưng là Vô Thượng Đệ Nhất Nghĩa Đế, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

5. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, chưa được chứng mới, lại mất chỗ cũ, tiến lui đều chẳng được, cảm thấy khó khăn, bỗng sanh lòng lo âu, tâm chẳng muốn sống, mong cầu người khác sát hại thân này để mau được giải thoát, ấy gọi là tu hành lạc mất phương tiện. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma-Hay-Lo-Rầu xâm nhập, tự cầm dao kiếm chém cắt thịt mình, thích bỏ thọ mạng, hoặc thường lo rầu, trốn vào rừng núi, sợ bị người thấy, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

6. Trong lúc thiền định, thấy sắc ấm dứt, thọ ấm rõ ràng, ở nơi thanh tịnh, tâm được an nhàn, bỗng trong lòng vui mừng vô cùng, chẳng thể kèm chế được, ấy gọi là khinh an mà chẳng có trí huệ tự ngăn. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma-Ham-Vui xâm nhập, hễ gặp người thì cười, múa hát ngoài đường, tự cho mình đã được giải thoát vô ngại, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

and sings and dances in the street, boasting of his realization of unhindered liberation. He will lose all benefit from the dhyana so far achieved and will fall into the lower states.

7. In this state of dhyana, as form vanishes and receptiveness manifests, the practiser may think that he has achieved full realization. This illusion causes him suddenly, without any reason, to give rise to self-conceit so that he regards himself, though inferior, as equal to others; though equal, as superior to others and to superiors; as being a saint when he is not; and as not inferior to inferiors;²⁵⁰ all these feelings occur together. Even all the Buddhas are nothing to him; still more so the less advanced sravakas and pratyekabuddhas. This is an extraordinary state from which he fails to extricate himself for lack of wisdom. It will be harmless if he knows that it is not a saintly state, but if he regards it as such, he will succumb to the demon of self-conceit who will control his mind and cause him to stop revering the stupas and temples and to destroy the sutras and statues of Buddhas. He will declare to his patrons: Statues are but gold, bronze, clay and wood and sutras are but palm (pattra) leaves and clothes. Instead of revering the body of flesh and blood which is really permanent, it is sheer-nonsense to worship clay and wood. Those who believe him destroy the statues and sutras and throw them on the ground; they are misled by him and so will enter the unintermittent hell. Thus he will lose all benefit from the dhyana so far achieved and will fall into the lower states.

250. The sevenfold conceit comprises the above six kinds and pride in one's heresy.

8. In this state of dhyana, as form vanishes and receptiveness manifests, the practiser may achieve the condition of bright purity and awaken to the profound noumenon to which he conforms, thereby suddenly experiencing infinite weightlessness. He will think that he is a saint which gives him comfortable independence. This is weightless purity which is harmless if he knows that it is not a saintly state, but if he regards it as such, he will succumb to the demon of weightless purity who will control his mind causing, him to be well satisfied with his (incomplete) achievement and to refrain from striving to advance further. He is like the untutored bhiksu who misled others and then fell into the avici hell. He will thus lose all benefit from the dhyana so far achieved and will sink into the lower states.

7. Trong lúc thiền định, thấy sắc ám dứt, thọ âm rõ ràng, tự cho sự tu của mình đã đầy đủ, bỗng tâm sanh đại ngã mạn, hoặc khinh mạn người, hoặc ngạo mạn mình hơn người, hoặc tăng thượng mạn, hoặc tự liệt mạn (khinh người hơn mình), đồng thời phát ra. Đã dám khinh chê mười phương chư Phật, hướng là các bậc Thanh Văn, Duyên Giác! Ấy gọi là kiến chấp quá cao, không có trí huệ tự cứu. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma-Đại-Ngã-Mạn xâm nhập, không lễ chùa tháp, phá hủy kinh tượng, nói với Phật tử rằng: "Tượng Phật là loại vàng đồng, đồ gỗ, kinh sách là lá cây, giấy lụa, cái thân này đã là chơn thường, sao chẳng cung kính cúng dường mà đi sùng bái loại cây loại gỗ, thật là điên đảo". Khiến những người tin theo lời họ, hủy hoại tượng Phật, kinh sách, làm làm chúng sanh đọa ngục A-Tỳ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

8. Trong lúc thiền định, thấy sắc ám dứt, thọ âm rõ ràng, ở nơi sáng tỏ tự ngộ chơn lý, được sự thuận lợi, trong lòng bỗng sanh khinh an vô cùng, tự nói chứng thánh, được đại tự tại, ấy gọi là do huệ mà được khinh an. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh, thì bị Ma-Khinh-An xâm nhập, tự cho là đủ, chẳng cầu tiến thêm, cũng như Tỳ Kheo Vô Văn, làm làm chúng sanh đọa ngục A-Tỳ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

9. In this state of dhyana, as form vanishes and receptiveness manifests, the practiser may misconceive the appearing bright emptiness as devoid of nature, thereby giving rise to the idea of extinction which implies that the law of causality is invalid. This (relative) voidness causes him to develop an empty mind which implies annihilation. This is harmless if he knows that it is not sainthood, but if he regards it as such, he will succumb to the demon of emptiness who will control his mind and cause him to criticize those observing the rules of pure living as men of Hinayana and to claim that all Bodhisattvas awakened to the void can dispense with all prohibitions. Such a person usually indulges in meat and wine in the presence of his believing patrons and leads a licentious life. Because of the demon's influence, he controls them firmly and they do not suspect him. As time passes, they will all regard excrement, urine, meat and wine as empty and good for food. They will break the rules of morality and discipline and will commit all sorts of sins. The practiser will thus lose all benefit from the dhyana so far achieved and will fall into the lower states.

10. In this state of dhyana, as form vanishes and receptiveness manifests, the practiser may cling to the empty brightness which will then penetrate his mind and (even) his bones. Suddenly he will feel strong love (for it) which drives him mad and develops his intense desire (of it). This is a condition of still comfort which he cannot control for lack of wisdom, and which misleads him into all sorts of desires. It is harmless if he knows that it is not sainthood but if he regards it as such, he will succumb to the demon of desire who will control his mind and cause him to proclaim desire as the Bodhi path and to teach to laymen the practice of universal desire, saying that sexual indulgence will make them sons of the Dharma. This demon's influence will prevail in the Dharma ending age and will affect stupid people who will number as many as hundreds, thousands and tens of thousands. When the demon is weary of the practiser's misdeeds, he will leave the latter's body which will become a sorry wreck to suffer all the miseries inflicted by the royal law. For deceiving others, he will fall into the unintermittent hell. Thus he will lose all benefit from the dhyana so far achieved and will sink into the lower states.

Ananda, these ten states of dhyana come from the intermingling of the second aggregate of receptiveness with meditative mind. Deluded

9. Trong lúc thiền định, thấy sắc ám dút, thọ ấm rõ ràng, trong chỗ tỏ ngộ, được tánh hư minh, bỗng trong đó sanh lòng đoan diệt, bác bỏ nhân quả, luôn luôn chấp không. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh, nếu cho là thánh, thì bị Ma-Rỗng-Không xâm nhập, chê báng người trì giới là Tiểu Thừa, cho bậc Bồ Tát hể ngộ được Tánh Không thì chẳng có trì phạm, thường ở nơi đàn việt tín tâm, rượu thịt, dâm uế. Vì được sức ma nhiếp trì, nên chẳng sanh nghi ngờ, tâm ma xâm nhập lâu ngày, hoặc ăn những đồ nhớ nhớt, đại tiểu tiện, cho là chẳng khác rượu thịt, phá hoại giới luật, khiến người tạo tội, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

10. Trong lúc thiền định, thấy sắc ám dút, thọ ấm rõ ràng, ham đắm sự hư minh, bỗng sanh lòng yêu vô hạn, yêu quá phát điên, liền thành tham dục, ấy gọi là trong định ham chấp sự an ổn, không có trí huệ tự chế, làm vào ái dục. Ngộ biết đó là vọng tưởng, chẳng phải chứng thánh; nếu cho là thánh thì bị Ma-Dục xâm nhập, vọng nói dâm dục là đạo Bồ Đề, người hành dâm gọi là Trì Pháp Tử, dạy người thế gian làm việc dâm dục. Nhờ sức ma nhiếp trì, những kẻ ngu mê tin theo trong thời mạt pháp chẳng phải ít, đến lúc ma sanh lòng chán rời khỏi thân thể, người ấy mất hết uy đức, bị sa vào lưới pháp luật, khiến chúng sanh bị lầm lạc, đọa địa ngục A-Tỳ, lạc mất chánh định, sẽ bị chìm đắm.

and wayward practisers do not know their own capabilities cannot distinguish these states when they manifest and wrongly declare that they have attained the holy rank. By so doing, they break the rule against lying and so will fall into the uninterrupted hell. After my nirvana, in the Dharma ending age, you should proclaim this teaching so that living beings will awaken to it, that the heavenly demon cannot take advantage of such states and that practisers can be on their guard and realize the Supreme Tao.

The Ten States Affected by the Third Aggregate of Conception (Sanjna)

Ananda, in the cultivation of samadhi, when the second aggregate of receptiveness ceases to hinder the practiser, although he is still in the worldly stream, his mind can now escape from his body, like a bird from its cage. From his worldly state he can now achieve the sixty succeeding holy stages of Bodhisattva development into Buddhahood and thereby take any form at will, free to move anywhere without hindrance. This is like a man who talks in his sleep and though he does not know what he says, his words are in order (and comprehensible), and those who are not asleep understand him. This is the third aggregate of conception which conditions his meditation. If all his stirring thoughts stop, he will be rid of the thinking process and his clear mind will be (like a mirror) rubbed clean of the covering dust, and will throw light upon his (present) incarnation from birth to death. Then the third aggregate of conception ceases to function and the practiser will be able to leap above and beyond the kalpa of turbid passions, the main cause of which was the seeming pervasiveness of his wrong thinking.

1. Ananda, now that the practiser is free from anxiety, after his receptiveness has vanished, he finds himself in the state of perfect dhyana and likes its pure brightness. But he may be tempted to concentrate on the one thought of skillfully advancing, thus submitting to the heavenly demon who immediately possesses another man (to harm the meditator).²⁵¹ This man, unaware that he is possessed will, as directed, preach the Dharma of the sutras and think that he too has realized Supreme Nirvana. He will then come to the practiser's place and take the high seat (reserved for reputable monks) to teach him the Dharma. To show his skill, he will appear either as a monk,

- Mười thứ cảnh giới thiên định trên, đều do thọ ẩm và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết, nói là chứng thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục A-Tỳ.

- Sau khi Như Lai nhập diệt, trong thời mạt pháp, các người phải theo lời dạy bảo như trên khai thị cho người tu, hộ trì cho họ thành Vô Thượng Đạo, chớ để cho thiên ma được dịp quấy phá.

III - MA TƯỚNG ẨM

- A Nan! Người tu thiên định, khi dứt được thọ ẩm, dù chưa dứt hết tập khí, nhưng tâm đã được rời khỏi thân thể, như chim ra khỏi lồng, đã được thành tựu từ thân phàm trở lên, trải qua 60 cấp bậc thánh vị Bồ Tát, được Ý-Sanh-Thân, đi ở vô ngại. Ví như có người ngủ say nói mơ, người ấy dù không hay biết gì, nhưng lời nói của họ đã làm cho người thức nghe biết, ấy gọi là phạm vi của Tướng Ẩm. Nếu động niệm và vọng tưởng dứt trừ, trong tâm sáng tỏ như gương sạch hết như bụi, được sự chiếu soi, chẳng thấy có tướng sanh tử, gọi là tướng ẩm hết, thì lúc ấy được siêu việt Phiền Não Trược. Nhưng quán xét nguyên nhân là do bởi Dung Thông Vọng tưởng (3) làm gốc.

I. A Nan! Trong lúc thiên định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham đắm sự hư minh, tham cầu sự khéo léo, khi ấy thiên ma được dịp nhập vào thân người khác để thuyết pháp; người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến nơi người cầu khéo léo, thuyết pháp cho họ, hoặc hiện thân Tỳ Kheo, hoặc Đế Thích, hoặc phụ nữ, hoặc Tỳ Kheo Ni, hoặc trong phòng tối thân phát ánh sáng, người ấy ngu mê chẳng biết cho là Bồ Tát, tin theo lời dạy của họ, tín tâm lay chuyển, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục.

Indra, a woman or a nun, and his body will send out rays of light that illumine the dark bedroom. The practiser will mistake him for a Bodhisattva and will believe what he says; as a result, his mind will waver and he will break the rules and have desires. The man will speak of weal and woe, of a Buddha appearing at a certain place, of scorching fire in the kalpa of destruction and of future fighting and wars to frighten and ruin other people. This is the Strange Ghost who has become a demon in his old age and who now comes to trouble the practiser. When he is weary of his misdeeds, he will leave the possessed man. Then both teacher (the possessed man) and pupil (the practiser) will suffer all the miseries inflicted by the royal law. You should first be clear about this temptation to avoid returning to samsara, but if you are deluded and do not recognize it, you will fall into the unintermittent hell.

251. As the practiser's mind is free from receptiveness, the demon is unable to influence it, so he uses another man to deceive and harm him.

2. Ananda, now that the practiser is free from false anxiety after his receptiveness has vanished he finds himself in the state of perfect dhyana. But he may be tempted to roam about (in unknown regions) and so concentrates on the one thought of gaining further experience, thus succumbing to the heavenly demon who immediately possesses another man (to harm the meditator). This man unaware that he is possessed will, as directed, preach the Dharma and think that he himself has realized Supreme Nirvana. He will then come to the practiser's place and take the high seat to teach him the Dharma. Without changing his own appearance, he will cause the practiser and those present to see their own radiant golden bodies seated on precious lotus flowers. The practiser will be deceived into mistaking the man for a Bodhisattva and will believe what he says; as a result he will indulge in luxurious ease, breaking the Buddha's rules and becoming licentious. The man will speak of Buddhas appearing in the world, of a certain person at a given place, who is a Buddha in his transformation body and of someone else who is a Bodhisattva coming to convert people. The practiser is fascinated and admires what he has seen, thereby giving rise to wrong views and so destroying (his) seed of wisdom. This is the Drought Ghost who has become a demon in his old age and now comes to trouble the practiser. When he is weary of his misdeeds, he will leave the possessed man. Then both teacher and pupil will suffer the miseries

Ma ưa nói những việc biến đổi của tội phước, hoặc nói Như Lai sẽ ra đời chỗ này chỗ kia, hoặc nói những điềm kiếp hỏa, binh loạn, hãm dọa người ta, làm cho gia tài người ta vô cớ bị tiêu tan, ấy gọi là Quái Quỷ (quỷ tham lam) tuổi già thành ma, nhiễu loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời bỏ người ấy, lúc đó đệ tử lẫn thầy đều bị sa lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê làm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

2. Trong lúc thiền định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm ham thích đi chơi, tham cầu sự du lịch. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp; người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người tham cầu du lịch, thuyết pháp cho họ, người nghe pháp bỗng thấy thân mình ngồi trên bửu liên hoa, toàn thân hóa thành sắc vàng, cả chúng nghe pháp đều được như vậy, được chưa từng có, ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát, tâm ham dâm dục, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục. Ma ưa nói việc chư Phật ra đời; hoặc nói người này người kia, chỗ này chỗ nọ là Phật Bồ Tát hóa thân đến đây, khiến người nghe thấy vậy, sanh lòng ham mộ, tà kiến khởi lên, làm mất chủng trí, đây gọi là Bạt Quỷ (quỷ dâm dục), tuổi già thành ma, nhiễu loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lẫn thầy đều sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ mới khỏi bị luân hồi, nếu mê làm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

inflicted by the law. You should first be clear about this temptation to avoid returning to samsara but if you are deluded and do not recognize it, you will fall into the unintermittent hell.

3. Now that the practiser is free from false anxiety after his receptiveness has vanished he finds himself in this state of perfect dhyana. But he may be tempted by his delight to concentrate on the one thought of uniting with it, thus succumbing to the heavenly demon who immediately possesses another man (to harm the meditator). This man unaware that he is possessed will, as directed, preach the Dharma and think that he himself has realized Supreme Nirvana. He will then come to the practiser's place and take the high seat to teach him the Dharma. Without changing his own or the listeners' forms, he will cause them to open their minds which will jump about so that in turn they know all their former lives, read the minds of others, see the hells, comprehend all good and evil worldly deeds, read gathas and recite sutras. And so he fascinates them with such rare things. The practiser will be deceived into mistaking him for a true Bodhisattva and will be enthusiastic about all he says, thereby breaking the Buddha's rules and becoming licentious. This man will classify the Buddhas and Bodhisattvas into big and small, early and late, real and false, and male and female. The practiser believes him so that his mind is disturbed and he becomes a heretic. This is the Beast Ghost who has become a demon in his old age and who now comes to trouble the practiser. When he is weary of his misdeeds, he will leave the possessed man. Then both teacher and pupil will suffer the miseries inflicted by the law. You should first be clear about this temptation to avoid returning to samsara, but if you are deluded and do not recognize it, you will fall into the unintermittent hell.

4. Now that the practiser is free from false anxiety after his receptiveness has vanished he finds himself in this state of perfect dhyana. But he may be tempted by his delight in it to go to the root of all things in order to know the beginning and the end of all transformation, thereby wishing to analyse everything to solve all his doubts to his entire satisfaction. As a result, the heavenly demon immediately possesses another man (to harm the meditator). This man unaware that he is possessed will, as directed, preach the Dharma, thinking that he himself has realized Supreme Nirvana.

3. Trong lúc thiền định, thọ âm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm tham cầu sự luôn luôn khế hợp. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu khế hợp thuyết pháp cho họ, khiến người nghe chưa nghe pháp đã được tỏ ngộ, niệm niệm đời đổi, hoặc được túc mạng thông, hoặc được tha tâm thông, hoặc thấy địa ngục, hoặc biết các việc tốt xấu của thế gian, hoặc nói kệ, hoặc tụng kinh, mỗi mỗi đều vui vẻ, được chưa từng có, người ấy ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát tâm ham ái dục, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục. Ma ưa nói Phật có lớn nhỏ trước sau, có chơn giả, có nam Phật, nữ Phật, Bồ Tát cũng vậy; người nghe thấy vậy lạc mất bản tâm, dễ lọt vào tà ngộ. Đây gọi là Mỵ Quỷ (quỷ gian dối), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc đó đệ tử lần thầy đều bị sa lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê làm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

4. Trong lúc thiền định, thọ âm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm ham thích suy xét căn bản, phân tích cội gốc cùng tột của sự vật. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu phân tích cội gốc thuyết pháp cho họ, ma có uy thần thuyết phục các người, khiến chưa nghe pháp, tự nhiên tâm đã hàng phục, nói Bồ Đề Niết Bàn, pháp thân thường trụ tức là cái sắc thân hiện hữu này, cha con đời đời tương sanh với nhau tức là pháp thân thường trụ chẳng dứt, cái trước mắt đã là cõi Phật, chẳng có cõi Tịnh Độ và đức Phật nào khác. Người nghe tin nhận, quên mất bản tâm trước, đem cả thân mạng quy y, được chưa từng có, ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát, tâm ham suy xét, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục.

He will then come to the practiser's place where he will take the high seat to teach him the Dharma, showing his awe-inspiring authority to which the meditator willingly submits even before hearing his words. He will declare that the Buddha's nirvanic and bodhic Dharmakaya is his own body of flesh and blood which inherits the holy essence, as a son from his father, that it is the permanent spiritual body which will be transmitted forever, that what his listeners see around them is the Buddha-land, and that there is no other pure region nor another golden body. The practiser will believe this, lose his former still mind and submit to him, praising the rare revelation; he and other deluded listeners will mistake the possessed man for a true Bodhisattva, and will follow him to break the Buddha's rules by indulging in sexual desire. This man will declare that the eyes, ears, nose and tongue are pure lands and that the male and female organs are the abodes of Bodhi and Nirvana, and his deluded listeners will believe his perverse preaching. This is the Noxious or Nightmarish Ghost who has become a demon in his old age and now comes to trouble the practiser. When he grows weary of his misdeeds, he will leave the possessed man. Then both teacher and pupil will suffer the miseries inflicted by the law. You should be first clear about this temptation to avoid returning to samsara, but if you are deluded and do not recognize it, you will fall into the unintermittent hells.

5. Now that the practiser is free from false anxiety after his receptiveness has vanished he finds himself in this state of perfect dhyana. But he may be tempted by his delight in it to seek communion (with the Buddha) and thereby feels a strong desire for spiritual intercourse, thus succumbing to the heavenly demon who will immediately possess another man (to harm the meditator). This man unaware that he is possessed will, as directed, preach the Dharma and think that he has realized Supreme Nirvana. He will then come to the practiser's place and take the high seat to teach the Dharma and cause his listeners to see him as a man a hundred or a thousand years old. They will admire him, will live with and serve him and provide him with the four necessities (of a monk) and will not tire of so doing. Since the practiser is convinced that the man was his master in a previous life, he respects and becomes attached to him, praising his rare revelation; he and other deluded listeners will mistake him for a true Bodhisattva and will follow his instruction, thereby breaking the Buddha's rules and indulging in sexual desire.

Ma ưa nói nhĩ, nhĩ, tử, thiết đều là Tịnh Độ, nam nữ nhị căn là nơi chơn thật của Bồ Đề Niết Bàn, người mê chẳng biết, tin lời ô uế ấy. Đây gọi là Cổ Độc Yểm Thắng Ác Quỷ (quỷ cuồng), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc đó đệ tử lần thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

5. Trong lúc thiền định, thọ ám hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm ham cầu sự tiên tri cảm ứng. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu cảm ứng, thuyết pháp cho họ. Ma khiến người nghe tạm thấy thân họ như trăm ngàn tuổi, lòng sanh yêu mến, chẳng muốn rời bỏ, chịu làm đầy tớ cúng dường đủ thứ mà chẳng biết mệt mỏi, lại khiến đồ chúng của mỗi người trong tâm đều biết họ là tiên sư, là thiện tri thức, sanh lòng yêu mến, thiết tha như keo sơn, được chưa từng có, người ấy ngu mê chẳng biết, cho là Bồ Tát, tâm ưa thân cận, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục.

The man will declare that in a previous life he delivered his wife or brother who now comes to follow him to a particular region where they will all serve a certain Buddha; or he will speak of a radiant heaven where the Buddha now dwells and where all the Tathagatas are at rest. The practiser who is deluded will believe all this and will lose his clear mind. This is the Cruel Ghost who has become a demon in his old age and now comes to trouble the practiser; when he grows weary of his misdeeds, he will leave the possessed man. Then both teacher and pupil will suffer the miseries inflicted by the law. You should first be clear about this temptation to avoid returning to samsara, but if you are deluded and do not recognize it, you will fall into the unintermittent hells.

6. Now that the practiser is free from false anxiety after his receptiveness has vanished he finds himself in this state of perfect dhyana. But he may be tempted by his delight in it to strive to go deeper in his search for restfulness, and so succumb to the heavenly demon who will possess another man (to harm the meditator). This man unaware that he is possessed will, as directed, preach the Dharma and also think that he has realized Supreme Nirvana. He will then come to the practiser's place and take the high seat to teach the Dharma and cause each of his listeners to know his own karma. He will tell one of them that though the latter is still living, he is already an animal, or order another to sit on the ground and then make him unable to get up. Those present will admire his supernatural powers and submit themselves to him; if one of them thinks of anything, the man knows it at once. He will order them to practise unnecessary austerities in addition to the Buddha's precepts. He will vilify the bhikus and curse their followers. He will reveal others' shortcomings without being afraid of ridicule. He will foretell weal and woe which later materialize. This is the Powerful Ghost who has become a demon in his old age and who now comes to trouble the practiser; when he is weary of his misdeeds, he will leave the possessed man. Then both teacher and pupil will suffer the miseries inflicted by the law. You should first be clear about this temptation to avoid returning to samsara, but if you are deluded and do not recognize it, you will fall into the unintermittent hells.

Ma ưa nói kiếp trước người này người kia là anh em, là vợ của ta, nay đến để độ họ, cùng nhau đi đến cõi này cõi kia để cúng dường Phật này Phật nọ; hoặc nói có cõi trời Đại Quang Minh kia, chư Phật đều nghỉ tại đó, người mê chẳng biết, tin lời cuồng vọng ấy. Đây gọi là Lệ Quỷ (quỷ sân si), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lẫn thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ, để khỏi bị luân hồi, nếu mê làm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

6. Trong lúc thiền định, thọ âm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm ham cầu tĩnh tịch, khắc khổ siêng tu, ưa thích chỗ vắng lặng. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu tĩnh lặng thuyết pháp cho họ. Ma khiến người nghe mỗi mỗi đều biết nghiệp báo của mình, hoặc nói với một người nào rằng: "Người nay dù chưa chết, nhưng đã làm súc sinh". Rồi bảo người khác đến sau lưng họ làm dạng đập đuôi, liền khiến người ấy đứng dậy chẳng được, làm cho tất cả đều hết lòng khâm phục, có người móng tâm lên, ma liền biết ý. Ngoài luật nghi của Phật ra, nó càng thêm khắc khổ, phỉ báng Tỳ Kheo, chửi mắng đồ chúng, phơ bày việc người, chẳng tránh hiềm khích, ưa nói việc tội phước của tương lai mà may mắn không sai. Đây gọi là Đại Lực Quỷ (quỷ ngạo mạn), tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lẫn thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ, để khỏi bị luân hồi, nếu mê làm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

7. Now that the practiser is free from false anxiety after his receptiveness has vanished, he finds himself in this state of perfect dhyana. But he may be tempted by his delight in it to strive for more learning in his search for knowledge of his former lives, thereby succumbing to the heavenly demon who immediately possesses another man (to harm the meditator). This man unaware that he is possessed will, as directed, preach the Dharma and also think that he himself has realized Supreme Nirvana. He will then come to the practiser's place and take the high seat to teach the Dharma and the latter suddenly finds a precious pearl (in the room). The demon will either appear as an animal with a pearl, and other precious stones, documents and registers in his mouth, which it gives to the man to deceive his listeners, or will hide a bright pearl in the ground to light up the whole place. His listeners will praise the miracle. The possessed man will abstain from food, eating only medicinal herbs, or will take only a hemp-seed or a grain of wheat each day, but the demon will cause him to be strong and sturdy. He will vilify the bhikus and curse their followers. He will reveal other people's shortcomings without being afraid of ridicule. He will reveal secret places where treasures are hidden and where saints live, and those who then go there actually meet strange persons. This is the ghost of the mountains, groves and rivers who has become a demon in his old age. His aim is to encourage others to break the Buddha's rules, to indulge in lust and give rein to the five desires (arising from the objects of the five senses). If he makes progress at the start of his practice, he will eat only herbs and plants and his actions will be uncertain. His object is to trouble the practiser and when he is weary of his misdeeds, he will leave the possessed man. Then both teacher and pupil will suffer the miseries inflicted by the law. You should first be clear about this temptation to avoid returning to samsara but if you are deluded and do not recognize it, you will fall into the unintermittent hells.

7. Trong lúc thiền định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm ham muốn tri kiến, siêng năng nghiên cứu, tham cầu túc mệnh. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp; người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu tri kiến, thuyết pháp cho họ. Người ấy khi không ở nơi nghe pháp được hòn ngọc báu, có lúc ma lại hóa thành súc sinh, miệng ngậm hạt châu và các châu báu, sách, bùa, các vật quý lạ, trước tiên đem hiến cho người ấy, sau nhập xác họ, hoặc bảo với họ là dưới đất nơi đó có hạt châu chiếu sáng, khiến các người nghe, được chưa từng có. Do sức ma nhiếp trì, thường ăn cây thuốc chứ chẳng ăn cơm, hoặc hằng ngày chỉ ăn một hột mè hoặc một hột lúa mà thân vẫn béo mạnh; phỉ báng Tỳ Kheo, chửi mắng đồ chúng, chẳng tránh hiềm khích; ưa nói kho báu nơi tha phương hoặc chỗ ẩn cư của bậc thánh hiền mười phương, những người theo sau thường thấy có kẻ kỳ lạ. Đây gọi là loại quỷ thần sơn lâm, thổ địa, thành hoàng sông núi, tuổi già thành ma, hoặc kêu gọi làm việc dâm dục, phá hoại giới luật, cùng với người vâng theo lên làm sự ngũ dục; hoặc chỉ ăn cây cỏ cho là tinh tấn, những việc làm không có nhất định, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lẫn thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

8. Now that the practiser is free from false anxiety after his receptiveness has vanished he finds himself in this state of perfect dhyana. But he may be tempted by his delight in it to seek and use the above supernatural powers, thus succumbing to the heavenly demon who immediately possesses another man (to trouble him). This man unaware that he is possessed will, as directed, preach the Dharma and also think that he has realized Supreme Nirvana. He will then come to the practiser's place and take the high seat to preach the Dharma. He will hold a ball of fire which he divides into as many balls as there are listeners putting one on each of their heads. They will not feel the heat and will not be burned although the fireballs are several feet high. He also walks on water, sits motionless in the air, enters a bottle or a bag and walks through the wall but he is not immune to choppers and swords.²⁵² He claims to be a Buddha and though he is a layman, he dares to receive reverence from the bhikus, cursing their disciples and vilifying the rules of discipline. He likes to disclose other people's shortcomings without being afraid of ridicule. He boasts of his supernatural powers and causes his listeners to see Buddha-lands which are false and unreal. He praises carnality and encourages licentious conduct which he uses to transmit his Dharma. This is one of those Strong Spirits of the mountains, seas, wind, rivers and earth, dwelling in grass and plants, or a Naga or decaying seer about to die and become a ghost, whose forms are possessed by other ghosts, one of which now comes to trouble the practiser; when he grows weary of his misdeeds, he will leave the possessed man. Then both teacher and pupil will suffer the miseries inflicted by the law. You should first be clear about this temptation to avoid returning to samsara, but if you are deluded and do not recognize it, you will fall into the unintermittent hells.

252. Because the man still possesses a physical body which can be injured.

8. Trong lúc thiền định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm ham cầu thần thông biến hóa. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu thần thông, thuyết pháp cho họ. Người ấy hoặc tay cầm ngọn lửa để trên đầu tứ chúng, lửa cháy sáng vài thước mà chẳng thấy nóng hay bị cháy, hoặc đi trên mặt nước như đi trên đất bằng, hoặc an tọa ở giữa hư không, hoặc vào trong bình hay trong túi, xuyên qua bức tường đều chẳng chướng ngại, chỉ đối với quân binh giao trận là không được tự tại thôi. Tự nói là Phật, thân mặc bạch y, nhận lễ lạy của bậc Tỳ Kheo, phỉ báng thiên luật, chửi mắng đồ chúng, phơi bày việc người mà chẳng tránh hiềm khích, ưa nói thần thông tự tại, hoặc khiến người thấy cõi Phật ở kế bên; dùng sức quỷ mê hoặc người, chẳng phải có thật, khen ngợi sự dâm dục, chẳng bỏ thô hạnh, đem những việc ô uế cho là truyền pháp. Đây gọi là loại Sơn tinh, Hải Tinh, Phong Tinh, Hà Tinh, Thổ Tinh, tất cả cây cỏ trên trời đất lâu năm lụy kiếp thành tinh, hoặc là Long (rồng) my, hoặc loại tiên chết rồi sống lại thành my, hoặc loại tiên chết rồi hình thể chưa tan, quỷ quái khác nhập vào, tuổi già thành ma, nhiều loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lẫn thầy đều bị sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ, để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

9. Now that the practiser is free from false anxiety after his receptiveness has vanished he finds himself in this state of perfect dhyana. But he may be tempted by his delight in it to seek the extinction of suffering (in Nirvana) and so searches deeply into the nature of transformation in his search for profound emptiness. As a result he succumbs to the heavenly demon who immediately possesses another man (to trouble the meditator). This man unaware that he is possessed will, as directed, preach the Dharma and also think that he has realized Supreme Nirvana. He will then come to the practiser's place and take the high seat to preach the Dharma to his listeners. In their presence, he will disappear suddenly and then descend from the sky, again vanishing and re-appearing at will. His body will seem transparent as crystal and his limbs will be fragrant like sandalwood. His excrement and urine are as hard as rock-candy. He breaks the Buddha's rules and despises all monks and nuns. He preaches that the law of causality is invalid, that there is annihilation after death and no such thing as reincarnation or worldly and saintly states (after this life). Though he has realized voidness, he indulges in sexual desires and boasts that his followers also realize the void in which there is neither cause nor effect. This is one of those ghosts and spirits who live for thousands and tens of thousands of years and have become demons in their old age; he now comes to trouble the practiser and when he grows weary of these misdeeds, he will leave the possessed man. Then both teacher and pupil will suffer the miseries inflicted by the law. You should first be clear about this temptation to avoid returning to samsara, but if you are deluded and do not recognize it, you will fall into the unintermittent hells.

9. Trong lúc thiền định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm ham muốn nhập diệt, tham cầu đi sâu vào cái rỗng không. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu rỗng không, thuyết pháp cho họ. Trước mặt đại chúng, thân ma bỗng biến mất, chúng không trông thấy, lại từ hư không thành linh hiện ra, ở đi tự tại, hoặc hiện thân như lưu ly, hoặc duỗi tay chân bay mùi chiêm đàn, hoặc đại tiểu tiện như đường phèn cứng chắc, phỉ báng giới luật, khinh bỉ người xuất gia. Ớa nói không có nhân quả, hễ chết rồi là diệt hẳn, chẳng có thân sau và nói các phàm thánh dù đã được không tịch, nhưng vẫn còn lén hành tham dục, và người thọ sự dâm dục ấy cũng được Tâm-Không. Đây gọi là loại kim ngọc, chi thảo, hoặc con lân, phụng, rùa, hạc, thu hút tinh khí của nhật nguyệt, trải qua ngàn vạn năm chẳng chết thành tinh, tuổi già thành ma, nhiễu loạn người ấy, đến khi ma sanh lòng chán, rời khỏi thân thể, lúc ấy đệ tử lẫn thầy đều sa vào lưới pháp luật. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

10. Now that the practiser is free from false anxiety after his receptiveness has vanished, he finds himself in this state of perfect dhyana. But he may be tempted by his delight in it to seek longevity and indulge in tiresome research in his quest for eternity by relinquishing his mortal lot in exchange for immortality. Thus he succumbs to the heavenly demon who immediately possesses another man (to trouble him). This man unaware that he is possessed will, as directed, preach the Dharma and also think that he himself has realized Supreme Nirvana. He will then come to the practiser's place and take the high seat to teach the Dharma to those present, declaring that he can travel to and from distant places of will; will then go thousands of miles away and return to his seat in the twinkling of an eye, bringing things back with him. Or he may show them that for years they will be unable to walk more than a few paces across the room. They will believe him and mistake him for a Buddha. He will then proclaim that all living beings are his children, that he is a begetter of Buddhas, that he appears in the world (to save others), that he is the primal Buddha and needs no practice to be so. This heavenly demon may be either a jealous female spirit (camunda) from the Isvara heaven or a consumer of vitality (pisacah) from the heaven of the four deva kings, who has not a straightforward mind and uses the practiser's wrong thinking to absorb his vitality. He may not possess another man but may appear as one with power to wield a vajra to bestow long life on the practiser or as a beautiful girl to seduce him, thereby exhausting his vitality. He is delirious and can be distinguished by his incoherent speech, but if the practiser fails to recognize him, he will make mischief. The meditator will then suffer the miseries inflicted by the law; he usually dies from exhaustion before his punishment is carried out (by the authorities). You should first be clear about this temptation to avoid returning to samsara, but if you are deluded and do not recognize it, you will fall into the unintermittent hells.

Ananda, there is no need for you to attain Nirvana now. Though you have reached the stage beyond all studies, you should fulfil your vow to re-enter this world in the Dharma ending age to develop great compassion and to deliver those living beings whose minds are set on right belief so that they will not be troubled by demons but realize right knowledge. I have delivered you from samsara and by carrying out my order, you will repay your debt of gratitude to the Buddha.

10. Trong lúc thiền định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tưởng, bỗng trong tâm ham muốn sống lâu, vất vả nghiên cứu, tham cầu trường thọ chẳng diệt. Khi ấy thiên ma được dịp nhập thân người khác để thuyết pháp, người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến chỗ người cầu trường thọ, thuyết pháp cho họ, hay nói đi lại từ nơi này đến nơi khác chẳng có ngăn ngại; hoặc trong chốc lát từ muôn ngàn dặm đi liền trở lại, mang theo đồ vật của nơi đó; hoặc ở trong nhà, cho người ấy đi vài bước từ vách tường bên đông sang bên tây, mà người ấy đi gập suốt năm chẳng tới, khiến họ tin đó là Phật hiện tiền. Ma ưa nói tất cả mụời phương chúng sanh đều là con ta, ta sanh ra chư Phật, sanh ra thế giới, là Phật nguyên thủy, tự nhiên ra đời, chẳng do tu được. Đây gọi là Tự Tại Thiên Ma ở đời, sai khiến những quyến thuộc chưa phát tâm (kể đã phát tâm thì hộ trì chánh pháp), lợi dụng sự hư minh của họ, thu hút tinh khí của người. Người ấy hoặc không nhờ thầy mà tự mình thấy rõ, ma tự xưng là Thần Hộ Pháp Kim Cang, cho người sống lâu; hoặc hiện thân mỹ nữ, thịnh hành việc tham dục, khiến người ấy chưa đầy một năm gan não đã khô kiệt, hay nói lảm nhảm một mình, nghe như yêu mỵ mà người khác chẳng hiểu. Khi bị sa vào lưới pháp luật, chưa kịp xử hình thì đã chết khô, nhiều loạn người ấy đến chết mới thôi. Các người nên sớm giác ngộ để khỏi bị luân hồi, nếu mê lầm chẳng biết, sẽ bị đọa ngục A-Tỳ.

- A Nan phải biết! Nơi thời mạt pháp, mụời thứ ma kể trên ở trong pháp ta xuất gia tu hành; hoặc nhập thân người khác, hoặc tự hiện hình, đều nói đã thành chánh biến tri, khen ngợi sự dâm dục, phá hoại giới luật. Ma và đệ tử họ truyền nhau làm việc dâm dục, tà ma như thế, mê hoặc tâm can người từ chín đời cho đến cả trăm đời, khiến người tu hành đều thành quyến thuộc của họ, sau khi chết tất cả sẽ trở thành dân ma, lạc mất chánh biến tri, đọa ngục A-Tỳ.

- Nay các người dẫu đã được vô lậu, chưa nên sớm nhập Niết Bàn, phải nguyện ở lại, vào trong thời mạt pháp, khởi đại từ bi, cứu người phát chánh tâm tu hành, khiến đừng lạc vào tà ma, được chánh biến tri. Nay ta đã độ các người ra khỏi sanh tử, các người hãy theo lời Phật dạy mà hành gọi là báo ân Phật.

Ananda, the above ten states of dhyana come from the intermingling of the third aggregate of conception with meditative mind. Deluded and wayward practisers who do not know their capabilities, cannot distinguish these states when they manifest and wrongly declare that they have attained the holy rank. By so doing, they break the prohibition against lying and will fall into the unintermittent hells. After my nirvana in the Dharma ending age, you should proclaim this teaching so that living beings will awaken to it, that heavenly demons cannot take advantage of such states and that all practisers can be on their guard and realize the Supreme Tao.

- Mười thứ cảnh giới thiên định trên, đều do thọ ẩm và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết, nói là chứng thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục A-Tỳ.

- Sau khi Như Lai nhập diệt, trong thời mạt pháp, các người phải theo lời dạy bảo như trên khai thị cho người tu, hộ trì cho họ thành Vô Thượng Đạo, chớ để cho thiên ma được dịp quấy phá.

III - MA TƯỚNG ẨM

- A Nan! Người tu thiên định, khi dứt được thọ ẩm, dù chưa dứt hết tập khí, nhưng tâm đã được rời khỏi thân thể, như chim ra khỏi lồng, đã được thành tựu từ thân phàm trở lên, trải qua 60 cấp bậc thánh vị Bồ Tát, được Ý-Sanh-Thân, đi ở vô ngại. Ví như có người ngủ say nói mơ, người ấy dù không hay biết gì, nhưng lời nói của họ đã làm cho người thức nghe biết, ấy gọi là phạm vi của Tướng Ẩm. Nếu động niệm và vọng tưởng dứt trừ, trong tâm sáng tỏ như gương sạch hết như bụi, được sự chiếu soi, chẳng thấy có tướng sanh tử, gọi là tướng ẩm hết, thì lúc ấy được siêu việt Phiền Não Trược. Nhưng quán xét nguyên nhân là do bởi Dung Thông Vọng tướng (3) làm gốc.

I. A Nan! Trong lúc thiên định, thọ ẩm hư minh, chẳng lọt tà tướng, bỗng trong tâm ham đắm sự hư minh, tham cầu sự khéo léo, khi ấy thiên ma được dịp nhập vào thân người khác để thuyết pháp; người đó chẳng biết đã bị ma nhập, tự nói đã được Vô Thượng Niết Bàn, đến nơi người cầu khéo léo, thuyết pháp cho họ, hoặc hiện thân Tỳ Kheo, hoặc Đế Thích, hoặc phụ nữ, hoặc Tỳ Kheo Ni, hoặc trong phòng tối thân phát ánh sáng, người ấy ngu mê chẳng biết cho là Bồ Tát, tin theo lời dạy của họ, tín tâm lay chuyển, phá hoại giới luật, lén làm việc tham dục.



- A Nan! Mười thứ cảnh giới thiền định trên, đều do Tướng Âm và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này mà chẳng tự biết, nói là chứng thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục A Tỳ.

- Sau khi Như Lai nhập diệt, trong thời mạt pháp, các người phải theo như lời dạy bảo trên khai thị cho người tu, hộ trì cho họ thành Vô Thượng Đạo, chớ để cho thiên ma được dịp quấy phá.

GHI CHÚ:

(1) Kiên cố vọng tưởng và kiếp trước:

Sắc Âm tại sao gọi là Kiên Cố Vọng Tưởng? Vì do vọng tưởng của cha mẹ và vọng tưởng của mình giao kết mà thành cái sắc thân kiên cố này, nên gọi là Kiên Cố Vọng Tưởng.

Do Sắc Âm và tri kiến giao tranh lẫn nhau, dựa theo đó mà sanh ra tri kiến chấp thật, nên gọi là Kiếp Trước.

(2) Hư Minh Vọng Tưởng và Kiến Trước:

Thọ Âm tại sao gọi là Hư Minh Vọng Tưởng? Vì Hư thì năng thọ, Minh thì năng nhận, như bóng tượng hiện trong gương sáng. Theo bản thể, hư minh là tâm Phật, tại sao nói là vọng tưởng? Vì hể mống lên một niệm chấp trước, muốn được sự chứng đắc, thì liền bị thọ âm che khuất, nên gọi là Hư Minh Vọng Tưởng.

Kiến Trước là do tri kiến thọ nhận các cảnh rời giao tranh lẫn nhau, dựa theo đó mà sanh ra tri kiến chấp thật, nên gọi là Kiến Trước.

(3) Dung Thông Vọng Tưởng và Phiền Não Trước:

Tướng Âm tại sao gọi là Dung Thông Vọng Tưởng? Do tướng năng dung thông biến hóa, khiến Tâm theo cảnh, khiến cảnh theo Tâm. Vì cái Tâm chấp dung thông chưa được hóa giải, nên ma mới được dịp thừa cái chấp ấy mà mê hoặc người, nên gọi là Dung Thông Vọng Tưởng.

Tất cả phiền não đều do tướng niệm mà có, dựa theo đó mà sanh ra tri kiến chấp thật, nên gọi là Phiền Não Trước.

The Ten States Affected by the Fourth Aggregate of Discrimination (Samskara)

Ananda, in his cultivation of samadhi, when the third aggregate of conception ends, the practiser will be free from the usual delusive thinking and will achieve the still and bright state of mind which is like the clear sky and is always the same whether waking or sleeping, and devoid of the shadows of coarse sense data. To him the mountains, rivers, great earth and universe are reflections in a bright mirror, appearing and vanishing without leaving a trace behind; thus his mind only reflects externals without being affected by them. This is the one essence (alaya) in which the fourth aggregate now manifests. The practiser will perceive all living beings of the twelve types of birth in the ten directions and though he does not know the true cause of their existence, to him they are all in the same state of life. This functioning of mind (samskara) is like a twinkling mirage that disturbs the clear (horizon) and is the chief cause of the illusion of the sense organs and data. This is the fourth aggregate which conditions the practiser's meditation. If this sparkling disturbance returns to its serene source (alaya), like ripples that settle to become calm and clear water, the aggregate samskara will come to an end, and the practiser will leap above and beyond the kalpa of turbid being, the main cause of which is the undetected subtlety of his wrong thinking.

1. Ananda, you should know that when the practiser, as a result of pointed concentration (after the third aggregate has vanished), acquires correct knowledge in his practice of samatha, his mind is settled and clear and can no more be troubled by the ten classes of demons. Only now can he look exhaustively into the origin of living beings. In his discovery of the subtle disturbance (which is not easily detectable), if he begins to differentiate he will fall into error because of the (following) two heterodox conceptions of the non-existence of cause.

i. He finds no anterior cause (of existence) in his investigation. Why? Because he has wiped out the mechanism of life and can now, by means of the 800 merits of his organ of sight, look into the 80,000 kalpas in which all living beings transmigrate from place to place and beyond which he can see nothing. He then concludes that all living

IV - MA HÀNH ẤM

- A Nan! Người tu thiền định, khi dứt được Tướng Ấm, những mộng tưởng bình thường tiêu sạch, thức, ngủ thường như một, chẳng còn đuổi theo cảnh trần, cái giác minh vắng lặng như hư không, thấy các núi sông, đất đai của thế gian như bóng hiện trong gương, tùy duyên chiếu soi, ở đi đều chẳng dính mắc, biết hết các tập khí xưa, cái nguồn gốc của sanh diệt từ đây được hiển lộ, thấy khắp 12 loại chúng sanh trong mười phương, dù chưa thông suốt manh mối của từng loại, nhưng đều từ một nguồn gốc phát sanh ra, giống như bụi trần lắng xuống, ấy là chỗ căn cứ địa của ngũ căn, đây gọi là phạm vi của Hành Ấm. Nhưng tánh của Hành Ấm vốn chẳng lắng xuống, sở dĩ lưu chuyển chẳng ngừng là do tập khí của nhiều kiếp, nếu tánh ấy trở về vắng lặng, tập khí dứt sạch, tướng lưu chuyển hết, như làn sóng lặng trở về nước yên, gọi là Hành Ấm hết, thì lúc ấy được siêu việt Chúng Sanh Trược. Nhưng quán xét nguyên nhân là do bởi U-Ẩn Vọng Tướng (I) làm gốc (Hành Ấm lưu chuyển vi tế, động mà chẳng động nên gọi là U-ẩn).

I. A Nan nên biết! Trong lúc thiền định, khi được chánh tri, chánh tâm sáng suốt, mười loại thiên ma chẳng còn được dịp quấy phá, mới được truy cứu cùng tột cội gốc sanh diệt của các loài. Quán xét cái cội gốc đó mà khởi tâm so đo, thì người ấy bị đọa vào hai loại Vô Nhân Luận:

a. Thấy sự bắt đầu vô nhân. Tại sao vậy? Người ấy đã dứt được tướng sanh diệt, nhờ 800 công đức của Nhãn căn, thấy được tất cả chúng sanh từ 8 vạn kiếp, theo nghiệp xoay vòng, chết đây sống đó, luân chuyển không ngừng, còn ngoài 8 vạn kiếp thì mịt mù chẳng thể thấy được, bèn cho là từ 8 vạn kiếp đến nay, mười phương chúng sanh trên thế giới vô nhân mà tự có. Do so đo này, tự làm mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

beings exist of themselves without any cause during these 80,000 aeons and, because of this differentiation, he will miss the Buddha's universal knowledge thereby falling into heresy which will screen his Bodhi nature.

ii. He finds no posterior cause (of existence) in his investigation. Why? Because he has seen the root of life and concludes that, as always, men beget men and birds birds, that crows are black and storks white, that men and devas are upright and animals slanting, that their white colour does not come from washing nor their black colour from dyes, and that all this has been and will be so throughout these 80,000 aeons. Since he never saw Bodhi before, how can he realize it now? He will now conclude that all things come from no cause; so he will miss the Buddha's universal knowledge and will fall into heresy which will screen his Bodhi nature. .The above pertain to the first state of heterodox discrimination (samskara) which postulates the non-existence of cause.

2. Ananda, in his cultivation of samadhi, as a result of pointed concentration, the practiser's mind is now settled and can no more be troubled by demons. He can look exhaustively into the origin of all living beings, and in his discovery of the subtle disturbance which continues endlessly, if he begins to differentiate, he will fall into error because of the (following) four heterodox conceptions of universal permanence.

i. By looking exhaustively into the mind and its object, he finds that both are causeless, and since his meditative study enables him to know that in 20,000 aeons all living beings are subject to the endless round of births and deaths without being annihilated, he gives rise to the wrong concept of the permanence (of mind and its object).

ii. By looking exhaustively into the four elements, he finds they exist permanently, and since his meditative study enables him to know that in 40,000 aeons all living beings preserve their forms which are not destroyed in spite of their births and deaths, he gives rise to the wrong concept of the permanence of the four elements.

b. Thấy sự cuối cùng vô nhân. Tại sao vậy? Người ấy đã biết được căn bản của sự sanh, như người sanh người, chim sanh chim, xưa nay con quạ vẫn đen, con cò vẫn trắng, trời người vẫn đứng thẳng, thú vật vẫn đứng ngang, trắng chẳng do tẩy mà thành, đen chẳng do nhuộm mà nên, từ 8 vạn kiếp nay vẫn không dời đổi, nay đến tận hết hình thể này cũng vẫn như thế. Bỏ lai của ta chẳng thấy Bồ Đề thì làm sao lại có sự tu thành Bồ Đề! Vì mê làm cho tất cả sự vật đều vốn vô nhân, do so đo này, tự làm mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê làm tánh Bồ Đề.

- Ấy gọi là ngoại đạo thứ nhất lập Vô Nhân Luận.

2. Trong lúc thiền định, chánh tâm sáng suốt, mà chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, thấy luôn luôn như vậy chẳng biến đổi, ngay nơi đó khởi tâm so đo, chấp đó là thường, thì người ấy bị đọa vào bốn thứ Chấp Thường Luận:

a. Người ấy xét thấy cùng tột bản tánh của tâm và cảnh, hai nơi đều không có nhân, do tu tập biết được tất cả sự sanh diệt của mười phương chúng sanh, từ hai vạn kiếp đến nay vẫn lưu chuyển không hề tan mất, bèn chấp cho là thường.

b. Người ấy xét cùng tột cội gốc của tứ đại, bốn thứ tánh ấy thường trụ, do tu tập biết được tất cả. Sự sanh diệt của mười phương chúng sanh, từ bốn vạn kiếp đến nay cái thể vẫn thường còn, không hề tan mất, bèn chấp cho là thường.

c. Người ấy xét cùng tột cội gốc của lục căn, theo tánh chấp thụ của thức thứ bảy, trong tâm-ý-thức, chỗ nguồn gốc căn bản, tánh thường như vậy. Do tu tập biết được tất cả chúng sanh từ tám vạn kiếp này, dù có luân hồi, vốn là thường trụ, cuối cùng chẳng mất bản tánh, nên chấp cho là thường.

iii. By looking exhaustively into the six organs and the seventh and eighth consciousnesses, he finds that the origin of mind, intellect and consciousness is permanent. Thus his meditative study enables him to know that in 80,000 kalpas all living beings always preserve this origin and that it always remains, thereby giving rise to the concept of the permanence (of the eighth consciousness).

iv. As the practiser has wiped out the third aggregate completely, he (wrongly) thinks that life has ceased to flow and that since his thinking mind (sanjna) has ended, that which now remains (i.e. samskara) is permanent, thus giving rise to the concept of the permanence (of the fourth aggregate). Because of his wrong conception of true permanence, he misses the Buddha's universal knowledge and falls into heresy which screens his Bodhi nature. The above pertains to the second state of heterodox discrimination (samskara) which postulates wrong permanence.

3. Further, in his cultivation of samadhi which, as a result of his pointed concentration of mind, can no more be troubled by demons if he looks exhaustively into the origin of living beings to differentiate as he contemplates the continuous subtle disturbance in this clear state, he will fall into error because of the (following) four perverse views of the duality of permanence and impermanence.²⁵³

253. This is the seventh consciousness clinging to alaya's perception which is regarded as an ego.

i. The practiser looks into the profound bright mind which pervades everywhere and regards it as his spiritual ego; he finds that his ego which is bright and unchanging, embraces all the ten directions and that all living beings are born and die by themselves in his mind, thereby concluding that it is permanent and all those subject to birth and death are impermanent.

ii. The practiser, instead of looking into his own mind, contemplates countries which are countless as the Ganges' sands, and thereby regards as impermanent those regions which are annihilated in the kalpa of destruction²⁵⁴ and as permanent those unaffected by it.²⁵⁵

d. Người ấy đã dứt được tướng ám chẳng còn cái tướng sanh diệt cho là tâm sanh diệt, nay đã vĩnh diệt, tự nhiên thành chẳng sanh diệt, vì tâm so đo nên chấp cho là thường.

- Do so đo này, tự làm mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ hai lập Viên Thường Luận.

3. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, khởi tâm so đo giữa ta và người, người ấy bị đọa vào bốn thứ kiến chấp điên đảo, một phần vô thường, một phần chấp thường luận:

a. Người ấy quán tâm diệu minh khắp cõi mười phương cho là thần ngã chơn thật, từ đó sanh chấp, cho ta cùng khắp mười phương, trạm nhiên sáng suốt chẳng động, tất cả chúng sanh ở nơi tâm ta tự sanh tự diệt, vậy thì tâm tánh ta là thường, còn sự sanh diệt ấy là chơn vô thường.

b. Người ấy chẳng quán tự tâm mà quán khắp mười phương hằng sa quốc độ, thấy chỗ kiếp hoại (từ cõi tam thiên trở xuống) thì gọi là chủng tánh chơn vô thường, còn chỗ kiếp chẳng hoại được (từ cõi tứ thiên trở lên, kiếp hoại chẳng đến được) thì gọi là chơn thường.

iii. The practiser looks into his mind which, to him, is subtle and mysterious like molecules which penetrate everywhere and whose nature is unchanged, and can subject his body to birth and death simultaneously in every flash of thought. He regards that which does not decay as his permanent ego and that which is subject to birth and death and flows from his ego as impermanent.

iv. The practiser who knows that after the third aggregate has vanished, the fourth one flows continuously, will regard the latter as permanent and the first three aggregates which have already ended as impermanent. By so differentiating between permanence and impermanence, he falls into heresy which screens his Bodhi nature. The above pertain to the third state of heterodox discrimination which postulates the duality of permanence and impermanence.

254. The third dhyana heaven and the worlds below it.

255. The fourth dhyana heaven and those above it.

4. Further, in his cultivation of samadhi which, as a result of pointed concentration of mind, can no more be troubled by demons, if the practiser looks exhaustively into the origin of living beings and begins to differentiate as he contemplates the continuous disturbance in this clear state, he will fall into error because of the following four dual views of the finite and infinite.

i. He looks into the origin of life which flows endlessly and concludes that the past and the future which he does not see are finite and that his present mind which does not stop is infinite.

ii. He looks into 80,000 kalpas and sees living beings in this long period of time but when looking into the time prior even to that he sees and hears nothing; he then concludes that the region where he sees and hears nothing is infinite and the one where there are living beings is finite.

iii. The practiser finds that his knowledge reaches everywhere and concludes that since all living beings appear therein (i.e. in his knowing mind), his nature is infinite. As their knowledge (i.e. their minds) do not appear in his, he reasons that their minds are finite as well as their nature.

c. Người ấy chỉ quán riêng tâm mình, thấy tinh mật vi tế như vi trần, lưu chuyển mười phương, khiến thân này liền sanh liền diệt mà tâm tánh chẳng dời đổi, ngã tánh chẳng hoại, gọi ta là tánh thường, sanh tử của tất cả chúng sanh từ ta mà ra thì gọi là tánh vô thường.

d. Người ấy đã dứt được Tướng Âm, thấy hành âm lưu chuyển thường xuyên, gọi là tánh thường: sắc, thọ, tướng ba âm nay đã diệt hết thì gọi là vô thường.

- Do so đo này, một phần vô thường, một phần là thường, nên bị lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ ba lập Một Phần Thường Luận.

4. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong phân vị (2) khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào bốn thứ Hữu Biên Luận:

a. Người ấy trong tâm so đo cái gốc sanh lưu chuyển chẳng ngừng, chấp quá khứ vị lai gọi là hữu biên, chấp tâm tương tục gọi là vô biên.

b. Người ấy quán từ tám vạn kiếp đến nay thì thấy có chúng sanh, từ tám vạn kiếp trở về trước thì chẳng thấy chẳng nghe, bèn cho chỗ chẳng thấy thấy nghe ấy gọi là vô biên, chỗ có chúng sanh gọi là hữu biên.

c. Người ấy chấp rằng ta biết cùng khắp, được tánh vô biên; tất cả mọi người đang trong cái hay biết của ta, mà ta chẳng từng biết cái tánh biết của họ, ấy gọi là họ chẳng được cái tâm vô biên, chỉ được tánh hữu biên thôi.

iv. As the practiser looks exhaustively into the fourth aggregate and finds that it ends in emptiness, (he reasons that its end is annihilation and its manifestation is creation and so) infers that each living being partly exists and partly does not and so concludes that all things in the world are half finite and half infinite.

By so discriminating between the finite and the infinite, he falls into heresy which screens his Bodhi nature. The above pertain to the fourth state of heterodox discrimination (samskara) which postulates the duality of the finite and the infinite.

5. Further, in his cultivation of samadhi which, as a result of his pointed concentration of mind, can no more be troubled by demons, if the practiser looks exhaustively into the origin of living beings and begins to differentiate between views when contemplating the continuous subtle disturbance in this clear state, he will fall into error because of the (following) four confused views about the undying heaven.²⁵⁶

As, he investigates the origin of transformation, he may call changing that which varies, unchanging that which continues, born that which is visible, annihilated that which is no more seen, increasing that which preserves its nature in the process of transformation, decreasing that whose nature is interrupted in the changing process, existing that which is created and non-existent that which disappears; this is the result of his differentiation of the (eight states) seen as he contemplates the manifestations of the fourth aggregate. If seekers of the truth call on him for instruction, he will declare:

i. now both live and die, both exist and do not, both increase and decrease, thus talking wildly to mislead them.

ii. As the practiser looks exhaustively into his mind, he finds that each thought ceases to exist in a flash and concludes that they are non-existent. If people ask for instruction, his answer consists of the one word .Nothing,. beyond which he says nothing else' astruse terms and abstain from giving complete and specific replies which the Buddha denounces as wild talk.

d. Người ấy quán đến cùng tột Hành Âm rỗng không, so đo trong tâm cái sở thấy của mình, cho là ở trong một thân của tất cả chúng sanh đều là phân nửa sanh phân nửa diệt, cho đến tất cả hiện hữu trong thế giới này cũng đều phân nửa hữu biên, phân nửa vô biên.

- Do so đo này, hữu biên vô biên, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ tư lập Hữu Biên Luận.

5. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, ở nơi tri kiến khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào bốn thứ: điên đảo, bất tử, càn loạn, biến kế hư luận:

a. Người ấy quán xét cội gốc của sự biến hóa thấy chỗ lưu chuyển thì gọi là biến, thấy chỗ nối nhau thì gọi là thường, thấy chỗ thấy được thì gọi là sanh, thấy chỗ chẳng thấy được thì gọi là diệt, cái nhân nối nhau chẳng gián đoạn thì gọi là thêm, khi đang nối nhau, ở giữa có chỗ gián đoạn thì gọi là bớt, chỗ sanh của mọi vật thì gọi là hữu, chỗ diệt của mọi vật thì gọi là vô; dùng lý quán xét thì thấy đồng, dùng tâm thì thấy khác. Có người đến cầu pháp hỏi nghĩa thì đáp: "ta nay cũng sanh cũng diệt, cũng có cũng không, cũng thêm cũng bớt", bất cứ lúc nào đều nói đảo loạn như thế, khiến người nghe rồi cũng như không nghe.

b. Người ấy quán xét tâm họ đến chỗ Vô, vì vậy nên chẳng có chứng đắc, hễ có người đến hỏi chỉ đáp một chữ "Vô", ngoài ra không nói gì cả.

256. Heretics believe that heaven is undying and that he who does not mislead others when teaching them, will be reborn there. Hence, in their answers to their students' questions, they use.

iii. As the practiser looks exhaustively into his mind, he sees the rise of his thoughts and concludes that they exist. If people ask for instruction, his answer consists of the one word 'something,' beyond which he says nothing else.²⁵⁷

iv. The practiser sees both existence and nonexistence and finds that such states are so complicated that they confuse him. If people ask for instruction, he will say: The existing comprises the non-existent but the non-existent does not comprise the existing,²⁵⁸ in such a perfunctory manner as to prevent exhaustive inquiries. By so discriminating, he causes confusion and so falls into heresy which screens his Bodhi nature. The above pertain to the fifth state of heterodox discrimination (samskara) which postulates confused views about the undying.

6. Further, in his cultivation of samadhi which, as a result of his pointed concentration of mind, can no more be troubled by demons, if the practiser looks exhaustively into the origin of living beings and begins to differentiate as he contemplates the endless flow (of the fourth aggregate), he will fall into error because of his wrong view of the continued existence of form after death²⁵⁹ arising from his upset mind. So he clings firmly to his body and believes that form is ego; he sees that his mind embraces all countries everywhere and believes that form is within ego; he sees that form is now restored to follow his ego, and believes that ego exists apart from form; and he sees that his ego continues to exist in the flow of samskara and believes that it is within form.

257. He sees not only the rise, but also the fall, of thoughts; hence his ambiguous reply: Something.

without daring to speak specifically of their existence in order not to be in the wrong.

258. For he dares not say definitely that something exists in the non-existent.

259. For he mistakes the fourth aggregate for his ego.

These are (the four kinds of) discrimination arising from the belief that form continues to exist after death. Thus there are sixteen kinds of such discrimination due to wrong contemplation of the first four aggregates (rupa, vedana, sanjna and samskara).

c. Người ấy quán xét tâm họ đến chỗ Hữu, vì vậy mà có sự chứng đắc, hễ có người đến hỏi thì chỉ đáp một chữ "Hữu", ngoài ra không nói gì cả.

d. Người ấy hữu vô cùng thấy, do cảnh rời rạc nên tâm cũng bị rối loạn, hễ có người đến hỏi thì đáp: "Cũng có tức là cũng không, ở trong cũng không, chẳng phải cũng có". Tất cả càn loạn, chẳng thể hỏi ra kết quả.

- Do so đo này, hư vô càn loạn, lạc vào ngoại đạo, mê làm tánh Bồ Đề, đây gọi là ngoại đạo thứ năm chấp bốn thứ Điên Đảo, Bất Tử, Càn Loạn, Biến Kế Hư Luận.

6. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong dòng sanh diệt vô tận khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào tư tưởng điên đảo, chấp sau khi chết có tướng: hoặc tự giữ cái sắc thân, cho sắc thân là ta; hoặc thấy ta bao trùm khắp các cõi nước, thì cho ta có sắc; hoặc thấy duyên cảnh xưa theo ta luân hồi thì cho sắc thuộc về ta; hoặc thấy cái ta nương theo hành ấm mà tương tục, thì cho ta ở nơi sắc, xoay chuyển như vậy thành mười sáu tướng, từ đó sanh ra cái chấp "có phiền não thật", và "Bồ Đề thật", hai tánh ấy đi song song mà chẳng đụng chạm nhau, do so đo này, chấp sau khi chết có tướng, lạc vào ngoại đạo, mê làm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ sáu trong ngũ ấm chấp sau khi chết có tướng, lập Tâm Điên Đảo Luận.

From then on the practiser discriminates between fundamental troubles (klesa) and fundamental Bodhi as existing side by side without contradicting each other. For this wrong view that form continues after death, he will fall into heresy that screens his Bodhi nature. The above pertain to the sixth state of heterodox discrimination (samskara) which postulates the wrong view that form exists death.

7. Further, in his cultivation of samadhi which, as a result of his pointed concentration of mind, can no more be troubled by demons, if the practiser looks into the origin of living beings and begins to differentiate as he contemplates the fourth aggregate (samskara) which will vanish in the same way the first three (rupa, vedana and sanjna) did before, he will fall into error because of his wrong view of the nonexistence of form after death arising from his upset mind. He saw that form was causeless when rupa vanished, that his mind was free from bondage when sanjna ended and that all links were broken when vedana stopped. He now concludes that once the aggregates are no more, life deprived of vedana and sanjna is like grass and plants. Even rupa does not exist in life, how can there be form after death? So his investigation reveals the non-existence of form after death with the ensuing eightfold absence of form.²⁶⁰ Hence his belief that Nirvana has neither cause nor effect and that all things are void, have only (empty) names and are fundamentally subject to annihilation. For this wrong view of annihilation after death, he falls into heresy that screens his Bodhi nature. This is the seventh state of heterodox discrimination (samskara) which postulates the wrong view of annihilation (ucchedadarsana).

8. Further, in his cultivation of samadhi which, as a result of his pointed concentration of mind, can no more be troubled by demons, if the practiser looks into the origin of living beings and begins to differentiate as he contemplates the fourth aggregate which now manifests whereas (rupa), vedana and sanjna have vanished, he will fall into error because of the wrong dual view of existence and non-existence which is self-contradictory and which implies the negation of both after death.²⁶¹

Thus rupa, vedana and sanjna, previously seen to exist now do not. If samskara which now manifests is likewise not to exist it is (in fact) not

7. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong những chỗ sắc, thọ, tưởng, đã diệt từ trước, khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào tư tưởng điên đảo, chấp sau khi chết chẳng tướng. Thấy Sắc Diệt rồi thì hình thể chẳng có nhân, thấy tưởng diệt rồi thì tâm chẳng bó buộc, thấy thọ diệt rồi thì chẳng còn chỗ nối liền, tánh ấm tiêu tan, dẫu có sự sanh mà chẳng có thọ, tưởng, đồng như cây cỏ, cái thể chất hiện hữu này còn bất khả đắc, hưởng chi chết rồi thì đâu còn hình tướng nào! Theo đó suy lường, xoay chuyển thành tám thứ vô tướng, cho rằng nhân quả, Niết Bàn, tất cả đều không, chỉ có danh tự, cuối cùng đoạn diệt. Do so đo này, lạc vào ngoại đạo, mê làm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ bảy trong ngũ ấm chấp sau khi chết chẳng tướng, lập Tâm Điên Đảo Luận.

8. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong chỗ hành ấm còn mà thọ tưởng đã diệt, cho “Có, Không” đồng thời cùng hiện nên tự thể phá nhau, người ấy bị đọa vào điên đảo luận, chấp sau khi chết chẳng phải “Có” cũng chẳng phải “Không”, trong sắc, thọ, tưởng, thấy có chẳng phải là có, nơi hành ấm lưu chuyển, thấy không chẳng phải là không, xoay chuyển như vậy cùng tận ấm giới, thành tám thứ tướng “chẳng phải có chẳng phải không”, dù gặp một duyên nào đều nói sau khi chết cũng có tướng cũng không tướng. Lại chấp hành ấm tánh hay thay đổi, tâm phát thông ngộ,

non-existent. If these four aggregates are likewise looked into, the conclusion is the eightfold negative view of form in life and after death. Thus each of them when investigated can be said to be neither existing nor non-existent after death.

260. Each of the first four aggregates is devoid of cause-form and effect-form.

261. He reasons that since the first three aggregates have vanished, the fourth will follow them sooner or later, and so infers that all four are non-existent. He then reasons that the fourth aggregate manifests now in spite of the disappearance of the first three, and so infers that all four are not non-existent. Thus he concludes that since the four aggregates are neither existing nor non-existent in life, they will be so after death; hence the eightfold negative view.

Further, since the fourth aggregate is (always) changing, he reasons that both its existence and non-existence are invalid for it is neither real nor unreal (in life). So he infers that nothing can be said of it in the dark and obscure condition after death.

For holding the above views, he will fall into heresy that screens his Bodhi nature. They pertain to the eighth state of discrimination (samskara) which postulates the invalidity of both the existence and non-existence of the five aggregates after death.

9. Further, in his cultivation of samadhi which, as a result of his pointed concentration of mind, can no more be troubled by demons, if the practiser looks into the origin of living beings to differentiate as he contemplates the fourth aggregate which is subject to annihilation after its rise and fall in every flash of thought, he will fall into error because of his wrong conception of either one of the seven states where body, desire, suffering, joy, and indifference²⁶² are destroyed and where nothing exists after their annihilation which is final.

For this wrong view of annihilation after death, he will fall into heresy which screens his Bodhi nature. This is the ninth state of heterodox discrimination which arises from the upset mind and which postulates the annihilation of the five aggregates after the present life.

262. Annihilation of body in the realms of men and devas; of desire in the first dhyana heaven; of suffering in the second; of joy in the third and indifference in the fourth dhyana heaven and the formless world.

thấy “Có, Không” đều chẳng phải, hư và thật đều không chỗ căn cứ, do so đo này, làm cho mịt mù chẳng thể nói được, lạc vào ngoại đạo, mê làm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ tám trong ngũ ám chấp sau khi chết chẳng có cũng chẳng không, lập Tâm Điên Đảo Luận.

9. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, ma chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, ở nơi Hậu-Hậu-Vô (3) khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào bảy thứ Đoạn Diệt Luận: hoặc chấp cái thân diệt, hoặc dục tận diệt, hoặc khổ tận diệt, hoặc cực lạc diệt, hoặc cực xả diệt, xoay chuyển như thế tận cùng bảy nơi, cái thân hiện tiền khi tiêu diệt rồi chẳng còn sanh nữa, do so đo này, lạc vào ngoại đạo, mê làm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ chín trong ngũ ám chấp sau khi chết đoạn diệt, lập Tâm Điên Đảo Luận.

10. Further, in his cultivation of samadhi which, as a result of his pointed concentration of mind, can be no more troubled by demons, if the practiser looks into the origin of living beings and begins to differentiate as he contemplates the fourth aggregate which will recur after its annihilation (after death), he will fall into error because of his misconception of the five false conditions of Nirvana.

In his contemplation of the condition of perfect clearness which now manifests, he is tempted to transmute into Nirvana either (a) the heaven of desire because of his delight in that condition; (b) the first dhyana heaven because it is free from trouble and anxiety; (c) the second dhyana heaven because it is free from suffering; (d) the third dhyana heaven because it is full of joy; or (e) the fourth dhyana heaven which is free from both suffering and joy and is beyond birth and death in samsara. Thus he will mistake samsaric heavens for the (fundamental) wu wei state and cling to (either one of) these five states as an ultimate abode offering peace and security. Because of this differentiation, he will fall into heresy which will screen his Bodhi nature.

This is the tenth state of heterodox discrimination (samskara) which postulates five conditions of Nirvana, arising from the five aggregates.

Ananda, these ten kinds of wild interpretation of dhyana come from the intermingling of the fourth aggregate of discrimination with meditative mind. Deluded and wayward practisers who do not know their own capabilities, cannot distinguish these states when they manifest and wrongly declare that they have attained the holy rank. By so doing, they will break the rule against lying and so fall into the unintermittent hells. After my nirvana, in the Dharma ending age, you should proclaim this teaching so that living beings will awaken to it, that the demons of their minds will not lead them to self-inflicted calamities, and that all practisers can be on their guard and wipe out heterodox views. You should teach them how to discipline their bodies and minds so that they awaken to Reality and avoid straying from the Supreme Path, and to refrain from wishful thinking and from mistaking some little progress for complete realization. You should act as their guide to Supreme Enlightenment.

10. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, mà chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, ở nơi Hậu Hậu Hữu (4) khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào năm thứ Niết Bàn Luận: hoặc nhận dục giới là nơi Chánh Chuyển Y, vì thấy cảnh viên minh nên tâm sanh ái mộ, hoặc nhận sơ thiền vì tánh không còn lo, hoặc nhận nhị thiền, vì tâm không còn khổ, hoặc nhận tam thiền, vì rất vui đẹp, hoặc nhận tứ thiền vì khổ vui đều mất, chẳng bị luân hồi sanh diệt vậy. Mê làm cõi trời hữu lậu cho là quả vô vi, năm nơi an ổn ấy là nơi Thắng Tịnh Y, xoay chuyển ở năm chỗ này, cho là cứu cánh, do so đo này, lạc vào ngoại đạo, mê làm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ mười trong ngũ ấm chấp năm thứ Niết Bàn, lập Tâm Điện Đảo Luận.

- A Nan! Mười thứ thiền định cuồng giải trên đều do Hành Âm và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này, mà chẳng tự biết, nhận sự mê làm cho là giải thoát, tự nói chứng thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục A-Tỳ.

- Sau khi Như Lai nhập diệt, nơi thời mạt pháp, các người phải theo lời dạy bảo như trên khai thị khắp tất cả chúng sanh, khiến đều tỏ ngộ nghĩa này, chớ cho tâm ma tự khởi nghiệp chướng, hộ trì cho họ dứt bỏ tà kiến, khiến thân tâm được mở mang, giác ngộ nghĩa chơn thật, thành Vô Thượng Đạo, chẳng bị lạc đường, chẳng được ít cho là đủ, làm bia chỉ đường giải thoát của Phật.

The Ten States Affected by the Fifth Aggregate of Consciousness (Vijnana)

Ananda, in the cultivation of samadhi, when the fourth aggregate of discrimination (samskara) comes to an end, the subtle disturbance in the state of clearness, (that is the functioning of samsaric mind), which is the mechanism of birth and death, suddenly explodes and exposes an outlook completely different from that of the profound karma of pudgala (i.e. all beings subject to transmigration). This is the moment when Nirvana is about to dawn, like the cock-crow that heralds the first light of the day in the east, when the six senses are void and still and no more wander outside. Within and without there is only a profound brightness reaching the root of life of all beings of the twelve forms of birth in the ten directions of space wherein there is nothing that can be further penetrated. This contemplation of the essence of basic clinging (i.e. the fifth aggregate of consciousness) releases the practiser from all attraction (by old habits and new karma) and immunizes him from further transmigration in samsara for he has realized the identity of mind with its self-created externals everywhere. As the nature of consciousness now manifests clearly, he will discover its hidden depth, This is the fifth aggregate of consciousness which conditions the practiser's meditation.

As the practiser is immune against external attractions and realizes the identity of mind, and objects, the separateness arising from the six different sense organs ceases and the mind functions uniformly with seeing and hearing in regard to a single function which is pure and clean. In this state, all the worlds in the ten directions, together with his body and mind, are clear and transparent like crystal both within and without. This is the end of the aggregate of consciousness which enables the practiser to leap over and beyond the kalpa of turbid life, the main cause of which is the (first) seeming shadow of his wrong thinking.²⁶³

V. MA THỨC ẤM

- A Nan! Người tu thiền định, khi dứt được Hành Ấm, các tính sanh diệt lăng xăng chuyển động của thế gian bỗng được tan rã, các nghiệp báo luân hồi, sự cảm ứng vi tế như chỉ tơ gần được đoạn dứt, sắp được minh ngộ nơi cõi Niết Bàn, như gà gáy lần chót, trời bắt đầu rạng đông. Lục căn hư tịch, chẳng còn giống ruồi cảnh trần, trong ngoài trạm nhiên sáng suốt, cho đến nhập vô sở nhập: thấu suốt cội gốc thọ mạng của 12 loại chúng sanh trong mười phương, chắp vào cái cội gốc đó, các loài chẳng đến với nhau, mà ở nơi mười phương đều đồng một cội gốc, sự phát hiện chỗ ẩn bí đó, như trời gần sáng mà chưa sáng, rạng đông kéo dài, đây gọi là phạm vi của Thức Ấm. Nếu ở chỗ đồng ấy, nhờ sức thiền định mài giũa lục căn, đến thấy nghe thông nhau, sự dụng của lục căn muốn hợp hay tách ra đều được tự do thành tựu, trong ngoài sáng suốt như lưu ly, gọi là thức ấm hết, thì lúc ấy được siêu việt Mệnh Trược. Nhưng quán xét nguyên nhân là do bởi Võng Tượng (mường tượng) Hư Vô, Điên Đảo Vọng Tượng (5) làm gốc.

1. Ananda, you should know that, as the practiser looks exhaustively into the fourth aggregate (samskara), it will return to its source, that is (the fifth aggregate) consciousness. Though he wipes out birth and death, he does not yet achieve the pure and profound state of Nirvana. He can now unify the different functions of the sense organs, and so is aware that all beings are created by consciousness. Thus he can enter the source of perfection but if, on his return to it, he wrongly sets it up as the cause of true permanence, and regards this as correct, he will fall into error and will become an adherent of the Kapila doctrine which postulates primordial darkness, thereby screening his Bodhi nature and missing the Buddha-knowledge.

263. i.e. the first thought that stirred the mind since the time without beginning.

This is the first state of the aggregate of consciousness which sets up the mind thus realized as ultimate attainment so straying far from Complete Enlightenment and standing opposite to Nirvana, thus sowing the seed of heresy.

2. Ananda, as the practiser looks exhaustively into samskara which now becomes void, he will wipe out birth and death but will not yet achieve Nirvana. If he regards consciousness as his substance and insists that he is right in thinking that all living beings of the twelve types of birth in boundless space spring from his body; he will err because of his wrong conception of a subjective creator and will become an adherent of Mahesvara who appears in a body which has no limit; it will screen his Bodhi nature and will cause him to miss the Buddha-knowledge.

This is the second state of the aggregate of consciousness which sets up the mind-creator as ultimate attainment, thus straying far from Complete Enlightenment and standing opposite to Nirvana, thereby sowing the seed of great pride in an omnipresent divine ego.

1. A Nan! Người tu thiền định, khi dứt được hành âm, trở về chỗ cội gốc của Thức Âm, sanh diệt đã diệt mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, có thể khiến lục căn thông dụng lẫn nhau, cũng thông với cái giác tri của các loài trong mười phương, do sự thông dụng ấy mới được đi vào chỗ cội gốc của Thức Âm. Nếu ở chỗ trở về mà lập cái nhân Chơn Thường, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp “Năng nhân, sở nhân”, làm bạn với bọn ngoại đạo tóc vàng, nhận chỗ “căn bản của vô minh” làm nơi sở quy, mê làm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật, ấy gọi là lập cái tâm sở đắc, thành cái quả sở quy, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống ngoại đạo thứ nhất.

2. Người tu thiền định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở chỗ cội gốc của thức Âm, ôm làm tự thể của mình, cho tất cả 12 loại chúng sanh khắp hư không đều phát xuất từ thân ta, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp “Năng phi năng” (6), làm bạn với bọn ma dân hay hiện thân vô biên ở cõi Sắc giới, mê làm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật, ấy gọi là lập cái tâm năng vi, thành cái quả năng sự, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, sanh Đại Mạn Thiên, thành giống chấp ngã thiên viên thứ hai (thiên viên chưa được viên thông, chỉ có một nửa).

3. As the practiser looks exhaustively into samskara which now becomes void, he will wipe out birth and death but will not yet achieve Nirvana. If he clings to consciousness as his refuge, he will interpret that his body and mind as well as the whole of space spring from that refuge, thereby wrongly inferring that this source is true Reality, free from birth and death. Because of his misinterpretation of vijnana (consciousness) as permanent, he will understand neither the Uncreate nor (the created) birth and death. For his delight in this deluded state, he will fall into error because he mistakes impermanence for permanence and will thus become an adherent of Isvaradeva, (the divine ego who creates all things), thereby screening his Bodhi nature and missing the Buddhaknowledge. This is the third state of the aggregate of consciousness which sets up the causal mind as ultimate attainment, thus straying far from Complete Enlightenment and standing opposite to Nirvana and so sowing the seed of perfection's opposite.

4. As the practiser looks exhaustively into samskara which becomes void, he will wipe out birth and death but will not yet achieve Nirvana. If he clings to his knowledge of his all-embracing consciousness (alaya) and so sets up his own interpretation that all grass and plants are sentient and do not differ from men and that after death men will become grass and plants. If he delights in such misconception, he will fall into error because of wrong knowing and will become an adherent of the doctrine of Vasistha²⁶⁴ and Sani, thus screening his Bodhi nature and missing the Buddha-knowledge. This is the fourth state of the aggregate of consciousness which sets up the knowing mind as ultimate attainment, thus straying far from Complete Enlightenment and standing opposite to Nirvana, thereby sowing the seed of invertedknowing.

3. Người tu thiền định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi cội gốc của thức ấm khởi tâm nương tựa, tự nghi thân tâm mình từ đó mà ra, mười phương hư không đều từ đó sanh khởi, bèn nhận chỗ đó là cái thể chơn thường, là nơi chẳng sanh diệt. Ở chỗ sanh diệt chấp là thường trụ, chẳng những chẳng thấy tánh chơn bất sanh diệt, mà còn nhận lầm tánh sanh diệt hiện tại, an trụ tại chỗ mê lầm này, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp "thường phi thường", làm bạn với bọn ở cõi trời Tự Tại Thiên, mê lầm tánh Bồ Đề lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm nhân y (cái nhân nương tựa) thành cái quả vọng kế (quả chấp thường trụ), trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn thành giống điên đảo viên thông thứ ba (nói viên thông mà chưa được viên thông).

4. Người tu thiền định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi sở tri, kiến lập tri giải, cho các loài cây cỏ mười phương đều gọi là hữu tình, với người chẳng khác; cây cỏ làm người, người chết rồi lại thành cây cỏ, cho đến loài vô tình đều có sự giác tri, hữu tình vô tình chẳng có phân biệt, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp "Tri vô tri", làm bạn với hai thứ ngoại đạo Bà Tra và Tiện Ni, chấp tất cả đều có sự giác tri, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm viên tri, thành cái quả hư vọng, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống Điên Đảo Tri thứ tư.

5. As the practiser looks exhaustively into samskara which now ends, he wipes out birth and death but does not yet achieve Nirvana. If he awakens to the uniformity of the (six) sense organs, as he contemplates the original transformation (of the four elements), he may be tempted to worship the brightness of fire, the purity of water, the freedom of wind and the creativeness of earth. He will regard them as fundamental causes of creation and as permanent Reality, thereby falling into error because of his wrong view of creation. He will follow the teaching of Kasyapa²⁶⁵ and other Brahmans and will, in his quest of immortality, offer his body and mind to serve and worship fire and water, thereby screening his Bodhi nature and missing the Buddha-knowledge.

This is the fifth state of the aggregate of consciousness which postulates the worship (of the elements) thus throwing away the mind to pursue its objects and wrongly seeking the causes of fruition; he will thus stray far from Complete Enlightenment and will stand opposite to Nirvana, thereby sowing the seed of inverted transformation.

264. A Brahman who is said to have denied the permanence of Nirvana and maintained that plants had lives and sentience.

265. Who sets up a Creator of gods, demons, men and animals.

6. As the practiser looks exhaustively into samskara which now ends, he wipes out birth and death but does not yet achieve Nirvana. In this stage of bright and empty consciousness, he may be tempted to believe that voidness destroys all things and will cling to annihilation as his last refuge. He will fall into error because he clings to nothingness and so will think that devas without thought are void thereby screening his Bodhi nature and missing the Buddha-knowledge.

This is the sixth state of the aggregate of consciousness which is completely void and mindless leading to empty fruition; the practiser will stray far from Complete Enlightenment and will stand opposite to Nirvana, thereby sowing the seed of annihilation.

5. Người tu thiền định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi lục căn dung thông lẫn nhau đã được tùy thuận vô ngại, rồi nương theo viên dung này, cho là tứ đại hay biến hóa tất cả, nên từ nơi tứ đại ham cầu tánh sáng suốt của hỏa; thích tánh trong sạch của thủy; ưa tánh chu lưu của phong, quán tánh thành tựu của trần, mỗi mỗi đều tôn sùng, lấy các trần ấy nhận làm bản nhân, chấp cho là thường trụ, thì bị đọa vào cái chấp “Sanh vô Sanh”, làm bạn với bọn ngoại đạo Ca Diếp Ba và Bà La Môn, siêng tâm ép xác, thờ lửa thờ nước để cầu được ra khỏi sanh tử, mê làm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là chấp trước, thờ phụng, mê tâm theo vật, lập cái nhân vọng cầu, cầu cái quả vọng mong, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống của tạo hóa điên đảo thứ năm.

6. Người tu thiền định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở trong viên minh chấp là hư vô, bác bỏ các sự tạo hóa, lấy cái vĩnh diệt làm chỗ quy y, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào cái chấp “Quy vô quy” (cho vô quy là Quy), làm bạn với bọn Thuần Nhã Đa (thần hư không) ở cõi Vô Tướng Thiên, mê làm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là chấp cái tâm hư vô thành quả Không Vong, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống đoạn diệt thứ sáu.

7. As the practiser looks exhaustively into samskara which now ends, he wipes out birth and death but does not yet achieve Nirvana. In this continued state of consciousness, he may be tempted by its seeming permanence to try and make his own body deathless and free it from mortality. Such misconception will cause him to fall into error because of his wrong desire and to follow the teaching of Asita-rsi who postulates longevity, thereby screening his Bodhi nature and missing the Buddha-knowledge.

This is the seventh state of the aggregate of consciousness which clings to long life and sets, up the false cause of preservation in the search for permanent fruition; the practiser will thus stray far from Complete Enlightenment and will stand opposite to Nirvana, thereby sowing the seed of false prolongation of life.

8. As the practiser looks exhaustively into samskara which now ends, he wipes out birth and death but does not yet realize Nirvana. In his contemplation of the aggregate of consciousness. from which springs life, he may be apprehensive that its end will cause the total annihilation of the worldly; he will by means of the power of transformation (of alaya), sit in a lotus palace and exhibit the seven treasures and beautiful girls to give rein to his mind. He will thus fall into error because of his indulgence in falsehood and will follow the heavenly demon, thereby screening his Bodhi nature and missing the Buddha-knowledge.

This is the eighth state of the aggregate of consciousness which gives rise to the cause of worldly fruition; the practiser will thus stray far from Complete Enlightenment by standing opposite to Nirvana, thereby sowing the seed of heavenly demons.

7. Người tu thiền định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi viên thường sanh lòng củng cố cái thân này, cho là thường trụ đồng với tánh ấy, mãi không tiêu diệt, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào cái chấp “Tham phi tham” (7), làm bạn với bọn A Tư Đà (chẳng ai bằng), tham cầu trường thọ, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là chấp trước mạng căn, lập cái nhân cố vọng (kiên cố cái vọng thân), cầu quả thường trụ, trái xa viên thông, ngược đọa Niết Bàn, thành giống vọng diên thứ bảy (vọng diên: vọng muốn kéo dài).

8. Người tu thiền định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, xét thức ám là mạng căn của các loài dung thông lẫn nhau, bỗng sợ tiêu diệt, muốn giữ lại trần lao, bèn ở chỗ đó ngồi cung liên hoa, hóa ra rất nhiều châu báu và mỹ nữ, buông lung tâm mình, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào cái chấp “chơn vô chơn” (cho vô chơn là chơn), làm bạn với cõi Tha Hóa Thiên, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là phát cái nhân tà tưởng, lập quả trần lao hưng thịnh, trái xa viên thông, ngược đọa Niết Bàn, thành giống thiên ma thứ tám.

9. Further, as the practiser looks exhaustively into samskara which now ends, he wipes out birth and death but does not yet achieve Nirvana. As he contemplates his bright consciousness, if he begins to differentiate between its fine²⁶⁶ and coarse²⁶⁷ characteristics, thus implying the duality of reality and falsehood in his search for the truth, he will stray from the pure and clean Path; he will look into suffering, the cutting of its cause, its destruction and the way thereto, and will stop at its annihilation without striving to advance further. By so doing, he will follow those whose minds are fixed on the sravaka stage, those devas of the four dhyana heavens and those who refuse to hear further about the Dharma, and so develop self-conceit, thereby screening his Bodhi nature and missing the Buddha-knowledge.

266. Alaya itself.

267. Alaya's objects.

This is the ninth state of the aggregate of consciousness which unites with its essence for nirvanic fruition; the practiser will thus stray far from Complete Enlightenment by standing opposite to Nirvana, thereby sowing the seed of obstructive voidness.

10. Further, as the practiser looks exhaustively into samskara which now ends, he is free from birth and death but does not yet achieve Nirvana. As he contemplates the bright and pure essence of consciousness, if he looks deeper into its depth, he may regard the latter as Nirvana and will not strive to advance further. He will be one of those whose minds are set on pratyeka Buddhahood and who live apart from others to seek self-enlightenment, thereby screening his Bodhi nature and missing the Buddha-knowledge.

This is the tenth state of the aggregate of consciousness is the union of mind with pure awareness culminating in clear fruition; the practiser will thus stray far from Complete Enlightenment by standing opposite to Nirvana thereby sowing the seed of incomplete enlightenment.

9. Người tu thiền định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông. Ở trong nguồn gốc của thức ấm, khởi tâm phân biệt tinh, thô, chơn, ngụy, nhân quả trả nhau, chỉ cầu sự cảm ứng, trái ngược đạo thanh tịnh, chấp cái khổ, tập, diệt, đạo của Tứ Thánh Đế, cho là đến chỗ diệt rồi là xong, chẳng cầu tiến thêm, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào định tánh Thanh Văn, làm bạn với kẻ tăng thượng mạn như Tỳ Kheo Vô Văn, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm cảm ứng tinh vi, thành quả tịch diệt, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống Triền Không thứ chín (Triền Không: bị ràng buộc ở chỗ Không).

10. Người tu thiền định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, ở nơi tánh giác minh, viên dung thanh tịnh, truy cứu sự thâm diệu, bèn chấp đó là Niết Bàn, chẳng cầu tiến thêm, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào định tánh Bích Chi, làm bạn với những người Duyên Giác và Độc Giác, chẳng biết hồi tâm hướng về Đại Thừa, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm âm thầm hợp với viên giác (8), thành cái quả trạm minh, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, sanh cái giác viên minh, thành giống Bất Hóa Viên thứ mười (Bất Hóa Viên: chấp vào nơi viên mà chẳng thể hóa giải được).

Ananda, these are the ten states of dhyana leading to wild speculations because the practiser relies on delusion and regards inadequate achievement as full realization. They are due to the intermingling of the fifth aggregate of consciousness with meditative mind. Deluded and wayward people who do not know their own capabilities, rest their minds infatuated by former habits on these states which now manifest and which they regard as their ultimate abodes. They will wrongly declare that they have realized Supreme Bodhi and will thus break the rule against lying, thereby forming the evil karma of heretics and evil demons which will send them down to the unintermittent hells. As to sravakas and pratyeka-buddhas (whose minds are fixed), they will not make further progress.

After my Nirvana, in the Dharma ending age, you should all proclaim this teaching so that living beings will awaken to it, that the demons of their false perception cannot cause them self-inflicted calamities and that all practisers can be on their guard and wipe out heterodox views. You should teach them how to discipline their bodies and minds so that they achieve the Buddha-knowledge by not going the wrong way from the start of their practice. This Dharma-door was followed in past aeons countless as the Ganges. sands by Tathagatas numberless as dust, who thereby opened their minds and won the Supreme Tao.

If the aggregate of consciousness comes to an end, all your sense organs will intermingle for uniform functioning and you will enter the indestructible state of dry wisdom in which your enlightened essence of mind will manifest, like pure crystal with the precious moon within. You will then leap over the ten stages each of Bodhisattva faith, the ten stages each of a Bodhisattva's wisdom, activities and dedication, the four stages of intensified efforts, the ten indestructible Bodhisattva positions (Dasabhumi) and the state of Universal Enlightenment to enter the Tathagata's majestic ocean of Wonderful Enlightenment, thus perfecting Bodhi to return to where nothing can be won.

- A Nan! Mười thứ cảnh giới thiền định trên, giữa chừng thành điên, là do nương theo mê hoặc, ở nơi chưa cứu cánh chấp cho là đủ, ấy đều do thức ám với dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này hiện tiền, mỗi mỗi đều dùng tâm mê chấp những tập quán ưa thích cũ của mình, cho là cứu cánh mà ngừng nghỉ tại đó, tự nói đã đầy đủ đạo Vô Thượng Bồ Đề, thành đại vọng ngữ, lạc vào tà ma ngoại đạo, khi hết nghiệp báo chiêu cảm, bị đọa ngục A Tỳ, còn hàng Thanh Văn Duyên Giác thì chẳng cầu tiến thêm. Các người đã phát tâm theo đạo Như Lai, sau khi ta nhập diệt, nơi thời mạt pháp, phải đem pháp môn này truyền dạy cho đời sau, khiến tất cả chúng sanh đều rõ biết nghĩa này, chớ để cho kiến ma (tự chấp tri kiến của mình thành ma), tạo nghiệp chìm đắm, hộ trì cho họ dứt bỏ tà duyên, khiến thân tâm họ nhập tri kiến Phật, từ bắt đầu đến khi thành tựu chẳng bị lạc đường.

- Chư Phật trong quá khứ hằng sa kiếp đều nhờ pháp môn này mà khai ngộ, thành đạo Vô Thượng. Nếu dứt được thức ám rồi thì lục căn của các người hỗ dụng lẫn nhau, do hỗ dụng này được vào cấp bậc Kim Cang Càn Huệ Bồ Tát, ở trong đó phát khởi chơn trí, trong suốt như mặt trăng ở trong ngọc lưu ly, từ đó cho đến siêu việt thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, tứ gia hạnh và Kim Cang thập địa, Đẳng Giác viên minh vào trong biển Diệu Trang Nghiêm của Như Lai, Bồ Đề viên mãn, quy về Vô Sở Đắc.

The above are very fine states of Mara discerned by past Buddhas while abiding in the condition of vipasyana when they practised samatha. If you know beforehand these mara states, you will be able to rub off the dust of your mind and will avoid wrong views; the demons of the five aggregates will vanish; the heavenly demons will be crushed; the powerful ghosts and spirits will take fright and run away; the spirits of the rivers and hills will not come to trouble you until you achieve Bodhi. You will thus begin your practice from inferior states of mind and then progress toward great Nirvana with a mind free from delusion and perplexity.

The Falsehood of the Five Aggregates

After hearing the Buddha's instruction, Ananda rose from his seat and prostrated himself with his head at His feet. Since he had received the teaching which he could now remember well, he said: As the Buddha has said, the five kinds of falsehood arising from the five aggregates are due to the thinking mind but we have not heard your explanation in detail. Further, should the five aggregates be wiped out simultaneously or separately one after another? What are their boundaries? Will you be compassionate enough to teach us so that everyone here can cleanse his mind-eye and be the future guiding eye for living beings in the Dharma ending age?.

The Buddha said: Ananda, pure Reality is profound Enlightenment, and basic Enlightenment is perfect and pure, containing neither birth and death nor any impurities nor even voidness, all of which spring from false thinking. From the profound enlightened true essence of basic Enlightenment arises the illusion of a material universe in the same way that Yajnadatta deceived himself into believing in the image of his head. Fundamentally falsehood has no cause but false thinking sets it up and deluded people (further) mistake it for being the self as such. Even voidness is but an illusion, (how much more so are) cause and the self as such which are the product of discrimination arising in the false mind of living beings.

- Đây là những ma vi tế trong lúc tu tập thiền định mà chư Phật đã giác ngộ từ đời quá khứ, cảnh ma hiện tiền, các người nhận biết được liền tẩy trừ tâm cấu nhiễm của mình, chẳng lọt vào tà kiến, thì ám ma tiêu diệt, thiên ma vỡ nát, đại lực quỷ thần hoảng sợ chạy trốn. Các loại yêu tinh ly kỳ chẳng còn sanh ra, những căn hạ liệt cũng được tinh tấn, tâm chẳng mê làm nơi Đại Niết Bàn, thẳng đến Bồ Đề, chẳng gì thiếu sót.

- Nếu các chúng sanh ngu độn trong đời mạt pháp chưa hiểu Thiền Na, chẳng biết Phật pháp mà ưa tu tam muội, e họ mắc phải tà kiến, nên một lòng khuyên họ trì chú Phật Đảnh Đà La Ni của ta; nếu chưa thể tụng trì, thì viết nơi thiền đường, hoặc đeo trong thân, như thế, tất cả tà ma đều chẳng động đến được. Người nên kính vâng lời dạy sau cùng về đường tu rốt ráo của mười phương Như Lai.

A Nan nghe Phật dạy bảo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ kính vâng, ghi nhớ chẳng sót, lại bạch Phật rằng:

- Như lời Phật dạy, trong tướng ngũ ám, năm thứ hư vọng vốn là bản tâm, chúng con bình thường chưa được Như Lai khai thị tỷ mỷ như thế. Lại ngũ ám này là tiêu trừ một lượt hay theo thứ lớp mà diệt trừ? Năm lớp này đến đâu là bờ bến? Xin Như Lai phát lòng đại từ, khiến tâm và mắt của đại chúng được trong sáng, và làm đạo nhãn tương lai cho tất cả chúng sanh trong đời mạt pháp.

Phật bảo A Nan:

- Diệu tâm sáng tỏ, bản giác trong sạch, vốn chẳng có sanh tử và những trần cấu, tất cả chúng sanh, cho đến hư không, đều do vọng tưởng mà sanh khởi. Cái bản giác vốn sáng tỏ trong sạch này, vọng sanh các tướng thế gian, như Diễm Nhã Đạt Đa mê đầu nhận bóng. Vọng vốn chẳng nhân, lại nơi vọng tưởng lập tánh nhân duyên, kể mê nhân duyên cho là tự nhiên, thật ra, tánh hư không còn là huyền hóa, nhân duyên và tự nhiên đều do vọng tâm của chúng sanh tạo thành. - A Nan, biết chỗ vọng khởi, thì nói vọng duyên, nếu vọng vốn không, thì các vọng nhân duyên vốn chẳng thể có, huống là chẳng biết lại cho là tự nhiên. Vì thế, Như Lai phát minh: Bản nhân của ngũ ám đều là vọng tưởng.

Ananda, if you know where falsehood arises, you can speak of cause, but if fundamentally there is no falsehood, how can you speak of cause? Still less can you speak of the self as such. Therefore, the Tathagata reveals to you that the basic cause of the five aggregates is false thinking.

Falseness of the first aggregate of form (rupa)

Your body owes its existence first to your parents. Thought of giving birth but had you not thought (of being born), there would have been no chance for your incarnation in their thought. As I said earlier, when you think of vinegar, your mouth waters and when you think of scaling a high cliff, you feel distress in the soles of your feet. But there is neither vinegar nor cliff and if your body is not of the same (illusory) nature as falsehood, how can water come to your mouth when you think of vinegar? Therefore, you should know that your physical body (rupakaya) is the first state of congealation of your false thinking.

Falseness of the second aggregate of receptiveness (vedana)

We have spoken of the thought of scaling a cliff which can cause your body to feel distress. This is the aggregate of receptiveness affecting your physical body which is thus moved by favourable or adverse feelings. This is the second state of empty reflection of your false thinking.

Falseness of the third aggregate of conception (sanjna)

Your thought can make your body move but if both are not akin how can body obey thought's order to act? Therefore, when mind stirs, body obeys and both act in perfect unison. When you are awake, your thinking mind works but when you sleep, dreams take the place of thoughts.²⁶⁸ Therefore, you should know that your thoughts stir your false feelings. This is the third state of pervasiveness of your false thinking.

- Thân người trước tiên, do niệm tưởng của cha mẹ sanh ra, tâm người nếu chẳng có niệm tưởng thì chẳng thể đến hợp với tưởng của cha mẹ mà thọ sanh. Như trước ta đã nói, tưởng tượng vị chua thì tiết ra nước miếng, tưởng tượng leo dốc thì lòng bàn chân ghê rợn, dốc cao chẳng có, vật chua chưa đến, thân người nếu chẳng cùng loại với hư vọng thì làm sao nghe nói chua lại tiết ra nước miếng? Nên biết sắc thân hiện tiền của người, gọi là Kiên Cố Vọng Tưởng thứ nhất.

Như trên đã nói, tưởng tượng leo dốc thì khiến thân thật chịu ghê rợn; vì cái nhân niệm tưởng cảm thọ, lay động sắc thân, nay trước mắt người ham thuận chán nghịch, hai hiện tượng này giao tranh với nhau, gọi là Hư Minh Vọng Tưởng thứ hai.

- Bởi do niệm tưởng sai khiến sắc thân; nếu sắc thân với niệm tưởng chẳng cùng loại, thì tại sao thân người lại theo niệm tưởng sai khiến? Đủ thứ hiện tượng tương ứng với niệm tưởng, hễ tâm sanh thì thân nhận, lúc thức là niệm tưởng, lúc ngủ thành chiêm bao. Vậy thì niệm tưởng của người lay động vọng tình, gọi là Dung Thông Vọng Tưởng thứ ba.

- Lý tạo hóa chẳng ngừng, âm thầm dời đổi, móng dài, tóc mọc, sức mòn, hình nhão, ngày đêm thay đổi mà không hề hay biết.

- A Nan, ấy nếu chẳng phải là người, thì tại sao thân người lại dời đổi? Nếu ắt phải là người, thì sao người lại chẳng hay biết? Vậy thì, hành âm của người niệm niệm chẳng ngừng, gọi là U Ẩn Vọng Tưởng thứ tư.

- Lại, chỗ tánh thức trong lặng chẳng lay động của người, cho là thường còn ấy, ở nơi thân người chẳng ra ngoài Kiến, Văn, Giác, Tri, nếu cho là chơn thật, thì chẳng thể huân tập sự vọng, tại sao các người đã từng xem một vật lạ từ năm xưa, trải qua nhiều năm, nhớ quên chẳng còn; về sau bỗng thấy vật lạ đó, thì nhớ lại rõ ràng, chưa từng lạc mất?

Falseness of the fourth aggregate of discrimination (samskara)

Transformation never stops and changes imperceptibly every instant, as shown by the growth of hair and nails, and the loss of vitality in old age as revealed by the wrinkles on one's face. This change occurs day and night, but we do not notice it. Ananda, if this is not you, why does your body change? (On the other hand) if it is you, why do you not notice the change? Therefore, you should know that every discrimination does not stop in a flash of thought. This is the fourth state of concealment of your false thinking.

268. This is probably why the late Prof. C. G. Jung studied dreams in his research into what he called the unconscious.

Falseness of the fifth aggregate of consciousness (vijnana)

If your pure, bright, profound and subtle (consciousness) is permanent, why (is it conditioned by and) does not go beyond your body's seeing, hearing, feeling and knowing? If it is the real, it should not allow itself to be affected by your false habits. Very long ago you saw unusual things but you then forgot all about them. Why do you remember them so vividly when you now see them again? This shows that the contamination of your clear and still consciousness continues, instant after instant, in unbroken continuity; how can you ascertain this? Ananda, you should know that this still (Consciousness) is not Reality and is like a river which flows swiftly but seems to be still; if you do not see it flow, this does not mean that it stops. If consciousness is not the source of false thinking, how can it be influenced by wrong habits? If you fail to (wipe out separateness and) achieve the uniform functioning of all your six sense organs, your false thinking cannot be brought to an end. Therefore, behind your seeing, hearing, feeling and knowing, there is chain of subtle worldly habits and within your still consciousness there is something which seems not to but does exist and which is the fifth subtle state of your false thinking.

- Vậy nơi tánh thức trong lặng chẳng lay động này, đâu có suy tính, mà niệm niệm chịu sự huân tập! A Nan nên biết, tánh trong lặng này chẳng thật, như dòng nước chảy gấp, trông như tịch lặng, ấy là vì chảy gấp mà chẳng thấy, chứ chẳng phải không chảy; nếu chẳng phải là cội gốc của niệm tưởng, thì đâu thể huân tập sự vọng? Nếu lục căn chưa được hỗ dụng tự tại, thì vọng tưởng này chẳng bao giờ diệt trừ được.

- Vậy nên hiện nay cái Kiến, Văn, Giác, Tri của người, hòa hợp với tập khí vi tế, thành mộng tượng hư vô nơi tánh Trạm Liễu, gọi là tướng vi tế của Điên Đảo Vọng Tưởng thứ năm.

- A Nan! Ngũ ấm này do năm thứ vọng tưởng kể trên mà thành.

- Nay người muốn biết bờ bến sâu cạn, thì Sắc với Không là bờ bến của Sắc Ấm; Xúc với Lìa là bờ bến của Thọ Ấm; Nhớ với Quên là bờ bến của Tưởng Ấm, Diệt với Sanh là bờ bến của Hành Ấm; Trạm nhập hợp Trạm, là bờ bến của Thức Ấm.

LƯỢC GIẢI

Trước kia, A Nan hỏi về ngũ ấm đến đâu là bờ bến, ở đây Phật giải thích kỹ càng, có nguyên nhân có bờ bến, từ cạn vào sâu.

Sắc chẳng tự Sắc, vì Không hiển Sắc, nên sắc với Không là bờ bến của Sắc Ấm. Thọ chẳng tự Thọ, vì Xúc có Thọ, nên Xúc với Lìa là bờ bến của Thọ Ấm; Tưởng chẳng phải Tưởng, vì ghi nhớ gọi là Tưởng, nên Nhớ và Quên là bờ bến của Tưởng Ấm; Hành chẳng phải Hành, vì sanh diệt chẳng ngừng, gọi là Hành, nên Sanh với Diệt là bờ bến của Hành Ấm; Thức gọi là Trạm Liễu (trong lặng sáng suốt), là đã diệt sanh diệt, tánh Thức nhập vào chỗ cội gốc trong lặng, mà hợp với trạm nhiên, có nhập có hợp, tức là bờ bến của Thức Ấm.

Vì Trạm Nhập là Thức Ấm, Trạm Xuất là Hành Ấm. Chơn Tánh chẳng gọi là Trạm Nhập, là vì cùng khắp pháp giới, nên chẳng có xuất nhập, nay Trạm Nhập dần dần đi vào, cho đến nhập vô sở nhập, tức đến chỗ chẳng sanh diệt vậy

- Cội gốc của ngũ ấm từng lớp sanh khởi; sanh do thức mà có, diệt theo sắc mà trừ; Lý thì Đốn Ngộ, theo ngộ cùng tiêu. Sự chẳng thể bỗng diệt, phải dần dần mới được dứt sạch.

Ananda, all the five aggregates are created by this fivefold false thinking. As to their boundaries about which you wish to know, form and voidness are the boundaries of the aggregate of rupa; receptiveness and non-receptiveness of vedana; remembrance and forgetfulness of sanjna; rise and fall of samskara; and the return of consciousness to, and its union with, its substance are those of vijnana.

The five aggregates arise by piling themselves upon one another. They originate from consciousness (mind) and should be eliminated beginning with form (matter). In principle, they all vanish the moment one is instantaneously awakened, but in practice, they are wiped out gradually due to the force of habit. I have shown you how to untie the six knots in a cloth and all this should have been clear to you; why do you still ask me (about it)?

- Ta đã khai thị cho người về thất kết của khăn bông, tại sao còn chẳng rõ mà lại hỏi nữa! Người đối với cội gốc vọng tưởng này, nơi tâm được khai ngộ, rồi mới có thể truyền dạy cho người tu hành trong đời mạt pháp, khiến họ biết sự hư vọng, tự sanh nhàm chán, biết có Niết Bàn, chẳng lưu luyến tam giới.

- A Nan! Nếu có người đem thất bảo chất đầy mười phương hư không để cúng dường vô số Phật, tâm chẳng buông lung, ý người thế nào, người ấy do nhân duyên cúng dường Phật này, có được phước nhiều chăng?

A Nan đáp rằng:

- Hư không vô tận, thất bảo vô biên. Xưa kia có người cúng Phật bảy xu, còn được phước báo làm Chuyển Luân Vương, huống là dùng thất bảo đầy khắp hư không để cúng dường; thất bảo ấy suốt kiếp đếm mãi còn chẳng thể hết, làm sao phước ấy lại có bờ bến!

Phật bảo A Nan:

- Lời nói của chư Phật chẳng có hư vọng, nếu có người gây các tội Tứ Trọng (Sát, đạo, dâm, vọng), Thập Ba La Di, phải trải qua địa ngục A-Tỳ phương này phương kia, cho đến cùng tột các ngục A-Tỳ mười phương trong sát na, chẳng nơi nào không trải qua, nếu người ấy dùng một niệm đem pháp môn này khai thị cho người sơ học trong đời mạt pháp, liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái nhân khổ địa ngục thành cõi an lạc được phước siêu việt hơn người cúng dường trước kia gấp trăm ngàn lần, ngàn vạn ức lần như thế cho đến toán số thí dụ đều chẳng thể so bằng.

LƯỢC GIẢI

Theo đoạn trên nói, Phạm tội Tứ Trọng, Thập Ba La Di là cái tội cực ác, phải chịu cái quả báo cực khổ cho đến cùng tột tất cả địa ngục A-tỳ. Kẻ phạm tội như vậy tại sao chỉ cần dùng "một niệm đem pháp môn này khai thị cho người sơ học trong đời mạt pháp liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái nhân khổ địa ngục thành cõi an lạc". Vậy nếu thật như thế thành không có nhân quả sao? Nếu người hiểu làm việc này thì cho là làm cái nhân cực ác cũng không sao! Vì chỉ cần biết thuyết pháp thì tội lớn đến mức nào cũng tiêu ngay lại còn được phước báo vô cùng tận.

Chứng Đạo Ca nói:

“Liễu thì nghiệp chướng vốn là không,
chưa liễu vẫn phải trả nợ xưa”.

You should awaken to the source of false thinking and open your mind, and then teach practisers in the Dharma ending age so that they know its falsehood and reject it, become aware of the existence of Nirvana, and so stop hankering after the three worlds.

Ananda, if a man fills space in the ten directions with the seven treasures and then offers them to Buddhas uncountable as dust, with his mind set on serving them faultlessly, what do you think of his merits from such a good cause?.

Ananda replied: Space is boundless and the treasures cannot be counted. Once a man only offered seven coins to (seven) Buddhas and his merit led to his rebirth as a heavenly ruler of the world; how much more so is the unlimited merit derived from offering treasures that fill Buddha-lands in boundless space?.

The Buddha said: Ananda, the words of Buddhas are not deceitful. If another man, after committing the four²⁶⁹ and ten²⁷⁰ sins (parajikas) and after falling into the avici hells, can, in a flash, think of teaching this Dharma door to living beings in the Dharma ending age, his evil sins will vanish and his hells of suffering will change into happy places for his merit surpasses that of the giver of treasures, because the latter's cannot be even a hundredth, a thousandth, a hundred thousandth of the former's, in fact no comparison can be made between the two.

269. The four sins are: killing, stealing, carnality and lying.

270. The ten sins are: killing, stealing, carnality, lying, selling wine, talking of a monk's misdeeds, selfpraise for degrading others, meanness, anger at rebuke and vilifying the Triratna.

Liễu là liễu ngộ tức là ở trong chiêm bao thức tỉnh, thì nghiệp chướng ở trong chiêm bao tự tiêu diệt, còn chưa liễu thì còn ở trong chiêm bao phải chịu nghiệp báo trong chiêm bao không thể tiêu liền được. Kinh nói dùng “Một niệm đem pháp môn này khai thị cho người sơ học trong đời mạt pháp liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái nhân khổ địa ngục thành cõi an lạc”, ấy là ám chỉ người liễu ngộ mới có thể liền tiêu nghiệp chướng.

“Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan”, độc giả hãy tự xem xét cho kỹ.

- A Nan! Nếu có chúng sanh hay tụng trì kinh này và chú này như ta đã nói, thì phước báo cùng tội số kiếp cũng chẳng thể hết; nếu nương theo lời dạy của ta mà tu hành, thì thẳng đến Bồ Đề chẳng còn nghiệp ma.

Phật thuyết kinh này xong, các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, tất cả cõi trời, người, A Tu La trong thế gian, với các vị Bồ Tát, Nhị Thừa, Thần tiên, đồng tử ở cõi khác, và đại lực quỷ thần mới phát tâm, đều rất vui mừng, đánh lễ ra về.

GHI CHÚ

(1) U-Ẩn Vọng Tưởng và Chúng Sanh Trược:

Hành Ẩm tại sao gọi là U Ẩn Vọng Tưởng? Vì cái vọng tưởng của Hành Ẩm u nhân ẩn mật, khó mà tự phát giác được, gọi là U Ẩn Vọng Tưởng. Chúng Sanh Trược là sanh diệt chẳng ngừng, nghiệp báo thường lưu chuyển, luân hồi thành đủ thứ chúng sanh, dựa theo đó mà sanh ra tri kiến chấp thật, nên gọi là Chúng Sanh Trược.

(2) Phân Vị:

Luận về thường, vô thường, nói về tánh thì thuộc kiến phần; biên vô biên. Nói về phân vị thì thuộc tướng phần. Bốn thứ Hữu Biên Luận nói về phân vị: Một là phân vị tam tế, quá khứ, hiện tại, vị lai, hai là phân vị kiến văn, ba là phân vị nhân ngã, bốn là phân vị sanh diệt, đều bị kẹt trong phân vị của Hành Ẩm mà sanh ra vọng tâm so đo.

(3) Hậu Hậu Vô:

Vì trước kia thấy có hành ẩm mà chẳng có thọ tưởng, sau này hành ẩm cũng chẳng có; trước kia thấy sau khi chết chẳng tướng là chỉ nói về một chỗ thân diệt mà thôi, nay truy cứu hết bảy chỗ tận diệt chẳng sanh nữa: thân diệt thuộc dục giới, gồm cõi trời và cõi người, sắc dục diệt thuộc Sơ thiên, khổ diệt thuộc Nhị thiên, cực lạc diệt thuộc Tam Thiên, cực xả diệt thuộc Tứ Thiên, dù chỉ nói 5 chỗ diệt, kỳ thật gồm hai cõi Vô Sắc (Không Vô Biên Xứ và Vô Sở Hữu Xứ) là bảy chỗ diệt. Đây là lọt vào Vô Tưởng Thiên ngoại đạo, giống như Tỳ Kheo Vô Văn, đồng một đoạn kiến, tự nói chứng quả, chẳng thọ sanh nữa, nên lập sau khi chết đoạn-diệt-luận.

(4) Hậu Hậu Hữu:

Trước đã nói là Hậu Hậu Vô, rồi nay tại sao lại nói Hậu Hậu Hữu? Bởi vì cái cội gốc sanh diệt lăng xăng này là chẳng thể diệt được vì chưa đến chỗ chơn tịch diệt, mà vọng thấy chỗ diệt có sự chứng đắc, nên nói Hậu Hậu Hữu. Vì Hành Ẩm được tạm ngưng sát na tánh viên minh hơi hiện, bèn cho là chẳng sanh diệt, tức là Niết Bàn, do so đo thành có năm chỗ Niết Bàn vậy.

Ananda, if someone reads (and practises) this sutra, the whole aeon will pass long before his merits can be enumerated in full. He who follows and practices my teaching will be free from all the obstructions of Mara and will realize Bodhi.

After the Buddha had expounded this sutra, all the monks, nuns, male and female devotees, devas, men, Bodhisattvas, sravakas, pratyeka-buddhas, rsis and newly initiated ghosts and spirits were filled with joy, paid reverence to Him and left.

----- **THE END** -----

(5) Diên Đảo Vọng Tưởng và Mệnh Trược:

Thức Ấm tại sao gọi là Diên Đảo Vọng Tưởng? Vì chấp vọng tượng hư vô, “Vọng” thì giống như là không. “Tượng” thì giống như là có, như có như không, trở thành hư vô. Hư vô là thể của Chơn Như, chẳng sanh chẳng diệt, nay có vọng tượng là bóng sanh diệt của thức thứ tám. Nếu nương theo Chơn Như thì gọi là Chánh Giác, nếu nương theo thức thứ tám thì gọi là vọng giác, vì chấp cái vọng tượng hư vô này, nên thành diên đảo vọng tưởng. Sinh mệnh là do sự hô hấp, sức ấm của cơ thể và ý thức ba thứ hòa hợp mà thành, dựa theo đó mà sanh ra tri kiến chấp thật, nên gọi là Mệnh Trược.

(6) Năng Phi Năng:

Chấp ta năng sanh tất cả chúng sanh (tâm năng vi), nhưng sự thật thì chẳng có cái năng lực ấy (quả năng sự).

(7) Tham Phi Tham:

Thân vốn vô thường, chẳng thể tham được, nay khởi tâm chấp thật, tham cầu trường thọ, tham cái không thể tham gọi là tham phi tham.

(8) Lập tâm viên giác thành cái quả trạm minh.

Lấy cái giác làm viên minh: cho là “viên” thì bị kẹt ở nơi viên, cho là “minh”, thì bị kẹt nơi minh. Là “minh” thì chẳng mê ở nơi nhân quả cảm ứng; là “viên” nên chẳng mê vào chỗ “diệt rồi là xong”, từ đó truy cứu sự thâm diệu, thâm lại càng thâm, chẳng đọa nơi hữu, diệu lại thêm diệu, chẳng đọa nơi Vô, thì ở chỗ “Phi hữu phi vô” này lập cái Niết Bàn chẳng sanh chẳng diệt, cố chấp không thể hóa giải được, nên chẳng cầu tiến thêm, thành quả định tánh Bích Chi.

Glossary

Abhasvara: The third dhyana heaven of the second region where infinite light is the theme of the teaching voice that preaches purity and cleanness to all who can respond.

Abhimukhi: The stage of the appearance of the absolute; the sixth of the ten highest stages of Bodhisattva attainment.

Abhisecana: Consecration by sprinkling, or pouring water on the head.

Acala: Stage of imperturbability; the eighth of the ten highest stages of Bodhisattva attainment.

Ajnata-kaundinya: A disciple of the Buddha who attained arhatship by means of meditation on the sound.

Akanistha: The last of the five heavens from which there is no return.

Akasagarbha: A Bodhisattva who realized enlightenment by means of meditation on the element of space.

Akasanantyayatana: The heaven of boundless emptiness, the first of the four heavens beyond form.

Akincanyayatana: The heaven of nothingness; the third of the four heavens beyond form.

Alaya: The store of consciousness, also called the eighth consciousness.

Amitabha: The Buddha of Infinite Light of the Western Paradise of Bliss, with Avalokitesvara on his left and Mahasthamaprapta on his right.

Anabhraka: The heaven of felicitous delight, the second of the four dhyana heavens of the fourth region.

Anagamin: A non-coming or non-returning arhat who will not be reborn; the third stage of the path.

Ananda: A cousin of the Buddha. He was noted as the most learned disciple, and famed for hearing and remembering His teaching. He was a compiler of sutras and the Second Patriarch of the Ch'an sect.

Aniruddha: A disciple of the Buddha who realized enlightenment by turning the organ of sight back to its source.

Anutpattika-dharma-ksanti: The patient endurance of the uncreate, or rest in the imperturbable reality which is beyond birth and death and requires a very patient endurance. The Prajnāparamita-sastra defines it as the unflinching faith and unperturbed abiding in the underlying reality of all things, which is beyond creation and destruction. It must be realized before attainment of Buddhahood.

Apramanabha: The heaven of infinite light; the second of the three dhyana heavens of the second region.

Apramanasubha: The heaven of infinite purity; the second of the three dhyana heavens of the third region.

Arbuda: Or a mass, during the second week of formation of a foetus.

Arcismati: The state of glowing wisdom; the fourth of the ten highest stages of Bodhisattva attainment.

Arhat: A saintly man, the highest type or ideal in Hinayana in contrast with a Bodhisattva as the saint in Mahayana.

Arupadhatu: The realm beyond form.

Asanjnisattva: The heaven of thoughtless devas; the last of the four dhyana heavens of the fourth region.

Asrava: Worldly or impure efflux from the mind, as contrasted with anasrava, i.e. outside the passion-stream.

Asura: Titanic demons, enemies of the gods, with whom, especially Indra, they wage constant war.

Atapa: A heaven free from the heat of minor trouble; the second of the five heavens from which there is no return.

Avalokitesvara: Kuan Yin or Goddess of Mercy in China, so called because of his appearance as a benevolent lady. He attained enlightenment by means of the faculty of hearing.

Avici: The last and deepest of the eight hells, where sinners suffer, die and are instantly reborn to suffer without interruption.

Avrha: A heaven free from trouble; the first of the five heavens from which there is no return.

Ayatana: The twelve: Six sense organs and six sense data.

Bhadrapala: A Bodhisattva who realized enlightenment by means of meditation on touch.

Bhaisajya-rajā: The elder of the two brothers, who was the first to decide on his career as Bodhisattva of healing and led his younger brother to adopt the same course.

Bhaisajya-samudgata: The Bodhisattva of healing whose office is to heal the sick; younger brother of Bhaisajya-rāja.

Bhikṣu, bhikṣuṇī: Buddhist monk and nun.

Bhisma-garjita-ghosa-svara-rajā: The king with an aweinspiring voice, the name of countless Buddhas successively during the kalpa or aeon called .the kalpa free from the calamities of decadence, famine, epidemics, etc.

Bhutatahata: Bhuta is substance, that which exists; tathata is suchness, thusness, i.e. such is its nature. It means the real, thus always, or eternally so; i.e. reality as contrasted with unreality, or

appearance; and the unchanging or immutable as contrasted with form and phenomena.

Bodhi: Enlightenment.

Bodhimandala: Holy site, place of enlightenment; the place where the Buddha attained enlightenment or where He expounded the Dharma; a monastery.

Bodhisattva: A Mahayanist seeking enlightenment to enlighten others; he is devoid of egoism and devoted to helping all living beings.

Buddha: The Enlightened One; the first of the Triple Gem, the second being Dharma (Doctrine) and the third, Sangha (Order).

Buddha Dharma: The doctrine or teaching of the Buddha.

Brahma: The father of all living beings; the first person of the Brahminical Trimurti (trinity): Brahma, Visnu and Siva, recognized by Buddhism as devas but as inferior to a Buddha or enlightened man.

Brahmacarin: A Brahman ascetic with his mind set on pure living.

Brahmakayika: Assembly of brahma-devas.

Brahmapurohitas: Retinue of Brahma.

Brhatphala: The heaven of Abundant Fruit; the third of the four dhyana heavens of the fourth region.

Candraprabha: A Bodhisattva who realized enlightenment by means of meditation on the element of water.

Candra-surya-pradipa: The title of 20,000 Buddhas who succeeded each other preaching the Lotus Sutra.

Catur-maharaja-kayika: The four heavens of the four devakings; the first of the six heavens of the realm of desire.

Ch'an: Name of mind; ch.an being name and mind being substance; wrongly interpreted as meditation, abstraction, or dhyana in Sanskrit.

Dana: Charity, almsgiving, i.e. of money, goods or doctrine.

Danaparamita: The first of the six paramitas, consisting in the perfect exercise of almsgiving for the purpose of crossing over from this shore of mortality, or samsara to the other shore, or Nirvana. The five other paramitas are: sila, moral conduct; ksanti, patient endurance; virya, zeal and devotion; dhyana, abstract meditation and prajna, wisdom.

Dasabhumi: The ten highest stages of Bodhisattva attainment.

Devas: The gods; the highest incarnations of the six worlds of existence.

Devaloka: The realm of gods.

Dharani: Or mantra; an incantation, spell, oath; mystical formulae employed in yoga to control the mind so that it cannot be affected by external influence.

Dharanimdhara: Or .Ruler of the Earth; a Bodhisattva who realized Bodhi by means of meditation on the element of earth.

Dharma: The truth, law or doctrine; a thing, all things, anything great or small, visible or invisible, real or unreal, concrete thing or abstract idea. It connotes Buddhism as the perfect religion and has the second place in the triratna, or Triple Gem.

Dharmadhatu: (a) A name for things in general, noumenal or phenomenal; for the physical universe, or any part of it. (b) The unifying underlying spiritual reality regarded as the ground or cause of all things, the absolute from which all proceeds. (c) One of the eighteen dhatus, or realms of senses. There are categories of three, four, five and ten dharmadhatus. The ten are the realms of (1) Buddhas, (2) Bodhisattvas, (3) pratyeka-buddhas, (4) sravakas, (5) devas, (6) men, (7) asuras, or titans, (8) animals, (9) hungry ghosts and (10) hells. The four are: (1) the phenomenal realm, with differentiation; (2) the noumenal realm, with unity; (3) the realm of both the noumenal and phenomenal which are interdependent and (4) the realm of phenomena which are also interdependent. The three are the above four minus the phenomenal realm i.e. (1) the noumenal realm, (2) the realm of both noumenal and phenomenal which are interdependent, and (3) the realm of phenomena which are also interdependent. The five are: (1) the worldly, or the above phenomenal realm; (2) the transcendental, or the above noumenal; (3) the realm of both the worldly and transcendental, or the above .noumenal and phenomenal which are interdependent; (4) neither the worldly nor the transcendental or the above .noumenal and phenomenal which are interdependent; and (5) the unhindered realm, or the above .phenomena which are also interdependent.

Dharmakaya: Body in its essential nature, or that of the Buddha as such; it is perceptible to Buddhas only.

Dharmamegha: The stage of Dharma-clouds in which sheltering clouds of compassion cover the ocean of Nirvana; the ten highest stages of Bodhisattva attainment.

Dhyana: Meditation, abstract contemplation; meditative study of the .mean. which is inclusive of both unchanged noumenon and changing phenomena.

Dhyana-paramita: The fifth of the six paramitas, consisting in the perfect meditation for the purpose of crossing over from this shore of mortality, or samsara to the other shore, or Nirvana.

Dipamkara Buddha: The twenty-fourth predecessor of Sakyamuni, who predicted the latter's attainment of Buddhahood.

Duramgama: The all-embracing stage, the seventh of the ten highest stages of Bodhisattva attainment.

Gandharvas: Spirits on the fragrant mountain so call because they do not eat meat or drink wine, but feed on incense and give off fragrant odours.

Garuda: A mythical bird, the queen of the feathered race, enemy of the serpent race; vehicle of Visnu.

Gatha: Stanza, poem or chant; one of the twelve divisions of the Mahayana canon.

Gavampati: A disciple of the Buddha, who attained arhatship by means of meditation on the organ of taste.

Ghana: A solid lump during the fourth week of formation of a foetus.

Han Shan: Silly Mountain., a name adopted by Chan master Te Ching who was responsible for the revival of the Chan Sect in China in the Ming dynasty. Born in 1546 and died in 1623.

Hetupratyaya: Hetu, primary cause, eg. a seed; pratyaya, condition or secondary cause, eg. the earth, rain, sunshine. Translated as cause and condition.

Hinayana: Small Vehicle., also called half-word, preliminary teaching given by the Buddha to His disciples who were still not qualified for receiving His Mahayana doctrines, called .whole-word.

Hsu Yun: Also called Te Ch.ing, a Ch.an master regarded as the right Dharma Eye of the present generation, 1840-1959.

Jambudvipa: Our earth.

Jetavana park: A park near Sravasti, said to have been obtained from Prince Jeta by the elder Anathapindada, in which monastic buildings were erected. It was the favourite resort of the Buddha.

Jnanakaya: Wisdom-body of the Buddha.

Kakuda Katyayana: An Indian philosopher who said that when the body died, its annihilation was Nirvana.

Kalala: A slippery coagulation, the human embryo during the first week of formation of a foetus.

Kalpa: Aeon. The period of time between the creation, destruction and recreation of a world or universe.

Kalyanamitra: A man of good counsel, or one who is ready to teach the Dharma to others.

Kamadhatu: The realm of desire.

Karma: Moral action causing future retribution, and either good or evil transmigration.

Kasaya: A period of turbidity, impurity or chaos, i.e. of decay.

Katyayana: Also called Mahakatyayana and Mahakatyayaniputra, one of the ten noted disciples of the Buddha.

Kausthila: Also called Mahakausthila, an arhat, maternal uncle of Sariputra, who became an eminent disciple of the Buddha.

Kinnara: The musicians of Kuvera (the god of riches) with men's bodies and horses' heads.

Klesa: Worry, anxiety, trouble, distress and whatever causes them.

Klista-mano-vijnana: The seventh consciousness; it is the discriminating and constructive sense, more than the intellectually perceptive; it is the cause of all egoism and individualizing, i.e. of men and things.

Ksana: The shortest measure of time; 60 ksana equal one fingersnap, 90 a thought, 4,500 a minute.

Ksantiparamita: The third paramita consisting in practice of patient endurance to cross over from this shore of mortality, or samsara to the other shore, or Nirvana.

Ksudrapanthaka: A disciple of the Buddha who realized arhatship by means of meditation on the organ of smell.

Kukkuta park: Cook's Foot mountain in Magadha, on which Kasyapa entered into Samadhi but where he is to be living.

Madhyamika: The Middle School, founded by Nagarjuna.

Mahabrahma heaven: The last of the three dhyana heavens of the first region.

Mahakasyapa: A Brahmin of Magadha, disciple of the Buddha, to whom was handed down the Mind Dharma, outside of Scriptures; the First Patriarch of the Chan sect; accredited with supervising the first compilation of the Buddha's sermons.

Maha-Maudgalyayana: Also called Maudgalaputra, one of the ten chief disciples of the Buddha, specially noted for his transcendental powers.

Mahasthama: Also called Mahasthamaprapta, a Bodhisattva representing the Buddha-wisdom of Amitabha. He is on Amitabha's right with Avalokitesvara on the left. They are called the Three Holy Ones of the Western Paradise of Bliss.

Mahayana: The Great Vehicle which indicates universalism, or salvation for all, for all are Buddhas and will attain enlightenment. (See Hinayana.)

Mahoraga: A class of demons shaped like the boa.

Maitreya: The Buddhist Messiah, or next Buddha, now in Tusita heaven, who is to come 5,000 years after the Nirvana of Sakyamuni Buddha.

Manjusri: A Bodhisattva who is the symbol of wisdom and is placed on the Buddha's left with Samantabhadra on the right. His bodhimandala is on the Five-Peaked mountain (Wu T'ai Shan) in China.

Mano-vijnana: The faculty of mind, usually called the sixth consciousness.

Mantra: See Dharani.

Manusya: A man.

Mara: A demon.

Maskari Gosaliputra: One of the six heretics who denied that the present lot was due to karmic deeds in former lives.

Matangi: A low-caste woman who inveigled Ananda.

Mrgadava park: A deer park north-east of Varanasi, a favourite resort of the Buddha.

Mudra: Manual gestures used in yoga which stands for deed (body) while the repetition of mantra for word (mouth) and meditation for thought intellect). The three are necessary to disengage the mind from externals in the practice of dhyana.

Naga: A dragon.

Naivasamjnana-samjnatana: The heaven of devas who are neither thoughtful nor thoughtless; the last of the four heavens beyond form.

Narakagati: The realm of hells.

Nirmanakaya: Transformation body of a Buddha, that of power to transform himself at will into any form for the omnipresent salvation of those needing him. It is perceptible to men and devas.

Nirmanarati: A heaven where joy is attainable at will.

Nisad: See Upanisad.

Pancanantarya: The five rebellious acts parricide, matricide, killing an arhat, shedding the blood of a Buddha, and destroying the harmony of the Order.

Parajika: The ten grave sins: killing, stealing, carnality, lying, dealing in spirits, talking of a monk's misdeeds, self-praise for degrading

others, meanness, anger at rebuke and vilifying the Buddha, Dharma and Sangha.

Papiyan, papiyas: A very wicked demon, the Evil One, Devil.

Paramita: Crossing over from this shore of births and deaths to the other shore, or Nirvana.

Paramiti: An Indian monk from Central North India who came to China to translate the Surangama Sutra.

Paranirmata-vasavartin: The last of the six heavens of the realm of desire.

Parinamana: Dedicating merits acquired by oneself to further progress in Bodhi, or to others so that they succeed in their practice of the Dharma.

Parinirvana: Final extinction of samsaric existence with complete end of its concomitant suffering for entry into the transcendental realm of true permanence, bliss, self and purity as described in the Mahaparinirvana Sutra.

Parittabha: The heaven of Minor Light, the first of the three dhyana heavens of the second region.

Parittasubha: The heaven of Minor Purity, the first of the three dhyana heavens of the third region.

Pesi: A piece of soft flesh during the third week of formation of a foetus.

Pilindavatsa: A disciple of the Buddha who attained arhatship by means of meditation on the body.

Prabhakara: The stage of illumination, the third of the ten highest stages of Bodhisattva attainment.

Prajna: Wisdom.

Prajna-paramita: The last of the six paramitas consisting in the perfect arousal and exercise of inner wisdom for the purpose of crossing over from this shore of mortality, or samsara to the other shore, or Nirvana.

Pramudita: The stage of joy; the first of the ten highest stages of Bodhisattva attainment.

Prasakha: A foetus with organs during its fifth week of formation.

Prasenajit: Kings of Sravasti, contemporary of the Buddha.

Pratyeka-buddha: One who lives apart from others and attains enlightenment alone, or for himself, in contrast with the altruism of the Bodhisattva principle.

Preta: A hungry ghost.

Punyaprasava: The heaven of felicitous birth; the first of the four dhyana heavens of the fourth region.

Purnamaitrayaniputra: A disciple of the Buddha who realized arhatship by means of meditation on tongue perception.

Rahula: The eldest son of Sakyamuni and Yasodhara.

Raksasa: A female demon.

Rsi: A seer, an immortal.

Rupa: The first aggregate; form, matter, the physical form related to the five sense organs.

Rupadhatu: The realm of form.

Sadhupati: The stage of finest wisdom; the ninth of the ten highest stages of Bodhisattva attainment.

Sagara-varadhara-buddhi-vikriditabhijna Buddha: The Buddha who taught Candraprabha to wipe out the conception of body in order to realize Bodhi.

Saha: Our world of birth and death.

Sakrdagamin: Once more to come, or be reborn; the second stage of Hinayana path involving only one rebirth.

Samadhi: Internal state of imperturbability, exempt from all external sensation; this state precedes the attainment of Buddhahood.

Samantabhadra: A Bodhisattva, symbol of the fundamental law, dhyana and the practice of all Buddhas. He is the right-hand assistant of the Buddha and Manjusri is His left-hand assistant. Mount O-Mei in Szechuan, China, is his bodhimandala, and devotees go there to see myriad Buddha lamps in the sky at night:

Samapatti: Holding the mind in equilibrium or holding oneself in equanimity; abstract meditation preparatory to the final attainment of Samadhi.

Samatha: Rest, peace, power to end passion; etc; interpreted by the Tien Tai (Tendai) School as Chih which stops the wandering mind, silences or puts to rest the active mind; the mind steadily fixed on one place, or in one position; getting rid of distraction for moral ends; it is abstraction and is complemented by Kuan which observes, contemplates, sifts evidence.

Samatha-Vipasyana: Interpreted as Chih and Kuan in Chinese. Chih is silencing the active mind and Kuan is developing an insight into the still mind. The chief object is the concentration of the mind by special methods for the purpose of clear insight into the truth and to be rid of illusion.

Sambhoga-kaya: Reward body of a Buddha, that of bliss or enjoyment of the fruits of his past saving labours. It is perceptible to Bodhisattvas only.

Samsara: The realm of births and deaths

Samskara: Action, activity, conception, disposition.

Samyak-sambodhi: Abbreviation for Anuttara-samyaksa mbodhi: unexcelled complete enlightenment, an attribute of every Buddha. Translated into Chinese: the highest, correct and complete or universal knowledge or awareness, the perfect wisdom of a Buddha. Omniscience.

Sangha: The Buddhist Order, the last of the Triple Gem.

Sanjna: The third aggregate; conception or discerning; the functioning of mind in discerning.

Sariputra: A disciple of the Buddha, noted for his wisdom.

Sauvastika: A reverse Svastika with its arms turned to the left; an auspicious sign in the centre of the chest of the Buddha.

Sila: Precept, prohibition, command, discipline, rule, morality.

Silaparamita: The second of the six paramitas, consisting in the perfect observance of precepts and discipline for the purpose of crossing over from this shore of mortality or samsara to the other shore or Nirvana.

Simhasana: A lion throne, or couch, a Buddha seat, where the Buddha sits, even when on the bare ground.

Sitataprata: A white canopy. White stands for pure, immaculate and spotless, i.e. the One Mind in the store of consciousness which is beyond all defilements. Hence the .white canopy. or pure mind that embraces all things and protects all living beings.

Skandhas, The five: Pancaskandha in Sanskrit, the five aggregates: form, feeling, ideation, reaction and consciousness.

Sravaka: A hearer, disciple of the Buddha who understands the Four Noble Truths, rids himself of the unreality of the phenomenal and enters the incomplete Nirvana.

Sravasti: The famous City. near which was Jetavana park, the favourite resort of the Buddha.

Srota-apanna: One who has entered the stream of holy living, the first stage of the Hinayana path.

Subhakrtsna: The heaven of universal purity; the last of the three dhyana heavens of the third region.

Subhuti: A senior disciple of the Buddha who realized arhatship by means of meditation on the intellect.

Sudarsana: The heaven of excellent perception; the third of the five heavens from which there is no return.

Sudrsa: The heaven of excellent manifestations; the fourth of the five heavens from which there is no return.

Sudurjaya: The stage of mastery of utmost difficulties; the fifth of the ten highest stages of Bodhisattva attainment.

Sunaksatra: One of the three sons of the Buddha. After reading the sutras, he succeeded in keeping from troubles (klesa) in the world of desire and in achieving the mental concentration of the fourth dhyana heaven which he mistook for the real Nirvana. Later, he followed heterodox teachers, backslid and did not believe in the doctrine of Nirvana and the law of causality. He became hostile to the Buddha and was reborn in the world of hells. Hence he was called the .Unbelieving bhiksu.

Sundarananda: A disciple of the Buddha who attained arhatship by means of meditation on smell perception.

Sunya: Empty, void, vacant, non-existent.

Sunyata: Voidness, emptiness; non-existence, immateriality, unreality, the illusory nature of all existence, the seeming which is unreal.

Surupa: The wonderful form or body, i.e. of a Buddha's sambhogakaya and his Pure Land. When form or rupa is successfully looked into as identical with the underlying principle from which it springs, it becomes surupa or wonderful form.

Sutra: The Buddha's sermons; one of the twelve divisions of the Mahayana canon.

Suyama heaven: The heaven the brightness of which eclipses the light of sun and moon; the third of the six heavens of the realm of desire.

Tao: Road, way, path, doctrine, truth, reality, self-nature, the absolute.

Tathagata: He who came as did all Buddhas; who took the absolute way of cause and effect, and attained to perfect wisdom; one of the highest titles of a Buddha.

Tathagata-garbha: Tathagata store or womb, the absolute in the midst of delusion of desires and passions.

Tirthika: Or Tirtyas, the heretics in India.

Tiryagoni: Animals.

Tiryagoni-gati: The realm of animals.

Trayastrimsa: The heavens of the thirty-three devas; the heaven of Indra on mount Sumeru; the second of the six heavens of the realm of desire.

Tusita: The fourth of the six heavens of the realms of desire; the heaven of contentment which has an inner court, the Pure Land of Maitreya who will descend to earth as the next Buddha.

Ucchusma: The Fire-head, an arhat who attained enlightenment by means of meditation on the element of fire.

Upali: A disciple of the Buddha who attained arhatship by means of meditation on the perception of the object of touch.

Upananda: A disciple of the Buddha.

Upanisad: A disciple of the Buddha who attained arahatship by means of meditation on form. See also Nisad.

Uruvilva Kasyapa: One of the chief disciples of the Buddha, so-called because he practised asceticism in the Uruvilva forest.

Vairatiputra, Sanjaya Vairatiputra: An Indian heretic who taught that there is no need to seek the right path, as when the necessary aeons have passed, mortality ends and Nirvana naturally follows; a teacher of naturalism.

Vajra: The thunderbolt.

Varuna: A Buddha who controlled the waters and taught Bodhisattvas to meditate on the element of water in order to realize Samadhi.

Vedana: The second aggregate; reception, sensation, feeling, the functioning of mind and senses in connection with affairs and things. Also the seventh of the twelve links in the chain of existence.

Vihara: A garden, park, monastery, temple.

Vijnana: The fifth aggregate; mental faculty in regard to perception and cognition, discriminative of affairs and things. Consciousness. Also the third of the twelve links in the chain of existence.

Vijnananantyayatana: The heaven of boundless consciousness; the second of the four heavens beyond form.

Vimala: The stage of freedom from all defilement; the second of the ten highest stages of Bodhisattva attainment.

Vira: A demigod.

Virya-paramita: The fourth of the six paramitas, consisting in the perfect exercise of zeal and progress for the purpose of crossing over from this shore of mortality, or samsara to the other shore of Nirvana.

Visvabhu: The 1,000th Buddha of the Glorious Aeon who taught Dharanimdhara Bodhisattva to meditate on the element of earth in order to realize enlightenment.

Wu Wei: Or Asamskrta, anything not subject to cause, condition or dependence; out of time, eternal, inactive, transcendental.

Yajnadatta: A mad man of Sravasti who thought himself bedevilled when one morning he failed to see his head while looking into a mirror.

Yaksa: Demons in the earth, air or lower heavens.

Yasodhara: Wife of the Buddha before his enlightenment and mother of Rahula.





May the Merit and virtue,
accrued from this work,
adorn the Buddha's pureland,
repay the four great kindnesses above,
and relieve the suffering of those on the three
paths below,
may those who see or hear of these efforts
generates Bodhi Mind,
spend their lives devoted to the Buddha
Dharma, the Land of Ultimate Bliss

Nguyện đem công đức này,
trang nghiêm Phật Tịnh Độ,
trên đền bốn ơn nặng,
dưới giúp ba đường khổ,
mỗi người thấy nghe được,
đều phát lòng Bồ Đề,
hết một báo thân này,
sinh qua cõi Cực Lạc.

Minh-Không

**Free distribution only
Not for sale**

**Sách ấn tống
Không được bán**

